

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## THÔNG BÁO

**Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành đào tạo  
năm học 2024-2025**

| STT        | Tên ngành đào tạo                                 | Mã số   |         |         | Trang |
|------------|---|---------|---------|---------|-------|
|            |   | Đại học | Thạc sĩ | Tiến sĩ |       |
| <b>I</b>   | <b><u>KHOA SƯ PHẠM</u></b>                        |         |         |         | 4     |
| 1          | Sư phạm Toán học                                  | 7140209 |         |         |       |
| 2          | Sư phạm Tin học                                   | 7140210 |         |         |       |
| 3          | Sư phạm Vật lý                                    | 7140211 |         |         |       |
| 4          | Sư phạm Hoá học                                   | 7140212 |         |         |       |
| 5          | Sư phạm Sinh học                                  | 7140213 |         |         |       |
| 6          | Sư phạm Ngữ văn                                   | 7140217 |         |         |       |
| 7          | Sư phạm Lịch sử                                   | 7140218 |         |         |       |
| 8          | Sư phạm Địa lý                                    | 7140219 |         |         |       |
| 9          | Sư phạm Tiếng Anh                                 | 7140231 | 8140111 |         |       |
| 10         | Giáo dục Chính trị                                | 7140205 |         |         |       |
| 11         | Sư phạm Khoa học tự nhiên                         | 7140247 |         |         |       |
| 12         | Sư phạm Lịch sử - Địa lý                          | 7140249 |         |         |       |
| <b>II</b>  | <b><u>KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC VÀ MẦM NON</u></b>   |         |         |         | 50    |
| 1          | Giáo dục Mầm non                                  | 7140201 |         |         |       |
| 2          | Giáo dục Tiểu học                                 | 7140202 | 8140110 |         |       |
| <b>III</b> | <b><u>KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT – QUỐC PHÒNG</u></b> |         |         |         | 70    |
| 1          | Giáo dục Thể chất                                 | 7140206 | 8140111 |         |       |
| <b>IV</b>  | <b><u>KHOA KINH TẾ VÀ KẾ TOÁN</u></b>             |         |         |         | 77    |
| 1          | Kinh tế (Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển)      | 7310101 |         |         |       |
| 2          | Kế toán (Đại trà, Chất lượng cao)                 | 7340301 | 8340301 |         |       |

|             |   |         |         |         |     |
|-------------|---|---------|---------|---------|-----|
| 3           | Kiểm toán   | 7340302 |         |         |     |
| <b>V</b>    | <b><u>KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG VÀ QTKD</u></b>      |         |         |         | 221 |
| 1           | Quản trị kinh doanh                                 | 7340101 | 8340101 |         |     |
| 2           | Tài chính – Ngân hàng                               | 7340201 | 8340201 |         |     |
| 3           | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành                 | 7810103 |         |         |     |
| 4           | Quản trị khách sạn                                  | 7810201 |         |         |     |
| 5           | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng                 | 7510605 |         |         |     |
| <b>VI</b>   | <b><u>KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - LUẬT VÀ QLNN</u></b> |         |         |         | 241 |
| 1           | Quản lý nhà nước                                    | 7310205 |         |         |     |
| 2           | Luật  | 7380101 |         |         |     |
| 3           | Chính trị học                                       |         | 8310201 |         |     |
| 4           | Quản lý kinh tế                                     |         | 8310110 |         |     |
| <b>VII</b>  | <b><u>KHOA KHOA HỌC TỰ NHIÊN</u></b>                |         |         |         | 270 |
| 1           | Công nghệ Kỹ thuật Hóa học                          | 7510401 |         |         |     |
| 2           | Nông học  | 7620109 |         |         |     |
| 3           | Quản lý tài nguyên và môi trường                    | 7850101 |         |         |     |
| 4           | Quản lý đất đai                                     | 7850103 |         |         |     |
| 5           | Hóa học   | 7440112 |         |         |     |
| 6           | Công nghệ thực phẩm                                 | 7540101 |         |         |     |
| 7           | Sinh học thực nghiệm                                |         | 8420114 |         |     |
| 8           | Vật lý chất rắn                                     |         | 8440104 |         |     |
| 9           | Hóa vô cơ   |         | 8440113 |         |     |
| 10          | Hóa Lý thuyết và Hóa lý                             |         | 8440119 | 9440119 |     |
| <b>VIII</b> | <b><u>KHOA TOÁN - THỐNG KÊ</u></b>                  |         |         |         | 292 |
| 1           | Toán ứng dụng                                       | 7460112 |         |         |     |
| 2           | Khoa học dữ liệu                                    | 7460108 | 8460108 |         |     |
| 3           | Toán giải tích                                      |         | 8460102 | 9460102 |     |
| 4           | Đại số và Lí thuyết số                              |         | 8460104 | 9460104 |     |
| 5           | Phương pháp Toán sơ cấp                             |         | 8460113 |         |     |
| <b>IX</b>   | <b><u>KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</u></b>              |         |         |         | 302 |
| 1           | Công nghệ thông tin                                 | 7480201 |         |         |     |
| 2           | Kỹ thuật phần mềm                                   | 7480103 |         |         |     |

|  |  |         |                         |                |                |
|--|--|---------|-------------------------|----------------|----------------|
| 3  | Khoa học máy tính                              |         | 8480101                 |                |                |
| 4  | Trí tuệ nhân tạo                               | 7480107 |                         |                |                |
| <b>X</b>   | <b><u>KHOA KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ</u></b>       |         |                         |                | 310            |
| 1  | Kỹ thuật điện tử, viễn thông                   | 7520207 |                         |                |                |
| 2  | Kỹ thuật viễn thông                            |         | 8520208                 |                |                |
| 3  | Kỹ thuật xây dựng                              | 7580201 |                         |                |                |
| 4  | Kỹ thuật điện                                  | 7520201 | 8520201                 |                |                |
| 5  | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa             | 7520216 |                         |                |                |
| <b>XI</b>  | <b><u>KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN</u></b> |         |                         |                | 339            |
| 1  | Văn học  | 7229030 |                         |                |                |
| 2  | Việt Nam học                                   | 7310630 |                         |                |                |
| 3  | Quản lý giáo dục                               | 7140114 | 8140114                 |                |                |
| 4  | Tâm lý học giáo dục                            | 7310403 |                         |                |                |
| 5  | Công tác xã hội                                | 7760101 |                         |                |                |
| 6  | Đông phương học                                | 7310608 |                         |                |                |
| 7  | Lịch sử Việt Nam                               |         | 8229013                 |                |                |
| 8  | Văn học Việt Nam                               |         | 8220121                 |                |                |
| 9  | Ngôn ngữ học                                   |         | 8229020                 |                |                |
| <b>XII</b>   | <b><u>KHOA NGOẠI NGỮ</u></b>                   |         |                         |                | 519            |
| 1  | Ngôn ngữ Anh                                   | 7220201 | 8220201                 |                |                |
| 2  | Ngôn ngữ Trung quốc                            | 7220204 |                         |                |                |
| <b>XIII</b>  | <b><u>BỘ MÔN KỸ THUẬT Ô TÔ</u></b>             |         |                         |                | 530            |
| 1  | Công nghệ kỹ thuật ô tô                        | 7510205 |                         |                |                |
|  |  |         | <b>Trình độ đào tạo</b> |                |                |
|  |  |         | <b>Đại học</b>          | <b>Thạc sĩ</b> | <b>Tiến sĩ</b> |
| <b>Tổng số chương trình đào tạo: 76, Trong đó:</b> |  |         | <b>49</b>               | <b>24</b>      | <b>3</b>       |

**I. KHOA SƯ PHẠM****1. Ngành Sư phạm Toán học ( Khóa 44, 45, 46, 47)**

| STT | Tên môn học                                       | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Đại số tuyến tính 1                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 2   | Giải tích 1                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 3   | Tập hợp và lôgic                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 4   | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 5   | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 6   | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 7   | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 15  | Giải tích 2                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 16  | Toán rời rạc                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 17  | Đại số đại cương 1                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 18  | Đại số tuyến tính 2                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 19  | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 20  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 21  | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2          | Học kỳ 2             | Thi vấn đáp                    |
| 22  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 23  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 24  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 25  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 26  | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 27  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 28  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 29  | Hình học affine – Hình học Euclide                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và  | 3          | Học kỳ 3             | Thi tự luận                    |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
|    |   | khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)   |   |          |                 |
| 30 | Quy hoạch tuyến tính                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 31 | Đại số đại cương 2                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 32 | Giải tích 3                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 33 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 34 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 3 | Thi trắc nghiệm |
| 35 | Rèn luyện giải toán sơ cấp 1 (Đại số & Giải tích) | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 36 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 37 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 43 | Lý thuyết mô đun                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 44 | Phương trình vi phân                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 45 | Hàm biến phức                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 46 | Số học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 47 | Tiếng Anh chuyên ngành                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 48 | Giáo dục học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 49 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 50 | Rèn luyện giải toán sơ cấp 2 (Hình học)           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 51 | Hình học vi phân                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 52 | Phương trình đạo hàm riêng                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 53 | Giải tích hàm 1                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 54 | Tin học cho Toán học                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 55 | Xác suất thống kê                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |

|    |  |  |   |          |               |
|----|--|--|---|----------|---------------|
|    |  | khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)   |   |          |               |
| 56 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                       | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 57 | Khởi nghiệp                                | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 58 | Lý luận dạy học bộ môn Toán                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 59 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)        | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 60 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)        | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 61 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)        | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 62 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)        | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 63 | Giải tích hàm 2                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 64 | Giải tích lời và ứng dụng                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 65 | Phương pháp dạy học Đại số và Xác suất     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 66 | Phương pháp dạy học Giải tích              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 67 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Toán      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 68 | Rèn luyện nghiệp vụ SP 1                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 69 | Cơ sở Lý thuyết trường và Lý thuyết Galois | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 70 | Nhập môn Đại số giao hoán                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 71 | Nhập môn Đại số đồng điều                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 72 | Lý thuyết ổn định                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thực hành     |
| 73 | Không gian vectơ tôpô                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 74 | Lý thuyết phổ của toán tử                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 75 | Giải tích số                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 76 | Lý thuyết độ đo và tích phân               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 77 | Thực tập sư phạm 1                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 78 | Phương pháp dạy học Hình học               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 79 | Rèn luyện nghiệp vụ SP 2                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |

|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
| 80 | Hình học xạ ảnh                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 81 | Nhập môn Hình học đại số                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 82 | Hình học tổ hợp                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 83 | Lý thuyết các bài toán cực trị             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 84 | Thống kê ứng dụng                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 85 | Phương trình sai phân                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 86 | Bất đẳng thức và bài toán cực trị          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 87 | Phương pháp vectơ trong giải toán hình học | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 88 | Đồ thị và ứng dụng vào giải toán sơ cấp    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 89 | Thực tập sư phạm 2                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 90 | Chuỗi Fourier và ứng dụng                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 91 | Hàm ẩn và ứng dụng                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 92 | Biến đổi tích phân                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 93 | Nhập môn Cơ sở Groebner                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm + thực tập giảng dạy: 100%           |
| 94 | Các hệ thống số                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 95 | Số học thuật toán                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 96 | Khóa luận tốt nghiệp                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 97 | Didactic Toán                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 98 | Dạy học Toán theo lý thuyết kiến tạo       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 99 | Mô hình hóa toán học trong dạy học Toán    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |

## 2. Ngành Sư phạm Vật lý (Khóa 44, 45, 46, 47)

| STT | Tên môn học                                       | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Toán cao cấp 1                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 2   | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 3   | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 4   | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 5   | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 6   | Toán cho Vật lý 1                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 7   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 14  | Toán cao cấp 2                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 15  | Cơ học 1  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 16  | Toán cho Vật lý 3                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 17  | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 18  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 19  | Toán cho Vật lý 2                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 20  | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2          | Học kỳ 2             | Thi vấn đáp                    |
| 21  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 22  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 23  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 24  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 25  | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 26  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 27  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 28  | Cơ học 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 3             | Thi tự luận                    |
| 29  | Dao động và sóng                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và  | 2          | Học kỳ 3             | Thi tự luận                    |



|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
|    |   | khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)   |   |          |                 |
| 30 | Nhiệt học   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 31 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 32 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 33 | Thực hành Cơ – Nhiệt                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 34 | Điện tử 1   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 35 | Điện tử 2   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 36 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 37 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Câu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 43 | Quang học   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 44 | Vật lý nguyên tử và hạt nhân                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 45 | Phương pháp toán lý                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 46 | Giáo dục học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 47 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 48 | Cơ học lý thuyết                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 49 | Thực hành Điện – Dao động                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành   |
| 50 | Thiên văn học                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 51 | Phân tích chương trình Vật lý phổ thông 1         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 52 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm |
| 53 | Khởi nghiệp                                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 54 | Lý luận dạy học bộ môn Vật lý                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 55 | Kỹ thuật điện                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 56 | Điện động lực học                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |

|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
|    |  | khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)   |   |          |   |
| 57 | Cơ học lượng tử  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 58 | Thực hành Quang  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 59 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)                    | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 60 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)                    | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 61 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)                    | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 62 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)                    | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 63 | Vật lý chất rắn  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 64 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học vật lý                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 65 | Phân tích chương trình Vật lý phổ thông 2              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 66 | Tham quan thực tế                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 6 | Viết báo cáo  |
| 67 | Tiếng Anh chuyên ngành                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 68 | Thí nghiệm trong dạy học Vật lý                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thực hành   |
| 69 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 70 | Kĩ thuật điện tử                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 71 | Vật lý thống kê  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 72 | Phương pháp dạy giải bài tập vật lý                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 73 | Thực tập sư phạm 1                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 74 | Ứng dụng tin học trong dạy học vật lý                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 75 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 76 | Từ học và siêu dẫn                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 77 | Hạt cơ bản   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 78 | Các phương pháp thực nghiệm nghiên cứu vật lý chất rắn | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khôì ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 79 | Lý thuyết trường lượng tử                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và  | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |

|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
|    |  | khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)   |   |          |   |
| 80 | Vật lý thiên văn                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 81 | Cơ sở khoa học vật liệu                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 82 | Dạy học STEM trong vật lí                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 83 | Dạy bài tập Vật lí theo định hướng phát triển năng lực | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 84 | Các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Vật lí  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 85 | Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Vật lí             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 86 | Thực tập sư phạm 2                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm + thực tập giảng dạy: 100% |
| 87 | Khóa luận tốt nghiệp                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 7 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận: 100%                          |
| 88 | Vật lý nano  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 89 | Dạy học vật lí theo định hướng phát triển năng lực     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 90 | Nghiên cứu khoa học trong Vật lí                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |

### 3. Ngành Sư phạm Hóa học (Khóa 44, 45, 46, 47)

| STT | Tên môn học                             | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Hoá học đại cương 1                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 2   | Tin học cơ sở                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 3   | Tiếng Anh 1                             | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 4   | Pháp luật đại cương                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 5   | Triết học Mác - Lênin                   | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 6   | Vật lý đại cương                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 7   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)     | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)     | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 10 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 11 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 12 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 13 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 14 | Toán cao cấp                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 15 | Thực hành Vật lý đại cương                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 16 | Hoá học đại cương 2                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 17 | Hoá học vô cơ 1                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 18 | Kỹ thuật và an toàn trong phòng thí nghiệm        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 19 | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 20 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 21 | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 2 | Thi vấn đáp     |
| 22 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 23 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 24 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 25 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 27 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 28 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 29 | Xác suất thống kê                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 30 | Hoá học hữu cơ 1                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 31 | Hoá học vô cơ 2                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 32 | Nhiệt động lực hóa học                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 33 | Thực hành Hoá học đại cương                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 34 | Tiếng Anh chuyên ngành Hóa học                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 35 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 36 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 3 | Thi trắc nghiệm |
| 37 | Hóa học phân tích định tính                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 43 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 44 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 45 | Cơ sở lý thuyết Hoá học vô cơ                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 46 | Động hóa học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 47 | Hoá học hữu cơ 2                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 48 | Hóa học phân tích định lượng                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 49 | Thực hành hóa vô cơ                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành   |
| 50 | Thực hành Phân tích định tính                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành   |
| 51 | Giáo dục học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 52 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 53 | Cơ sở lý thuyết Hoá học hữu cơ                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 54 | Điện hoá học và Hóa keo                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi vấn đáp     |
| 55 | Hóa kỹ thuật                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 56 | Thực hành Phân tích định lượng                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 57 | Thực hành hóa học hữu cơ                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 58 | Thực hành Nhiệt động lực hóa học và Động hóa học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 59 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm |
| 60 | Khởi nghiệp                                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 61 | Phương pháp dạy học Hóa học 1                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 62 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 63 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 64 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |

|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
| 65 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)        | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 66 | Cơ sở Hóa học lượng tử                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 67 | Thực tế sản xuất hóa học                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 6 | Viết báo cáo  |
| 68 | Phương pháp dạy học Hóa học 2              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 69 | Thực hành phương pháp dạy học Hóa học      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 70 | Sử dụng các phương tiện trực quan dạy học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 71 | Thực hành Điện hóa học và Hóa keo          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 72 | Bài tập Hóa học phổ thông                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 73 | Rèn luyện nghiệp vụ SP 1                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 74 | Một số phương pháp phân tích hiện đại      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 75 | Thực hành Các phương pháp phân tích hóa lý | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 76 | Hóa học môi trường                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 77 | Hóa học tính toán                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 78 | Thực tập sư phạm 1                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 79 | Phương pháp dạy học tích cực               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 80 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Hóa học   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 81 | Rèn luyện nghiệp vụ SP 2                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 82 | Vật liệu vô cơ                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 83 | Vật liệu nano và Hóa học xanh              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 84 | Các phương pháp phổ ứng dụng trong hóa học | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 85 | Một số vấn đề chọn lọc trong Hóa hữu cơ    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và  | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |

|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
|    |  | khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)   |   |          |   |
| 86 | Một số vấn đề Hóa lý trong dạy học hóa học phổ thông       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 87 | Các phương pháp tổng hợp vô cơ                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 88 | Giáo dục môi trường trong dạy học Hóa học phổ thông        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 89 | Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Hóa học                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 90 | Thực tập sư phạm 2   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm + thực tập giảng dạy: 100% |
| 91 | Khoá luận tốt nghiệp                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 6 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận: 100%                          |
| 92 | Bài tập Hóa vô cơ  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 93 | Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong dạy học Hóa học | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 94 | Bài tập Hoá hữu cơ   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |

#### 4. Ngành Sư phạm Sinh học (Khóa 44, 45, 46,47)

| STT | Tên môn học                             | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Xác suất – Thống kê                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 2   | Tế bào và Sinh học phát triển           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 3   | Tin học cơ sở                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 4   | Tiếng Anh 1                             | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 5   | Pháp luật đại cương                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 6   | Triết học Mác - Lênin                   | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 7   | Hóa học vô cơ - hữu cơ                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)     | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)     | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)    | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 12 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 13 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 14 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 15 | Thực vật học I                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 16 | Động vật học I                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 17 | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 18 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 19 | Vật lí đại cương                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 20 | Thực hành hóa học vô cơ - hữu cơ                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 21 | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 2 | Thi vấn đáp     |
| 22 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 23 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 24 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 25 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 27 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 28 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 29 | Thực vật học II                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 30 | Động vật học II                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 31 | Cơ sở Vi sinh vật học                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 32 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 33 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 3 | Thi trắc nghiệm |
| 34 | Hóa sinh học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 35 | Lý sinh học                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 36 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 37 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |



|    |                                     |  |   |          |   |
|----|-------------------------------------|--|---|----------|---|
| 43 | Sinh thái học và Môi trường         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận   |
| 44 | Giải phẫu học người                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận   |
| 45 | Thực tập nghiên cứu thiên nhiên     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Viết báo cáo  |
| 46 | Sinh lý học thực vật                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 4 | Thi tự luận   |
| 47 | Giáo dục học                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 4 | Thi tự luận   |
| 48 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam      | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm   |
| 49 | Phương pháp nghiên cứu Sinh học     | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 1 | Học kỳ 4 | Thi tự luận   |
| 50 | Sinh lý học người và động vật       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 51 | Di truyền học                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 52 | Tiến hóa và đa dạng sinh học        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 53 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm   |
| 54 | Khởi nghiệp                         | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 55 | Lí luận dạy học Sinh học            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 56 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 57 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 58 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 59 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 60 | Sinh học phân tử                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 61 | Phương pháp dạy học Sinh học 1      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 62 | Phương pháp dạy học Sinh học 2      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 63 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 64 | Công nghệ Sinh học                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 65 | Ứng dụng sinh học trong nông nghiệp | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 66 | Thực tập sư phạm 1                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 67 | Bài tập Sinh học phổ thông          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và  | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |

|    |   |  |   |          |  |
|----|---|--|---|----------|--|
|    |   | khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)   |   |          |  |
| 68 | Dạy học sinh học theo chủ đề - chuyên đề                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 69 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành                                    |
| 70 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Sinh học                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 71 | Bệnh học thực vật   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 72 | Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 73 | Sinh học phát triển thực vật                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 74 | Thủy sản  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 75 | Vì sinh ứng dụng  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 76 | Lâm nghiệp  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 77 | Di truyền quần thể  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 78 | Bệnh học động vật   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 79 | Miễn dịch học   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 80 | Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Sinh học                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 81 | Giáo dục STEM   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                      |
| 82 | Thực tập sư phạm 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm<br>+ thực tập giảng dạy: 100% |
| 83 | Chất điều hòa sinh trưởng ở thực vật                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                      |
| 84 | Tiến hóa và thích nghi của thực vật                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                      |
| 85 | Protein và tính chống chịu ở thực vật                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                      |
| 86 | Khóa luận tốt nghiệp  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 6 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận:<br>100%                          |
| 87 | Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong dạy học Sinh học | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                      |

|    |                          |  |   |          |             |
|----|--------------------------|--|---|----------|-------------|
| 88 | Hormon động vật ứng dụng | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận |
| 89 | Dinh dưỡng học động vật  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận |
| 90 | Sinh học cơ thể động vật | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận |

### 5. Ngành Sư phạm Tin học (Khóa 44, 45, 46,47)

| STT | Tên môn học                                       | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy (HK) | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|---------------------------|--------------------------------|
| 1   | Toán logic  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1                  | Thi tự luận                    |
| 2   | Thực hành máy tính (lắp ráp, cài đặt, bảo trì)    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1          | Học kỳ 1                  | Thi thực hành                  |
| 3   | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1                  | Thi thực hành                  |
| 4   | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3          | Học kỳ 1                  | Thi trắc nghiệm                |
| 5   | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 1                  | Thi trắc nghiệm                |
| 6   | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3          | Học kỳ 1                  | Thi trắc nghiệm                |
| 7   | Giải tích   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1                  | Thi tự luận                    |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                  | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                  | Thi thực hành                  |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                  | Thi thực hành                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                  | Thi thực hành                  |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                  | Thi thực hành                  |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                  | Thi thực hành                  |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                  | Thi thực hành                  |
| 15  | Xác suất thống kê                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2                  | Thi tự luận                    |
| 16  | Đại số tuyến tính                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2                  | Thi tự luận                    |
| 17  | Toán rời rạc                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 2                  | Thi tự luận                    |
| 18  | Ngôn ngữ lập trình bậc cao                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4          | Học kỳ 2                  | Thi tự luận                    |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 19 | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 20 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 21 | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 2 | Thi vấn đáp     |
| 22 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 23 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 24 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 25 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 27 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 28 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 29 | Lịch sử khoa học máy tính                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 30 | Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 31 | Phân tích và thiết kế thuật toán                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 32 | Kỹ thuật phòng thực hành Tin học                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 33 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 34 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 35 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 3 | Thi trắc nghiệm |
| 36 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 37 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 43 | Lập trình hướng đối tượng                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 44 | Nhập môn cơ sở dữ liệu                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 45 | Tham quan thực tế                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 4 | Viết báo cáo    |
| 46 | Nhập môn mạng máy tính                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến   | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |

|    |  |  |   |          |                 |
|----|--|--|---|----------|-----------------|
|    |  | thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)  |   |          |                 |
| 47 | Giáo dục học                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 48 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                 | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 49 | Đào tạo trực tuyến (e-learning) và ứng dụng    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 50 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 51 | Phương pháp dạy học Tin học 1                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 52 | Tiếng Anh chuyên ngành                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 53 | Kiến trúc máy tính                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 54 | Quản trị mạng                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 55 | Phần mềm mã nguồn mở                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 56 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                           | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm |
| 57 | Khởi nghiệp                                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 58 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)            | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 59 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)            | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 60 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)            | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 61 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)            | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 62 | Lập trình ứng dụng Web                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 63 | Lý thuyết tính toán                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 64 | Nguyên lý ngôn ngữ lập trình                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 65 | Phương pháp dạy học Tin học 2                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 66 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 67 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy Tin học | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 68 | Nhập môn công nghệ phần mềm                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 69 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Tin           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |

|    |   |  |   |          |   |
|----|---|--|---|----------|---|
| 70 | Thực tập sư phạm 1                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 71 | Lập trình trên Windows                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 72 | Phương pháp dạy học Tin học 3                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 73 | Nhập môn Trí tuệ nhân tạo                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 74 | Rèn luyện nghiệp vụ SP 2                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 75 | Bảo mật mạng máy tính                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 76 | Nguyên lý hệ điều hành                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 77 | Đồ họa máy tính                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 78 | Khai phá dữ liệu                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 79 | Lập trình cho thiết bị di động                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 80 | Điện toán đám mây                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 81 | Nhập môn xử lý ảnh                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 82 | Xử lý ngôn ngữ tự nhiên                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 83 | Nhập môn Học máy                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 84 | Thực tập sư phạm 2                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm + thực tập giảng dạy: 100%           |
| 85 | Cơ sở dữ liệu nâng cao                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 86 | Những vấn đề hiện đại của công nghệ thông tin | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 87 | Dạy học trong kỹ nguyên số                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 88 | Khóa luận tốt nghiệp                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 6 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận: 100%                                    |

## 6. Ngành Sư phạm Ngữ văn (Khóa 44, 45, 46, 47)

| STT | Tên môn học                                       | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 2   | Cơ sở văn hoá Việt Nam                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 3   | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 4   | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 5   | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 6   | Tiền trình Văn học Việt Nam                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 7   | Văn học dân gian Việt Nam                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 15  | Dẫn luận ngôn ngữ học                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 16  | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 17  | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 18  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 19  | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2          | Học kỳ 2             | Thi vấn đáp                    |
| 20  | Nhập môn Ngữ văn Hán Nôm                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 21  | Văn học trung đại Việt Nam 1                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 22  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 23  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 24  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 25  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 26  | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 27  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 28  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 29  | Ngữ âm tiếng Việt                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 3             | Thi tự luận                    |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 30 | Nguyên lí lí luận văn học                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 31 | Từ vựng – Ngữ nghĩa tiếng Việt                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 32 | Văn học trung đại Việt Nam 2                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 33 | Văn học trung đại Việt Nam 3                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 34 | Giáo dục học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 35 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 36 | Văn bản Hán Nôm                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 37 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 43 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 44 | Ngôn ngữ học văn bản                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 45 | Ngữ pháp tiếng Việt                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 46 | Phong cách học tiếng Việt                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 47 | Tác phẩm và thể loại văn học                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 48 | Văn học hiện đại Việt Nam 1                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 49 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 50 | Nhập môn Phương ngữ học                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 51 | Văn học Châu Á 1                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 52 | Văn học hiện đại Việt Nam 2                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 53 | Lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 54 | Lí luận và phương pháp dạy học văn 1              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |



|    |   |  |   |          |   |
|----|---|--|---|----------|---|
| 55 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm   |
| 56 | Khởi nghiệp   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 57 | Hoạt động giao tiếp và thực hành tạo lập văn bản cho học sinh ở trường phổ thông    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 58 | Rèn luyện nghiệp vụ dạy học Tiếng Việt  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 59 | Văn học Châu Á 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 60 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)   | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 61 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)   | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 62 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)   | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 63 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)   | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 64 | Lí luận và phương pháp dạy học Văn 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 65 | Văn học hiện đại Việt Nam 3   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 66 | Lí luận và Phương pháp dạy học Làm văn  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 67 | Rèn luyện nghiệp vụ dạy học Văn   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 68 | Thực tế chuyên môn  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 6 | Viết báo cáo  |
| 69 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Ngữ văn  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 70 | Văn học Châu Âu   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 71 | Hệ thống thể loại văn học Việt Nam trong chương trình phổ thông                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 72 | Đặc trưng song ngữ Hán Nôm với vấn đề tiếp nhận tác phẩm văn học ở trường phổ thông | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 73 | Kiểu nhân vật trong truyện cổ tích và công thức ngôn từ trong ca dao                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 74 | Thực tập sư phạm 1  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 75 | Văn học hiện đại Việt Nam 4   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 76 | Văn học Nga   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 77 | Dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |

|    |   |  |   |          |   |
|----|---|--|---|----------|---|
|    |   | ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)  |   |          |   |
| 78 | Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Ngữ văn          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 79 | Dạy học Ngữ văn theo định hướng tích hợp và phân hóa          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 80 | Văn học Châu Mỹ   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 81 | Tính đa nghĩa của tác phẩm văn học                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 82 | Một số tác gia tiêu biểu trong Văn học hiện đại phương Tây    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 83 | Đặc trưng thi pháp thơ cổ điển phương Đông                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 84 | Nghệ thuật tu từ trong tác phẩm văn học ở trường phổ thông    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 85 | Tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn học ở trường phổ thông    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 86 | Một số vấn đề về Ngữ dụng học                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 87 | Thực tập sư phạm 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm + thực tập giảng dạy: 100% |
| 88 | Khóa luận TN  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 7 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận: 100%                          |
| 89 | Một số tác gia tiêu biểu trong Văn học hiện đại Việt Nam      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 90 | Cảm hứng chủ đạo trong Văn học trung đại Việt Nam             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 91 | Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh qua dạy học Ngữ văn | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 92 | Từ và câu trong hoạt động giao tiếp                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 93 | Vấn đề mạch lạc trong văn bản                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |

### 7. Ngành Sư phạm Lịch sử (Khóa 44, 45, 46, 47)

| TT | Tên môn học   | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|----|---------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1  | Tin học cơ sở | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
|    |   | ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)  |   |          |                 |
| 2  | Cơ sở khảo cổ học                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 1 | Thi tự luận     |
| 3  | Lịch sử thế giới cổ - trung đại 1                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 1 | Thi vấn đáp     |
| 4  | Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại 1                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 1 | Thi tự luận     |
| 5  | Nhập môn sử học                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 1 | Thi tự luận     |
| 6  | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3 | Học kỳ 1 | Thi trắc nghiệm |
| 7  | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 1 | Thi trắc nghiệm |
| 8  | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3 | Học kỳ 1 | Thi trắc nghiệm |
| 9  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 10 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 11 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 12 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 13 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 14 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 15 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 16 | Cơ sở văn hóa Việt Nam                            | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 17 | Lịch sử thế giới cổ - trung đại 2                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 18 | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 19 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 20 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 21 | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 2 | Thi vấn đáp     |
| 22 | Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại 2                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 23 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 24 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 25 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 27 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 28 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 29 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 30 | Lịch sử thế giới cận đại 1                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 31 | Lịch sử thế giới cận đại 2                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 32 | Lịch sử văn minh thế giới                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
|    |   | ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)  |   |          |                 |
| 33 | Lịch sử Việt Nam cận đại 1                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 34 | Lịch sử Việt Nam cận đại 2                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 35 | Nhân học đại cương                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 36 | Giáo dục học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 37 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 3 | Thi trắc nghiệm |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 43 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 44 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 45 | Lịch sử thế giới hiện đại 1                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 46 | Lịch sử thế giới hiện đại 2                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi vấn đáp     |
| 47 | Lịch sử Việt Nam hiện đại 1                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi vấn đáp     |
| 48 | Lịch sử Việt Nam hiện đại 2                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 49 | Văn minh Văn Lang - Âu Lạc và văn minh Đại Việt   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 50 | Nhập môn quan hệ quốc tế                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 51 | Phương pháp dạy học Lịch sử 1                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 52 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 53 | Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 54 | Những mô hình xã hội cổ đại                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 55 | Phương pháp luận sử học                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 56 | Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 57 | Phương pháp dạy học Lịch sử 2                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |

|    |   |  |   |          |   |
|----|---|--|---|----------|---|
|    |   | ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)  |   |          |   |
| 58 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                    | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm   |
| 59 | Khởi nghiệp   | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 60 | Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử địa phương  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 61 | Lịch sử kinh tế Việt Nam                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 62 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)                     | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 63 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)                     | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 64 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)                     | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 65 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)                     | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 66 | Lịch sử Trung Cận Đông và Bắc Phi                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 67 | Phong trào giải phóng dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 68 | Thế chế chính trị trong tiến trình lịch sử thế giới     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 69 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 70 | Phương pháp dạy học Lịch sử 3                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 71 | Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 72 | Thực tế chuyên môn                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Viết báo cáo  |
| 73 | Rèn luyện nghiệp vụ SP 1                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 74 | Cơ cấu xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc (1858-1945)      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 75 | Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 76 | Cải cách và đổi mới trong tiến trình lịch sử Việt Nam   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 77 | Chủ nghĩa tư bản hiện đại và Chủ nghĩa xã hội hiện thực | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 78 | Thực tập sư phạm 1                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 79 | Những cuộc cải cách trong lịch sử thế giới              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 80 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |

|    |   |  |   |          |   |
|----|---|--|---|----------|---|
|    |   | ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)  |   |          |   |
| 81 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 82 | Lịch sử khu vực Đông Nam Á  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 83 | Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945-1975)          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 84 | Kênh hình trong dạy học Lịch sử   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 85 | Phương tiện kỹ thuật trong dạy học Lịch sử  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 86 | Thực tập sư phạm 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm + thực tập giảng dạy: 100% |
| 87 | Khóa luận tốt nghiệp  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 6 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận: 100%                          |
| 88 | Một số vấn đề cơ bản về lịch sử thế giới  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 89 | Sự lựa chọn con đường cứu nước và phát triển xã hội ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến nay | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 90 | Phát triển năng lực học sinh trong dạy học Lịch sử  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |

### 8. Ngành Sư phạm địa lý (Khóa 44, 45, 46, 47)

| STT | Tên môn học                                       | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy (học kỳ) | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|-------------------------------|--------------------------------|
| 1   | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1                      | Thi thực hành                  |
| 2   | Bản đồ đại cương                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1                      | Thi vấn đáp                    |
| 3   | Địa lí tự nhiên đại cương 1                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1                      | Thi vấn đáp                    |
| 4   | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3          | Học kỳ 1                      | Thi trắc nghiệm                |
| 5   | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 1                      | Thi trắc nghiệm                |
| 6   | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3          | Học kỳ 1                      | Thi trắc nghiệm                |
| 7   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                      | Thi thực hành                  |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                      | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                      | Thi thực hành                  |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                      | Thi thực hành                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1                      | Thi thực hành                  |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 12 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 13 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 14 | Vật lý thiên văn                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 15 | Địa lí tự nhiên đại cương 2                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 16 | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 17 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 18 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 19 | Địa chất học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 20 | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 2 | Thi vấn đáp     |
| 21 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 |          | Thi thực hành   |
| 22 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 23 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 24 | Giáo dục thể chất 2 (Câu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 25 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 27 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 28 | Toán cao cấp                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 29 | Địa lí tự nhiên đại cương 3                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 30 | Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 31 | Giáo dục học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 32 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 3 | Thi trắc nghiệm |
| 33 | Địa lí tự nhiên thế giới 1                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 34 | Địa lí tự nhiên Việt Nam 1                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 35 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 2 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 36 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 3 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
|    |   |  |   |          |                 |
| 37 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Câu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Lí luận dạy học địa lí                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 43 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 44 | Thực địa Địa lí tự nhiên tổng hợp                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 4 | Viết báo cáo    |
| 45 | Phương pháp nghiên cứu khoa học địa lí            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi vấn đáp     |
| 46 | Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 47 | Địa lí tự nhiên thế giới 2                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 48 | Địa lí tự nhiên Việt Nam 2                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 49 | Địa lí địa phương                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 50 | Địa danh Việt Nam                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 51 | Địa lí kinh tế- xã hội thế giới 2                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 52 | Tiếng Anh chuyên ngành                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 53 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm |
| 54 | Khởi nghiệp                                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |



|    |  |  |   |          |                    |
|----|--|--|---|----------|--------------------|
| 55 | Ứng dụng GIS và Công nghệ thông tin trong dạy học địa lí | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận        |
| 56 | Phương pháp dạy học địa lí 1                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi vấn đáp        |
| 57 | Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận        |
| 58 | Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận        |
| 59 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)                      | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận        |
| 60 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)                      | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận        |
| 61 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)                      | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận        |
| 62 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)                      | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành      |
| 63 | Địa lí kinh tế- xã hội thế giới 3                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận        |
| 64 | Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lí               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi vấn đáp        |
| 65 | Phương pháp sử dụng phương tiện trong dạy học Địa lí     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận        |
| 66 | Rèn luyện nghiệp vụ SP 1                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành      |
| 67 | Phương pháp dạy học địa lí 2                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi vấn đáp        |
| 68 | Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận        |
| 69 | Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 3                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận        |
| 70 | Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận        |
| 71 | Sinh thái môi trường                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận        |
| 72 | Thực tập sư phạm 1                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và  | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập |

|    |   |  |   |          |   |
|----|---|--|---|----------|---|
|    |   | khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)   |   |          | kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100%          |
| 73 | Dạy học tích hợp trong môn Địa lý                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi vấn đáp                                   |
| 74 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lý                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 75 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành                                 |
| 76 | Phương pháp NCKH Sư phạm ứng dụng                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi vấn đáp                                   |
| 77 | Thực địa Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết báo cáo                                  |
| 78 | Địa lý biển - đảo Việt Nam                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 79 | Dân số và phát triển bền vững                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 80 | Địa lý du lịch Việt Nam                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 81 | Quần cư và đô thị hóa                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận                                   |
| 82 | Thực tập sư phạm 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm + thực tập giảng dạy: 100% |
| 83 | Khóa luận tốt nghiệp  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 6 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận: 100%                          |
| 84 | Dạy học Địa lý theo định hướng phát triển năng lực học sinh | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 85 | Địa lý tự nhiên ứng dụng                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |
| 86 | Địa lý nhân văn   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận                                   |

### 9. Ngành Sư phạm Tiếng Anh (Khóa 44, 45, 46, 47)

| STT | Tên môn học   | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tin học cơ sở | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 2   | Độc 1         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 3   | Luyện âm      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 4  | Ngữ pháp tiếng Anh                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 1 | Thi tự luận     |
| 5  | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 1 | Thi trắc nghiệm |
| 6  | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3 | Học kỳ 1 | Thi trắc nghiệm |
| 7  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 8  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 9  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 10 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 11 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 12 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 13 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 14 | Tiếng Pháp 1                                      | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3 | Học kỳ 1 | Thi tự luận     |
| 15 | Tiếng Trung 1                                     | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3 | Học kỳ 1 | Thi tự luận     |
| 16 | Nói 1   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi vấn đáp     |
| 17 | Viết 1  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 18 | Nghe 1  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi Nghe - Viết |
| 19 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 20 | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 2 | Thi vấn đáp     |
| 21 | Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 22 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 23 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 24 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 25 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 27 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 28 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 29 | Tiếng Pháp 2                                      | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 30 | Tiếng Trung 2                                     | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 31 | Hình thái học                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 32 | Nói 2   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 33 | Viết 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 34 | Nghe 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi Nghe - Viết |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
|    |   | ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)  |   |          |                 |
| 35 | Đọc 2   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 36 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 37 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 3 | Thi trắc nghiệm |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 43 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 44 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 45 | Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 1                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 46 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành   |
| 47 | Ngữ âm - Âm vị học                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 48 | Nói 3   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi vấn đáp     |
| 49 | Viết 3  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 50 | Nghe 3  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi Nghe - viết |
| 51 | Đọc 3   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 52 | Giáo dục học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 53 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 54 | Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 2                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 55 | Nói 4   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi vấn đáp     |
| 56 | Viết 4  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 57 | Nghe 4  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi nghe - viết |
| 58 | Đọc 4   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |

|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
| 59 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                             | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm   |
| 60 | Khởi nghiệp                                      | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 61 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 62 | Phương pháp NCKH trong giảng dạy tiếng Anh       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 63 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 64 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 65 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 66 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 67 | Ngữ nghĩa học                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 68 | Nói 5  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi vấn đáp   |
| 69 | Viết 5   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 70 | Nghe 5   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi Nghe – Viết   |
| 71 | Đọc 5  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 72 | Biên dịch  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 73 | Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 74 | Dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 75 | Văn hóa Anh                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 76 | Văn hóa Mỹ                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 77 | Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 3                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 78 | Thực tập sư phạm 1                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 79 | Phiên dịch                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi vấn đáp   |
| 80 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 81 | Sử dụng đa phương tiện trong giảng dạy tiếng Anh | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |

|    |                                     |  |   |          |   |
|----|-------------------------------------|--|---|----------|---|
| 82 | Kỹ năng đàm phán bằng tiếng Anh     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 83 | Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 84 | Tiếng Anh Thư tín thương mại        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 85 | Tiếng Anh Khách sạn- Du lịch        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 86 | Văn học Anh                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 87 | Văn học Mỹ                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 88 | Thực tập sư phạm 2                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm<br>+ thực tập giảng dạy:<br>100% |
| 89 | Khóa luận tốt nghiệp                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 6 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận:<br>100%                             |
| 90 | Dạy học tiếng Anh theo dự án        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 91 | Phát triển nghiệp vụ cho giáo viên  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 92 | Nghiên cứu hành động                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |

#### 10. Ngành Giáo dục Chính trị (Khóa 44, 45, 46, 47)

| STT | Tên môn học                               | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tin học cơ sở                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 2   | Dẫn luận ngôn ngữ và Tiếng Việt thực hành | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 3   | Đại cương văn hóa Việt Nam                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 4   | Tiếng Anh 1                               | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 5   | Pháp luật đại cương                       | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 6   | Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp  | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 7   | Triết học Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 4          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)       | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)   | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 10 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 11 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 12 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 13 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 14 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành   |
| 15 | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 16 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 17 | Xã hội học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 18 | Đạo đức học và giáo dục đạo đức                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 19 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm |
| 20 | Pháp luật kinh tế, đất đai, môi trường            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 21 | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 2 | Thi vấn đáp     |
| 22 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 23 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chày 2) (*)             | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 24 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 25 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 27 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 28 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 29 | Giáo dục học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 30 | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 31 | Lôgic học   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 32 | Quan hệ quốc tế                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 33 | Quản lý kinh tế                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 34 | Lịch sử triết học                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 35 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   |   | Học kỳ 3 | Thi trắc nghiệm |
| 36 | Kĩ năng soạn thảo văn bản                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) |   | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 37 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chày 3) (*)             | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |

|    |  |  |   |          |                 |
|----|--|--|---|----------|-----------------|
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)   | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)                                | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)   | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 43 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)  | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 44 | Lịch sử các học thuyết kinh tế   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 45 | Lịch sử tư tưởng XHCN  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 46 | Thực tế chuyên môn   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 4 | Viết báo cáo    |
| 47 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam   | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 48 | Chính trị học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 49 | Giáo dục thể giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 50 | Lý luận dạy học Chính trị - GDCD 1   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 51 | Nhân học và triết học về con người   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 52 | Đại cương khoa học lãnh đạo, quản lý   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 53 | Vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 54 | Hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 55 | Hồ Chí Minh – nhà tư tưởng sáng tạo, nhà văn hóa kiệt xuất                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 56 | Phương pháp dạy học Chính trị - GDCD 1   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 57 | Tư tưởng Hồ Chí Minh   | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm |
| 58 | Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 59 | Khởi nghiệp  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 60 | Lý luận dạy học Chính trị - GDCD 2   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 61 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)  | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 62 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)  | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 63 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)  | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 64 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)  | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 65 | Lịch sử tư tưởng Phương Đông và Việt Nam   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |



|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
| 66 | Thế chế chính trị thế giới đương đại   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 67 | Tác phẩm của Hồ Chí Minh và các lãnh tụ Đảng CSVN                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận   |
| 68 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi trắc nghiệm   |
| 69 | Học thuyết kinh tế Mác – Lê nin và sự vận dụng ở Việt Nam                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 70 | Phương pháp dạy học Chính trị - GD CD 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 71 | Phương pháp dạy học Chính trị - GD CD 3  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 72 | Giáo dục giới và bình đẳng giới  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 73 | Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 74 | Giáo dục kỹ năng sống  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 75 | Kinh tế học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 |   |
| 76 | Thực tập sư phạm 1   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 77 | Các phương pháp tích cực trong dạy học Chính trị - GD CD                             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 78 | Quản lý nhà nước về GD-ĐT  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 79 | Kinh tế chính trị học- những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 80 | Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 81 | Rèn luyện nghiệp vụ SP 2   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 82 | Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 83 | Pháp luật quốc tế  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 84 | Pháp luật dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 85 | Thực tập sư phạm 2   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm + thực tập                           |

|    |   |  |   |          |                      |
|----|---|--|---|----------|----------------------|
|    |   |  |   |          | giảng dạy: 100%      |
| 86 | Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận          |
| 87 | Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới - thực tiễn và nhận thức lý luận        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận          |
| 88 | Hồ Chí Minh với công tác giáo dục                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận          |
| 89 | Giáo dục pháp luật ở trường phổ thông                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận          |
| 90 | Khóa luận tốt nghiệp  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 6 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận: 100% |
| 91 | Dạy học tích hợp trong môn GDCD ở trường phổ thông                      |  | 2 | Học kỳ 8 |                      |

### 11. Ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý (Khóa 44, 45, 46, 47)

| STT | Tên môn học                                       | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 2   | Khoa học Trái đất                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 3   | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 4   | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 5   | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 6   | Nhập môn Lịch sử và Địa lý                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 7   | Cơ sở văn hóa Việt Nam                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 15  | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 16  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 17  | Bản đồ giáo khoa                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 2             | Thi vấn đáp                    |
| 18  | Địa lý tự nhiên đại cương                         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 19 | Kỹ năng giao tiếp                                   | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 2 | Thi vấn đáp     |
| 20 | Lịch sử thế giới cổ - trung đại                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 2 | Thi tự luận     |
| 21 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)                 | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 22 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)             | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 23 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)                 | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 24 | Giáo dục thể chất 2 (Câu lông 2) (*)                | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 25 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)   | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)            | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 27 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)             | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 28 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 29 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                           | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3 | Học kỳ 3 | Thi trắc nghiệm |
| 30 | Địa lí kinh tế - xã hội đại cương                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 31 | Địa lí tự nhiên thế giới                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 32 | Lịch sử thế giới cận đại                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 33 | Lịch sử văn minh thế giới                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 34 | Nhân học đại cương                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 35 | Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 36 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)                 | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 37 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)             | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)                 | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Câu lông 3) (*)                | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)   | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)            | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)             | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 43 | Giáo dục học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 4 | Thi thực hành   |
| 44 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                      | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 45 | Phương pháp nghiên cứu Lịch sử và Địa lí địa phương | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 46 | Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 47 | Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |

|    |  |  |   |          |                 |
|----|--|--|---|----------|-----------------|
| 48 | Địa lí tự nhiên Việt Nam 1                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 49 | Lịch sử thế giới hiện đại                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 50 | Lịch sử Việt Nam cận đại                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi vấn đáp     |
| 51 | Tư tưởng Hồ Chí Minh   | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm |
| 52 | Khởi nghiệp  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 53 | Đô thị: lịch sử và hiện tại                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 54 | Lí luận dạy học Lịch sử và Địa lí                            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 55 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 56 | Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 57 | Địa lí tự nhiên Việt Nam 2                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 58 | Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 59 | Lịch sử Việt Nam hiện đại                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 60 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)                          | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 61 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)                          | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 62 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)                          | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 63 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)                          | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 64 | Dạy học tích hợp trong môn Lịch sử và Địa lí                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 65 | Phương pháp dạy học Địa lí                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi vấn đáp     |
| 66 | Phương pháp dạy học Lịch sử                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 67 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 68 | Thực tế chuyên môn   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Viết báo cáo    |
| 69 | Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học Lịch sử và Địa lí       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 70 | Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 71 | Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |

|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
| 72 | Dân số, môi trường và phát triển bền vững                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 73 | Địa lí du lịch   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 74 | Hồ Chí Minh trong tiến trình cách mạng Việt Nam              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 75 | Lịch sử ngoại giao Việt Nam                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 76 | Những cuộc cải cách trong lịch sử thế giới                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận   |
| 77 | Biển đảo Việt Nam  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 78 | Các nền văn minh Việt Nam                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 79 | Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 80 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 81 | Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương             | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 82 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 83 | Thực tập sư phạm 1   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 84 | Chủ nghĩa tư bản hiện đại và Chủ nghĩa xã hội hiện thực      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 85 | Bài tập nhận thức trong dạy học Lịch sử và Địa lí            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 86 | Giáo dục dân số, môi trường trong dạy học Lịch sử và Địa lí  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 87 | Phương tiện kĩ thuật trong dạy học Lịch sử và Địa lí         | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 88 | Thực tập sư phạm 2   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm + thực tập giảng dạy: 100%           |
| 89 | Khóa luận tốt nghiệp   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 6 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận: 100%                                    |
| 90 | Phát triển năng lực học sinh trong dạy học Lịch sử và Địa lí | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |
| 91 | Một số vấn đề địa lí hiện đại                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận   |

|    |   |  |   |          |             |
|----|---|--|---|----------|-------------|
| 92 | Tiến trình hội nhập và phát triển của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 8 | Thi tự luận |
|----|---|--|---|----------|-------------|

## 12. Ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên (Khóa 44, 45, 46, 47)

| STT | Tên môn học                                       | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 2   | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 3   | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 4   | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 5   | Toán cao cấp 1                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi tự luận                    |
| 6   | Tế bào và hệ thống sống                           | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 7   | Sinh học thực vật                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 15  | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ   | 4          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 16  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 17  | Nhập môn Khoa học tự nhiên                        | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 18  | Toán cao cấp 2                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 19  | Sinh học động vật                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2          | Học kỳ 2             | Thi tự luận                    |
| 20  | Thực hành sinh học 1                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 21  | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2          | Học kỳ 2             | Thi vấn đáp                    |
| 22  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 23  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 24  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 25 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 27 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 28 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành   |
| 29 | Tâm lý học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 30 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 3 | Thi trắc nghiệm |
| 31 | Xác suất thống kê                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 32 | Con người, dinh dưỡng và sức khỏe                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 33 | Cơ sở Vật lí 1                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 34 | Hóa học đại cương                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 3 | Thi tự luận     |
| 35 | Khoa học về Trái đất                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 36 | Tiến hóa và sinh thái môi trường                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 3 | Thi vấn đáp     |
| 37 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 38 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chày 3) (*)             | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 39 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 40 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 41 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 42 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 43 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất   | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành   |
| 44 | Giáo dục học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 4 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 45 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm |
| 46 | Cơ sở Vật lí 2                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 47 | Di truyền học                                     | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 48 | Hóa học hữu cơ 1                                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 49 | Hóa học vô cơ 1                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 4 | Thi tự luận     |
| 50 | Thực hành cơ sở Vật lí 1                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành   |
| 51 | Thực hành Hóa học đại cương                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành   |

|    |  |  |   |          |                 |
|----|--|--|---|----------|-----------------|
| 52 | Thực hành sinh học 2                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành   |
| 53 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                   | Trang bị kiến thức khoa học chính trị và pháp luật   | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm |
| 54 | Khởi nghiệp  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 55 | Lý luận dạy học môn khoa học tự nhiên                  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 56 | Cơ sở Vật lí 3   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 57 | Dao động và sóng                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 58 | Hóa học hữu cơ 2                                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 59 | Hóa học vô cơ 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 60 | Thiên văn học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 61 | Thực hành cơ sở Vật lí 2                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 62 | Thực hành sinh học 3                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 63 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)                    | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 64 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)                    | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 65 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)                    | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi tự luận     |
| 66 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)                    | Trang bị kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành   |
| 67 | Bài tập môn khoa học tự nhiên ở trường Trung học cơ sở | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 68 | Dạy học chủ đề chất và sự biến đổi của chất            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 69 | Dạy học chủ đề năng lượng và sự biến đổi               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 70 | Dạy học chủ đề vật sống                                | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 71 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1                          | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 72 | Hóa học và đời sống                                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 73 | Năng lượng và môi trường                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 6 | Thi tự luận     |
| 74 | Thực hành cơ sở Vật lí 3                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 75 | Thực hành Hóa học hữu cơ                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |



|    |   |  |   |          |   |
|----|---|--|---|----------|---|
| 76 | Thực hành Hóa học vô cơ   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 6 | Thi thực hành   |
| 77 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Khoa học tự nhiên                      | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 78 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 79 | Thí nghiệm trong dạy học môn khoa học tự nhiên                              | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 80 | Thực tập sư phạm 1  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 1 | Học kỳ 7 | Viết giáo án + lập kế hoạch giảng dạy và giáo dục: 100% |
| 81 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Khoa học tự nhiên            | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành   |
| 82 | Hoạt động trải nghiệm môn Khoa học tự nhiên                                 | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 83 | Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Khoa học tự nhiên | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 84 | Tổ chức hoạt động giáo dục STEM ở trường Trung học cơ sở                    | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 85 | Các phương pháp phân tích hóa lí hiện đại                                   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 86 | Hóa học các hợp chất thiên nhiên  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 87 | Hóa kỹ thuật  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 88 | Sinh học hiện đại   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 89 | Trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sống                               | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 90 | Vi sinh vật học và ứng dụng   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 91 | Vật lý hiện đại   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 92 | Vật lý trong đời sống   | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 93 | Vũ trụ học  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 2 | Học kỳ 7 | Thi tự luận   |
| 94 | Thực tập sư phạm 2  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 5 | Học kỳ 8 | Thực tập chủ nhiệm + thực tập giảng dạy: 100%           |
| 95 | Khóa luận tốt nghiệp  | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 6 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận:   |

|    |  |  |   |          |             |
|----|--|--|---|----------|-------------|
|    |  | ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ)  |   |          | 100%        |
| 96 | Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong dạy học Khoa học tự nhiên | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 8 | Thi tự luận |
| 97 | Một số vấn đề chọn lọc trong Khoa học tự nhiên                       | Trang bị kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ) | 3 | Học kỳ 8 | Thi tự luận |

## II. KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC VÀ MẦM NON

### 1. Chuyên ngành Giáo dục tiểu học (Khóa 44, 45, 46, 47)

| STT | Tên môn học                 | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên | Trọng số  |         |
|-----|-----------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|-----------|---------|
|     |                             |   |            |                      |                                | Quá trình | Cuối kỳ |
| 1   | Triết học Mác Lênin         |   | 3          | HK I                 |                                |           |         |
| 2   | Tin học cơ sở               |   | 3          | HK I                 |                                |           |         |
| 3   | Tiếng Anh 1                 |   | 3          | HK I                 |                                |           |         |
| 4   | Tâm lý học đại cương        | Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về tâm lý học: các hiện tượng và quy luật tâm lý, các phương pháp nghiên cứu tâm lý, phạm trù hoạt động – giao tiếp – ý thức, hoạt động nhận thức và nhân cách.  | 2          | HK I                 | Thi viết                       |           |         |
| 5   | Mĩ học                      | - Kiến thức đại cương về lí luận thẩm mỹ với tư cách là <i>triết học về nghệ thuật</i> hay <i>lí luận sáng tạo</i> .<br>- Kỹ năng vận dụng tri thức mỹ học cơ bản vào thực tiễn cuộc sống và giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em<br>- Hứng thú với nội dung tri thức và thường xuyên vận dụng sáng tạo các nguyên tắc thẩm mỹ trong đời sống cá nhân và cộng đồng | 2          | HK I                 | Thi viết                       | 40%       | 60%     |
| 6   | Cơ sở văn hóa Việt Nam      | Giúp sinh viên hiểu biết về văn hoá Việt Nam một cách có hệ thống, có phương pháp tiếp cận đối tượng phù hợp và tham gia tích cực vào việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.   | 2          | HK I                 | Thi viết                       | 40%       | 60%     |
| 7   | Giáo dục môi trường         | - Môn học giúp sinh viên nắm được kiến thức và chức năng của môi trường đối với con người và tự nhiên.<br>- Hình thành phát triển ở sinh viên thói quen, những hành vi, ứng xử văn minh, lịch sự và thân thiện với môi trường.<br>- Biết cách tích hợp, lồng ghép nội dung GDMT trong các môn học ở tiểu học.   | 2          | HK I                 | Thi viết                       | 40%       | 60%     |
| 8   | Cơ sở ngôn ngữ học          | Học phần Cơ sở Ngôn ngữ học xây dựng và nghiên cứu những lý luận chung khái quát về ngôn ngữ loài người.  | 2          | HK I                 | Thi viết                       | 40%       | 60%     |
| 9   | Giáo dục thể chất 1         |   | 1          | HK I                 |                                |           |         |
| 10  | Kinh tế chính trị Mác Lênin |   | 2          | HK II                |                                |           |         |
| 11  | Pháp luật đại cương         |   | 2          | HK II                |                                |           |         |
| 12  | Tiếng Anh 2                 |   | 4          | HK II                |                                |           |         |

|    |                                      |   |   |        |          |     |     |
|----|--------------------------------------|---|---|--------|----------|-----|-----|
| 13 | Kỹ năng giao tiếp                    |   | 2 | HK II  |          |     |     |
| 14 | Rèn luyện kỹ năng Tiếng Việt 1       | - Học phần Rèn luyện kỹ năng tiếng Việt 1 hình thành và phát triển ở sinh viên những kỹ năng cơ bản của hoạt động dạy học nói chung và dạy học tiếng Việt nói riêng ở tiểu học. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên có ý thức phấn đấu để trở thành người giáo viên có tay nghề vững vàng.  | 2 | HK II  | Vấn đáp  | 50% | 50% |
| 15 | Giáo dục học đại cương               | - Đào tạo giáo viên tiêu học có trình độ đại học, thực hiện có hiệu quả công tác.   | 2 | HK II  | Thi viết |     |     |
| 16 | Lý thuyết tập hợp và logic toán      | - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở của toán học cao cấp như tập hợp, quan hệ, ánh xạ.<br>- Giúp sinh viên hiểu biết một số kiến thức cơ bản về logic học.<br>- Giúp sinh viên học tiếp các môn toán học khác trong chương trình bậc đại học và sau đại học.<br>- Chủ động tìm tòi, phát hiện và khám phá các ứng dụng của logic toán trong dạy học sau này.   | 3 | HK II  | Thi viết | 40% | 60% |
| 17 | Sinh lý học trẻ em                   | - Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về cấu tạo, chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể người và trẻ em, nhằm giảng dạy tốt môn Tự nhiên và xã hội và môn Khoa học ở tiểu học.  | 2 | HK II  | Thi viết | 40% | 60% |
| 18 | Giáo dục thể chất 2                  |   | 1 | HK II  |          |     |     |
| 19 | Giáo dục Quốc phòng - an ninh 1      |   | 3 | HK II  |          |     |     |
| 20 | Giáo dục Quốc phòng - an ninh 2      |   | 2 | HK II  |          |     |     |
| 21 | Giáo dục Quốc phòng - an ninh 3      |   | 2 | HK II  |          |     |     |
| 22 | Giáo dục Quốc phòng - an ninh 4      |   | 2 | HK II  |          |     |     |
| 23 | Chủ nghĩa xã hội khoa học            |   | 2 | HK III |          |     |     |
| 24 | Nhập môn lý thuyết xác suất thống kê | - Nắm được các mô hình xác suất (xác suất theo tần suất, xác suất cổ điển), các tính chất của xác suất, công thức nhân, công thức đầy đủ.<br>- Nắm được khái niệm biến ngẫu nhiên, biến ngẫu nhiên rời rạc và bảng phân phối của nó, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên (kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn, hệ số biến sai).<br>- Biết trình bày các số liệu thích hợp, biết so sánh hai số trung bình với mẫu lớn, mẫu bé. Vận dụng được vào công tác nghiên cứu khoa học giáo dục. | 2 | HK III | Thi viết | 40% | 60% |
| 25 | Cấu trúc đại số và tập hợp số        | - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở của toán học cao cấp như nhóm, vành, trường.<br>- Giúp sinh viên hiểu biết một cách sâu sắc về sự hình thành các tập hợp số: $N, Z, Q, R, C$ .<br>- Giúp sinh viên tiếp thu các môn toán học khác trong chương trình bậc đại học và sau đại học một cách thuận lợi.<br>- Chủ động tìm tòi, phát hiện và khám phá thêm những kiến thức về các tập hợp số để vận dụng chúng vào dạy học các tập hợp số ở tiểu học.                         | 3 | HK III | Thi viết | 40% | 60% |
| 26 | Âm nhạc cơ bản                       | - Kiến thức: cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc như: âm thanh - phương pháp ký âm, nhịp điệu – các loại nhịp – nhịp độ, quãng, điệu thức, hợp âm.<br>- Kỹ năng: hình thành cho người học những kỹ năng ghi chép nhạc cơ bản. Hình thành kỹ năng nhận biết và xử lý thông tin trên các các phẩm âm nhạc  | 2 | HK III | Thi viết | 40% | 60% |

|    |                                      |  |   |        |          |     |     |
|----|--------------------------------------|--|---|--------|----------|-----|-----|
|    |                                      | phục vụ cho chương trình giáo dục nghệ thuật âm nhạc ở trường tiểu học.<br>- Thái độ, chuyên cần: thông qua những kiến thức cơ bản chung nhất, người học có thái độ hưởng ứng tích cực đối với nghệ thuật âm nhạc nói chung và chương trình đào tạo của bộ môn nói riêng. Giáo dục và hình thành thị hiếu thẩm mỹ âm nhạc lành mạnh, tạo hứng thú cho người học. Giúp cho người học có thể làm chủ những kiến thức âm nhạc cơ bản để có thể nắm bắt được nội dung dạy học âm nhạc trong nhà trường Tiểu học và có thể giảng dạy (nếu cần thiết). |   |        |          |     |     |
| 27 | Lý thuyết văn học                    | - Kiến thức đại cương về lí thuyết văn học<br>- Kỹ năng vận dụng tri thức lí thuyết văn học vào nghiên cứu, đọc hiểu văn bản văn học và thực tiễn dạy học văn ở Tiểu học.<br>- Hứng thú với nội dung tri thức và thường xuyên vận dụng sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy.  | 2 | HK III | Thi viết | 40% | 60% |
| 28 | Từ loại và câu tiếng Việt            | - Giới thiệu các kiến thức cơ bản, hiện đại, thiết thực về bản chất chức năng hệ thống tiếng Việt hiện đại liên quan đến học phần từ loại và câu tiếng Việt.<br>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về từ loại tiếng Việt hiện đại và ngữ pháp câu tiếng Việt để có thể giảng dạy những kiến thức cơ bản của phân môn tiếng Việt ở chương trình tiếng Việt tiểu học.  | 3 | HK III | Thi viết | 40% | 60% |
| 29 | PPDH Tự nhiên – Xã hội 1             | - Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản mục tiêu, nội dung, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, cách đánh giá các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học.   | 2 | HK III | Thi viết | 50% | 50% |
| 30 | Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt          | Cung cấp những kiến thức cơ bản về ngữ âm và từ vựng của tiếng Việt, tạo tiền đề cho việc tiếp thu học phần PPDH Tiếng Việt về sau. Liên hệ với những vấn đề nảy sinh khi dạy học các phân môn Tiếng Việt: Tập đọc, Chính tả, Luyện từ và câu...   | 3 | HK III | Thi viết | 40% | 60% |
| 31 | Giáo dục thể chất 3                  |  | 1 | HK III |          |     |     |
| 32 | Lịch sử Đảng CSVN                    |  | 2 | HK IV  |          |     |     |
| 33 | Ngữ pháp văn bản tiếng Việt          | - Giới thiệu các kiến thức cơ bản, thiết thực về ngữ pháp văn bản tiếng Việt.<br>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về văn bản tiếng Việt để giảng dạy phân môn tiếng Việt ở chương trình tiếng Việt tiểu học.   | 2 | HK IV  | Thi viết | 40% | 60% |
| 34 | Phong cách học tiếng Việt            | - Nghiên cứu những giá trị biểu đạt, biểu cảm cảm xúc, giá trị phong cách của những phương tiện ngôn ngữ và những hoàn cảnh giao tiếp tiêu biểu và với những điều kiện giao tiếp nhất định.<br>- Nghiên cứu về hiệu quả của diễn đạt ngôn ngữ<br>- Nghiên cứu về những nguyên tắc lựa chọn và sử dụng những phương tiện ngôn ngữ.  | 2 | HK IV  | Thi viết | 40% | 60% |
| 35 | Lý luận giáo dục và dạy học Tiểu học | - Đào tạo giáo viên tiểu học có trình độ đại học, thực hiện có hiệu quả công tác dạy học và giáo dục học sinh tiểu học theo tinh thần đổi mới.   | 3 | HK IV  | Thi viết | 30% | 70% |
| 36 | Tâm lý học Tiểu học                  | - Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của Tâm lý học tiểu học; hình thành kỹ năng giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong nội dung học phần; bồi dưỡng thái độ, tình cảm tích cực đối với việc học tập, nghiên cứu về những vấn đề của Tâm lý học tiểu học.  | 2 | HK IV  | Thi viết | 30% | 70% |
| 37 | Văn học dân gian                     | - Giới thiệu chung về Văn học dân gian; xác định những đặc trưng cơ bản  | 2 | HK IV  | Thi viết | 40% | 60% |

|    |   |   |   |       |               |     |     |
|----|---|---|---|-------|---------------|-----|-----|
|    |   | phân biệt VHDG với văn học viết; đồng thời khái quát giá trị cơ bản của bộ phận văn học này.<br>- Tìm hiểu những đặc điểm thể loại truyện cổ dân gian và các thể loại văn bản dân gian.   |   |       |               |     |     |
| 38 | Số học  | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép chia hết, phép chia với dư, phương trình đồng dư<br>- Hình thành cho sinh viên kỹ năng giải các bài toán về phép chia hết, chia với dư, các bài toán về phương trình đồng dư thường gặp trong thực tế đời sống, trong toán học ở phổ thông.<br>- Sinh viên có tinh thần hợp tác, chủ động tìm tòi đồng thời phát huy năng lực cá nhân để chủ động vận dụng toán học vào thực tiễn giáo dục. | 2 | HK IV | Thi viết      | 40% | 60% |
| 39 | Thủ công - kỹ thuật                           | - Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Thủ công – Kỹ thuật: sản phẩm, vật liệu, dụng cụ, quy trình tạo ra sản phẩm cụ thể. Sau khi nắm bắt được các yêu cầu cần thiết, sinh viên được hướng dẫn cách thức vận dụng trong việc lựa chọn, chuẩn bị các vật liệu, dụng cụ cần thiết để thực hiện các sản phẩm theo quy trình kỹ thuật.   | 2 | HK IV | Thi viết      | 40% | 60% |
| 40 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                          |   | 2 | HK V  |               |     |     |
| 41 | Khởi nghiệp                                   |   | 2 | HK V  |               |     |     |
| 42 | Mỹ thuật cơ bản                               | - Trang bị một số kiến thức cơ bản và cần thiết về lý thuyết trong bộ môn mỹ thuật.<br>- Sử dụng thành thạo các dụng cụ học vẽ. Thực hiện tốt các bài vẽ chất liệu chì, bài vẽ màu theo yêu cầu nội dung chương trình. Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học.   | 2 | HK V  | Thi thực hành | 40% | 60% |
| 43 | PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1                  | - Học phân cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về Phương pháp dạy học tiếng Việt, kĩ năng tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa, sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học, đồng thời rèn luyện cho các em kĩ năng cơ bản liên quan đến phương pháp dạy học các phân môn của môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học: Học văn, Tập đọc, Kể chuyện.   | 2 | HK V  | Thi viết      | 50% | 50% |
| 44 | PPDH Toán ở tiểu học 1                        | - Giúp cho sinh viên nắm được các đối tượng, nhiệm vụ, nội dung của môn toán ở tiểu học, cơ sở khoa học của phương pháp dạy học, các nguyên lý giáo dục trong dạy học và các phương pháp dạy học các kiến thức của môn toán ở bậc tiểu học.<br>- Nhận thức được quá trình dạy học các kiến thức của môn toán ở bậc tiểu học từ nội dung và phương pháp dạy học.   | 2 | HK V  | Thi viết      | 50% | 50% |
| 45 | Ngữ dụng học                                  | - Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về: nghĩa chiếu vật và chỉ xuất, hành vi ngôn ngữ, hội thoại, lập luận.<br>- Tạo tiền đề cho việc dạy tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp.   | 2 | HK V  | Thi viết      | 40% | 60% |
| 46 | Câu tiếng Việt dưới góc độ ngữ pháp chức năng | Học phần này nhằm giới thiệu lý thuyết ngữ pháp chức năng được ứng dụng vào tiếng Việt. Những vấn đề này phản ánh những thành tựu mới về nghiên cứu tiếng Việt đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng tiềm lực khoa học và sự phạm của sinh viên. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức để khắc phục một số nhược điểm của ngữ pháp hình thức thuần túy góp phần nâng cao năng lực học câu và dạy câu tiếng Việt.   | 2 | HK V  | Thi viết      | 40% | 60% |

|    |   |  |   |       |          |     |     |
|----|---|--|---|-------|----------|-----|-----|
| 47 | PPDH Thủ công – kỹ thuật                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) hệ thống hiểu biết về lý luận tổ chức dạy học môn Thủ công – Kỹ thuật theo yêu cầu mới.</li> <li>- Rèn luyện cho sinh viên ngành GDTH các kỹ năng: Kỹ năng lập kế hoạch dạy học, Kỹ năng tổ chức dạy học nhằm đạt được các mục tiêu về truyền đạt kiến thức, hình thành kỹ năng dạy học và giáo dục học sinh.</li> </ul>  | 2 | HK V  | Thi viết | 50% | 50% |
| 48 | Giáo dục Âm nhạc                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức thông thường về âm nhạc, cơ sở lý luận chung về dạy học âm nhạc cho học sinh tiểu học. Nắm vững mục đích yêu cầu, nội dung chương trình dạy học âm nhạc trong nhà trường tiểu học. Người học nắm hệ thống phương pháp dạy học âm nhạc trong trường tiểu học.</li> <li>* Kỹ năng: hình thành cho người học những kỹ năng thiết kế, biên soạn những giáo án giảng dạy âm nhạc trong nhà trường tiểu học và thực hiện các tiết dạy đó..</li> <li>* Thái độ, chuyên cần: qua những kiến thức được cung cấp, người học có thái độ hưởng ứng tích cực đối với hoạt động dạy học âm nhạc ở trường tiểu học.</li> </ul> | 2 | HK V  | Thi viết | 50% | 50% |
| 49 | Suy luận và chứng minh                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về logic mệnh đề, suy luận, phương pháp giải các bài toán về suy luận logic và các phương pháp chứng minh trong toán học để vận dụng vào việc giải toán tiểu học.</li> <li>- Hình thành kỹ năng giải các bài toán về suy luận logic và vận dụng các phương pháp chứng minh trong toán tiểu học.</li> <li>- Sinh viên có tinh thần hợp tác, chủ động tìm tòi, phát hiện và khám phá các ứng dụng của logic mệnh đề và chứng minh trong dạy học toán tiểu học.</li> </ul>   | 2 | HK VI | Thi viết | 40% | 60% |
| 50 | Văn học thiếu nhi                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về văn học thiếu nhi, nhất là văn học thiếu nhi Việt Nam, đồng thời hình thành kỹ năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học thiếu nhi, đáp ứng yêu cầu dạy học ở tiểu học.</li> </ul>   | 3 | HK VI | Thi viết | 40% | 60% |
| 51 | Chuyên đề Toán 1                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nắm được khái niệm đồ thị, cách biểu diễn đồ thị bằng hình học, nhận biết đường đi Euler; biết tìm đường đi trong một sơ đồ địa phương; sử dụng phương pháp sơ đồ trong dạy học toán: Giải toán, sáng tác đề toán</li> </ul>  | 2 | HK VI | Thi viết | 40% | 60% |
| 52 | Chuyên đề Văn                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: Nắm được lý thuyết một số thể loại văn học thiếu nhi tiêu biểu, các tác phẩm văn học Việt Nam và thế giới liên quan;</li> <li>- Kỹ năng: Biết nhận diện, phân tích tác phẩm văn học thiếu nhi theo thể loại;</li> <li>- Thái độ: Coi trọng các sáng tạo của nhà văn viết cho thiếu nhi.</li> </ul>   | 2 | HK VI | Thi viết | 40% | 60% |
| 53 | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Tiểu học | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo giáo viên tiểu học có trình độ đại học, thực hiện có hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học giáo dục trong lĩnh vực dạy học và giáo dục học sinh tiểu học với tinh thần đổi mới.</li> </ul>  | 2 | HK VI | Thi viết | 40% | 60% |
| 54 | PPDH Toán ở tiểu học 2                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học môn toán theo nội dung chương trình và sách giáo khoa môn toán ở tiểu học, vận dụng những phương pháp dạy học toán ở tiểu học vào một số tiết học toán ở tiểu học.</li> <li>- Hình thành và rèn luyện những kỹ năng cơ bản về dạy học môn toán ở tiểu học.</li> <li>- Bồi dưỡng tình cảm nghề</li> </ul>   | 3 | HK VI | Thi viết | 50% | 50% |
| 55 | Rèn luyện kỹ năng Toán 1                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp cho sinh viên nắm được quy trình các bước để thực hiện một giờ giảng</li> </ul>  | 2 | HK VI | Thi viết | 50% | 50% |

|    |                                |  |   |        |           |   |     |
|----|--------------------------------|--|---|--------|-----------|---|-----|
|    |                                | và phương pháp thực hiện một giờ giảng có hiệu quả.<br>- Nhận thức được quá trình dạy học các kiến thức toán học cho học sinh ở tiểu học từ nội dung và phương pháp dạy học.   |   |        |           |   |     |
| 56 | Rèn luyện kỹ năng tiếng Việt 2 | - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các dạng văn bản.<br>- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tạo lập các loại văn bản, đặc biệt là văn miêu tả và văn kể chuyện.  | 2 | HK VI  | Thi viết  | 40%   | 60% |
| 57 | Rèn luyện kỹ năng Toán 2       | - Giúp cho sinh viên nắm được quy trình các bước để thực hiện một giờ giảng và phương pháp thực hiện một giờ giảng bài tập hiệu quả.<br>- Nhận thức được quá trình dạy học các kiến thức toán học cho học sinh ở tiểu học từ nội dung và phương pháp dạy học.  | 2 | HK VII | Thi viết  | 40%   | 60% |
| 58 | Chuyên đề Toán 2               | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về không gian vectơ, một phần trong hệ thống kiến thức về toán học cao cấp.<br>- Với khối lượng kiến thức tích lũy này, sinh viên có năng lực chuyên sâu về toán học có thể học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngành phương pháp dạy học toán tiểu học.<br>- Sinh viên có tinh thần hợp tác trên cơ sở hoạt động độc lập đồng thời phát huy cá nhân, từ đó chủ động vận dụng toán học vào thực tiễn giáo dục.   | 2 | HK VII | Thi viết  | 40%   | 60% |
| 59 | Thực hành công tác Sao - Đội   | - Cung cấp kiến thức cơ bản về kỹ năng công tác Sao – Đội phục vụ công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở cấp Tiểu học<br>- Hiểu và thực hiện thành thạo các kỹ năng về công tác Sao – Đội, có năng lực tổ chức và thực hiện công tác Sao – Đội trong đơn vị lớp chủ nhiệm ở cấp Tiểu học   | 1 | HK VII | Thực hành | 50%   | 50% |
| 60 | Đạo đức và PPDH Đạo đức        | a. Về kiến thức:<br>- Nhận thức sâu sắc về các vấn đề cơ bản: đạo đức, các phạm trù cơ bản của đạo đức, cấu trúc đạo đức của cá nhân, đánh giá đạo đức của cá nhân.<br>- Nắm vững nội dung chương trình môn Đạo đức ở tiểu học<br>- Nắm vững các phương pháp và phương tiện dạy học môn Đạo đức ở tiểu học theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học.<br>b. Về kỹ năng:<br>- Sử dụng và phối hợp được các phương pháp và phương tiện dạy học cho môn Đạo đức ở trường tiểu học.<br>- Thiết kế được bài giảng Đạo đức theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học.<br>- Thực hiện được tiết lên lớp môn Đạo đức đạt mục tiêu của bài học.<br>- Có kỹ năng đánh giá đạo đức của học sinh tiểu học.<br>c. Về thái độ:<br>- Có thái độ đúng đắn về vị trí của môn Đạo đức ở tiểu học, không xem nhẹ, coi thường bộ môn này.<br>- Có trách nhiệm rèn luyện đạo đức của người giáo viên tiểu học để thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học và giáo dục đạo đức cho học sinh. | 2 | HK VII | Thi viết  | 30%<br>(Trong đó: Điểm chuyên cần: 10%,<br>Điểm giữa kỳ: 20%) | 70% |
| 61 | Giáo dục Mỹ thuật              | - Trang bị kiến thức cơ bản về cho việc thường thức tác phẩm nghệ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học<br>- Biết vận dụng một cách có hiệu quả phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu   | 2 | HK VII | Thi viết  | 40%   | 60% |

|      |  |   |   |         |          |     |     |
|------|--|---|---|---------|----------|-----|-----|
|      |  | học.  |   |         |          |     |     |
| 62   | Toán học 4   | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng giải toán cơ bản về hệ thức lượng trong tam giác và ứng dụng của một số định lý hình học cổ điển vào tam giác; phương trình, hệ phương trình và ứng dụng của phương trình, hệ phương trình trong giải toán ở tiểu học.<br>- Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và sử dụng linh hoạt các kết quả đã học vào việc học tập và giảng dạy sau này.  | 2 | HK VII  | Thi viết | 40% | 60% |
| 63   | PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 2   | - Học phần PPDHTV2 cung cấp, rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng dạy học <i>Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn</i> trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên có ý thức phấn đấu để trở thành người giáo viên có tay nghề vững vàng.  | 3 | HK VII  | Thi viết | 50% | 50% |
| 64   | PPDH Tự nhiên - Xã hội 2   | - Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản mục tiêu, nội dung, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, cách đánh giá các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở tiểu học.  | 2 | HK VII  | Thi viết | 50% | 50% |
| 65   | Thực tập sư phạm 1   |   | 1 | HK VII  |          |     |     |
| 66   | Thực tập sư phạm 2   |   | 5 | HK VIII |          |     |     |
| 67   | Khóa luận tốt nghiệp   |   |   | HK VIII |          |     |     |
| 68   | Các học phần thay thế TN   |   |   | HK VIII |          |     |     |
| 68.1 | Suy luận - chứng minh & ứng dụng CNTT trong dạy học tiểu học                       | - Sinh viên phân biệt được về khái niệm mệnh đề và hàm mệnh đề; suy luận nghe có lý và suy luận hợp logic; phân tích được suy luận trong các bước của quá trình lập luận, chứng minh; biết cách tìm ra kiến thức mới.<br>- Sinh viên rèn luyện tốt năng lực sáng tạo, rèn luyện phương pháp nghiên cứu trong học tập và khai thác thích hợp công nghệ thông tin (trong đó có phần mềm dạy học) và truyền thông để có thể tạo ra những đổi mới trong dạy học.<br>- Giúp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về phần mềm dạy học ở tiểu học và các ứng dụng của môn học ở tiểu học và các cấp bậc cao hơn. | 3 | HK VIII | Thi viết | 40% | 60% |
| 68.2 | Truyện đồng thoại với việc rèn luyện kỹ năng làm văn miêu tả cho học sinh tiểu học | - Kiến thức: Hiểu biết cặn kẽ về phương diện miêu tả trong truyện đồng thoại;<br>- Kỹ năng: Biết nhận diện, phân tích các đoạn văn miêu tả trong truyện đồng thoại;<br>- Thái độ: Coi trọng nghệ thuật miêu tả của nhà văn viết đồng thoại, xem đó là một nguồn văn mẫu tích cực phục vụ cho công việc dạy học.   | 2 | HK VIII | Thi viết | 40% | 60% |
| 68.3 | Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học      | - Kiến thức<br>+ CO1: Diễn giải những kiến thức cơ bản về bồi dưỡng học sinh tiểu học có năng khiếu về toán.<br>+ CO2: Nhận diện được quá trình bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán từ nội dung bồi dưỡng và phương pháp thực hiện.<br>- Kỹ năng<br>+ CO3: Khám phá để nghiên cứu bộ môn một cách tốt nhất. Qua đó hình thành những kỹ năng cần thiết có tính nghiệp vụ trong dạy học môn toán cho đối tượng là học sinh có năng khiếu toán.<br>+ CO4: Giải thích được các đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu bộ môn bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán.                                  | 2 | HK VIII | Thi viết | 40% | 60% |



|      |   |   |   |         |          |     |     |
|------|---|---|---|---------|----------|-----|-----|
|      |   | - Mức tự chủ và trách nhiệm<br>+ CO5: Hình thành lập trường, có tinh thần học hỏi, biết phát huy tính chuyên cần, chăm chỉ và sáng tạo trong nghiên cứu bộ môn.<br>+ CO6: Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn toán.  |   |         |          |     |     |
| 68.4 | Ngữ điệu đọc diễn cảm và kỹ năng tạo câu chữa lỗi câu | Mục tiêu của học phần nằm trong mục tiêu chung của chương trình đào tạo của Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non. Sinh viên trong và sau khi hoàn thành học phần có thể đạt được:<br><b>- Kiến thức</b><br>+ CO1: Diễn giải được tri thức đại cương về lí thuyết đọc diễn cảm, nhận diện được các thể loại văn bản, và sử dụng ngữ điệu đọc tốt các loại văn bản.<br>+ CO2: Sinh viên có kĩ năng tạo câu. phân tích, nhận diện các lỗi về câu, chữa lỗi câu.<br>+ CO3: Đánh giá các quan điểm, quan niệm về câu trong lịch sử của ngữ pháp truyền thống.<br><b>- Kỹ năng:</b><br>+ CO4: Phân tích được các loại văn bản văn học, cách sử dụng ngữ điệu khi đọc.<br>+ CO5: Phân biệt tốt các quan điểm về mở rộng câu và các loại lỗi câu.<br>+ CO6: Khám phá ra cái mới trong hoạt động đọc và giao dịch thâm mĩ trong hoạt động lời nói, dùng từ, đặt câu ở trường tiểu học.<br><b>- Mức tự chủ và trách nhiệm</b><br>+ CO7: Hình thành lập trường, quan điểm cá nhân.<br>+ CO8: Chịu trách nhiệm về đọc đúng ngữ điệu và hay trong các thể loại văn bản, chịu trách nhiệm về viết câu, chữa lỗi câu. | 2 | HK VIII | Thi viết | 40% | 60% |

## 2. Ngành Giáo dục Mầm non (Khóa 44, 45, 46, 47)

| STT | Tên môn học          | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên | Trọng số  |         |
|-----|----------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|-----------|---------|
|     |                      |   |            |                      |                                | Quá trình | Cuối kỳ |
| 1   | Triết học Mác Lênin  |   | 3          | HK I                 |                                |           |         |
| 2   | Tin học cơ sở        |   | 3          | HK I                 |                                |           |         |
| 3   | Tiếng Anh 1          |   | 3          | HK I                 |                                |           |         |
| 4   | Tâm lý học đại cương | - Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về tâm lý học: các hiện tượng và quy luật tâm lý, các phương pháp nghiên cứu tâm lý, phạm trù hoạt động – giao tiếp – ý thức, hoạt động nhận thức và nhân cách.  | 2          | HK I                 | Thi viết                       |           |         |
| 5   | Mĩ học               | - Kiến thức đại cương về lí luận thâm mĩ với tư cách là <i>triết học về nghệ thuật</i> hay <i>lí luận sáng tạo</i> .<br>- Kỹ năng vận dụng tri thức mỹ học cơ bản vào thực tiễn cuộc sống và giáo dục thâm mĩ cho trẻ em.<br>- Hứng thú với nội dung tri thức và thường xuyên vận dụng sáng tạo các nguyên tắc thâm mĩ trong đời sống cá nhân và cộng đồng. | 2          | HK I                 | Thi viết                       | 40%       | 60%     |

|    |                                 |  |   |        |           |     |     |
|----|---------------------------------|--|---|--------|-----------|-----|-----|
| 6  | Cơ sở văn hóa Việt Nam          | - Giúp sinh viên hiểu biết về văn hoá Việt Nam một cách có hệ thống, có phương pháp tiếp cận đối tượng phù hợp và tham gia tích cực vào việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.  | 2 | HK I   | Thi viết  | 40% | 60% |
| 7  | Toán cơ sở 1                    | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hình thành kỹ năng giải các bài tập về tập hợp, quan hệ, ánh xạ; để học viên có thể vận dụng các kiến thức đã học vào việc giảng dạy.<br>- Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về logic mệnh đề; nắm vững các quy tắc suy luận toán học để hình thành các kỹ năng suy luận, lập luận logic để sinh viên học tiếp các môn toán học khác trong chương trình đại học và sau đại học.<br>- Chủ động tìm tòi, phát hiện và khám phá các ứng dụng của logic toán trong dạy học sau này. | 2 | HK I   | Thi viết  | 40% | 60% |
| 8  | Cơ sở ngôn ngữ học              | - Học phân Cơ sở Ngôn ngữ học xây dựng và nghiên cứu những lý luận chung khái quát về ngôn ngữ loài người.   | 2 | HK I   | Thi viết  | 40% | 60% |
| 9  | Giáo dục thể chất 1             |  | 1 | HK I   |           |     |     |
| 10 | Kinh tế chính trị Mác Lênin     |  | 2 | HK II  |           |     |     |
| 11 | Pháp luật đại cương             |  | 2 | HK II  |           |     |     |
| 12 | Tiếng Anh 2                     |  | 4 | HK II  |           |     |     |
| 13 | Kỹ năng giao tiếp               |  | 2 | HK II  |           |     |     |
| 14 | Lý thuyết văn học               | - Kiến thức đại cương về lí thuyết văn học<br>- Kỹ năng vận dụng tri thức lí thuyết văn học vào nghiên cứu, đọc hiểu văn bản văn học và thực tiễn dạy học văn ở Mầm non.<br>- Hứng thú với nội dung tri thức và thường xuyên vận dụng sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy.   | 2 | HK II  | Thi viết  | 40% | 60% |
| 15 | Rèn luyện kỹ năng tiếng Việt    | - Học phân Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt giúp sinh viên trang bị những kiến thức, rèn luyện những kỹ năng cơ bản cho sinh viên về dạy học tiếng Việt ở trường mầm non.  | 2 | HK II  | Vấn đáp   | 50% | 50% |
| 16 | Mỹ thuật cơ bản                 | - Trang bị một số kiến thức cơ bản và cần thiết về lý thuyết trong bộ môn mỹ thuật<br>- Sử dụng thành thạo các dụng cụ học vẽ. Thực hiện tốt các bài vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh ... Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học.  | 3 | HK II  | Thực hành | 40% | 60% |
| 17 | Giáo dục thể chất 2             |  | 1 | HK II  |           |     |     |
| 18 | Giáo dục Quốc phòng - an ninh 1 |  | 3 | HK II  |           |     |     |
| 19 | Giáo dục Quốc phòng - an ninh 2 |  | 2 | HK II  |           |     |     |
| 20 | Giáo dục Quốc phòng - an ninh 3 |  | 2 | HK II  |           |     |     |
| 21 | Giáo dục Quốc phòng - an ninh 4 |  | 2 | HK II  |           |     |     |
| 22 | Chủ nghĩa xã hội khoa học       |  | 2 | HK III |           |     |     |
| 23 | Giáo dục học đại cương          | - Đào tạo giáo viên mầm non có trình độ đại học, thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non với tinh thần đổi mới.  | 2 | HK III | Thi viết  |     |     |
| 24 | Âm nhạc cơ bản                  | Âm nhạc là nghệ thuật biểu hiện cảm xúc của con người bằng âm thanh, là nghệ thuật của thời gian, của thính giác, nghệ thuật động,... Học âm nhạc để có những kiến thức cơ bản để làm chủ nền văn hóa âm nhạc, để hiểu được những vấn đề   | 3 | HK III | Thi viết  | 40% | 60% |

|    |                             |   |   |        |                    |     |     |
|----|-----------------------------|---|---|--------|--------------------|-----|-----|
|    |                             | liên quan tới nghệ thuật âm nhạc như: âm thanh và phương pháp đọc ghi chép nhạc, khái niệm về tiết tấu, nhịp phách trong âm nhạc. quãng, điệu thức, giọng, gam trong âm nhạc,... Đặc biệt, học phần giúp người học có được kỹ năng đọc ghi chép nhạc ở các giọng có từ 0 đến 2 dấu hóa và những bài hát thiếu nhi ứng dụng.   |   |        |                    |     |     |
| 25 | Văn học dân gian            | - Giới thiệu chung về Văn học dân gian; xác định những đặc trưng cơ bản phân biệt VHĐG với văn học viết; đồng thời khái quát giá trị cơ bản của bộ phận văn học này.<br>- Tìm hiểu những đặc điểm thể loại truyện cổ dân gian và các thể loại văn vần dân gian.   | 2 | HK III | Thi viết           | 40% | 60% |
| 26 | Toán cơ sở 2                | - Trang bị cho sinh viên ngành mầm non những kiến thức chung về Toán cơ sở, song song với việc củng cố lại những kiến thức Toán sơ cấp mà sinh viên đã được học nhằm lĩnh hội, tiếp thu và ứng dụng hiệu quả linh hoạt vào phương pháp giảng dạy Toán cho bậc Mầm non.  | 2 | HK III | Thi viết           | 40% | 60% |
| 27 | Tâm lý học Mầm non          | - Đào tạo giáo viên mầm non có trình độ đại học, nắm vững những đặc điểm tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc và giáo dục trẻ em lứa tuổi này với tinh thần đổi mới.   | 2 | HK III | Thi viết           |     |     |
| 28 | Sinh lý học trẻ em          | - Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về cấu tạo, chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể người và trẻ em mầm non. Biết sử dụng biểu đồ tăng trưởng để đánh giá sức khỏe cho trẻ mầm non. Nắm được cơ sở khoa học để sau khi tốt nghiệp có những kiến thức cơ bản về cơ thể trẻ em lứa tuổi mầm non.  | 2 | HK III | Thi viết           | 40% | 60% |
| 29 | Thực hành giáo dục 1        | - Củng cố cho sinh viên những kiến thức đã được học ở trường đại học, nhất là các môn mang nặng tính chất nghiệp vụ như Tâm lý học mầm non, Vệ sinh phòng bệnh...<br>- Hình thành các kỹ năng nghiệp vụ giáo dục mầm non.   | 1 | HK III | Viết bài thu hoạch |     |     |
| 30 | Vệ sinh trẻ em              | - Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh trẻ em; Các giai đoạn lứa tuổi, sức khỏe và sự phát triển thể chất của trẻ; Vệ sinh các cơ quan và hệ cơ quan; Tổ chức vệ sinh thể chất cũng như giáo dục tư thể đúng cho trẻ; Tổ chức vệ sinh quần áo cho trẻ, Giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ; Tổ chức vệ sinh môi trường.  | 2 | HK III | Thi viết           | 40% | 60% |
| 31 | Giáo dục thể chất 3         |   | 1 | HK III |                    |     |     |
| 32 | Lịch sử Đảng CSVN           |   | 3 | HK IV  |                    |     |     |
| 33 | Ngữ âm - Từ vựng tiếng Việt | - Giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản về tiếng Việt ở hai bình diện ngữ âm và từ vựng.<br>- Tạo tiền đề lí luận cho việc phát triển ngôn ngữ trẻ em lứa tuổi mầm non.  | 3 | HK IV  | Thi viết           | 40% | 60% |
| 34 | Âm nhạc thực hành           | * Kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về nhạc cụ bàn phím điện tử và cách sử dụng thành thạo đàn organ để đệm hát đơn giản những ca khúc mầm non. Cung cấp cho người học những ca khúc cần thiết thường hay sử dụng để dạy trẻ hát, hát cho trẻ nghe và các hoạt động khác trong trường mầm non.<br>* Kỹ năng: hình thành cho người học những kỹ năng cơ bản như: luyện ngón, sử dụng hợp âm đơn, hợp âm kép trong đệm ca khúc đơn giản. Cung cấp kỹ năng ca hát cơ bản để thể hiện các ca khúc dạy trẻ hát, hát cho trẻ nghe và tích | 2 | HK IV  | Thực hành          | 50% | 50% |

|    |  |   |   |       |           |     |     |
|----|--|---|---|-------|-----------|-----|-----|
|    |  | hợp trong một số môn học khác ở trường mầm non.<br>* Thái độ, chuyên cần: qua những kiến thức được cung cấp, người học có thái độ hưởng ứng tích cực đối với hoạt động âm nhạc ở trường mầm non. Đặc biệt, người học có thể rèn luyện để tham gia các hoạt động phong trào, ngoại khóa âm nhạc khác trong trường mầm non.   |   |       |           |     |     |
| 35 | Thiết kế và làm đồ chơi, đồ dùng dạy học         | - Học phần cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non một số kiến thức liên quan đến đặc điểm chất liệu, vật liệu, dụng cụ sử dụng gia công các loại đồ chơi, đồ dùng khác nhau. Sinh viên hiểu được ý nghĩa của các hoạt động tự làm đồ chơi cho trẻ, đồ dùng để tổ chức các hoạt động khác nhau như là một kỹ năng cơ bản, một phương tiện giáo dục hiệu quả đối với trẻ.  | 3 | HK IV | Thực hành | 50% | 50% |
| 36 | Giáo dục học Mầm non                             | - Đào tạo giáo viên mầm non có trình độ đại học, thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non với tinh thần đổi mới.   | 2 | HK IV | Thi viết  |     |     |
| 37 | Dinh dưỡng trẻ em                                | - Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trẻ em; Thức ăn và các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể; năng lượng và nhu cầu năng lượng hằng ngày của trẻ em; khẩu phần và thực đơn cho trẻ; vệ sinh ăn uống.   | 2 | HK IV | Thi viết  | 40% | 60% |
| 38 | Phòng bệnh trẻ em                                | - Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trẻ em; Thức ăn và các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể; năng lượng và nhu cầu năng lượng hằng ngày của trẻ em; khẩu phần và thực đơn cho trẻ; vệ sinh ăn uống.   | 2 | HK IV | Thi viết  | 40% | 60% |
| 39 | Phương pháp hình thành biểu tượng Toán cho trẻ 1 | - Giúp cho sinh viên nắm được các đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu bộ môn phương pháp hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non.<br>- Nhận thức được quá trình hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non từ nội dung và phương pháp hình thành.  | 2 | HK IV | Thi viết  | 50% | 50% |
| 40 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                             |   | 2 | HK V  |           |     |     |
| 41 | Khởi nghiệp                                      |   | 2 | HK V  |           |     |     |
| 42 | Mỹ thuật thực hành                               | - Củng cố kiến thức về lý thuyết bộ môn mỹ thuật cơ bản.<br>- Sử dụng thành thạo các dụng cụ học vẽ. Thực hiện tốt các bài vẽ chất liệu chì, bài vẽ màu theo yêu cầu nội dung chương trình. Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học.  | 2 | HK V  | Thực hành | 50% | 50% |
| 43 | Văn học trẻ em                                   | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về văn học trẻ em, nhất là văn học trẻ em Việt Nam, đồng thời hình thành kỹ năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học trẻ em, đáp ứng yêu cầu dạy học ở trường mầm non.   | 3 | HK V  | Thi viết  | 40% | 60% |
| 44 | Toán cơ sở 3                                     | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về tập số tự nhiên: cách xây dựng, tính chất và mối liên hệ giữa các số tự nhiên trong hệ thập phân và hệ g-phân.<br>- Với khối lượng kiến thức tích lũy này, sinh viên có năng lực chuyên sâu về toán học có thể học tiếp chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục mầm non.<br>- Sinh viên có tinh thần hợp tác trên cơ sở hoạt động độc lập đồng thời phát huy năng lực cá nhân, từ đó chủ động vận dụng toán học vào thực tiễn giáo dục. | 2 | HK V  | Thi viết  | 40% | 60% |
| 45 | Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Mầm non | - Đào tạo giáo viên mầm non có trình độ đại học, thực hiện có hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chăm sóc và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non với tinh thần đổi mới.  | 2 | HK V  | Thi viết  | 40% | 60% |

|    |   |   |   |       |                    |     |     |
|----|---|---|---|-------|--------------------|-----|-----|
| 46 | Phương pháp hình thành biểu tượng Toán cho trẻ 2    | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về phương pháp hình thành biểu tượng Toán cho trẻ mầm non. Đồng thời, giúp sinh viên nắm được mục đích, nội dung, các nguyên tắc, các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non làm quen với toán phù hợp với khả năng và đặc điểm nhận thức của lứa tuổi trẻ. Qua đó, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tìm hiểu đối tượng trẻ, kỹ năng sưu tầm, lựa chọn, tự thiết kế và tổ chức các trò chơi học tập nhằm hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ. | 3 | HK V  | Thi viết           | 50% | 50% |
| 47 | Thực hành giáo dục 2                                | - Cũng cố cho sinh viên những kiến thức đã được học ở trường đại học, đó là các môn: Hoạt động tạo hình, Âm nhạc, Mĩ thuật, Làm quen môi trường xung quanh.<br>- Hình thành các kỹ năng nghiệp vụ giáo dục mầm non.   | 1 | HK V  | Viết bài thu hoạch |     |     |
| 48 | Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non          | Chuyên đề cung cấp cho sinh viên kiến thức, kinh nghiệm tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ thông qua hoạt động tạo hình; các loại hình hoạt động, đặc điểm tiếp nhận của trẻ; quy trình và phương pháp giáo dục.  | 2 | HK V  | Thi viết           | 50% | 50% |
| 49 | Ngữ pháp  | - Học phần ngữ pháp giúp sinh viên trang bị kiến thức chung về tiếng Việt, ngữ pháp tiếng Việt, giúp sinh viên sử dụng đúng và tốt tiếng Việt.<br>- Chuẩn bị kiến thức cơ sở để học môn phương pháp phát triển tiếng cho trẻ mẫu giáo.  | 2 | HK VI | Thi viết           | 40% | 60% |
| 50 | Phong cách học Tiếng Việt                           | - Nghiên cứu những giá trị biểu đạt, biểu cảm cảm xúc, giá trị phong cách của những phương tiện ngôn ngữ và những hoàn cảnh giao tiếp tiêu biểu và với những điều kiện giao tiếp nhất định.<br>- Nghiên cứu về hiệu quả của diễn đạt ngôn ngữ<br>- Nghiên cứu về những nguyên tắc lựa chọn và sử dụng những phương tiện ngôn ngữ.   | 2 | HK VI | Thi viết           | 40% | 60% |
| 51 | Phương pháp giúp trẻ khám phá môi trường xung quanh | - Giúp cho sinh viên xác định được đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, nguyên tắc, cấu trúc nội dung, phương pháp – biện pháp, các hình thức tổ chức, phương tiện giúp trẻ khám phá môi trường xung quanh; có kỹ năng lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp – biện pháp, phương tiện trực quan trong quá trình tổ chức hoạt động khám phá MTXQ; có kỹ năng lập kế hoạch chương trình và lập kế hoạch hoạt động khám phá MTXQ. Từ đó đánh giá hiệu quả hoạt động khám phá MTXQ ở trường mầm non.   | 2 | HK VI | Thi viết           | 50% | 50% |
| 52 | Phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em 1            | - Giới thiệu các kiến thức cơ bản, và kỹ năng cơ bản về việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ trước tuổi phổ thông.  | 3 | HK VI | Thi viết           | 50% | 50% |
| 53 | Phân tâm học trẻ em                                 |   | 2 | HK VI | Thi viết           | 40% | 60% |
| 54 | Tổ chức hoạt động vui chơi                          | - Đào tạo giáo viên mầm non có trình độ đại học, thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức hoạt động vui chơi ở trường tuổi mầm non với tinh thần đổi mới  | 2 | HK VI | Thi viết           | 50% | 50% |
| 55 | Phương pháp giáo dục Mỹ thuật                       | - Trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non (GDMN) hệ thống hiểu biết về lý luận tổ chức hoạt động giáo dục mỹ thuật cho trẻ mầm non.<br>- Rèn luyện cho sinh viên ngành GDMN kỹ năng tổ chức hoạt động (Kỹ năng lựa chọn nội dung giáo dục, Lập kế hoạch tổ chức, Tổ chức hoạt động) nhằm đạt được các mục tiêu giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non.<br>- Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên ngành GDMN.  | 2 | HK VI | Thi viết           | 50% | 50% |
| 56 | Múa và tổ chức vận động cho trẻ                     | * Kiến thức: trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa  | 3 | HK VI | Thi viết           | 50% | 50% |

|    |  |  |   |        |                    |     |     |
|----|--|--|---|--------|--------------------|-----|-----|
|    |  | <p>nói chung, nghệ thuật múa của một số dân tộc ít người nói riêng. Cung cấp kiến thức để biên soạn động tác vận động theo nhạc cho trẻ. Cung cấp cơ sở lý luận chung về kỹ năng tổ chức vận động cho trẻ ở trường mầm non.</p> <p>* Kỹ năng: cung cấp cho người học các kỹ năng múa cơ bản của múa dân gian một số vùng, miền. Từ đó, có thể tự biên soạn và dàn dựng những bài vận động, múa phục vụ cho việc giáo dục âm nhạc trong trường mầm non. Cung cấp cho người học những kỹ năng tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non.</p> <p>* Thái độ, chuyên cần: biết trân trọng và gìn giữ nét văn hóa đặc trưng của các dân tộc Việt Nam và tích cực tìm hiểu để bảo tồn và phát triển nó. Có ý thức trong việc phát triển thể chất cho trẻ trong trường mầm non.</p> |   |        |                    |     |     |
| 57 | Thực hành giáo dục 3                       | <p>- Cung cố cho sinh viên những kiến thức đã được học ở trường đại học, đó là các môn: Giáo dục học mầm non, PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ em, PP giúp trẻ làm quen văn học và PP hình thành biểu tượng toán cho trẻ.</p> <p>- Hình thành các kĩ năng giáo dục, phương pháp dạy học ở mầm non.</p>   | 1 | HK VI  | Viết bài thu hoạch |     |     |
| 58 | Tâm bệnh học trẻ em                        | <p>- Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của Tâm bệnh học trẻ em (lứa tuổi mầm non); hình thành kỹ năng giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong nội dung học phần; bồi dưỡng thái độ, tình cảm tích cực đối với việc học tập, nghiên cứu về những vấn đề của Tâm bệnh học trẻ em (lứa tuổi mầm non).</p>   | 2 | HK VII | Thi viết           | 30% | 70% |
| 59 | Phương pháp giáo dục Âm nhạc               | <p>* Kiến thức: nhằm giúp cho sinh viên có những kiến thức, cơ sở lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc trong trường mầm non. Giúp sinh viên nắm vững nội dung, chương trình và các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường mầm non.</p> <p>* Kỹ năng: hình thành cho người học những kỹ năng thiết kế và biên soạn những giáo án giáo dục âm nhạc trong chương trình giáo dục chung. Hình thành kỹ năng tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc trong trường mầm non, lên kế hoạch hoạt động trong ngày có liên quan đến âm nhạc trong trường mầm non.</p> <p>* Thái độ, chuyên cần: qua những kiến thức được cung cấp, người học có thái độ hưởng ứng tích cực đối với nghề nghiệp có hướng phấn đấu và sáng tạo trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.</p>                                     | 2 | HK VII | Thi viết           | 50% | 50% |
| 60 | Ngữ pháp chức năng và việc tạo câu cho trẻ | <p>Học phần này nhằm giới thiệu một số lý thuyết về ngữ pháp chức năng được ứng dụng vào tạo câu tiếng Việt cho trẻ mầm non theo quan điểm giao tiếp. Những vấn đề này phản ánh những thành tựu mới về nghiên cứu tiếng Việt đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng tiềm lực khoa học và sư phạm của sinh viên. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức để khắc phục một số nhược điểm của ngữ pháp hình thức thuần túy góp phần nâng cao năng lực phát triển ngôn ngữ nói với trẻ và tạo câu cho trẻ của sinh viên.</p>   | 2 | HK VII | Thi viết           | 40% | 60% |
| 61 | Phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em 2   | <p>- Học phần PPTNTE2 cung cấp, rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chuẩn bị cho trẻ tập đọc, tập viết; lập kế hoạch giáo dục, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Qua đó cũng giúp sinh viên có ý thức phấn đấu để trở thành người giáo viên có tay nghề vững vàng.</p>   | 2 | HK VII | Thi viết           | 50% | 50% |
| 62 | Trò chơi toán học cho trẻ                  | <p>- Giúp cho sinh viên nắm được các đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu bộ môn giúp trẻ khám phá toán học.</p>  | 2 | HK VII | Thi viết           | 40% | 60% |

|      |   |   |   |         |          |     |     |
|------|---|---|---|---------|----------|-----|-----|
|      |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức được quá trình khám phá các nội dung liên quan đến toán học. Qua đó có cơ sở để tiếp cận cũng như thành thạo trong các thao tác của hoạt động tư duy toán học.</li> <li>- Vận dụng các kiến thức toán học để xây dựng các trò chơi cho trẻ, giúp trẻ thích thú trong các hoạt động và phát triển được tư duy tốt.</li> </ul>   |   |         |          |     |     |
| 63   | Chuyên đề giáo dục thẩm mỹ                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp kiến thức chuyên sâu và ứng dụng về sáng tạo thẩm mỹ đáp ứng yêu cầu đòi hỏi căn bản và toàn diện, chuyên truyền thụ tri thức thành phát triển năng lực.</li> <li>- Vận dụng thành kỹ năng sáng tạo trong dạy và học ở Tiểu học và Mầm non</li> <li>- Tạo hứng thú với nội dung tri thức và thường xuyên vận dụng sáng tạo trong học tập thẩm mỹ – học sáng tạo theo tinh thần giáo dục khai phóng.</li> </ul>  | 2 | HK VII  | Thi viết | 40% | 60% |
| 64   | Chuyên đề nghệ thuật trẻ em                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và vận dụng hiệu quả kỹ thuật trong thiết kế mặt nạ. phục vụ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên ở trường mầm non</li> <li>- Có kỹ năng thuần thục trong thiết kế một số mẫu mặt nạ cơ bản của mặt nạ sân khấu thiếu nhi ở trường mầm non.</li> </ul>  | 2 | HK VII  | Thi viết | 40% | 60% |
| 65   | Thực tập sư phạm 1  |   | 1 | HK VII  |          |     |     |
| 66   | Thực tập sư phạm 2  |   | 5 | HK VIII |          |     |     |
| 67   | Khóa luận tốt nghiệp  |   |   | HK VIII |          |     |     |
| 68   | Các học phần thay thế TN                                    |   | 7 | HK VIII |          |     |     |
| 68.1 | Giáo dục âm nhạc dân gian truyền thống trong trường Mầm non | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật âm nhạc.</li> <li>- Cung cấp những hiểu biết cơ bản về âm nhạc dân gian truyền thống; giới thiệu một số loại hình nghệ thuật âm nhạc dân gian truyền thống tiêu biểu của Việt Nam đã và sẽ được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Từ đó người học có thể lựa chọn nội dung và hình thức để giới thiệu cho trẻ trong trường mầm non, nhằm mục đích bảo tồn, gìn giữ và phát triển nghệ thuật âm nhạc dân gian truyền thống ngay từ bậc học mầm non.</li> </ul>   | 3 | HK VIII | Thi viết | 40% | 60% |
| 68.2 | Trợ giúp trẻ có bệnh lý và tật về năng lực ngôn ngữ         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Những hiểu biết chung về giáo dục hòa nhập, các đặc điểm và dấu hiệu nhân diện trẻ có tật ngôn ngữ.</li> <li>+ CO2: Các biện pháp, giải pháp trị liệu về mặt tâm lý, y học dành cho trẻ có tật ngôn ngữ, những sự trợ giúp của giáo viên cho đối tượng này.</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Sinh viên áp dụng hiểu biết để vận dụng vào việc dạy học một số đối tượng có tật ngôn ngữ,</li> <li>+ CO4: Các kỹ năng trợ giúp tập trung vào hai đối tượng tương đối phổ biến là trẻ nói ngọng và nói lắp.</li> </ul> </li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+CO5: Sinh viên đánh giá đúng những tri thức cần thiết của học phần để có cơ sở tiếp thu môn học tiếp theo và có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng tự học, tự sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy trẻ khuyết tật.</li> </ul> | 2 | HK VIII | Thi viết | 40% | 60% |

|      |  |  |   |         |          |     |     |
|------|--|--|---|---------|----------|-----|-----|
| 68.3 | Phát triển tư duy toán học cho trẻ Mầm non | <p><b>- Kiến thức:</b><br/>         + CO1: Diễn giải được tri thức về học thuyết các tâm trí cơ bản.<br/>         + CO2: Nhận dạng được tâm trí cơ bản của trẻ thông qua các hoạt động trải nghiệm.<br/>         + CO3: Đánh giá các quan điểm, các học thuyết về các tâm trí cơ bản của trẻ.</p> <p><b>- Kỹ năng</b><br/>         + CO4: Nhận dạng tâm trí cơ của từng trẻ qua hoạt động trải nghiệm, trong cuộc sống hằng ngày của trẻ.<br/>         + CO5: Phân biệt các quan điểm về những yếu tố ảnh hưởng đến các tâm trí cơ bản của trẻ.<br/>         + CO6: kỹ năng thích ứng linh hoạt, điều chỉnh và đáp ứng tốt với thay đổi..</p> <p><b>- Mức tự chủ và trách nhiệm</b><br/>         + CO7: Hình thành lập trường, khả năng suy nghĩ chiến lược.<br/>         + CO8: Chịu trách nhiệm về mặt nhìn nhận vấn đề ở nhiều khía cạnh. Khả năng kiểm soát thông tin vững vàng hơn, phân biệt rạch ròi tốt xấu, đúng sai.</p> | 2 | HK VIII | Thi viết | 40% | 60% |
| 68.4 | Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao ở trẻ  | <p>-Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động phản xạ của não bộ. Sự hình thành và ức chế của phản xạ có điều kiện. Các quy luật hoạt động cơ bản của thần kinh cấp cao. Sự hình thành và phát triển các hệ thống tin ở trẻ, các loại hình thần kinh ở trẻ. Cơ sở hình thành và phát triển của trí nhớ, tư duy ở trẻ.</p> <p>-Trên cơ sở hiểu biết về hoạt động của thần kinh cấp cao ở người, cô giáo mầm non giúp trẻ hình thành các thói quen, phản xạ có lợi, giúp trẻ thích nghi với môi trường sống.</p>  | 2 | HK VIII | Thi viết |     |     |

### 3. Chuyên ngành Giáo dục tiểu học (Thạc sĩ Khóa 26)

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên | Trọng số  |         |
|-----|-------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|-----------|---------|
|     |             |   |            |                      |                                | Quá trình | Cuối kỳ |
| 1   | Triết học   | Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, học viên sẽ nghiên cứu môn Triết học là môn học đầu tiên trong chương trình đào tạo, các nội dung được đề cập bao gồm lý thuyết và vận dụng thực tế như: Các vấn đề lý luận chung về triết học; bản thể luận; nhận thức luận trên cơ sở lấy triết học Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng. Qua học phần này học viên cũng xác định rõ các vấn đề về hình thái kinh tế - xã hội; về triết học chính trị; ý thức xã hội; triết học về con người... từ đó ứng dụng để định hướng cho người học xây dựng phương pháp, điều chỉnh hành vi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn của bản thân. Môn học này tạo nên nền tảng, cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận và lập trường tư tưởng chính trị... để học tập những môn học sau cũng như hướng đến phục vụ cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. | 4          | HK I                 | Thi viết                       | 40%       | 60%     |



|   |   |  |   |       |           |     |     |
|---|---|--|---|-------|-----------|-----|-----|
| 2 | Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học              | Hệ thống hóa, cập nhật những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học và Việt ngữ học: âm vị và chữ viết, từ vựng - ngữ nghĩa, các bình diện cấu trúc – ngữ nghĩa – ngữ dụng của câu theo ngữ pháp truyền thống, ngữ pháp chức năng, ngữ dụng học, ngữ pháp văn bản, ... liên quan đến nội dung chương trình Tiếng Việt tiểu học; phát triển ở người học năng lực xử lí có phân biện nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực.  | 3 | HKI   | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 3 | Thống kê ứng dụng   | Trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về xác suất và thống kê theo hướng ứng dụng: biên cố ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết, ... Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến thức căn bản nhất về xác suất và thống kê toán, để từ đó có thể vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề thực tế trong xã hội cũng như ứng dụng vào hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục.  | 3 | HKI   | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 4 | Huyền thoại và dạy học huyền thoại                                | Huyền thoại được xem là kiến tạo văn hoá đầu tiên, cũng là diễn ngôn có hiệu lực nhất trong đời sống nhân loại. Huyền thoại đảm bảo ba mặt: quyền lực-tri thức-niềm tin trong kiến tạo trật tự cuộc sống, trong cách diễn giải về tự nhiên và đời sống xã hội, kể cả sự hình thành tín ngưỡng, tôn giáo và khoa học. Huyền thoại ra đời như là nền tảng đi từ nhận thức trực quan đến siêu hình, từ cảm tính đến lý tính. Giáo dục bắt đầu từ huyền thoại. Dạy học huyền thoại là một vấn đề phức tạp buộc phải giải quyết hàng loạt các nghịch lý: giữa hư cấu và thực chứng, giữa siêu hình và hữu hình, thâm mỹ và khoa học.                                | 3 | HKI   | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 5 | Dạy học phát triển năng lực trong môn TN-XH                       | Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về dạy học phát triển năng lực trong môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học, bao gồm những vấn đề:<br>- Năng lực, dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Các phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù cần hình thành cho người học qua môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.<br>- Hệ thống các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phát triển năng lực cho người học thông qua môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.<br>- Hình thành những kỹ năng tư duy và vận dụng dạy học phát triển năng lực trong dạy học môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở tiểu học. | 3 | HKI   | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 6 | Lý luận dạy học hiện đại  | Học phần giúp người học nghiên cứu cơ sở lý luận của dạy học hiện đại, trên cơ sở đó phân tích các mô hình lý luận dạy học hiện đại để có khả năng lựa chọn và vận dụng hiệu quả trong quá trình dạy học. Nội dung học phần gồm:<br>- Khái quát về lý luận dạy học<br>- Các quan điểm tiếp cận trong dạy học hiện đại.<br>- Các mô hình dạy học hiện đại   | 3 | HK II | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 7 | Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực | Học phần giới thiệu cho học viên những kiến thức cơ bản về dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ và các năng lực khác mang tính tích hợp gắn với đặc trưng môn Tiếng Việt tiểu học; phát triển ở người học kĩ năng sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học và đánh giá kết quả học tập tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực.   | 3 | HK II | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 8 | Phát triển năng lực tạo lập và tiếp                               | Chuyên đề trang bị cho người học những cơ sở khoa học và thực tiễn của quá   | 2 | HK II | Tiểu luận | 40% | 60% |

|    |  |   |   |       |           |     |     |
|----|--|---|---|-------|-----------|-----|-----|
|    | nhận văn bản cho học sinh tiểu học                               | trình phát triển kỹ năng tạo lập và tiếp nhận ngôn ngữ bản cho học sinh tiểu học, cụ thể rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích, đánh giá thực trạng dạy học tạo lập và tiếp nhận văn bản ở tiểu học một cách có cơ sở khoa học, giúp người học có năng lực tổ chức quá trình tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học có hiệu quả.  |   |       |           |     |     |
| 9  | Các phương pháp giải toán tiểu học                               | <p>Trong dạy và học ở tiểu học, thì việc giải toán có một vị trí rất quan trọng trong chương trình môn toán ở bậc tiểu học. Vậy, để giải được toán thì ta cần phải biết được các phương pháp giải toán, nó như là các phương tiện và là chỗ dựa hỗ trợ để ta xử lý tốt được các vấn đề.</p> <p>Học phần sẽ hệ thống hóa những phương pháp giải toán thường gặp trong sách giáo khoa theo chương trình mới, đồng thời cũng nêu lên một số phương pháp giải toán độc đáo tương đối lạ, dành cho các đối tượng học sinh khá, giỏi, học sinh có năng khiếu về toán. Vì vậy, nội dung thể hiện trong học phần khi vận dụng cũng rất thích hợp cho các đối tượng là học sinh bình thường, các học sinh khá, giỏi và học sinh có năng khiếu toán.</p> <p>Đi vào nội dung, là việc giới thiệu các phương pháp giải toán và những minh họa cụ thể trong hướng giải quyết bài toán theo từng phương pháp. Có tất cả 13 phương pháp giải toán và được xếp theo thứ tự mức độ đơn giản đến phức tạp dần khi vận dụng.</p> | 4 | HK II | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 10 | Văn học thiếu nhi nước ngoài                                     | <p>Học phần giới thiệu văn học thiếu nhi nước ngoài ở các phương diện: quan niệm và tổ chức sáng tác – xuất bản, thành tựu về tác phẩm và thể loại; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, những kinh nghiệm về sáng tác văn học cho thiếu nhi.</p> <p>Học phần cũng giới thiệu về quá trình xuất hiện của văn học thiếu nhi nước ngoài ở Việt Nam, hoạt động tiếp nhận và vận dụng trong giáo dục và sáng tác. Trên cơ sở đó, học phần đưa ra hướng dẫn để người học khám phá giá trị các tác phẩm văn học thiếu nhi nước ngoài trong chương trình Tiếng Việt hiện hành.</p>   | 2 | HK II | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 11 | Ngữ âm tiếng Việt với việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học | <p>Học phần này trang bị cho người học những kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngữ âm tiếng Việt như vấn đề âm tiết và hình vị trong tiếng Việt; Hệ thống thanh điệu và quy luật phân bố của thanh điệu tiếng Việt trong hệ thống ngôn ngữ và trong hoạt động giao tiếp; Các đơn vị ngữ âm đoạn tính và quy luật phân bố của nó; Vấn đề chính âm và chữ viết tiếng Việt. Trên cơ sở đó, cung cấp cho người học nền tảng lý luận cơ bản về mối quan hệ giữa ngữ âm và chữ viết phục vụ việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học. Nghe, nói, đọc, viết là bốn kỹ năng cơ bản của việc dạy và học tiếng. Bốn kỹ năng này được rèn luyện ngay từ bậc tiểu học. Người giáo viên muốn dạy tốt, ngoài phương pháp, kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp... cần phải có những kiến thức căn bản và chuyên sâu về mối quan hệ giữa âm và chữ. Những kiến thức căn bản và chuyên sâu ấy sẽ được cung cấp trong học phần này.</p>   | 2 | HK II | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 12 | Phát triển khái niệm toán tiểu học                               | <p>Học phần này trang bị cho người học một số cách tiếp cận về các khái niệm toán học ở tiểu học: bài toán và giải bài toán; các phép toán trên tập số tự nhiên và đặt giá trị; phân số, số thập phân, tỷ số và tỷ lệ thức; đại lượng và đo đạc; hình học,... Sau khi kết thúc học phần, người học có thể linh hoạt được một số phương pháp giúp học sinh phát huy tinh thần tham gia xây dựng những ý</p>  | 3 | HK II | Tiểu luận | 40% | 60% |

|    |   |   |   |        |           |     |     |
|----|---|---|---|--------|-----------|-----|-----|
|    |   | tương và các mối quan hệ giữa các đối tượng toán học, tự khám phá ra kiến thức mới; đồng thời, có thể so sánh và đánh giá được một số phương pháp khác nhau về dạy học khái niệm.   |   |        |           |     |     |
| 13 | Phát triển Chương trình giáo dục tiểu học                   | Học phần giới thiệu cho học viên những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình giáo dục tiểu học: quan niệm về chương trình và phát triển Chương trình, các hướng tiếp cận PTCT, quy trình PTCT, ...; phát triển ở học viên kỹ năng phân tích chương trình và phát triển Chương trình GDTH.   | 2 | HK II  | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 14 | Phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học                     | Học phần cung cấp cho người học những cơ sở khoa học và thực tiễn của việc phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học; cung cấp những kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp, biện pháp cần tuân thủ và vận dụng để giáo viên phổ thông làm tốt việc phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học qua dạy và học bộ môn Tiếng Việt, tạo điều kiện cho các em học tốt các môn học khác và giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống.  | 2 | HK II  | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 15 | Rèn luyện kỹ năng dùng từ và viết câu cho học sinh tiểu học | Học phần cung cấp cho học viên những tri thức về các quy tắc vận hành, quy luật hoạt động để thực hiện chức năng của tiếng Việt ở cấp độ từ và câu tiếng Việt. Từ đó học phần rèn luyện năng lực sử dụng tiếng Việt cho học viên trong việc dùng từ, viết câu. Những kỹ năng này cần thiết nhằm giúp học viên dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội tốt các tri thức của các khoa học khác ở nhà trường Tiểu học.   | 2 | HK II  | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 16 | Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ            | Học phần Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản về chính tả tiếng Việt, hiểu rõ và xác định được những điểm khác biệt về ngữ âm trong các phương ngữ từ đó lựa chọn thủ pháp dạy học phù hợp với chính tả phương ngữ. giúp người học biết xác định được những nguyên nhân chính dẫn đến lỗi chính tả của học sinh tiểu học và biết giúp học sinh tiểu học ở các vùng phương ngữ nhận diện, phân tích chữa lỗi chính tả chính xác nhanh chóng.  | 2 | HK II  | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 17 | Từ ngữ Hán Việt – từ góc nhìn lịch sử và văn hoá            | Với tư cách là bộ phận từ ngữ có nguồn gốc ngoại lai, hệ thống từ ngữ Hán Việt là một hệ quả của quá trình giao lưu tiếp xúc ngôn ngữ Việt Nam và Trung Quốc. Nó đã trở thành một bộ phận từ vựng quan trọng, góp phần kiến tạo nên tính chất khái quát, trừu tượng của hệ thống thuật ngữ khoa học, từ ngữ văn chương trong ngôn ngữ tiếng Việt.<br>Từ góc nhìn lịch sử và văn hoá, so với từ ngữ Việt, từ ngữ Hán Việt có những điểm đặc sắc về bình diện cấu tạo, ngữ nghĩa, giá trị phong cách, đặc biệt là hình thức Việt hoá – một phương cách bổ sung vào vốn từ vựng tiếng Việt một cách sáng tạo. Việc tiếp cận lịch sử và văn hoá đối với hệ thống từ ngữ Hán Việt sẽ giúp cho quá trình tìm hiểu, vận dụng từ ngữ Hán Việt trong thực tiễn đời sống giao tiếp và giảng dạy thêm thuận lợi và hiệu quả. | 2 | HK II  | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 18 | Dạy học tập làm văn ở tiểu học                              | - Học phần tập trung trang bị cho người học những kiến thức về vị trí, đặc điểm và nhiệm vụ của phân môn Tập làm văn, về cơ sở khoa học của dạy học Tập làm văn và những kỹ năng tổ chức dạy học tập làm văn cho học sinh tiểu học.<br>- Học phần giúp người học nắm bắt những đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung của phân môn Tập làm văn, các dạng bài học, bài tập trong chương trình Tập làm văn và kỹ năng phân tích chương trình, vận dụng vào tổ chức dạy   | 2 | HK III | Tiểu luận | 40% | 60% |

|    |  |   |   |        |           |     |     |
|----|--|---|---|--------|-----------|-----|-----|
|    |  | <p>học tập làm văn.</p> <p>- Học phần giúp người học nắm bắt và vận dụng cách tổ chức dạy học Tập làm văn, có kỹ năng thiết kế bài học và thực hành dạy học các kiểu bài Tập làm văn. Ngoài ra còn giúp người học nắm bắt kiến thức và kỹ năng về kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục trong dạy học Tập làm văn ở tiểu học.</p> <p>- Học phần có liên quan mật thiết với các nội dung dạy học tiếng Việt và văn học trong chương trình, SGK môn Tiếng Việt ở tiểu học, nhất là các môn học về nghiệp vụ sư phạm và phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học.</p>   |   |        |           |     |     |
| 19 | Tổ chức trò chơi văn học trong dạy học tiểu học              | <p>Học phần đề cập tới sự cần thiết phải xây dựng trò chơi văn học nhằm hỗ trợ học sinh tiểu học trong quá trình học tập bộ môn Tiếng Việt. Trên cơ sở làm rõ các căn cứ của việc xây dựng trò chơi văn học, học phần giới thiệu một số trò chơi cụ thể, hướng vào phát triển năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học. Có thể nói, trò chơi văn học là hình thức học tập phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi cũng như chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo là “Học mà chơi, chơi mà học”. Từ kiến thức do học phần cung cấp, người học hoàn toàn có thể thiết kế những trò chơi văn học mới, thiết thực hơn, hiệu quả hơn...</p>                       | 2 | HK III | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 20 | Hướng dẫn học sinh tiểu học đọc sách văn học                 | <p>Học phần giới thiệu về sự cần thiết của việc đọc sách văn học; đặc điểm thị hiếu đọc sách văn học của học sinh tiểu học; và phương pháp, cách thức tổ chức giúp các em tự giác tìm đến với sách, đọc và cảm thụ tác phẩm một cách hiệu quả. Trong nhiều năm trở lại đây, việc học sinh tiểu học ít đọc sách là một hiện tượng có tính phổ biến, ảnh hưởng nhiều đến giao tiếp và cảm thụ đời sống của các em. Do đó, giáo viên biết cách hướng dẫn học sinh đọc sách văn học sẽ đem lại nhiều lợi ích cho bản thân các em cũng như nhà trường. Văn hóa đọc trong nhà trường sẽ được cải thiện, nâng cao.</p>   | 2 | HK III | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 21 | Phân tâm học và trị liệu tâm lý trẻ                          | <p>Phân tâm học là vấn đề có tính thời sự của giáo dục hiện đại từ sau thế kỉ 20. Đó là cuộc cách mạng Copernicus về nhận thức con người. Phân tâm học hé mở những bí ẩn trong vùng tâm tối nhất của tinh thần nhân loại và giúp khoa học có cái nhìn mới về các hiện tượng phức tạp trong đời sống: các hiện tượng tâm thần của cá nhân, các bất ổn của đời sống gia đình, bạo lực...</p> <p>Phân tâm học giúp người học nhận thức sâu sắc ngọn nguồn của các hiện tượng tâm lí phức tạp, đặc biệt ở tuổi vị thành niên, phân loại hiện tượng, cách giải quyết và định hướng xây dựng một cộng đồng trách nhiệm và chia sẻ, trong đó giáo dục đóng vai trò quyết định.</p> | 2 | HK III | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 22 | Văn học thiếu nhi miền Trung và Tây Nguyên                   | <p>Học phần giới thiệu về văn học thiếu nhi địa phương Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ở các phương diện: diễn biến hoạt động sáng tác, thành tựu và đặc điểm tác giả, tác phẩm; xác quyết những đóng góp của khu vực vào thành tựu chung của văn học thiếu nhi Việt Nam. Từ kiến thức của học phần, người học có thể chủ động khai thác những tác phẩm văn học phù hợp phục vụ công tác giảng dạy, đồng thời tham gia phổ biến văn học thiếu nhi địa phương.</p>  | 2 | HK III | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 23 | Giáo dục sức khỏe và vệ sinh học đường trong trường tiểu học | <p>Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về:</p> <p>- Sức khỏe và vấn đề giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học: Sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em. Cơ sở khoa học của các biện pháp vệ</p>   | 2 | HK III | Tiểu luận | 40% | 60% |

|    |  |   |   |        |           |     |     |
|----|--|---|---|--------|-----------|-----|-----|
|    |  | sinh, phòng bệnh ở các hệ cơ quan trong cơ thể người; Phòng một số bệnh và tai nạn thường gặp ở học sinh tiểu học.<br>- Những vấn đề về vệ sinh học đường trong trường tiểu học: Vệ sinh thân thể, Vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, trang thiết bị và cơ sở vật chất ở trường tiểu học.  |   |        |           |     |     |
| 24 | Dạy học tích hợp và vận dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn TN-XH | Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về dạy học tích hợp và dạy học theo phương pháp BTNB trong môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học, bao gồm những vấn đề:<br>- Dạy học tích hợp là gì, các hình thức tích hợp, các nội dung tích hợp trong môn TN – XH ở tiểu học<br>- Cơ sở lý luận của phương pháp BTNB và vận dụng phương pháp BTNB trong dạy học môn TN – XH ở tiểu học.   | 2 | HK III | Tiểu luận | 40% | 60% |
| 25 | Thực tập 1: Hoạt động trải nghiệm tiểu học                               | Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản:<br>- Vị trí, vai trò, đặc điểm, mục tiêu, cơ sở khoa học và các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của hoạt động trải nghiệm ở tiểu học<br>- Nội dung hoạt động trải nghiệm ở bậc tiểu học và ở từng lớp học của giai đoạn 1 (lớp 1, 2, 3) và giai đoạn 2 (lớp 4, 5).<br>- Các phương pháp, hình thức tổ chức, thiết bị dạy học và cách đánh giá hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học.  | 3 | HK III | Tiểu luận |     |     |
| 26 | Thực tập 2: Nghiên cứu khoa học GD                                       | Học phần trình bày các tri thức vừa mang tính kế thừa, vừa nâng cao về phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học; bao gồm: đối tượng nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu chung và đặc thù, bài báo khoa học, luận văn khoa học, và đạo đức khoa học.<br>Học phần nhấn mạnh hướng nghiên cứu sư phạm ứng dụng, quan tâm tới các vấn đề về lý thuyết lẫn thực tiễn của giáo dục tiểu học, xác quyết kết quả và công bố kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. | 3 | HK III | Tiểu luận |     |     |
| 27 | Đề án tốt nghiệp   | Đề án tốt nghiệp thạc sĩ là một báo cáo khoa học được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên, trình bày kết quả nghiên cứu của của người học về một chủ đề nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành đào tạo nộp cho Hội đồng khoa học để ứng cử cho văn bằng thạc sĩ. Đề án tốt nghiệp thể hiện sự vận dụng các kiến thức, phương pháp nghiên cứu mà học viên được tiếp nhận trong quá trình học tập. Đồng thời, phải có ý nghĩa lý luận, thực tiễn đối với lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.  | 9 | HK IV  | Bảo vệ    |     |     |

### III. KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT

#### 1. Chuyên ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy

##### 1.1. Ngành Giáo dục thể chất (Khóa 44)

| STT | Tên môn học                                | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Lý luận và phương pháp thể thao trường học | Hiểu rõ vai trò, mục tiêu và nhiệm vụ của thể thao trường học.<br>Nắm được những vấn đề lý luận và thực tiễn về đặc điểm của dạy học TTTT, về giờ học TDTT cũng như các loại hình TDTT khác nhau được phổ biến trong và ngoài trường.<br>Nắm vững các qui luật và nguyên tắc dạy học TDTT trường học và hiểu rõ các phương pháp trong giảng dạy TTTT.<br>Nắm vững các yêu cầu chung trong kiểm tra, đánh giá thể thao trường học  | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Lý luận và phương pháp GDTC                | Lý luận và phương pháp GDTC là môn học chủ yếu đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp trong chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC. Môn Lý luận và phương pháp GDTC cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học chuyên ngành chung và tổng hợp nhất trong lĩnh vực GDTC bao gồm: các khái niệm, bản chất, các phương tiện GDTC, các nguyên tắc giảng dạy động tác, phương pháp giảng dạy động tác, phát triển các tố chất thể lực, các hình thức tổ chức giờ thể dục và huấn luyện thể thao. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để phân tích, thực hiện những nhiệm vụ cụ thể có liên quan trong thực tiễn GDTC. | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Thực tập sư phạm 1                         | Học phần giúp sinh viên bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm thực tế thông qua việc tham quan, dự giờ; bồi dưỡng những kỹ năng cần thiết của người giáo viên, xây dựng tình yêu nghề, yêu trường lớp, yêu học trò.  | 1          | Học kỳ 1             | Soạn giáo án                   |
| 4   | Bóng rổ và phương pháp giảng dạy           | SV nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng rổ (nguồn gốc, quá trình phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của bóng rổ, những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài).   | 4          | Học kỳ 1             | Thi thực hành và vấn đáp       |
| 5   | Bóng ném và phương pháp giảng dạy          | Đào tạo sinh viên ra trường biết thực hành kỹ thuật động tác, tổ chức giảng dạy, tham gia công tác huấn luyện và tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng ném. Có năng lực tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp.   | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành và vấn đáp       |
| 6   | Thể thao chuyên ngành Bóng chuyền 4        | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp giảng dạy, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền và các kỹ chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.   | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành và vấn đáp       |
| 7   | Thực tập sư phạm 2                         | Học phần giúp sinh viên bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm thực tế, bồi dưỡng những kỹ năng cần thiết của người giáo viên thông qua việc tập giảng, giảng dạy để kiểm tra, đánh giá; xây dựng tình yêu nghề, yêu trường lớp, yêu học trò  | 5          | Học kỳ 2             | Giảng dạy, soạn giáo án        |
| 8   | Khóa luận tốt nghiệp                       | Là điều kiện và cơ hội cho sinh viên nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.  | 6          | Học kỳ 2             | Làm Khóa luận                  |

|    |   |   |   |          |          |
|----|---|---|---|----------|----------|
|    |   | <p>Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo.</li> <li>• Rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo.</li> <li>• Rèn luyện cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.</li> </ul>  |   |          |          |
| 9  | Phương pháp xây dựng kế hoạch GDTC trong trường phổ thông | Xây dựng kế hoạch GDTC trong trường phổ thông theo hướng tích hợp giữa dạy học và giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục học sinh phù hợp với mục tiêu dạy học.   | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết |
| 10 | Tuyển chọn và huấn luyện thể thao trong trường học        | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp tuyển chọn và huấn luyện các môn thể thao thành tích cao.<br>Trang bị cho sinh viên một số test tuyển chọn VĐV, phương pháp huấn luyện.  | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết |
| 11 | Công tác GDTC các cấp học trong nhà trường                | Nội dung học gồm những kiến thức liên quan đến thực tiễn về công tác GDTC trong các trường học và chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước về định hướng phát triển TDTT trong học đường, đây là yêu cầu về kiến thức có tính chất chuyên ngành của giáo dục thể chất. Trang bị kiến thức về bản chất các vấn đề TDTT trường học, về phương pháp tổ chức các quá trình giáo dục thể chất; hình thành kỹ năng vận dụng lý luận - phương pháp vào thực tiễn công tác, hình thành niềm tin và tình yêu nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết |

## 1.2. Ngành Giáo dục thể chất (Khóa 45)

| STT | Tên môn học                       | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Sinh cơ thể dục thể thao          | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức có giá trị nền tảng và hệ thống về: các chuyển động, cân bằng và vấn đề an toàn cho cơ quan vận động trong thể thao, khả năng chịu lực và cách thức tạo ra chuyển động của bộ máy vận động, ảnh hưởng của các ngoại lực lên các chuyển động trong thể thao, ứng dụng các quy luật cơ học trên cơ bắp của người trong vận động thể thao, phân tích và hoàn thiện kỹ năng ở các môn thể thao khác nhau, đo lường và kiểm tra sinh cơ, các phương tiện hỗ trợ cho việc học, thực hành và luyện tập thể dục thể thao. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể dục, thể thao. | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Cầu lông và phương pháp giảng dạy | Đào tạo sinh viên theo chuyên ngành GDTC, trở thành những cán bộ có năng lực giảng dạy các kỹ năng cơ bản của kỹ thuật môn Cầu lông; biết vận dụng phương pháp trọng tải và tổ chức thi đấu. Có năng lực tổ chức tập luyện trong các trường học, các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở, ngành.  | 4          | Học kỳ 1             | Thi thực hành và vấn đáp       |
| 3   | Tư tưởng Hồ Chí Minh              | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chi ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.  | 2          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 4   | Khởi nghiệp                       | Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh   | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |

|    |  |  |   |          |                          |
|----|--|--|---|----------|--------------------------|
|    |  | viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên. |   |          |                          |
| 5  | Võ cổ truyền Việt Nam và phương pháp giảng dạy | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ cổ truyền Việt Nam có nhiều giá trị giáo dục, văn hóa thể chất, nhân văn thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể dục bằng võ cổ truyền Việt Nam cho các đối tượng học sinh.  | 3 | Học kỳ 1 | Thi thực hành và vấn đáp |
| 6  | Thể thao chuyên ngành Cầu lông 2               | Thể thao chuyên ngành Cầu lông 2 là môn học quan trọng của chương trình đào tạo ngành GDTC nhằm trang bị cho sinh viên phương pháp giảng dạy, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn Cầu lông. Nâng cao các kỹ thuật di chuyển, phát cầu, đánh cầu, đập cầu, bộ nhỏ, các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông và chiến thuật thi đấu Cầu lông.<br>Đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.  | 3 | Học kỳ 1 | Thi thực hành và vấn đáp |
| 7  | Thể thao chuyên ngành Cầu lông 3               | Đào tạo sinh viên theo chuyên ngành GDTC, trở thành những cán bộ có khả năng tổ chức lớp học giảng dạy các kỹ thuật cầu lông cơ bản một cách chính xác; có năng lực thực hiện các kỹ thuật cầu lông cơ bản với các đường cầu khác nhau theo yêu cầu cụ thể của các tình huống chiến thuật nhất định; Xây dựng được thói quen rèn luyện bản thân thông qua tập luyện và thi đấu cầu lông  | 3 | Học kỳ 2 | Thi thực hành và vấn đáp |
| 8  | Bóng đá và phương pháp giảng dạy               | Bóng đá và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên giáo dục thể chất, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giảng dạy môn bóng đá, trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích và thị phạm các động tác kỹ thuật, biết cách giảng dạy và hướng dẫn tập luyện, kỹ năng thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Bóng đá được xem là môn “thể thao vua” tại Việt Nam cũng như trên thế giới, luyện tập môn thể thao này giúp người tập phát triển các tố chất thể lực và có tác dụng cao về mặt giáo dục đạo đức, ý chí, tinh thần tập thể.  | 4 | Học kỳ 2 | Thi thực hành và vấn đáp |
| 9  | Bóng chày và phương pháp giảng dạy             | Trang bị cho sinh viên những kiến thức bước đầu về bóng chày chuyên ngành và phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức và đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.   | 4 | Học kỳ 2 | Thi thực hành và vấn đáp |
| 10 | Quản lý thể dục thể thao                       | Quản lý thể dục thể thao là môn học cơ sở, chủ yếu trong chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý nhà nước và quản lý xã hội ở Việt Nam; quản lý TDTT; phương pháp quản lý; hoạt động quản lý; chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam và quản lý công tác TDTT trong trường học. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn quản lý công tác TDTT trong trường học các cấp.  | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết                 |
| 11 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm                    | Môn Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm hướng dẫn cho sinh viên cách tổ chức dạy học cụ thể, đồng thời giúp sinh viên củng cố, mở rộng và nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động tập giảng. Học phần giúp sinh viên vận dụng những lí luận dạy học ở trường sư phạm vào thực tiễn giảng dạy ở trường phổ thông nhằm hình thành các kĩ năng cơ bản sau: kỹ năng thiết kế xây dựng kế hoạch giảng dạy, kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm, xử lí các tình huống. Những kỹ năng  | 3 | Học kỳ 2 | Thi thực hành và vấn đáp |



|    |                                 |  |   |          |                          |
|----|---------------------------------|--|---|----------|--------------------------|
|    |                                 | này là nền tảng, phương tiện, cơ sở trong việc tiếp cận dễ dàng với các đối tượng trong các mối quan hệ xã hội, trong việc tổ chức các hoạt động dạy học.  |   |          |                          |
| 12 | Thực tế thể dục thể thao        | Giúp sinh viên có điều kiện tìm hiểu thực tế về những vấn đề liên quan đến giảng dạy – học tập; huấn luyện thể thao; trang thiết bị; phương pháp dạy và học, nghiên cứu khoa học của một số trường đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao để có sự so sánh, đối chiếu và khắc sâu kiến thức. Từ đó, sinh viên biết vận dụng tri thức vào thực tế giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khi ra trường.   | 1 | Học kỳ 2 | Viết bài thu hoạch       |
| 13 | Cờ vua và phương pháp giảng dạy | Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản, phương pháp tập luyện, giảng dạy trong môn Cờ Vua. Ngoài ra khi kết thúc học phần người học có khả năng tư duy logic, luyện trí thông minh, giáo dục những phẩm chất tốt đẹp như tính tổ chức kỷ luật, kiên cường bình tĩnh luyện mưu trí, óc sáng tạo, luyện cách nhìn xa trông rộng, biết phân tích, tổng hợp tình hình một cách khách quan khoa học, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong xử lý tình huống. | 3 | Học kỳ 2 | Thi thực hành và vấn đáp |

### 1.3. Ngành Giáo dục thể chất (Khóa 46)

| STT | Tên môn học                     | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Sinh lý thể dục thể thao        | Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về quy luật hoạt động của các chức năng đảm bảo quá trình sống, lao động và phát triển cơ thể, cũng như về cơ chế biến đổi tức thời và ảnh hưởng lâu dài của hoạt động thể lực dưới tác động môi trường thể dục thể thao đối với các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể. Đây là những kiến thức cơ bản nhất, rất cần thiết cho những nhà giáo tương lai có thể thực thi nhiệm vụ giáo dục thể chất một cách khoa học và hiệu quả.                              | 4          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Đá cầu và phương pháp giảng dạy | Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ chiến thuật môn Đá cầu; phương pháp tổ chức và trọng tài một giải Đá cầu ở trường học, phương pháp dạy môn Đá cầu.  | 4          | Học kỳ 1             | Thi thực hành và vấn đáp       |
| 3   | Đo lường Thể dục thể thao       | Hiểu được ý nghĩa của đo lường trong thực tế và sự cần thiết phải thực hiện đo lường trong thể dục thể thao.<br>Nắm vững cơ sở lý thuyết của TEST và lý thuyết đánh giá vận động viên, các cách đánh giá, thang độ và đơn vị sử dụng trong đo lường, tổ chức thực hiện các phép đo.<br>Có kiến thức để áp dụng khi đo thực tế các chỉ tiêu đánh giá thể chất của vận động viên cũng như của nhân dân nói chung. Kiến thức về đo lường, đánh giá thành tích thể thao trong tuyển chọn, huấn luyện và thi đấu. | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Bơi và phương pháp giảng dạy    | SV nắm được kiến thức về nguyên lý, kỹ thuật kiểu bơi ếch, bơi trườn sấp, phương pháp giảng dạy. Khả năng thị phạm động tác chính xác về kỹ thuật kiểu bơi ếch và bơi trườn sấp. Biết cách tổ chức hướng dẫn học sinh tập luyện, biết cách đề phòng tai nạn, công tác tổ chức thi đấu và trọng tài ở trong nhà trường. Thông qua đó phát triển tố chất thể lực cho người học, nhằm củng cố và nâng cao sức khỏe phục vụ tốt cho việc đào tạo thể hệ trẻ.   | 4          | Học kỳ 1             | Thi thực hành và vấn đáp       |
| 5   | Tâm lý học                      | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý và tâm lý học lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục.  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Chủ nghĩa xã hội khoa học       | Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng,  | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |

|    |  |  |   |          |                          |
|----|--|--|---|----------|--------------------------|
|    |  | phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.   |   |          |                          |
| 7  | Y học thể dục thể thao                           | Trang bị cho sinh viên những kiến thức y sinh học cơ bản nhất về kiểm tra y học TDTT như: Công tác chuẩn bị, phương pháp tiến, cách xử lý kết quả nhân trắc và đánh giá hình thái cơ thể, mức độ phát triển thể chất; trạng thái chức năng các hệ cơ quan.<br>Trang bị cách đề phòng, xử lý bước đầu các chấn thương và bệnh lý thường gặp do hoạt động TDTT.<br>Trang bị phương pháp xoa bóp, tự xoa bóp trong bảo vệ sức khỏe và ứng dụng một số kỹ thuật xoa bóp cơ bản trong khởi động, hồi phục đối với các buổi tập TDTT; Nắm được các nguyên lý cơ bản của bài tập và phương pháp áp dụng thể dục chữa bệnh.  | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết                 |
| 8  | Trò chơi vận động và phương pháp giảng dạy       | Sinh viên hiểu biết được cơ sở lý luận về trò chơi nói chung và trò chơi vận động nói riêng, vận dụng phương pháp hướng dẫn, tổ chức tập luyện môn trò chơi vận động.<br>Có khả năng thực hiện được kỹ thuật các trò chơi vận động chủ yếu, có năng lực biên soạn và sáng tác trò chơi vận động áp dụng trong giờ học thể dục cho các đối tượng học sinh phổ thông.  | 3 | Học kỳ 2 | Thi thực hành và vấn đáp |
| 9  | Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao | Phương pháp NCKH TDTT là môn học môn học nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp NCKH giúp sinh viên ứng dụng thực hiện một đề tài khoa học.  | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết                 |
| 10 | Thể thao chuyên ngành Bóng chuyền 1              | Trang bị cho sinh viên những tri thức bước đầu về bóng chuyền chuyên ngành, khái đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng (chuyên bóng thấp tay), chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật trọng tài.  | 3 | Học kỳ 2 | Thi thực hành và vấn đáp |
| 11 | Giáo dục học                                     | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết toàn diện về nghề sư phạm và công việc của người giáo viên trong nhà trường. Từ đó, sinh viên xác định phương hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân. Nội dung học phần bao gồm:<br>- Nhóm tri thức và kỹ năng chung về khoa học giáo dục: trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về quá trình giáo dục tổng thể.<br>- Nhóm tri thức về quá trình dạy học: trang bị lý luận về hoạt động dạy học và các kỹ năng tổ chức quá trình dạy học.<br>- Nhóm tri thức về quá trình giáo dục: trang bị về và các kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục.<br>- Nhóm tri thức về quản lý trường học: trang bị nội dung khái quát về công tác quản lý nhà trường, người giáo viên chủ nhiệm, ... và các kỹ năng quản lý tập thể học sinh. | 4 | Học kỳ 2 | Thi viết                 |
| 12 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                   | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).   | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết                 |

## 1.4. Ngành Giáo dục thể chất (Khóa 47)

| STT | Tên môn học                          | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Điền kinh và phương pháp giảng dạy 1 | Điền kinh là môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn Điền kinh như: đi bộ, chạy, nhảy, ném đẩy và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn Điền kinh.   | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành và vấn đáp       |
| 2   | Thể dục và phương pháp giảng dạy 1   | Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn thể dục, vị trí vai trò và nhiệm vụ của môn học thể dục, nền tảng các tổ chức thể lực cần thiết phục vụ cho nhu cầu học tập các môn thể thao chuyên ngành. Giúp sinh viên tổ chức giảng dạy học phần thể dục: Đội hình đội ngũ, thể dục phát triển chung, thể dục nhịp điệu, cách phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục. Ngoài ra giáo dục, giáo dục những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm giúp các em vận dụng tốt các nội dung thể dục vào thực tiễn giảng dạy sau này.   | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành và vấn đáp       |
| 3   | Vệ sinh thể dục thể thao             | Nội dung chính của học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất cơ chế tác động của các yếu tố môi trường, bao gồm các yếu tố môi trường tự nhiên (nước, không khí, ánh sáng, đất) và môi trường xã hội (Dinh dưỡng, chế độ sinh hoạt, tập luyện và thi đấu) đến các chức năng và hình thái cấu trúc cơ thể người tham gia tập luyện TDTT. Trên cơ sở đó đề xuất các yêu cầu và xây dựng các chế độ vệ sinh với những tiêu chuẩn và các biện pháp cụ thể nhằm ứng dụng những tác động có lợi và đề ra các biện pháp hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực của các yếu tố môi trường và quá trình giáo dục thể chất, cũng như trong các hoạt động TDTT quân chúng và công tác huấn luyện thể thao nhằm gìn giữ và tăng cường sức khỏe, nâng cao khả năng hoạt động thể lực và thành tích thể thao, đồng thời đề phòng được bệnh tật và các chấn thương không mong muốn xảy ra trong quá trình tham gia tập luyện. | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Giải phẫu và sinh lý người           | Học phần Giải phẫu sinh lý người trình bày cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của Người. Mặt khác, học phần còn cung cấp vai trò của hệ thống thần kinh và thể dịch trong việc điều khiển, điều hòa các chức năng sinh lý trong cơ thể để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể cũng như giữa cơ thể với môi trường.   | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Tiếng Anh 1                          | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, <i>Tiếng Anh 1</i> , học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |

|    |                                      |  |   |          |                          |
|----|--------------------------------------|--|---|----------|--------------------------|
| 6  | Triết học Mac-Lênin                  | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác- Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.  | 3 | Học kỳ 1 | Thi trắc nghiệm          |
| 7  | Tin học cơ sở                        | Học phân cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0 chuyên đổi số và những kiến thức cơ bản về E- learning. Qua đó sinh viên có thể hiểu và ứng dụng tin học và các lĩnh vực của ngành nghề mà sinh viên đang học.   | 3 | Học kỳ 2 | Thi thực hành            |
| 8  | Tiếng Anh 2                          | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần <i>Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2</i> bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như <i>phrasal verbs, linking words</i> và <i>collocations</i> , v.v. và những chủ đề khó hơn như <i>âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ</i> và <i>trải nghiệm</i> với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp. | 4 | Học kỳ 2 | Thi viết                 |
| 9  | Pháp luật đại cương                  | Học phân trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.   | 2 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm          |
| 10 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin        | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.  | 2 | Học kỳ 2 | Thi trắc nghiệm          |
| 11 | Kỹ năng giao tiếp                    | Học phân trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp và hình thành cho người học những kỹ năng giao tiếp thông thường. Đây là học phần quan trọng giúp cho người học hoàn thiện các kỹ năng mềm của bản thân. Từ đó, giúp sinh viên vận dụng hiệu quả, linh hoạt vào quá trình giao tiếp đa dạng trong cuộc sống; giúp người học có thể đạt được kết quả tốt trong học tập và trong công việc.  | 2 | Học kỳ 2 | Thi vấn đáp              |
| 12 | Điền kinh và phương pháp giảng dạy 2 | Điền kinh là môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện. Môn Điền kinh trang bị cho sinh  | 2 | Học kỳ 2 | Thi thực hành và vấn đáp |

|    |   |   |   |          |                          |
|----|---|---|---|----------|--------------------------|
|    |   | viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn Điền kinh như: đi bộ, chạy, nhảy, ném đẩy và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn Điền kinh.  |   |          |                          |
| 13 | Thẻ đục và phương pháp giảng dạy 2          | Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và phương pháp giảng dạy về thuật ngữ thẻ đục, thẻ đục dụng cụ, thẻ đục đồng diễn và các phương pháp giúp đỡ bảo hiểm trong tập luyện thẻ đục dụng cụ, trang bị những tố chất thể lực cần thiết phục vụ cho công việc tập luyện sau này. Ngoài ra còn giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm phục vụ cho nghề nghiệp sau này.   | 2 | Học kỳ 2 | Thi thực hành và vấn đáp |
| 14 | Lịch sử thể dục thể thao và lịch sử Olympic | Nội dung chính của học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn gốc ra đời và sự phát triển của thể dục thể thao ở Việt Nam và trên thế giới trải qua các thời kỳ lịch sử của xã hội, nguồn gốc ra đời và phát triển đại hội olympic thời kỳ cổ đại và thời kỳ hiện đại (Olympic, Asiad, Seagame, Olympic Việt Nam). Hiểu rõ được vai trò, tầm quan trọng của nó trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống và nâng cao nhận thức về tinh nhân văn, sức khỏe cho con người trong lĩnh vực thể thao. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu rõ được những mặt tích cực và tiêu cực của lĩnh vực thể dục thể thao tác động đến chính trị xã hội của địa phương, quốc gia... giá trị lịch sử, tinh thần cao thượng, tính nhân văn trong thể dục thể thao. | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết                 |

#### IV. KHOA KINH TẾ VÀ KẾ TOÁN

##### 1. Ngành Kế toán (Trình độ thạc sĩ) khóa 25, 26, 27

| TT              | Mã học phần | Tên học phần               | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy vào học kỳ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|-------------|----------------------------|--|------------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>Học kỳ 1</b> |             |                            |  |            |                                 |                                |
| 1               | 501         | Triết học                  | Nội dung học phần bao gồm lý thuyết và vận dụng thực tế các vấn đề lý luận chung về triết học: bản thể luận; nhận thức luận thế giới quan, phương pháp luận triết học trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng. Qua đó, học viên cũng nhận biết các vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; triết học chính trị; ý thức xã hội; triết học về con người... từ đó ứng dụng để định hướng cho người học xây dựng phương pháp, điều chỉnh hành vi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn của bản thân. Môn học này tạo nên nền tảng, cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận và lập trường tư tưởng chính trị... để học tập những học phần sau cũng như hướng đến phục vụ cho học viên cả ở hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn | 4          | 1                               | Thi viết/Tiểu luận             |
| 2               | 503         | Kinh tế học vi mô nâng cao | Học phần vận dụng các kiến thức về cung, cầu để phân tích tác động của các chính sách của chính phủ đến lên giá cả và sản lượng cân bằng của thị trường, tổng phúc lợi xã hội và phúc lợi của các bên liên quan trên thị trường; lý thuyết về hành vi của nhà đầu tư, người kinh doanh ra trong điều kiện không chắc chắn. Học phần cũng phân tích sâu vào các cấu trúc thị trường đặc biệt là thị trường cạnh tranh không hoàn hảo. Tiếp đến là nghiên cứu thị trường yếu tố sản xuất, nghiên cứu   | 2          | 1                               | Thi viết/Tiểu luận             |

|  |     |   |  |   |   |                    |
|--|-----|---|--|---|---|--------------------|
|  |     |   | cân bằng tổng thể và điều kiện hiệu quả trong các thị trường cạnh tranh và phân tích những thất bại của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của chính phủ.<br>Học phần Kinh tế vi mô nâng cao thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán. Đây là học phần cung cấp những kiến thức tạo nền tảng để học viên tiếp nhận kiến thức cho các học phần sau có liên quan của chương trình đào tạo.   |   |   |                    |
| 3  | 504 | Kinh tế học vi mô nâng cao                      | Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức kinh tế học vi mô nâng cao. Đặc biệt là đề cập đến những vấn đề liên quan đến nền kinh tế trong dài hạn, như sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân, tiết kiệm, đầu tư...; Đồng thời, học phần giúp học viên tìm hiểu và phân tích sâu về mô hình tổng cầu trong nền kinh tế đóng, mô hình Mundell –Fleming, mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vi mô cả trong ngắn hạn và dài hạn.<br>Học phần Kinh tế vi mô nâng cao thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán. Đây là học phần cung cấp những kiến thức tạo nền tảng để học viên tiếp nhận kiến thức cho các học phần sau có liên quan của chương trình đào tạo.                         | 2 | 1 | Thi viết/Tiểu luận |
| 4  | 512 | Lý thuyết kế toán                               | Học phần này bao gồm các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết kế toán, bao gồm sự hình thành và phát triển các trường phái lý thuyết khác nhau trong kế toán, khuôn mẫu lý thuyết kế toán, vấn đề định giá trong kế toán và kế toán quốc tế.<br>Học phần thuộc phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học ứng dụng chuyên ngành Kế toán. Học phần Lý thuyết kế toán có quan hệ mật thiết với môn Kế toán tài chính cao cấp với vai trò lý giải và phân biện các nguyên tắc chi phối các hệ thống kế toán tài chính hiện hành.  | 3 | 1 | Thi viết/Tiểu luận |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 1 (chọn 2 học phần)</b> |     |   |  |   |   |                    |
| 5  | 508 | Quản trị học hiện đại                           | Học phần trang bị cho học viên những khái niệm, nội dung cơ bản về tổ chức, quản trị; cách tiếp cận và nắm bắt các lý thuyết quản trị; kiến thức và kỹ năng thực hiện các chức năng quản trị; khả năng giải quyết các bài tập tình huống quản trị và rút ra những phương pháp và nguyên tắc chung có thể ứng dụng trong thực tiễn. Học phần giúp học viên nâng cao năng lực trong việc phát huy tài năng và sức lực của cấp dưới hướng vào thực hiện mục tiêu của công ty và ứng phó hiệu quả với môi trường kinh doanh thay đổi. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kinh tế vi mô nâng cao, kinh tế vi mô nâng cao, quản trị chiến lược và các chức năng hỗ trợ khác trong tổ chức.   | 3 | 1 | Thi viết/Tiểu luận |
| 6  | 527 | Quản trị kinh doanh quốc tế                     | Học phần quản trị kinh doanh quốc tế trang bị các kiến thức và kỹ năng trong phân tích các vấn đề về toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; môi trường kinh doanh quốc tế; các hoạt động thương mại quốc tế và hoạt động kinh doanh của các công ty, đặc biệt các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia. Học phần cũng cung cấp những kiến thức chuyên sâu về chiến lược kinh doanh quốc tế và các hình thức xâm nhập thị trường nước ngoài, cách thức triển khai hoạt động kinh doanh quốc tế. Từ đó, giúp người học có thể phân tích, đánh giá tình hình thị trường, lựa chọn chiến lược xâm nhập và kinh doanh thành công trên thương trường quốc tế. Học phần có quan hệ hỗ trợ liên ngành với các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp. | 3 | 1 | Thi viết/Tiểu luận |
| 7  | 528 | Nghiên cứu định lượng trong kế toán – kiểm toán | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về phương pháp nghiên cứu kế toán-kiểm toán và những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong lĩnh vực này bao gồm các phương pháp chọn mẫu, kiểm định giả thuyết nghiên cứu, ứng dụng mô hình hồi quy tuyến tính, mô hình hồi quy binary logistic và mô hình phân tích nhân tố khám phá.<br>Học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong khuôn khổ chương trình Thạc sĩ ngành Kế toán. Học phần sẽ giúp người học có kỹ năng cơ bản về các phương pháp định lượng  | 3 | 1 | Thi viết/Tiểu luận |

|                 |     |                             |   |   |   |                    |
|-----------------|-----|-----------------------------|---|---|---|--------------------|
|                 |     |                             | trong lĩnh vực kế toán, tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này cũng như vận dụng để ra quyết định trong những tình huống thực tế.  |   |   |                    |
| 8               | 529 | Phân tích dữ liệu và dự báo | Học phần Phân tích dữ liệu và dự báo trang bị cho người học những kiến thức về một số phương pháp dự báo trong kinh tế - xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp.<br>Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán. Học phần sẽ giúp người học có kỹ năng cơ bản về dự báo và các phương pháp dự báo trong kinh tế - xã hội, tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này cũng như vận dụng để dự báo ra quyết định trong thực tế.   | 3 | 1 | Thi viết/Tiểu luận |
| <b>Học kỳ 2</b> |     |                             |   |   |   |                    |
| 9               | 513 | Kế toán tài chính nâng cao  | Học phần Kế toán tài chính nâng cao là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức quan trọng về kế toán hợp nhất kinh doanh và báo cáo tài chính hợp nhất, quy trình kế toán hợp nhất kinh doanh và lập báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua, các giao dịch nội bộ, lợi ích của cô đồng thiếu số, kế toán các khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và một số vấn đề mở rộng về hợp nhất kinh doanh. Từ đó, giúp học viên phát triển khả năng tiếp cận và tự nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp, có kiến thức tự tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến kế toán hợp nhất kinh doanh và lập báo cáo tài chính hợp nhất  | 3 | 2 | Thi viết/Tiểu luận |
| 10              | 514 | Kế toán quản trị nâng cao   | Đây là học phần nhằm hoàn thiện và nâng cao kiến thức về kế toán quản trị cho các nhà quản lý trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về dự toán linh hoạt; đánh giá thành quả; quản trị chất lượng, khách hàng, nhà cung cấp và các quyết định dự toán vốn đầu tư dài hạn.<br>Học phần thuộc phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học ứng dụng chuyên ngành Kế toán. Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị, giúp học viên có thể phân tích kết quả hoạt động doanh nghiệp thông qua dự toán linh hoạt; đánh giá được thành quả trong các tổ chức phân quyền; thực hiện kế toán quản trị chất lượng, khách hàng, nhà cung cấp và đưa ra được các quyết định dự toán vốn đầu tư dài hạn. Từ đó, học viên có kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị để có thể tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán. | 3 | 2 | Thi viết/Tiểu luận |
| 11              | 519 | Kiểm soát nội bộ nâng cao   | Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về kiểm soát nội bộ trong một đơn vị bao gồm: Kiểm soát nội bộ trong hệ thống quản lý, khuôn mẫu kiểm soát nội bộ, kiểm soát nội bộ trong một số lĩnh vực cụ thể, kiểm soát nội bộ một số phần hành trong doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành kế toán. Trên cơ sở học viên đã nắm vững kiến thức lý thuyết kế toán học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kiểm soát nội bộ cho học viên.  | 3 | 2 | Thi viết/Tiểu luận |
| 12              | 530 | Thực tập chuyên môn 1       | Học phần Thực tập chuyên môn 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Học phần này đưa học viên tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp, tập đoàn, đơn vị sự nghiệp, đơn vị hành chính, các tổ chức tài chính tại một số địa phương trong nước. Qua đó, giúp học viên nắm bắt được một số mô hình quản lý kế toán, quy trình kế toán, quy trình lập các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị nội bộ tại các đơn vị khác nhau, cũng như thể chế quản lý khác nhau ảnh hưởng đến công tác kế toán. Từ đó, giúp học viên phát triển khả năng tiếp cận và tự nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp, có kiến thức tự tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan   | 4 | 2 | Báo cáo, vấn đáp   |

|  |     |                                   |   |   |   |                    |
|--|-----|-----------------------------------|---|---|---|--------------------|
|  |     |                                   | đến nghề nghiệp kế toán và phát triển nghề nghiệp của bản thân sau khi tốt nghiệp.  |   |   |                    |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 2 (chọn 1 học phần)</b> |     |                                   |   |   |   |                    |
| 13   | 521 | Kế toán công                      | Học phần này giới thiệu các nội dung kiến thức về kế toán khu vực công gồm: giới thiệu hệ thống chuẩn mực kế toán công của Việt Nam, so sánh với chuẩn mực kế toán công quốc tế, cung cấp kiến thức về kế toán Ngân sách nhà nước, kế toán Kho bạc nhà nước, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán ở cơ quan thu, kế toán các đơn vị đặc thù.<br>Các nội dung được giảng dạy ở bậc cao học kế thừa các kiến thức cơ sở của kế toán hành chính sự nghiệp ở bậc đại học, bổ sung thêm những nội dung mới và cập nhật những kiến thức chưa được giảng dạy ở bậc đại học.   | 3 | 2 | Thi viết/Tiểu luận |
| 14   | 523 | Pháp luật về thuế và kế toán thuế | Nội dung học phần bao gồm kiến thức chung về thuế và các sắc thuế chủ yếu trong hệ thống thuế Việt Nam và kế toán liên quan đến các sắc thuế đó. Nội dung kiến thức của học phần đòi hỏi người học phải hiểu sâu sắc nội dung những sắc thuế chủ yếu trong hệ thống thuế Việt Nam và công tác kế toán có liên quan đến các sắc thuế đó.<br>Học phần thuộc phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học ứng dụng chuyên ngành Kế toán. Trên cơ sở học viên đã nắm được các nội dung trong kế toán tài chính nâng cao, kế toán quản trị nâng cao, học phần này sẽ giúp học viên có những hiểu biết đầy đủ và thực hiện tốt công tác kế toán có liên quan đến lệ phí môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. | 3 | 2 | Thi viết/Tiểu luận |
| <b>Học kỳ 3</b>  |     |                                   |   |   |   |                    |
| 15   | 516 | Phân tích tài chính doanh nghiệp  | Trong chương trình cao học ngành kế toán, các kiến thức được cung cấp trong học phần này một mặt giúp người học cơ sở để tiếp cận những phương pháp xử lý kế toán trong môi trường tài chính hiện đại, mặt khác trang bị các kiến thức và kỹ năng tài chính cho công việc quản trị tài chính, kế toán ở cấp cao trong các tổ chức.<br>Các nội dung được giảng dạy ở bậc cao học kế thừa các kiến thức cơ sở ở bậc đại học, bổ sung thêm những nội dung mới và cập nhật những kiến thức cao cấp chưa được giảng dạy ở bậc đại học.   | 3 | 3 | Thi viết/Tiểu luận |
| 16   | 517 | Hệ thống thông tin kế toán        | Đây là học phần nhằm hoàn thiện và nâng cao kiến thức về áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán.<br>Học phần thuộc phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo cao học ứng dụng chuyên ngành Kế toán. Trên cơ sở học viên đã nắm được các nội dung trong kế toán tài chính nâng cao, kế toán quản trị nâng cao, học phần này sẽ giúp học viên hiểu rõ vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán, có kiến thức chuyên sâu về tổ chức phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán, có khả năng thực hiện công tác của chuyên viên phân tích hệ thống.   | 3 | 3 | Thi viết/Tiểu luận |
| 17   | 531 | Thực tập chuyên môn 2             | Học phần Thực tập chuyên môn 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Học phần này đưa học viên tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp, tập đoàn, các tổ chức tài chính tại một số địa phương trong nước. Qua đó, giúp học viên nắm bắt được hoạt động phân tích tài chính và kiểm soát nội bộ của các đơn vị. Từ đó, giúp học viên phát triển khả năng tiếp cận và tự nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp, có kiến thức tự tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp phân tích tài chính, kiểm soát nội bộ và phát triển nghề nghiệp của bản thân sau khi tốt nghiệp   | 3 | 3 | Báo cáo, vấn đáp   |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 3 (chọn 3 học phần)</b> |     |                                   |   |   |   |                    |



|    |     |  |  |   |   |                    |
|----|-----|--|--|---|---|--------------------|
| 18 | 518 | Chuẩn mực kế toán  | Học phần Chuẩn mực kế toán là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của Chương trình đào tạo. Học phần này giúp học viên hiểu được quá trình hình thành và ban hành Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, cung cấp cho học viên những nội dung cơ bản của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và hướng dẫn vận dụng các Chuẩn mực kế toán vào thực tiễn công tác kế toán, giúp học viên tiếp cận và tuân thủ các chuẩn mực để tránh những sai phạm về công tác kế toán, nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp và kỹ năng hành nghề trong bối cảnh kế toán Việt Nam đang từng bước hội nhập quốc tế.                      | 4 | 3 | Thi viết/Tiểu luận |
| 19 | 520 | Kế toán quốc tế nâng cao (Chuẩn mực BCTC quốc tế - IFRS) | Học phần Kế toán quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Học phần này cung cấp cho học viên những nội dung cơ bản của Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), giúp học viên tiếp cận với các thông lệ quốc tế về lập và trình bày báo cáo tài chính, hiểu về khuôn mẫu lý thuyết Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, nắm bắt các Chuẩn mực kế toán quốc tế về hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, doanh thu. Từ đó, học viên phát triển khả năng tiếp cận và tự nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp, có kiến thức tự tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán. | 3 | 3 | Thi viết/Tiểu luận |
| 20 | 507 | Tài chính - Tiền tệ                                      | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh  | 3 | 3 | Thi viết/Tiểu luận |
| 21 | 515 | Kiểm toán nâng cao                                       | Học phần Kiểm toán nâng cao phát triển các kiến thức chuyên sâu về kiểm toán độc lập và những hoạt động kiểm toán khác trong nền kinh tế thị trường; tiếp cận dưới góc độ hệ thống hóa các vấn đề lý luận và cập nhật những xu hướng phát triển mới hiện nay trong lĩnh vực kiểm toán trên thế giới.<br>Học phần Kiểm toán nâng cao có quan hệ mật thiết với các môn học khác trong chương trình cao học ngành Kế toán về quy trình kiểm toán tại các đơn vị, bổ sung cho các học phần khác cách thức tiếp cận dưới góc độ cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn cho doanh nghiệp.   | 3 | 3 | Thi viết/Tiểu luận |
| 22 | 522 | Kiểm soát quản lý  | Học phần Kiểm soát quản lý phát triển các kiến thức về kiểm soát quản lý, hành vi trong tổ chức; trung tâm trách nhiệm, tính giá chuyên giao và lập dự toán hoạt động tiếp cận dưới góc độ hệ thống hóa các vấn đề lý luận và cập nhật những xu hướng mới trong kiểm soát quản lý hiện nay.<br>Học phần Kiểm soát quản lý có quan hệ mật thiết với các môn học khác trong chương trình cao học ngành Kế toán về các vấn đề kiểm soát tại các đơn vị, bổ sung cho các học phần khác cách thức tiếp cận dưới góc độ kiểm soát của nhà quản lý tại các đơn vị.  | 3 | 2 | Thi viết/Tiểu luận |
| 23 | 525 | Quản trị chiến lược                                      | Học phần trang bị cho học viên những khái niệm, nội dung cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược theo các tiếp cận quy trình từ hoạch định đến triển khai và kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Đồng thời, học phần cũng cung cấp những mô hình, phương pháp và những công cụ kỹ thuật giúp sinh viên có thể thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phân tích, đánh giá môi trường, xây dựng và lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp. Các chiến lược trong thực tiễn cũng được trình bày một cách sinh động, được hệ thống và tìm ra đặc trưng giúp học viên có thể nhận biết và vận dụng trong thực tế hoạt động kinh doanh.               | 3 | 3 | Thi viết/Tiểu luận |
| 24 | 526 | Quản trị tài chính                                       | Học phần này nhằm mục tiêu giúp học viên hiểu sâu hơn những lĩnh vực quan trọng của tài chính doanh nghiệp, trang bị cho học viên những học thuyết, nguyên tắc và kỹ thuật nâng cao để ra ba quyết định tài chính quan trọng nhất: quyết định đầu tư, tài trợ và cơ cấu vốn. Học viên được làm quen với những vấn đề chính mà một người quản lý tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: Phân tích và quyết định đầu tư tài sản ngắn hạn; Phân tích và quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp; Quyết định cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn; Quyết định chính sách cơ cấu vốn; Nhận dạng và đo lường rủi ro tài chính.   | 3 | 3 | Thi viết/Tiểu luận |

| Học kỳ 4 |     |                  |  |   |   |                 |
|----------|-----|------------------|--|---|---|-----------------|
| 25       | 532 | Đề án tốt nghiệp | <p>Đề án tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn và nghiên cứu khoa học của học viên dựa trên một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại các đơn vị khảo sát/đối tượng khảo sát; mức độ vững chắc về kiến thức và lý luận; khả năng ứng dụng các lý luận vào thực tiễn để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và năng lực chuyên môn.</p> <p>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán. Trên cơ sở học viên đã nắm vững kiến thức lý thuyết kế toán, kế toán tài chính nâng cao, hệ thống thông tin kế toán, phân tích tài chính doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ nâng cao,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, phân tích tài chính, kiểm soát nội bộ và các kỹ năng nghề nghiệp của học viên.</p> | 9 | 4 | Báo cáo, Bảo vệ |

## 2. Ngành Kế toán chất lượng cao (Trình độ đại học, chính quy)

### 2.1. Ngành Kế toán chất lượng cao khóa 45

| TT              | Mã học phần | Tên học phần                    | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy vào học kỳ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|-------------|---------------------------------|---|------------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>Học kỳ 1</b> |             |                                 |   |            |                                 |                                |
| 1               | 1140200     | Kỹ năng giao tiếp trong kinh tế | Kỹ năng giao tiếp trong kinh tế là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về giao tiếp và giao tiếp trong môi trường kinh tế. Kết quả đạt được là giúp sinh có những kỹ năng cần thiết để giao tiếp trong quá trình học tập, trong cuộc sống cũng như trong công việc sau khi ra trường. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp cho tổ chức và xã hội.          | 2          | 1                               | Vấn đáp                        |
| 2               | 1090061     | Tiếng Anh 1                     | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp. | 3          | 1                               | Thi viết                       |
| 3               | 1140222     | Micro economics                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Học phần này giúp hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến nền kinh tế, lý thuyết cung cầu, phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng, lý thuyết hành vi người sản xuất, các vấn đề liên quan đến cấu trúc thị trường và thị trường yếu tố sản xuất cũng như các thất bại của thị trường và các giải pháp điều tiết của chính phủ.</li> <li>Học phần Kinh tế vi mô thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Quản</li> </ul>   | 3          | 1                               | Thi viết                       |

|  |         |                                     |   |   |   |                  |
|--|---------|-------------------------------------|---|---|---|------------------|
|  |         |                                     | trị khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế tạo nền tảng để sinh viên tiếp nhận kiến thức cho các học phần sau có liên quan.   |   |   |                  |
| 4  | 1140182 | Toán cao cấp cho kinh tế            | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector và những ứng dụng của chúng trong kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Học phần này cung cấp cho sinh viên các công cụ toán học để diễn giải và phân tích một số mối quan hệ của các đại lượng trong kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vĩ mô.  | 2 | 1 | Thi viết         |
| 5  | 1140201 | Accounting in business              | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan nhất về môi trường kinh doanh cũng như tác động của nó tới tổ chức và bộ phận kế toán. Đồng thời, học phần cũng giúp học viên hiểu rõ hơn về vai trò của kế toán và các bộ phận chủ chốt trong việc xây dựng tổ chức hiệu quả và đạo đức của một doanh nghiệp, từ đó hướng học viên tiếp cận tới những nguyên lý quản trị doanh nghiệp hiệu quả.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán và vai trò của kế toán, đạo đức nghề nghiệp của người làm kế toán cho sinh viên ngành kế toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 1 | Thi viết         |
| 6  | 1150142 | Quản trị học                        | Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức kiến thức nền tảng cho các ngành kinh tế nói chung. Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, nội dung cơ bản về quản trị, tiếp cận và nắm bắt được các quan điểm, lý thuyết quản trị, kiến thức và kỹ năng thực hiện các chức năng quản trị, khả năng giải quyết các bài tập tình huống quản trị và rút ra những phương pháp và nguyên tắc chung có thể ứng dụng trong thực tiễn. Học phần trang bị những kiến thức rất cần thiết cho các nhà quản trị trong tất cả các lĩnh vực. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong tổ chức.   | 2 | 1 | Thi viết         |
| 7  | 1140219 | Thực tập nhận thức 1                | Học phần thuộc kiến thức hỗ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về bộ máy kế toán tại đơn vị (doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp,...), vai trò của kế toán trong hoạt động quản lý của đơn vị.   | 1 | 1 | Báo cáo, vấn đáp |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |                                     |   |   |   |                  |
| 8  | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 1 | Thực hành        |
| 9  | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) | Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.   | 1 | 1 | Thực hành        |
| 10                                       | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)     | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.   | 1 | 1 | Thực hành        |

|                 |         |   |   |   |   |           |
|-----------------|---------|---|---|---|---|-----------|
| 11              | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 12              | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.            | 1 | 1 | Thực hành |
| 13              | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 1 | Thực hành |
| 14              | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 1 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 2</b> |         |   |   |   |   |           |
| 15              | 1130299 | Triết học Mác – Lênin                         | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.     | 3 | 2 | Thi viết  |
| 16              | 1140223 | Macro economics                               | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.<br>- Học phần này là học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế, quản lý, là môn nền tảng để học tiếp các môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành. | 3 | 2 | Thi viết  |
| 17              | 1140104 | Toán kinh tế                                  | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm   | 3 | 2 | Thi viết  |

|  |         |                                     |   |   |   |           |
|--|---------|-------------------------------------|---|---|---|-----------|
|  |         |                                     | số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Học phần này cung cấp cho sinh viên các công cụ toán học để diễn giải và phân tích một số mối quan hệ của các đại lượng trong kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô.   |   |   |           |
| 18                                       | 1130049 | Pháp luật đại cương                 | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.  | 2 | 2 | Thi viết  |
| 19                                       | 1090166 | Tiếng Anh 2                         | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.  | 4 | 2 | Thi viết  |
| 20                                       | 1140224 | Accounting principles               | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong kế toán; các đối ứng tài khoản và định khoản; tổng hợp và cân đối kế toán; kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn của doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của nhóm ngành kinh tế, quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành Kế toán, Kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 2 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |                                     |   |   |   |           |
| 21                                       | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bản chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 22                                       | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) | Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập hỗ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 23                                       | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)     | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có  | 1 | 2 | Thực hành |

|                 |         |   |  |   |   |           |
|-----------------|---------|---|--|---|---|-----------|
|                 |         |   | khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.   |   |   |           |
| 24              | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 25              | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.                         | 1 | 2 | Thực hành |
| 26              | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền  | 1 | 2 | Thực hành |
| 27              | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   | 1 | 2 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 3</b> |         |   |  |   |   |           |
| 28              | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                 | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | 2 | 3 | Thi viết  |
| 29              | 1150107 | Tài chính - Tiền tệ                           | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.               | 3 | 3 | Thi viết  |
| 30              | 1150035 | Marketing căn bản                             | Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về Marketing, các   | 3 | 3 | Thi viết  |

|    |         |                                       |   |   |   |           |
|----|---------|---------------------------------------|---|---|---|-----------|
|    |         |                                       | quan điểm quản trị Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời giáo trình marketing căn bản xây dựng các công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức toàn diện sau khi ra trường.   |   |   |           |
| 31 | 1140162 | Kế toán tài chính 1                   | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền, vật tư, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo kết quả kinh doanh theo qui định.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính của sinh viên ngành Kế toán, Kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 3 | Thi viết  |
| 32 | 1140214 | Data analysis and statistical methods | - Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các phương pháp chọn mẫu, cách thức trình bày dữ liệu thống kê, các kỹ thuật dự báo và thực hành dự báo trên phần mềm SPSS.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng về phân tích dữ liệu thống kê và dự báo.  | 3 | 3 |           |
| 33 | 1140215 | Tiếng Anh chuyên ngành 1              | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về Kế toán bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh lĩnh vực kế toán thông qua các bài như Tax accounting, Investment, Taxation planning, Ratios ... và nhiều vấn đề liên quan đến kế toán. Mỗi bài đều bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến lĩnh vực kế toán thông qua các dạng bài liên quan đến các kỹ năng nghe, đọc, nói, viết. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được các kỹ năng.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này. | 2 | 3 | Thi viết  |
| 34 | 1050243 | Tin học cơ sở (kinh tế)               | Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.   | 3 | 3 | Thi viết  |
|    |         |                                       | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>  |   |   |           |
| 35 | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)       | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thể giới và Việt Nam.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 36 | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)   | Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu,  | 1 | 3 | Thực hành |

|                 |         |   |  |   |   |           |
|-----------------|---------|---|--|---|---|-----------|
|                 |         |   | trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.  |   |   |           |
| 37              | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 38              | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | - Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>- Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 39              | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ-chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 40              | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền  | 1 | 3 | Thực hành |
| 41              | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   | 1 | 3 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 4</b> |         |   |  |   |   |           |
| 42              | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | - Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình... trong TKQĐ lên CNXH.<br>- Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái | 2 | 4 | Thi viết  |



|    |         |                            |   |   |   |          |
|----|---------|----------------------------|---|---|---|----------|
|    |         |                            | kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.   |   |   |          |
| 43 | 1140205 | International Accounting 1 | <p>- Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của kế toán tài chính quốc tế. Học phần sẽ giúp sinh viên nhận diện được đặc tính chất lượng của thông tin tài chính, hiểu được công dụng của bút toán kép và các hệ thống kế toán, phân ánh được các giao dịch và sự kiện kinh tế phát sinh như hàng tồn kho, tài sản dài hạn giúp sinh viên có thể lập được báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của Ngành Kế toán thuộc chương trình dạy học chất lượng cao. Trên nền tảng nguyên lý kế toán, kế toán trong kinh doanh, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức về kế toán quốc tế và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 4 | Thi viết |
| 44 | 1140204 | Management accounting 1    | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết kiến thức về kế toán quản trị doanh nghiệp. Sinh viên được trang bị kiến thức về sự hiện diện của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, tầm quan trọng và các phương pháp cũng như công cụ kế toán quản trị cơ bản đang vận hành trong hệ thống doanh nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Tài chính – Tiền tệ, Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 4 | 4 | Thi viết |
| 45 | 1140107 | Kiểm toán căn bản          | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất về nghề nghiệp kiểm toán và các kiến thức nền tảng sử dụng trong kiểm toán báo cáo tài chính. Học phần cũng đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các nguyên tắc của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, cách thức thu thập bằng chứng kiểm toán và các giai đoạn của kiểm toán báo cáo tài chính.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kiểm toán cho sinh viên.</p>   | 3 | 4 | Thi viết |
| 46 | 1140202 | Kế toán tài chính 2        | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản đầu tư tài chính, các khoản thanh toán, các khoản dự phòng, các bút toán điều chỉnh, các bút toán khóa sổ, các bút toán xử lý các sai sót và lập các loại báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính 1, học phần này giúp phát triển các kiến thức kế toán doanh nghiệp chuyên sâu của sinh viên, là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Kế toán.</p>   | 3 | 4 | Thi viết |
| 47 | 1140216 | Tiếng Anh chuyên ngành 2   | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về tài chính doanh nghiệp và kiểm toán bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh tài chính doanh nghiệp và kiểm toán thông qua các bài đọc như Venture capital, Shareholders - Share prices, Futures, Derivatives, Auditing, Overview of elements of the financial report audit process ... và nhiều vấn đề khác liên quan đến tài chính doanh nghiệp cũng như kiểm toán. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần liên quan đến kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được kỹ năng đọc, nói, và viết.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh chuyên ngành, học phần sẽ giúp sinh</p> | 2 | 4 | Thi viết |

|  |         |  |  |   |   |                     |
|--|---------|--|--|---|---|---------------------|
|  |         |  | viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này.  |   |   |                     |
| 48   | 1130143 | Luật kinh doanh  | Luật kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành kế toán nhằm trang bị cho người học những hiểu biết pháp luật cơ bản về kinh doanh, thương mại, cụ thể gồm: các quy định pháp luật về tổ chức, quản lý và tiến hành các hoạt động kinh doanh, thương mại bao gồm quá trình hình thành các loại chủ thể kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, quá trình giải quyết tranh chấp kinh doanh, quá trình giải quyết giải thể, phá sản. Thông qua việc làm bài tập, sinh viên có năng lực áp dụng các quy phạm pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn pháp lý cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại.                                       | 2 | 4 | Thi viết            |
| <b>Các học phần Giáo dục Quốc phòng, An ninh</b> |         |  |  |   |   |                     |
| 49   | 115001  | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (*) | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.   | 3 | 4 | Thi viết            |
| 50   | 115002  | Công tác quốc phòng, an ninh (*)                               | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. | 2 | 4 | Thi viết            |
| 51   | 115003  | Quân sự chung (*)  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.  | 2 | 4 | Thi viết, thực hành |
| 52   | 115004  | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (*)                  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cánh giới).  | 2 | 4 | Thi viết, thực hành |
| <b>Học kỳ 5</b>                                  |         |  |  |   |   |                     |
| 53   | 1130302 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                                 | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).   | 2 | 5 | Thi viết            |
| 54   | 1150422 | Khởi nghiệp  | Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi  | 2 | 5 | Vấn đáp             |

|    |         |                             |  |   |   |           |
|----|---------|-----------------------------|--|---|---|-----------|
|    |         |                             | <p>ngành hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.</p>   |   |   |           |
| 55 | 1140206 | International Accounting 2  | <p>- Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về kế toán tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế và lập báo cáo tài chính quốc tế. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên các chuẩn mực kế toán quốc tế giúp sinh viên nhận diện và phân tích được các giao dịch và sự kiện kinh tế phát sinh như chi phí dồn tích, chi phí trả trước, ... để lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế trong doanh nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp thuộc chương trình dạy học chất lượng cao. Trên nền tảng nguyên lý kế toán, kế toán quốc tế 1, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức về kế toán tài chính quốc tế và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 4 | 5 | Thi viết  |
| 56 | 1140203 | Kế toán tài chính 3         | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các phương pháp kế toán phức tạp liên quan đến các hoạt động kinh doanh khác nhau, bao gồm: kế toán thương mại nội địa, kế toán hoạt động xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động du lịch - dịch vụ và kế toán hoạt động sản xuất nông nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Dựa trên nền tảng Kế toán tài chính 1 và Kế toán tài chính 2, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán trong các lĩnh vực: thương mại nội địa, xuất - nhập khẩu, du lịch - dịch vụ và sản xuất nông nghiệp; đồng thời là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 2 | 5 | Thi viết  |
| 57 | 1140207 | Management accounting 2     | <p>- Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về chi phí định mức, nội dung và phương pháp phân tích biến động các khoản mục chi phí sản xuất; kế toán trách nhiệm và phương pháp đánh giá trách nhiệm quản lý; quyết định giá bán sản phẩm; ứng dụng thông tin thích hợp với việc ra quyết định ngắn hạn; thế điểm cân bằng. Sinh viên được trang bị kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để triển khai thực hiện các phương pháp, kỹ thuật và nội dung công tác kế toán quản trị trong các loại hình doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kế toán quản trị 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, quản trị của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 3 | 5 | Thi viết  |
| 58 | 1140208 | Thực hành kế toán 1         | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để thực hành tổ chức và ghi sổ kế toán theo các giai đoạn, các phần hành khác nhau tại các đơn vị có tổ chức bộ máy kế toán.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 3 | 5 | Thực hành |
| 59 | 1140159 | Kiểm toán Báo cáo tài chính | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính; quy trình kiểm toán các khoản mục cơ bản như tiền và các khoản tương đương tiền, nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, tài sản cố định và chi phí khấu hao, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, thu nhập và chi phí.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành kế</p>  | 3 | 5 | Thi viết  |

|                 |         |                              |  |   |   |                     |
|-----------------|---------|------------------------------|--|---|---|---------------------|
|                 |         |                              | toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kiểm toán báo cáo tài chính cho sinh viên.   |   |   |                     |
| <b>Học kỳ 6</b> |         |                              |  |   |   |                     |
| 60              | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh         | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.   | 2 | 6 | Thi viết            |
| 61              | 1140017 | Kế toán hành chính sự nghiệp | - Học phần này trước hết trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đơn vị hành chính sự nghiệp. Sau đó, học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền, đầu tư tài chính, hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, nguồn vốn, các khoản thu, chi và xác định kết quả, lập báo cáo kế toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp đào tạo, rèn luyện thêm nghiệp vụ kỹ năng nghề nghiệp kế toán cho sinh viên.  | 3 | 7 | Thi viết            |
| 62              | 1140113 | Hệ thống thông tin kế toán   | - Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp, nắm được các bước tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp trong điều kiện tin học hóa; Cũng như nắm được quy trình luân chuyển chứng từ những nghiệp vụ phát sinh thường xuyên trong các chu trình kinh doanh của doanh nghiệp. - Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chương trình dạy học chất lượng cao ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững cách hạch toán, và các chứng từ, sổ sách cần thiết cho các nghiệp vụ ở các học phần trước, học phần này sẽ giúp sinh viên định hình công việc thực tế của kế toán, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp. | 3 | 6 | Thi viết            |
| 63              | 1140209 | Thực hành kế toán 2          | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và các kỹ năng về thực hiện công tác kế toán trên phần mềm kế toán.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kế toán tài chính, thực hành kế toán 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức và kỹ năng về thực hiện công tác kế toán trên phần mềm kế toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 6 | Thực hành           |
| 64              | 1140220 | Thực tập nhận thức 2         | - Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, nhóm sinh viên phải thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày toàn diện về công tác kế toán của đơn vị thực tập một cách logic, phản ánh được bản chất và phải gắn với thực tế tại đơn vị.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, thực hành kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.   | 2 | 6 | Báo cáo,<br>vấn đáp |
| 65              | 1140124 | Phân tích kinh doanh         | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về khái niệm, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của phân tích kinh doanh, các phương pháp phân tích kinh doanh và tổ chức phân tích kinh doanh. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp phân tích kinh doanh để phân tích các nội dung chi tiết liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế   | 3 | 6 | Thi viết            |

|  |         |   |  |   |   |          |
|--|---------|---|--|---|---|----------|
|  |         |   | toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ và nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |          |
| 66   | 1140195 | Kiểm soát nội bộ                              | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để kiểm soát các chu trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về kiểm soát nội bộ, các yếu tố cấu thành và trách nhiệm các bên liên quan đến kiểm soát nội bộ. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các thủ tục kiểm soát trong một số chu trình nghiệp vụ chủ yếu trong doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần giúp phát triển kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 6 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 6 (chọn 1 học phần)</b> |         |   |  |   |   |          |
| 67   | 1140036 | Kinh tế phát triển                            | - Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế. Cụ thể, giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; tìm hiểu các mô hình tăng trưởng kinh tế và vai trò của các yếu tố nguồn lực với phát triển kinh tế; phân tích các vấn đề đã và đang diễn ra trong thực tiễn liên quan đến tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phúc lợi con người.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức về kinh tế phát triển và là nền tảng kiến thức ngành cho sinh viên.          | 2 | 6 | Thi viết |
| 68   | 1150026 | Kinh tế quốc tế                               | - Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tính quy luật của mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, các lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế. Dựa trên những kiến thức này, sinh viên có thể vận dụng để nhận diện và phân tích các tình huống liên quan đến mậu dịch quốc tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, học phần sẽ góp phần hỗ trợ phát triển các kiến thức kinh tế học quốc tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 6 | Thi viết |
| 69   | 1140147 | Phân tích thị trường chứng khoán              | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến chứng khoán, và thị trường chứng khoán. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán, phân tích công ty và định giá chứng khoán.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, thuộc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu tư, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 6 | Thi viết |
| 70   | 1140175 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | - Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin, viết đề cương và báo cáo nghiên cứu.<br>- Học phần này là học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên nắm vững kiến thức Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học.        | 2 | 6 | Thi viết |
| 71   | 1140217 | Kỹ năng làm việc nhóm                         | Kỹ năng làm việc nhóm là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được  | 2 | 6 | Thi viết |

|                 |         |                             |   |   |   |          |
|-----------------|---------|-----------------------------|---|---|---|----------|
|                 |         |                             | xây dựng nhằm trang bị những kiến thức về làm việc nhóm cũng như rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. Kết quả đạt được là giúp cho sinh viên có những kỹ năng cần thiết để tham gia vào các nhóm làm việc một cách có hiệu quả. Hơn nữa, học phần cũng giúp sinh viên nâng cao ý thức và trách nhiệm trong quá trình làm việc nhóm.  |   |   |          |
| 72              | 1140218 | Đạo đức nghề nghiệp         | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết những quy định và hướng dẫn về nguyên tắc, nội dung áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người có chứng chỉ hành nghề kế toán, người có chứng chỉ kiểm toán viên, doanh nghiệp dịch vụ kế toán, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành tốt công việc của mình ở vị trí kế toán hoặc kiểm toán.</p> <p>- Học phần này thuộc học phần tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ của chương trình đào tạo ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững khối kiến thức chuyên ngành, học phần này giúp phát triển các kiến thức về những quy định và hướng dẫn về nguyên tắc, nội dung áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, là kiến thức bổ trợ nghề nghiệp hữu ích cho sinh viên ngành Kế toán.</p> | 2 | 6 | Thi viết |
| 73              | 1150131 | Toán tài chính              | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về lãi đơn, lãi kép, thương phiếu, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán.</p>   | 2 | 6 | Thi viết |
| 74              | 1150023 | Kinh tế môi trường          | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức căn bản của kinh tế học vi mô, vĩ mô, học phần sẽ giúp mở rộng các kiến thức kinh tế ứng dụng cho các vấn đề phát triển kinh tế – xã hội.</p>           | 2 | 6 | Thi viết |
| 75              | 1150535 | Quản trị chiến lược         | Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm, nội dung cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược theo các tiếp cận quy trình từ hoạch định đến triển khai và kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Các chiến lược trong thực tiễn cũng được trình bày một cách sinh động, được hệ thống và tìm ra đặc trưng giúp sinh viên có thể nhận biết và vận dụng trong thực tế hoạt động kinh doanh. Học phần cũng cung cấp những hướng dẫn về các mô hình, phương pháp và những công cụ kỹ thuật giúp sinh viên có thể phát triển được các kỹ năng phân tích, đánh giá môi trường, xây dựng và lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp.  | 2 | 6 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 7</b> |         |                             |   |   |   |          |
| 76              | 1140180 | Phân tích Báo cáo tài chính | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về khái niệm, đối tượng nghiên cứu, mục tiêu và các phương pháp nghiên cứu của phân tích Báo cáo tài chính. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên đọc, hiểu được hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp; vận dụng các phương pháp thường được sử dụng để phân tích các Báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp trong thực tiễn.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán và kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 4 | 7 | Thi viết |
| 77              | 1140211 | Kế toán thuế và báo cáo     | - Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: các vấn đề cơ bản của một số   | 3 | 6 | Thi viết |

|  |         |                           |   |   |   |          |
|--|---------|---------------------------|---|---|---|----------|
|  |         |                           | <p>thuế; Hướng dẫn kê khai thuế; Kế toán thuế của một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam. Nắm được mối liên kết giữa kế toán thuế và kế toán tài chính tại doanh nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; Học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kế toán tài chính, học phần sẽ giúp sinh viên kê khai và hạch toán một số sắc thuế cơ bản, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.</p>   |   |   |          |
| 78   | 1140210 | An toàn thông tin kế toán | <p>- Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về các công nghệ mới nhất hiện nay được áp dụng trong công tác kế toán, các rủi ro trong môi trường máy tính, cũng như các khuôn mẫu kiểm soát hệ thống thông tin kế toán. Từ đó, đưa ra các nội dung kiểm soát cụ thể giúp đảm bảo an toàn thông tin kế toán trong môi trường máy tính.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chương trình dạy học chất lượng cao ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững hệ thống thông tin kế toán và công việc của kế toán, học phần sẽ cung cấp cho sinh viên khả năng đảm bảo an toàn thông tin kế toán doanh nghiệp trong môi trường máy tính hiện nay.</p>            | 2 | 7 | Thi viết |
| 79   | 1140165 | Kiểm toán nội bộ          | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức về kiểm toán nội bộ, tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ và quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kiểm soát nội bộ, kế toán tài chính 1 và 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 2 | 7 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 7 (chọn 1 học phần)</b> |         |                           |   |   |   |          |
| 80   | 1140020 | Kế toán ngân hàng         | <p>- Học phần này trước hết trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về ngân hàng thương mại. Sau đó, học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền mặt, huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng và đầu tư, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, kinh doanh ngoại tệ vàng và thanh toán quốc tế, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh, lập Báo cáo tài chính.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kế toán. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp đào tạo, rèn luyện thêm nghiệp vụ kỹ năng nghề nghiệp kế toán cho sinh viên.</p> | 3 | 7 | Thi viết |
| 81   | 1140151 | Kế toán dự án đầu tư      | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.</p> <p>- Học phần thuộc học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính 1, 2, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 7 | Thi viết |
| 82   | 1140014 | Kế toán công ty           | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và kiến thức để vận dụng kiến thức, chế độ kế toán vào kế toán quá trình thành lập các công ty, kế toán biến động vốn trong các công ty, kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận sau thuế, kế toán phát hành và thanh toán trái phiếu, kế toán tổ chức lại công ty, kế toán quá trình giải thể và phá sản các công ty.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kế toán tài chính 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán công ty của sinh viên ngành kế toán và là nền tảng</p>                 | 3 | 7 | Thi viết |

|    |         |                                    |   |   |   |          |
|----|---------|------------------------------------|---|---|---|----------|
|    |         |                                    | kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |          |
| 83 | 1140154 | Chuẩn mực kế toán                  | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về luật kế toán và các văn bản hướng dẫn; xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán; khái quát hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam; các chuẩn mực kế toán liên quan đến bảng cân đối kế toán; các chuẩn mực kế toán liên quan đến báo cáo kết quả kinh doanh; các chuẩn mực liên quan đến nhóm công ty và ngành nghề kinh doanh đặc thù và các chuẩn mực liên quan đến trình bày và công khai báo cáo tài chính.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên ngành để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 7 | Thi viết |
| 84 | 1140128 | Kiểm toán hoạt động                | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán hoạt động, các giai đoạn trong quy trình kiểm toán hoạt động, kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ và kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nhà nước. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán hoạt động; giúp sinh viên nhận diện và thực hiện được quy trình kiểm toán hoạt động trong thực tiễn.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán, kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 7 | Thi viết |
| 85 | 1140213 | Kiểm toán trong môi trường tin học | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức về kiểm toán trong môi trường hệ thống thông tin máy tính, kiểm toán công nghệ thông tin và ứng dụng hệ thống thông tin trong kiểm toán báo cáo tài chính.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản và kiểm toán báo cáo tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 7 | Thi viết |
| 86 | 1140212 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa    | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Học phần thể hiện lần lượt các đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán liên quan đến tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu... Từ đó, sinh viên hiểu và nhận diện sự khác biệt về các đối tượng kế toán giữa doanh nghiệp quy mô lớn với doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng hợp, toàn diện hoạt động kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p>  | 3 | 7 | Thi viết |
| 87 | 1150306 | Tài chính doanh nghiệp             | <p>- Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý thu chi trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, xác định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp, quản trị tiền mặt, khoản phải thu và hàng tồn kho, đầu tư tài sản dài hạn của doanh nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Học phần có quan hệ bổ trợ cho các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành như Kế toán tài chính, Phân tích tài chính, ... Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp và cung cấp kiến thức nền tảng cho hoạt động nghề nghiệp của sinh viên.</p> | 3 | 7 | Thi viết |
| 88 | 1140033 | Kinh tế lượng                      | - Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy-một công cụ hữu   | 3 | 7 | Thi viết |



|                 |         |                      |   |   |   |                     |
|-----------------|---------|----------------------|---|---|---|---------------------|
|                 |         |                      | hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế-xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp người học xây dựng được mô hình, phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp người học thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành của ngành Kế toán. Trên cơ sở người học đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy làm công cụ hỗ trợ cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế, quản lý.  |   |   |                     |
| <b>Học kỳ 8</b> |         |                      |   |   |   |                     |
| 89              | 1140221 | Thực tập tốt nghiệp  | - Theo chương trình đào tạo, sau khi kết thúc chương trình lý thuyết ở trường, sinh viên năm thứ tư sẽ thực hiện việc thực tập tại các cơ quan thực tế và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ thực tập.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.                               | 3 | 8 | Báo cáo,<br>vấn đáp |
| 90              | 1140194 | Khóa luận tốt nghiệp | - Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. | 6 | 8 | Báo cáo,<br>Bảo vệ  |

## 2.2. Ngành Kế toán chất lượng cao khóa 46, 47

| TT              | Mã học phần | Tên học phần                    | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy vào học kỳ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|-------------|---------------------------------|--|------------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>Học kỳ 1</b> |             |                                 |  |            |                                 |                                |
| 1               | 1140200     | Kỹ năng giao tiếp trong kinh tế | Kỹ năng giao tiếp trong kinh tế là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về giao tiếp và giao tiếp trong môi trường kinh tế. Kết quả đạt được là giúp sinh có những kỹ năng cần thiết để giao tiếp trong quá trình học tập, trong cuộc sống cũng như trong công việc sau khi ra trường. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp cho tổ chức và xã hội. | 2          | 1                               | Vấn đáp                        |
| 2               | 1090061     | Tiếng Anh 1                     | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần  | 3          | 1                               | Thi viết                       |

|   |         |                                     |   |   |   |           |
|---|---------|-------------------------------------|---|---|---|-----------|
|   |         |                                     | bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.   |   |   |           |
| 3 | 1140222 | Micro economics                     | Học phần này giúp hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến nền kinh tế, lý thuyết cung cầu, phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng, lý thuyết hành vi người sản xuất, các vấn đề liên quan đến cấu trúc thị trường và thị trường yếu tố sản xuất cũng như các thất bại của thị trường và các giải pháp điều tiết của chính phủ.<br>Học phần Kinh tế vi mô thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế tạo nền tảng để sinh viên tiếp nhận kiến thức cho các học phần sau có liên quan. | 3 | 1 | Thi viết  |
| 4 | 1140223 | Macro economics                     | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.<br>Học phần này là học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế, quản lý, là môn nền tảng để học tiếp các môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành.   | 3 | 2 | Thi viết  |
| 5 | 1140182 | Toán cao cấp cho kinh tế            | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ và những ứng dụng của chúng trong kinh tế.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Học phần này cung cấp cho sinh viên các công cụ toán học để diễn giải và phân tích một số mối quan hệ của các đại lượng trong kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vĩ mô.   | 2 | 1 | Thi viết  |
| 6 | 1150142 | Quản trị học                        | Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức nền tảng cho các ngành kinh tế nói chung. Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, nội dung cơ bản về quản trị, tiếp cận và nắm bắt được các quan điểm, lý thuyết quản trị, kiến thức và kỹ năng thực hiện các chức năng quản trị, khả năng giải quyết các bài tập tình huống quản trị và rút ra những phương pháp và nguyên tắc chung có thể ứng dụng trong thực tiễn. Học phần trang bị những kiến thức rất cần thiết cho các nhà quản trị trong tất cả các lĩnh vực. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong tổ chức.   | 2 | 1 | Thi viết  |
|   |         |                                     | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>  |   |   |           |
| 7 | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 8 | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) | Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.   | 1 | 1 | Thực hành |

|                 |         |   |   |   |   |           |
|-----------------|---------|---|---|---|---|-----------|
| 9               | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 10              | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 11              | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tinh tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.        | 1 | 1 | Thực hành |
| 12              | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đôi luyện<br>- Kỹ thuật quyền  | 1 | 1 | Thực hành |
| 13              | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   | 1 | 1 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 2</b> |         |   |   |   |   |           |
| 14              | 1130299 | Triết học Mác – Lênin                         | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. | 3 | 2 | Thi viết  |
| 15              | 1150035 | Marketing căn bản                             | Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về Marketing, các quan điểm quản trị Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời giáo trình marketing căn bản xây dựng các công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được  | 3 | 3 | Thi viết  |

|    |         |                                     |   |   |   |           |
|----|---------|-------------------------------------|---|---|---|-----------|
|    |         |                                     | các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức toàn diện sau khi ra trường.   |   |   |           |
| 16 | 1140104 | Toán kinh tế                        | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Học phần này cung cấp cho sinh viên các công cụ toán học để diễn giải và phân tích một số mối quan hệ của các đại lượng trong kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô.   | 3 | 2 | Thi viết  |
| 17 | 1130049 | Pháp luật đại cương                 | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.  | 2 | 2 | Thi viết  |
| 18 | 1090166 | Tiếng Anh 2                         | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.  | 4 | 2 | Thi viết  |
| 19 | 1140224 | Accounting principles               | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong kế toán; các đối ứng tài khoản và định khoản; tổng hợp và cân đối kế toán; kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn của doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của nhóm ngành kinh tế, quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành Kế toán, Kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 2 | Thi viết  |
|    |         |                                     | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>  |   |   |           |
| 20 | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 21 | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) | Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập hỗ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà.   | 1 | 2 | Thực hành |

|                 |         |   |  |   |   |           |
|-----------------|---------|---|--|---|---|-----------|
| 22              | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 23              | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 24              | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyển và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.                         | 1 | 2 | Thực hành |
| 25              | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đôi luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 2 | Thực hành |
| 26              | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 2 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 3</b> |         |   |  |   |   |           |
| 27              | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                 | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | 2 | 3 | Thi viết  |
| 28              | 1150107 | Tài chính - Tiền tệ                           | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên  | 3 | 3 | Thi viết  |

|    |         |                                       |   |   |   |          |
|----|---------|---------------------------------------|---|---|---|----------|
|    |         |                                       | học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.  |   |   |          |
| 29 | 1140201 | Accounting in business                | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan nhất về môi trường kinh doanh cũng như tác động của nó tới tổ chức và bộ phận kế toán. Đồng thời, học phần cũng giúp học viên hiểu rõ hơn về vai trò của kế toán và các bộ phận chủ chốt trong việc xây dựng tổ chức hiệu quả và đạo đức của một doanh nghiệp, từ đó hướng học viên tiếp cận tới những nguyên lý quản trị doanh nghiệp hiệu quả.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán và vai trò của kế toán, đạo đức nghề nghiệp của người làm kế toán cho sinh viên ngành kế toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 1 | Thi viết |
| 30 | 1140162 | Kế toán tài chính 1                   | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền, vật tư, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo kết quả kinh doanh theo qui định.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính của sinh viên ngành Kế toán, Kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 3 | Thi viết |
| 31 | 1140214 | Data analysis and statistical methods | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các phương pháp chọn mẫu, cách thức trình bày dữ liệu thống kê, các kỹ thuật dự báo và thực hành dự báo trên phần mềm SPSS.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng về phân tích dữ liệu thống kê và dự báo.  | 3 | 3 |          |
| 32 | 1140215 | Tiếng Anh chuyên ngành 1              | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về Kế toán bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh lĩnh vực kế toán thông qua các bài như Tax accounting, Investment, Taxation planning, Ratios ... và nhiều vấn đề liên quan đến kế toán. Mỗi bài đều bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến lĩnh vực kế toán thông qua các dạng bài liên quan đến các kỹ năng nghe, đọc, nói, viết. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được các kỹ năng.<br>Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này.   | 2 | 3 | Thi viết |
| 33 | 1050243 | Tin học cơ sở (kinh tế)               | Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyên đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.   | 3 | 3 | Thi viết |
| 34 | 1130143 | Luật kinh doanh                       | Luật kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành kế toán nhằm trang bị cho người học những hiểu biết pháp luật cơ bản về kinh doanh, thương mại, cụ thể gồm: các quy định pháp luật về tổ chức, quản lý và tiến hành các hoạt động kinh doanh, thương mại bao gồm quá trình hình thành các loại chủ thể kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, quá trình giải quyết tranh chấp kinh doanh, quá trình giải quyết giải thể, phá sản. Thông qua việc làm bài tập, sinh viên có năng lực áp dụng các quy phạm pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tiễn pháp lý cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại.  | 2 | 4 | Thi viết |

| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |   |  |   |   |           |
|--|---------|---|--|---|---|-----------|
| 35                                       | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | <p>- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.</p> <p>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.</p>   | 1 | 3 | Thực hành |
| 36                                       | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 37                                       | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 38                                       | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 39                                       | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | <p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ-chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng dẫn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.</p> <p>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.</p>                          | 1 | 3 | Thực hành |
| 40                                       | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | <p>Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...</p> <p>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên đi kèm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử phát triển Taekwondo</li> <li>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo</li> <li>- Luật thi đấu Taekwondo</li> <li>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công</li> <li>- Kỹ thuật đối luyện</li> <li>- Kỹ thuật quyền</li> </ul> | 1 | 3 | Thực hành |
| 41                                       | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 3 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 4</b>                          |         |   |  |   |   |           |
| 42                                       | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của   | 2 | 4 | Thi viết  |

|    |         |                            |  |   |   |          |
|----|---------|----------------------------|--|---|---|----------|
|    |         |                            | CNXHKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.<br>Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. |   |   |          |
| 43 | 1140205 | International Accounting 1 | Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của kế toán tài chính quốc tế. Học phần sẽ giúp sinh viên nhận diện được đặc tính chất lượng của thông tin tài chính, hiểu được công dụng của bút toán kép và các hệ thống kế toán, phản ánh được các giao dịch và sự kiện kinh tế phát sinh như hàng tồn kho, tài sản dài hạn giúp sinh viên có thể lập được báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế.<br>Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của Ngành Kế toán thuộc chương trình dạy học chất lượng cao. Trên nền tảng nguyên lý kế toán, kế toán trong kinh doanh, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức về kế toán quốc tế và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 4 | Thi viết |
| 44 | 1140204 | Management accounting 1    | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết kiến thức về kế toán quản trị doanh nghiệp. Sinh viên được trang bị kiến thức về sự hiện diện của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, tầm quan trọng và các phương pháp cũng như công cụ kế toán quản trị cơ bản đang vận hành trong hệ thống doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Tài chính – Tiền tệ, Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 4 | 4 | Thi viết |
| 45 | 1140107 | Kiểm toán căn bản          | Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất về nghề nghiệp kiểm toán và các kiến thức nền tảng sử dụng trong kiểm toán báo cáo tài chính. Học phần cũng đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các nguyên tắc của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, cách thức thu thập bằng chứng kiểm toán và các giai đoạn của kiểm toán báo cáo tài chính.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kiểm toán cho sinh viên.   | 3 | 4 | Thi viết |
| 46 | 1140202 | Kế toán tài chính 2        | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản đầu tư tài chính, các khoản thanh toán, các khoản dự phòng, các bút toán điều chỉnh, các bút toán khóa sổ, các bút toán xử lý các sai sót và lập các loại báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính 1, học phần này giúp phát triển các kiến thức kế toán doanh nghiệp chuyên sâu của sinh viên, là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Kế toán.   | 3 | 4 | Thi viết |
| 47 | 1140216 | Tiếng Anh chuyên ngành 2   | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về tài chính doanh nghiệp và kiểm toán bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh tài chính doanh nghiệp và kiểm  | 2 | 4 | Thi viết |



|  |         |  |  |   |   |                     |
|--|---------|--|--|---|---|---------------------|
|  |         |  | toán thông qua các bài đọc như Venture capital, Shareholders - Share prices, Futures, Derivatives, Auditing, Overview of elements of the financial report audit process ... và nhiều vấn đề khác liên quan đến tài chính doanh nghiệp cũng như kiểm toán. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần liên quan đến kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được kỹ năng đọc, nói, và viết.<br>Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh chuyên ngành, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này. |   |   |                     |
| 48   | 1140219 | Thực tập nhận thức 1   | Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về bộ máy kế toán tại đơn vị (doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp,...), vai trò của kế toán trong hoạt động quản lý của đơn vị.  | 1 | 1 | Báo cáo, vấn đáp    |
| <b>Các học phần Giáo dục Quốc phòng, An ninh</b> |         |  |  |   |   |                     |
| 49   | 115001  | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (*) | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.  | 3 | 4 | Thi viết            |
| 50   | 115002  | Công tác quốc phòng, an ninh (*)                               | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.   | 2 | 4 | Thi viết            |
| 51   | 115003  | Quân sự chung (*)  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiên công hóa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.  | 2 | 4 | Thi viết, thực hành |
| 52   | 115004  | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (*)                  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiên công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).  | 2 | 4 | Thi viết, thực hành |
| <b>Học kỳ 5</b>                                  |         |  |  |   |   |                     |
| 53   | 1130302 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                                 | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).   | 2 | 5 | Thi viết            |

|    |         |                             |   |   |   |           |
|----|---------|-----------------------------|---|---|---|-----------|
| 54 | 1150422 | Khởi nghiệp                 | Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.  | 2 | 5 | Vấn đáp   |
| 55 | 1140206 | International Accounting 2  | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về kế toán tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế và lập báo cáo tài chính quốc tế. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên các chuẩn mực kế toán quốc tế giúp sinh viên nhận diện và phản ánh được các giao dịch và sự kiện kinh tế phát sinh như chi phí dồn tích, chi phí trả trước, ... để lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế trong doanh nghiệp. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp thuộc chương trình dạy học chất lượng cao. Trên nền tảng nguyên lý kế toán, kế toán quốc tế 1, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức về kế toán tài chính quốc tế và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 4 | 5 | Thi viết  |
| 56 | 1140203 | Kế toán tài chính 3         | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các phương pháp kế toán phức tạp liên quan đến các hoạt động kinh doanh khác nhau, bao gồm: kế toán thương mại nội địa, kế toán hoạt động xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động du lịch - dịch vụ và kế toán hoạt động sản xuất nông nghiệp.<br>Học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Dựa trên nền tảng Kế toán tài chính 1 và Kế toán tài chính 2, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán trong các lĩnh vực: thương mại nội địa, xuất - nhập khẩu, du lịch - dịch vụ và sản xuất nông nghiệp; đồng thời là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 5 | Thi viết  |
| 57 | 1140207 | Management accounting 2     | Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về chi phí định mức, nội dung và phương pháp phân tích biến động các khoản mục chi phí sản xuất; kế toán trách nhiệm và phương pháp đánh giá trách nhiệm quản lý; quyết định giá bán sản phẩm; ứng dụng thông tin thích hợp với việc ra quyết định ngắn hạn; thế điểm cân bằng. Sinh viên được trang bị kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để triển khai thực hiện các phương pháp, kỹ thuật và nội dung công tác kế toán quản trị trong các loại hình doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kế toán quản trị 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, quản trị của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 5 | Thi viết  |
| 58 | 1140208 | Thực hành kế toán 1         | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để thực hành tổ chức và ghi sổ kế toán theo các giai đoạn, các phần hành khác nhau tại các đơn vị có tổ chức bộ máy kế toán.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 5 | Thực hành |
| 59 | 1140159 | Kiểm toán Báo cáo tài chính | Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính; quy trình kiểm toán các khoản mục cơ bản như tiền và các khoản tương đương tiền, nợ phải thu   | 3 | 5 | Thi viết  |

|                 |         |                              |   |   |   |                  |
|-----------------|---------|------------------------------|---|---|---|------------------|
|                 |         |                              | khách hàng, hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, tài sản cố định và chi phí khấu hao, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, thu nhập và chi phí.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kiểm toán báo cáo tài chính cho sinh viên.   |   |   |                  |
| <b>Học kỳ 6</b> |         |                              |   |   |   |                  |
| 60              | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh         | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.  | 2 | 6 | Thi viết         |
| 61              | 1140017 | Kế toán hành chính sự nghiệp | Học phần này trước hết trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đơn vị hành chính sự nghiệp. Sau đó, học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền, đầu tư tài chính, hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, nguồn vốn, các khoản thu, chi và xác định kết quả, lập báo cáo kế toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp đào tạo, rèn luyện thêm nghiệp vụ kỹ năng nghề nghiệp kế toán cho sinh viên.   | 3 | 7 | Thi viết         |
| 62              | 1140113 | Hệ thống thông tin kế toán   | Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp, nắm được các bước tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp trong điều kiện tin học hóa; Cũng như nắm được quy trình luân chuyển chứng từ những nghiệp vụ phát sinh thường xuyên trong các chu trình kinh doanh của doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chương trình dạy học chất lượng cao ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững cách hạch toán, và các chứng từ, sổ sách cần thiết cho các nghiệp vụ ở các học phần trước, học phần này sẽ giúp sinh viên định hình công việc thực tế của kế toán, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp. | 3 | 6 | Thi viết         |
| 63              | 1140209 | Thực hành kế toán 2          | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và các kỹ năng về thực hiện công tác kế toán trên phần mềm kế toán.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kế toán tài chính, thực hành kế toán 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức và kỹ năng về thực hiện công tác kế toán trên phần mềm kế toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 6 | Thực hành        |
| 64              | 1140220 | Thực tập nhận thức 2         | Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, nhóm sinh viên phải thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày toàn diện về công tác kế toán của đơn vị thực tập một cách logic, phản ánh được bản chất và phải gắn với thực tế tại đơn vị.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, thực hành kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.  | 2 | 6 | Báo cáo, vấn đáp |
| 65              | 1140124 | Phân tích kinh doanh         | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về khái niệm, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của phân tích kinh doanh, các phương pháp phân tích kinh doanh và tổ chức phân tích kinh doanh. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp phân tích  | 3 | 6 | Thi viết         |

|  |         |   |  |   |   |          |
|--|---------|---|--|---|---|----------|
|  |         |   | kinh doanh để phân tích các nội dung chi tiết liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ và nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |          |
| 66   | 1140195 | Kiểm soát nội bộ                              | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để kiểm soát các chu trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về kiểm soát nội bộ, các yếu tố cấu thành và trách nhiệm các bên liên quan đến kiểm soát nội bộ. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các thủ tục kiểm soát trong một số chu trình nghiệp vụ chủ yếu trong doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần giúp phát triển kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 6 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 6 (chọn 1 học phần)</b> |         |   |  |   |   |          |
| 67   | 1140036 | Kinh tế phát triển                            | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế. Cụ thể, giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; tìm hiểu các mô hình tăng trưởng kinh tế và vai trò của các yếu tố nguồn lực với phát triển kinh tế; phân tích các vấn đề đã và đang diễn ra trong thực tiễn liên quan đến tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phúc lợi con người.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức về kinh tế phát triển và là nền tảng kiến thức ngành cho sinh viên.          | 2 | 6 | Thi viết |
| 68   | 1150026 | Kinh tế quốc tế                               | Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tính quy luật của mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, các lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế. Dựa trên những kiến thức này, sinh viên có thể vận dụng để nhận diện và phân tích các tình huống liên quan đến mậu dịch quốc tế.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, học phần sẽ góp phần hỗ trợ phát triển các kiến thức kinh tế học quốc tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 6 | Thi viết |
| 69   | 1140147 | Phân tích thị trường chứng khoán              | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến chứng khoán, và thị trường chứng khoán. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán, phân tích công ty và định giá chứng khoán.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, thuộc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu tư, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 6 | Thi viết |
| 70   | 1140175 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin, viết đề cương và báo cáo nghiên cứu.<br>Học phần này là học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên nắm vững kiến thức Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ  | 2 | 6 | Thi viết |

|                 |         |                             |  |   |   |          |
|-----------------|---------|-----------------------------|--|---|---|----------|
|                 |         |                             | mô, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học.  |   |   |          |
| 71              | 1140217 | Kỹ năng làm việc nhóm       | Kỹ năng làm việc nhóm là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức về làm việc nhóm cũng như rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. Kết quả đạt được là giúp cho sinh viên có những kỹ năng cần thiết để tham gia vào các nhóm làm việc một cách có hiệu quả. Hơn nữa, học phần cũng giúp sinh viên nâng cao ý thức và trách nhiệm trong quá trình làm việc nhóm.   | 2 | 6 | Thi viết |
| 72              | 1140218 | Đạo đức nghề nghiệp         | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết những quy định và hướng dẫn về nguyên tắc, nội dung áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người có chứng chỉ hành nghề kế toán, người có chứng chỉ kiểm toán viên, doanh nghiệp dịch vụ kế toán, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành tốt công việc của mình ở vị trí kế toán hoặc kiểm toán.<br>Học phần này thuộc học phần tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ của chương trình đào tạo ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững khối kiến thức chuyên ngành, học phần này giúp phát triển các kiến thức về những quy định và hướng dẫn về nguyên tắc, nội dung áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, là kiến thức bổ trợ nghề nghiệp hữu ích cho sinh viên ngành Kế toán. | 2 | 6 | Thi viết |
| 73              | 1150131 | Toán tài chính              | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về lãi đơn, lãi kép, thương phiếu, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán.   | 2 | 6 | Thi viết |
| 74              | 1150023 | Kinh tế môi trường          | Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức căn bản của kinh tế học vi mô, vĩ mô, học phần sẽ giúp mở rộng các kiến thức kinh tế ứng dụng cho các vấn đề phát triển kinh tế – xã hội.           | 2 | 6 | Thi viết |
| 75              | 1150535 | Quản trị chiến lược         | Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm, nội dung cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược theo các tiếp cận quy trình từ hoạch định đến triển khai và kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Các chiến lược trong thực tiễn cũng được trình bày một cách sinh động, được hệ thống và tìm ra đặc trưng giúp sinh viên có thể nhận biết và vận dụng trong thực tế hoạt động kinh doanh. Học phần cũng cung cấp những hướng dẫn về các mô hình, phương pháp và những công cụ kỹ thuật giúp sinh viên có thể phát triển được các kỹ năng phân tích, đánh giá môi trường, xây dựng và lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp.   | 2 | 6 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 7</b> |         |                             |  |   |   |          |
| 76              | 1140180 | Phân tích Báo cáo tài chính | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về khái niệm, đối tượng nghiên cứu, mục tiêu và các phương pháp nghiên cứu của phân tích Báo cáo tài chính. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên đọc, hiểu được hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp; vận dụng các phương pháp thường được sử dụng để phân tích các Báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp trong thực tiễn. Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán và kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề  | 4 | 7 | Thi viết |

|  |         |                           |  |   |   |          |
|--|---------|---------------------------|--|---|---|----------|
|  |         |                           | ngành cho sinh viên.   |   |   |          |
| 77   | 1140211 | Kế toán thuế và báo cáo   | Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: các vấn đề cơ bản của một sắc thuế; Hướng dẫn kê khai thuế; Kế toán thuế của một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam. Nắm được mối liên kết giữa kế toán thuế và kế toán tài chính tại doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; Học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kế toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kế toán tài chính, học phần sẽ giúp sinh viên kê khai và hạch toán một số sắc thuế cơ bản, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.    | 3 | 6 | Thi viết |
| 78   | 1140210 | An toàn thông tin kế toán | Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về các công nghệ mới nhất hiện nay được áp dụng trong công tác kế toán, các rủi ro trong môi trường máy tính, cũng như các khuôn mẫu kiểm soát hệ thống thông tin kế toán. Từ đó, đưa ra các nội dung kiểm soát cụ thể giúp đảm bảo an toàn thông tin kế toán trong môi trường máy tính.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chương trình dạy học chất lượng cao ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững hệ thống thông tin kế toán và công việc của kế toán, học phần sẽ cung cấp cho sinh viên khả năng đảm bảo an toàn thông tin kế toán doanh nghiệp trong môi trường máy tính hiện nay.            | 2 | 7 | Thi viết |
| 79   | 1140165 | Kiểm toán nội bộ          | Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức về kiểm toán nội bộ, tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ và quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kiểm soát nội bộ, kế toán tài chính 1 và 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 7 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 7 (chọn 1 học phần)</b> |         |                           |  |   |   |          |
| 80   | 1140020 | Kế toán ngân hàng         | Học phần này trước hết trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về ngân hàng thương mại. Sau đó, học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền mặt, huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng và đầu tư, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, kinh doanh ngoại tệ vàng và thanh toán quốc tế, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh, lập Báo cáo tài chính.<br>Học phần thuộc kiến thức tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kế toán. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp đào tạo, rèn luyện thêm nghiệp vụ kỹ năng nghề nghiệp kế toán cho sinh viên. | 3 | 7 | Thi viết |
| 81   | 1140151 | Kế toán dự án đầu tư      | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.<br>Học phần thuộc học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính 1, 2, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 7 | Thi viết |
| 82   | 1140014 | Kế toán công ty           | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và kiến thức để vận dụng kiến thức, chế độ kế toán vào kế toán quá trình thành lập các công ty, kế toán biến động vốn trong các công ty, kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận sau thuế, kế toán phát hành và thanh toán trái phiếu, kế toán tổ chức lại công ty, kế toán quá trình giải thể và phá sản các công ty.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế  | 3 | 7 | Thi viết |

|    |         |                                    |  |   |   |          |
|----|---------|------------------------------------|--|---|---|----------|
|    |         |                                    | toán chất lượng cao. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kế toán tài chính 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán công ty của sinh viên ngành kế toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |          |
| 83 | 1140154 | Chuẩn mực kế toán                  | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về luật kế toán và các văn bản hướng dẫn; xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán; khái quát hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam; các chuẩn mực kế toán liên quan đến bảng cân đối kế toán; các chuẩn mực kế toán liên quan đến báo cáo kết quả kinh doanh; các chuẩn mực liên quan đến nhóm công ty và ngành nghề kinh doanh đặc thù và các chuẩn mực liên quan đến trình bày và công khai báo cáo tài chính<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên ngành để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 7 | Thi viết |
| 84 | 1140128 | Kiểm toán hoạt động                | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán hoạt động, các giai đoạn trong quy trình kiểm toán hoạt động, kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ và kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nhà nước. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán hoạt động; giúp sinh viên nhận diện và thực hiện được quy trình kiểm toán hoạt động trong thực tiễn.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán, kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 7 | Thi viết |
| 85 | 1140213 | Kiểm toán trong môi trường tin học | Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức về kiểm toán trong môi trường hệ thống thông tin máy tính, kiểm toán công nghệ thông tin và ứng dụng hệ thống thông tin trong kiểm toán báo cáo tài chính.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản và kiểm toán báo cáo tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 7 | Thi viết |
| 86 | 1140212 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa    | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Học phần thể hiện lần lượt các đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán liên quan đến tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu... Từ đó, sinh viên hiểu và nhận diện sự khác biệt về các đối tượng kế toán giữa doanh nghiệp quy mô lớn với doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng hợp, toàn diện hoạt động kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.   | 3 | 7 | Thi viết |
| 87 | 1150306 | Tài chính doanh nghiệp             | Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý thu chi trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, xác định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp, quản trị tiền mặt, khoản phải thu và hàng tồn kho, đầu tư tài sản dài hạn của doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Học phần có quan hệ hỗ trợ cho các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành như Kế toán tài chính, Phân tích tài chính, ... Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về tài   | 3 | 7 | Thi viết |

|                 |         |                      |   |   |   |                  |
|-----------------|---------|----------------------|---|---|---|------------------|
|                 |         |                      | chính doanh nghiệp và cung cấp kiến thức nền tảng cho hoạt động nghề nghiệp của sinh viên.  |   |   |                  |
| 88              | 1140033 | Kinh tế lượng        | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy-một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế-xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp người học xây dựng được mô hình, phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp người học thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành của ngành Kế toán. Trên cơ sở người học đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy làm công cụ hỗ trợ cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế, quản lý.  | 3 | 7 | Thi viết         |
| <b>Học kỳ 8</b> |         |                      |   |   |   |                  |
| 89              | 1140221 | Thực tập tốt nghiệp  | Theo chương trình đào tạo, sau khi kết thúc chương trình lý thuyết ở trường, sinh viên năm thứ tư sẽ thực hiện việc thực tập tại các cơ quan thực tế và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ thực tập.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.                               | 3 | 8 | Báo cáo, vấn đáp |
| 90              | 1140194 | Khóa luận tốt nghiệp | Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập.<br>Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. | 6 | 8 | Báo cáo, Bảo vệ  |

### 3. Ngành Kế toán hệ đại trà (Trình độ đại học, chính quy)

#### 3.1. Ngành Kế toán đại trà khóa 44

| TT              | Mã học phần | Tên học phần      | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy vào học kỳ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|-------------|-------------------|--|------------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>Học kỳ 1</b> |             |                   |  |            |                                 |                                |
| 1               | 2030003     | Kỹ năng giao tiếp | Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội. | 2          | 1                               | Vấn đáp                        |
| 2               | 1090061     | Tiếng Anh 1       | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở  | 3          | 1                               | Thi viết                       |



|   |         |                                     |  |   |   |           |
|---|---------|-------------------------------------|--|---|---|-----------|
|   |         |                                     | trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kĩ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.  |   |   |           |
| 3 | 1140170 | Kinh tế vi mô                       | - Học phần này giúp hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến nền kinh tế, lý thuyết cung cầu, phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi người sản xuất, các vấn đề liên quan đến cấu trúc thị trường và thị trường yếu tố sản xuất cũng như các thất bại của thị trường và các giải pháp điều tiết của chính phủ.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh và Tài chính ngân hàng. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế giúp sinh viên được trang bị kiến thức cho các học phần sau có liên quan. | 3 | 1 | Thi viết  |
| 4 | 1140171 | Kinh tế vĩ mô                       | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.<br>- Học phần này là học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế, quản lý, là môn nền tảng để học tiếp các môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành.  | 3 | 1 | Thi viết  |
| 5 | 1140182 | Toán cao cấp cho kinh tế            | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector n chiều và ứng dụng của chúng trong kinh tế, giúp cho người học có công cụ để diễn giải một số vấn đề kinh tế - xã hội.<br>- Dựa trên nền tảng sinh viên nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học phân tích một số mối quan hệ kinh tế vi mô và vĩ mô cơ bản bằng công cụ toán học  | 2 | 1 | Thi viết  |
| 6 | 1140104 | Toán kinh tế                        | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô.   | 3 | 1 | Thi viết  |
|   |         |                                     | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>   |   |   |           |
| 7 | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật nâng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 8 | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1) | Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TĐTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyên.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 9 | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)     | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng   | 1 | 1 | Thực hành |

|                 |         |   |   |   |   |           |
|-----------------|---------|---|---|---|---|-----------|
|                 |         |   | một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  |   |   |           |
| 10              | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 11              | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.        | 1 | 1 | Thực hành |
| 12              | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tinh đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 1 | Thực hành |
| 13              | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 1 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 2</b> |         |   |   |   |   |           |
| 14              | 1130299 | Triết học Mác – Lênin                         | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. | 3 | 2 | Thi viết  |
| 15              | 1130049 | Pháp luật đại cương                           | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.  | 2 | 2 | Thi viết  |
| 16              | 1090166 | Tiếng Anh 2                                   | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải  | 4 | 2 | Thi viết  |

|  |         |   |   |   |   |           |
|--|---------|---|---|---|---|-----------|
|  |         |   | <p>nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng linh hoạt và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.</p>   |   |   |           |
| 17                                       | 1140048 | Nguyên lý kế toán                             | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của các ngành đào tạo thuộc nhóm các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 3 | 2 | Thi viết  |
| 18                                       | 1050243 | Tin học cơ sở (kinh tế)                       | <p>Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.</p>  | 3 | 2 | Thi viết  |
| 19                                       | 1140036 | Kinh tế phát triển                            | <p>- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội. Đặc biệt, giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích vai trò của một số yếu tố nguồn lực như vốn, lao động đối với tăng trưởng kinh tế.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức cơ bản về kinh tế học và là nền tảng kiến thức ngành cho sinh viên.</p>  | 2 | 2 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |   |   |   |   |           |
| 20                                       | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | <p>- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật nâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.</p> <p>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.</p>  | 1 | 2 | Thực hành |
| 21                                       | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)           | <p>Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà.</p>  | 1 | 2 | Thực hành |
| 22                                       | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | <p>Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.</p>  | 1 | 2 | Thực hành |
| 23                                       | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | <p>Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.</p> <p>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.</p> <p>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.</p>   | 1 | 2 | Thực hành |
| 24                                       | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | <p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực,</p>   | 1 | 2 | Thực hành |

|   |         |                                      |  |   |   |           |
|---|---------|--------------------------------------|--|---|---|-----------|
|   |         |                                      | chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng dẫn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tinh tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.   |   |   |           |
| 25  | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đâm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền  | 1 | 2 | Thực hành |
| 26  | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)  | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   | 1 | 2 | Thực hành |
| <b>Các học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b> |         |                                      |  |   |   |           |
| 27  | 1120168 | Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1        | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.   | 3 | 2 | Thi viết  |
| 28  | 1120169 | Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2        | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. | 2 | 2 | Thi viết  |
| 39  | 1120170 | Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3        | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hóa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.  | 2 | 2 | Thi viết  |
| 30  | 1120171 | Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4        | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cánh giới).  | 2 | 2 | Thi viết  |
| <b>Học kỳ 3</b>                                   |         |                                      |  |   |   |           |
| 31  | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin        | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế  | 2 | 3 | Thi viết  |

|    |         |                                     |  |   |   |          |
|----|---------|-------------------------------------|--|---|---|----------|
|    |         |                                     | chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.  |   |   |          |
| 32 | 1150107 | Tài chính - Tiền tệ                 | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.   | 3 | 3 | Thi viết |
| 33 | 1140187 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để tính toán, diễn giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.   | 2 | 3 | Thi viết |
| 34 | 1150035 | Marketing căn bản                   | - Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về Marketing, các quan điểm quản trị Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời giáo trình marketing căn bản xây dựng các công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức toàn diện sau khi ra trường. | 3 | 3 | Thi viết |
| 35 | 1140162 | Kế toán tài chính 1                 | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, giá thành sản phẩm và tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh, lập Báo cáo tài chính theo qui định.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 3 | Thi viết |
| 36 | 1140140 | Tiếng Anh chuyên ngành              | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kinh tế bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh kinh tế thông qua các bài đọc như Microeconomics, Demand, Supply... và nhiều vấn đề liên quan đến Kinh tế. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần: Practice, Vocabulary, Reading, Meaning, Grammar, and Listening. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được 4 kỹ năng.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này.  | 2 | 3 | Thi viết |
| 37 | 1150026 | Kinh tế quốc tế                     | - Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tính quy luật của môi trường kinh tế giữa các quốc gia, các lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế. Dựa trên những kiến thức này, sinh viên có thể vận dụng để nhận diện và phân tích các tình huống liên quan đến mậu dịch quốc tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán   | 2 | 3 | Thi viết |

|    |         |   |   |   |   |           |
|----|---------|---|---|---|---|-----------|
|    |         |   | tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kinh tế học quốc tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |           |
| 38 | 1130143 | Luật kinh doanh                               | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về ngành Luật Kinh doanh và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về kinh doanh, thương mại, cụ thể gồm các chế định pháp luật như: pháp luật về chủ thể kinh doanh, hợp đồng trong hoạt động kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh. Học phần Luật Kinh doanh cũng giúp sinh viên hiểu rõ về pháp luật phá sản trong các doanh nghiệp và hợp tác xã. Thông qua kỹ năng làm việc nhóm, sinh viên có thể giải quyết các vấn đề thực tiễn pháp lý liên quan đến Luật kinh tế.  | 2 | 3 | Thi viết  |
|    |         |   | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>  |   |   |           |
| 39 | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 40 | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 41 | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 42 | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 43 | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. | 1 | 3 | Thực hành |
| 44 | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 3 | Thực hành |
| 45 | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ                       | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và  | 1 | 3 | Thực hành |

|                 |         |                            |   |   |   |          |
|-----------------|---------|----------------------------|---|---|---|----------|
|                 |         | Karatedo 3)                | huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   |   |   |          |
| <b>Học kỳ 4</b> |         |                            |   |   |   |          |
| 46              | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học  | <p>- Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.</p> <p>- Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.</p> | 2 | 4 | Thi viết |
| 47              | 1150306 | Tài chính doanh nghiệp     | <p>- Cung cấp những vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như: khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý thu chi trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, xác định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp, quản trị tiền mặt, khoản phải thu và hàng tồn kho, đầu tư tài sản dài hạn.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 3 | 4 | Thi viết |
| 48              | 1140021 | Kế toán quản trị 1         | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết kiến thức về kế toán quản trị doanh nghiệp. Sinh viên được cung cấp thông tin về sự hiện diện của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, tầm quan trọng và các phương pháp cũng như công cụ kế toán quản trị cơ bản đang vận hành trong hệ thống doanh nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên những thông tin cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị. Phân biệt giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị, các cách phân loại chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận và cách thức lập các dự toán ngân sách. Đồng thời, giới thiệu các phương pháp phân bổ chi phí phục vụ trong doanh nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Tài chính – Tiền tệ, Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 4 | Thi viết |
| 49              | 1140107 | Kiểm toán căn bản          | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về nghề nghiệp kiểm toán và các kiến thức nền tảng sử dụng trong kiểm toán báo cáo tài chính. Học phần cũng đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các nguyên tắc của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, cách thức thu thập bằng chứng kiểm toán, các quy trình kiểm toán và trình bày báo cáo kiểm toán.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán và Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kiểm toán cho sinh viên và là nền tảng để phục vụ cho học phần Kiểm toán báo cáo tài chính.</p>  | 3 | 4 | Thi viết |
| 50              | 1140049 | Nguyên lý thống kê kinh tế | - Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.  | 3 | 4 | Thi viết |

|  |         |   |   |   |   |          |
|--|---------|---|---|---|---|----------|
|  |         |   | - Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về thống kê học, các giai đoạn của các quá trình nghiên cứu thống kê, chỉ số thống kê, phân tích hồi quy và tương quan, và dự báo cho dãy số thời gian đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.  |   |   |          |
| 51   | 1140163 | Kế toán tài chính 2                           | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản đầu tư tài chính, dự phòng, thanh toán nội bộ, vay và nợ thuê tài chính, bút toán điều chỉnh, bút toán khóa sổ, xử lý các sai sót và lập các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức chung về nguyên lý kế toán và kế toán tài chính 1, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán doanh nghiệp chuyên sâu của sinh viên, là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Kiểm toán.   | 2 | 4 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 4 (chọn 1 học phần)</b> |         |   |   |   |   |          |
| 52   | 1140175 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | - Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo nghiên cứu.<br>- Học phần này thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên nắm vững kiến thức Nguyên lý thống kê kinh tế và Kinh tế phát triển, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học kinh tế.  | 2 | 4 | Thi viết |
| 53   | 1150131 | Toán tài chính                                | - Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.<br>- Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lãi đơn, lãi kép, thương phiếu, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.   | 2 | 4 | Thi viết |
| 54   | 1150023 | Kinh tế môi trường                            | - Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức căn bản của kinh tế học vi mô, vĩ mô, học phần sẽ giúp mở rộng các kiến thức kinh tế ứng dụng cho các vấn đề phát triển. | 2 | 4 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 5</b>  |         |   |   |   |   |          |
| 55   | 1130302 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).  | 2 | 5 | Thi viết |
| 56   | 1150422 | Khởi nghiệp                                   | Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.  | 2 | 5 | Vấn đáp  |



|                 |         |                             |   |   |   |          |
|-----------------|---------|-----------------------------|---|---|---|----------|
| 57              | 1140110 | Kế toán tài chính 3         | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các phương pháp kế toán phức tạp liên quan đến các hoạt động kinh doanh khác nhau, bao gồm: kế toán thương mại nội địa, kế toán hoạt động xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động du lịch- dịch vụ, kế toán hoạt động xây lắp và kế toán hoạt động sản xuất nông nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Kế toán tài chính 1 và Kế toán tài chính 2, học phần giúp sinh viên nhận diện tác động của đặc điểm hoạt động kinh doanh đến hoạt động kế toán của các doanh nghiệp trong thực tiễn.</p>   | 3 | 5 | Thi viết |
| 58              | 1140158 | Kế toán quản trị 2          | <p>- Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để tổ chức một số kỹ thuật, nội dung công tác kế toán quản trị trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, học phần Kế toán quản trị 2 bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích biến động chi phí sản xuất;</li> <li>- Đánh giá trách nhiệm quản lý;</li> <li>- Quyết định giá bán sản phẩm;</li> <li>- Ứng dụng thông tin thích hợp với việc ra quyết định ngắn hạn;</li> <li>- Phương pháp xác định chi phí dựa trên cơ sở hoạt động (ABC).</li> </ul> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kế toán quản trị 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, quản trị của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 3 | 5 | Thi viết |
| 59              | 1140116 | Kế toán chi phí             | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán chi phí, phân loại chi phí và giá thành trong doanh nghiệp. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng được các mô hình kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm: mô hình theo chi phí thực tế; mô hình theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính; mô hình theo chi phí định mức.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính, kế toán quản trị của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 3 | 5 | Thi viết |
| 60              | 1140033 | Kinh tế lượng               | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế - quản lý.</p>   | 3 | 5 | Thi viết |
| 61              | 1140159 | Kiểm toán Báo cáo tài chính | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính; quy trình kiểm toán các khoản mục cơ bản như tiền và các khoản tương đương tiền, nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, tài sản cố định và chi phí khấu hao, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, thu nhập và chi phí.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 3 | 5 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 6</b> |         |                             |   |   |   |          |

|    |         |                                 |   |   |   |                  |
|----|---------|---------------------------------|---|---|---|------------------|
| 62 | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh            | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.  | 2 | 6 | Thi viết         |
| 63 | 1140020 | Kế toán ngân hàng               | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán ngân hàng, đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán cơ bản áp dụng trong ngân hàng, chứng từ, tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán... Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng hạch toán được các nghiệp vụ về tiền mặt, huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng và đầu tư, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, kinh doanh ngoại tệ vàng và thanh toán quốc tế, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh, lập được Báo cáo tài chính.<br>- Học phần thuộc học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán ngân hàng của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 6 | Thi viết         |
| 64 | 1140064 | Tổ chức hạch toán kế toán       | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để tổ chức hạch toán kế toán theo các giai đoạn các phân hành khác nhau tại các đơn vị có tổ chức bộ máy kế toán.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 4 | 6 | Thi viết         |
| 65 | 1140178 | Thực tập nhận thức              | - Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra và phải gắn với thực tế tại đơn vị thực tập.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán,... học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.  | 2 | 6 | Báo cáo, vấn đáp |
| 66 | 1140160 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Học phần thể hiện lần lượt các đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán liên quan đến tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu... Từ đó, sinh viên hiểu và nhận diện sự khác biệt về các đối tượng kế toán giữa doanh nghiệp quy mô lớn với doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa<br>- Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng hợp, toàn diện hoạt động kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.  | 2 | 6 | Thi viết         |
| 67 | 1140124 | Phân tích kinh doanh            | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về khái niệm, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của phân tích kinh doanh, các phương pháp phân tích kinh doanh và tổ chức phân tích kinh doanh. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp phân tích kinh doanh để phân tích các nội dung chi tiết liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ và nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 6 | Thi viết         |

|                 |         |                              | <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 6 (chọn 1 học phần)</b>  |   |   |          |
|-----------------|---------|------------------------------|---|---|---|----------|
| 68              | 1140115 | Thuế và kế toán thuế         | <p>- Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: các vấn đề cơ bản của một sắc thuế; Hướng dẫn kê khai thuế; Kế toán thuế của một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam bao gồm phí môn bài, thuế xuất nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp; và thuế thu nhập cá nhân.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kế toán tài chính, học phần sẽ giúp sinh viên kê khai và hạch toán một số sắc thuế cơ bản, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.</p>  | 3 | 6 | Thi viết |
| 69              | 1140154 | Chuẩn mực kế toán            | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về luật kế toán và các văn bản hướng dẫn; đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán; khái quát hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam; các chuẩn mực kế toán liên quan đến bảng cân đối kế toán; các chuẩn mực kế toán liên quan đến báo cáo kết quả kinh doanh; các chuẩn mực liên quan đến nhóm công ty và ngành nghề kinh doanh đặc thù và các chuẩn mực liên quan đến trình bày và công khai báo cáo tài chính</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên ngành để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 3 | 6 | Thi viết |
| 70              | 1140128 | Kiểm toán hoạt động          | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán hoạt động, các giai đoạn trong quy trình kiểm toán hoạt động, kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ và kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nhà nước. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán hoạt động; giúp sinh viên nhận diện và thực hiện được quy trình kiểm toán hoạt động trong thực tiễn.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 6 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 7</b> |         |                              |   |   |   |          |
| 71              | 1140180 | Phân tích Báo cáo tài chính  | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp phân tích và ý nghĩa của các Báo cáo tài chính. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp thường được sử dụng trong phân tích Báo cáo tài chính; giúp sinh viên nhận diện và phân tích các Báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp trong thực tiễn.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán và kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 4 | 7 | Thi viết |
| 72              | 1140012 | Đề án chuyên ngành           | <p>- Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra. Một đề tài nghiên cứu bao gồm các phần chính sau: Đặt vấn đề: mục đích nghiên cứu, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết; Phân tích, tổng hợp, trình bày các kiến thức liên quan một cách logic; Định hướng giải quyết.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, kế toán tài chính và kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>                        | 2 | 7 | Thi viết |
| 73              | 1140017 | Kế toán hành chính sự nghiệp | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đơn vị hành chính sự nghiệp như: khái</p>  | 3 | 7 | Thi viết |

|    |         |                                    |   |   |   |          |
|----|---------|------------------------------------|---|---|---|----------|
|    |         |                                    | niệm, đặc điểm, phân loại, phương pháp quản lý tài chính, các nguyên tắc kế toán và khái quát tình hình tổ chức công tác kế toán. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền, đầu tư tài chính, hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, nguồn vốn, các khoản thu, chi và xác định kết quả, lập báo cáo kế toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |          |
| 74 | 1140176 | Kế toán quốc tế                    | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế, bao gồm các nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế ở những phần hành cơ bản nhất như hàng tồn kho, tài sản cố định... Từ đó, sinh viên nghiên cứu, so sánh giữa chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế với chuẩn mực kế toán Việt Nam ở một số phần hành kế toán.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc về sự khác biệt giữa thông lệ kế toán quốc tế và kế toán Việt Nam.  | 3 | 7 | Thi viết |
| 75 | 1140164 | Hệ thống thông tin kế toán         | - Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp, nắm được các bước tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp trong trường hợp triển khai ứng dụng một phần mềm kế toán; Cũng như nắm được quy trình luân chuyển chứng từ những nghiệp vụ phát sinh thường xuyên trong các chu trình kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, hướng dẫn người học cách thực hiện công việc kế toán trên một phần mềm kế toán cụ thể, đặc biệt ở doanh nghiệp thương mại.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kế toán tài chính, học phần sẽ giúp sinh viên định hình công việc thực tế của kế toán, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp. | 4 | 7 | Thi viết |
|    |         |                                    | <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 7 (chọn 1 học phần)</b>  | 2 | 7 | Thi viết |
| 76 | 1140121 | Kế toán hợp nhất Báo cáo tài chính | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán tập đoàn; về hợp nhất bảng cân đối kế toán, về bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, về kế toán đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 7 | Thi viết |
| 77 | 1140165 | Kiểm toán nội bộ                   | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán nội bộ và tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp; giúp sinh viên nhận diện và phân tích về các vấn đề của doanh nghiệp để đưa ra báo cáo kiểm toán nội bộ phù hợp.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1 và 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 7 | Thi viết |
| 78 | 1140147 | Phân tích thị trường chứng khoán   | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến chứng khoán, và thị trường chứng khoán. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán, phân tích công ty và định giá chứng khoán.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán, thuộc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển.  | 2 | 7 | Thi viết |

|                 |         |                               |   |   |   |                  |
|-----------------|---------|-------------------------------|---|---|---|------------------|
|                 |         |                               | Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu tư, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |                  |
| <b>Học kỳ 8</b> |         |                               |   |   |   |                  |
| 79              | 1140063 | Chuyên đề thực tập tốt nghiệp | - Theo chương trình đào tạo, sau khi kết thúc chương trình lý thuyết ở trường, sinh viên năm thứ tư sẽ thực hiện việc thực tập tại các cơ quan thực tế và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ thực tập.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.                               | 3 | 8 | Báo cáo, vấn đáp |
| 80              | 1140194 | Khóa luận tốt nghiệp          | - Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. | 6 | 8 | Báo cáo, Bảo vệ  |
|                 |         |                               | <b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>   |   |   |                  |
| 81              | 1140120 | Kế toán công ty               | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán công ty; đi sâu về kế toán: thành lập các công ty; biến động vốn trong các công ty; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận sau thuế; phát hành và thanh toán trái phiếu; tổ chức lại công ty, giải thể và phá sản công ty.<br>- Học phần thuộc học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp; thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.                                       | 2 | 8 | Thi viết         |
| 82              | 1140152 | Kế toán dự án đầu tư          | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.<br>- Học phần thuộc học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 8 | Thi viết         |
| 83              | 1140195 | Kiểm soát nội bộ              | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để kiểm soát các chu trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về kiểm soát nội bộ, các yếu tố cấu thành và trách nhiệm các bên liên quan đến kiểm soát nội bộ. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các thủ tục kiểm soát trong một số chu trình nghiệp vụ chủ yếu trong doanh nghiệp.<br>- Học phần là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần giúp phát triển kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 8 | Thi viết         |

### 3.2. Ngành Kế toán hệ đại trà khóa 45

| TT              | Mã học phần | Tên học phần             | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy vào học kỳ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|-------------|--------------------------|--|------------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>Học kỳ 1</b> |             |                          |  |            |                                 |                                |
| 1               | 2030003     | Kỹ năng giao tiếp        | Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.   | 2          | 1                               | Vấn đáp                        |
| 2               | 1090061     | Tiếng Anh 1              | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.  | 3          | 1                               | Thi viết                       |
| 3               | 1140170     | Kinh tế vi mô            | - Học phần này giúp hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến nền kinh tế, lý thuyết cung cầu, phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi người sản xuất, các vấn đề liên quan đến cấu trúc thị trường và thị trường yếu tố sản xuất cũng như các thất bại của thị trường và các giải pháp điều tiết của chính phủ.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh và Tài chính ngân hàng. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế giúp sinh viên được trang bị kiến thức cho các học phần sau có liên quan. | 3          | 1                               | Thi viết                       |
| 4               | 1140171     | Kinh tế vĩ mô            | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.<br>- Học phần này là học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế, quản lý, là môn nền tảng để học tiếp các môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành.  | 3          | 1                               | Thi viết                       |
| 5               | 1140182     | Toán cao cấp cho kinh tế | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector n chiều và ứng dụng của chúng trong kinh tế, giúp cho người học có công cụ để diễn giải một số vấn đề kinh tế - xã hội.<br>- Dựa trên nền tảng sinh viên nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học phân tích một số mối quan hệ kinh tế vi mô và vĩ mô cơ bản bằng công cụ toán học  | 2          | 1                               | Thi viết                       |
| 6               | 1130049     | Pháp luật đại cương      | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng  | 2          | 1                               | Thi viết                       |

|    |         |   |  |   |   |                  |
|----|---------|---|--|---|---|------------------|
|    |         |   | pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.   |   |   |                  |
| 7  | 1140226 | Thực tập nhận thức                            | Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về bộ máy kế toán tại đơn vị (doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp,...), vai trò của kế toán trong hoạt động quản lý của đơn vị.   | 1 | 1 | Báo cáo, vấn đáp |
|    |         |   | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>   |   |   |                  |
| 8  | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 1 | Thực hành        |
| 9  | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.  | 1 | 1 | Thực hành        |
| 10 | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  | 1 | 1 | Thực hành        |
| 11 | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 1 | Thực hành        |
| 12 | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tinh tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.         | 1 | 1 | Thực hành        |
| 13 | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br><ul style="list-style-type: none"><li>- Lịch sử phát triển Taekwondo</li><li>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo</li><li>- Luật thi đấu Taekwondo</li><li>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công</li><li>- Kỹ thuật đối luyện</li><li>- Kỹ thuật quyền</li></ul> | 1 | 1 | Thực hành        |
| 14 | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể   | 1 | 1 | Thực             |

|                 |         |                         |  |   |   |          |
|-----------------|---------|-------------------------|--|---|---|----------|
|                 |         |                         | chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  |   |   | hành     |
| <b>Học kỳ 2</b> |         |                         |  |   |   |          |
| 15              | 1130299 | Triết học Mác – Lênin   | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác–Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.   | 3 | 2 | Thi viết |
| 16              | 1140104 | Toán kinh tế            | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô.   | 3 | 2 | Thi viết |
| 17              | 1090166 | Tiếng Anh 2             | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.   | 4 | 2 | Thi viết |
| 18              | 1140048 | Nguyên lý kế toán       | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của các ngành đào tạo thuộc nhóm các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 2 | Thi viết |
| 19              | 1050243 | Tin học cơ sở (kinh tế) | Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.  | 3 | 2 | Thi viết |
| 20              | 1140036 | Kinh tế phát triển      | - Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội. Đặc biệt, giúp sinh viên nắm rõ bản chất của  | 2 | 2 | Thi viết |



|    |         |   |  |   |   |           |
|----|---------|---|--|---|---|-----------|
|    |         |   | tăng trưởng và phát triển kinh tế; Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích vai trò của một số yếu tố nguồn lực như vốn, lao động đối với tăng trưởng kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức cơ bản về kinh tế học và là nền tảng kiến thức ngành cho sinh viên.  |   |   |           |
|    |         |   | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>   |   |   |           |
| 21 | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chất thể lực; tăng cường tinh hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 22 | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)           | Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 23 | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 24 | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 25 | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tinh tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.       | 1 | 2 | Thực hành |
| 26 | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br><ul style="list-style-type: none"><li>- Lịch sử phát triển Taekwondo</li><li>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo</li><li>- Luật thi đấu Taekwondo</li><li>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công</li><li>- Kỹ thuật đối luyện</li><li>- Kỹ thuật quyền</li></ul> | 1 | 2 | Thực hành |
| 27 | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể   | 1 | 2 | Thực      |

|                 |         |                                     |  |   |   |          |
|-----------------|---------|-------------------------------------|--|---|---|----------|
|                 |         |                                     | chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  |   |   | hành     |
| <b>Học kỳ 3</b> |         |                                     |  |   |   |          |
| 28              | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin       | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Canh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.  | 2 | 3 | Thi viết |
| 29              | 1150107 | Tài chính - Tiền tệ                 | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.   | 3 | 3 | Thi viết |
| 30              | 1140187 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để tính toán, diễn giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.   | 2 | 3 | Thi viết |
| 31              | 1150035 | Marketing căn bản                   | - Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về Marketing, các quan điểm quản trị Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời giáo trình marketing căn bản xây dựng các công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức toàn diện sau khi ra trường. | 3 | 3 | Thi viết |
| 32              | 1140162 | Kế toán tài chính 1                 | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, giá thành sản phẩm và tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh, lập Báo cáo tài chính theo qui định.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 3 | Thi viết |

|  |         |   |  |   |   |           |
|--|---------|---|--|---|---|-----------|
| 33                                       | 1140140 | Tiếng Anh chuyên ngành                        | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kinh tế bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh kinh tế thông qua các bài đọc như Microeconomics, Demand, Supply... và nhiều vấn đề liên quan đến Kinh tế. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần: Practice, Vocabulary, Reading, Meaning, Grammar, and Listening. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được 4 kỹ năng.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này.</p> | 2 | 3 | Thi viết  |
| 34                                       | 1150026 | Kinh tế quốc tế                               | <p>- Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tính quy luật của mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, các lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế. Dựa trên những kiến thức này, sinh viên có thể vận dụng để nhận diện và phân tích các tình huống liên quan đến mậu dịch quốc tế.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kinh tế học quốc tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 2 | 3 | Thi viết  |
| 35                                       | 1130143 | Luật kinh doanh                               | <p>Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về ngành Luật Kinh doanh và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về kinh doanh, thương mại, cụ thể gồm các chế định pháp luật như: pháp luật về chủ thể kinh doanh, hợp đồng trong hoạt động kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh. Học phần Luật Kinh doanh cũng giúp sinh viên hiểu rõ về pháp luật phá sản trong các doanh nghiệp và hợp tác xã. Thông qua kỹ năng làm việc nhóm, sinh viên có thể giải quyết các vấn đề thực tiễn pháp lý liên quan đến Luật kinh tế.</p>  | 2 | 3 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |   |  |   |   |           |
| 36                                       | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | <p>- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tăng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.</p> <p>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chức thể lực; tăng cường tinh hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.</p>   | 1 | 3 | Thực hành |
| 37                                       | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | <p>Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.</p>  | 1 | 3 | Thực hành |
| 38                                       | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | <p>Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.</p>  | 1 | 3 | Thực hành |
| 39                                       | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | <p>Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.</p> <p>Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.</p>  | 1 | 3 | Thực hành |
| 40                                       | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | <p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ-</p>  | 1 | 3 | Thực hành |

|                 |         |                                      |  |   |   |           |
|-----------------|---------|--------------------------------------|--|---|---|-----------|
|                 |         |                                      | chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.   |   |   |           |
| 41              | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đâm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền  | 1 | 3 | Thực hành |
| 42              | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)  | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   | 1 | 3 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 4</b> |         |                                      |  |   |   |           |
| 43              | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học            | - Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.<br>- Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. | 2 | 4 | Thi viết  |
| 44              | 1150306 | Tài chính doanh nghiệp               | - Cung cấp những vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như: khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý thu chi trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, xác định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp, quản trị tiền mặt, khoản phải thu và hàng tồn kho, đầu tư tài sản dài hạn.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 4 | Thi viết  |
| 45              | 1140225 | Kế toán quản trị 1                   | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết kiến thức về kế toán quản trị doanh nghiệp.   | 4 | 4 | Thi viết  |

|  |         |   |  |   |   |          |
|--|---------|---|--|---|---|----------|
|  |         |   | Sinh viên được cung cấp thông tin về sự hiện diện của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, tầm quan trọng và các phương pháp cũng như công cụ kế toán quản trị cơ bản đang vận hành trong hệ thống doanh nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên những thông tin cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị. Phân biệt giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị, các cách phân loại chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận và cách thức lập các dự toán ngân sách. Đồng thời, giới thiệu các phương pháp phân bổ chi phí phục vụ trong doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Tài chính – Tiền tệ, Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. |   |   |          |
| 46   | 1140107 | Kiểm toán căn bản                             | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về nghề nghiệp kiểm toán và các kiến thức nền tảng sử dụng trong kiểm toán báo cáo tài chính. Học phần cũng đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các nguyên tắc của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, cách thức thu thập bằng chứng kiểm toán, các quy trình kiểm toán và trình bày báo cáo kiểm toán.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán và Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kiểm toán cho sinh viên và là nền tảng để phục vụ cho học phần Kiểm toán báo cáo tài chính.  | 3 | 4 | Thi viết |
| 47   | 1140049 | Nguyên lý thống kê kinh tế                    | - Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.<br>- Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về thống kê học, các giai đoạn của các quá trình nghiên cứu thống kê, chỉ số thống kê, phân tích hồi quy và tương quan, và dự báo cho dãy số thời gian đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.   | 3 | 4 | Thi viết |
| 48   | 1140202 | Kế toán tài chính 2                           | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản đầu tư tài chính, dự phòng, thanh toán nội bộ, vay và nợ thuê tài chính, bút toán điều chỉnh, bút toán khóa sổ, xử lý các sai sót và lập các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức chung về nguyên lý kế toán và kế toán tài chính 1, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán doanh nghiệp chuyên sâu của sinh viên, là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Kiểm toán.  | 3 | 4 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 4 (chọn 1 học phần)</b> |         |   |  |   |   |          |
| 49   | 1140175 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | - Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo nghiên cứu.<br>- Học phần này thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên nắm vững kiến thức Nguyên lý thống kê kinh tế và Kinh tế phát triển, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học kinh tế.   | 2 | 4 | Thi viết |
| 50   | 1150131 | Toán tài chính                                | - Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán,   | 2 | 4 | Thi viết |

|  |         |  |   |   |   |                     |
|--|---------|--|---|---|---|---------------------|
|  |         |  | Kiểm toán, Kinh tế.<br>- Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lãi đơn, lãi kép, thương phiếu, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.  |   |   |                     |
| 51   | 1150023 | Kinh tế môi trường   | - Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức căn bản của kinh tế học vi mô, vĩ mô, học phần sẽ giúp mở rộng các kiến thức kinh tế ứng dụng cho các vấn đề phát triển. | 2 | 4 | Thi viết            |
| <b>Các học phần Giáo dục Quốc phòng, An ninh</b> |         |  |   |   |   |                     |
| 52   | 115001  | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.  | 3 | 4 | Thi viết            |
| 53   | 115002  | Công tác Quốc phòng, An ninh                               | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.  | 2 | 4 | Thi viết            |
| 54   | 115003  | Quân sự chung  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.   | 2 | 4 | Thi viết, thực hành |
| 55   | 115004  | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật                  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).   | 2 | 4 | Thi viết, thực hành |
| <b>Học kỳ 5</b>                                  |         |  |   |   |   |                     |
| 56   | 1130302 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                             | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).  | 2 | 5 | Thi viết            |
| 57   | 1150422 | Khởi nghiệp  | Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh   | 2 | 5 | Vấn đáp             |

|    |         |                              |   |   |   |          |
|----|---------|------------------------------|---|---|---|----------|
|    |         |                              | viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.  |   |   |          |
| 58 | 1140017 | Kế toán hành chính sự nghiệp | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đơn vị hành chính sự nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, phương pháp quản lý tài chính, các nguyên tắc kế toán và khái quát tình hình tổ chức công tác kế toán. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền, đầu tư tài chính, hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, nguồn vốn, các khoản thu, chi và xác định kết quả, lập báo cáo kế toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 3 | 7 | Thi viết |
| 59 | 1140203 | Kế toán tài chính 3          | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các phương pháp kế toán phức tạp liên quan đến các hoạt động kinh doanh khác nhau, bao gồm: kế toán thương mại nội địa, kế toán hoạt động xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động du lịch- dịch vụ, kế toán hoạt động xây lắp và kế toán hoạt động sản xuất nông nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Kế toán tài chính 1 và Kế toán tài chính 2, học phần giúp sinh viên nhận diện tác động của đặc điểm hoạt động kinh doanh đến hoạt động kế toán của các doanh nghiệp trong thực tiễn.</p>   | 2 | 5 | Thi viết |
| 60 | 1140158 | Kế toán quản trị 2           | <p>Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để tổ chức một số kỹ thuật, nội dung công tác kế toán quản trị trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, học phần Kế toán quản trị 2 bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích biến động chi phí sản xuất;</li> <li>- Đánh giá trách nhiệm quản lý;</li> <li>- Quyết định giá bán sản phẩm;</li> <li>- Ứng dụng thông tin thích hợp với việc ra quyết định ngắn hạn;</li> <li>- Phương pháp xác định chi phí dựa trên cơ sở hoạt động (ABC).</li> </ul> <p>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kế toán quản trị 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, quản trị của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 3 | 5 | Thi viết |
| 61 | 1140033 | Kinh tế lượng                | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát</p>   | 3 | 5 | Thi viết |

|                 |         |                             |  |   |   |                  |
|-----------------|---------|-----------------------------|--|---|---|------------------|
|                 |         |                             | triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế - quản lý.  |   |   |                  |
| 62              | 1140159 | Kiểm toán Báo cáo tài chính | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính; quy trình kiểm toán các khoản mục cơ bản như tiền và các khoản tương đương tiền, nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, tài sản cố định và chi phí khấu hao, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, thu nhập và chi phí.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 5 | Thi viết         |
| <b>Học kỳ 6</b> |         |                             |  |   |   |                  |
| 63              | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh        | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.   | 2 | 6 | Thi viết         |
| 64              | 1140020 | Kế toán ngân hàng           | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán ngân hàng, đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán cơ bản áp dụng trong ngân hàng, chứng từ, tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán... Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng hạch toán được các nghiệp vụ về tiền mặt, huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng và đầu tư, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, kinh doanh ngoại tệ vàng và thanh toán quốc tế, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh, lập được Báo cáo tài chính.</p> <p>- Học phần thuộc học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán ngân hàng của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 3 | 6 | Thi viết         |
| 65              | 1140064 | Tổ chức hạch toán kế toán   | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để tổ chức hạch toán kế toán theo các giai đoạn các phần hành khác nhau tại các đơn vị có tổ chức bộ máy kế toán.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 4 | 6 | Thi viết         |
| 66              | 1140227 | Thực tập tổng hợp           | <p>- Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra và phải gắn với thực tế tại đơn vị thực tập.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán,... học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.</p>  | 2 | 6 | Báo cáo, vấn đáp |
| 67              | 1140124 | Phân tích kinh doanh        | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về khái niệm, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của phân tích kinh doanh, các phương pháp phân tích kinh doanh và tổ chức phân tích  | 3 | 6 | Thi viết         |



|  |         |                                 |   |   |   |          |
|--|---------|---------------------------------|---|---|---|----------|
|  |         |                                 | kinh doanh. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp phân tích kinh doanh để phân tích các nội dung chi tiết liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ và nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |          |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 6 (chọn 1 học phần)</b> |         |                                 |   |   |   |          |
| 68   | 1140212 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Học phần thể hiện lần lượt các đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán liên quan đến tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu... Từ đó, sinh viên hiểu và nhận diện sự khác biệt về các đối tượng kế toán giữa doanh nghiệp quy mô lớn với doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng hợp, toàn diện hoạt động kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.   | 2 | 6 | Thi viết |
| 69   | 1140154 | Chuẩn mực kế toán               | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về luật kế toán và các văn bản hướng dẫn; đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán; khái quát hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam; các chuẩn mực kế toán liên quan đến bảng cân đối kế toán; các chuẩn mực kế toán liên quan đến báo cáo kết quả kinh doanh; các chuẩn mực liên quan đến nhóm công ty và ngành nghề kinh doanh đặc thù và các chuẩn mực liên quan đến trình bày và công khai báo cáo tài chính.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên ngành để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 6 | Thi viết |
| 70   | 1140128 | Kiểm toán hoạt động             | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán hoạt động, các giai đoạn trong quy trình kiểm toán hoạt động, kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ và kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nhà nước. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán hoạt động; giúp sinh viên nhận diện và thực hiện được quy trình kiểm toán hoạt động trong thực tiễn.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 6 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 7</b>  |         |                                 |   |   |   |          |
| 71   | 1140180 | Phân tích Báo cáo tài chính     | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp phân tích và ý nghĩa của các Báo cáo tài chính. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp thường được sử dụng trong phân tích Báo cáo tài chính; giúp sinh viên nhận diện và phân tích các Báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp trong thực tiễn.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán và kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền   | 4 | 7 | Thi viết |

|    |         |                                    |  |   |   |          |
|----|---------|------------------------------------|--|---|---|----------|
|    |         |                                    | tăng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |          |
| 72 | 1140012 | Đề án chuyên ngành                 | <p>- Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra. Một đề tài nghiên cứu bao gồm các phần chính sau: Đặt vấn đề: mục đích nghiên cứu, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết; Phân tích, tổng hợp, trình bày các kiến thức liên quan một cách logic; Định hướng giải quyết.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, kế toán tài chính và kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 2 | 7 | Thi viết |
| 73 | 1140211 | Kế toán thuế và báo cáo            | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đơn vị hành chính sự nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, phương pháp quản lý tài chính, các nguyên tắc kế toán và khái quát tình hình tổ chức công tác kế toán. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền, đầu tư tài chính, hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, nguồn vốn, các khoản thu, chi và xác định kết quả, lập báo cáo kế toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>                                | 3 | 5 | Thi viết |
| 74 | 1140176 | Kế toán quốc tế                    | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế, bao gồm các nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế ở những phần hành cơ bản nhất như hàng tồn kho, tài sản cố định... Từ đó, sinh viên nghiên cứu, so sánh giữa chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế với chuẩn mực kế toán Việt Nam ở một số phần hành kế toán.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc về sự khác biệt giữa thông lệ kế toán quốc tế và kế toán Việt Nam.</p>  | 3 | 7 | Thi viết |
| 75 | 1140164 | Hệ thống thông tin kế toán         | <p>- Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp, nắm được các bước tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp trong trường hợp triển khai ứng dụng một phần mềm kế toán; Cũng như nắm được quy trình luân chuyển chứng từ những nghiệp vụ phát sinh thường xuyên trong các chu trình kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, hướng dẫn người học cách thực hiện công việc kế toán trên một phần mềm kế toán cụ thể, đặc biệt ở doanh nghiệp thương mại.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kế toán tài chính, học phần sẽ giúp sinh viên định hình công việc thực tế của kế toán, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.</p>   | 4 | 7 | Thi viết |
|    |         |                                    | <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 7 (chọn 1 học phần)</b>   | 2 | 7 | Thi viết |
| 76 | 1140121 | Kế toán hợp nhất Báo cáo tài chính | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán tập đoàn; về hợp nhất bảng cân đối kế toán, về bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, về kế toán đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên</p>  | 2 | 7 | Thi viết |

|   |         |                                  |   |   |   |                  |
|---|---------|----------------------------------|---|---|---|------------------|
|   |         |                                  | ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |                  |
| 77  | 1140165 | Kiểm toán nội bộ                 | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán nội bộ và tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp; giúp sinh viên nhận diện và phân tích về các vấn đề của doanh nghiệp để đưa ra báo cáo kiểm toán nội bộ phù hợp.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1 và 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 7 | Thi viết         |
| 78  | 1140147 | Phân tích thị trường chứng khoán | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến chứng khoán, và thị trường chứng khoán. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán, phân tích công ty và định giá chứng khoán.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán, thuộc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu tư, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 7 | Thi viết         |
| <b>Học kỳ 8</b>                                   |         |                                  |   |   |   |                  |
| 79  | 1140063 | Chuyên đề thực tập tốt nghiệp    | - Theo chương trình đào tạo, sau khi kết thúc chương trình lý thuyết ở trường, sinh viên năm thứ tư sẽ thực hiện việc thực tập tại các cơ quan thực tế và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ thực tập.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.                               | 3 | 8 | Báo cáo, vấn đáp |
| 80  | 1140194 | Khóa luận tốt nghiệp             | - Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. | 6 | 8 | Báo cáo, Bảo vệ  |
| <b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b> |         |                                  |   |   |   |                  |
| 81  | 1140120 | Kế toán công ty                  | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán công ty; đi sâu về kế toán: thành lập các công ty; biến động vốn trong các công ty; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận sau thuế; phát hành và thanh toán trái phiếu; tổ chức lại công ty, giải thể và phá sản công ty.<br>- Học phần thuộc học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp; thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của  | 2 | 8 | Thi viết         |

|    |         |                      |   |   |   |          |
|----|---------|----------------------|---|---|---|----------|
|    |         |                      | chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |          |
| 82 | 1140152 | Kế toán dự án đầu tư | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.<br>- Học phần thuộc học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 8 | Thi viết |
| 83 | 1140195 | Kiểm soát nội bộ     | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để kiểm soát các chu trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về kiểm soát nội bộ, các yếu tố cấu thành và trách nhiệm các bên liên quan đến kiểm soát nội bộ. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các thủ tục kiểm soát trong một số chu trình nghiệp vụ chủ yếu trong doanh nghiệp.<br>- Học phần là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần giúp phát triển kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 8 | Thi viết |

### 3.3. Ngành Kế toán hệ đại trà khóa 46,47

| TT              | Mã học phần | Tên học phần      | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy vào học kỳ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|-------------|-------------------|---|------------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>Học kỳ 1</b> |             |                   |   |            |                                 |                                |
| 1               | 2030003     | Kỹ năng giao tiếp | Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.  | 2          | 1                               | Vấn đáp                        |
| 2               | 1090061     | Tiếng Anh 1       | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp. | 3          | 1                               | Thi viết                       |
| 3               | 1140170     | Kinh tế vi mô     | Học phần này giúp hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến nền kinh tế, lý thuyết cung cầu, phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi người sản xuất, các vấn đề liên quan đến cấu trúc thị trường và thị trường yếu tố sản xuất cũng như các thất bại của thị trường và các giải pháp điều tiết của chính phủ.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán,  | 3          | 1                               | Thi viết                       |

|  |         |   |   |   |   |           |
|--|---------|---|---|---|---|-----------|
|  |         |   | Kiểm toán, Quản trị kinh doanh và Tài chính ngân hàng. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế giúp sinh viên được trang bị kiến thức cho các học phần sau có liên quan.   |   |   |           |
| 4  | 1140171 | Kinh tế vĩ mô                                 | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.<br>Học phần này là học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế, quản lý, là môn nền tảng để học tiếp các môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành. | 3 | 1 | Thi viết  |
| 5  | 1140182 | Toán cao cấp cho kinh tế                      | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector n chiều và ứng dụng của chúng trong kinh tế, giúp cho người học có công cụ để diễn giải một số vấn đề kinh tế - xã hội.<br>Dựa trên nền tảng sinh viên nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học phân tích một số mối quan hệ kinh tế vi mô và vĩ mô cơ bản bằng công cụ toán học   | 2 | 1 | Thi viết  |
| 6  | 1130049 | Pháp luật đại cương                           | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.  | 2 | 1 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |   |   |   |   |           |
| 7  | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 8  | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TĐTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 9  | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 10                                       | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 11                                       | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.   | 1 | 1 | Thực hành |

|                 |         |                                      |  |   |   |           |
|-----------------|---------|--------------------------------------|--|---|---|-----------|
|                 |         |                                      | - Giáo dục, giáo dỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tinh tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.   |   |   |           |
| 12              | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử phát triển Taekwondo</li> <li>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo</li> <li>- Luật thi đấu Taekwondo</li> <li>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công</li> <li>- Kỹ thuật đối luyện</li> <li>- Kỹ thuật quyền</li> </ul>   | 1 | 1 | Thực hành |
| 13              | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)  | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 1 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 2</b> |         |                                      |  |   |   |           |
| 14              | 1130299 | Triết học Mác – Lênin                | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.  | 3 | 2 | Thi viết  |
| 15              | 1140104 | Toán kinh tế                         | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô.   | 3 | 2 | Thi viết  |
| 16              | 1090166 | Tiếng Anh 2                          | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp. | 4 | 2 | Thi viết  |
| 17              | 1140048 | Nguyên lý kế toán                    | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của các  | 3 | 2 | Thi viết  |

|    |         |   |  |   |   |           |
|----|---------|---|--|---|---|-----------|
|    |         |   | ngành đào tạo thuộc nhóm các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |           |
| 18 | 1140036 | Kinh tế phát triển                            | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội. Đặc biệt, giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích vai trò của một số yếu tố nguồn lực như vốn, lao động đối với tăng trưởng kinh tế.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức cơ bản về kinh tế học và là nền tảng kiến thức ngành cho sinh viên.  | 2 | 2 | Thi viết  |
| 19 | 1150035 | Marketing căn bản                             | Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về Marketing, các quan điểm quản trị Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời giáo trình marketing căn bản xây dựng các công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức toàn diện sau khi ra trường. | 3 | 3 | Thi viết  |
|    |         |   | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>   |   |   |           |
| 20 | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 21 | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)           | Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 22 | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 23 | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 24 | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng dẫn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyển và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm,  | 1 | 2 | Thực hành |

|                 |         |                                      |  |   |   |           |
|-----------------|---------|--------------------------------------|--|---|---|-----------|
|                 |         |                                      | đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.   |   |   |           |
| 25              | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 2 | Thực hành |
| 26              | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)  | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 2 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 3</b> |         |                                      |  |   |   |           |
| 27              | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin        | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.            | 2 | 3 | Thi viết  |
| 28              | 1150107 | Tài chính - Tiền tệ                  | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.                           | 3 | 3 | Thi viết  |
| 29              | 1140187 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán  | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để tính toán, diễn giải các hiện tượng kinh tế - xã hội. | 2 | 3 | Thi viết  |
| 30              | 1050243 | Tin học cơ sở (kinh tế)              | Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.  | 3 | 2 | Thi viết  |
| 31              | 1140162 | Kế toán tài chính 1                  | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các  | 3 | 3 | Thi viết  |



|  |         |                                     |  |   |   |           |
|--|---------|-------------------------------------|--|---|---|-----------|
|  |         |                                     | <p>nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, giá thành sản phẩm và tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh, lập Báo cáo tài chính theo qui định.</p> <p>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   |   |   |           |
| 32                                       | 1140140 | Tiếng Anh chuyên ngành              | <p>Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kinh tế bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh kinh tế thông qua các bài đọc như Microeconomics, Demand, Supply... và nhiều vấn đề liên quan đến Kinh tế. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần: Practice, Vocabulary, Reading, Meaning, Grammar, and Listening. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được 4 kỹ năng.</p> <p>Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này.</p> | 2 | 3 | Thi viết  |
| 33                                       | 1150026 | Kinh tế quốc tế                     | <p>Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tính quy luật của mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, các lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế. Dựa trên những kiến thức này, sinh viên có thể vận dụng để nhận diện và phân tích các tình huống liên quan đến mậu dịch quốc tế.</p> <p>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kinh tế học quốc tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 2 | 3 | Thi viết  |
| 34                                       | 1130143 | Luật kinh doanh                     | <p>Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về ngành Luật Kinh doanh và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về kinh doanh, thương mại, cụ thể gồm các chế định pháp luật như: pháp luật về chủ thể kinh doanh, hợp đồng trong hoạt động kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh. Học phần Luật Kinh doanh cũng giúp sinh viên hiểu rõ về pháp luật phá sản trong các doanh nghiệp và hợp tác xã. Thông qua kỹ năng làm việc nhóm, sinh viên có thể giải quyết các vấn đề thực tiễn pháp lý liên quan đến Luật kinh tế.</p>  | 2 | 3 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |                                     |  |   |   |           |
| 35                                       | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)     | <p>- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tăng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.</p> <p>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.</p>   | 1 | 3 | Thực hành |
| 36                                       | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) | <p>Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.</p>  | 1 | 3 | Thực hành |
| 37                                       | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)     | <p>Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.</p>  | 1 | 3 | Thực hành |
| 38                                       | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)    | <p>Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.</p>   | 1 | 3 | Thực hành |

|                 |         |   |  |   |   |           |
|-----------------|---------|---|--|---|---|-----------|
|                 |         |   | Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.  |   |   |           |
| 39              | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đoi kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.<br>- Giáo dục, giáo dưỡn những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 40              | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 3 | Thực hành |
| 41              | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 3 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 4</b> |         |   |  |   |   |           |
| 42              | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.<br>Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. | 2 | 4 | Thi viết  |
| 43              | 1150306 | Tài chính doanh nghiệp                        | Cung cấp những vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như: khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý thu chi trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, xác định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp, quản trị tiền mặt, khoản phải thu và hàng tồn kho, đầu tư tài sản dài hạn.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 4 | Thi viết  |
| 44              | 1140225 | Kế toán quản trị 1                            | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết kiến thức về kế toán quản trị doanh nghiệp. Sinh viên được cung cấp thông tin về sự hiện diện của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, tầm quan trọng và các  | 4 | 4 | Thi viết  |

|  |         |  |  |   |   |                  |
|--|---------|--|--|---|---|------------------|
|  |         |  | <p>phương pháp cũng như công cụ kế toán quản trị cơ bản đang vận hành trong hệ thống doanh nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên những thông tin cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị. Phân biệt giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị, các cách phân loại chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận và cách thức lập các dự toán ngân sách. Đồng thời, giới thiệu các phương pháp phân bổ chi phí phục vụ trong doanh nghiệp.</p> <p>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Tài chính – Tiền tệ, Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> |   |   |                  |
| 45   | 1140107 | Kiểm toán căn bản  | <p>Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về nghề nghiệp kiểm toán và các kiến thức nền tảng sử dụng trong kiểm toán báo cáo tài chính. Học phần cũng đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các nguyên tắc của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, cách thức thu thập bằng chứng kiểm toán, các quy trình kiểm toán và trình bày báo cáo kiểm toán.</p> <p>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán và Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kiểm toán cho sinh viên và là nền tảng để phục vụ cho học phần Kiểm toán báo cáo tài chính.</p>   | 3 | 4 | Thi viết         |
| 46   | 1140049 | Nguyên lý thống kê kinh tế                                 | <p>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.</p> <p>Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về thống kê học, các giai đoạn của các quá trình nghiên cứu thống kê, chỉ số thống kê, phân tích hồi quy và tương quan, và dự báo cho dãy số thời gian đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.</p>  | 3 | 4 | Thi viết         |
| 47   | 1140202 | Kế toán tài chính 2  | <p>Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản đầu tư tài chính, dự phòng, thanh toán nội bộ, vay và nợ thuê tài chính, bút toán điều chỉnh, bút toán khóa sổ, xử lý các sai sót và lập các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.</p> <p>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức chung về nguyên lý kế toán và kế toán tài chính 1, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán doanh nghiệp chuyên sâu của sinh viên, là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Kiểm toán.</p>   | 3 | 4 | Thi viết         |
| 48   | 1140226 | Thực tập nhận thức   | <p>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về bộ máy kế toán tại đơn vị (doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp,...), vai trò của kế toán trong hoạt động quản lý của đơn vị.</p>  | 1 | 1 | Báo cáo, vấn đáp |
| <b>Các học phần Giáo dục Quốc phòng, An ninh</b> |         |  |  |   |   |                  |
| 49   | 115001  | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam | <p>Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.</p>   | 3 | 4 | Thi viết         |
| 50   | 115002  | Công tác Quốc phòng, An ninh                               | <p>Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền</p>  | 2 | 4 | Thi viết         |

|                 |         |   |  |   |   |                     |
|-----------------|---------|---|--|---|---|---------------------|
|                 |         |   | biên đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.  |   |   |                     |
| 51              | 115003  | Quân sự chung                             | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiễn công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.  | 2 | 4 | Thi viết, thực hành |
| 52              | 115004  | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).  | 2 | 4 | Thi viết, thực hành |
| <b>Học kỳ 5</b> |         |   |  |   |   |                     |
| 53              | 1130302 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam            | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).   | 2 | 5 | Thi viết            |
| 54              | 1150422 | Khởi nghiệp                               | Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.                           | 2 | 5 | Vấn đáp             |
| 55              | 1140017 | Kế toán hành chính sự nghiệp              | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đơn vị hành chính sự nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, phương pháp quản lý tài chính, các nguyên tắc kế toán và khái quát tình hình tổ chức công tác kế toán. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền, đầu tư tài chính, hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, nguồn vốn, các khoản thu, chi và xác định kết quả, lập báo cáo kế toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 7 | Thi viết            |
| 56              | 1140203 | Kế toán tài chính 3                       | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các phương pháp kế toán phức tạp liên quan đến các hoạt động kinh doanh khác nhau, bao gồm: kế toán thương mại nội địa, kế toán hoạt động xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động du lịch- dịch vụ, kế toán hoạt động xây lắp và kế toán hoạt động sản xuất nông nghiệp.<br>Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Kế toán tài chính 1 và Kế toán tài chính 2, học phần giúp sinh viên nhận diện tác động của đặc điểm hoạt động kinh doanh đến hoạt động kế toán của các doanh nghiệp trong thực tiễn.   | 2 | 5 | Thi viết            |
| 57              | 1140158 | Kế toán quản trị 2                        | Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để tổ chức một số kỹ thuật, nội dung công tác kế toán quản trị trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, học phần Kế toán quản trị 2 bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:  | 3 | 5 | Thi viết            |

|                 |         |                             |  |   |   |          |
|-----------------|---------|-----------------------------|--|---|---|----------|
|                 |         |                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích biến động chi phí sản xuất;</li> <li>- Đánh giá trách nhiệm quản lý;</li> <li>- Quyết định giá bán sản phẩm;</li> <li>- Ứng dụng thông tin thích hợp với việc ra quyết định ngắn hạn;</li> <li>- Phương pháp xác định chi phí dựa trên cơ sở hoạt động (ABC).</li> </ul> <p>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kế toán quản trị 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, quản trị của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   |   |   |          |
| 58              | 1140033 | Kinh tế lượng               | <p>Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.</p> <p>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế - quản lý.</p>  | 3 | 5 | Thi viết |
| 59              | 1140159 | Kiểm toán Báo cáo tài chính | <p>Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính; quy trình kiểm toán các khoản mục cơ bản như tiền và các khoản tương đương tiền, nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, tài sản cố định và chi phí khấu hao, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, thu nhập và chi phí.</p> <p>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 5 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 6</b> |         |                             |  |   |   |          |
| 60              | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh        | <p>Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.</p>  | 2 | 6 | Thi viết |
| 61              | 1140020 | Kế toán ngân hàng           | <p>Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán ngân hàng, đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán cơ bản áp dụng trong ngân hàng, chứng từ, tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán... Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng hạch toán được các nghiệp vụ về tiền mặt, huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng và đầu tư, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, kinh doanh ngoại tệ vàng và thanh toán quốc tế, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh, lập được Báo cáo tài chính.</p> <p>Học phần thuộc học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán ngân hàng của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 3 | 6 | Thi viết |
| 62              | 1140064 | Tổ chức hạch toán kế toán   | <p>Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để tổ chức hạch toán kế toán theo các giai đoạn các phần hành khác nhau tại các đơn vị có tổ chức bộ máy kế toán.</p> <p>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học</p>   | 4 | 6 | Thi viết |

|  |         |   |   |   |   |                  |
|--|---------|---|---|---|---|------------------|
|  |         |   | phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |                  |
| 63   | 1140227 | Thực tập tổng hợp                             | Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra và phải gắn với thực tế tại đơn vị thực tập.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán,... học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.  | 2 | 6 | Báo cáo, vấn đáp |
| 64   | 1140124 | Phân tích kinh doanh                          | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về khái niệm, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của phân tích kinh doanh, các phương pháp phân tích kinh doanh và tổ chức phân tích kinh doanh. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp phân tích kinh doanh để phân tích các nội dung chi tiết liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ và nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 6 | Thi viết         |
| <b>Các học phần tự chọn 1 của học kỳ 6 (chọn 1 học phần)</b> |         |   |   |   |   |                  |
| 65   | 1140175 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo nghiên cứu.<br>Học phần này thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên nắm vững kiến thức Nguyên lý thống kê kinh tế và Kinh tế phát triển, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học kinh tế.  | 2 | 4 | Thi viết         |
| 66   | 1150131 | Toán tài chính                                | Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.<br>Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lãi đơn, lãi kép, thương phiếu, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.   | 2 | 4 | Thi viết         |
| 67   | 1150023 | Kinh tế môi trường                            | Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức căn bản của kinh tế học vi mô, vĩ mô, học phần sẽ giúp mở rộng các kiến thức kinh tế ứng dụng cho các vấn đề phát triển. | 2 | 4 | Thi viết         |
| <b>Các học phần tự chọn 2 của học kỳ 6 (chọn 1 học phần)</b> |         |   |   |   |   |                  |
| 68   | 1140212 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa               | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Học phần thể hiện lần lượt các đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán liên quan đến tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu... Từ đó, sinh viên hiểu và nhận diện sự khác biệt về các đối tượng kế toán giữa doanh nghiệp quy mô lớn với doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa  | 2 | 6 | Thi viết         |

|                 |         |                             |  |   |   |          |
|-----------------|---------|-----------------------------|--|---|---|----------|
|                 |         |                             | Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng hợp, toàn diện hoạt động kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.   |   |   |          |
| 69              | 1140154 | Chuẩn mực kế toán           | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về luật kế toán và các văn bản hướng dẫn; đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán; khái quát hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam; các chuẩn mực kế toán liên quan đến bảng cân đối kế toán; các chuẩn mực kế toán liên quan đến báo cáo kết quả kinh doanh; các chuẩn mực liên quan đến nhóm công ty và ngành nghề kinh doanh đặc thù và các chuẩn mực liên quan đến trình bày và công khai báo cáo tài chính<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên ngành để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 6 | Thi viết |
| 70              | 1140128 | Kiểm toán hoạt động         | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán hoạt động, các giai đoạn trong quy trình kiểm toán hoạt động, kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ và kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nhà nước. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán hoạt động; giúp sinh viên nhận diện và thực hiện được quy trình kiểm toán hoạt động trong thực tiễn.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 6 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 7</b> |         |                             |  |   |   |          |
| 71              | 1140180 | Phân tích Báo cáo tài chính | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp phân tích và ý nghĩa của các Báo cáo tài chính. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp thường được sử dụng trong phân tích Báo cáo tài chính; giúp sinh viên nhận diện và phân tích các Báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp trong thực tiễn.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán và kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 4 | 7 | Thi viết |
| 72              | 1140012 | Đề án chuyên ngành          | Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phân ánh được bản chất của vấn đề đặt ra. Một đề tài nghiên cứu bao gồm các phần chính sau: Đặt vấn đề: mục đích nghiên cứu, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết; Phân tích, tổng hợp, trình bày các kiến thức liên quan một cách logic; Định hướng giải quyết.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, kế toán tài chính và kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.                        | 2 | 7 | Thi viết |
| 73              | 1140211 | Kế toán thuế và báo cáo     | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đơn vị hành chính sự nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, phương pháp quản lý tài chính, các nguyên tắc kế toán và khái quát tình hình tổ chức công tác kế toán. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền, đầu tư tài chính, hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, nguồn vốn, các khoản thu, chi và xác định kết quả, lập báo cáo kế toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát   | 3 | 5 | Thi viết |

|                 |         |                                    |   |   |   |                  |
|-----------------|---------|------------------------------------|---|---|---|------------------|
|                 |         |                                    | triển các kiến thức kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |                  |
| 74              | 1140176 | Kế toán quốc tế                    | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế, bao gồm các nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế ở những phần hành cơ bản nhất như hàng tồn kho, tài sản cố định... Từ đó, sinh viên nghiên cứu, so sánh giữa chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế với chuẩn mực kế toán Việt Nam ở một số phần hành kế toán.<br>Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc về sự khác biệt giữa thông lệ kế toán quốc tế và kế toán Việt Nam.  | 3 | 7 | Thi viết         |
| 75              | 1140164 | Hệ thống thông tin kế toán         | Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp, nắm được các bước tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp trong trường hợp triển khai ứng dụng một phần mềm kế toán; Cũng như nắm được quy trình luân chuyển chứng từ những nghiệp vụ phát sinh thường xuyên trong các chu trình kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, hướng dẫn người học cách thực hiện công việc kế toán trên một phần mềm kế toán cụ thể, đặc biệt ở doanh nghiệp thương mại.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kế toán tài chính, học phần sẽ giúp sinh viên định hình công việc thực tế của kế toán, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp. | 4 | 7 | Thi viết         |
|                 |         |                                    | <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 7 (chọn 1 học phần)</b>  | 2 | 7 | Thi viết         |
| 76              | 1140121 | Kế toán hợp nhất Báo cáo tài chính | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán tập đoàn; về hợp nhất bảng cân đối kế toán, về bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, về kế toán đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 7 | Thi viết         |
| 77              | 1140165 | Kiểm toán nội bộ                   | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán nội bộ và tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp; giúp sinh viên nhận diện và phân tích về các vấn đề của doanh nghiệp để đưa ra báo cáo kiểm toán nội bộ phù hợp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1 và 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 7 | Thi viết         |
| 78              | 1140147 | Phân tích thị trường chứng khoán   | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến chứng khoán, và thị trường chứng khoán. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán, phân tích công ty và định giá chứng khoán.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán, thuộc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu tư, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 7 | Thi viết         |
| <b>Học kỳ 8</b> |         |                                    |   |   |   |                  |
| 79              | 1140063 | Chuyên đề thực tập tốt nghiệp      | Theo chương trình đào tạo, sau khi kết thúc chương trình lý thuyết ở trường, sinh viên năm thứ tư sẽ thực hiện việc thực tập tại các cơ quan thực tế và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học   | 3 | 8 | Báo cáo, vấn đáp |



|   |         |                      |  |   |   |                    |
|---|---------|----------------------|--|---|---|--------------------|
|   |         |                      | kỹ thực tập.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh, ..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.   |   |   |                    |
| 80  | 1140194 | Khóa luận tốt nghiệp | Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập.<br>Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh, ..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. | 6 | 8 | Báo cáo,<br>Bảo vệ |
| <b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b> |         |                      |  |   |   |                    |
| 81  | 1140120 | Kế toán công ty      | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán công ty; đi sâu về kế toán: thành lập các công ty; biến động vốn trong các công ty; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận sau thuế; phát hành và thanh toán trái phiếu; tổ chức lại công ty, giải thể và phá sản công ty.<br>Học phần thuộc học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp; thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 8 | Thi viết           |
| 82  | 1140152 | Kế toán dự án đầu tư | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.<br>Học phần thuộc học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 8 | Thi viết           |
| 83  | 1140195 | Kiểm soát nội bộ     | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để kiểm soát các chu trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về kiểm soát nội bộ, các yếu tố cấu thành và trách nhiệm các bên liên quan đến kiểm soát nội bộ. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các thủ tục kiểm soát trong một số chu trình nghiệp vụ chủ yếu trong doanh nghiệp.<br>Học phần là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần giúp phát triển kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 8 | Thi viết           |

#### 4. Ngành Kiểm toán (Trình độ đại học chính quy)

##### 4.1. Ngành Kiểm toán khóa 44

| TT | Mã học phần | Tên học phần | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy vào học kỳ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|----|-------------|--------------|------------------|------------|---------------------------------|--------------------------------|
|----|-------------|--------------|------------------|------------|---------------------------------|--------------------------------|

| Học kỳ 1                                 |         |                                 |  |   |   |           |
|--|---------|---------------------------------|--|---|---|-----------|
| 1  | 2030003 | Kỹ năng giao tiếp               | Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.   | 2 | 1 | Vấn đáp   |
| 2  | 1090061 | Tiếng Anh 1                     | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.  | 3 | 1 | Thi viết  |
| 3  | 1140170 | Kinh tế vi mô                   | - Học phần này giúp hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến nền kinh tế, lý thuyết cung cầu, phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi người sản xuất, các vấn đề liên quan đến cấu trúc thị trường và thị trường yếu tố sản xuất cũng như các thất bại của thị trường và các giải pháp điều tiết của chính phủ.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh và Tài chính ngân hàng. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế giúp sinh viên được trang bị kiến thức cho các học phần sau có liên quan. | 3 | 1 | Thi viết  |
| 4  | 1140171 | Kinh tế vĩ mô                   | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.<br>- Học phần này là học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế, quản lý, là môn nền tảng để học tiếp các môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành.  | 3 | 1 | Thi viết  |
| 5  | 1140182 | Toán cao cấp cho kinh tế        | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector n chiều và ứng dụng của chúng trong kinh tế, giúp cho người học có công cụ để diễn giải một số vấn đề kinh tế - xã hội.<br>- Dựa trên nền tảng sinh viên nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học phân tích một số mối quan hệ kinh tế vi mô và vĩ mô cơ bản bằng công cụ toán học  | 2 | 1 | Thi viết  |
| 6  | 1140104 | Toán kinh tế                    | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô.   | 3 | 1 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |                                 |  |   |   |           |
| 7  | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật nâng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều   | 1 | 1 | Thực hành |

|                 |         |   |   |   |   |           |
|-----------------|---------|---|---|---|---|-----------|
|                 |         |   | luật của Bóng đá 5 người.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  |   |   |           |
| 8               | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trong tài bóng chuyền.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 9               | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 10              | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 11              | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tinh tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.        | 1 | 1 | Thực hành |
| 12              | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 1 | Thực hành |
| 13              | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 1 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 2</b> |         |   |   |   |   |           |
| 14              | 1130299 | Triết học Mác – Lênin                         | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. | 3 | 2 | Thi viết  |

|  |         |                                     |  |   |   |           |
|--|---------|-------------------------------------|--|---|---|-----------|
| 15                                       | 1130049 | Pháp luật đại cương                 | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.   | 2 | 2 | Thi viết  |
| 16                                       | 1090166 | Tiếng Anh 2                         | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng linh hoạt và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.  | 4 | 2 | Thi viết  |
| 17                                       | 1140048 | Nguyên lý kế toán                   | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của các ngành đào tạo thuộc nhóm các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 2 | Thi viết  |
| 18                                       | 1050243 | Tin học cơ sở (kinh tế)             | Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyên đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.  | 3 | 2 | Thi viết  |
| 19                                       | 1140036 | Kinh tế phát triển                  | - Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội. Đặc biệt, giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích vai trò của một số yếu tố nguồn lực như vốn, lao động đối với tăng trưởng kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức cơ bản về kinh tế học và là nền tảng kiến thức ngành cho sinh viên.  | 2 | 2 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |                                     |  |   |   |           |
| 20                                       | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 21                                       | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2) | Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyên. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 22                                       | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)     | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu   | 1 | 2 | Thực hành |

|   |         |   |  |   |   |           |
|---|---------|---|--|---|---|-----------|
|   |         |   | tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.   |   |   |           |
| 23  | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 24  | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 25  | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền  | 1 | 2 | Thực hành |
| 26  | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   | 1 | 2 | Thực hành |
| <b>Các học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b> |         |   |  |   |   |           |
| 27  | 1120168 | Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1                 | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.   | 3 | 2 | Thi viết  |
| 28  | 1120169 | Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2                 | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. | 2 | 2 | Thi viết  |
| 39  | 1120170 | Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3                 | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về  | 2 | 2 | Thi viết  |

|                 |         |                                     |  |   |   |          |
|-----------------|---------|-------------------------------------|--|---|---|----------|
|                 |         |                                     | hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.  |   |   |          |
| 30              | 1120171 | Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4       | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).  | 2 | 2 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 3</b> |         |                                     |  |   |   |          |
| 31              | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin       | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.  | 2 | 3 | Thi viết |
| 32              | 1140187 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để tính toán, diễn giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.   | 2 | 3 | Thi viết |
| 33              | 1150035 | Marketing căn bản                   | - Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về Marketing, các quan điểm quản trị Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời giáo trình marketing căn bản xây dựng các công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức toàn diện sau khi ra trường. | 3 | 3 | Thi viết |
| 34              | 1140162 | Kế toán tài chính 1                 | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, giá thành sản phẩm và tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh, lập Báo cáo tài chính theo qui định.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 3 | Thi viết |
| 35              | 1140140 | Tiếng Anh chuyên ngành              | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kinh tế bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh kinh tế thông qua các bài đọc như Microeconomics, Demand, Supply... và nhiều vấn đề liên quan đến Kinh tế. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần: Practice, Vocabulary, Reading, Meaning, Grammar, and Listening. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được 4 kỹ năng.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức hỗ trợ của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng,  | 2 | 3 | Thi viết |

|    |         |   |   |   |   |           |
|----|---------|---|---|---|---|-----------|
|    |         |   | các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này.   |   |   |           |
| 36 | 1150026 | Kinh tế quốc tế                               | - Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tính quy luật của mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, các lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế. Dựa trên những kiến thức này, sinh viên có thể vận dụng để nhận diện và phân tích các tình huống liên quan đến mậu dịch quốc tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kinh tế học quốc tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 3 | Thi viết  |
| 37 | 1130143 | Luật kinh doanh                               | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về ngành Luật Kinh doanh và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về kinh doanh, thương mại, cụ thể gồm các chế định pháp luật như: pháp luật về chủ thể kinh doanh, hợp đồng trong hoạt động kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh. Học phần Luật Kinh doanh cũng giúp sinh viên hiểu rõ về pháp luật phá sản trong các doanh nghiệp và hợp tác xã. Thông qua kỹ năng làm việc nhóm, sinh viên có thể giải quyết các vấn đề thực tiễn pháp lý liên quan đến Luật kinh tế.  | 2 | 3 | Thi viết  |
| 38 | 1150107 | Tài chính - Tiền tệ                           | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.                          | 3 | 3 | Thi viết  |
|    |         |   | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>  |   |   |           |
| 39 | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tăng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 40 | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 41 | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 42 | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 43 | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng dẫn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.                                       | 1 | 3 | Thực hành |

|                 |         |                                      |  |   |   |           |
|-----------------|---------|--------------------------------------|--|---|---|-----------|
| 44              | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) | <p>Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...</p> <p>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử phát triển Taekwondo</li> <li>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo</li> <li>- Luật thi đấu Taekwondo</li> <li>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công</li> <li>- Kỹ thuật đối luyện</li> <li>- Kỹ thuật quyền</li> </ul>  | 1 | 3 | Thực hành |
| 45              | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)  | <p>Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.</p>  | 1 | 3 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 4</b> |         |                                      |  |   |   |           |
| 46              | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học            | <p>- Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.</p> <p>- Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.</p> | 2 | 4 | Thi viết  |
| 47              | 1140163 | Kế toán tài chính 2                  | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản đầu tư tài chính, dự phòng, thanh toán nội bộ, vay và nợ thuê tài chính, bút toán điều chỉnh, bút toán khóa sổ, xử lý các sai sót và lập các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức chung về nguyên lý kế toán và kế toán tài chính 1, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán doanh nghiệp chuyên sâu của sinh viên, là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Kiểm toán.</p>   | 2 | 4 | Thi viết  |
| 48              | 1150306 | Tài chính doanh nghiệp               | <p>- Cung cấp những vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như: khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý thu chi trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, xác định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp, quản trị tiền mặt, khoản phải thu và hàng tồn kho, đầu tư tài sản dài hạn.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 4 | Thi viết  |
| 49              | 1140021 | Kế toán quản trị 1                   | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết kiến thức về kế toán quản trị doanh nghiệp. Sinh viên được cung cấp thông tin về sự hiện diện của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, tầm quan trọng và các</p>   | 3 | 4 | Thi viết  |



|  |         |   |   |   |   |          |
|--|---------|---|---|---|---|----------|
|  |         |   | phương pháp cũng như công cụ kế toán quản trị cơ bản đang vận hành trong hệ thống doanh nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên những thông tin cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị. Phân biệt giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị, các cách phân loại chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận và cách thức lập các dự toán ngân sách. Đồng thời, giới thiệu các phương pháp phân bổ chi phí phục vụ trong doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Tài chính – Tiền tệ, Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.                         |   |   |          |
| 50   | 1140107 | Kiểm toán căn bản                             | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về nghề nghiệp kiểm toán và các kiến thức nền tảng sử dụng trong kiểm toán báo cáo tài chính. Học phần cũng đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các nguyên tắc của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, cách thức thu thập bằng chứng kiểm toán, các quy trình kiểm toán và trình bày báo cáo kiểm toán.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán và Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kiểm toán cho sinh viên và là nền tảng để phục vụ cho học phần Kiểm toán báo cáo tài chính.   | 3 | 4 | Thi viết |
| 51   | 1140049 | Nguyên lý thống kê kinh tế                    | - Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.<br>- Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về thống kê học, các giai đoạn của các quá trình nghiên cứu thống kê, chỉ số thống kê, phân tích hồi quy và tương quan, và dự báo cho dãy số thời gian đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.  | 3 | 4 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 4 (chọn 1 học phần)</b> |         |   |   |   |   |          |
| 52   | 1140175 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | - Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo nghiên cứu.<br>- Học phần này thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên nắm vững kiến thức Nguyên lý thống kê kinh tế và Kinh tế phát triển, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học kinh tế.  | 2 | 4 | Thi viết |
| 53   | 1150131 | Toán tài chính                                | - Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.<br>- Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lãi đơn, lãi kép, thương phiếu, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.   | 2 | 4 | Thi viết |
| 54   | 1150023 | Kinh tế môi trường                            | - Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức căn bản của kinh tế học vi mô, vĩ mô, học phần sẽ giúp mở rộng các kiến thức kinh tế ứng dụng cho các vấn đề phát triển. | 2 | 4 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 5</b>  |         |   |   |   |   |          |
| 55   | 1130302 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá   | 2 | 5 | Thi viết |

|    |         |                               |  |   |   |           |
|----|---------|-------------------------------|--|---|---|-----------|
|    |         |                               | trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).   |   |   |           |
| 56 | 1150422 | Khởi nghiệp                   | Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đổi tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên. | 2 | 5 | Vấn đáp   |
| 57 | 1140110 | Kế toán tài chính 3           | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các phương pháp kế toán phức tạp liên quan đến các hoạt động kinh doanh khác nhau, bao gồm: kế toán thương mại nội địa, kế toán hoạt động xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động du lịch- dịch vụ, kế toán hoạt động xây lắp và kế toán hoạt động sản xuất nông nghiệp.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Kế toán tài chính 1 và Kế toán tài chính 2, học phần giúp sinh viên nhận diện tác động của đặc điểm hoạt động kinh doanh đến hoạt động kế toán của các doanh nghiệp trong thực tiễn.   | 3 | 5 | Thi viết  |
| 58 | 1140033 | Kinh tế lượng                 | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế - quản lý.   | 3 | 5 | Thi viết  |
| 59 | 1140188 | Tổ chức hạch toán kế toán     | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để tổ chức hạch toán kế toán theo các giai đoạn các phần hành khác nhau tại các đơn vị có tổ chức bộ máy kế toán.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 5 | Thi viết  |
| 60 | 1140126 | Kiểm toán Báo cáo tài chính 1 | - Học phần này cung cấp hiểu biết cho sinh viên và vận dụng vào quy trình kiểm toán các khoản mục cơ bản chủ yếu trong doanh nghiệp. Hệ thống hóa những nội dung liên quan đến quy trình kiểm toán báo cáo tài chính, bằng chứng kiểm toán, quy trình kiểm toán các khoản mục; vận dụng các phương pháp kiểm toán; từ đó giúp sinh viên nhận diện và thực hiện quy trình kiểm toán một số khoản mục trong thực tiễn.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản và kế toán tài chính 1, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 5 | Thi viết  |
| 61 | 1140129 | Thực hành kiểm toán 1         | - Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và kỹ năng thực hành kiểm toán một số khoản mục trên báo cáo tài chính như: tiền và các khoản tương đương tiền, nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, tài sản cố định và chi phí khấu hao.   | 2 | 5 | Thực hành |

|  |         |                      |   |   |   |          |
|--|---------|----------------------|---|---|---|----------|
|  |         |                      | - Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1, 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |          |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 5 (chọn 1 học phần)</b> |         |                      |   |   |   |          |
| 62   | 1140115 | Thuế và kế toán thuế | - Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: các vấn đề cơ bản của một sắc thuế; Hướng dẫn kê khai thuế; Kế toán thuế của một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam bao gồm phí môn bài, thuế xuất nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp; và thuế thu nhập cá nhân.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kế toán tài chính, học phần sẽ giúp sinh viên kê khai và hạch toán một số sắc thuế cơ bản, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.   | 3 | 5 | Thi viết |
| 63   | 1140155 | Chuẩn mực kiểm toán  | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về hệ thống Chuẩn mực kiểm toán tại Việt Nam và thế giới. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng những chuẩn mực kiểm toán trong việc xây dựng và thực hiện các nội dung gắn với quy trình kiểm toán ở các công ty kiểm toán.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán và kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về Chuẩn mực kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 5 | Thi viết |
| 64   | 1140156 | Kiểm toán nhà nước   | - Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất, vai trò, nhiệm vụ của kiểm toán nhà nước, tìm hiểu về hệ thống chuẩn mực kiểm toán nhà nước Việt Nam, quy trình kiểm toán báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước, báo cáo quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, từ đó giúp cho người học có thể hiểu và vận dụng quy trình kiểm toán của kiểm toán viên Nhà nước.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán, thuộc học phần tự chọn. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 5 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 6</b>  |         |                      |   |   |   |          |
| 65   | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.  | 2 | 6 | Thi viết |
| 66   | 1140124 | Phân tích kinh doanh | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về khái niệm, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của phân tích kinh doanh, các phương pháp phân tích kinh doanh và tổ chức phân tích kinh doanh. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp phân tích kinh doanh để phân tích các nội dung chi tiết liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ và nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 6 | Thi viết |
| 67   | 1140190 | Thực tập nhận thức   | - Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực   | 2 | 6 | Báo cáo, |

|                 |         |                               |  |   |   |           |
|-----------------|---------|-------------------------------|--|---|---|-----------|
|                 |         |                               | <p>hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra và phải gắn với thực tế tại đơn vị thực tập.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kiểm toán báo cáo tài chính, Kiểm soát nội bộ, Thực hành kiểm toán, Kế toán tài chính, ..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kiểm toán và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.</p>   |   |   | vấn đáp   |
| 68              | 1140113 | Hệ thống thông tin kế toán    | <p>- Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp, nắm được các bước tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp trong trường hợp triển khai ứng dụng một phần mềm kế toán; Cũng như nắm được quy trình luân chuyển chứng từ những nghiệp vụ phát sinh thường xuyên trong các chu trình kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, hướng dẫn người học cách thực hiện công việc kế toán trên một phần mềm kế toán cụ thể, đặc biệt ở doanh nghiệp thương mại.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kế toán tài chính, học phần sẽ giúp sinh viên định hình công việc thực tế của kế toán, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.</p> | 3 | 6 | Thi viết  |
| 69              | 1140161 | Kiểm soát nội bộ              | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để kiểm soát được tốt các chu trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. Học phần Kiểm soát nội bộ bao gồm một số nội dung cơ bản như tổng quan về hệ thống kiểm soát nội bộ, các yếu tố cấu thành và trách nhiệm các bên liên quan đến kiểm soát nội bộ. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các thủ tục kiểm soát trong một số chu trình nghiệp vụ chủ yếu trong doanh nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 3 | 6 | Thi viết  |
| 70              | 1140127 | Kiểm toán Báo cáo tài chính 2 | <p>- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về chương trình kiểm toán báo cáo tài chính gồm các khoản mục: nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu và thu nhập khác, chi phí; các công việc tiến hành trong giai đoạn kết thúc và lập báo cáo kiểm toán.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản và kế toán tài chính 1 và 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức tiếp theo về quy trình kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 6 | Thi viết  |
| 71              | 1140130 | Thực hành Kiểm toán 2         | <p>- Học phần này cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành kiểm toán một số phần hành như: nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu và thu nhập khác, chi phí theo chương trình kiểm toán mẫu được ban hành bởi Bộ Tài chính. Học phần giúp sinh viên phân tích các yếu tố trong hồ sơ kiểm toán, các công việc cần thực hiện khi kết thúc cuộc kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1 và 2, kiểm toán Báo cáo tài chính 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 2 | 6 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 7</b> |         |                               |  |   |   |           |
| 72              | 1140176 | Kế toán quốc tế               | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế, bao gồm các nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế ở những phần hành cơ bản nhất như hàng tồn kho, tài sản cố định... Từ đó, sinh viên nghiên cứu, so sánh giữa chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế với chuẩn mực kế toán Việt Nam ở một số</p>   | 3 | 7 | Thi viết  |

|    |         |                             |  |   |   |          |
|----|---------|-----------------------------|--|---|---|----------|
|    |         |                             | phần hành kế toán.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc về sự khác biệt giữa thông lệ kế toán quốc tế và kế toán Việt Nam.   |   |   |          |
| 73 | 1140051 | Phân tích Báo cáo tài chính | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp phân tích và ý nghĩa của các Báo cáo tài chính. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp thường được sử dụng trong phân tích Báo cáo tài chính; giúp sinh viên nhận diện và phân tích các Báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp trong thực tiễn.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán và kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 7 | Thi viết |
| 74 | 1140166 | Kế toán ngân hàng           | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán ngân hàng, đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán cơ bản áp dụng trong ngân hàng, chứng từ, tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán... Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng hạch toán được các nghiệp vụ về tiền mặt, huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng và đầu tư, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, kinh doanh ngoại tệ vàng và thanh toán quốc tế, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh.<br>- Học phần thuộc học phần bắt buộc trong khối Kiến thức chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán và kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán ngân hàng của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 7 | Thi viết |
| 75 | 1140022 | Kế toán quản trị 2          | Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để tổ chức một số kỹ thuật, nội dung công tác kế toán quản trị trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, học phần Kế toán quản trị 2 bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:<br>- Phân tích biên độ chi phí sản xuất;<br>- Đánh giá trách nhiệm quản lý;<br>- Quyết định giá bán sản phẩm;<br>- Ứng dụng thông tin thích hợp với việc ra quyết định ngắn hạn;<br>- Phương pháp xác định chi phí dựa trên cơ sở hoạt động (ABC).<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kế toán quản trị 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, quản trị của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 7 | Thi viết |
| 76 | 1140189 | Đề án chuyên ngành          | - Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra. Một đề tài nghiên cứu bao gồm các phần chính sau: Đặt vấn đề: mục đích nghiên cứu, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết; Phân tích, tổng hợp, trình bày các kiến thức liên quan một cách logic; Định hướng giải quyết.<br>- Học phần thuộc kiến thức hỗ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, kế toán tài chính và kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.                                    | 2 | 7 | Báo cáo  |
| 77 | 1140117 | Kế toán chi phí             | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán chi phí, phân loại chi phí và giá thành trong doanh nghiệp. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng được các mô hình kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm: mô hình theo chi phí thực tế; mô hình theo chi phí thực   | 2 | 7 | Thi viết |

|  |         |                                  |  |   |   |                  |
|--|---------|----------------------------------|--|---|---|------------------|
|  |         |                                  | tế kết hợp với chi phí ước tính; mô hình theo chi phí định mức.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính, kế toán quản trị của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |                  |
| 78   | 1140120 | Kế toán công ty                  | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán công ty; đi sâu về kế toán: thành lập các công ty; biến động vốn trong các công ty; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận sau thuế; phát hành và thanh toán trái phiếu; tổ chức lại công ty, giải thể và phá sản công ty.<br>- Học phần thuộc học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp; thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.          | 2 | 7 | Thi viết         |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 7 (chọn 1 học phần)</b> |         |                                  |  |   |   |                  |
| 79   | 1140152 | Kế toán dự án đầu tư             | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 7 | Thi viết         |
| 80   | 1140165 | Kiểm toán nội bộ                 | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán nội bộ và tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp; giúp sinh viên nhận diện và phân tích về các vấn đề của doanh nghiệp để đưa ra báo cáo kiểm toán nội bộ phù hợp.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1 và 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.                                     | 2 | 7 | Thi viết         |
| 81   | 1140147 | Phân tích thị trường chứng khoán | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến chứng khoán, và thị trường chứng khoán. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán, phân tích công ty và định giá chứng khoán.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán, thuộc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu tư, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 7 | Thi viết         |
| <b>Học kỳ 8</b>  |         |                                  |  |   |   |                  |
| 82   | 1140191 | Chuyên đề thực tập tốt nghiệp    | - Theo chương trình đào tạo, sau khi kết thúc chương trình lý thuyết ở trường, sinh viên năm thứ tư sẽ thực hiện việc thực tập tại các cơ quan thực tế và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ thực tập.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh, ..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. | 3 | 8 | Báo cáo, vấn đáp |
| 83   | 1140192 | Khóa luận tốt nghiệp             | - Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực   | 6 | 8 | Báo cáo,         |

|   |         |                                 |   |   |   |          |
|---|---------|---------------------------------|---|---|---|----------|
|   |         |                                 | <p>tiền của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán tài chính, Thực hành kiểm toán, ..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về kiểm toán và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.</p>  |   |   | Bảo vệ   |
| <b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b> |         |                                 |   |   |   |          |
| 84  | 1140160 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Học phần thể hiện lần lượt các đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán liên quan đến tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu... Từ đó, sinh viên hiểu và nhận diện sự khác biệt về các đối tượng kế toán giữa doanh nghiệp quy mô lớn với doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng hợp, toàn diện hoạt động kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p>  | 2 | 8 | Thi viết |
| 85  | 1140157 | Kế toán hành chính sự nghiệp    | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đơn vị hành chính sự nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, phương pháp quản lý tài chính, các nguyên tắc kế toán và khái quát tình hình tổ chức công tác kế toán. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền, đầu tư tài chính, hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, nguồn vốn, các khoản thu, chi và xác định kết quả, lập báo cáo kế toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 2 | 8 | Thi viết |
| 86  | 1140193 | Kiểm toán hoạt động             | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán hoạt động, các giai đoạn trong quy trình kiểm toán hoạt động, kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ và kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nhà nước. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán hoạt động; giúp sinh viên nhận diện và thực hiện được quy trình kiểm toán hoạt động trong thực tiễn.</p> <p>- Học phần thuộc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kiểm toán báo cáo tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 2 | 8 | Thi viết |

#### 4.2. Ngành Kiểm toán khóa 45, 46, 47

| TT              | Mã học phần | Tên học phần      | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy vào học kỳ | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|-------------|-------------------|---|------------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>Học kỳ 1</b> |             |                   |   |            |                                 |                                |
| 1               | 2030003     | Kỹ năng giao tiếp | Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học | 2          | 1                               | Vấn đáp                        |

|   |         |                                     |  |   |   |           |
|---|---------|-------------------------------------|--|---|---|-----------|
|   |         |                                     | phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.   |   |   |           |
| 2 | 1090061 | Tiếng Anh 1                         | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.  | 3 | 1 | Thi viết  |
| 3 | 1140170 | Kinh tế vi mô                       | Học phần này giúp hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến nền kinh tế, lý thuyết cung cầu, phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi người sản xuất, các vấn đề liên quan đến cấu trúc thị trường và thị trường yếu tố sản xuất cũng như các thất bại của thị trường và các giải pháp điều tiết của chính phủ.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Quản trị kinh doanh và Tài chính ngân hàng. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế giúp sinh viên được trang bị kiến thức cho các học phần sau có liên quan. | 3 | 1 | Thi viết  |
| 4 | 1140171 | Kinh tế vĩ mô                       | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.<br>Học phần này là học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế, quản lý, là môn nền tảng để học tiếp các môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành.  | 3 | 1 | Thi viết  |
| 5 | 1140182 | Toán cao cấp cho kinh tế            | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector n chiều và ứng dụng của chúng trong kinh tế, giúp cho người học có công cụ để diễn giải một số vấn đề kinh tế - xã hội.<br>Dựa trên nền tảng sinh viên nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học phân tích một số mối quan hệ kinh tế vi mô và vĩ mô cơ bản bằng công cụ toán học  | 2 | 1 | Thi viết  |
| 6 | 1130049 | Pháp luật đại cương                 | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.   | 2 | 1 | Thi viết  |
|   |         |                                     | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>   |   |   |           |
| 7 | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 8 | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) | Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 9 | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)     | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực   | 1 | 1 | Thực hành |



|                 |         |   |  |   |   |           |
|-----------------|---------|---|--|---|---|-----------|
|                 |         |   | và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.   |   |   |           |
| 10              | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 11              | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.                           | 1 | 1 | Thực hành |
| 12              | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 1 | Thực hành |
| 13              | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 1 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 2</b> |         |   |  |   |   |           |
| 14              | 1130299 | Triết học Mác – Lênin                         | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.                    | 3 | 2 | Thi viết  |
| 15              | 1140104 | Toán kinh tế                                  | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô. | 3 | 2 | Thi viết  |
| 16              | 1090166 | Tiếng Anh 2                                   | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong  | 4 | 2 | Thi viết  |

|    |         |                                     |  |   |   |           |
|----|---------|-------------------------------------|--|---|---|-----------|
|    |         |                                     | học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.   |   |   |           |
| 17 | 1140048 | Nguyên lý kế toán                   | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của các ngành đào tạo thuộc nhóm các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 2 | Thi viết  |
| 18 | 1050243 | Tin học cơ sở (kinh tế)             | Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyên đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.  | 3 | 2 | Thi viết  |
| 19 | 1140036 | Kinh tế phát triển                  | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội. Đặc biệt, giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích vai trò của một số yếu tố nguồn lực như vốn, lao động đối với tăng trưởng kinh tế.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức cơ bản về kinh tế học và là nền tảng kiến thức ngành cho sinh viên.  | 2 | 2 | Thi viết  |
|    |         |                                     | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>   |   |   |           |
| 20 | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 21 | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) | Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 22 | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)     | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 23 | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)    | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.  | 1 | 2 | Thực hành |

|                 |         |   |  |   |   |           |
|-----------------|---------|---|--|---|---|-----------|
|                 |         |   | + Năm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.  |   |   |           |
| 24              | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Năm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dục những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tinh tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 25              | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 2 | Thực hành |
| 26              | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 2 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 3</b> |         |   |  |   |   |           |
| 27              | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                 | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.  | 2 | 3 | Thi viết  |
| 28              | 1140187 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán           | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để tính toán, diễn giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.   | 2 | 3 | Thi viết  |
| 29              | 1150035 | Marketing căn bản                             | Học phần Marketing căn bản trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về Marketing, các quan điểm quản trị Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và hành vi mua của khách hàng, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Đồng thời giáo trình marketing căn bản xây dựng các công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing - Mix) để tác động vào thị trường mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức toàn diện sau khi ra trường. | 3 | 3 | Thi viết  |

|  |         |                                     |   |   |   |           |
|--|---------|-------------------------------------|---|---|---|-----------|
| 30                                       | 1140162 | Kế toán tài chính 1                 | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, giá thành sản phẩm và tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh, lập Báo cáo tài chính theo qui định.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 3 | Thi viết  |
| 31                                       | 1140140 | Tiếng Anh chuyên ngành              | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kinh tế bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh kinh tế thông qua các bài đọc như Microeconomics, Demand, Supply... và nhiều vấn đề liên quan đến Kinh tế. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần: Practice, Vocabulary, Reading, Meaning, Grammar, and Listening. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được 4 kỹ năng.<br>Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này. | 2 | 3 | Thi viết  |
| 32                                       | 1150026 | Kinh tế quốc tế                     | Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tính quy luật của mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, các lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế. Dựa trên những kiến thức này, sinh viên có thể vận dụng để nhận diện và phân tích các tình huống liên quan đến mậu dịch quốc tế.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kinh tế học quốc tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 3 | Thi viết  |
| 33                                       | 1130143 | Luật kinh doanh                     | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về ngành Luật Kinh doanh và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về kinh doanh, thương mại, cụ thể gồm các chế định pháp luật như: pháp luật về chủ thể kinh doanh, hợp đồng trong hoạt động kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh. Học phần Luật Kinh doanh cũng giúp sinh viên hiểu rõ về pháp luật phá sản trong các doanh nghiệp và hợp tác xã. Thông qua kỹ năng làm việc nhóm, sinh viên có thể giải quyết các vấn đề thực tiễn pháp lý liên quan đến Luật kinh tế.  | 2 | 3 | Thi viết  |
| 34                                       | 1150107 | Tài chính - Tiền tệ                 | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.  | 3 | 3 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |                                     |   |   |   |           |
| 35                                       | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 36                                       | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) | Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 37                                       | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)     | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực  | 1 | 3 | Thực hành |

|                 |         |   |  |   |   |           |
|-----------------|---------|---|--|---|---|-----------|
|                 |         |   | và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.  |   |   |           |
| 38              | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 39              | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 40              | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 3 | Thực hành |
| 41              | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 3 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 4</b> |         |   |  |   |   |           |
| 42              | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.<br>Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. | 2 | 4 | Thi viết  |
| 43              | 1140163 | Kế toán tài chính 2                           | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản đầu tư tài chính, dự phòng, thanh toán nội bộ, vay và nợ thuê tài chính, bút toán điều chỉnh, bút toán khóa sổ, xử lý các sai sót và lập các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.   | 2 | 4 | Thi viết  |

|  |         |   |   |   |   |          |
|--|---------|---|---|---|---|----------|
|  |         |   | Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức chung về nguyên lý kế toán và kế toán tài chính 1, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán doanh nghiệp chuyên sâu của sinh viên, là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Kiểm toán.   |   |   |          |
| 44   | 1150306 | Tài chính doanh nghiệp                        | Cung cấp những vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như: khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý thu chi trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, xác định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp, quản trị tiền mặt, khoản phải thu và hàng tồn kho, đầu tư tài sản dài hạn.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 4 | Thi viết |
| 45   | 1140021 | Kế toán quản trị 1                            | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết kiến thức về kế toán quản trị doanh nghiệp. Sinh viên được cung cấp thông tin về sự hiện diện của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, tầm quan trọng và các phương pháp cũng như công cụ kế toán quản trị cơ bản đang vận hành trong hệ thống doanh nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên những thông tin cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị. Phân biệt giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị, các cách phân loại chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận và cách thức lập các dự toán ngân sách. Đồng thời, giới thiệu các phương pháp phân bổ chi phí phục vụ trong doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Tài chính – Tiền tệ, Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 4 | Thi viết |
| 46   | 1140107 | Kiểm toán căn bản                             | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về nghề nghiệp kiểm toán và các kiến thức nền tảng sử dụng trong kiểm toán báo cáo tài chính. Học phần cũng đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các nguyên tắc của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, cách thức thu thập bằng chứng kiểm toán, các quy trình kiểm toán và trình bày báo cáo kiểm toán.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán và Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kiểm toán cho sinh viên và là nền tảng để phục vụ cho học phần Kiểm toán báo cáo tài chính.   | 3 | 4 | Thi viết |
| 47   | 1140049 | Nguyên lý thống kê kinh tế                    | Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.<br>Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về thống kê học, các giai đoạn của các quá trình nghiên cứu thống kê, chỉ số thống kê, phân tích hồi quy và tương quan, và dự báo cho dãy số thời gian đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.  | 3 | 4 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 4 (chọn 1 học phần)</b> |         |   |   |   |   |          |
| 48   | 1140175 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo nghiên cứu.<br>Học phần này thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên nắm vững kiến thức Nguyên lý thống kê kinh tế và Kinh tế phát triển, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học kinh tế.  | 2 | 4 | Thi viết |
| 49   | 1150131 | Toán tài chính                                | Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.  | 2 | 4 | Thi viết |

|  |         |  |   |   |   |                        |
|--|---------|--|---|---|---|------------------------|
|  |         |  | Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lãi đơn, lãi kép, thương phiếu, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.   |   |   |                        |
| 50   | 1150023 | Kinh tế môi trường   | Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức căn bản của kinh tế học vi mô, vĩ mô, học phần sẽ giúp mở rộng các kiến thức kinh tế ứng dụng cho các vấn đề phát triển. | 2 | 4 | Thi viết               |
| <b>Các học phần Giáo dục Quốc phòng, An ninh</b> |         |  |   |   |   |                        |
| 51   | 115001  | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giảng thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.   | 3 | 4 | Thi viết               |
| 52   | 115002  | Công tác Quốc phòng, An ninh                               | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.  | 2 | 4 | Thi viết               |
| 53   | 115003  | Quân sự chung  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.   | 2 | 4 | Thi viết,<br>Thực hành |
| 54   | 115004  | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật                  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cánh giới).   | 2 | 4 | Thi viết,<br>Thực hành |
| <b>Học kỳ 5</b>                                  |         |  |   |   |   |                        |
| 55   | 1130302 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                             | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).  | 2 | 5 | Thi viết               |
| 56   | 1150422 | Khởi nghiệp  | Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều   | 2 | 5 | Vấn đáp                |

|    |         |                               |   |   |   |           |
|----|---------|-------------------------------|---|---|---|-----------|
|    |         |                               | chính cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.  |   |   |           |
| 57 | 1140203 | Kế toán tài chính 3           | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các phương pháp kế toán phức tạp liên quan đến các hoạt động kinh doanh khác nhau, bao gồm: kế toán thương mại nội địa, kế toán hoạt động xuất nhập khẩu, kế toán hoạt động du lịch- dịch vụ, kế toán hoạt động xây lắp và kế toán hoạt động sản xuất nông nghiệp.<br>Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Kế toán tài chính 1 và Kế toán tài chính 2, học phần giúp sinh viên nhận diện tác động của đặc điểm hoạt động kinh doanh đến hoạt động kế toán của các doanh nghiệp trong thực tiễn.  | 2 | 5 | Thi viết  |
| 58 | 1140033 | Kinh tế lượng                 | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế - quản lý.  | 3 | 5 | Thi viết  |
| 59 | 1140188 | Tổ chức hạch toán kế toán     | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để tổ chức hạch toán kế toán theo các giai đoạn các phân hành khác nhau tại các đơn vị có tổ chức bộ máy kế toán.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 5 | Thi viết  |
| 60 | 1140126 | Kiểm toán Báo cáo tài chính 1 | Học phần này cung cấp hiểu biết cho sinh viên và vận dụng vào quy trình kiểm toán các khoản mục cơ bản chủ yếu trong doanh nghiệp. Hệ thống hóa những nội dung liên quan đến quy trình kiểm toán báo cáo tài chính, bằng chứng kiểm toán, quy trình kiểm toán các khoản mục; vận dụng các phương pháp kiểm toán; từ đó giúp sinh viên nhận diện và thực hiện quy trình kiểm toán một số khoản mục trong thực tiễn.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản và kế toán tài chính 1, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 5 | Thi viết  |
| 61 | 1140231 | Thực hành kiểm toán 1         | Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và kỹ năng thực hành kiểm toán một số khoản mục trên báo cáo tài chính như: tiền và các khoản tương đương tiền, nợ phải thu khách hàng, hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, tài sản cố định và chi phí khấu hao.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1, 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 5 | Thực hành |
| 62 | 1140211 | Kế toán thuế và báo cáo       | Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: các vấn đề cơ bản của một sắc thuế; Hướng dẫn kê khai thuế; Kế toán thuế của một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam bao gồm phí môn bài, thuế xuất nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp; và thuế thu nhập cá nhân.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kế toán tài chính, học phần sẽ giúp sinh viên kê khai và hạch toán một số sắc thuế cơ bản, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt                                     | 3 | 5 | Thi viết  |



|  |         |                               |   |   |   |                  |
|--|---------|-------------------------------|---|---|---|------------------|
|  |         |                               | ng nghiệp.  |   |   |                  |
| <b>Học kỳ 6</b>  |         |                               |   |   |   |                  |
| 63   | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh          | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.  | 2 | 6 | Thi viết         |
| 64   | 1140190 | Thực tập nhận thức            | Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra và phải gắn với thực tế tại đơn vị thực tập.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kiểm toán báo cáo tài chính, Kiểm soát nội bộ, Thực hành kiểm toán, Kế toán tài chính,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kiểm toán và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.  | 2 | 6 | Báo cáo, vấn đáp |
| 65   | 1140161 | Kiểm soát nội bộ              | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để kiểm soát được tốt các chu trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. Học phần Kiểm soát nội bộ bao gồm một số nội dung cơ bản như tổng quan về hệ thống kiểm soát nội bộ, các yếu tố cấu thành và trách nhiệm các bên liên quan đến kiểm soát nội bộ. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các thủ tục kiểm soát trong một số chu trình nghiệp vụ chủ yếu trong doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 6 | Thi viết         |
| 66   | 1140127 | Kiểm toán Báo cáo tài chính 2 | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về chương trình kiểm toán báo cáo tài chính gồm các khoản mục: nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu và thu nhập khác, chi phí; các công việc tiến hành trong giai đoạn kết thúc và lập báo cáo kiểm toán.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản và kế toán tài chính 1 và 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức tiếp theo về quy trình kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 6 | Thi viết         |
| 67   | 1140232 | Thực hành Kiểm toán 2         | Học phần này cung cấp cho sinh viên kỹ năng thực hành kiểm toán một số phần hành như: nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu và thu nhập khác, chi phí theo chương trình kiểm toán mẫu được ban hành bởi Bộ Tài chính. Học phần giúp sinh viên phân tích các yếu tố trong hồ sơ kiểm toán, các công việc cần thực hiện khi kết thúc cuộc kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1 và 2, kiểm toán Báo cáo tài chính 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kiểm toán và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 6 | Thi viết         |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 6 (chọn 1 học phần)</b> |         |                               |   |   |   |                  |
| 68   | 1140124 | Phân tích kinh doanh          | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về khái niệm, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của phân tích kinh doanh, các phương pháp phân tích kinh doanh và tổ chức phân tích kinh doanh. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp phân tích kinh doanh để phân tích các nội dung chi tiết liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế   | 3 | 6 | Thi viết         |

|                 |         |                                 |  |   |   |          |
|-----------------|---------|---------------------------------|--|---|---|----------|
|                 |         |                                 | toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ và nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |          |
| 69              | 1140212 | Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Học phần thể hiện lần lượt các đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán liên quan đến tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu... Từ đó, sinh viên hiểu và nhận diện sự khác biệt về các đối tượng kế toán giữa doanh nghiệp quy mô lớn với doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa<br>Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng Nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng hợp, toàn diện hoạt động kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.                               | 3 | 6 | Thi viết |
| 70              | 1140156 | Kiểm toán nhà nước              | Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất, vai trò, nhiệm vụ của kiểm toán nhà nước, tìm hiểu về hệ thống chuẩn mực kiểm toán nhà nước Việt Nam, quy trình kiểm toán báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước, báo cáo quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, từ đó giúp cho người học có thể hiểu và vận dụng quy trình kiểm toán của kiểm toán viên Nhà nước.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán, thuộc học phần tự chọn. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 6 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 7</b> |         |                                 |  |   |   |          |
| 71              | 1140176 | Kế toán quốc tế                 | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế, bao gồm các nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế ở những phần hành cơ bản nhất như hàng tồn kho, tài sản cố định... Từ đó, sinh viên nghiên cứu, so sánh giữa chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế với chuẩn mực kế toán Việt Nam ở một số phần hành kế toán.<br>Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, chuyên ngành Kiểm toán. Dựa trên nền tảng nguyên lý kế toán, học phần giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc về sự khác biệt giữa thông lệ kế toán quốc tế và kế toán Việt Nam.   | 3 | 7 | Thi viết |
| 72              | 1140051 | Phân tích Báo cáo tài chính     | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp phân tích và ý nghĩa của các Báo cáo tài chính. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp thường được sử dụng trong phân tích Báo cáo tài chính; giúp sinh viên nhận diện và phân tích các Báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp trong thực tiễn.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán và kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 7 | Thi viết |
| 73              | 1140166 | Kế toán ngân hàng               | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán ngân hàng, đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, chuẩn mực kế toán cơ bản áp dụng trong ngân hàng, chứng từ, tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán... Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng hạch toán được các nghiệp vụ về tiền mặt, huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng và đầu tư, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán vốn giữa các ngân hàng, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, kinh doanh ngoại tệ vàng và thanh toán quốc tế, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh.<br>Học phần thuộc học phần bắt buộc trong khối Kiến thức chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán và kế toán tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức | 2 | 7 | Thi viết |

|  |         |                                  |   |   |   |          |
|--|---------|----------------------------------|---|---|---|----------|
|  |         |                                  | chuyên sâu về kế toán ngân hàng của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |          |
| 74   | 1140113 | Hệ thống thông tin kế toán       | Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp, nắm được các bước tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp trong trường hợp triển khai ứng dụng một phần mềm kế toán; Cũng như nắm được quy trình luân chuyển chứng từ những nghiệp vụ phát sinh thường xuyên trong các chu trình kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, hướng dẫn người học cách thực hiện công việc kế toán trên một phần mềm kế toán cụ thể, đặc biệt ở doanh nghiệp thương mại.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kế toán tài chính, học phần sẽ giúp sinh viên định hình công việc thực tế của kế toán, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.   | 3 | 7 | Thi viết |
| 75   | 1140189 | Đề án chuyên ngành               | Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra. Một đề tài nghiên cứu bao gồm các phần chính sau: Đặt vấn đề; mục đích nghiên cứu, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết; Phân tích, tổng hợp, trình bày các kiến thức liên quan một cách logic; Định hướng giải quyết.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, kế toán tài chính và kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 7 | Báo cáo  |
| 76   | 1140233 | Kiểm toán nội bộ                 | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán nội bộ và tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp; giúp sinh viên nhận diện và phân tích về các vấn đề của doanh nghiệp để đưa ra báo cáo kiểm toán nội bộ phù hợp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kế toán tài chính 1 và 2, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 7 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 7 (chọn 1 học phần)</b> |         |                                  |   |   |   |          |
| 77   | 1140152 | Kế toán dự án đầu tư             | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.<br>Học phần thuộc học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành chuyên ngành của ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán và Kế toán tài chính 1, 2, 3, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kế toán và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 7 | Thi viết |
| 78   | 1140120 | Kế toán công ty                  | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán công ty; đi sâu về kế toán: thành lập các công ty; biến động vốn trong các công ty; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận sau thuế; phát hành và thanh toán trái phiếu; tổ chức lại công ty, giải thể và phá sản công ty.<br>Học phần thuộc học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp; thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức chuyên sâu về kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 7 | Thi viết |
| 79   | 1140147 | Phân tích thị trường chứng khoán | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến chứng khoán, và thị trường chứng khoán. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán, phân tích công ty và định giá chứng khoán.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế  | 2 | 7 | Thi viết |

|                 |         |                               |  |   |   |                  |
|-----------------|---------|-------------------------------|--|---|---|------------------|
|                 |         |                               | toán tổng hợp, Kiểm toán, thuộc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu tư, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |                  |
| <b>Học kỳ 8</b> |         |                               |  |   |   |                  |
| 80              | 1140191 | Chuyên đề thực tập tốt nghiệp | Theo chương trình đào tạo, sau khi kết thúc chương trình lý thuyết ở trường, sinh viên năm thứ tư sẽ thực hiện việc thực tập tại các cơ quan thực tế và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ thực tập.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kế toán tài chính, tổ chức hạch toán kế toán, hệ thống thông tin kế toán, phân tích kinh doanh, ..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.   | 3 | 8 | Báo cáo, vấn đáp |
| 81              | 1140192 | Khóa luận tốt nghiệp          | Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập.<br>Học phần thuộc kiến thức khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán tài chính, Thực hành kiểm toán, ..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về kiểm toán và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.   | 6 | 8 | Báo cáo, Bảo vệ  |
|                 |         |                               | <b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>  |   |   |                  |
| 82              | 1140234 | Chuẩn mực kiểm toán           | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về hệ thống Chuẩn mực kiểm toán tại Việt Nam và thế giới. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng những chuẩn mực kiểm toán trong việc xây dựng và thực hiện các nội dung gắn với quy trình kiểm toán ở các công ty kiểm toán.<br>Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán và kiểm toán căn bản, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về Chuẩn mực kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 8 | Thi viết         |
| 83              | 1140157 | Kế toán hành chính sự nghiệp  | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đơn vị hành chính sự nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, phương pháp quản lý tài chính, các nguyên tắc kế toán và khái quát tình hình tổ chức công tác kế toán. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền, đầu tư tài chính, hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, nguồn vốn, các khoản thu, chi và xác định kết quả, lập báo cáo kế toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức Nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 8 | Thi viết         |
| 84              | 1140193 | Kiểm toán hoạt động           | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kiểm toán hoạt động, các giai đoạn trong quy trình kiểm toán hoạt động, kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ và kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nhà nước. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng quy trình kiểm toán hoạt động; giúp sinh viên nhận diện và thực hiện được quy trình kiểm toán hoạt động trong thực tiễn.<br>Học phần thuộc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kiểm toán căn bản, kiểm toán báo cáo tài chính, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kế toán, kiểm toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 8 | Thi viết         |

## 5. Ngành Kinh tế (Trình độ đại học, chính quy)

## 5.1. Ngành Kinh tế khóa 44 (các ngành: Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển)

| TT              | Mã học phần | Tên học phần             | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|-------------|--------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>Học kỳ 1</b> |             |                          |   |            |                      |                                |
| 1               | 2030003     | Kỹ năng giao tiếp        | Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.  | 2          | 1                    | Thi viết                       |
| 2               | 1090061     | Tiếng Anh 1              | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.         | 3          | 1                    | Thi viết                       |
| 3               | 1140041     | Kinh tế vi mô 1          | - Học phần này giúp hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến nền kinh tế, lý thuyết cung cầu, phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi người sản xuất, các vấn đề liên quan đến cấu trúc thị trường và thị trường yếu tố sản xuất cũng như các thất bại của thị trường và các giải pháp điều tiết của chính phủ.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế giúp sinh viên được trang bị kiến thức cho các học phần sau có liên quan. | 3          | 1                    | Thi viết                       |
| 4               | 1140042     | Kinh tế vĩ mô 1          | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.<br>- Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế, là môn nền tảng để học tiếp các môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành.  | 3          | 1                    | Thi viết                       |
| 5               | 1140182     | Toán cao cấp cho kinh tế | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector n chiều và ứng dụng của chúng trong kinh tế, giúp cho người học có công cụ để diễn giải một số vấn đề kinh tế - xã hội.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học phân tích một số mối quan hệ kinh tế vi mô và vĩ mô cơ bản bằng công cụ toán học.   | 2          | 1                    | Thi viết                       |
| 6               | 1140104     | Toán kinh tế             | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong   | 3          | 1                    | Thi viết                       |

|    |         |   |  |   |   |           |
|----|---------|---|--|---|---|-----------|
|    |         |   | phân tích kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô.   |   |   |           |
|    |         |   | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>   |   |   |           |
| 7  | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 8  | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 9  | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 10 | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 11 | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. | 1 | 1 | Thực hành |
| 12 | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền  | 1 | 1 | Thực hành |
| 13 | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách  | 1 | 1 | Thực hành |

|  |         |                                     |   |   |   |           |
|--|---------|-------------------------------------|---|---|---|-----------|
|  |         |                                     | con người.  |   |   |           |
| <b>Học kỳ 2</b>                          |         |                                     |   |   |   |           |
| 14                                       | 1130299 | Triết học Mác – Lênin               | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.   | 3 | 2 | Thi viết  |
| 15                                       | 1090166 | Tiếng Anh 2                         | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng linh hoạt và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp. | 4 | 2 | Thi viết  |
| 16                                       | 1050243 | Tin học cơ sở (kinh tế)             | Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.   | 3 | 2 | Thi viết  |
| 17                                       | 1130049 | Pháp luật đại cương                 | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.  | 2 | 2 | Thi viết  |
| 18                                       | 1140043 | Kinh tế vi mô 2                     | - Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về kinh tế vi mô. Học phần giúp sinh viên hiểu các mô hình kinh tế, phân tích sâu lý thuyết hành vi người tiêu dùng và lý thuyết hãng, nghiên cứu về các mô hình thị trường và áp dụng các lý thuyết để phân tích vai trò của Chính phủ trong giải quyết các thất bại của thị trường.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở nắm vững kiến thức kinh tế vi mô 1, học phần kinh tế vi mô 2 giúp sinh viên áp dụng lý thuyết kinh tế vi mô để phân tích hành vi các chủ thể trong nền kinh tế cũng như đặc điểm riêng biệt của các thị trường.                        | 3 | 2 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |                                     |   |   |   |           |
| 19                                       | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chức thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 20                                       | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) | Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập hỗ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 21                                       | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)     | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực  | 1 | 2 | Thực hành |

|    |         |   |  |   |   |           |
|----|---------|---|--|---|---|-----------|
|    |         |   | và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.   |   |   |           |
| 22 | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 23 | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng dẫn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tinh tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 24 | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền  | 1 | 2 | Thực hành |
| 25 | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   | 1 | 2 | Thực hành |
|    |         |   | <b>Các học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b>  |   |   |           |
| 26 | 1120168 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1                 | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.   | 3 | 2 | Thi viết  |
| 27 | 1120169 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2                 | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. | 2 | 2 | Thi viết  |
| 28 | 1120170 | Giáo dục quốc phòng-An ninh                   | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về  | 2 | 2 | Thi viết  |



|                 |         |                                    |  |   |   |          |
|-----------------|---------|------------------------------------|--|---|---|----------|
|                 |         | 3                                  | hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.  |   |   |          |
| 29              | 1120171 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4      | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).  | 2 | 2 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 3</b> |         |                                    |  |   |   |          |
| 30              | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin      | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.  | 2 | 3 | Thi viết |
| 31              | 1130144 | Luật đầu tư                        | Học phần trang bị cho người học những kiến thức khá toàn diện về chính sách và pháp luật về đầu tư kinh doanh. Nội dung chương trình học phần Luật Đầu tư trang bị cho người học những quy định pháp luật của Nhà nước ta về bảo đảm đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư, các hình thức đầu tư trong nước và đầu tư ra nước ngoài. Thông qua việc nghiên cứu học phần, người học có thể vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết một số tình huống pháp lý trong thực tiễn đời sống.   | 2 | 3 | Thi viết |
| 32              | 1140187 | Lý thuyết xác suất & thống kê toán | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để tính toán, diễn giải các hiện tượng kinh tế - xã hội.   | 2 | 3 | Thi viết |
| 33              | 1140048 | Nguyên lý kế toán                  | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của các ngành đào tạo thuộc nhóm các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế học vi mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 3 | Thi viết |
| 34              | 1140044 | Kinh tế vĩ mô 2                    | - Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức kinh tế học vĩ mô nâng cao. Đặc biệt là đề cập đến đến những vấn đề liên quan đến nền kinh tế trong dài hạn, như sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân, tiết kiệm, đầu tư...; Đồng thời, học phần giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích sâu về mô hình tổng cầu trong nền kinh tế đóng, mô hình Mundell –Fleming, mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cả trong ngắn hạn và dài hạn.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, học phần sẽ là nền tảng kiến thức ngành và giúp sinh viên phát triển các kiến thức nâng cao của kinh tế học vĩ mô.  | 3 | 3 | Thi viết |
| 35              | 1140140 | Tiếng Anh chuyên ngành             | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kinh tế bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh kinh tế thông qua các bài đọc như Microeconomics, Demand, Supply...   | 2 | 3 | Thi viết |

|  |         |                                     |  |   |   |           |
|--|---------|-------------------------------------|--|---|---|-----------|
|  |         |                                     | <p>và nhiều vấn đề liên quan đến Kinh tế. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần: Practice, Vocabulary, Reading, Meaning, Grammar, and Listening. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được 4 kỹ năng.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này.</p>  |   |   |           |
| 36   | 1150023 | Kinh tế môi trường                  | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức căn bản của kinh tế học vi mô, vĩ mô, học phần sẽ giúp mở rộng các kiến thức kinh tế ứng dụng cho các vấn đề phát triển.</p> | 2 | 3 | Thi viết  |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 3 (chọn 1 học phần)</b> |         |                                     |  |   |   |           |
| 37   | 1140109 | Phương pháp tối ưu trong kinh doanh | <p>- Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức toán cơ bản để mô hình hóa và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong kinh tế và kinh doanh.</p> <p>- Học phần là học phần tự chọn thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Toán cao cấp cho kinh tế, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên trong các học phần như Kinh tế đầu tư, Kinh tế môi trường, Phân tích kinh doanh, Phân tích lợi ích và chi phí.</p>  | 2 | 3 | Thi viết  |
| 38   | 1150131 | Toán tài chính                      | <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.</p> <p>- Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lãi đơn, lãi kép, thương phiếu, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.</p>   | 2 | 3 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>                   |         |                                     |  |   |   |           |
| 39   | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)     | <p>- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tăng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.</p> <p>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.</p>   | 1 | 3 | Thực hành |
| 40   | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) | <p>Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.</p>  | 1 | 3 | Thực hành |
| 41   | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)     | <p>Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.</p>  | 1 | 3 | Thực hành |
| 42   | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)    | <p>- Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.</p> <p>- Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.</p>  | 1 | 3 | Thực hành |

|                 |         |   |  |   |   |           |
|-----------------|---------|---|--|---|---|-----------|
| 43              | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | <p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu ĐỐI KHÁNG nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.</p> <p>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.</p>   | 1 | 3 | Thực hành |
| 44              | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | <p>Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đâm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...</p> <p>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử phát triển Taekwondo</li> <li>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo</li> <li>- Luật thi đấu Taekwondo</li> <li>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công</li> <li>- Kỹ thuật đối luyện</li> <li>- Kỹ thuật quyền</li> </ul>  | 1 | 3 | Thực hành |
| 45              | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | <p>Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.</p>  | 1 | 3 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 4</b> |         |   |  |   |   |           |
| 46              | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | <p>- Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.</p> <p>- Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.</p> | 2 | 4 | Thi viết  |
| 47              | 1140049 | Nguyên lý thống kê kinh tế                    | <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.</p> <p>- Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về thống kê học, các giai đoạn của các quá trình nghiên cứu thống kê, chỉ số thống kê, phân tích hồi quy và tương quan, và dự báo cho dãy số thời gian đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.</p>  | 3 | 4 | Thi viết  |
| 48              | 1140151 | Kế toán dự án đầu tư                          | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức cơ sở ngành để tạo</p>   | 3 | 4 | Thi viết  |

|                 |         |                                |   |   |   |           |
|-----------------|---------|--------------------------------|---|---|---|-----------|
|                 |         |                                | nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch - đầu tư, quản lý và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |           |
| 49              | 1150107 | Tài chính - Tiền tệ            | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.  | 3 | 4 | Thi viết  |
| 50              | 1140133 | Kinh tế phát triển 1           | - Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý phát triển trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển; Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; tìm hiểu và phân tích các mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, các vấn đề về phân phối thu nhập; vai trò của các yếu tố nguồn lực đối với tăng trưởng kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vĩ mô 1, học phần sẽ là nền tảng kiến thức ngành và giúp sinh viên phát triển các kiến thức kinh tế, xã hội. | 3 | 4 | Thi viết  |
| 51              | 1140135 | Kinh tế công cộng 1            | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính hiệu quả của việc điều hành trực tiếp của nhà nước; cũng như các cơ chế, chính sách đặc biệt mà nhà nước có thể can thiệp ứng với từng dạng thất bại của thị trường cụ thể nhằm đảm bảo hiệu quả xã hội trong việc sản xuất các hàng hóa, dịch vụ thuộc khu vực công cộng.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp phát triển khả năng đánh giá các chính sách can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội.   | 3 | 4 | Thi viết  |
| 52              | 1140142 | Kinh tế quốc tế                | - Học phần trang bị các kiến thức căn bản về kinh tế học quốc tế nhằm giúp sinh viên hệ thống các nguyên nhân phát sinh mậu dịch, xác định mô hình và lợi ích mậu dịch; giải thích các chính sách thương mại quốc tế mà các nước áp dụng để hạn chế mậu dịch, phân tích tác hại của nó đối với lợi ích kinh tế quốc gia và toàn cầu; hiểu rõ các xu hướng chính của thương mại quốc tế và lợi ích của sự di chuyển nguồn lực giữa các nước.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô 1 và kinh tế vĩ mô 1, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về kinh tế quốc tế.  | 3 | 4 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 5</b> |         |                                |   |   |   |           |
| 53              | 1130302 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).  | 2 | 5 | Thi viết  |
| 54              | 1150422 | Khởi nghiệp                    | Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy   | 2 | 5 | Thi viết  |

|                 |         |   |   |   |   |          |
|-----------------|---------|---|---|---|---|----------|
|                 |         |   | khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.  |   |   |          |
| 55              | 1140033 | Kinh tế lượng                                   | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế - quản lý.  | 3 | 5 | Thi viết |
| 56              | 1150100 | Tài chính doanh nghiệp                          | - Cung cấp những vấn đề cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp cũng như mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp; doanh thu, chi phí, lợi nhuận; đọc và phân tích báo cáo tài chính; chi phí vốn và cơ cấu nguồn vốn; đánh giá hiệu quả tài chính trong đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 5 | Thi viết |
| 57              | 1140175 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế   | - Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo nghiên cứu.<br>- Học phần này là học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên nắm vững kiến thức Nguyên lý thống kê kinh tế và Kinh tế phát triển/Kinh tế phát triển 1, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học. | 2 | 5 | Thi viết |
| 58              | 1140030 | Kinh tế đầu tư 1                                | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về bản chất của hoạt động đầu tư phát triển; đầu tư công, mối quan hệ giữa đầu tư công và nợ công; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, vốn và nguồn vốn đầu tư.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học, kinh tế phát triển học phần sẽ tạo nền tảng kiến thức về đầu tư phát triển để sinh viên tiếp cận những học phần kiến thức ngành và chuyên ngành chuyên sâu và có tầm nhìn về các vấn đề về kinh tế đầu tư trong thực tế.  | 3 | 5 | Thi viết |
| 59              | 1140138 | Chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về các nội dung liên quan đến hệ thống kế hoạch hóa quốc dân, các chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội và các nguồn tài trợ cho dự án kinh tế xã hội. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp công cụ khung Logic để xây dựng chương trình dự án. Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, là môn học chuyên sâu của chuyên ngành.   | 3 | 5 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 6</b> |         |   |   |   |   |          |
| 60              | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                            | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.  | 2 | 6 | Thi viết |
| 61              | 1140181 | Kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội        | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về lý luận và phương pháp luận để phân tích kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương hay một quốc gia. Đồng thời, học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp thường được sử dụng để xây dựng, thực hiện, giám sát và đánh giá hệ thống kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở  | 2 | 6 | Thi viết |

|  |         |                                    |   |   |   |                  |
|--|---------|------------------------------------|---|---|---|------------------|
|  |         |                                    | sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vĩ mô 1 và kinh tế phát triển 1, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.   |   |   |                  |
| 62                                     | 1140146 | Dự báo kinh tế & Phân tích dữ liệu | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế - xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế lượng, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về dự báo và các phương pháp dự báo trong kinh tế - xã hội tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch- đầu tư, quản lý.   | 3 | 6 | Thi viết         |
| 63                                     | 1140053 | Phân tích lợi ích – chi phí        | - Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của phương pháp phân tích lợi ích chi phí. Đây là phương pháp nhằm đánh giá bằng tiền tất cả lợi ích và chi phí trên quan điểm xã hội của một dự án, một chính sách, hoặc một chương trình phát triển, cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và lựa chọn giữa các phương án.<br>- Học phần là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức cơ bản học phần kinh tế vĩ mô 2, kinh tế công cộng 1, học phần cung cấp kiến thức như một công cụ giúp lựa chọn những phương án tối ưu trong việc phân bổ nguồn lực khan hiếm vào các mục đích sử dụng khác nhau của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 6 | Thi viết         |
| 64                                     | 1140196 | Thực tập nhận thức                 | - Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra và phải gắn với thực tế tại đơn vị thực tập.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, quản lý dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kinh tế và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên..  | 2 | 6 | Báo cáo, vấn đáp |
| <b>Chuyên ngành Kinh tế đầu tư</b>     |         |                                    |   |   |   |                  |
| 65                                     | 1140031 | Kinh tế đầu tư 2                   | Học phần trang bị một cách có hệ thống và toàn diện các kiến thức về công tác quản lý và kế hoạch hóa đầu tư, phân cấp quản lý nhà nước và thẩm quyền chấp thuận đầu tư. Học phần cũng cung cấp các kiến thức để phân biệt, đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về các hoạt động đầu tư đặc biệt là đầu tư phát triển.  | 3 | 6 | Thi viết         |
| 66                                     | 1140046 | Lập dự án đầu tư                   | - Học phần lập dự án cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết lập dự án và vận dụng chúng vào thực tiễn lập dự án ở nước ta. Học phần tập trung vào các vấn đề như: lý luận chung về dự án, chu kỳ dự án, quy trình soạn thảo dự án; phương pháp và các nội dung cần phân tích trong quá trình soạn thảo dự án khả thi như: Khía cạnh thị trường, kỹ thuật, tài chính, kinh tế xã hội của dự án; Vận dụng những vấn đề lý luận trên vào việc lập dự án cụ thể về sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế xã hội.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về tài chính và các hoạt động đầu tư.   | 3 | 6 | Thi viết         |
| <b>Chuyên ngành Kinh tế phát triển</b> |         |                                    |   |   |   |                  |
| 67                                     | 1140136 | Kinh tế công cộng 2                | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Bên cạnh đó, học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các lý thuyết về kinh tế học công cộng để phân tích các hành vi của chính phủ thông qua các công cụ điều tiết nền kinh tế và các chính sách của chính phủ.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế công cộng 1, học phần sẽ giúp nhận  | 3 | 6 | Thi viết         |

|  |         |                                       |   |   |   |          |
|--|---------|---------------------------------------|---|---|---|----------|
|  |         |                                       | diện các lợi ích và chi phí kinh tế khi một chính sách hay một dự án công cộng được đưa ra; đồng thời giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc biểu quyết khi lựa chọn các vấn đề cho khu vực công.   |   |   |          |
| 68   | 1140134 | Kinh tế phát triển 2                  | - Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về các nguồn lực và các chính sách huy động nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế tại Việt Nam nói riêng và các nước đang phát triển nói chung.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế vĩ mô 1, kinh tế phát triển 1, học phần sẽ giúp sinh viên tìm hiểu, lý giải, phân tích các vấn đề kinh tế trong thực tiễn và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên, các nhà hoạch định chính sách trong tương lai.   | 3 | 6 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 6 (chọn 1 học phần)</b> |         |                                       |   |   |   |          |
| 69   | 1140077 | Đầu tư nước ngoài                     | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đầu tư nước ngoài, môi trường đầu tư. Học phần đi sâu vào phân tích nguồn vốn ODA, nguồn vốn FDI và những vấn đề liên quan, phân tích bản chất của môi trường đầu tư; chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, tự do hóa đầu tư.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh phát triển, kinh tế đầu tư 1, kiến thức môn học là nền tảng phát triển kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 6 | Thi viết |
| 70   | 1140143 | Quản lý phát triển địa phương         | - Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận, phương pháp luận và phương pháp chuyên môn về quản lý phát triển địa phương ở cấp tỉnh/thành phố. Giúp cho sinh viên hiểu và biết cách phân tích mối quan hệ kinh tế giữa các địa phương, hình thành các kỹ năng cơ bản để hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội, chiến lược marketing tại địa phương, đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế địa phương, cập nhật các mô hình kinh tế địa phương.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế phát triển 1, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về quản lý các hoạt động phát triển địa phương. | 2 | 6 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 7</b>  |         |                                       |   |   |   |          |
| 71   | 1140040 | Kinh tế và chính sách phát triển vùng | - Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức phát triển vùng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế cũng như các công cụ phát triển kinh tế địa phương. Học phần giúp sinh viên phân tích, đánh giá thực trạng, tiềm năng phát triển kinh tế vùng/địa phương, phân tích thực trạng các vùng kinh tế trọng điểm và xác định quy trình và đưa ra chính sách marketing địa phương vùng/lãnh thổ.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học và kinh tế phát triển, học phần sẽ giúp sinh viên có khả năng vận dụng các lý thuyết kinh tế để đánh giá chính sách tăng trưởng và phát triển kinh tế của từng địa phương, vùng, lãnh thổ.           | 2 | 7 | Thi viết |
| 72   | 1140149 | Chiến lược và kế hoạch kinh doanh     | - Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về xây dựng chiến lược và lập kế hoạch cho công ty. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể phân tích mô hình quản trị chiến lược tổng quát, hệ thống các cách thức đánh giá và phân tích các chiến lược để phối hợp với các bộ phận khác nhau trong công ty lập được chiến lược và kế hoạch hàng năm của công ty.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính doanh nghiệp học phần sẽ giúp phát triển tư duy chiến lược, kỹ năng lãnh đạo, ra quyết định, kỹ năng quản trị sự thay đổi và phát triển tinh thần doanh nghiệp của sinh viên.          | 2 | 7 | Thi viết |
| 73   | 1140011 | Đề án chuyên ngành                    | - Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phân ánh được bản chất của vấn đề đặt ra. Một đề tài nghiên cứu bao gồm các phần chính sau: Đặt vấn đề; mục đích nghiên cứu, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết; Phân tích, tổng hợp, trình bày các  | 2 | 7 | Báo cáo  |

|    |         |                             |   |   |   |          |
|----|---------|-----------------------------|---|---|---|----------|
|    |         |                             | <p>kiến thức liên quan một cách logic; Định hướng giải quyết.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kinh tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển</p>   |   |   |          |
|    |         |                             | <b>Chuyên ngành Kinh tế đầu tư</b>  |   |   |          |
| 74 | 1140075 | Thị trường vốn đầu tư       | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thị trường vốn đầu tư như khái niệm, vai trò, một số loại công cụ đầu tư và các chủ thể tham gia thị trường vốn. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nhận diện và áp dụng được các kiến thức về huy động vốn trên thị trường.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản của kinh tế đầu tư, học phần sẽ giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức về thị trường vốn, trong đó tập trung vào thị trường chứng khoán, từ đó làm cơ sở cho kiến thức nghề nghiệp của sinh viên.</p>   | 2 | 7 | Thi viết |
| 75 | 1140058 | Thẩm định dự án đầu tư      | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết thẩm định dự án đầu tư và vận dụng chúng vào thực tiễn thẩm định dự án ở nước ta. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các quy trình, phương pháp, nội dung, công tác tổ chức thường được thực hiện trong thẩm định dự án; giúp sinh viên thẩm định dự án đầu tư thuộc khu vực nhà nước và tư nhân trong thực tiễn.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức lập dự án, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thẩm định dự án và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 3 | 7 | Thi viết |
| 76 | 1140055 | Quản lý dự án đầu tư        | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về quản lý dự án gồm các mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các bên quản lý dự án. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nhận biết và áp dụng kiến thức vào việc lập kế hoạch quản lý dự án, ứng dụng thực hiện các nội dung khác nhau của quản lý dự án đầu tư trong thực tiễn.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm được những kiến thức chung về kinh tế đầu tư, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức về quản lý dự án, từ đó cung cấp các kiến thức hữu ích cho nghề nghiệp của sinh viên.</p>   | 3 | 7 | Thi viết |
| 77 | 1140122 | Quản lý rủi ro trong đầu tư | <p>- Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về rủi ro trong đầu tư, từ đó giúp cho sinh viên có được các kỹ năng nhận diện các rủi ro trong hoạt động đầu tư, đánh giá các rủi ro để từ đó giúp cho nhà đầu tư xác định được mức độ rủi ro trong các phương án đầu tư nhằm đưa ra các quyết định có nên đầu tư hay không và đầu tư như thế nào là hợp lý. Học phần cũng sẽ đề cập và cách áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro trong đầu tư như: tránh rủi ro, giảm thiểu rủi ro, phong tỏa rủi ro, tự bảo hiểm, bảo hiểm...và các phương pháp mạo hiểm trong đầu tư.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về công thức tính xác suất, hoạt động đầu tư và dự án đầu tư.</p> | 2 | 7 | Thi viết |
|    |         |                             | <b>Chuyên ngành Kinh tế phát triển</b>  |   |   |          |
| 78 | 1140131 | Kinh tế đô thị              | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về đô thị và kinh tế đô thị như khái niệm, phân loại, các yếu tố tăng trưởng đô thị, các vấn đề liên quan đến đô thị. Học phần giúp sinh viên vận dụng các mối quan hệ kinh tế trong phân bố và sử dụng nguồn lực đô thị cho phát triển kinh tế, từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm giải quyết các vấn đề của đô thị.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức các kiến thức kinh tế, học</p>  | 2 | 7 | Thi viết |



|  |         |                                    |   |   |   |          |
|--|---------|------------------------------------|---|---|---|----------|
|  |         |                                    | phần sẽ giúp ứng dụng các công cụ kinh tế trong phát triển đô thị.  |   |   |          |
| 79   | 1140123 | Kinh tế lao động                   | - Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về kinh tế học lao động như cung và cầu lao động, cấu trúc thị trường lao động và các nguyên lý vận hành của thị trường lao động. Học phần giúp sinh viên giải thích được cách vận hành của thị trường lao động, tác động của các chính sách của chính phủ lên các vấn đề tiền lương, việc làm, đề xuất giải pháp và kiến nghị cho các vấn đề lao động – việc làm.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức các kiến thức cơ sở ngành, học phần sẽ vận dụng để phân tích cách thức phân bổ và sử dụng lao động.  | 2 | 7 | Thi viết |
| 80   | 1140137 | Lập và thẩm định dự án             | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết lập và thẩm định dự án đầu tư và vận dụng chúng vào thực tiễn thẩm định dự án ở nước ta. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các quy trình, phương pháp, nội dung, thường sử dụng trong soạn thảo và thẩm định dự án; giúp sinh viên soạn thảo và thẩm định dự án đầu tư thuộc khu vực nhà nước và tư nhân trong thực tiễn.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế đầu tư 1 và Tài chính doanh nghiệp, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức soạn thảo và thẩm định dự án và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.                      | 3 | 7 | Thi viết |
| 81   | 1140139 | Phân tích chính sách phát triển    | - Học phần phân tích chính sách phát triển tập trung giải quyết những vấn đề chung có tính phương pháp luận của phân tích chính sách như: Khái niệm, các nguyên tắc, căn cứ để phân tích chính sách; các loại hình phân tích chính sách. Học phần cũng làm rõ chức năng, vai trò và sự cần thiết phân tích ở mỗi công đoạn của quá trình chính sách; các cách tiếp cận, các mô hình và các phương pháp phân tích thích hợp.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô và kinh tế phát triển.  | 3 | 7 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 7 (chọn 1 học phần)</b> |         |                                    |   |   |   |          |
| <b>Chuyên ngành Kinh tế đầu tư</b>                         |         |                                    |   |   |   |          |
| 82   | 1140111 | Phân tích định lượng trong kinh tế | - Học phần này trang bị cho sinh viên những hệ thống kiến thức về một số phương pháp, công cụ để phục vụ việc ra quyết định, đồng thời giúp sinh viên nhận diện, biết cách đặt và giải các mô hình định lượng cơ bản cho một vài tình huống trong kinh tế và quản trị.<br>- Học phần là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế lượng, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về phân tích định lượng trong kinh tế để giải quyết các bài toán liên quan đến các vấn đề ra quyết định tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch - đầu tư, quản lý. | 2 | 7 | Thi viết |
| 83   | 1140131 | Kinh tế đô thị                     | - Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về đô thị và kinh tế đô thị như khái niệm, phân loại, các yếu tố tăng trưởng đô thị, các vấn đề liên quan đến đô thị. Học phần giúp sinh viên vận dụng các mối quan hệ kinh tế trong phân bổ và sử dụng nguồn lực đô thị cho phát triển kinh tế, từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm giải quyết các vấn đề của đô thị.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức các kiến thức kinh tế, học phần sẽ giúp ứng dụng các công cụ kinh tế trong phát triển đô thị.  | 2 | 7 | Thi viết |
| 84   | 1140071 | Nghiệp vụ Đấu thầu                 | - Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề liên quan đến hoạt động đấu thầu. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương thức tham dự thầu, chấm hồ sơ dự thầu, lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ dự thầu...<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở  | 2 | 7 | Thi viết |

|  |         |                                    |  |   |   |                  |
|--|---------|------------------------------------|--|---|---|------------------|
|  |         |                                    | sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế đầu tư 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu thầu của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |                  |
| 85                                     | 1140123 | Kinh tế lao động                   | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về kinh tế học lao động như cung và cầu lao động, cấu trúc thị trường lao động và các nguyên lý vận hành của thị trường lao động. Học phần giúp sinh viên giải thích được cách vận hành của thị trường lao động, tác động của các chính sách của chính phủ lên các vấn đề tiền lương, việc làm, đề xuất giải pháp và kiến nghị cho các vấn đề lao động – việc làm.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức các kiến thức cơ sở ngành, học phần sẽ vận dụng để phân tích cách thức phân bổ và sử dụng lao động.</p>  | 2 | 7 | Thi viết         |
| <b>Chuyên ngành Kinh tế phát triển</b> |         |                                    |  |   |   |                  |
| 86                                     | 1140071 | Nghiệp vụ Đầu thầu                 | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu thầu. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương thức tham dự thầu, chấm hồ sơ dự thầu, lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ dự thầu...</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế đầu tư 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu thầu của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 2 | 7 | Thi viết         |
| 87                                     | 1140157 | Kế toán hành chính sự nghiệp       | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đơn vị hành chính sự nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, phương pháp quản lý tài chính, các nguyên tắc kế toán và khái quát tình hình tổ chức công tác kế toán. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng phương pháp kế toán phân hành tiền, đầu tư tài chính, hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, nguồn vốn, các khoản thu, chi và xác định kết quả hoạt động cho các đơn vị hành chính sự nghiệp.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển, học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kiểm toán. Trên cơ sở, sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 2 | 7 | Thi viết         |
| 88                                     | 1150005 | Dân số và phát triển               | <p>Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức nền tảng của ngành kinh tế. Học phần trang bị những kiến thức tổng quan về dân số và phát triển, vai trò của dân số tới phát triển kinh tế; các phương pháp phân tích quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số; phân tích mức sinh, mức tử, di dân và đô thị hóa và sự tác động của chúng đến phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời lồng ghép biến dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia, địa phương. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như kinh tế vĩ mô, kinh tế công cộng, kinh tế phát triển, kinh tế đô thị, kinh tế lao động, phân tích chính sách phát triển.</p>   | 2 | 7 | Thi viết         |
| 89                                     | 1140111 | Phân tích định lượng trong kinh tế | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những hệ thống kiến thức về một số phương pháp, công cụ để phục vụ việc ra quyết định, đồng thời giúp sinh viên nhận diện, biết cách đặt và giải các mô hình định lượng cơ bản cho một vài tình huống trong kinh tế và quản trị.</p> <p>- Học phần là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế lượng, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về phân tích định lượng trong kinh tế để giải quyết các bài toán liên quan đến các vấn đề ra quyết định tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch - đầu tư, quản lý.</p>   | 2 | 7 | Thi viết         |
| <b>Học kỳ 8</b>                        |         |                                    |  |   |   |                  |
| 90                                     | 1140010 | Chuyên đề thực tập tốt nghiệp      | <p>- Theo chương trình đào tạo, sau khi kết thúc chương trình lý thuyết ở trường, sinh viên năm thứ tư sẽ thực hiện việc thực tập tại các cơ quan thực tế và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ thực tập.</p>  | 3 | 8 | Báo cáo, vấn đáp |

|    |         |  |  |   |   |                    |
|----|---------|--|--|---|---|--------------------|
|    |         |  | - Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, quản lý dự án, phân tích lợi ích – chi phí,... học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác đầu tư, phát triển các đơn vị, các chương trình kinh tế - xã hội,... và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.  |   |   |                    |
| 91 | 1140197 | Khóa luận tốt nghiệp                   | - Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, quản lý dự án đầu tư, phân tích lợi ích – chi phí,... học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. | 6 | 8 | Báo cáo,<br>Bảo vệ |
|    |         |  | <b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>  |   |   |                    |
|    |         |  | <b>Chuyên ngành Kinh tế đầu tư</b>   |   |   |                    |
| 92 | 1140148 | Thuế và chính sách thuế                | - Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: các vấn đề cơ bản của một sắc thuế; Hướng dẫn kê khai thuế một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam bao gồm thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp; và thuế thu nhập cá nhân.<br>- Học phần thuộc học phần thay thế phần kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp sinh viên kê khai một số sắc thuế cơ bản, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.   | 2 | 8 | Thi viết           |
| 93 | 1140145 | Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về đối tượng, ý nghĩa, nhiệm vụ và các phương pháp của phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh. Học phần cũng đi sâu vào việc giúp sinh viên nắm được và vận dụng được các nội dung chi tiết của phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh để có thể phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp thực tế.<br>- Học phần này thuộc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về phân tích kinh tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 2 | 8 | Thi viết           |
| 94 | 1140198 | Kỹ năng xúc tiến đầu tư                | - Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết về hành vi của nhà đầu tư, hoạt động thu hút đầu tư. Học phần cũng đi sâu phân tích bản chất của hoạt động xúc tiến đầu tư như nội dung, quy trình, cơ quan thực hiện xúc tiến đầu tư và phân tích các kỹ năng, công cụ được sử dụng trong hoạt động xúc tiến đầu tư.<br>- Học phần thuộc kiến thức học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh tế đầu tư, đầu tư nước ngoài; môn học trang bị những kiến thức thực tiễn về hoạt động xúc tiến đầu tư.  | 2 | 8 | Thi viết           |
|    |         |  | <b>Chuyên ngành Kinh tế phát triển</b>   |   |   |                    |
| 95 | 1140148 | Thuế và chính sách thuế                | - Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: các vấn đề cơ bản của một sắc thuế; Hướng dẫn kê khai thuế một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam bao gồm thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp; và thuế thu nhập cá nhân.<br>- Học phần thuộc học phần thay thế phần kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp sinh viên kê khai một số sắc thuế cơ bản, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.   | 2 | 8 | Thi viết           |
| 96 | 1140147 | Phân tích thị trường chứng             | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến chứng khoán, và thị trường   | 2 | 8 | Thi viết           |

|    |         |                         |   |   |   |          |
|----|---------|-------------------------|---|---|---|----------|
|    |         | khoán                   | chứng khoán. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán, phân tích công ty và định giá chứng khoán.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Kiểm toán, thuộc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu tư, tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |          |
| 97 | 1140198 | Kỹ năng xúc tiến đầu tư | - Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết về hành vi của nhà đầu tư, hoạt động thu hút đầu tư. Học phần cũng đi sâu phân tích bản chất của hoạt động xúc tiến đầu tư như nội dung, quy trình, cơ quan thực hiện xúc tiến đầu tư và phân tích các kỹ năng, công cụ được sử dụng trong hoạt động xúc tiến đầu tư.<br>- Học phần thuộc kiến thức học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh tế đầu tư, đầu tư nước ngoài; môn học trang bị những kiến thức thực tiễn về hoạt động xúc tiến đầu tư. | 2 | 8 | Thi viết |

## 5.2. Ngành Kinh tế khóa 45, 46 (Kinh tế kế hoạch và đầu tư)

| TT              | Mã học phần | Tên học phần      | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|-------------|-------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>Học kỳ 1</b> |             |                   |   |            |                      |                                |
| 1               | 2030003     | Kỹ năng giao tiếp | Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.  | 2          | 1                    | Thi viết                       |
| 2               | 1090061     | Tiếng Anh 1       | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.         | 3          | 1                    | Thi viết                       |
| 3               | 1140041     | Kinh tế vi mô 1   | - Học phần này giúp hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến nền kinh tế, lý thuyết cung cầu, phân tích lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi người sản xuất, các vấn đề liên quan đến cấu trúc thị trường và thị trường yếu tố sản xuất cũng như các thất bại của thị trường và các giải pháp điều tiết của chính phủ.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế giúp sinh viên được trang bị kiến thức cho các học phần sau có liên quan. | 3          | 1                    | Thi viết                       |
| 4               | 1140042     | Kinh tế vĩ mô 1   | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan   | 3          | 1                    | Thi viết                       |

|  |         |   |  |   |   |           |
|--|---------|---|--|---|---|-----------|
|  |         |   | đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.<br>- Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế, là môn nền tảng để học tiếp các môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành.   |   |   |           |
| 5  | 1140182 | Toán cao cấp cho kinh tế                      | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector n chiều và ứng dụng của chúng trong kinh tế, giúp cho người học có công cụ để diễn giải một số vấn đề kinh tế - xã hội.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học phân tích một số mối quan hệ kinh tế vi mô và vĩ mô cơ bản bằng công cụ toán học.    | 2 | 1 | Thi viết  |
| 6  | 1130049 | Pháp luật đại cương                           | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.   | 2 | 1 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |   |  |   |   |           |
| 7  | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 8  | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDĐT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp tuyển tài bóng chuyền.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 9  | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 10                                       | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 11                                       | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. | 1 | 1 | Thực hành |
| 12                                       | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:  | 1 | 1 | Thực hành |

|                 |         |                                     |  |   |   |           |
|-----------------|---------|-------------------------------------|--|---|---|-----------|
|                 |         |                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử phát triển Taekwondo</li> <li>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo</li> <li>- Luật thi đấu Taekwondo</li> <li>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công</li> <li>- Kỹ thuật đối luyện</li> <li>- Kỹ thuật quyền</li> </ul>   |   |   |           |
| 13              | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   | 1 | 1 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 2</b> |         |                                     |  |   |   |           |
| 14              | 1130299 | Triết học Mác – Lênin               | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.  | 3 | 2 | Thi viết  |
| 15              | 1090166 | Tiếng Anh 2                         | Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.                               | 4 | 2 | Thi viết  |
| 16              | 1050243 | Tin học cơ sở (kinh tế)             | Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.  | 3 | 2 | Thi viết  |
| 17              | 1140104 | Toán kinh tế                        | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô.   | 3 | 2 | Thi viết  |
| 18              | 1140048 | Nguyên lý kế toán                   | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần Nguyên lý kế toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của các ngành đào tạo thuộc nhóm các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô; học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính | 3 | 2 | Thi viết  |

|    |         |   |  |   |   |           |
|----|---------|---|--|---|---|-----------|
|    |         |   | của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  |   |   |           |
| 19 | 1140043 | Kinh tế vi mô 2                               | - Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về kinh tế vi mô. Học phần giúp sinh viên hiểu các mô hình kinh tế, phân tích sâu lý thuyết hành vi người tiêu dùng và lý thuyết hăng, nghiên cứu về các mô hình thị trường và áp dụng các lý thuyết để phân tích vai trò của Chính phủ trong giải quyết các thất bại của thị trường.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở nắm vững kiến thức kinh tế vi mô 1, học phần kinh tế vi mô 2 giúp sinh viên áp dụng lý thuyết kinh tế vi mô để phân tích hành vi các chủ thể trong nền kinh tế cũng như đặc điểm riêng biệt của các thị trường. | 3 | 2 | Thi viết  |
|    |         |   | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>   |   |   |           |
| 20 | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 21 | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2)           | Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyên. Một số bài tập hỗ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 22 | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 23 | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 24 | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng dẫn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tinh tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 25 | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền  | 1 | 2 | Thực hành |
| 26 | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ                       | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và   | 1 | 2 | Thực hành |

|                 |         |  |  |   |   |          |
|-----------------|---------|--|--|---|---|----------|
|                 |         | Karatedo 2)  | huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  |   |   |          |
|                 |         |  | <b>Các học phần Giáo dục Quốc phòng, An ninh</b>   |   |   |          |
| 27              | 115001  | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.   | 3 | 2 | Thi viết |
| 28              | 115002  | Công tác Quốc phòng, An ninh                               | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. | 2 | 2 | Thi viết |
| 29              | 115003  | Quân sự chung  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.  | 2 | 2 | Thi viết |
| 30              | 115004  | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật                  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).  | 2 | 2 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 3</b> |         |  |  |   |   |          |
| 31              | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                              | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.  | 2 | 3 | Thi viết |
| 32              | 1130144 | Luật đầu tư  | Học phần trang bị cho người học những kiến thức khá toàn diện về chính sách và pháp luật về đầu tư kinh doanh. Nội dung chương trình học phần Luật Đầu tư trang bị cho người học những quy định pháp luật của Nhà nước ta về bảo đảm đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư, các hình thức đầu tư trong nước và đầu tư ra nước ngoài. Thông qua việc nghiên cứu học phần, người học có thể vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết một số tình huống pháp lý trong thực tiễn đời sống.   | 2 | 3 | Thi viết |
| 33              | 1140187 | Lý thuyết xác suất & thống kê toán                         | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm: biến cố và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.<br>- Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để tính toán, diễn giải các hiện tượng kinh  | 2 | 3 | Thi viết |



|    |         |                                     |   |   |   |          |
|----|---------|-------------------------------------|---|---|---|----------|
|    |         |                                     | tế - xã hội.  |   |   |          |
| 34 | 1150107 | Tài chính - Tiền tệ                 | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính và tiền tệ. Nội dung kiến thức tài chính cụ thể như tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước và tài chính quốc tế. Về tiền tệ, học phần sẽ cung cấp kiến thức về bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát tiền tệ, lãi suất, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và việc sử dụng công cụ chính sách tiền tệ trong các điều kiện của nền kinh tế. Kiến thức học phần này là nền tảng giúp cho sinh viên học tốt các môn học trong chuyên ngành kinh tế, kế toán, kiểm toán và quản trị kinh doanh.  | 3 | 3 | Thi viết |
| 35 | 1140044 | Kinh tế vĩ mô 2                     | - Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức kinh tế học vĩ mô nâng cao. Đặc biệt là đề cập đến những vấn đề liên quan đến nền kinh tế trong dài hạn, như sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân, tiết kiệm, đầu tư...; Đồng thời, học phần giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích sâu về mô hình tổng cầu trong nền kinh tế đóng, mô hình Mundell –Fleming, mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cả trong ngắn hạn và dài hạn.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, học phần sẽ là nền tảng kiến thức ngành và giúp sinh viên phát triển các kiến thức nâng cao của kinh tế học vĩ mô.   | 3 | 3 | Thi viết |
| 36 | 1140140 | Tiếng Anh chuyên ngành              | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kinh tế bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh kinh tế thông qua các bài đọc như Microeconomics, Demand, Supply... và nhiều vấn đề liên quan đến Kinh tế. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần: Practice, Vocabulary, Reading, Meaning, Grammar, and Listening. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được 4 kỹ năng.<br>- Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tiếng Anh cơ bản - Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này.   | 2 | 3 | Thi viết |
| 37 | 1150023 | Kinh tế môi trường                  | - Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán; thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức căn bản của kinh tế học vi mô, vĩ mô, học phần sẽ giúp mở rộng các kiến thức kinh tế ứng dụng cho các vấn đề phát triển. | 2 | 3 | Thi viết |
|    |         |                                     | <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 3 (chọn 1 học phần)</b>  |   |   |          |
| 38 | 1140109 | Phương pháp tối ưu trong kinh doanh | - Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức toán cơ bản để mô hình hóa và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong kinh tế và kinh doanh.<br>- Học phần là học phần tự chọn thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Toán cao cấp cho kinh tế, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên trong các học phần như Kinh tế đầu tư, Kinh tế môi trường, Phân tích kinh doanh, Phân tích lợi ích và chi phí.  | 2 | 3 | Thi viết |
| 39 | 1150131 | Toán tài chính                      | - Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.<br>- Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lãi đơn, lãi kép, thương phiếu, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn và trái phiếu.   | 2 | 3 | Thi viết |
|    |         |                                     | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>  |   |   |          |

|                 |         |   |   |   |   |           |
|-----------------|---------|---|---|---|---|-----------|
| 40              | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tăng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | 3 | Thực hành |
| 41              | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)           | Học phân trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyên. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 42              | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phân trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 43              | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | - Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>- Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 44              | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng dẫn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. | 1 | 3 | Thực hành |
| 45              | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jireugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 3 | Thực hành |
| 46              | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karatedo sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 3 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 4</b> |         |   |   |   |   |           |
| 47              | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | - Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc,  | 2 | 4 | Thi viết  |

|    |         |                            |   |   |   |           |
|----|---------|----------------------------|---|---|---|-----------|
|    |         |                            | tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.<br>- Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.   |   |   |           |
| 48 | 1140049 | Nguyên lý thống kê kinh tế | - Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế.<br>- Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về thống kê học, các giai đoạn của các quá trình nghiên cứu thống kê, chỉ số thống kê, phân tích hồi quy và tương quan, và dự báo cho dãy số thời gian đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.  | 3 | 4 | Thi viết  |
| 49 | 1140151 | Kế toán dự án đầu tư       | - Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kế toán trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên tìm hiểu nghiệp vụ kế toán tại các đơn vị kinh doanh xây lắp, đơn vị chủ đầu tư và ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển kiến thức cơ sở ngành để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch - đầu tư, quản lý và hỗ trợ kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 3 | 4 | Thi viết  |
| 50 | 1150100 | Tài chính doanh nghiệp     | - Cung cấp những vấn đề cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp cũng như mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp; doanh thu, chi phí, lợi nhuận; đọc và phân tích báo cáo tài chính; chi phí vốn và cơ cấu nguồn vốn; đánh giá hiệu quả tài chính trong đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   | 2 | 4 | Thi viết  |
| 51 | 1140133 | Kinh tế phát triển 1       | - Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý phát triển trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển; Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; tìm hiểu và phân tích các mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, các vấn đề về phân phối thu nhập; vai trò của các yếu tố nguồn lực đối với tăng trưởng kinh tế.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vĩ mô 1, học phần sẽ là nền tảng kiến thức ngành và giúp sinh viên phát triển các kiến thức kinh tế, xã hội. | 3 | 4 | Thi viết  |
| 52 | 1140135 | Kinh tế công cộng 1        | - Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính hiệu quả của việc điều hành trực tiếp của nhà nước; cũng như các cơ chế, chính sách đặc biệt mà nhà nước có thể can thiệp ứng với từng dạng thất bại của thị trường cụ thể nhằm đảm bảo hiệu quả xã hội trong việc sản xuất các hàng hóa, dịch vụ thuộc khu vực công cộng.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần sẽ giúp phát triển khả năng đánh giá các chính sách can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội.   | 3 | 4 | Thi viết  |
| 53 | 1140142 | Kinh tế quốc tế            | - Học phần trang bị các kiến thức căn bản về kinh tế học quốc tế nhằm giúp sinh viên hệ thống các nguyên nhân phát sinh mậu dịch, xác định mô hình và lợi ích mậu dịch; giải thích các chính sách thương mại quốc tế  | 3 | 4 | Thực hành |

|                 |         |   |  |   |   |          |
|-----------------|---------|---|--|---|---|----------|
|                 |         |   | mà các nước áp dụng để hạn chế mậu dịch, phân tích tác hại của nó đối với lợi ích kinh tế quốc gia và toàn cầu; hiểu rõ các xu hướng chính của thương mại quốc tế và lợi ích của sự di chuyển nguồn lực giữa các nước.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô 1 và kinh tế vĩ mô 1, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về kinh tế quốc tế.  |   |   |          |
| <b>Học kỳ 5</b> |         |   |  |   |   |          |
| 54              | 1130302 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                  | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).   | 2 | 5 | Thi viết |
| 55              | 1150422 | Khởi nghiệp                                     | Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên. | 2 | 5 | Thi viết |
| 56              | 1140033 | Kinh tế lượng                                   | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy – một công cụ hữu hiệu trong phân tích và dự báo kinh tế - xã hội. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên xây dựng được mô hình; phân tích hồi quy và kiểm định các khuyết tật của mô hình. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thực hành xử lý số liệu trên phần mềm Eviews.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về thống kê, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về thiết lập mô hình, phân tích hồi quy là nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế - quản lý.   | 3 | 5 | Thi viết |
| 57              | 1140175 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế   | - Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo nghiên cứu.<br>- Học phần này là học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên nắm vững kiến thức Nguyên lý thống kê kinh tế và Kinh tế phát triển/Kinh tế phát triển 1, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học.  | 2 | 5 | Thi viết |
| 58              | 1140030 | Kinh tế đầu tư 1                                | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan nhất về bản chất của hoạt động đầu tư phát triển; đầu tư công, mối quan hệ giữa đầu tư công và nợ công; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, vốn và nguồn vốn đầu tư.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học, kinh tế phát triển học phần sẽ tạo nền tảng kiến thức về đầu tư phát triển để sinh viên tiếp cận những học phần kiến thức ngành và chuyên ngành chuyên sâu và có tầm nhìn về các vấn đề về kinh tế đầu tư trong thực tế.   | 3 | 5 | Thi viết |
| 59              | 1140138 | Chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội | Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về các nội dung liên quan đến hệ thống kế hoạch hóa quốc dân, các chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội và các nguồn tài trợ cho dự án kinh tế xã hội. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp công cụ khung Logic để xây dựng chương trình dự án. Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, là môn học chuyên sâu của chuyên ngành.  | 3 | 5 | Thi viết |
| 60              | 1140181 | Kế hoạch hóa phát triển kinh tế                 | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về lý luận và phương pháp luận để phân tích kế   | 2 | 5 | Thi viết |

|                 |         |                                    |   |   |   |                  |
|-----------------|---------|------------------------------------|---|---|---|------------------|
|                 |         | -xã hội                            | hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương hay một quốc gia. Đồng thời, học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương pháp thường được sử dụng để xây dựng, thực hiện, giám sát và đánh giá hệ thống kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội trong nền kinh tế thị trường.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vĩ mô 1 và kinh tế phát triển 1, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.   |   |   |                  |
| <b>Học kỳ 6</b> |         |                                    |   |   |   |                  |
| 61              | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh               | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.  | 2 | 6 | Thi viết         |
| 62              | 1140146 | Dự báo kinh tế & Phân tích dữ liệu | - Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế - xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp.<br>- Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế lượng, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về dự báo và các phương pháp dự báo trong kinh tế - xã hội tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch- đầu tư, quản lý.   | 3 | 6 | Thi viết         |
| 63              | 1140053 | Phân tích lợi ích – chi phí        | - Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của phương pháp phân tích lợi ích chi phí. Đây là phương pháp nhằm đánh giá bằng tiền tất cả lợi ích và chi phí trên quan điểm xã hội của một dự án, một chính sách, hoặc một chương trình phát triển, cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và lựa chọn giữa các phương án.<br>- Học phần là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức cơ bản học phần kinh tế vi mô 2, kinh tế công cộng 1, học phần cung cấp kiến thức như một công cụ giúp lựa chọn những phương án tối ưu trong việc phân bổ nguồn lực khan hiếm vào các mục đích sử dụng khác nhau của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 6 | Thi viết         |
| 64              | 1140196 | Thực tập nhận thức                 | - Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra và phải gắn với thực tế tại đơn vị thực tập.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, quản lý dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội,..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về kinh tế và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên..  | 2 | 6 | Báo cáo, vấn đáp |
| 65              | 1140031 | Kinh tế đầu tư 2                   | - Học phần trang bị một cách có hệ thống và toàn diện các kiến thức về công tác quản lý và kế hoạch hóa đầu tư, phân cấp quản lý nhà nước và thẩm quyền chấp thuận đầu tư. Học phần cũng cung cấp các kiến thức để phân biệt, đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về các hoạt động đầu tư đặc biệt là đầu tư phát triển.  | 3 | 6 | Thi viết         |
| 66              | 1140228 | Lập dự án đầu tư                   | - Học phần lập dự án cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết lập dự án và vận dụng chúng vào thực tiễn lập dự án ở nước ta. Học phần tập trung vào các vấn đề như: lý luận chung về dự án, chu kỳ dự án, quy trình soạn thảo dự án; phương pháp và các nội dung cần phân tích trong quá trình soạn thảo dự án khả thi như: Khía  | 2 | 6 | Thi viết         |

|                 |         |                                       |  |   |   |          |
|-----------------|---------|---------------------------------------|--|---|---|----------|
|                 |         |                                       | <p> cạnh thị trường, kỹ thuật, tài chính, kinh tế xã hội của dự án; Vận dụng những vấn đề lý luận trên vào việc lập dự án cụ thể về sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về tài chính và các hoạt động đầu tư.</p>   |   |   |          |
| 67              | 1140071 | Nghiệp vụ Đầu thầu                    | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu thầu. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương thức tham dự thầu, chấm hồ sơ dự thầu, lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ dự thầu...</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế đầu tư 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu thầu của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 2 | 6 | Thi viết |
|                 |         |                                       | <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 6 (chọn 1 học phần)</b>   |   |   |          |
| 68              | 1140077 | Đầu tư nước ngoài                     | <p>Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về đầu tư nước ngoài, môi trường đầu tư. Học phần đi sâu vào phân tích nguồn vốn ODA, nguồn vốn FDI và những vấn đề liên quan, phân tích bản chất của môi trường đầu tư; chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, tự do hóa đầu tư.</p> <p>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh phát triển, kinh tế đầu tư 1, kiến thức môn học là nền tảng phát triển kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>  | 2 | 6 | Thi viết |
| 69              | 1140143 | Quản lý phát triển địa phương         | <p>- Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận, phương pháp luận và phương pháp chuyên môn về quản lý phát triển địa phương ở cấp tỉnh/thành phố. Giúp cho sinh viên hiểu và biết cách phân tích mối quan hệ kinh tế giữa các địa phương, hình thành các kỹ năng cơ bản để hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội, chiến lược marketing tại địa phương, đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế địa phương, cập nhật các mô hình kinh tế địa phương.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế phát triển 1, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về quản lý các hoạt động phát triển địa phương.</p> | 2 | 6 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 7</b> |         |                                       |  |   |   |          |
| 70              | 1140040 | Kinh tế và chính sách phát triển vùng | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức phát triển vùng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế cũng như các công cụ phát triển kinh tế địa phương. Học phần giúp sinh viên phân tích, đánh giá thực trạng, tiềm năng phát triển kinh tế vùng/địa phương, phân tích thực trạng các vùng kinh tế trọng điểm và xác định quy trình và đưa ra chính sách marketing địa phương vùng/lãnh thổ.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học và kinh tế phát triển, học phần sẽ giúp sinh viên có khả năng vận dụng các lý thuyết kinh tế để đánh giá chính sách tăng trưởng và phát triển kinh tế của từng địa phương, vùng, lãnh thổ.</p>           | 2 | 7 | Thi viết |
| 71              | 1140149 | Chiến lược và kế hoạch kinh doanh     | <p>- Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về xây dựng chiến lược và lập kế hoạch cho công ty. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể phân tích mô hình quản trị chiến lược tổng quát, hệ thống các cách thức đánh giá và phân tích các chiến lược để phối hợp với các bộ phận khác nhau trong công ty lập được chiến lược và kế hoạch hàng năm của công ty.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính doanh nghiệp học phần sẽ giúp phát triển tư duy chiến lược, kỹ năng lãnh đạo, ra quyết định, kỹ năng quản trị sự thay đổi và phát triển tinh thần doanh nghiệp của sinh viên.</p>          | 2 | 7 | Thi viết |
| 72              | 1140011 | Đề án chuyên ngành                    | <p>- Trên cơ sở kiến thức chuyên ngành đã được học, sinh viên phải chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu</p>   | 2 | 7 | Báo cáo  |

|  |         |   |  |   |   |           |
|--|---------|---|--|---|---|-----------|
|  |         |   | <p>một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra. Một đề tài nghiên cứu bao gồm các phần chính sau: Đặt vấn đề: mục đích nghiên cứu, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết; Phân tích, tổng hợp, trình bày các kiến thức liên quan một cách logic; Định hướng giải quyết.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, ..., học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kinh tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển</p>  |   |   |           |
| 73   | 1140075 | Thị trường vốn đầu tư                   | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thị trường vốn đầu tư như khái niệm, vai trò, một số loại công cụ đầu tư và các chủ thể tham gia thị trường vốn. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nhận diện và áp dụng được các kiến thức về huy động vốn trên thị trường.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản của kinh tế đầu tư, học phần sẽ giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức về thị trường vốn, trong đó tập trung vào thị trường chứng khoán, từ đó làm cơ sở cho kiến thức nghề nghiệp của sinh viên.</p>  | 2 | 7 | Thi viết  |
| 74   | 1140229 | Thẩm định dự án đầu tư                  | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết thẩm định dự án đầu tư và vận dụng chúng vào thực tiễn thẩm định dự án ở nước ta. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các quy trình, phương pháp, nội dung, công tác tổ chức thường được thực hiện trong thẩm định dự án; giúp sinh viên thẩm định dự án đầu tư thuộc khu vực nhà nước và tư nhân trong thực tiễn.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức lập dự án, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thẩm định dự án và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p>   | 2 | 7 | Thi viết  |
| 75   | 1140055 | Quản lý dự án đầu tư                    | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về quản lý dự án gồm các mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các bên quản lý dự án. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nhận biết và áp dụng kiến thức vào việc lập kế hoạch quản lý dự án, ứng dụng thực hiện các nội dung khác nhau của quản lý dự án đầu tư trong thực tiễn.</p> <p>- Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm được những kiến thức chung về kinh tế đầu tư, học phần sẽ giúp sinh viên phát triển các kiến thức về quản lý dự án, từ đó cung cấp các kiến thức hữu ích cho nghề nghiệp của sinh viên.</p>  | 3 | 7 | Thi viết  |
| 76   | 1140230 | Thực hành lập và thẩm định dự án đầu tư |  | 2 | 7 | Thực hành |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 7 (chọn 2 học phần)</b> |         |   |  |   |   |           |
| 77   | 1140111 | Phân tích định lượng trong kinh tế      | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những hệ thống kiến thức về một số phương pháp, công cụ để phục vụ việc ra quyết định, đồng thời giúp sinh viên nhận diện, biết cách đặt và giải các mô hình định lượng cơ bản cho một vài tình huống trong kinh tế và quản trị.</p> <p>- Học phần là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế lượng, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về phân tích định lượng trong kinh tế để giải quyết các bài toán liên quan đến các vấn đề ra quyết định tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch - đầu tư, quản lý.</p> | 2 | 7 | Thi viết  |
| 78   | 1140131 | Kinh tế đô thị                          | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về đô thị và kinh tế đô thị như khái niệm, phân loại, các yếu tố tăng trưởng đô thị, các vấn đề liên quan đến đô thị. Học phần giúp sinh viên vận dụng các mối quan hệ kinh tế trong phân bổ và sử dụng nguồn lực đô thị cho phát triển kinh tế, từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm giải quyết các vấn đề của đô thị.</p>   | 2 | 7 | Thi viết  |

|   |         |                               |  |   |   |                  |
|---|---------|-------------------------------|--|---|---|------------------|
|   |         |                               | - Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức các kiến thức kinh tế, học phần sẽ giúp ứng dụng các công cụ kinh tế trong phát triển đô thị.  |   |   |                  |
| 79  | 1140122 | Quản lý rủi ro trong đầu tư   | - Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về rủi ro trong đầu tư, từ đó giúp cho sinh viên có được các kỹ năng nhận diện các rủi ro trong hoạt động đầu tư, đánh giá các rủi ro để từ đó giúp cho nhà đầu tư xác định được mức độ rủi ro trong các phương án đầu tư nhằm đưa ra các quyết định có nên đầu tư hay không và đầu tư như thế nào là hợp lý. Học phần cũng sẽ đề cập và cách áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro trong đầu tư như: tránh rủi ro, giảm thiểu rủi ro, phong tỏa rủi ro, tự bảo hiểm, bảo hiểm...và các phương pháp mạo hiểm trong đầu tư.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về công thức tính xác suất, hoạt động đầu tư và dự án đầu tư. | 2 | 7 | Thi viết         |
| 80  | 1140123 | Kinh tế lao động              | - Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về kinh tế học lao động như cung và cầu lao động, cấu trúc thị trường lao động và các nguyên lý vận hành của thị trường lao động. Học phần giúp sinh viên giải thích được cách vận hành của thị trường lao động, tác động của các chính sách của chính phủ lên các vấn đề tiền lương, việc làm, đề xuất giải pháp và kiến nghị cho các vấn đề lao động – việc làm.<br>- Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức các kiến thức cơ sở ngành, học phần sẽ vận dụng để phân tích cách thức phân bổ và sử dụng lao động.   | 2 | 7 | Thi viết         |
| <b>Học kỳ 8</b>                                   |         |                               |  |   |   |                  |
| 81  | 1140010 | Chuyên đề thực tập tốt nghiệp | - Theo chương trình đào tạo, sau khi kết thúc chương trình lý thuyết ở trường, sinh viên năm thứ tư sẽ thực hiện việc thực tập tại các cơ quan thực tế và hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện thực tế tại đơn vị thực tập do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ thực tập.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, quản lý dự án, phân tích lợi ích – chi phí,... học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác đầu tư, phát triển các đơn vị, các chương trình kinh tế - xã hội,... và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.  | 3 | 8 | Báo cáo, vấn đáp |
| 82  | 1140197 | Khóa luận tốt nghiệp          | - Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như: mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề tại đơn vị thực tập; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập.<br>- Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, quản lý dự án đầu tư, phân tích lợi ích – chi phí,... học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển và các kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.                 | 6 | 8 | Báo cáo, Bảo vệ  |
| <b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b> |         |                               |  |   |   |                  |
| 83  | 1140148 | Thuế và chính sách thuế       | - Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: các vấn đề cơ bản của một sắc thuế; Hướng dẫn kê khai thuế một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam bao gồm thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp; và thuế thu nhập cá nhân.<br>- Học phần thuộc học phần thay thế phân kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp sinh viên kê khai một số sắc thuế cơ bản, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.   | 2 | 8 | Thi viết         |



|    |         |  |  |   |   |          |
|----|---------|--|--|---|---|----------|
| 84 | 1140145 | Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh | <p>- Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về đối tượng, ý nghĩa, nhiệm vụ và các phương pháp của phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh. Học phần cũng đi sâu vào việc giúp sinh viên nắm được và vận dụng được các nội dung chi tiết của phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh để có thể phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp thực tế.</p> <p>- Học phần này thuộc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về phân tích kinh tế của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.</p> | 2 | 8 | Thi viết |
| 85 | 1140198 | Kỹ năng xúc tiến đầu tư                | <p>- Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết về hành vi của nhà đầu tư, hoạt động thu hút đầu tư. Học phần cũng đi sâu phân tích bản chất của hoạt động xúc tiến đầu tư như nội dung, quy trình, cơ quan thực hiện xúc tiến đầu tư và phân tích các kỹ năng, công cụ được sử dụng trong hoạt động xúc tiến đầu tư.</p> <p>- Học phần thuộc kiến thức học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và Kinh tế phát triển. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về kinh tế đầu tư, đầu tư nước ngoài; môn học trang bị những kiến thức thực tiễn về hoạt động xúc tiến đầu tư.</p>   | 2 | 8 | Thi viết |

### 5.3 Ngành Kinh tế khóa 47 (Kinh tế kế hoạch và đầu tư)

| TT              | Mã học phần | Tên học phần      | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|-------------|-------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>Học kỳ 1</b> |             |                   |  |            |                      |                                |
| 1               | 2030003     | Kỹ năng giao tiếp | Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được tổ chức giảng dạy trong năm học thứ nhất trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.   | 2          | 1                    | Thi viết                       |
| 2               | 1090061     | Tiếng Anh 1       | Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ và được giảng dạy ở học kỳ 1 của năm 1. Học phần này giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức ở cấp độ tiên trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh. Các kỹ năng ngôn ngữ được lồng ghép tương thích với nội dung giáo trình có tính thực tiễn cao, giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc nhóm. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như Tiếng Anh chuyên ngành và Kỹ năng giao tiếp.   | 3          | 1                    | Thi viết                       |
| 3               | 1140041     | Kinh tế vi mô 1   | Kinh tế vi mô 1 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được giảng dạy vào học kỳ 1 của chương trình đào tạo. Học phần nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng trong nền kinh tế thị trường giúp sinh viên được trang bị kiến thức cho các học phần sau có liên quan. Khác với Kinh tế vi mô nghiên cứu nền kinh tế như một tổng thể, Kinh tế vi mô 1 tập trung vào việc phân tích các hành vi của các chủ thể kinh tế như người sản xuất, người tiêu dùng, kể cả Chính phủ trên từng thị trường riêng biệt. Đây là học phần đầu tiên cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về nền kinh tế cũng như các quy luật hoạt động, vận hành của nền kinh tế giúp sinh viên được trang bị những kiến thức đầu tiên làm nền tảng cho các học phần về hoạt động đầu tư và kế hoạch sau này. | 3          | 1                    | Thi viết                       |
| 4               | 1140042     | Kinh tế vĩ mô 1   | Học phần Kinh tế vĩ mô 1 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành thuộc khối kinh tế. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hiểu biết về nguyên lý của kinh tế học, các vấn đề kinh tế vĩ mô như sản lượng  | 3          | 1                    | Thi viết                       |

|  |         |   |  |   |   |           |
|--|---------|---|--|---|---|-----------|
|  |         |   | quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ để có thể vận dụng vào công tác chuyên môn. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các kiến thức liên quan đến nền kinh tế mở như cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái.  |   |   |           |
| 5  | 1140182 | Toán cao cấp cho kinh tế                      | Học phần Toán cao cấp cho kinh tế là học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ và được học ở học kỳ thứ 1. Học phần đề cập đến các nội dung về đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế. Học phần cung cấp cho sinh viên các công cụ toán để diễn giải và giải quyết một số mối quan hệ cơ bản trong kinh tế.  | 2 | 1 | Thi viết  |
| 6  | 1130049 | Pháp luật đại cương                           | Học phần được triển khai giảng dạy trong Kỳ 1, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật; đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của pháp luật từ đó hình thành ý thức và kỹ năng thực hiện pháp luật trong thực tiễn cuộc sống.  | 2 | 1 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b> |         |   |  |   |   |           |
| 7  | 1120172 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 8  | 1120175 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyên 1)           | Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyên.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 9  | 1120178 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  | 1 | 1 | Thực hành |
| 10                                       | 1120181 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 1 | Thực hành |
| 11                                       | 1120184 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. | 1 | 1 | Thực hành |
| 12                                       | 1120187 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo   | 1 | 1 | Thực hành |

|                 |         |                                     |   |   |   |           |
|-----------------|---------|-------------------------------------|---|---|---|-----------|
|                 |         |                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thi đấu Taekwondo</li> <li>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công</li> <li>- Kỹ thuật đối luyện</li> <li>- Kỹ thuật quyền</li> </ul>  |   |   |           |
| 13              | 1120190 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   | 1 | 1 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 2</b> |         |                                     |   |   |   |           |
| 14              | 1130299 | Triết học Mác – Lênin               | Là một trong những môn học bắt buộc trong chương trình bậc đại học được dạy vào học kỳ 2 của chương trình đào tạo, góp phần cung cấp thế giới quan và phương pháp luận để học tập các học phần tiếp theo và cho hoạt động thực tiễn, khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác – Lênin nói riêng như giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành; những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin... Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử. | 3 | 2 | Thi viết  |
| 15              | 1090166 | Tiếng Anh 2                         | Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ và được giảng dạy ở học kỳ 2 năm 1. Học phần này giúp trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp đã học trong học phần Tiếng Anh 1. Các kỹ năng ngôn ngữ được lồng ghép tương thích với nội dung giáo trình có tính thực tiễn cao, giúp sinh viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc nhóm. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như Tiếng Anh chuyên ngành và Kỹ năng giao tiếp.   | 4 | 2 | Thi viết  |
| 16              | 1050239 | Tin học cơ sở                       | Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của ngành học, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.  | 3 | 2 | Thi viết  |
| 17              | 1140104 | Toán kinh tế                        | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toán giải tích cơ bản về hàm số một biến, hàm số nhiều biến, phép toán tích phân, phương trình vi phân, phương trình sai phân và những ứng dụng của chúng trong phân tích kinh tế.<br>Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của khối ngành Kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã nắm rõ các khái niệm cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, học phần giúp người học hiểu được cách thức áp dụng các công cụ toán học để giải quyết các bài toán kinh tế, đặc biệt là hỗ trợ quá trình ra quyết định trong kinh tế học vi mô.  | 3 | 2 | Thi viết  |
| 18              | 1140048 | Nguyên lý kế toán                   | Học phần cung cấp kiến thức cơ sở khối ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế, được bố trí vào học kỳ 2. Học phần này cung cấp cho sinh viên hiểu biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp, học phần đề cập đến một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hóa những nét tổng quan nhất về đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc kế toán chung; các phương pháp sử dụng trong hạch toán kế toán; một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong thực tiễn. Học phần có mối quan hệ với học phần Phân tích lợi ích chi phí.   | 3 | 2 | Thi viết  |
| 19              | 1140043 | Kinh tế vi mô 2                     | Kinh tế vi mô 2 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được học vào học kỳ thứ 2. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu tiếp nối kiến thức của học phần Kinh tế vi mô 1. Nội dung chính của học phần giúp sinh viên nâng cao tính ứng dụng của các lý thuyết kinh tế thông qua việc vận dụng các lý   | 3 | 2 | Thi viết  |

|    |         |   |  |   |   |           |
|----|---------|---|--|---|---|-----------|
|    |         |   | thuyết về hành vi của người tiêu dùng, lý thuyết về độc quyền, cạnh tranh trong doanh nghiệp để giải thích các hiện tượng kinh tế hoặc đưa ra các quyết định kinh tế trong các tình huống có liên quan. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức về thất bại của nền kinh tế thị trường để làm cơ sở giải thích cho sự can thiệp của Chính phủ.  |   |   |           |
|    |         |   | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>   |   |   |           |
| 20 | 1120173 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 21 | 1120176 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyên 2)           | Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyên. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyên bóng thấp tay], chuyên bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 22 | 1120179 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.  | 1 | 2 | Thực hành |
| 23 | 1120182 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.<br>+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.   | 1 | 2 | Thực hành |
| 24 | 1120185 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng dẫn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tinh tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. | 1 | 2 | Thực hành |
| 25 | 1120188 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền   | 1 | 2 | Thực hành |
| 26 | 1120191 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.  | 1 | 2 | Thực hành |

| <b>Các học phần Giáo dục Quốc phòng, An ninh</b> |         |  |   |   |   |          |
|--|---------|--|---|---|---|----------|
| 27   | 115001  | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.   | 3 | 2 | Thi viết |
| 28   | 115002  | Công tác Quốc phòng, An ninh                               | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.  | 2 | 2 | Thi viết |
| 29   | 115003  | Quân sự chung  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.   | 2 | 2 | Thi viết |
| 30   | 115004  | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật                  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).   | 2 | 2 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 3</b>                                  |         |  |   |   |   |          |
| 31   | 1130300 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                              | Là một trong những học phần bắt buộc trong chương trình bậc đại học, được dạy vào học kỳ 3 của chương trình đào tạo, góp phần cung cấp các quan điểm chính trị đúng đắn cho người học. Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học, cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 bàn về những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. | 2 | 3 | Thi viết |
| 32   | 1150035 | Marketing căn bản  | Học phần cung cấp kiến thức nền tảng của ngành kinh tế và dự kiến bố trí vào học kỳ 3 của chương trình đào tạo. Học phần đề cập đến các nội dung về marketing, các quan điểm quản trị marketing; hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; môi trường marketing và hành vi mua của khách hàng; phân đoạn thị trường; lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm;... nhằm trang bị cho người học những kiến thức căn bản và kỹ năng cần thiết để lựa chọn các công cụ tối ưu của marketing-mix để tác động vào thị trường mục tiêu, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng mục tiêu và đạt được các mục tiêu đã đặt ra của doanh nghiệp. Học phần có quan hệ hỗ trợ với học phần quản lý phát triển địa phương và một số học phần khác trong chương trình đào tạo.  | 3 | 3 | Thi viết |
| 33   | 1140187 | Lý thuyết xác suất & thống kê toán                         | Học phần Lý thuyết xác suất và Thống kê toán là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, và được học ở học kỳ thứ 3. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán bao gồm biến cố ngẫu nhiên và xác suất, biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, cơ sở lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê và một số ứng dụng của công cụ xác suất và thống kê trong kinh tế. Dựa trên nền tảng sinh viên đã có những hiểu biết cơ  | 2 | 3 | Thi viết |

|    |         |                                     |  |   |   |           |
|----|---------|-------------------------------------|--|---|---|-----------|
|    |         |                                     | bản về toán kinh tế, học phần giúp người học hiểu được cách thức sử dụng các công cụ xác suất và thống kê để diễn giải và giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội.   |   |   |           |
| 34 | 1150107 | Tài chính - Tiền tệ                 | Học phần cung cấp kiến thức nền tảng của ngành quản trị kinh doanh và dự kiến bố trí vào học kỳ 3. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, ngân sách nhà nước, tài chính quốc tế, bản chất của tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát, tín dụng, hoạt động của hệ thống trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và thực thi chính sách tiền tệ. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như Nguyên lý kế toán, Toán tài chính, Tài chính doanh nghiệp, Thẩm định dự án đầu tư, Kinh tế phát triển, Quản lý dự án đầu tư, Thị trường vốn đầu tư, Thuế và chính sách thuế.   | 3 | 3 | Thi viết  |
| 35 | 1140044 | Kinh tế vĩ mô 2                     | Học phần kinh tế vĩ mô 2 thuộc kiến thức cơ sở ngành của ngành kinh tế và được giảng dạy ở học kỳ 3. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến nền kinh tế trong dài hạn như sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân, tiết kiệm, đầu tư...; lý thuyết chu kỳ kinh doanh, mô hình tổng cung, tổng cầu; các biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn, dài hạn; Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức liên quan đến mô hình IS-LM, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến sản lượng và một số biến số kinh tế vĩ mô khác của nền kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế vĩ mô 1, học phần sẽ là nền tảng kiến thức ngành và giúp sinh viên phát triển các kiến thức kinh tế. | 3 | 3 | Thi viết  |
| 36 | 1140140 | Tiếng Anh chuyên ngành              | Học phần Tiếng Anh chuyên ngành là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kinh tế và được học ở học kỳ 3. Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về kinh tế bằng tiếng Anh. Học phần đi sâu vào giới thiệu các từ vựng Tiếng Anh kinh tế thông qua các chủ đề bao gồm Kinh tế, Kế toán, Tài chính, Kiểm toán và Thuế. Ngoài ra, mỗi bài đều bao gồm đầy đủ các phần: Practice, Vocabulary, Reading, Translation, Grammar, and Listening. Các bài học giúp cho sinh viên ôn lại kiến thức ngữ pháp và thực hành được 4 kỹ năng. Học phần sẽ giúp sinh viên nắm các từ vựng, các cấu trúc tiếng Anh và phát triển kiến thức liên quan đến chuyên ngành để sử dụng cho công việc sau này.            | 2 | 3 | Thi viết  |
| 37 | 1150023 | Kinh tế môi trường                  | Học phần Kinh tế môi trường thuộc kiến thức cơ sở khối ngành của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường cũng như lồng ghép các kiến thức áp dụng vào thực tiễn. Học phần giúp cho sinh viên sử dụng các công cụ kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường, xác định mức ô nhiễm tối ưu cũng như hệ thống các giải pháp thị trường, các giải pháp của chính phủ nhằm đạt được mức ô nhiễm tối ưu cho xã hội đồng thời đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động đó.  | 2 | 3 | Thi viết  |
|    |         |                                     | <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 3 (chọn 1 học phần)</b>   |   |   |           |
| 38 | 1140109 | Phương pháp tối ưu trong kinh doanh | Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức toán cơ bản để mô hình hóa và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế.<br>Học phần là học phần tự chọn thuộc kiến thức hỗ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Toán kinh tế, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên trong các học phần như Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh, Phân tích lợi ích và chi phí.  | 2 | 3 | Thi viết  |
| 39 | 1150131 | Toán tài chính                      | Học phần Toán tài chính là học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ được học ở học kỳ thứ 3. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản một cách có hệ thống các kiến thức về lãi đơn, lãi kép, chuỗi tiền tệ, các vấn đề về vay vốn, trái phiếu, định giá chứng khoán để diễn giải và giải quyết một số vấn đề trong lĩnh vực kinh tế.   | 2 | 3 | Thi viết  |
|    |         |                                     | <b>Chọn 1 học phần Giáo dục thể chất</b>   |   |   |           |
| 40 | 1120174 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)     | - Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thể giới và Việt Nam.<br>- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể   | 1 | 3 | Thực hành |

|                 |         |   |   |   |   |           |
|-----------------|---------|---|---|---|---|-----------|
|                 |         |   | lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  |   |   |           |
| 41              | 1120177 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyên 3)           | Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyên. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 42              | 1120180 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 43              | 1120183 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.<br>Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.  | 1 | 3 | Thực hành |
| 44              | 1120186 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.<br>- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. | 1 | 3 | Thực hành |
| 45              | 1120189 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...<br>Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:<br>- Lịch sử phát triển Taekwondo<br>- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo<br>- Luật thi đấu Taekwondo<br>- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công<br>- Kỹ thuật đối luyện<br>- Kỹ thuật quyền  | 1 | 3 | Thực hành |
| 46              | 1120192 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tổ chức thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.   | 1 | 3 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 4</b> |         |   |   |   |   |           |
| 47              | 1130301 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 4 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 7 chương, trang bị những kiến thức chính trị - xã hội cơ bản cho người học như sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình... trong TKQĐ lên CNXH.   | 2 | 4 | Thi viết  |
| 48              | 1140049 | Nguyên lý thống kê kinh tế                    | Học phần Nguyên lý thống kê kinh tế là học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ và được học ở học kỳ thứ 4. Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về thống kê học, các giai đoạn của các quá trình nghiên cứu thống kê, chỉ số thống kê, phân tích hồi quy và tương quan, và dự báo cho dãy số thời gian đối với các vấn đề kinh tế - xã hội. Học phần cung cấp kỹ năng khai thác và xử lý dữ liệu trên phần mềm thống kê để  | 3 | 4 | Thi viết  |

|                 |         |                                |   |   |   |           |
|-----------------|---------|--------------------------------|---|---|---|-----------|
|                 |         |                                | thực hiện các phân tích, đánh giá một số vấn đề kinh tế.  |   |   |           |
| 49              | 1140236 | Kinh tế phát triển             | Học phần Kinh tế phát triển thuộc kiến thức cơ sở ngành của ngành kinh tế và được giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của nền kinh tế trong mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội; Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nắm rõ bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế; lý thuyết các mô hình tăng trưởng kinh tế; chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế; vai trò của các yếu tố nguồn lực đối với tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế vĩ mô 1, học phần sẽ là nền tảng kiến thức ngành và giúp sinh viên phát triển các kiến thức kinh tế, xã hội.  | 3 | 4 | Thi viết  |
| 50              | 1150100 | Tài chính doanh nghiệp         | Học phần Tài chính doanh nghiệp là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành và dự kiến bố trí ở kỳ 4 trong chương trình đào tạo của ngành Kinh tế. Nội dung của học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp cũng như mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp; doanh thu, chi phí, lợi nhuận; đọc và phân tích báo cáo tài chính; chi phí vốn và cơ cấu nguồn vốn; đánh giá hiệu quả tài chính trong đầu tư dài hạn của doanh nghiệp. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính – tiền tệ, nguyên lý kế toán, học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức nền tảng về tài chính doanh nghiệp và cung cấp kiến thức cho hoạt động nghề nghiệp của sinh viên.   | 2 | 4 | Thi viết  |
| 51              | 1140237 | Kinh tế công cộng              | Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính hiệu quả của việc điều hành nền kinh tế của nhà nước và các cơ chế, chính sách đặc biệt mà nhà nước có thể can thiệp ứng với từng dạng thất bại của thị trường cụ thể nhằm đảm bảo hiệu quả xã hội trong việc sản xuất các hàng hóa, dịch vụ thuộc khu vực công cộng. Học phần này được giảng dạy ở học kỳ thứ tư, thuộc kiến thức cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế vi mô và kinh tế phát triển, học phần sẽ giúp phát triển khả năng lập kế hoạch, phân tích và đánh giá các chính sách can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội.   | 3 | 4 | Thi viết  |
| 52              | 1130144 | Luật đầu tư                    | Học phần được triển khai giảng dạy trong Kỳ 4, đóng vai trò là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách và pháp luật về đầu tư kinh doanh. Nội dung chương trình học phần Luật Đầu tư bao gồm những quy định pháp luật của Nhà nước ta về chính sách đầu tư kinh doanh bảo đảm đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư, các hình thức đầu tư trong nước và đầu tư ra nước ngoài. Thông qua việc nghiên cứu học phần, người học có thể vận dụng kiến thức pháp luật về đầu tư kinh doanh để giải quyết một số tình huống pháp lý có liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trong thực tiễn.   | 2 | 4 | Thi viết  |
| 53              | 1140142 | Kinh tế quốc tế                | Kinh tế quốc tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế và được giảng dạy ở học kỳ thứ tư. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, chính sách thương mại quốc tế, các định chế kinh tế có tính quốc tế và sự di chuyển nguồn lực quốc tế. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể xác định được các mô hình và lợi ích thương mại quốc tế giữa các quốc gia trong tình huống cụ thể, phân tích được xu hướng thương mại quốc tế và phân tích được lợi ích của việc di chuyển các nguồn lực trên bình diện quốc tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững các kiến thức về kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kinh tế học quốc tế và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 4 | Thực hành |
| <b>Học kỳ 5</b> |         |                                |   |   |   |           |
| 54              | 1130302 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc ở học kỳ 5 trong chương trình học. Học phần góp phần cung cấp các quan điểm chính trị đúng đắn, nắm bắt được đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam cho người học. Nội dung môn học gồm 3 chương, trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn  | 2 | 5 | Thi viết  |



|    |         |   |   |   |   |          |
|----|---------|---|---|---|---|----------|
|    |         |   | thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới ( Từ năm 1975 đến nay).   |   |   |          |
| 55 | 1150422 | Khởi nghiệp                                   | Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và dự kiến bố trí vào học kỳ 5. Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp giúp trang bị cho người học kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu về khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhận diện cơ hội khởi nghiệp, hình thành ý tưởng khởi nghiệp, xây dựng mô hình kinh doanh, hoạch định con đường khởi nghiệp thông qua lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường. Ngoài ra ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi người học.   | 2 | 5 | Thi viết |
| 56 | 1140033 | Kinh tế lượng                                 | Học phần Kinh tế lượng là học phần bắt buộc trong khối kiến thức bổ trợ và được học ở học kỳ thứ 5. Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến mô hình kinh tế lượng, trang bị quy trình và kỹ năng sử dụng phần mềm để xử lý dữ liệu, lượng hóa các mối quan hệ trong kinh tế - xã hội, từ đó có thể đưa ra các suy diễn về mặt thống kê đối với các mối quan hệ đó và dự báo biến số kinh tế. Học phần này sẽ tiếp tục nâng cao kỹ năng khai thác và xử lý dữ liệu mà người học đã được giới thiệu trong học phần Nguyên lý thống kê kinh tế, đồng thời cũng hỗ trợ công cụ cho người học để có thể vận dụng vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp.  | 3 | 5 | Thi viết |
| 57 | 1140175 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế | Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành những nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Trang bị kiến thức để sinh viên có khả năng thực hiện các nghiên cứu một cách khoa học từ cách đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo nghiên cứu.   | 2 | 5 | Thi viết |
| 58 | 1140030 | Kinh tế đầu tư 1                              | Học phần Kinh tế đầu tư 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Kinh tế và được học ở học kỳ 5. Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức về tổng quan nhất về bản chất của hoạt động đầu tư phát triển; đầu tư công, mối quan hệ giữa đầu tư công và nợ công; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, vốn và nguồn vốn đầu tư. Nội dung của học phần học phân sẽ tạo nền tảng kiến thức về đầu tư phát triển để sinh viên tiếp cận những học phần kiến thức ngành và chuyên ngành chuyên sâu và có tầm nhìn về các vấn đề về kinh tế đầu tư trong thực tế.  | 3 | 5 | Thi viết |
| 59 | 1140040 | Kinh tế và chính sách phát triển vùng         | Học phần Kinh tế và chính sách phát triển vùng thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế được giảng dạy ở học kỳ 5. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về vùng kinh tế, thước đo phát triển vùng cũng như sử dụng các công cụ đánh giá thực trạng phát triển kinh tế địa phương. Học phần giúp sinh viên phân tích, đánh giá thực trạng, tiềm năng phát triển kinh tế vùng/địa phương, phân tích tiêu chí đánh giá vùng kinh tế trọng điểm và đề xuất các giải pháp, chính sách góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế vùng/địa phương. Học phần được dạy trên cơ sở sinh viên đã nắm vững các kiến thức về kinh tế học vĩ mô 1 và Kinh tế phát triển.   | 2 | 5 | Thi viết |
| 60 | 1140181 | Kế hoạch hóa phát triển kinh tế -xã hội       | Kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế và được giảng dạy ở học kỳ 5. Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội nhằm giúp sinh viên xác định được quy trình lập kế hoạch hóa phát triển kinh tế -xã hội của quốc gia, địa phương/ngành; thực hiện phân tích thực trạng phát triển kinh tế -xã hội của quốc gia, địa phương/ngành; xây dựng cây vấn đề và cây mục tiêu; tính toán được một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội;... Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế học vĩ mô 1, kinh tế học vĩ mô 2 và kinh tế phát triển, học phần giúp sinh viên nắm bắt các kiến thức căn bản về hệ thống kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương/ngành, và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 5 | Thi viết |

| Học kỳ 6 |         |                                    |  |   |   |                  |
|----------|---------|------------------------------------|--|---|---|------------------|
| 61       | 1130091 | Tư tưởng Hồ Chí Minh               | Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc ở học kỳ 6 trong chương trình học, thuộc thành phần giáo dục đại cương. Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chi ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.   | 2 | 6 | Thi viết         |
| 62       | 1140146 | Dự báo kinh tế & Phân tích dữ liệu | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế - xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp.<br>Học phần thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế lượng, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về dự báo và các phương pháp dự báo trong kinh tế - xã hội tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch - đầu tư, quản lý.   | 3 | 6 | Thi viết         |
| 63       | 1140053 | Phân tích lợi ích – chi phí        | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của phương pháp phân tích lợi ích chi phí. Đây là phương pháp nhằm đánh giá bằng tiền tất cả lợi ích và chi phí trên quan điểm xã hội của một dự án, một chính sách, hoặc một chương trình phát triển, cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và lựa chọn giữa các phương án.<br>Học phần phân tích lợi ích chi phí là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế được giảng dạy vào học kỳ 6 của chương trình đào tạo. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức cơ bản học phần kinh tế đầu tư 1, học phần cung cấp kiến thức như một công cụ giúp lựa chọn những phương án tối ưu trong việc phân bổ nguồn lực khan hiếm vào các mục đích sử dụng khác nhau của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | 6 | Thi viết         |
| 64       | 1140196 | Thực tập nhận thức                 | Học phần Thực tập nhận thức thuộc kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế được thực hiện ở học kỳ 7. Học phần này yêu cầu người học phải tham gia thực tập tại đơn vị và chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể, thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra và phải gắn với thực tế tại đơn vị thực tập.  | 2 | 6 | Báo cáo, vấn đáp |
| 65       | 1140031 | Kinh tế đầu tư 2                   | Học phần Kinh tế đầu tư 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kinh tế và được học ở học kỳ 6. Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức về đầu tư để quản lý, phân tích và đánh giá kết quả, hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển. Nội dung chính của học phần đề cập đến các kiến thức cơ bản về công tác quản lý, phân biệt và tính toán các chỉ tiêu kết quả, hiệu quả của hoạt động đầu tư. Bên cạnh đó tham gia môn học, người học vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm để thực hành tính toán các chỉ tiêu kết quả, hiệu quả của hoạt động đầu tư.  | 3 | 6 | Thi viết         |
| 66       | 1140046 | Lập dự án đầu tư                   | Học phần Lập dự án đầu tư là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kinh tế và được học ở học kỳ 6. Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lập dự án như hiểu biết chung về dự án đầu tư, trình tự và nội dung cần nghiên cứu trong quá trình lập dự án đầu tư để người học có thể lập được dự án cụ thể. Nội dung chính của học phần tập trung vào phân tích các nội dung, tính toán các chỉ tiêu của dự án bao gồm: sự cần thiết phải đầu tư theo dự án, tình hình kinh tế xã hội, khía cạnh thị trường, khía cạnh kỹ thuật, tổ chức quản lý nhân sự, tài chính và kinh tế xã hội để soạn thảo một dự án đầu tư cụ thể. Bên cạnh đó khi tham gia môn học, người học cũng vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm khi thực hành lập dự án đầu tư.  | 3 | 6 | Thi viết         |
| 67       | 1140071 | Nghiệp vụ Đầu thầu                 | Học phần Nghiệp vụ đầu thầu thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành  | 2 | 6 | Thi viết         |

|  |         |                                   |   |   |   |          |
|--|---------|-----------------------------------|---|---|---|----------|
|  |         |                                   | Kinh tế được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu thầu. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các phương thức tham dự thầu, chấm hồ sơ dự thầu, lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ dự thầu... Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức Kinh tế đầu tư 1, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức đầu thầu của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.   |   |   |          |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 6 (chọn 1 học phần)</b> |         |                                   |   |   |   |          |
| 68   | 1140077 | Đầu tư nước ngoài                 | Học phần Đầu tư nước ngoài thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề liên quan đến đầu tư nước ngoài bao gồm bản chất của hoạt động đầu tư nước ngoài, môi trường đầu tư trong đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó tham gia môn học, người học vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình học.   | 2 | 6 | Thi viết |
| 69   | 1140143 | Quản lý phát triển địa phương     | Quản lý phát triển địa phương là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kinh tế và được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận và phương pháp chuyên môn về quản lý phát triển địa phương ở cấp tỉnh/thành phố nhằm giúp sinh viên phân tích được mối quan hệ kinh tế giữa các địa phương; bước đầu hình thành các kỹ năng cơ bản để phân tích tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế địa phương; hiểu được cách thức hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội; và nhận dạng được các mô hình kinh tế địa phương. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức kinh tế phát triển, học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về quản lý các hoạt động phát triển địa phương, và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 2 | 6 | Thi viết |
| <b>Học kỳ 7</b>  |         |                                   |   |   |   |          |
| 70   | 1150561 | Quản trị sản xuất và tác nghiệp   | Học phần cung cấp kiến thức bổ trợ cho ngành kinh tế và dự kiến bố trí vào học kỳ 7. Học phần đề cập đến các nội dung về dự báo nhu cầu sản phẩm, hoạch định công suất, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng sản xuất, hoạch định tổng hợp, điều độ sản xuất, quản trị hàng dự trữ,... nhằm trang bị cho người học những kiến thức căn bản và kỹ năng cần thiết về quản trị sản xuất để dự báo, phân tích nguồn lực, lập kế hoạch và ra quyết định trong quản trị sản xuất nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần có quan hệ bổ trợ với các học phần khác như Lập dự án đầu tư, Chiến lược và kế hoạch kinh doanh, Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh và học phần đào tạo các kiến thức về môi trường kinh doanh.  | 3 | 7 | Thi viết |
| 71   | 1140149 | Chiến lược và kế hoạch kinh doanh | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về xây dựng chiến lược và lập kế hoạch cho các tình huống kinh doanh cụ thể. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích mô hình quản trị chiến lược tổng quát, hệ thống các cách thức đánh giá và phân tích các nguồn lực để phối hợp với các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp lập được chiến lược và kế hoạch kinh doanh hằng năm. Học phần được học vào học kì thứ bảy, thuộc khối kiến thức bổ trợ của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức tài chính doanh nghiệp học phần sẽ giúp phát triển tư duy chiến lược, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng quản trị sự thay đổi và phát triển tinh thần doanh nghiệp của sinh viên.  | 2 | 7 | Thi viết |
| 72   | 1140011 | Đề án chuyên ngành                | Học phần Đề án chuyên ngành thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế được thực hiện ở học kỳ 7. Người học chọn một vấn đề nghiên cứu cụ thể (liên quan đến Kinh tế), thực hiện các công việc thu thập tài liệu, phân tích và tổng hợp các kiến thức có liên quan để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách logic, phản ánh được bản chất của vấn đề đặt ra.   | 2 | 7 | Báo cáo  |
| 73   | 1140075 | Thị trường vốn đầu tư             | Học phần Thị trường vốn đầu tư là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kinh tế và được học ở học kỳ 7. Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về thị trường vốn đầu tư như khái niệm, vai trò, một số loại công cụ đầu tư và các chủ thể tham gia thị trường vốn. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nhận diện và áp dụng được các kiến thức về huy động vốn trên thị trường. Nội dung chính của học phần tập trung vào phân tích các cách thức huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán và thị trường tín dụng thuê mua. Bên cạnh đó, việc tham gia môn học cũng giúp cho người học vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm khi tham gia vào các quyết định liên quan đến huy động vốn và đầu tư trên   | 2 | 7 | Thi viết |

|  |         |                                    |  |   |   |          |
|--|---------|------------------------------------|--|---|---|----------|
|  |         |                                    | thị trường vốn.  |   |   |          |
| 74   | 1140058 | Thẩm định dự án đầu tư             | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết thẩm định dự án đầu tư và vận dụng chúng vào thực tiễn thẩm định dự án ở Việt Nam. Học phần đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng các quy trình, phương pháp, nội dung, công tác tổ chức thường được thực hiện trong thẩm định dự án; giúp sinh viên thẩm định dự án đầu tư thuộc khu vực nhà nước và tư nhân trong thực tiễn.<br>Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế đầu tư và được giảng dạy vào học kì bảy. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức lập dự án, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thẩm định dự án và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên.  | 3 | 7 | Thi viết |
| 75   | 1140055 | Quản lý dự án đầu tư               | Học phần Quản lý dự án đầu tư thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế được giảng dạy ở học kỳ 7. Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề liên quan về quản lý dự án trên các khía cạnh về mô hình tổ chức quản lý dự án, kỹ năng quản lý dự án, các nội dung của hoạt động quản lý dự án, người học vận dụng được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện quản lý dự án.   | 3 | 7 | Thi viết |
| <b>Các học phần tự chọn của học kỳ 7 (chọn 2 học phần)</b> |         |                                    |  |   |   |          |
| 76   | 1140131 | Kinh tế đô thị                     | Học phần Kinh tế đô thị là học phần tự chọn theo định hướng (bắt buộc) trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kinh tế được giảng dạy ở học kỳ 7. Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế đô thị như khái niệm, đặc điểm đô thị, phân tích lý thuyết kinh tế đô thị, mối quan hệ giữa đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế. Học phần giúp sinh viên vận dụng các mối quan hệ kinh tế trong phân bổ và sử dụng nguồn lực đô thị cho phát triển kinh tế, từ đó đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế đô thị. Học phần được dạy trên cơ sở sinh viên đã nắm vững các kiến thức về Kinh tế vi mô 1 và Kinh tế phát triển.   | 2 | 7 | Thi viết |
| 77   | 1140123 | Kinh tế lao động                   | Học phần Kinh tế lao động là học phần tự chọn theo định hướng (bắt buộc) trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kinh tế được giảng dạy ở học kỳ 7. Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về kinh tế học lao động như cung và cầu lao động, cấu trúc thị trường lao động và các nguyên lý vận hành của thị trường lao động. Học phần giúp sinh viên giải thích được cách vận hành của thị trường lao động, tác động của các chính sách của chính phủ lên các vấn đề tiền lương, việc làm, đề xuất giải pháp và kiến nghị cho các vấn đề lao động – việc làm. Học phần được dạy trên cơ sở sinh viên đã nắm vững các kiến thức về Kinh tế vi mô 1.   | 2 | 7 | Thi viết |
| 78   | 1140122 | Quản lý rủi ro trong đầu tư        | Học phần Quản lý rủi ro trong đầu tư là học phần lựa chọn theo định hướng (bắt buộc) trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Kinh tế và được học ở học kỳ 7. Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức về quản lý rủi ro trong đầu tư để đề tiên hành quản lý rủi ro trong các hoạt động đầu tư thực tế, trang bị kỹ năng khai thác và xử lý dữ liệu để đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu tư trong điều kiện rủi ro. Nội dung chính của học phần đề cập đến các kiến thức cơ bản về quy trình quản lý rủi ro trong đầu tư như nhận diện rủi ro, đánh giá các rủi ro, áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro trong đầu tư. Bên cạnh đó tham gia môn học, người học vận dụng được kỹ năng khai thác và xử lý dữ liệu trong phân tích rủi ro để đánh giá được hiệu quả dự án và đưa ra các quyết định có nên đầu tư hay không và đầu tư như thế nào là hợp lý. | 2 | 7 | Thi viết |
| 79   | 1140111 | Phân tích định lượng trong kinh tế | Học phần này trang bị cho sinh viên những hệ thống kiến thức về một số phương pháp, công cụ để phục vụ việc ra quyết định, đồng thời giúp sinh viên nhận diện, biết cách đặt và giải các mô hình định lượng cơ bản cho một vài tình huống trong kinh tế và quản trị.<br>Học phần là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Kinh tế. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức lý thuyết xác suất và thống kê toán học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về phân tích định lượng trong kinh tế để giải quyết các bài toán liên quan đến các vấn đề ra quyết định tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế kế hoạch - đầu tư, quản lý.   | 2 | 7 | Thi viết |

| Học kỳ 8  |         |  |  |   |   |                  |
|---|---------|--|--|---|---|------------------|
| 80  | 1140010 | Chuyên đề thực tập tốt nghiệp          | Học phần Chuyên đề thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế được học vào học kỳ 8. Học phần Chuyên đề tốt nghiệp giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề tại cơ sở thực tập một cách có hệ thống, khoa học. Học phần cũng sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác đầu tư, kế hoạch trong thực tiễn và các kỹ năng như kỹ năng số, khả năng tự học, tự nghiên cứu và thể hiện đạo đức và trách nhiệm của sinh viên sắp tốt nghiệp.   | 3 | 8 | Báo cáo, vấn đáp |
| 81  | 1140197 | Khóa luận tốt nghiệp                   | Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế. Khóa luận tốt nghiệp là một bài luận giúp khoa đào tạo đánh giá kết quả của hoạt động học tập trong thực tiễn của sinh viên dựa một số tiêu chí chính yếu như mức độ nắm bắt thực tế thông qua khả năng nhận dạng được vấn đề trong thực tế; mức độ vững chắc về lý thuyết; khả năng áp dụng lý thuyết vào thực tế để phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống; thái độ làm việc và học tập. Học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức thực tế về công tác đầu tư, kế hoạch trong thực tiễn và các kỹ năng như kỹ năng số, khả năng tự học, tự nghiên cứu và thể hiện đạo đức và trách nhiệm của sinh viên sắp tốt nghiệp. | 6 | 8 | Báo cáo, Bảo vệ  |
| <b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b> |         |  |  |   |   |                  |
| 82  | 1140148 | Thuế và chính sách thuế                | Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về: các vấn đề cơ bản của một sắc thuế; Hướng dẫn kê khai thuế một số sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam bao gồm thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp; và thuế thu nhập cá nhân.<br>Học phần thuộc học phần thay thế phần kiến thức bổ trợ trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế, được học ở học kỳ 8. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững nguyên lý kế toán, học phần sẽ giúp sinh viên kê khai một số sắc thuế cơ bản, cung cấp cho sinh viên khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp.  | 2 | 8 | Thi viết         |
| 83  | 1140145 | Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh | Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh là học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp của ngành Kinh tế được giảng dạy ở học kỳ 8. Học phần này đề cập đến các kiến thức căn bản về các phương pháp và nội dung phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm giúp sinh viên có thể vận dụng để phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong thực tế. Học phần được dạy trên cơ sở sinh viên đã nắm vững các kiến thức về quản trị sản xuất và tác nghiệp.   | 2 | 8 | Thi viết         |
| 84  | 1140198 | Kỹ năng xúc tiến đầu tư                | Học phần Kỹ năng xúc tiến đầu tư thuộc học phần thay thế tốt nghiệp trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Kinh tế được giảng dạy ở học kỳ 8. Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề liên quan đến hành vi của nhà đầu tư và các vấn đề bản chất của hoạt động xúc tiến đầu tư như nội dung, quy trình, cơ quan thực hiện xúc tiến đầu tư và phân tích các kỹ năng, công cụ thực hiện. Bên cạnh đó tham gia môn học, người học vận dụng kỹ năng để nhận thức và chuẩn bị tham gia vào quá trình học tập suốt đời trong quá trình học.   | 2 | 8 | Thi viết         |

## V. KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

### 1. Đại học chính quy:

#### 1.1 Ngành Quản trị kinh doanh khóa 47, 46, 45, 46:

| STT            | Tên môn học                                       | Mục đích môn học                             | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |         |
|----------------|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|---------|
|                |   |  |            |                      | Quá trình                      | Cuối kỳ |
| <b>Khóa 47</b> |   |  |            |                      |                                |         |
| 1              | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 3          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 2              | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2          | Học kỳ 1             | 50%                            | 50%     |
| 3              | Kinh tế vi mô                                     | Trang bị kiến thức cơ sở khối ngành          | 3          | Học kỳ 1             | 30%                            | 70%     |
| 4              | Quản trị học                                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành               | 3          | Học kỳ 1             | 30%                            | 70%     |
| 5              | Marketing căn bản                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành               | 3          | Học kỳ 1             | 50%                            | 50%     |
| 6              | Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch                    | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2          | Học kỳ 1             | 30%                            | 70%     |
| 7              | Định hướng nghề nghiệp ngành quản trị kinh doanh  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành               | 1          | Học kỳ 1             | 30%                            | 70%     |
| 8              | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 9              | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 10             | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 11             | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 12             | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 13             | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 14             | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 15             | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 4          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 16             | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2          | Học kỳ 2             | 50%                            | 50%     |
| 17             | Phương pháp NCKH trong kinh doanh                 | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 3          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 18             | Kinh tế vi mô                                     | Trang bị kiến thức cơ sở khối ngành          | 3          | Học kỳ 2             | 30%                            | 70%     |
| 19             | Toán kinh tế                                      | Trang bị kiến thức cơ sở khối ngành          | 3          | Học kỳ 2             | 30%                            | 70%     |
| 20             | Tổ chức sự kiện                                   | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 21             | Event holding                                     | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 22             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 23             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 24             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 25             | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 26             | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 27             | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 28             | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| <b>Khóa 46</b> |   |  |            |                      |                                |         |
| 1              | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2          | Học kỳ 3             | 50%                            | 50%     |
| 2              | Quản trị Marketing                                | Trang bị kiến thức ngành                     | 3          | Học kỳ 3             | 40%                            | 60%     |
| 3              | Nguyên lý kế toán                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 3             | 40%                            | 60%     |
| 4              | Quản trị học                                      | Trang bị kiến thức ngành                     | 3          | Học kỳ 3             | 50%                            | 50%     |
| 5              | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh  | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 3          | Học kỳ 3             | 50%                            | 50%     |
| 6              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 3             | 40%                            | 60%     |
| 7              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 3             | 40%                            | 60%     |
| 8              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 3             | 40%                            | 60%     |

|   |   |  |   |          |                  |                |
|---|---|--|---|----------|------------------|----------------|
| 9   | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%              | 60%            |
| 10  | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%              | 60%            |
| 11  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%              | 60%            |
| 12  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%              | 60%            |
| <b>Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp và Quản trị Marketing</b> |   |  |   |          |                  |                |
| 13  | Kinh tế phát triển                                | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 3 | 40%              | 60%            |
| 14  | Kinh tế quốc tế                                   | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 3 | 40%              | 60%            |
| 15  | Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp               | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 3 | 40%              | 60%            |
| 16  | Kinh tế Việt Nam                                  | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 3 | 40%              | 60%            |
| 17  | Phương pháp tối ưu hoá trong kinh doanh           | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 3 | 50%              | 50%            |
| <b>Chuyên ngành Thương mại quốc tế</b>                          |   |  |   |          |                  |                |
| 18  | Tiếng Anh tăng cường 1                            | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 3 | Học kỳ 3 | 30%              | 70%            |
| 19  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2 | Học kỳ 4 | 50%              | 50%            |
| 20  | Kế toán doanh nghiệp                              | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 3 | Học kỳ 4 | 30%              | 70%            |
| 21  | Tài chính - Tiền tệ                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 4 | 40%              | 60%            |
| 22  | Quản trị chất lượng                               | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 4 | 50%              | 50%            |
| 23  | Thị trường tài chính                              | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 4 | 30%              | 70%            |
| 24  | Lãnh đạo học                                      | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 4 | 50%              | 50%            |
| <b>Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp và Quản trị Marketing</b> |   |  |   |          |                  |                |
| 25  | Phân tích dữ liệu trong kinh doanh                | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 4 | 50%              | 50%            |
| <b>Chuyên ngành Thương mại quốc tế</b>                          |   |  |   |          |                  |                |
| 26  | Tiếng Anh tăng cường 2                            | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 3 | Học kỳ 4 | 30%              | 70%            |
| <b>Khóa 45</b>  |   |  |   |          | <b>Quá trình</b> | <b>Cuối kỳ</b> |
| <b>Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp và Quản trị Marketing</b> |   |  |   |          |                  |                |
| 1   | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2 |          |                  |                |
| 2   | Quản trị tài chính                                | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 3   | Quản trị nhân lực                                 | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 4   | Quản trị chiến lược                               | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 5   | Luật kinh doanh                                   | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 6   | Phân tích và đầu tư chứng khoán                   | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 7   | Thanh toán quốc tế                                | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 8   | Quản lý tài chính cá nhân                         | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 9   | Kế toán quản trị                                  | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 10  | Phân tích hoạt động kinh doanh                    | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 11  | Văn hoá kinh doanh                                | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 12  | Thực tế nghề nghiệp                               | Trang bị kiến thức ngành                     | 1 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 13  | Đổi thoại doanh nghiệp                            | Trang bị kiến thức ngành                     | 1 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| <b>Chuyên ngành thương mại quốc tế</b>                          |   |  |   |          |                  |                |
| 14  | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 15  | Financial management                              | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 16  | Quản trị nhân lực                                 | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |
| 17  | Quản trị chiến lược                               | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 5 | 50%              | 50%            |

|   |  |                                       |   |          |                           |                    |
|---|--|---------------------------------------|---|----------|---------------------------|--------------------|
| 18  | Phân tích dữ liệu trong kinh doanh         | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 2 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50%                |
| 19  | Luật thương mại quốc tế                    | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 2 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50%                |
| 20  | Quản trị đa văn hóa                        | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 2 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50%                |
| 21  | Quản lý tài chính cá nhân                  | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 2 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50%                |
| 22  | Kế toán quản trị                           | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 3 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50%                |
| 23  | Phân tích hoạt động kinh doanh             | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50%                |
| 24  | Văn hoá kinh doanh                         | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50%                |
| 25  | Thực tế nghề nghiệp                        | Trang bị kiến thức ngành              | 1 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50%                |
| 26  | Đổi thoại doanh nghiệp                     | Trang bị kiến thức ngành              | 1 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50%                |
| 27  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| 28  | Quản trị sản xuất và tác nghiệp            | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| 29  | Quản trị dự án                             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| 30  | Tiếng Anh chuyên ngành                     | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| 31  | Thực tập tổng hợp                          | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 2 | Học kỳ 6 | GVHD: 50%, GV vấn đáp 50% |                    |
| <b>Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp</b> |  |                                       |   |          |                           |                    |
| 32  | Khởi sự kinh doanh                         | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| 33  | Hành vi tổ chức                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| <b>Chuyên ngành Quản trị Marketing</b>    |  |                                       |   |          |                           |                    |
| 34  | Khởi sự kinh doanh                         | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| 35  | Nghiên cứu Marketing                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| <b>Chuyên ngành thương mại quốc tế</b>    |  |                                       |   |          |                           |                    |
| 36  | Entrepreneurship                           | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| 37  | International marketing                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| 38  | Nghiệp vụ hải quan                         | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 2 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| 39  | International payment                      | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 2 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50%                |
| <b>Khóa 44</b>                            |  |                                       |   |          |                           |                    |
| <b>Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp</b> |  |                                       |   |          | <b>Quán trình</b>         | <b>Thi cuối kỳ</b> |
| 1   | Quản trị kinh doanh quốc tế                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50%                |
| 2   | Lập kế hoạch kinh doanh                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50%                |
| 3   | Quản trị chuỗi cung ứng                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60%                |
| 4   | Quản trị bán hàng                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50%                |
| 5   | Quản trị văn phòng                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60%                |
| 6   | Thương mại điện tử                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50%                |
| 7   | Quản trị thương hiệu                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60%                |
| 8   | Hành vi khách hàng                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50%                |
| 9   | Quản trị sự đổi mới                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60%                |
| 10  | Thực tập tốt nghiệp quản trị doanh nghiệp  | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 3 | Học kỳ 8 | GVHD: 50%, GV vấn đáp 50% |                    |
| 11  | Khóa luận tốt nghiệp quản trị doanh nghiệp | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 6 | Học kỳ 8 | GVHD: 25%, HĐ: 75% (3GV)  |                    |
| 12  | Quản trị doanh nghiệp 1                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 8 | 40%                       | 60%                |
| 13  | Quản trị doanh nghiệp 2                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 8 | 50%                       | 50%                |
| <b>Chuyên ngành Quản trị marketing</b>    |  |                                       |   |          |                           |                    |
| 14  | Digital Marketing                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60%                |



|  |   |                                 |   |          |                           |     |
|--|---|---------------------------------|---|----------|---------------------------|-----|
| 15   | Quản trị truyền thông Marketing tích hợp                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 30%                       | 70% |
| 16   | Marketing dịch vụ   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 17   | Hành vi khách hàng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 18   | Marketing quốc tế   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60% |
| 19   | Quản trị thương hiệu  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60% |
| 20   | Tổ chức sự kiện   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 21   | Quản trị quan hệ khách hàng                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 30%                       | 70% |
| 22   | Quản trị bán hàng   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 23   | Thực tập tốt nghiệp Quản trị Marketing                        | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 3 | Học kỳ 8 | GVHD: 50%, GV vấn đáp 50% |     |
| 24   | Khóa luận tốt nghiệp Quản trị Marketing                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 6 | Học kỳ 8 | GVHD: 25%, HĐ: 75% (3GV)  |     |
| 25   | Chuyên đề Quản trị marketing 1                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | 50%                       | 50% |
| 26   | Chuyên đề Quản trị marketing 2                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | 50%                       | 50% |
| <b>Chuyên ngành QTKD Thương mại</b>                      |   |                                 |   |          |                           |     |
| 27   | Quản trị chuỗi cung ứng                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60% |
| 28   | Hành vi khách hàng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 29   | Đàm phán thương mại   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 30   | Quản trị bán hàng   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 31   | Quản trị xuất nhập khẩu                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 32   | Thương mại điện tử  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 33   | Nhượng quyền kinh doanh                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60% |
| 34   | Quản trị quan hệ khách hàng                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 35   | Tổ chức sự kiện   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 36   | Quản trị bán lẻ   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 37   | Quản trị kênh phân phối                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 38   | Logistics   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 39   | Thực tập tốt nghiệp Quản kinh doanh Thương mại                | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 3 | Học kỳ 8 | GVHD: 50%, GV vấn đáp 50% |     |
| 40   | Khóa luận tốt nghiệp Quản kinh doanh Thương mại               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 6 | Học kỳ 8 | GVHD: 25%, HĐ: 75% (3GV)  |     |
| 41   | Chuyên đề Nghiệp vụ kinh doanh thương mại                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | 50%                       | 50% |
| 42   | Chuyên đề Quản trị kinh doanh thương mại                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | 40%                       | 60% |
| <b>Chuyên ngành Logistics và quản trị chuỗi cung ứng</b> |   |                                 |   |          |                           |     |
| 43   | Thiết kế và phân tích chuỗi cung ứng                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 44   | Kỹ thuật điều độ trong sản xuất và dịch vụ                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60% |
| 45   | Logistics   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 46   | Nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 47   | Quản trị kho bãi và phân phối                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 48   | Quản trị xuất nhập khẩu                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 49   | Quản trị mua hàng   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 50   | Thương mại điện tử trong Logistics và quản trị chuỗi cung ứng | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 50%                       | 50% |
| 51   | Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | 40%                       | 60% |
| 52   | Thực tập tốt nghiệp Logistics & Quản trị chuỗi cung ứng       | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 3 | Học kỳ 8 | GVHD: 50%, GV vấn đáp 50% |     |

|    |  |                                 |   |          |                          |     |
|----|--|---------------------------------|---|----------|--------------------------|-----|
| 53 | Khóa luận tốt nghiệp Logistics & Quản trị chuỗi cung ứng | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 6 | Học kỳ 8 | GVHD: 25%, HD: 75% (3GV) |     |
| 54 | Nghiệp vụ Logistics                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | 50%                      | 50% |
| 55 | Chuyên đề Chuỗi cung ứng                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | Học kỳ 8 | 40%                      | 60% |

### 1.2. Ngành Tài chính – Ngân hàng khóa 47, 46, 45, 44:

| STT            | Tên môn học                    | Mục đích môn học                             | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên     |
|----------------|--------------------------------|--|------------|----------------------|------------------------------------|
| <b>KHÓA 47</b> |                                |  |            |                      |                                    |
| 1              | Tiếng Anh 1                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 3          | Học kỳ 1             | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 2              | Kinh tế vi mô                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 1             | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 3              | Kinh tế vĩ mô                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 1             | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 4              | Toán cao cấp cho kinh tế       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2          | Học kỳ 1             | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 5              | Quản trị học                   | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2          | Học kỳ 1             | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 6              | Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2          | Học kỳ 1             | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 7              | Kỹ năng giao tiếp              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2          | Học kỳ 1             | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 8              | Giáo dục thể chất              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 9              | Pháp luật đại cương            | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2          | Học kỳ 2             | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 10             | Tiếng Anh 2                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 4          | Học kỳ 2             | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 11             | Tin học cơ sở                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 2             | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 12             | Triết học Mác – Lênin          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 3          | Học kỳ 2             | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 13             | Toán kinh tế                   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 2             | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 14             | Nguyên lý kế toán              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 2             | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 15             | Giáo dục thể chất              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| <b>KHÓA 46</b> |                                |  |            |                      |                                    |

|                |  |  |   |          |                                    |
|----------------|--|--|---|----------|------------------------------------|
| 16             | Kinh tế chính trị Mác – Lênin          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2 | Học kỳ 3 | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 17             | Lý thuyết Xác suất & Thống kê toán     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 3 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 18             | Nhập môn Tài chính - Tiền tệ           | Trang bị kiến thức ngành                     | 4 | Học kỳ 3 | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 19             | Marketing căn bản                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 3 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 20             | Toán tài chính                         | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 3 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 21             | Giáo dục thể chất                      | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 22             | Quản trị nhân lực                      | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2 | Học kỳ 3 | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 23             | Quản trị đổi mới sáng tạo              | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2 | Học kỳ 3 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 24             | Trách nhiệm xã hội của DN              | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2 | Học kỳ 3 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 25             | Quản trị doanh nghiệp                  | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2 | Học kỳ 3 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 26             | Chủ nghĩa xã hội khoa học              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2 | Học kỳ 4 | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 27             | Kế toán tài chính                      | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 3 | Học kỳ 4 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 28             | Nguyên lý và thực hành bảo hiểm        | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 4 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 29             | Tài chính doanh nghiệp                 | Trang bị kiến thức ngành                     | 4 | Học kỳ 4 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 30             | Giáo dục thể chất                      | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 4 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 31             | Luật kinh doanh                        | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2 | Học kỳ 4 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 32             | Kinh tế quốc tế                        | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2 | Học kỳ 4 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 33             | Lãnh đạo học                           | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2 | Học kỳ 4 | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 34             | Tổ chức sự kiện                        | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2 | Học kỳ 4 | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 35             | Phương pháp nghiên cứu trong tài chính | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành              | 2 | Học kỳ 4 | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| <b>KHÓA 45</b> |  |  |   |          |                                    |
| 36             | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam         | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2 | Học kỳ 5 | Quá trình: 30%                     |

|                |   |                                       |   |          |                                    |
|----------------|---|---------------------------------------|---|----------|------------------------------------|
|                |   |                                       |   |          | Thi cuối kỳ: 70%                   |
| 37             | Phân tích dữ liệu trong kinh doanh      | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành       | 2 | Học kỳ 5 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 38             | Lý thuyết tài chính công                | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 5 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 39             | Tiếng Anh chuyên ngành TC-NH            | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành       | 2 | Học kỳ 5 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 40             | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại          | Trang bị kiến thức ngành              | 4 | Học kỳ 5 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 41             | Thực tế chuyên môn ngành TC-NH          | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành       | 1 | Học kỳ 5 | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 42             | Đối thoại với chuyên gia TC-NH          | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành       | 1 | Học kỳ 5 | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 43             | Thị trường chứng khoán                  | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 5 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 44             | Công nghệ tài chính                     | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 5 | Quá trình: 50%<br>Thi cuối kỳ: 50% |
| 45             | Tài chính quốc tế                       | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 5 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 46             | Khởi nghiệp                             | Trang bị kiến thức bổ trợ ngành       | 2 | Học kỳ 6 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 47             | Thanh toán quốc tế                      | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 6 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 48             | Thuế                                    | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 6 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 49             | Tư tưởng Hồ Chí Minh                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 6 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 50             | Thực tập tổng hợp                       | Trang bị kiến thức ngành              | 2 | Học kỳ 6 | GVHD: 50%, GV vấn đáp 50%          |
| 51             | Tài chính hành vi                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 52             | Phân tích dự án đầu tư                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 53             | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại hiện đại | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | Học kỳ 6 | Quá trình: 40%<br>Thi cuối kỳ: 60% |
| 54             | Thị trường chứng khoán                  | Trang bị kiến thức ngành              | 3 | Học kỳ 6 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| <b>KHÓA 44</b> |   |                                       |   |          |                                    |
| 55             | Chuyên đề phân tích dự án đầu tư        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 56             | Phân tích và đầu tư chứng khoán         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 57             | Pháp luật Tài chính - Kế toán           | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%                     |

|    |  |                                 |   |          |                                    |
|----|--|---------------------------------|---|----------|------------------------------------|
|    |  |                                 |   |          | Thi cuối kỳ: 70%                   |
| 58 | Quản trị rủi ro tài chính                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 59 | Tài chính công ty đa quốc gia                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 60 | Tài chính doanh nghiệp nâng cao                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 61 | Phân tích tài chính                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 62 | Kế toán ngân hàng                                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 63 | Nghiệp vụ ngân hàng trung ương                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 64 | Thẩm định tín dụng                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 65 | Quản trị ngân hàng thương mại                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 66 | Thanh toán quốc tế nâng cao                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 67 | Kinh doanh bảo hiểm                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 68 | Kỹ năng giao dịch trong kinh doanh ngân hàng         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 69 | Thực tập tốt nghiệp (Chuyên ngành TCDN)              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | GVHD: 50%, GV vấn đáp 50%          |
| 70 | Khóa luận tốt nghiệp (Chuyên ngành TCDN)             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 7 | Học kỳ 8 | Bảo vệ KLTN trước HĐ đánh giá KLTN |
| 71 | Chuyên đề Quản lý đầu tư tài chính                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 72 | Chuyên đề Quản lý tài chính doanh nghiệp             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | Học kỳ 8 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 73 | Thực tập tốt nghiệp (CN NH&KDTT)                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | GVHD: 50%, GV vấn đáp 50%          |
| 74 | Khóa luận tốt nghiệp (CN NH&KDTT)                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 7 | Học kỳ 8 | Bảo vệ KLTN trước HĐ đánh giá KLTN |
| 75 | Chuyên đề Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | Học kỳ 8 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |
| 76 | Nghiệp vụ ngân hàng thực hành                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Quá trình: 30%<br>Thi cuối kỳ: 70% |

### 1.3. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Khóa 47, 46, 45, 44):

| STT            | Tên môn học  | Mục đích môn học                      | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên                                      |
|----------------|--|---------------------------------------|------------|----------------------|---|
| <b>Khóa 47</b> |  |                                       |            |                      |   |
| 1              | Tiếng Anh 1  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 3          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 2              | Kỹ năng giao tiếp  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi vấn đáp)   |
| 3              | Kinh tế vi mô  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 4              | Kinh tế vĩ mô  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 5              | Đại cương lịch sử Việt Nam                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 6              | Cơ sở văn hóa Việt Nam                                   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 7              | <i>Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)</i>               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 8              | <i>Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)</i>           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 9              | <i>Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)</i>               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 10             | <i>Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)</i>              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 11             | <i>Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)</i> | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 12             | <i>Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)</i>          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 13             | <i>Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)</i>           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 14             | Tiếng Anh 2  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 4          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 15             | Lễ tân ngoại giao  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi vấn đáp)   |
| 16             | Pháp luật đại cương                                      | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 17             | Triết học Mác – Lênin                                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 3          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 18             | Địa lý du lịch   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 19             | Tin học cơ sở  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 20             | <i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)</i>               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |

|                |   |                                       |   |          |   |
|----------------|---|---------------------------------------|---|----------|---|
| 21             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 22             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 23             | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 24             | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 25             | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 26             | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| <b>Khóa 46</b> |   |                                       |   |          |   |
| 1              | Nghệ thuật truyền thống Việt Nam                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 2              | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 3              | Quản trị học                                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 4              | Văn hóa du lịch                                   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 5              | Nhập môn du lịch                                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 6              | Nguyên lý kế toán                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 7              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 8              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 9              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 10             | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 11             | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 12             | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 13             | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 14             | Nghiệp vụ xuất nhập cảnh và hàng không            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 15             | Y tế và an toàn trong du lịch                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |

|                |  |                                       |   |          |   |
|----------------|--|---------------------------------------|---|----------|---|
| 16             | Thống kê du lịch   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 17             | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                      | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 18             | Quản trị nhân lực  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 19             | Phương pháp thuyết minh trong du lịch                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi thực hành) |
| 20             | Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 21             | Tài chính - tiền tệ  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 22             | Quản lý tài chính cá nhân                                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 23             | Thanh toán quốc tế trong du lịch                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 24             | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành dịch vụ            | Trang bị kiến thức bổ trợ             | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| <b>Khóa 45</b> |  |                                       |   |          |   |
| 1              | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 2              | Marketing du lịch và khách sạn                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 3              | Tiếng Anh chuyên ngành du lịch và khách sạn 1                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp)   |
| 4              | Khởi nghiệp  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 5              | Kinh doanh du lịch trực tuyến                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 6              | Quản trị tài chính trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 7              | Thực tế chuyên môn 1: Tham quan và khảo sát tuyến điểm du lịch | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 5 | Đánh giá trong tour + chấm bài thu hoạch:<br>100%                   |
| 8              | Tuyến điểm du lịch Việt Nam                                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 9              | Tư tưởng Hồ Chí Minh   | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 10             | Tiếng Anh chuyên ngành du lịch và khách sạn 2                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp)   |
| 11             | Nghệ vụ hướng dẫn du lịch                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi thực hành) |
| 12             | Du lịch sinh thái  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |



|                |  |                                 |   |          |   |
|----------------|--|---------------------------------|---|----------|---|
| 13             | Du lịch Văn hóa  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 14             | Quản trị du lịch MICE                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 15             | Thực tập tổng hợp                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thực tập công ty + chấm bài thu hoạch:<br>100%                      |
| 16             | Thực tế chuyên môn 2: Tham quan và hướng dẫn du lịch 1 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Đánh giá trong tour + chấm bài thu hoạch:<br>100%                   |
| 17             | Hành vi khách du lịch                                  | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 18             | Đạo đức trong kinh doanh du lịch và khách sạn          | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 19             | Quản trị đổi mới sáng tạo                              | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| <b>Khóa 44</b> |  |                                 |   |          |   |
| 1              | Quản trị kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 2              | Quản trị kinh doanh lễ hành                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi thực hành) |
| 3              | Thiết kế và điều hành chương trình du lịch             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi thực hành) |
| 4              | Kỹ năng hoạt náo trong du lịch                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi thực hành) |
| 5              | Thực tế chuyên môn 3: Tham quan và hướng dẫn du lịch 2 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Đánh giá trong tour + chấm bài thu hoạch:<br>100%                   |
| 6              | Tiếng Pháp   | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 7              | Tiếng Trung  | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 8              | Quy hoạch và chính sách phát triển du lịch             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 9              | Phát triển du lịch bền vững                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 10             | Quản trị đại lý lễ hành                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 11             | Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 12             | Thực tập tốt nghiệp                                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Thực tập công ty + chấm bài thu hoạch:<br>100%                      |
| 13             | Khóa luận tốt nghiệp                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 6 | Học kỳ 8 | Bảo vệ trước hội đồng   |
| 14             | Quản trị điểm đến du lịch                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 15             | Nghiệp vụ lễ hành                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)                                      |

Điểm cuối kỳ: 50% (Thi thực hành)

**1.4. Ngành Quản trị khách sạn khóa 47, 46, 45, 44:**

| STT            | Tên môn học  | Mục đích môn học                      | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên                                      |
|----------------|--|---------------------------------------|------------|----------------------|---|
| <b>Khóa 47</b> |  |                                       |            |                      |   |
| 1              | Tiếng Anh 1  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 3          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 2              | Kỹ năng giao tiếp  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi vấn đáp)   |
| 3              | Kinh tế vi mô  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 4              | Kinh tế vĩ mô  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 5              | Nhập môn du lịch   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 6              | Địa lý du lịch   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 7              | <i>Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)</i>               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 8              | <i>Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)</i>           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 9              | <i>Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)</i>               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 10             | <i>Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)</i>              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 11             | <i>Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)</i> | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 12             | <i>Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)</i>          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 13             | <i>Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)</i>           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 14             | Quản trị học   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 15             | Tiếng Anh 2  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 4          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 16             | Triết học Mác – Lênin                                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 3          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 17             | Pháp luật đại cương                                      | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 18             | Lễ tân ngoại giao  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2          | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)                                      |

|                |   |                                       |   |          |   |
|----------------|---|---------------------------------------|---|----------|---|
|                |   |                                       |   |          | Điểm cuối kỳ: 50% (Thi vấn đáp)                                     |
| 19             | Văn hóa du lịch                                   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 20             | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi thực hành) |
| 21             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 22             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 23             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 24             | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 25             | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 26             | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 27             | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| <b>Khóa 46</b> |   |                                       |   |          |   |
| 1              | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                     | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 2              | Quản trị nhân lực                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 3              | Nguyên lý kế toán                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 4              | Marketing du lịch và khách sạn                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 5              | Tài chính - Tiền tệ                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 6              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 7              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 8              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 9              | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 10             | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 11             | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 12             | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 1 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)                                      |

|                |   |                                       |   |          |   |
|----------------|---|---------------------------------------|---|----------|---|
|                |   |                                       |   |          | Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                                   |
| 13             | Nghiệp vụ xuất nhập cảnh và hàng không                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 14             | Y tế và an toàn trong du lịch                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 15             | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                   | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 16             | Quản trị bếp và ẩm thực                                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 17             | Quản trị kinh doanh yến tiệc                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 18             | Quản trị buồng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 19             | Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 20             | Thực tế chuyên môn ngành khách sạn 1                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 4 | Đánh giá trong tour + chấm bài thu hoạch: 100%                      |
| 21             | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành dịch vụ         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 23             | Thanh toán quốc tế trong du lịch                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| <b>Khóa 45</b> |   |                                       |   |          |   |
| 1              | Thống kê du lịch  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 2              | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 3              | Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn 1                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp)   |
| 4              | Khởi nghiệp   | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 5              | Thực hành nghiệp vụ Buồng                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi thực hành) |
| 6              | Thực hành nghiệp vụ Nhà hàng                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi thực hành) |
| 7              | Kinh doanh du lịch trực tuyến                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 8              | Quản trị tài chính trong doanh nghiệp lữ hành và khách sạn  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 9              | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 10             | Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn 2                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp)   |
| 11             | Quản trị tiền sảnh - lễ tân                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)                                      |

|                |  |                                 |   |          |   |
|----------------|--|---------------------------------|---|----------|---|
|                |  |                                 |   |          | Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)  |
| 12             | Thực tập tổng hợp  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thực tập công ty + chấm bài thu hoạch: 100%                         |
| 13             | Quản lý và vận hành du thuyền                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 14             | Quản trị du lịch MICE  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 15             | Hành vi khách du lịch  | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 16             | Đạo đức trong kinh doanh du lịch và khách sạn                | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 17             | Du lịch sinh thái  | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 18             | Du lịch Văn hóa  | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 19             | Quy hoạch và chính sách du lịch                              | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 20             | Quản trị đổi mới sáng tạo                                    | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 21             | Thực tế chuyên môn ngành khách sạn 2                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Đánh giá trong tour + chấm bài thu hoạch: 100%                      |
| <b>Khóa 44</b> |  |                                 |   |          |   |
| 1              | Quản trị kinh doanh Nhà hàng - Khách sạn                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 2              | Quản trị kinh doanh lễ hành                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi thực hành) |
| 3              | Nghiệp vụ Bartender  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 4              | Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh nhà hàng- khách sạn | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 5              | Thực hành nghiệp vụ tiền sảnh – lễ tân                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi thực hành) |
| 6              | Quản trị an ninh và an toàn khách sạn                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 7              | Quản trị thực phẩm đồ uống                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 50% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 50% (Thi viết)      |
| 8              | Tiếng Pháp   | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 70% (Thi viết)      |
| 9              | Tiếng Trung  | Trang bị kiến thức bổ trợ       | 3 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 10             | Thực tập tốt nghiệp  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Thực tập công ty + chấm bài thu hoạch: 100%                         |
| 11             | Khóa luận tốt nghiệp   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 6 | Học kỳ 8 | Bảo vệ trước hội đồng   |

|    |   |                                 |   |          |  |
|----|---|---------------------------------|---|----------|--|
| 12 | Quản trị Khu du lịch                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết) |
| 13 | Nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng – khách sạn | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 40% (kiểm tra)<br>Điểm cuối kỳ: 60% (Thi viết) |

### 1.5. Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng khóa 47, 46, 45:

| STT            | Tên môn học                                       | Mục đích môn học                             | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |         |
|----------------|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|---------|
|                |   |  |            |                      | Quá trình                      | Cuối kỳ |
| <b>Khóa 47</b> |   |  |            |                      |                                |         |
| 1              | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 3          | Học kỳ 1             | 30%                            | 70%     |
| 2              | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2          | Học kỳ 1             | 50%                            | 50%     |
| 3              | Kinh tế vi mô                                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 4              | Kinh tế vĩ mô                                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 5              | Toán kinh tế                                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 1             | 30%                            | 70%     |
| 6              | Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch                    | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 7              | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 8              | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chày 1) (*)             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 9              | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 10             | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 11             | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 12             | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 13             | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 1             | 40%                            | 60%     |
| 14             | Triết học Mác – Lênin                             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 3          | Học kỳ 2             | 50%                            | 50%     |
| 15             | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 2             | 30%                            | 70%     |
| 16             | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 4          | Học kỳ 2             | 30%                            | 70%     |
| 17             | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2          | Học kỳ 2             | 50%                            | 50%     |
| 18             | Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành               | 3          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 19             | Marketing căn bản                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3          | Học kỳ 2             | 50%                            | 50%     |
| 20             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 21             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chày 2) (*)             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 22             | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 23             | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 24             | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 25             | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| 26             | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1          | Học kỳ 2             | 40%                            | 60%     |
| <b>Khóa 46</b> |   |  |            |                      |                                |         |
| 1              | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                     | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2          | Học kỳ 3             | 50%                            | 50%     |
| 2              | Kinh doanh thương mại dịch vụ                     | Trang bị kiến thức ngành                     | 3          | Học kỳ 3             | 40%                            | 60%     |

|                |   |  |   |          |                           |     |
|----------------|---|--|---|----------|---------------------------|-----|
| 3              | Nguyên lý kế toán                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 3 | 40%                       | 60% |
| 4              | Quản trị học                                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 3 | 50%                       | 50% |
| 5              | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh  | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 3 | Học kỳ 3 | 50%                       | 50% |
| 6              | Tài chính - Tiền tệ                               | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 3 | Học kỳ 3 | 40%                       | 60% |
| 7              | Địa lý vận tải                                    | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 3 | 50%                       | 50% |
| 8              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%                       | 60% |
| 9              | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%                       | 60% |
| 10             | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%                       | 60% |
| 11             | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%                       | 60% |
| 12             | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%                       | 60% |
| 13             | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%                       | 60% |
| 14             | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 1 | Học kỳ 3 | 40%                       | 60% |
| 15             | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2 | Học kỳ 4 | 50%                       | 50% |
| 16             | Quản trị nhân lực                                 | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 4 | 50%                       | 50% |
| 17             | Quản trị tài chính                                | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 4 | 40%                       | 60% |
| 18             | Quản trị chiến lược                               | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 4 | 40%                       | 60% |
| 19             | Hệ thống thông tin quản lý trong logistics        | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 4 | 40%                       | 60% |
| 20             | Thực tế nghề nghiệp                               | Trang bị kiến thức ngành                     | 1 | Học kỳ 4 | 50%                       | 50% |
| 21             | Pháp luật vận tải                                 | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 4 | 50%                       | 50% |
| 22             | Quản lý tài chính cá nhân                         | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 4 | 50%                       | 50% |
| <b>Khóa 45</b> |   |  |   |          |                           |     |
| 1              | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50% |
| 2              | Phân tích dữ liệu trong kinh doanh                | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 3 | Học kỳ 5 | 40%                       | 60% |
| 3              | Thương mại điện tử                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành              | 3 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50% |
| 4              | Quản trị sản xuất và tác nghiệp                   | Trang bị kiến thức ngành                     | 3 | Học kỳ 5 | 40%                       | 60% |
| 5              | Kỹ thuật mô hình hóa và mô phỏng                  | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | 40%                       | 60% |
| 6              | Quản trị đổi mới sáng tạo                         | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | 40%                       | 60% |
| 7              | Tổ chức sự kiện                                   | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50% |
| 8              | Hành vi khách hàng                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành              | 2 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50% |
| 9              | Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp               | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | 50%                       | 50% |
| 10             | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50% |
| 11             | Khởi nghiệp                                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương        | 2 | Học kỳ 6 | 40%                       | 60% |
| 12             | Tiếng Anh chuyên ngành                            | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50% |
| 13             | Quản trị mua hàng                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành              | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50% |
| 14             | Digital Marketing                                 | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50% |
| 15             | Thanh toán quốc tế                                | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 6 | 40%                       | 60% |
| 16             | Quản trị xuất nhập khẩu                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành              | 3 | Học kỳ 6 | 50%                       | 50% |
| 17             | Thực tập tổng hợp                                 | Trang bị kiến thức bổ trợ                    | 2 | Học kỳ 6 | GVHD: 50%, GV vấn đáp 50% |     |

## 2. Trình độ thạc sĩ

### 2.1. Ngành Quản trị kinh doanh (Cao học) khóa 27, 26:

| STT            | Tên môn học                                      | Mục đích môn học                         | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá học viên |         |
|----------------|--|--|------------|----------------------|-------------------------------|---------|
|                |  |  |            |                      | Quá trình                     | Cuối kỳ |
| <b>Khóa 27</b> |  |  |            |                      |                               |         |
| 1              | Triết học  | Trang bị kiến thức chung                 | 4          | Học kỳ 1             | 30%                           | 70%     |
| 2              | Kinh tế quản lý                                  | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | 30%                           | 70%     |
| 3              | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | 50%                           | 50%     |
| 4              | Quản trị nguồn nhân lực                          | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | 50%                           | 50%     |
| 5              | Quản trị marketing                               | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | 40%                           | 60%     |
| 6              | Quản trị chiến lược                              | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | 30%                           | 70%     |
| 7              | Quản trị tác nghiệp                              | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | 50%                           | 50%     |
| 8              | Quản trị tài chính                               | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | 40%                           | 60%     |
| 9              | Kỹ năng đàm phán                                 | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 2          | Học kỳ 2             | 50%                           | 50%     |
| 10             | Lãnh đạo   | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 2          | Học kỳ 2             | 50%                           | 50%     |
| 11             | Quản trị sự đổi mới                              | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 2          | Học kỳ 2             | 50%                           | 50%     |
| 12             | Quản trị chất lượng                              | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 2          | Học kỳ 2             | 50%                           | 50%     |
| 13             | Quản trị quan hệ khách hàng                      | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 2          | Học kỳ 2             | 40%                           | 60%     |
| 14             | Thương mại điện tử                               | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 2          | Học kỳ 2             | 50%                           | 50%     |
| 15             | Digital marketing                                | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 2          | Học kỳ 2             | 50%                           | 50%     |
| 16             | Quản trị danh mục đầu tư                         | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 2          | Học kỳ 2             | 40%                           | 60%     |
| 17             | Quản trị hãng lễ hành                            | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 2          | Học kỳ 2             | 50%                           | 50%     |
| <b>Khóa 26</b> |  |  |            |                      |                               |         |
| 1              | Thực tập chuyên môn 1                            | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 2          | Học kỳ 3             |                               | 100%    |
| 2              | Hành vi tổ chức                                  | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | 50%                           | 50%     |
| 3              | Quản trị dự án                                   | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | 30%                           | 70%     |
| 4              | Quản trị kinh doanh quốc tế                      | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | 50%                           | 50%     |
| 5              | Quản trị rủi ro                                  | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | 50%                           | 50%     |
| 6              | Quản trị chuỗi cung ứng                          | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | 50%                           | 50%     |
| 7              | Kế toán quản trị                                 | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | 50%                           | 50%     |
| 8              | Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh         | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | 50%                           | 50%     |
| 9              | Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp              | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | 40%                           | 60%     |
| 10             | Phân tích chính sách công                        | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | 50%                           | 50%     |
| 11             | Thực tập chuyên môn 2                            | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 4          | Học kỳ 4             |                               | 100%    |
| 12             | Đề án tốt nghiệp                                 | Trang bị kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 9          | Học kỳ 4             |                               | 100%    |



## VI. KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

### 1. Ngành Chính trị học (trình độ thạc sĩ) - Khoá 26; 27A

| STT | Tên môn học                                  | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá học viên  |
|-----|--|---|------------|----------------------|--|
| 1   | Triết học                                    | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4          | Học kỳ 1             | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số. |
| 2   | Quyền lực chính trị trong thế giới đương đại | Trang bị kiến thức cơ sở                    | 2          | Học kỳ 1             | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.          |
| 3   | Quan hệ giữa kinh tế và chính trị            | Trang bị kiến thức cơ sở                    | 2          | Học kỳ 1             | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.          |
| 4   | Khoa học lãnh đạo và quản lý                 | Trang bị kiến thức cơ sở                    | 2          | Học kỳ 1             | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.        |

|   |   |                          |   |          |  |
|---|---|--------------------------|---|----------|--|
| 5 | Thế chế chính trị việt nam hiện đại                         | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 2 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.          |
| 6 | Phân tích và đánh giá chính sách công                       | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,5.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,2<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,5.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số. |
| 7 | Quản lý và giải tỏa xung đột xã hội ở việt nam              | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.          |
| 8 | Thời đại ngày nay và định hướng xã hội chủ nghĩa ở việt nam | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.        |
| 9 | Lịch sử chính trị việt nam                                  | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.   |

|    |   |                                 |   |          |   |
|----|---|---------------------------------|---|----------|---|
|    |   |                                 |   |          | Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.  |
| 10 | Con người chính trị và văn hóa chính trị                            | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 11 | Phương pháp nghiên cứu khoa học chính trị                           | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 1 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 12 | Chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 13 | Định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 14 | Công nghệ chính trị   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3   |

|    |  |                                 |   |          |  |
|----|--|---------------------------------|---|----------|--|
|    |  |                                 |   |          | <p>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br/>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p>   |
| 15 | Nhà nước pháp quyền và xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | <p>- Thang điểm đánh giá: 10/10.<br/>Trong đó:<br/>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br/>+ Chuyên cần: 0,2<br/>+ Thảo luận: 0,2<br/>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br/>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p> |
| 16 | Dân chủ và dân chủ hóa trong thể chế chính trị                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | <p>- Thang điểm đánh giá: 10/10.<br/>Trong đó:<br/>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br/>+ Chuyên cần: 0,1<br/>+ Thảo luận: 0,3<br/>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br/>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p> |
| 17 | Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | <p>- Thang điểm đánh giá: 10/10.<br/>Trong đó:<br/>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br/>+ Chuyên cần: 0,1<br/>+ Thảo luận: 0,3<br/>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br/>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p> |
| 18 | Lý luận và thực tiễn về xã hội dân sự                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | <p>- Thang điểm đánh giá: 10/10.<br/>Trong đó:<br/>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br/>+ Chuyên cần: 0,1<br/>+ Thảo luận: 0,3<br/>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br/>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p> |
| 19 | Quy trình và kỹ năng ra quyết định chính trị                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | <p>- Thang điểm đánh giá: 10/10.<br/>Trong đó:<br/>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br/>+ Chuyên cần: 0,2</p>  |

|    |   |                                 |   |          |  |
|----|---|---------------------------------|---|----------|--|
|    |   |                                 |   |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thảo luận: 0,2</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> <p>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p>   |
| 20 | Đảng cầm quyền trong hệ thống chính trị                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Thảo luận: 0,3</li> </ul> </li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> <p>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p>              |
| 21 | Triết học chính trị   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Thảo luận: 0,1</li> <li>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2</li> </ul> </li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> <p>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.</p> |
| 22 | Lịch sử tư tưởng chính trị                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Thảo luận: 0,3</li> </ul> </li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> <p>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p>              |
| 23 | Xung đột và giải quyết xung đột quốc tế                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,2</li> <li>+ Thảo luận: 0,2</li> </ul> </li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> <p>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p>              |
| 24 | Chủ quyền và bảo vệ chủ quyền quốc gia trong thế giới đương đại | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> </ul> </li> </ul>   |

|    |  |                                 |   |          |   |
|----|--|---------------------------------|---|----------|---|
|    |  |                                 |   |          | + Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 25 | An ninh phi truyền thống trong thế giới đương đại                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 26 | Quyền con người và vấn đề nhân quyền trong thế giới đương đại            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 27 | Thực tiễn tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị các cấp            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần. Chấm báo cáo theo hình thức chấm chéo, điểm GVHD chiếm 50%, điểm GV chấm chéo (có thể chấm hoặc vấn đáp) chiếm 50%.   |
| 28 | Thực tiễn hoạch định và thực thi chính sách công của chính quyền các cấp | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần. Chấm báo cáo theo hình thức chấm chéo, điểm GVHD chiếm 50%, điểm GV chấm chéo (có thể chấm hoặc vấn đáp) chiếm 50%.   |

## 2. Ngành Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ) - Khóa 26A; 26B; 27

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên   |
|-----|-------------|---|------------|----------------------|--|
| 1   | Triết học   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4          | Học kỳ 1             | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4. |

|   |  |                                 |   |          |   |
|---|--|---------------------------------|---|----------|---|
|   |  |                                 |   |          | + Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần đã nhân trọng số.   |
| 2 | Những vấn đề Kinh tế chính trị đương đại | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 1 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.  |
| 3 | Kinh tế vi mô cho nhà quản lý            | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 1 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 4 | Kinh tế vĩ mô cho nhà quản lý            | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 1 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,5.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,2<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,5.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.      |
| 5 | Khoa học lãnh đạo và quản lý             | Trang bị kiến thức cơ sở        | 3 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,5.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,2<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,5.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 6 | Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 7 | Phân tích chính sách kinh tế nâng cao    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.   |

|    |  |                                 |   |          |   |
|----|--|---------------------------------|---|----------|---|
|    |  |                                 |   |          | Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,5.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,2<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,5.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.   |
| 8  | Quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn nâng cao                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,15<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,15<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 9  | Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản nâng cao              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 10 | Quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa và phát triển bền vững ở Việt Nam | Trang bị kiến thức cơ sở        | 3 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.  |
| 11 | Phương pháp nghiên cứu khoa học Quản lý kinh tế                      | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 1 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,15<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,15<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 12 | Quản lý công nâng cao  | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 1 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (tiểu luận) đã nhân trọng số.   |



|    |                                     |                                 |   |          |   |
|----|-------------------------------------|---------------------------------|---|----------|---|
| 13 | Luật kinh tế nâng cao               | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 2 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.      |
| 14 | Lịch sử tư tưởng quản lý            | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 2 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.                                 |
| 15 | Văn hóa trong quản lý và kinh doanh | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 1 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,1<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 16 | Kinh tế học quản lý                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 1 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.  |
| 17 | Tâm lý học quản lý                  | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 1 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 18 | Kinh tế đầu tư nâng cao             | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,1  |

|    |                                       |                                 |   |          |   |
|----|---------------------------------------|---------------------------------|---|----------|---|
|    |                                       |                                 |   |          | - Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 19 | Quản lý tổ chức và nhân sự            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 20 | Quản lý nhà nước về du lịch           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,15<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,15<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 21 | Quản lý nhà nước về doanh nghiệp      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.  |
| 22 | Phát triển kinh tế vùng và địa phương | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,1<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 23 | Quản lý sự thay đổi và đổi mới        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,1<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 24 | Quản lý nhà nước về xã hội            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:  |

|    |                                |                                 |   |          |  |
|----|--------------------------------|---------------------------------|---|----------|--|
|    |                                |                                 |   |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Bài tập: 0,15</li> <li>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,15</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 25 | Quản lý nhà nước về thương mại | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,3.</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.   |
| 26 | Quản trị chiến lược nâng cao   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.  |
| 27 | Thực tập 1                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần. Chấm báo cáo theo hình thức chấm chéo, điểm GVHD chiếm 50%, điểm GV chấm chéo chiếm 50%.   |
| 28 | Thực tập 2                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần. Chấm báo cáo theo hình thức chấm chéo, điểm GVHD chiếm 50%, điểm GV chấm chéo chiếm 50%.   |

### 3. Ngành Chính trị học( trình độ thạc sĩ) - Khoá 25B

| STT | Tên môn học                                  | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá học viên  |
|-----|--|---|------------|----------------------|--|
| 1   | Triết học                                    | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4          | Học kỳ 1             | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Thảo luận: 0,1</li> <li>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số. |
| 2   | Quyền lực chính trị trong thế giới đương đại | Trang bị kiến thức cơ sở                    | 2          | Học kỳ 1             | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> </ul>   |

|   |  |                          |   |          |   |
|---|--|--------------------------|---|----------|---|
|   |  |                          |   |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thảo luận: 0,3</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 3 | Quan hệ giữa kinh tế và chính trị              | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Thảo luận: 0,3</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.                               |
| 4 | Khoa học lãnh đạo và quản lý                   | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,2</li> <li>+ Thảo luận: 0,2</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.              |
| 5 | Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại            | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 2 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Thảo luận: 0,3</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.                               |
| 6 | Phân tích và đánh giá chính sách công          | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,5.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Bài tập: 0,2</li> <li>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,5.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số. |
| 7 | Quản lý và giải tỏa xung đột xã hội ở Việt Nam | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:  |

|    |   |                          |   |          |  |
|----|---|--------------------------|---|----------|--|
|    |   |                          |   |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Thảo luận: 0,3</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> <p>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p>  |
| 8  | Thời đại ngày nay và định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Thảo luận: 0,3</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> <p>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p>                                |
| 9  | Lịch sử chính trị Việt Nam                                  | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Thảo luận: 0,1</li> <li>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> <p>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p> |
| 10 | Con người chính trị và văn hóa chính trị                    | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,2</li> <li>+ Thảo luận: 0,2</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> <p>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p>                                |
| 11 | Phương pháp nghiên cứu khoa học chính trị                   | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,2</li> <li>+ Thảo luận: 0,2</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> <p>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.</p>                                |

|    |   |                                 |   |          |   |
|----|---|---------------------------------|---|----------|---|
| 12 | Chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 13 | Định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 14 | Công nghệ chính trị   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 15 | Nhà nước pháp quyền và xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 16 | Dân chủ và dân chủ hóa trong thể chế chính trị                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |

|    |  |                                 |   |          |   |
|----|--|---------------------------------|---|----------|---|
|    |  |                                 |   |          | số.   |
| 17 | Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 18 | Lý luận và thực tiễn về xã hội dân sự            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 19 | Quy trình và kỹ năng ra quyết định chính trị     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 20 | Đảng cầm quyền trong hệ thống chính trị          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 21 | Triết học chính trị                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.  |

|    |   |                                 |   |          |   |
|----|---|---------------------------------|---|----------|---|
|    |   |                                 |   |          | Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.  |
| 22 | Lịch sử tư tưởng chính trị                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 23 | Xung đột và giải quyết xung đột quốc tế                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 24 | Chủ quyền và bảo vệ chủ quyền quốc gia trong thế giới đương đại | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 25 | An ninh phi truyền thống trong thế giới đương đại               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 26 | Quyền con người và vấn đề nhân quyền trong thế giới đương đại   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,2<br>+ Thảo luận: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.   |



|    |  |                                 |   |          |   |
|----|--|---------------------------------|---|----------|---|
|    |  |                                 |   |          | Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết/vấn đáp/tiểu luận) đã nhân trọng số.  |
| 27 | Thực tiễn tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị các cấp            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần. Chấm báo cáo theo hình thức chấm chéo, điểm GVHD chiếm 50%, điểm GV chấm chéo (có thể chấm hoặc vấn đáp) chiếm 50%. |
| 28 | Thực tiễn hoạch định và thực thi chính sách công của chính quyền các cấp | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần. Chấm báo cáo theo hình thức chấm chéo, điểm GVHD chiếm 50%, điểm GV chấm chéo (có thể chấm hoặc vấn đáp) chiếm 50%. |

### 3. Ngành Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ) - Khoá 25B

| STT | Tên môn học                              | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên  |
|-----|--|---|------------|----------------------|---|
| 1   | Triết học                                | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4          | Học kỳ 1             | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Thảo luận: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần đã nhân trọng số. |
| 2   | Những vấn đề Kinh tế chính trị đương đại | Trang bị kiến thức cơ sở                    | 2          | Học kỳ 1             | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.  |
| 3   | Kinh tế vi mô cho nhà quản lý            | Trang bị kiến thức cơ sở                    | 2          | Học kỳ 1             | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 4   | Kinh tế vĩ mô cho nhà quản lý            | Trang bị kiến thức cơ sở                    | 2          | Học kỳ 1             | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,5.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,2   |

|   |   |                                 |   |          |  |
|---|---|---------------------------------|---|----------|--|
|   |   |                                 |   |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,5.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.   |
| 5 | Khoa học lãnh đạo và quản lý                            | Trang bị kiến thức cơ sở        | 3 | Học kỳ 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,5.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Bài tập: 0,2</li> <li>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,5.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (tiểu luận) đã nhân trọng số.             |
| 6 | Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,3.</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 7 | Phân tích chính sách kinh tế nâng cao                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,5.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Bài tập: 0,2</li> <li>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,5.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.                  |
| 8 | Quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn nâng cao     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>+ Chuyên cần: 0,1</li> <li>+ Bài tập: 0,15</li> <li>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,15</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 9 | Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản nâng cao | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang điểm đánh giá: 10/10.</li> <li>Trong đó:</li> <li>- Quá trình - Trọng số: 0,4.</li> <li>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.</li> </ul> Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (tiểu luận) đã nhân trọng số.   |

|    |  |                          |   |          |   |
|----|--|--------------------------|---|----------|---|
| 10 | Quản lý kinh tế trong toàn cầu hóa và phát triển bền vững ở Việt Nam | Trang bị kiến thức cơ sở | 3 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.  |
| 11 | Phương pháp nghiên cứu khoa học Quản lý kinh tế                      | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,15<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,15<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiêu luận) đã nhân trọng số. |
| 12 | Quản lý công nghệ cao  | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (tiêu luận) đã nhân trọng số.   |
| 13 | Luật kinh tế nâng cao  | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 2 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,2<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.                  |
| 14 | Lịch sử tư tưởng quản lý   | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 2 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,3<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.   |
| 15 | Văn hóa trong quản lý và kinh doanh                                  | Trang bị kiến thức cơ sở | 2 | Học kỳ 1 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,1  |

|    |                                  |                                 |   |          |   |
|----|----------------------------------|---------------------------------|---|----------|---|
|    |                                  |                                 |   |          | - Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 16 | Kinh tế học quản lý              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 1 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.  |
| 17 | Tâm lý học quản lý               | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 1 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 18 | Kinh tế đầu tư nâng cao          | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,1<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 19 | Quản lý tổ chức và nhân sự       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 20 | Quản lý nhà nước về du lịch      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,15<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,15<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 21 | Quản lý nhà nước về doanh nghiệp | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi   |

|    |                                       |                                 |   |          |   |
|----|---------------------------------------|---------------------------------|---|----------|---|
|    |                                       |                                 |   |          | kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.  |
| 22 | Phát triển kinh tế vùng và địa phương | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,1<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 23 | Quản lý sự thay đổi và đổi mới        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,1<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,1<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 24 | Quản lý nhà nước về xã hội            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>+ Chuyên cần: 0,1<br>+ Bài tập: 0,15<br>+ Kiểm tra giữa kỳ: 0,15<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số. |
| 25 | Quản lý nhà nước về thương mại        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,3.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,7.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết) đã nhân trọng số.  |
| 26 | Quản trị chiến lược nâng cao          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | - Thang điểm đánh giá: 10/10.<br>Trong đó:<br>- Quá trình - Trọng số: 0,4.<br>- Thi kết thúc học phần - Trọng số: 0,6.<br>Điểm kết thúc học phần là tổng điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (viết hoặc tiểu luận) đã nhân trọng số.   |
| 27 | Thực tập 1                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần. Chấm báo cáo theo hình thức chấm chéo, điểm GVHD chiếm 50%, điểm GV chấm chéo chiếm 50%.  |

|    |            |                                 |   |          |  |
|----|------------|---------------------------------|---|----------|--|
| 28 | Thực tập 2 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần. Chấm báo cáo theo hình thức chấm chéo, điểm GVHD chiếm 50%, điểm GV chấm chéo chiếm 50%. |
|----|------------|---------------------------------|---|----------|--|

### 5. Ngành Quản lý nhà nước (trình độ đại học) - Khoá 46,47

| STT | Tên môn học  | Mục đích môn học                                   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên          |
|-----|--|--|------------|----------------------|---|
| 1   | Triết học Mác-Lênin                                    | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 3          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 2   | Kinh tế chính trị Mác-Lênin                            | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 3   | Chủ nghĩa xã hội khoa học                              | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 4   | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                         | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 5   | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                   | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 5             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 6   | Pháp luật đại cương                                    | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 7   | Giáo dục thể chất 1                                    | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 1          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 7   | Giáo dục thể chất 2                                    | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 1          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 8   | Giáo dục thể chất 3                                    | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 1          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 9   | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1                        | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 3          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 10  | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2                        | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 11  | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3                        | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 12  | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4                        | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 13  | Tiếng Anh 1  | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 3          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 14  | Tiếng Anh 2  | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 4          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 15  | Lịch sử văn minh thế giới                              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 16  | Đại cương văn hóa Việt Nam                             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 17  | Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 18  | Khoa học quản lý                                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 19  | Xã hội học   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 20  | Logic học  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 21  | Tâm lý học đại cương                                   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 22  | Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 23  | Chính trị học  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 24  | Kinh tế học  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 25  | Tin học cơ sở (xã hội)                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 3          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 26  | Hiến pháp và các Luật tổ chức bộ máy nhà nước          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 27  | Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 28  | Pháp luật Dân sự - Tổ tụng dân sự                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 29  | Pháp luật Hình sự và Tổ tụng hình sự                   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 30  | Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 7             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 31  | Lý luận hành chính nhà nước                            | Trang bị kiến thức ngành                           | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |

|    |  |                          |   |          |   |
|----|--|--------------------------|---|----------|---|
| 32 | Hành chính học so sánh                                       | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 33 | Đạo đức công vụ  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 34 | Nhân sự hành chính nhà nước                                  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 35 | Văn hóa giao tiếp hành chính                                 | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 36 | Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính                   | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 37 | Cải cách hành chính-lý luận và thực tiễn                     | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 38 | Quản lý và Phát triển tổ chức hành chính nhà nước            | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 39 | Quản lý nhà nước của cơ quan quyền lực và cơ quan tư pháp    | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 40 | Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam                         | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 41 | Công vụ công chức  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 42 | Chính phủ điện tử  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 43 | Pháp luật trong hành chính nhà nước                          | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 44 | Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội                          | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 45 | Quản lý nhà nước về kinh tế                                  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 46 | Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản               | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 47 | Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực xã hội                    | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 48 | Quản lý nhà nước về đô thị                                   | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 49 | Quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn      | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 50 | Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 51 | Quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường          | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 52 | Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng                      | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 53 | Quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo                        | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 54 | Quản lý nhà nước về đối ngoại                                | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 55 | Thông tin trong Quản lý nhà nước                             | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 56 | Quản lý công   | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 57 | Quản lý dự án  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 58 | Quản lý nhà nước về dân số và phát triển                     | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 59 | Quản lý thương mại   | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 60 | Rèn luyện nghiệp vụ hành chính                               | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 61 | Hoạch định và phân tích chính sách công                      | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 62 | Hoạch định chiến lược phát triển kinh tế-xã hội              | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 63 | Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo                    | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 64 | Kỹ năng giao tiếp hành chính                                 | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 65 | Kỹ năng làm việc nhóm  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 66 | Nghiệp vụ công tác văn thư                                   | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 67 | Kỹ năng quản trị công sở                                     | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 68 | Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin                          | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 69 | Nghiệp vụ công tác lưu trữ                                   | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |

|  |   |                          |   |          |   |
|--|---|--------------------------|---|----------|---|
| 70   | Kỹ năng viết báo cáo  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 71   | Kỹ năng quản lý thời gian   | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 72   | Thực tế chuyên môn  | Trang bị kiến thức ngành | 1 | Học kỳ 4 | Viết bài thu hoạch                      |
| 73   | Thực tập tốt nghiệp   | Trang bị kiến thức ngành | 5 | Học kỳ 8 | Viết báo cáo                            |
| <b>Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế</b> |   |                          |   |          |   |
| 74   | Khóa luận tốt nghiệp  | Trang bị kiến thức ngành | 6 | Học kỳ 8 | Thành lập hội đồng chấm                 |
| 75   | Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam hiện nay      | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| <b>Các học phần tự chọn 4TC/8TC</b>            |   |                          |   |          |   |
| 76   | Quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay           | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 77   | Quản lý nhà nước về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay    | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 78   | Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 79   | QLNN về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay                    | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |

#### 6. Ngành Quản lý nhà nước (trình độ đại học) - Khoá 44, 45:

| STT | Tên môn học                               | Mục đích môn học                                   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên          |
|-----|---|--|------------|----------------------|---|
| 1   | Triết học Mác-Lênin                       | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 3          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 2   | Kinh tế chính trị Mác-Lênin               | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 3   | Chủ nghĩa xã hội khoa học                 | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 4   | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam            | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 5   | Tư tưởng Hồ Chí Minh                      | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 5             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 6   | Pháp luật đại cương                       | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 7   | Giáo dục thể chất 1                       | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 1          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 7   | Giáo dục thể chất 2                       | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 1          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 8   | Giáo dục thể chất 3                       | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 1          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 9   | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1           | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 3          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 10  | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2           | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 11  | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3           | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 12  | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4           | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 13  | Tiếng Anh 1                               | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 3          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 14  | Tiếng Anh 2                               | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 4          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 15  | Lịch sử văn minh thế giới                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 16  | Đại cương văn hóa Việt Nam                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 17  | Dẫn luận ngôn ngữ và tiếng Việt thực hành | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 18  | Khoa học quản lý                          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 19  | Xã hội học                                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |



|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
| 20 | Logic học  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 21 | Tâm lý học đại cương   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 22 | Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 23 | Chính trị học  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 24 | Kinh tế học  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 25 | Tin học cơ sở (xã hội)                                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 26 | Hiến pháp và các Luật tổ chức bộ máy nhà nước                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 27 | Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính                        | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 28 | Pháp luật Dân sự - Tổ tụng dân sự                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 29 | Pháp luật Hình sự và Tổ tụng hình sự                         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 30 | Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 31 | Lý luận hành chính nhà nước                                  | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 32 | Hành chính học so sánh                                       | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 33 | Đạo đức công vụ  | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 34 | Nhân sự hành chính nhà nước                                  | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 35 | Văn hóa giao tiếp hành chính                                 | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 36 | Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính                   | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 37 | Cải cách hành chính-lý luận và thực tiễn                     | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 38 | Quản lý và Phát triển tổ chức hành chính nhà nước            | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 39 | Quản lý nhà nước của cơ quan quyền lực và cơ quan tư pháp    | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 40 | Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam                         | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 41 | Công vụ công chức  | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 42 | Chính phủ điện tử  | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 43 | Pháp luật trong hành chính nhà nước                          | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 44 | Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội                          | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 45 | Quản lý nhà nước về kinh tế                                  | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 46 | Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản               | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 47 | Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực xã hội                    | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 48 | Quản lý nhà nước về đô thị                                   | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 49 | Quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn      | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 50 | Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 51 | Quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường          | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 52 | Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng                      | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 53 | Quản lý nhà nước về dân tộc-, tôn giáo                       | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 54 | Quản lý nhà nước về đối ngoại                                | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 55 | Thông tin trong Quản lý nhà nước                             | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 56 | Quản lý công   | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 57 | Quản lý dự án  | Trang bị kiến thức ngành                     | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |

|  |   |                          |   |          |   |
|--|---|--------------------------|---|----------|---|
| 58   | Quản lý nhà nước về dân số và phát triển                              | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 59   | Quản lý thương mại  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 60   | Rèn luyện nghiệp vụ hành chính  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 61   | Hoạch định và phân tích chính sách công                               | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 62   | Hoạch định chiến lược phát triển kinh tế-xã hội                       | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 63   | Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo                             | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 64   | Kỹ năng giao tiếp hành chính  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 65   | Kỹ năng làm việc nhóm   | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 66   | Nghiệp vụ công tác văn thư  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 67   | Kỹ năng quản trị công sở  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 68   | Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin                                   | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 69   | Nghiệp vụ công tác lưu trữ  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 70   | Kỹ năng viết báo cáo  | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 71   | Kỹ năng quản lý thời gian   | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 72   | Thực tế chuyên môn  | Trang bị kiến thức ngành | 1 | Học kỳ 4 | Viết bài thu hoạch                      |
| 73   | Thực tập tốt nghiệp   | Trang bị kiến thức ngành | 5 | Học kỳ 8 | Viết báo cáo                            |
| <b>Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế</b> |   |                          |   |          |   |
| 74   | Khóa luận tốt nghiệp  | Trang bị kiến thức ngành | 6 | Học kỳ 8 | Thành lập hội đồng chấm                 |
| 75   | Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam hiện nay      | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| <b>Các học phần tự chọn 4TC/8TC</b>            |   |                          |   |          |   |
| 76   | Quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay           | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 77   | Quản lý nhà nước về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay    | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 78   | Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 79   | QLNN về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay                    | Trang bị kiến thức ngành | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |

### 7. Ngành Luật (trình độ đại học) - Khóa 46, 47

| STT | Tên môn học                    | Mục đích môn học                                   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên          |
|-----|--------------------------------|--|------------|----------------------|---|
| 1   | Triết học Mác-Lê nin           | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 3          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 2   | Kinh tế chính trị Mác-Lê nin   | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 3   | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 4   | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 5   | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 5             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 6   | Lịch sử nhà nước và pháp luật  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                    | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 7   | Giáo dục thể chất 1            | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                 | 1          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 8   | Giáo dục thể chất 2            | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                 | 1          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |

|    |   |   |   |          |   |
|----|---|---|---|----------|---|
| 9  | Giáo dục thể chất 3                             | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 1 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 10 | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1                 | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 3 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 11 | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2                 | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 12 | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3                 | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 13 | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4                 | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 14 | Tiếng Anh 1                                     | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 3 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 15 | Tiếng Anh 2                                     | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 4 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 16 | Khởi nghiệp                                     | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 17 | Kỹ năng giao tiếp                               | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 2 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 18 | Tin học cơ sở (Xã hội)                          | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 3 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 19 | Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý      | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 20 | Xã hội học pháp luật                            | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 21 | Tâm lý học tư pháp                              | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 22 | Logic học                                       | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 23 | Lý luận nhà nước và pháp luật                   | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 24 | Lý luận và pháp luật về quyền con người         | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 25 | Những quy định chung về Luật Dân sự             | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 26 | Luật Hình sự - Phần chung                       | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 27 | Luật Hiến pháp                                  | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 28 | Luật Hành chính                                 | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 29 | Công pháp quốc tế                               | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 30 | Tư pháp quốc tế                                 | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 31 | Luật Hình sự - Phần các tội phạm                | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 32 | Tội phạm học                                    | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 33 | Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế   | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 34 | Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 35 | Luật Tố tụng hình sự                            | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 36 | Luật Tố tụng dân sự                             | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 37 | Luật Tố tụng hành chính                         | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 38 | Luật Hôn nhân và gia đình                       | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 39 | Pháp luật về chủ thể kinh doanh                 | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 40 | Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ     | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 41 | Pháp luật cạnh tranh                            | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 42 | Luật thương mại quốc tế                         | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 43 | Pháp luật về môi trường                         | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 44 | Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo          | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 45 | Luật Lao động                                   | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 46 | Luật Đất đai                                    | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 47 | Pháp luật an sinh xã hội                        | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 48 | Pháp luật tài chính                             | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 3 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 49 | Pháp luật về kinh doanh bất động sản            | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 50 | Pháp luật về thương mại điện tử                 | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |

|    |   |   |   |          |   |
|----|---|---|---|----------|---|
| 51 | Pháp luật về du lịch  | Trang bị khối kiến chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 52 | Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật               | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 53 | Xây dựng và ban hành văn bản hành chính, tư pháp              | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 54 | Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 55 | Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính               | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 56 | Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng                        | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 57 | Rèn luyện nghiệp vụ tố tụng                                   | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 58 | Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự                          | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 59 | Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý     | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 60 | Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự                    | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 61 | Nghiệp vụ thư ký tòa án                                       | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 62 | Kỹ năng tư vấn pháp luật                                      | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 63 | Kỹ năng tranh tụng  | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 64 | Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam        | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 65 | Thực tế chuyên môn  | Trang bị kiến thức chuyên ngành, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp | 1 | Học kỳ 6 | <b>Viết báo cáo</b>                     |
| 66 | Thực tập tốt nghiệp   | Trang bị kiến thức chuyên ngành, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp | 8 | Học kỳ 6 | Viết báo cáo                            |
| 67 | Luật Đầu tư   | Trang bị kiến thức chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 68 | Pháp luật Cộng đồng ASEAN                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 69 | Pháp luật về thi hành án                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 70 | Pháp luật sở hữu trí tuệ                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 71 | Luật Ngân hàng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 72 | Khóa luận tốt nghiệp  | Trang bị kiến thức chuyên ngành   |   | Học kỳ 8 | Thành lập Hội đồng chấm                 |

### 8. Ngành Luật (trình độ đại học) - Khoá 44, 45

| STT | Tên môn học                    | Mục đích môn học                                   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên          |
|-----|--------------------------------|--|------------|----------------------|---|
| 1   | Triết học Mác-Lê nin           | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 3          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 2   | Kinh tế chính trị Mác-Lênin    | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 2             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 3   | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 4   | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 4             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 5   | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | Trang bị kiến thức chính trị khoa học và pháp luật | 2          | Học kỳ 5             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 6   | Lịch sử nhà nước và pháp luật  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                    | 2          | Học kỳ 3             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 7   | Giáo dục thể chất 1            | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                 | 1          | Học kỳ 1             | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |

|    |   |   |   |          |   |
|----|---|---|---|----------|---|
| 8  | Giáo dục thể chất 2                             | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 1 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 9  | Giáo dục thể chất 3                             | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 1 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 10 | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1                 | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 3 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 11 | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2                 | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 12 | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3                 | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 13 | Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4                 | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 14 | Tiếng Anh 1                                     | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 3 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 15 | Tiếng Anh 2                                     | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 4 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 16 | Khởi nghiệp                                     | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 17 | Kỹ năng giao tiếp                               | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 2 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 18 | Tin học cơ sở (Xã hội)                          | Trang bị kiến thức khoa học cơ bản                | 3 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 19 | Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý      | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 20 | Xã hội học pháp luật                            | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 21 | Tâm lý học tư pháp                              | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 22 | Logic học                                       | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 23 | Lý luận nhà nước và pháp luật                   | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 24 | Lý luận và pháp luật về quyền con người         | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 25 | Những quy định chung về Luật Dân sự             | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 26 | Luật Hình sự - Phần chung                       | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 27 | Luật Hiến pháp                                  | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 1 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 28 | Luật Hành chính                                 | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 2 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 29 | Công pháp quốc tế                               | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 30 | Tư pháp quốc tế                                 | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 31 | Luật Hình sự - Phần các tội phạm                | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 32 | Tội phạm học                                    | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 33 | Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế   | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 34 | Pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 35 | Luật Tố tụng hình sự                            | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 3 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 36 | Luật Tố tụng dân sự                             | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 37 | Luật Tố tụng hành chính                         | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 38 | Luật Hôn nhân và gia đình                       | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 39 | Pháp luật về chủ thể kinh doanh                 | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 40 | Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ     | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 41 | Pháp luật cạnh tranh                            | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 42 | Luật thương mại quốc tế                         | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 43 | Pháp luật về môi trường                         | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 44 | Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo          | Trang bị khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 45 | Luật Lao động                                   | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 46 | Luật Đất đai                                    | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 47 | Pháp luật an sinh xã hội                        | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 48 | Pháp luật tài chính                             | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 3 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 49 | Pháp luật về kinh doanh bất động sản            | Trang bị khối kiến chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |

|    |   |   |   |          |   |
|----|---|---|---|----------|---|
| 50 | Pháp luật về thương mại điện tử                               | Trang bị khối kiến chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 51 | Pháp luật về du lịch  | Trang bị khối kiến chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 52 | Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật               | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 3 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 53 | Xây dựng và ban hành văn bản hành chính, tư pháp              | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 54 | Pháp luật về luật sư, công chứng, chứng thực và thừa phát lại | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 55 | Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính               | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 56 | Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng                        | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 57 | Rèn luyện nghiệp vụ tố tụng                                   | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 58 | Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự                          | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 59 | Phương pháp nghiên cứu và lập luận trong khoa học pháp lý     | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 60 | Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự                    | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 5 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 61 | Nghiệp vụ thư ký tòa án                                       | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 6 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 62 | Kỹ năng tư vấn pháp luật                                      | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 63 | Kỹ năng tranh tụng  | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 7 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 64 | Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam        | Trang bị nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp                                   | 2 | Học kỳ 4 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 65 | Thực tế chuyên môn  | Trang bị kiến thức chuyên ngành, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp | 1 | Học kỳ 6 | Viết báo cáo                            |
| 66 | Thực tập tốt nghiệp   | Trang bị kiến thức chuyên ngành, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp | 8 | Học kỳ 6 | Viết báo cáo                            |
| 67 | Luật Đầu tư   | Trang bị kiến thức chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 68 | Pháp luật Cộng đồng ASEAN                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 69 | Pháp luật về thi hành án                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 70 | Pháp luật sở hữu trí tuệ                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 71 | Luật Ngân hàng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành   | 2 | Học kỳ 8 | Kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần |
| 72 | Khóa luận tốt nghiệp  | Trang bị kiến thức chuyên ngành   |   | Học kỳ 8 | Thành lập Hội đồng chấm                 |

## VII. KHOA KHOA HỌC TỰ NHIÊN

### 1. Ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học (trình độ đại học) Khoá (43, 44)

| STT | Tên môn học                            | Mục đích môn học                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Độc học môi trường                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 2   | Kỹ thuật xử lý nước cấp                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 3   | Công nghệ sản xuất các hợp chất hữu cơ | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 4   | Vi sinh môi trường                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |

|                                     |   |                                 |   |          |               |
|-------------------------------------|---|---------------------------------|---|----------|---------------|
| 5                                   | Kỹ thuật đường ống - bể chứa                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 6                                   | Quản trị sản xuất                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 7                                   | Kỹ thuật và thiết bị phản ứng                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 8                                   | Công nghệ chế biến dầu                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 9                                   | Sản phẩm và phụ gia dầu mỏ                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 10                                  | Luật và Chính sách bảo vệ môi trường            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 11                                  | Quan trắc môi trường                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 12                                  | Kỹ thuật xử lý nước thải                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 13                                  | Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| <b>Nhóm tự chọn 1 (chọn 04 TC )</b> |   |                                 |   |          |               |
| 14                                  | Kỹ thuật môi trường                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 15                                  | Xúc tác ứng dụng trong công nghiệp              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 16                                  | Kỹ thuật sản xuất chất dẻo                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 17                                  | Quản lý chất thải                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| <b>Nhóm tự chọn 2 (chọn 04 TC )</b> |   |                                 |   |          |               |
| 18                                  | Công nghệ tổ hợp trong xử lý nước thải          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 19                                  | An toàn - Sức khỏe - Môi trường (HSE)           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 20                                  | Năng lượng bền vững                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 21                                  | Sản xuất nhiên liệu sạch                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 22                                  | Đánh giá tác động môi trường                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 23                                  | Công nghệ chế biến khí                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 24                                  | Đồ án môn học Công nghệ hữu cơ - Hóa dầu        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Làm đồ án     |
| 25                                  | Đồ án môn học công nghệ môi trường              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Làm đồ án     |
| 26                                  | Quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 27                                  | Cơ sở thiết kế nhà máy hóa chất                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 28                                  | Kỹ thuật xử lý ô nhiễm khí và tiếng ồn          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 29                                  | Thiết kế hệ thống xử lý chất thải               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 30                                  | Xây dựng và quản lý dự án công nghệ             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 31                                  | Xây dựng và quản lý dự án Môi trường            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 32                                  | Thực hành chuyên ngành Công nghệ Hữu cơ-Hóa dầu | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi thực hành |
| 33                                  | Thực hành chuyên ngành Công nghệ Môi trường     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi thực hành |
| 34                                  | Thập tập kỹ thuật tại nhà máy                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 8 | Viết báo cáo  |
| <b>Nhóm tự chọn 3 (Chọn 04 TC)</b>  |   |                                 |   |          |               |
| 35                                  | Kinh tế môi trường                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 36                                  | ISO 14000 và kiểm toán môi trường               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 37                                  | Quản lý và vận hành công trình xử lý chất thải  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 38                                  | Kỹ thuật công trình                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |

|                                    |                                       |                                 |   |          |              |
|------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---|----------|--------------|
| 39                                 | Công nghệ sản xuất sạch               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết     |
| <b>Nhóm tự chọn 4 (Chọn 04 TC)</b> |                                       |                                 |   |          |              |
| 40                                 | Mô phỏng và tối ưu hóa quá trình      |                                 | 2 |          |              |
| 41                                 | Công nghệ sản xuất nhiên liệu tái tạo | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết     |
| 42                                 | Công nghệ chế biến thực phẩm          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết     |
| 43                                 | Công nghệ xử lý chất thải             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết     |
| 44                                 | Sản xuất sạch hơn                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết     |
| 45                                 | Thực tập tốt nghiệp                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | Học kỳ 9 | Viết báo cáo |
| 46                                 | Đồ án tốt nghiệp                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 8 | Học kỳ 9 | Làm đồ án    |

## 2. Ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học (trình độ đại học) Khoá (45, 46, 47)

| STT                                      | Tên môn học  | Mục đích môn học                               | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|--|--|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1  | Toán cao cấp                                       | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản    | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2  | Hóa đại cương                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3  | Kỹ thuật và an toàn trong phòng thí nghiệm         | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 4  | Tin học cơ sở                                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản    | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 5  | Tiếng Anh 1  | Trang bị kiến thức chung về Tiếng Anh cơ bản   | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6  | Triết học Mác - Lênin                              | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 7  | Nhập môn kỹ thuật ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>Chọn 1 học phần giáo dục thể chất</b> |  |  |            |                      |                                |
| 8  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)                | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)            | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10                                       | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)                | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11                                       | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 12                                       | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)  | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 13                                       | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 14                                       | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)            | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 15                                       | Thông kê - phương pháp tính                        | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản    | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 16                                       | Thực hành Hóa đại cương                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 17                                       | Hoá lý 1   | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 18                                       | Tiếng Anh 2  | Trang bị kiến thức chung về Tiếng Anh cơ bản   | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 19                                       | Pháp luật đại cương                                | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 20                                       | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 21                                       | Vật lý đại cương                                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản    | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 22                                       | Kỹ năng giao tiếp                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |



| <b>Chọn 1 học phần giáo dục thể chất</b> |   |  |   |          |               |
|--|---|--|---|----------|---------------|
| 23                                       | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 24                                       | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chày 2) (*)             | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 25                                       | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 26                                       | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 27                                       | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 28                                       | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 29                                       | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 30                                       | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 31                                       | Hóa vô cơ ứng dụng                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 32                                       | Hóa hữu cơ  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 33                                       | Hoá phân tích                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 34                                       | Hoá lý 2  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 35                                       | Xử lý thông kê và quy hoạch hóa thực nghiệm       | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 36                                       | Kỹ năng tư duy phân biện và giải quyết vấn đề     | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 37                                       | Thực hành Vật lý đại cương                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| <b>Chọn 1 học phần giáo dục thể chất</b> |   |  |   |          |               |
| 38                                       | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 39                                       | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chày 3) (*)             | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 40                                       | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 41                                       | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 42                                       | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 43                                       | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 44                                       | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 45                                       | Lịch sử Đảng CSVN                                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 46                                       | Các phương pháp phân tích công cụ                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 47                                       | Vẽ kỹ thuật cơ khí                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 48                                       | Quá trình và thiết bị thủy cơ, cơ học             | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 49                                       | Thực hành Hóa vô cơ                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 50                                       | Thực hành Hóa hữu cơ                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 51                                       | Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm        | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 52                                       | Thực hành Hóa phân tích                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 53                                       | Thực hành Hóa lý                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 54                                       | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng – an ninh     | 3 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 55                                       | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng – an ninh     | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 56                                       | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng – an ninh     | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 57                                       | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng – an ninh     | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |

|   |  |  |   |          |               |
|---|--|--|---|----------|---------------|
| 58  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 59  | Khởi nghiệp  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 60  | Kỹ thuật điện tử   | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 61  | Kỹ thuật điện  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 62  | Quá trình và thiết bị truyền nhiệt                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 63  | Quá trình và thiết bị truyền khối                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 64  | Kỹ thuật lấy mẫu, xử lý và bảo quản mẫu                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 65  | Thực hành Các phương pháp phân tích công cụ              | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 66  | Kỹ thuật đo lường và tự động hóa trong Công nghệ hóa học | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 67  | Cơ kỹ thuật  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 68  | Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ hóa học                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 69  | An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 70  | Đồ án Quá trình & thiết bị Công nghệ hóa học             | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 71  | Thực tập cơ sở ngành tại nhà máy                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 6 | Viết báo cáo  |
| <b>Chuyên ngành: Công nghệ Hữu cơ – Hóa dầu</b> |  |  |   |          |               |
| 72  | Hóa học nhiên liệu hóa thạch                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 73  | Hóa sinh công nghiệp                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| <b>Chuyên ngành: Công nghệ Môi trường</b>       |  |  |   |          |               |
| 74  | Hóa học môi trường                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 75  | Sinh thái môi trường                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |

### 3. Ngành Công nghệ thực phẩm (trình độ đại học) Khoá (43, 44)

| STT                                | Tên môn học                                    | Mục đích môn học                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|------------------------------------|--|---------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1                                  | An toàn vệ sinh lao động                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 2                                  | Máy trong chế biến thực phẩm                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 3                                  | Phân tích kiểm nghiệm thực phẩm                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 4                                  | Hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 5                                  | Thí nghiệm chuyên ngành 1                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi thực hành                  |
| <b>Nhóm tự chọn 2 (chọn 08 TC)</b> |  |                                 |            |                      |                                |
| 6                                  | Kỹ thuật lạnh thực phẩm                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 7                                  | Kỹ thuật sấy thực phẩm                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 8                                  | Công nghệ bao bì và đóng gói thực phẩm         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 9                                  | Công nghệ sau thu hoạch                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 10                                 | Quản lý chuỗi và truy xuất nguồn gốc thực phẩm | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 11                                 | Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 12                                 | Nước cấp, nước thải trong sản xuất thực phẩm   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |

|                                    |   |                                 |   |          |               |
|------------------------------------|---|---------------------------------|---|----------|---------------|
| 13                                 | Quản trị sản xuất                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 14                                 | Thí nghiệm chuyên ngành 2                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi thực hành |
| 15                                 | Đồ án môn học công nghệ thực phẩm         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Làm đồ án     |
| 16                                 | Thực tập công nghệ thực phẩm tại nhà máy  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 8 | Viết báo cáo  |
| <b>Nhóm tự chọn 2 (chọn 10 TC)</b> |   |                                 |   |          |               |
| 17                                 | Công nghệ sản xuất đồ uống                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 18                                 | Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 19                                 | Công nghệ sản xuất bánh kẹo               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 20                                 | Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm sữa    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 21                                 | Công nghệ chế biến thủy sản               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 22                                 | Công nghệ chế biến thịt và sản phẩm thịt  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 23                                 | Công nghệ chế biến rau quả                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 24                                 | Công nghệ chế biến dầu - mỡ thực phẩm     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 25                                 | Kỹ năng nghề nghiệp                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 26                                 | Công nghệ chế biến lương thực             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 27                                 | Chuyên đề Công nghệ thực phẩm             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 28                                 | Sản xuất sạch trong công nghiệp thực phẩm | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 29                                 | Thực tập tốt nghiệp                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | Học kỳ 9 | Viết báo cáo  |
| 30                                 | Đồ án tốt nghiệp                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 8 | Học kỳ 9 | Làm đồ án     |

#### 4. Ngành Công nghệ thực phẩm (trình độ đại học) Khoá 45, 46, 47

| STT                                      | Tên môn học  | Mục đích môn học                               | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|--|--|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1  | Toán cao cấp                                       | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản    | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2  | Hóa đại cương                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3  | Kỹ thuật và an toàn trong phòng thí nghiệm         | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 4  | Tin học cơ sở                                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản    | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 5  | Vật lý thực phẩm                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6  | Triết học Mác - Lênin                              | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 7  | Nhập môn kỹ thuật ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>Chọn 1 học phần giáo dục thể chất</b> |  |  |            |                      |                                |
| 8  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)                | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)            | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10                                       | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)                | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11                                       | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 12                                       | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)  | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |

|  |   |  |   |          |               |
|--|---|--|---|----------|---------------|
| 13                                       | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 14                                       | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 15                                       | Thống kê - phương pháp tính                       | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản    | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 16                                       | Thực hành Hóa đại cương                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 17                                       | Hoá lý – hóa keo                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 18                                       | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức chung về Tiếng Anh cơ bản   | 4 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 19                                       | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 20                                       | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 21                                       | Thực hành Vật lý thực phẩm                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 22                                       | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| <b>Chọn 1 học phần giáo dục thể chất</b> |   |  |   |          |               |
| 23                                       | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 24                                       | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 25                                       | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 26                                       | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 27                                       | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 28                                       | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 29                                       | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 30                                       | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 31                                       | Hóa hữu cơ  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 32                                       | Hoá phân tích                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 33                                       | Kỹ thuật thực phẩm 1                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 34                                       | Thực hành Hoá lý - Hóa keo                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 35                                       | Tin học cơ sở (Xã hội)                            | Trang bị kiến thức về kỹ thuật cơ bản          | 3 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 36                                       | Vẽ kỹ thuật-Auto CAD                              | Trang bị kiến thức về kỹ thuật cơ bản          | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 37                                       | Kỹ năng Tư duy phân biện và Giải quyết vấn đề     | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| <b>Chọn 1 học phần giáo dục thể chất</b> |   |  |   |          |               |
| 38                                       | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 39                                       | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 40                                       | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 41                                       | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 42                                       | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 43                                       | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 44                                       | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất        | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 45                                       | Lịch sử Đảng CSVN                                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 46                                       | Kỹ thuật thực phẩm 2                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 47                                       | Kỹ thuật điện - điện tử                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết      |

|                                     |  |  |   |          |               |
|-------------------------------------|--|--|---|----------|---------------|
| 48                                  | Vì sinh đại cương  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 49                                  | Hóa học thực phẩm  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 50                                  | Thực hành Hoá phân tích                                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 51                                  | Thực hành Hóa hữu cơ                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 52                                  | Kỹ năng Quản lý thời gian và làm việc nhóm                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 53                                  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)                        | Trang bị kiến thức về quốc phòng – an ninh     | 3 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 54                                  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)                        | Trang bị kiến thức về quốc phòng – an ninh     | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 55                                  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)                        | Trang bị kiến thức về quốc phòng – an ninh     | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 56                                  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)                        | Trang bị kiến thức về quốc phòng – an ninh     | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 57                                  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                       | Trang bị kiến thức chung về khoa học chính trị | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 58                                  | Khởi nghiệp  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 59                                  | Vì sinh thực phẩm  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 60                                  | Hóa sinh thực phẩm   | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 61                                  | Độc tố học và an toàn thực phẩm                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 62                                  | Đánh giá cảm quan thực phẩm                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 63                                  | Thực hành Đánh giá cảm quan thực phẩm                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 64                                  | Nguyên lý cơ bản trong sản xuất thực phẩm                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 65                                  | Đồ án Quá trình & thiết bị công nghệ thực phẩm             | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 5 | Làm đồ án     |
| 66                                  | Công nghệ enzyme   | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 67                                  | Kỹ thuật đo lường và tự động hóa trong công nghệ thực phẩm | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 68                                  | Nguyên lý bảo quản thực phẩm                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 69                                  | Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thực phẩm                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 70                                  | Thực hành Hóa sinh thực phẩm                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 6 | Thi thực hành |
| 71                                  | Thực hành Vì sinh thực phẩm                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 6 | Thi thực hành |
| 72                                  | Thực tập kỹ thuật tại nhà máy                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 1 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| <b>Nhóm tự chọn I (chọn 06 TC )</b> |  |  |   |          |               |
| 73                                  | Phụ gia thực phẩm  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 74                                  | Dinh dưỡng học   | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 75                                  | Thực phẩm chức năng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 76                                  | Xử lý thống kê và quy hoạch hóa thực nghiệm                | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 77                                  | Các phương pháp phân tích công cụ                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 78                                  | Công nghệ lên men thực phẩm                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 79                                  | Đồ án tốt nghiệp   | Trang bị kiến thức chuyên ngành                | 8 | Học kỳ 9 | Làm đồ án     |

### 5. Ngành Hoá học (trình độ đại học) Khoá 47

| STT                                      | Tên môn học                                       | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|--|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1  | Toán cao cấp và Xác suất thống kê                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2  | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 3  | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức Tiếng Anh cơ bản         | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4  | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5  | Hóa học đại cương 1                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6  | Vật lý đại cương                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 7  | Nhập môn ngành hóa học                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>Chọn 1 học phần giáo dục thể chất</b> |   |   |            |                      |                                |
| 8  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10                                       | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11                                       | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 12                                       | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 13                                       | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 14                                       | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 15                                       | Giáo dục thể chất 1 (Pickle ball 1)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 16                                       | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức Tiếng Anh cơ bản         | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 17                                       | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng an ninh    | 3          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 18                                       | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng an ninh    | 2          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 19                                       | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng an ninh    | 2          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 20                                       | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng an ninh    | 2          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 21                                       | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 22                                       | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 23                                       | Hóa học vô cơ 1                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 24                                       | Kỹ thuật phòng thí nghiệm và an toàn lao động     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 25                                       | Hoá học đại cương 2                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 26                                       | Hóa học hữu cơ 1                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 27                                       | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| <b>Chọn 1 học phần giáo dục thể chất</b> |   |   |            |                      |                                |
| 28                                       | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 29                                       | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 30                                       | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 31                                       | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 32                                       | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 33                                       | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất        | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |

|    |   |                                      |   |          |               |
|----|---|--------------------------------------|---|----------|---------------|
| 34 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*) | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 35 | Giáo dục thể chất 2 (Pickle ball 2)     | Trang bị kiến thức giáo dục thể chất | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |

### 6. Ngành Nông học (trình độ đại học) Khoá 44

| STT                                  | Tên môn học                        | Mục đích môn học                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|--------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1                                    | Chọn giống và nhân giống cây trồng | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 2                                    | Bệnh cây trồng                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 3                                    | Tiếng Anh chuyên ngành             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 4                                    | Thực hành Bảo vệ thực vật          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1          | Học kỳ 7             | Thi thực hành                  |
| 5                                    | Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 6                                    | Bảo quản nông sản                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| <b>Học phần tự chọn (chọn 06 TC)</b> |                                    |                                 |            |                      |                                |
| 7                                    | Côn trùng Nông nghiệp              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 8                                    | Sinh sản nhân tạo thủy sản         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 9                                    | Biện pháp đấu tranh sinh học       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 10                                   | Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 11                                   | Công nghệ sản xuất thức ăn gia súc | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 12                                   | Hoa và cây kiểng                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 13                                   | Kỹ thuật nuôi cá nước mặn          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 14                                   | Giá thể và dinh dưỡng cây trồng    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 15                                   | Quản lý dịch hại tổng hợp          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 16                                   | Thủy canh và sản xuất rau sạch     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 8             | Thi viết                       |
| 17                                   | Kỹ thuật nuôi tôm                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 8             | Thi viết                       |
| 18                                   | Thú y cơ bản                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 8             | Thi viết                       |
| 19                                   | Quản lý các dự án nông nghiệp      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 8             | Thi viết                       |
| 20                                   | Kỹ thuật nuôi trồng nấm            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | Học kỳ 8             | Thi viết                       |
| 21                                   | Thực hành chăn nuôi tốt (GAHP)     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 8             | Thi thực hành                  |
| 22                                   | Quản trị nông trại                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 8             | Thi viết                       |
| 23                                   | Thực tập nhận thức nghề            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 8             | Viết báo cáo                   |

### 7. Ngành Nông học (trình độ đại học) Khoá (45, 46, 47)

| STT | Tên môn học                                   | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Triết học Mác - Lênin                         | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Tiếng Anh 1                                   | Trang bị kiến thức về Tiếng Anh cơ bản      | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Dinh dưỡng, sức khỏe và môi trường, con người | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |

|   |   |   |   |          |               |
|---|---|---|---|----------|---------------|
| 4   | Hóa học đại cương                                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết      |
| 5   | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức về Tin học cơ bản        | 3 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 6   | Kỹ thuật và an toàn phòng thí nghiệm              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết      |
| 7   | Tế bào và sinh học phát triển                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết      |
| <b>Chọn 01 học phần giáo dục thể chất</b> |   |   |   |          |               |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 15  | Kinh tế chính trị Mác-Lênin                       | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 16  | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 17  | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức về Tiếng Anh cơ bản      | 4 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 18  | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 19  | Thực hành hóa học đại cương                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 20  | Sinh thái môi trường nông nghiệp                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 21  | Thực hành tế bào và sinh học phát triển           | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 22  | Động vật học                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 23  | Thực vật học                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| <b>Chọn 01 học phần giáo dục thể chất</b> |   |   |   |          |               |
| 24  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 25  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 26  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 27  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 28  | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 29  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 30  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 31  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 32  | Cơ khí nông nghiệp                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 33  | Thực hành động vật học                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 34  | Thực hành thực vật học                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 35  | Hóa sinh học                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 36  | Vi sinh nông nghiệp                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 37  | Kỹ năng tư duy phân biện và giải quyết vấn đề     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 38  | Phân loại thực vật nông nghiệp                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |



|   |  |   |   |          |               |
|---|--|---|---|----------|---------------|
| 39  | An toàn sinh học trong nông nghiệp                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| <b>Chọn 01 học phần giáo dục thể chất</b> |  |   |   |          |               |
| 40  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)                                | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất         | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 41  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)                            | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất         | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 42  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)                                | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất         | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 43  | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)                               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất         | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 44  | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)                  | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất         | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 45  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)                           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất         | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 46  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)                            | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất         | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 47  | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản     | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 48  | Thực hành hóa sinh học   | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 49  | Thổ nhưỡng - Nông hóa  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 50  | Thực hành Vi sinh nông nghiệp                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 1 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 51  | Di truyền học ứng dụng trong nông nghiệp                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 52  | Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 53  | Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1                                    | Trang bị kiến thức chung về giáo dục quốc phòng | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 54  | Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2                                    | Trang bị kiến thức chung về giáo dục quốc phòng | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 55  | Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3                                    | Trang bị kiến thức chung về giáo dục quốc phòng | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 56  | Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4                                    | Trang bị kiến thức chung về giáo dục quốc phòng | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| <b>Tự chọn (chọn 06 TC)</b>               |  |   |   |          |               |
| 57  | Cây dược liệu  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 58  | Chất điều hòa sinh trưởng thực vật                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 59  | Canh tác hữu cơ  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 60  | Cây lương thực và cây ăn quả                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 61  | Quản lý tài nguyên và môi trường nông nghiệp                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 62  | Hệ thống nông lâm kết hợp  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 63  | Côn trùng học nông nghiệp  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 64  | Hoa và cây kiểng   | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 65  | Tư tưởng Hồ Chí Minh   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản     | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 66  | Khởi nghiệp  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 67  | Thực hành Thổ nhưỡng - Nông hóa                                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 5 | Học kỳ 5 | Thi thực hành |
| 68  | Sinh lý vật nuôi-thủy sản  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 69  | Sinh lý học cây trồng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 70  | Quản lý chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 71  | Nuôi trồng thủy sản  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 72  | Phương pháp nghiên cứu khoa học nông nghiệp                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 73  | Nuôi cấy mô và tế bào thực vật                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |

|    |  |                                 |   |          |               |
|----|--|---------------------------------|---|----------|---------------|
| 74 | Dinh dưỡng khoáng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 75 | Thực hành sinh lý vật nuôi- thủy sản                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Thi thực hành |
| 76 | Thực hành sinh lý học cây trồng                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Thi thực hành |
| 77 | Ứng dụng Hệ thống định vị toàn cầu (GPS) trong nông nghiệp | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 78 | Bảo vệ thực vật  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 79 | Chăn nuôi gia súc và gia cầm                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 80 | Di truyền và nhân giống vật nuôi                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 81 | Hệ thống nông nghiệp và Phương pháp khuyến nông            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 82 | GIS và viễn thám trong nông nghiệp                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 83 | GAP và nông nghiệp hữu cơ                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |

### 8. Ngành Quản lý đất đai (trình độ đại học) Khoá 44

| STT                                 | Tên môn học  | Mục đích môn học                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-------------------------------------|--|---------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1                                   | Thị trường bất động sản                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 2                                   | Xây dựng kế hoạch sử dụng đất                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 3                                   | Thực hành xây dựng CSDL đất đai                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi thực hành                  |
| 4                                   | Ứng dụng mô hình hóa trong quản lý đất đai             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 5                                   | Đầu tư bất động sản                                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 6                                   | Marketing bất động sản                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 7                                   | Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản (LIS + RIS) | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 8                                   | Xây dựng Bản đồ chuyên đề trong QLĐĐ                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 9                                   | Thực tập chuyên đề 2: Khoa học địa chính               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1          | Học kỳ 7             | Viết báo cáo                   |
| <b>Học phần tự chọn (chọn 02TC)</b> |  |                                 |            |                      |                                |
| 10                                  | Hệ thống nông nghiệp và thủy nông                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 11                                  | Phong thủy học và địa lí ứng dụng                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 12                                  | Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 13                                  | Sinh kế trong thay đổi sử dụng đất                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 14                                  | Quản lý quy hoạch xây dựng                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 15                                  | Hệ thống nông nghiệp và thủy nông                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| <b>Học phần tự chọn (chọn 02TC)</b> |  |                                 |            |                      |                                |
| 16                                  | Phong thủy học và địa lí ứng dụng                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 17                                  | Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 18                                  | Đầu giá bất động sản                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 19                                  | Đàm phán trong kinh doanh BĐS                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 20                                  | Quản lý sàn giao dịch bất động sản                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| <b>Học phần tự chọn (chọn 02TC)</b> |  |                                 |            |                      |                                |

|                                     |   |                                 |   |          |               |
|-------------------------------------|---|---------------------------------|---|----------|---------------|
| 21                                  | Ứng dụng WebGIS quản lý đất đai và môi trường | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 22                                  | Kỹ năng kết nối doanh nghiệp                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 23                                  | Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết      |
| 24                                  | Thực tập tốt nghiệp                           |                                 | 5 | Học kỳ 8 | Viết báo cáo  |
| <b>Học phần tự chọn (chọn 06TC)</b> |   |                                 |   |          |               |
| 25                                  | Bồi dưỡng, hỗ trợ và tái định cư              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 26                                  | Bồi dưỡng, hỗ trợ và tái định cư              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 27                                  | Ứng dụng Geomatic trong quản lý TNMT          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| 28                                  | Ứng dụng Geomatic trong quản lý TNMT          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết      |
| <b>Khóa luận tốt nghiệp</b>         |   |                                 |   |          |               |
| 29                                  | Khóa luận tốt nghiệp                          |                                 | 6 | Học kỳ 8 | Làm khóa luận |

### 9. Ngành Quản lý đất đai (trình độ đại học) Khoá 45, 46, 47

| STT                                       | Tên môn học                                       | Mục đích môn học                              | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản   | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 2   | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức về Tiếng Anh cơ bản        | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản   | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản   | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Khoa học Trái Đất và sự sống                      |   | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Địa lý nhân văn                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành               | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 7   | Hoá đại cương                                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản   | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>Chọn 01 học phần giáo dục thể chất</b> |   |   |            |                      |                                |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 15  | Xác suất thống kê                                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản   | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 16  | Bản đồ học đại cương                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành               | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 17  | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức về Tiếng Anh cơ bản        | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 18  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản   | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 19  | Cơ sở thổ nhưỡng                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành               | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 20  | Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm        | Trang bị kiến thức chuyên ngành               | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 21  | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành               | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| <b>Chọn 01 học phần giáo dục thể chất</b> |   |   |            |                      |                                |

|   |   |   |   |          |               |
|---|---|---|---|----------|---------------|
| 22  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 23  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 24  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 25  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 26  | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 27  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 28  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 29  | Trắc địa cơ sở                                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 30  | Khoa học quản lý                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 31  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 32  | Kinh tế học                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 33  | Cơ sở viễn thám                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 34  | Hệ thống thông tin địa lý                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 35  | Đánh giá đất                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| <b>Học phần tự chọn (Chọn 02 TC)</b>      |   |   |   |          |               |
| 36  | Cơ sở sử dụng hợp lí TNTN                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 37  | Cảnh quan và sinh thái cảnh quan                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 38  | Biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên          | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 39  | Phân vùng địa lý văn hóa Việt Nam                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| <b>Chọn 01 học phần giáo dục thể chất</b> |   |   |   |          |               |
| 40  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 41  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 42  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 43  | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 44  | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 45  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 46  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 47  | Quản lý nhà nước về đất đai                       | Trang bị kiến thức chung về khoa học chuyên ngành | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 48  | Tin học ứng dụng ngành QLDD                       | Trang bị kiến thức chung về khoa học chuyên ngành | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 49  | Xử lý số liệu đo đạc                              | Trang bị kiến thức chung về khoa học chuyên ngành | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 50  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)               | Trang bị kiến thức chung về quốc phòng – an ninh  | 3 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 51  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)               | Trang bị kiến thức chung về quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 52  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)               | Trang bị kiến thức chung về quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 53  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)               | Trang bị kiến thức chung về quốc phòng – an ninh  | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 54  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản       | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 55  | Bản đồ địa chính                                  | Trang bị kiến thức chung về khoa học chuyên ngành | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 56  | Kỹ năng tư duy phân biện và giải quyết vấn đề     | Trang bị kiến thức chung về khoa học chuyên ngành | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| <b>Học phần tự chọn</b>                   |   |   |   |          |               |
| 57  | Lập trình căn bản trong quản lý đất đai           | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 58  | Trắc địa công trình                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành                   | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |

|                                      |  |   |   |          |               |
|--------------------------------------|--|---|---|----------|---------------|
| 59                                   | Định giá đất và quản lý tài chính về đất đai                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 60                                   | Ứng dụng công nghệ GNSS trong đo đạc địa chính                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 61                                   | Tư tưởng Hồ Chí Minh   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 62                                   | Khởi nghiệp  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 63                                   | GIS và viễn thám ứng dụng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 64                                   | Quy hoạch sử dụng đất  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 65                                   | Pháp luật đất đai  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 66                                   | Trắc địa ảnh, giải đoán và điều vẽ ảnh                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 67                                   | Quản lý địa giới hành chính  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 68                                   | Thực hành đo đạc địa chính   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi thực hành |
| 69                                   | Đăng ký đất đai  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 70                                   | Tiếng Anh chuyên ngành   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 71                                   | Môi giới Bất động sản  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 72                                   | Quản lý nhà nước trong kinh doanh bất động sản                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 73                                   | Kỹ năng giải quyết tình huống pháp luật đất đai                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 74                                   | Thực tập chuyên đề 1: Công nghệ địa chính                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 6 | Làm báo cáo   |
| 75                                   | Hệ thống thông tin đất đai (LIS)                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 76                                   | Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| <b>Học phần tự chọn (chọn 02 TC)</b> |  |   |   |          |               |
| 77                                   | Tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 78                                   | Thẩm định giá bất động sản   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 79                                   | Đo đạc địa hình  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |

#### 10. Ngành Quản lý tài nguyên môi trường (trình độ đại học) Khoá 44

| STT                                 | Tên môn học                                  | Mục đích môn học                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-------------------------------------|--|---------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1                                   | Đánh giá tác động môi trường                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 2                                   | Quy hoạch sử dụng tài nguyên và môi trường   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 3                                   | Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 4                                   | Quản lý nhà nước về TN-MT                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 5                                   | Ứng dụng Viễn thám và GIS trong quản lý TNMT | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| <b>Học phần tự chọn (chọn 04TC)</b> |  |                                 |            |                      |                                |
| 6                                   | Quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 7                                   | Quản lý môi trường đô thị và nông thôn       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 8                                   | Quản lý môi trường theo ISO 14000            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 9                                   | Quy hoạch sử dụng đất                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 10                                  | Công nghệ môi trường                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |
| 11                                  | Mô hình hóa trong quản lý môi trường         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Học kỳ 7             | Thi viết                       |

| STT                           | Tên môn học                      | Mục đích môn học                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| 12                            | Thực tập tốt nghiệp              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 5          | Học kỳ 8             | Viết báo cáo                   |
| 13                            | Khóa luận tốt nghiệp             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 6          | Học kỳ 8             | Làm khóa luận                  |
| <b>Học phần thay thế KLTN</b> |                                  |                                 |            |                      |                                |
| 14                            | Môi trường và sức khỏe cộng đồng | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | Học kỳ 8             | Thi viết                       |
| 15                            | Lập và quản lý dự án TN-MT       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | Học kỳ 8             | Thi viết                       |

### 11. Ngành Quản lý tài nguyên môi trường (trình độ đại học) Khoá 45, 46, 47

| STT                                       | Tên môn học                                       | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tin học cơ sở                                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 2   | Tiếng Anh 1                                       | Trang bị kiến thức về Tiếng Anh cơ bản      | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Pháp luật đại cương                               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Triết học Mác - Lênin                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Khoa học Trái Đất và sự sống                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Hóa học môi trường                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 7   | Địa lý Việt Nam                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>Chọn 01 học phần giáo dục thể chất</b> |   |   |            |                      |                                |
| 8   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)          | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 15  | Khoa học môi trường                               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 16  | Bản đồ học đại cương                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 17  | Tiếng Anh 2                                       | Trang bị kiến thức Tiếng Anh cơ bản         | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 18  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 19  | Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 20  | Sinh học môi trường                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 21  | Kỹ năng giao tiếp                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| <b>Chọn 01 học phần giáo dục thể chất</b> |   |   |            |                      |                                |
| 22  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 23  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 24  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 25  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |

|   |   |   |   |          |               |
|---|---|---|---|----------|---------------|
| 26  | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 27  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)          | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 28  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 29  | Xác suất thống kê                                 | Trang bị kiến thức về khoa học cơ bản       | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 30  | Cơ sở quản lý tài nguyên môi trường               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 31  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                         | Trang bị kiến thức về khoa học cơ bản       | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 32  | Khoa học quản lý                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 33  | Địa chất môi trường                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 34  | Khí hậu và thủy văn ứng dụng                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 35  | Thổ nhưỡng và bản đồ đất                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 36  | Cơ sở viễn thám và GIS                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| <b>Chọn 01 học phần giáo dục thể chất</b> |   |   |   |          |               |
| 37  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 38  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 39  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)               | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 40  | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)              | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 41  | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*) | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 42  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)          | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 43  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)           | Trang bị kiến thức về giáo dục thể chất     | 1 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 44  | Tài nguyên khoáng sản và năng lượng               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 45  | Biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên          | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 46  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng - an ninh  | 3 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 47  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng - an ninh  | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 48  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng - an ninh  | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 49  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4 (*)               | Trang bị kiến thức về quốc phòng - an ninh  | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành |
| 50  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 51  | Địa lý nhân văn                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 52  | Kỹ năng tư duy phân biện và giải quyết vấn đề     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 53  | Trắc địa  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 54  | Quản lý tài nguyên, môi trường biển               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 55  | Thực địa cảnh quan môi trường                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 4 | Đi thực địa   |
| 56  | Cảnh quan và sinh thái cảnh quan                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết      |
| 57  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 58  | Khởi nghiệp                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 59  | Sinh kế, tài nguyên và môi trường                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 60  | Quy hoạch và tổ chức lãnh thổ                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 61  | Quy hoạch cảnh quan                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |

|                                     |  |                                 |   |          |               |
|-------------------------------------|--|---------------------------------|---|----------|---------------|
| 62                                  | Quản lý tài nguyên, môi trường đất                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 63                                  | Quản lý tài nguyên, môi trường nước                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| <b>Học phần tự chọn (chọn 04TC)</b> |  |                                 |   |          |               |
| 64                                  | Quản lý tổng hợp lưu vực sông                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 65                                  | Đô thị hóa và môi trường                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 66                                  | Tài nguyên và môi trường du lịch                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 67                                  | Kinh tế và phát triển                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết      |
| 68                                  | Tiếng Anh chuyên ngành                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 69                                  | Quản lý tài nguyên rừng và đa dạng sinh học            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 70                                  | Quan trắc môi trường                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 71                                  | Kinh tế tài nguyên và môi trường                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 72                                  | Thực hành phân tích chất lượng môi trường              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Thi thực hành |
| 73                                  | Thực tập chuyên đề (kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ TN-MT) | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Viết báo cáo  |
| <b>Học phần tự chọn (chọn 02TC)</b> |  |                                 |   |          |               |
| 74                                  | Phân vùng địa lý văn hóa Việt Nam                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 75                                  | Kỹ năng kết nối doanh nghiệp                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 76                                  | Thiết kế và biên tập bản đồ chuyên đề                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 77                                  | Giáo dục và truyền thông TN-MT                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| <b>Học phần tự chọn (chọn 03TC)</b> |  |                                 |   |          |               |
| 78                                  | Xử lý số liệu và quản lý thông tin TN-MT               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết      |
| 79                                  | Chỉ thị sinh học môi trường                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết      |

## 12. Ngành hóa vô cơ (trình độ thạc sĩ) Khóa 25, 26, 27

| STT   | Tên môn học                                  | Mục đích môn học                      | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|--|---------------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>I. Phần kiến thức chung (bắt buộc)</b>       |  |                                       |            |                      |                                |
| 1   | Triết học                                    | Trang bị kiến thức về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b> |  |                                       |            |                      |                                |
| <i>II.1. Phần bắt buộc</i>                      |  |                                       |            |                      |                                |
| 2   | Hóa học vô cơ nâng cao                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 3   | Hóa học hữu cơ nâng cao                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 4   | Hóa lý thuyết và hóa lý nâng cao             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 5   | Xử lý số liệu và quy hoạch hóa thực nghiệm   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 7   | Các phương pháp đặc trưng vật liệu           | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 8   | Hóa học phức chất và ứng dụng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 2             | Làm tiểu luận                  |
| 9   | Công nghệ sản xuất các chất vô cơ            | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | Học kỳ 2             | Vấn đáp                        |



|                                       |  |                                 |   |          |               |
|---------------------------------------|--|---------------------------------|---|----------|---------------|
| 10                                    | Vật liệu vô cơ tiên tiến                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 11                                    | Thực tập chuyên ngành 1                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 12                                    | Thực tập chuyên ngành 2                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| <b>II.2. Phần tự chọn (Chọn 6 HP)</b> |  |                                 |   |          |               |
| 13                                    | Hóa dược liệu                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 14                                    | Hóa học xanh                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Vấn đáp       |
| 15                                    | Vật liệu ứng dụng trong năng lượng và môi trường   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 16                                    | Ứng dụng hóa học trong xử lý môi trường            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Làm tiểu luận |
| 17                                    | Công nghệ tái chế và tái sử dụng chất thải rắn     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 18                                    | Các phương pháp phân tích ứng dụng trong hóa vô cơ | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 19                                    | Hóa học tính toán ứng dụng                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 20                                    | Hóa học các nguyên tố đất hiếm và kim loại quý     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 21                                    | Hóa học tinh thể ứng dụng                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 22                                    | Hóa sinh vô cơ                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 23                                    | Hóa sinh thực phẩm                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 24                                    | Mô phỏng và tính toán trong vật liệu               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 25                                    | Các phương pháp phổ trong hóa học                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 26                                    | Chất màu vô cơ                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 27                                    | Xúc tác  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 28                                    | Điện hóa học ứng dụng                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 29                                    | Hóa học bề mặt kích thước nano                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 30                                    | Hóa học silicate                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| <b>II.3. Đề án tốt nghiệp</b>         |  |                                 |   |          |               |
| 31                                    | Đề án tốt nghiệp                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | Học kỳ 4 | Làm đề án     |

### 13. Ngành vật lý chất rắn (trình độ thạc sĩ) Khóa 25, 26, 27

| STT   | Tên môn học                       | Mục đích môn học                      | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|-----------------------------------|---------------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>I. Phần kiến thức chung</b>                  |                                   |                                       |            |                      |                                |
| 1   | Triết học                         | Trang bị kiến thức về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b> |                                   |                                       |            |                      |                                |
| <i>II.1. Phần bắt buộc</i>                      |                                   |                                       |            |                      |                                |
| 2   | An toàn lao động                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Làm tiểu luận                  |
| 3   | Cơ học lượng tử nâng cao          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Làm tiểu luận                  |
| 4   | Vật lý chất rắn nâng cao          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | Học kỳ 1             | Làm tiểu luận                  |
| 5   | Vật lý và Công nghệ vật liệu nano | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | Học kỳ 1             | Làm tiểu luận                  |
| Học phân tự chọn (chọn 04 TC)                   |                                   |                                       |            |                      |                                |
| 6   | Phương pháp NCKH nâng cao         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |

|                              |  |                                 |   |          |               |
|------------------------------|--|---------------------------------|---|----------|---------------|
| 7                            | Cấu trúc điện tử và liên kết trong phân tử và vật rắn        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 8                            | Lý thuyết nhóm và ứng dụng trong Vật lý chất rắn             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 9                            | Các phương pháp phân tích cấu trúc tinh thể và hình thái học | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | Vấn đáp       |
| 10                           | Thực hành VLCR 1   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 11                           | Vật liệu và Linh kiện bán dẫn                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 12                           | Thực tập tổng quan   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | Viết báo cáo  |
| 13                           | Phương pháp quang phổ trong nghiên cứu vật rắn               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | Làm tiểu luận |
| Học phần tự chọn             |  |                                 |   |          |               |
| 14                           | Vật liệu quang và ứng dụng                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 15                           | Vật liệu thông minh và ứng dụng                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 16                           | Năng lượng tái tạo   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 17                           | Thực hành VLCR 2   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi thực hành |
| 18                           | Thực tập chuyên đề   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | Học kỳ 3 | Viết báo cáo  |
| Học phần tự chọn             |  |                                 |   |          |               |
| 19                           | Vật liệu Polymer và Composite                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 20                           | Công nghệ vi điện tử   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 21                           | Thông tin quang  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 22                           | Vật liệu từ và ứng dụng                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 23                           | Cảm biến và ứng dụng   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 24                           | Vật lý môi trường  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| 25                           | Cơ sở vật lý tính toán                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết      |
| <b>III. Đề án tốt nghiệp</b> |  |                                 |   |          |               |
| 26                           | Đề án tốt nghiệp   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 9 | Học kỳ 4 | Bảo vệ đề án  |

#### 14. Ngành sinh học thực nghiệm (trình độ thạc sĩ) Khóa 25, 26, 27

| STT   | Tên môn học                             | Mục đích môn học                      | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|---------------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>I. Phần kiến thức chung</b>                  |   |                                       |            |                      |                                |
| 1   | Triết học                               | Trang bị kiến thức về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b> |   |                                       |            |                      |                                |
| <i>II.1. Phần bắt buộc</i>                      |   |                                       |            |                      |                                |
| 2   | Công nghệ gen                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Sinh học tế bào phân tử                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Miễn dịch học và ứng dụng               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Quang hợp và dinh dưỡng khoáng ứng dụng | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Công nghệ vi sinh và xử lý môi trường   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 7   | Kỹ thuật phân tích hóa sinh             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 8   | Thực tập chuyên ngành SHTN 1            | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 9   | Phương pháp nghiên cứu SHTN             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |

|   |  |                                 |   |          |              |
|---|--|---------------------------------|---|----------|--------------|
| 10  | Kiểm soát sinh học                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết     |
| 11  | Thống kê sinh học và ứng dụng                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết     |
| 12  | Dinh dưỡng động vật và an toàn thực phẩm                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết     |
| 13  | Thực tập chuyên ngành SHTN 2                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết     |
| <b>II.2. Phần tự chọn (18/28 Tín chỉ)</b> |  |                                 |   |          |              |
| 14  | Sinh thái môi trường và phát triển bền vững              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết     |
| 15  | Thủy sinh vật học  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết     |
| 16  | Sinh trưởng, phát triển ở thực vật và ứng dụng           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết     |
| 17  | Di truyền quần thể và số lượng                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết     |
| 18  | Enzyme và ứng dụng                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết     |
| 19  | Côn trùng y học  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết     |
| 20  | Bảo quản nông sản  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết     |
| 21  | Sinh học phân tử ứng dụng trong Y học                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết     |
| 22  | Sinh lý chống chịu ở thực vật                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết     |
| 23  | Tế bào gốc và ứng dụng                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết     |
| 24  | Ứng dụng sinh học phân tử trong chọn tạo giống cây trồng | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết     |
| 25  | Chi thị Protein và tính chống chịu ở thực vật            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết     |
| 26  | Công nghệ hỗ trợ sinh sản động vật                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết     |
| 27  | Bệnh học phân tử thực vật                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết     |
| <b>Đề án tốt nghiệp</b>                   |  |                                 |   |          |              |
| 28  | Đề án tốt nghiệp   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 9 | Học kỳ 4 | Bảo vệ đề án |

### 15. Ngành tiến sĩ hóa lý thuyết và hóa lý (đối với ngành đúng và ngành phù hợp)

| STT                                    | Tên môn học  | Mục đích môn học                  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá NCS |
|--|--|-----------------------------------|------------|----------------------|--------------------------|
| <b>Các học phần tiến sĩ (bắt buộc)</b> |  |                                   |            |                      |                          |
| 1                                      | Lý thuyết cấu trúc electron nâng cao                   | Kiến thức chuyên sâu ngành        | 2          |                      | Tiểu luận                |
| 2                                      | Một số vấn đề chọn lọc Hóa lý                          | Kiến thức chuyên sâu ngành        | 2          |                      | Tiểu luận                |
| 3                                      | Các học phần tiến sĩ (tự chọn)                         |                                   |            |                      |                          |
| 4                                      | Các phương pháp phân tích electron và liên kết hóa học | Kiến thức chuyên sâu ngành        | 2          |                      | Tiểu luận                |
| 5                                      | Thuyết phiếm hàm mật độ                                | Kiến thức chuyên sâu ngành        | 2          |                      | Tiểu luận                |
| 6                                      | Vật liệu ứng dụng trong hấp phụ và xúc tác             | Kiến thức chuyên sâu ngành        | 2          |                      | Tiểu luận                |
| 7                                      | Các phương pháp hóa lý nâng cao trong xử lý môi trường | Kiến thức chuyên sâu ngành        | 2          |                      | Tiểu luận                |
| <b>Các chuyên đề tiến sĩ (tự chọn)</b> |  |                                   |            |                      |                          |
| 8                                      | Khoa học về cluster                                    | Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành | 2          |                      | Tiểu luận                |
| 9                                      | Liên kết hydro   | Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành | 2          |                      | Tiểu luận                |
| 10                                     | Vật liệu mao quản                                      | Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành | 2          |                      | Tiểu luận                |
| 11                                     | Vật liệu nano và ứng dụng                              | Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành | 2          |                      | Tiểu luận                |
| 12                                     | Tiểu luận tổng quan                                    |                                   |            |                      |                          |
| 13                                     | Tiểu luận tổng quan                                    | Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành | 2          |                      | Tiểu luận                |

|    |                 |                                   |    |  |                |
|----|-----------------|-----------------------------------|----|--|----------------|
|    | <b>Luận án</b>  |                                   |    |  |                |
| 14 | Luận án tiến sĩ | Kiến thức chuyên sâu chuyên ngành | 80 |  | Bảo vệ luận án |

## VIII. KHOA TOÁN – THỐNG KÊ

### 1. Ngành Toán ứng dụng, chuyên ngành Khoa học dữ liệu (trình độ đại học) Khóa 44

| STT | Tên môn học                               | Mục đích môn học                                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Giải tích 1                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Đại số tuyến tính                         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 4          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Tin học cơ sở (Toán-Tự nhiên)             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Tiếng Anh 1                               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Triết học Mác-Lênin                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 6   | Giáo dục thể chất 1                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn) | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 7   | Giải tích 2                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 8   | Lập trình Python nâng cao và ứng dụng     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 9   | Tiếng Anh 2                               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 10  | Pháp luật đại cương                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 11  | Kinh tế chính trị Mác-Lênin               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 12  | Kỹ năng giao tiếp                         | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 13  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 14  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 15  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 16  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 17  | Giáo dục thể chất 2                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn) | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 18  | Lý thuyết xác suất                        | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 19  | Nhập môn khoa học dữ liệu                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 20  | Phân tích thiết kế và đánh giá thuật toán | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 21  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 3             | Thi trắc nghiệm                |
| 22  | Phương trình vi phân                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 23  | Quy hoạch tuyến tính                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 24  | Giải tích Fourier                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 25  | Số học thuật toán                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 26  | Đại số máy tính                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 27  | Hàm thực và giải tích hàm ứng dụng        | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 28  | Giáo dục thể chất 3                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn) | 1          | Học kỳ 3             | Thi thực hành                  |

|    |   |                                       |   |          |                                      |
|----|---|---------------------------------------|---|----------|--------------------------------------|
| 29 | Thống kê toán học                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành        | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết                             |
| 30 | Đồ án 1                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 4 | Thi thực hành                        |
| 31 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết                             |
| 32 | Học máy 1                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết                             |
| 33 | Cơ sở dữ liệu                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết                             |
| 34 | Lập trình hướng đối tượng               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết                             |
| 35 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 4 | Thi trắc nghiệm                      |
| 36 | Giải tích số                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết                             |
| 37 | Thống kê nhiều chiều                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết                             |
| 38 | Phần mềm thống kê                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 5 | Thi thực hành                        |
| 39 | Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết                             |
| 40 | Giải tích lồi và tối ưu                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | Học kỳ 5 | Thi viết                             |
| 41 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 5 | Thi trắc nghiệm                      |
| 42 | Khởi nghiệp                             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết                             |
| 43 | Phân tích dữ liệu lớn                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | Học kỳ 6 | Thi viết                             |
| 44 | Tính toán song song                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                             |
| 45 | Phân tích hồi quy                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                             |
| 46 | Đại số đại cương và lý thuyết số        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                             |
| 47 | Đồ án 2                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Thi thực hành                        |
| 48 | Lý thuyết dự báo                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                             |
| 49 | Thống kê Bayes                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                             |
| 50 | Nhập môn xử lý ảnh số                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                             |
| 51 | Nhập môn trí tuệ nhân tạo               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                             |
| 52 | Phương pháp tính toán trong dữ liệu lớn | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                             |
| 53 | Học máy 2                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | Học kỳ 7 | Thi viết                             |
| 54 | Khai phá dữ liệu 4                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | Học kỳ 7 | Thi viết                             |
| 55 | Khoa học dữ liệu thực hành              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | Học kỳ 7 | Thi viết                             |
| 56 | Thực tập doanh nghiệp                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | Học kỳ 8 | Thi thực hành                        |
| 57 | Khóa luận tốt nghiệp                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 6 | Học kỳ 8 | Bảo vệ trước hội đồng chấm khóa luận |
| 58 | Chuyên đề: Học sâu                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                             |
| 59 | Chuyên đề: Mật mã và an toàn dữ liệu    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                             |
| 60 | Chuyên đề: Mô hình toán học             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                             |

**2. Ngành Toán ứng dụng, chuyên ngành Toán-Tin ứng dụng (trình độ đại học) Khóa 45, 46, 47**

| STT | Tên môn học                               | Mục đích môn học                                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tin học cơ sở                             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Triết học Mác-Lênin                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 3   | Tiếng Anh 1                               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Đại số tuyến tính 1                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Giải tích 1                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Toán rời rạc                              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 7   | Giáo dục thể chất 1                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn) | 1          | Học kỳ 1             | Thi thực hành                  |
| 8   | Kinh tế chính trị Mác-Lênin               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 9   | Pháp luật đại cương                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 10  | Tiếng Anh 2                               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 11  | Kỹ năng giao tiếp                         | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 12  | Đại số tuyến tính 2                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 13  | Giải tích 2                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 14  | Cơ sở dữ liệu                             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 15  | Giáo dục thể chất 2                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn) | 1          | Học kỳ 2             | Thi thực hành                  |
| 16  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 3             | Thi trắc nghiệm                |
| 17  | Giải tích 3                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 18  | Quy hoạch tuyến tính                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 19  | Xác suất và Thống kê ứng dụng             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 20  | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 21  | Thực tập nhận thức                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 1          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 22  | Kỹ năng mềm                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 23  | Giáo dục thể chất 3                       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn) | 1          | Học kỳ 3             | Thi thực hành                  |
| 24  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam            | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 4             | Thi trắc nghiệm                |
| 25  | Giải tích số                              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 26  | Phương trình vi phân, đạo hàm riêng       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                  | 3          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 27  | Lập trình hướng đối tượng                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 3          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 28  | Phân tích thiết kế và đánh giá thuật toán | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 3          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 29  | Tiếng Anh chuyên ngành                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành                 | 2          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 30  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 3          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 31  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 32  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 33  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 34  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                      | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 5             | Thi trắc nghiệm                |
| 35  | Khởi nghiệp                               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương           | 2          | Học kỳ 5             | Thi viết                       |

|    |  |   |   |          |   |
|----|--|---|---|----------|---|
| 36 | Giải tích lời                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết                                |
| 37 | Kỹ thuật lập trình                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết                                |
| 38 | Cấu trúc đại số và ứng dụng                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết                                |
| 39 | Hệ thống và mạng máy tính                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết                                |
| 40 | Đồ án 1  | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 2 | Học kỳ 5 | Thi thực hành                           |
| 41 | Học máy  | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                |
| 42 | Số học thuật toán                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                |
| 43 | Lập trình với R                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết                                |
| 44 | Logic toán                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                |
| 45 | Xử lý ảnh số                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                |
| 46 | Lập trình Web                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                |
| 47 | Mô phỏng ngẫu nhiên và ứng dụng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                |
| 48 | Mô hình toán kinh tế                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                |
| 49 | Toán tài chính                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                |
| 50 | Hàm thực và giải tích hàm                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                |
| 51 | Tối ưu hóa                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                |
| 52 | Đồ án 2  | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 2 | Học kỳ 7 | Thi thực hành                           |
| 53 | Điều khiển tối ưu                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                |
| 54 | Đại số máy tính                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                |
| 55 | Lý thuyết hệ thống và điều khiển               | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                |
| 56 | Phương pháp sai phân và phần tử hữu hạn        | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                |
| 57 | Phân tích hồi quy                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                |
| 58 | Phương pháp tính toán trong phân tích dữ liệu  | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                |
| 59 | Chuỗi thời gian                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                |
| 60 | Nhập môn trí tuệ nhân tạo                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                |
| 61 | Giải tích phức và ứng dụng                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 62 | Mô hình hóa toán học                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 63 | Thực tập doanh nghiệp                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 4 | Học kỳ 8 | Thực hành                               |
| 64 | Khóa luận tốt nghiệp                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 6 | Học kỳ 8 | Bảo vệ trước hội đồng<br>chấm khóa luận |
| 65 | Lý thuyết mật mã                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 66 | Mô hình hóa hệ thống điều khiển                | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 67 | Một số vấn đề hiện đại của Công nghệ thông tin | Trang bị kiến thức chuyên ngành           | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                                |

### 3. Ngành Khoa học dữ liệu (trình độ đại học) Khóa 45, 46, 47

| STT | Tên môn học                                  | Mục đích môn học                                       | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tin học cơ sở                                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Triết học Mác-Lênin                          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 3          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 3   | Tiếng Anh 1                                  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Đại số tuyến tính                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 4          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Giải tích 1                                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Thực tập nhận thức                           | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 1          | Học kỳ 1             | Viết thu hoạch                 |
| 7   | Giáo dục thể chất 1                          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn)        | 1          | Học kỳ 1             | Thi trắc nghiệm                |
| 8   | Kinh tế chính trị Mác-Lênin                  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 9   | Pháp luật đại cương                          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 2          | Học kỳ 2             | Thi trắc nghiệm                |
| 10  | Tiếng Anh 2                                  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 11  | Kỹ năng giao tiếp                            | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 12  | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 13  | Giải tích 2                                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 14  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1                | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 15  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2                | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 16  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3                | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 17  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4                | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 18  | Giáo dục thể chất 2                          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn)        | 1          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 19  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 2          | Học kỳ 3             | Thi trắc nghiệm                |
| 20  | Lập trình hướng đối tượng với Python         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 21  | Toán rời rạc                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 2          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 22  | Quy hoạch tuyến tính và rời rạc              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 2          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 23  | Xác suất và thống kê                         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 24  | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 25  | Nhập môn Khoa học dữ liệu                    | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 26  | Giáo dục thể chất 3                          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn)        | 1          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 27  | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 2          | Học kỳ 4             | Thi trắc nghiệm                |
| 28  | Phân tích hồi quy                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 3          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 29  | Lý thuyết tối ưu                             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 3          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 30  | Lập trình cho khoa học dữ liệu               | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 31  | Phân mềm thống kê                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 2          | Học kỳ 4             | Thi thực hành                  |
| 32  | Kiến trúc và hoạt động của hệ thống máy tính | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 3          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 33  | Đồ án 1                                      | Trang bị kiến thức rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng hỗ trợ | 2          | Học kỳ 4             | Viết đồ án                     |
| 34  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                         | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 2          | Học kỳ 5             | Thi trắc nghiệm                |
| 35  | Khởi nghiệp                                  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                  | 2          | Học kỳ 5             | Thi viết                       |
| 36  | Giải tích số                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 3          | Học kỳ 5             | Thi viết                       |
| 37  | Nhập môn trí tuệ nhân tạo                    | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3          | Học kỳ 5             | Thi viết                       |



|    |   |  |   |          |                |
|----|---|--|---|----------|----------------|
| 38 | Thông kê nhiều chiều                          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                         | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết       |
| 39 | Trực quan hóa dữ liệu                         | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết       |
| 40 | Tài chính căn bản                             | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết       |
| 41 | Khai phá dữ liệu                              | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết       |
| 42 | Học máy                                       | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết       |
| 43 | Lý thuyết số                                  | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết       |
| 44 | Nhập môn dữ liệu lớn                          | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết       |
| 45 | Đồ án 2                                       | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3 | Học kỳ 6 | Viết đồ án     |
| 46 | Phân tích thiết kế và đánh giá thuật toán     | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết       |
| 47 | Quá trình dừng và ứng dụng                    | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết       |
| 48 | Thị giác máy tính                             | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết       |
| 49 | Xử lý ảnh số                                  | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết       |
| 50 | Kỹ thuật xử lý dữ liệu lớn                    | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết       |
| 51 | Xây dựng và quản lý kho dữ liệu               | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết       |
| 52 | Xử lý dữ liệu chuỗi thời gian                 | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành               | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết       |
| 53 | Phân tích dữ liệu lớn                         | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết       |
| 54 | Xử lý ngôn ngữ tự nhiên                       | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết       |
| 55 | Phân tích dữ liệu trong tài chính             | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết       |
| 56 | Phân tích dữ liệu trong kinh doanh            | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết       |
| 57 | Phương pháp tính toán trong phân tích dữ liệu | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết       |
| 58 | Lý thuyết học thống kê                        | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết       |
| 59 | Điện toán đám mây                             | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết       |
| 60 | Thực tập doanh nghiệp                         | Trang bị kiến thức rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng bổ trợ | 4 | Học kỳ 8 | Viết báo cáo   |
| 61 | Khóa luận tốt nghiệp                          | Trang bị kiến thức rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng bổ trợ | 6 | Học kỳ 8 | Viết khóa luận |
| 62 | Một số vấn đề hiện đại trong khoa học dữ liệu | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết       |
| 63 | Lý thuyết dự báo                              | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết       |
| 64 | Thông kê Bayes                                | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết       |
| 65 | Mô hình hóa toán học                          | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết       |
| 66 | Mật mã và an toàn dữ liệu                     | Trang bị kiến thức ngành và chuyên ngành (tự chọn)     | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết       |

#### 4. Chuyên ngành Toán giải tích (trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng)

| STT | Tên môn học                | Mục đích môn học                               | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Triết học                  | Trang bị kiến thức chung về khoa học triết học | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Đại số tuyến tính nâng cao | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Đại số hiện đại            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Lý thuyết hàm biến thực    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |

|    |   |  |   |          |                 |
|----|---|--|---|----------|-----------------|
| 5  | Lý thuyết xác suất                                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết        |
| 6  | Nhập môn hình học đại số                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết        |
| 7  | Giải tích hàm ứng dụng                              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết        |
| 8  | Giải tích phức và ứng dụng                          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết        |
| 9  | Lý thuyết tối ưu                                    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết        |
| 10 | Phương trình đạo hàm riêng                          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết        |
| 11 | Giải tích lồi                                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 12 | Hệ động lực và lý thuyết điều khiển                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 13 | Giải tích Fourier và ứng dụng                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 14 | Giải tích điều hòa                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 15 | Lý thuyết hàm đặc biệt                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 16 | Hệ động lực hyperbolic                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 17 | Giải tích ngẫu nhiên                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 18 | Biến đổi tích phân                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 19 | Phương pháp số giải phương trình và hệ phương trình | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 20 | Lý thuyết hàm suy rộng                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 21 | Lý thuyết điều khiển tối ưu                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 22 | Thống kê ứng dụng                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 23 | Lý thuyết bậc tổ pô và ứng dụng                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 24 | Giải tích biến phân                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 25 | Lý thuyết toán tử                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 26 | Thực tập 1  | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                   | 3 | Học kỳ 3 | Viết báo cáo TT |
| 27 | Thực tập 2  | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                   | 3 | Học kỳ 4 | Viết báo cáo TT |
| 28 | Đề án tốt nghiệp                                    | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                   | 9 | Học kỳ 4 | Làm đề án       |

### 5. Chuyên ngành Đại số và Lý thuyết số (trình độ Thạc sĩ, định hướng ứng dụng)

| STT | Tên môn học                | Mục đích môn học                               | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Triết học                  | Trang bị kiến thức chung về khoa học triết học | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Đại số tuyến tính nâng cao | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Đại số hiện đại            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Lý thuyết hàm biến thực    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Lý thuyết xác suất         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Nhập môn hình học đại số   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 7   | Giải tích hàm ứng dụng     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 8   | Giải tích phức và ứng dụng | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |

|    |                            |  |   |          |                 |
|----|----------------------------|--|---|----------|-----------------|
| 9  | Lý thuyết tối ưu           | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết        |
| 10 | Lý thuyết nhóm             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết        |
| 11 | Lý thuyết số đại số        | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 12 | Lý thuyết trường và Galois | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 13 | Lý thuyết vành và môđun    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 14 | Cơ sở Groebner             | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 15 | Đại số đồng điều           | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 16 | Tô pô đại số               | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 17 | Lý thuyết phạm trù         | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 18 | Tính toán ma trận          | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 19 | Lý thuyết biểu diễn nhóm   | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 20 | Hình học đại số thực       | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 21 | Lý thuyết Morse            | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 22 | Lý thuyết kì dị            | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 23 | Thực tập 1                 | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                   | 3 | Học kỳ 3 | Viết báo cáo TT |
| 24 | Thực tập 2                 | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                   | 3 | Học kỳ 4 | Viết báo cáo TT |
| 25 | Đề án tốt nghiệp           | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                   | 9 | Học kỳ 4 | Làm đề án       |

### 6. Chuyên ngành Phương pháp toán sơ cấp (trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng)

| STT | Tên môn học                       | Mục đích môn học                               | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Triết học                         | Trang bị kiến thức chung về khoa học triết học | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Đại số tuyến tính nâng cao        | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Đại số hiện đại                   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Lý thuyết hàm biến thực           | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Lý thuyết xác suất                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Nhập môn hình học đại số          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 7   | Giải tích hàm ứng dụng            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 8   | Giải tích phức và ứng dụng        | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 9   | Lý thuyết tối ưu                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 10  | Tổ hợp và đồ thị                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 11  | Hình học sơ cấp                   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 12  | Bất đẳng thức                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 13  | Lý thuyết số                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 14  | Phương trình hàm                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 15  | Phương pháp xác suất trong tổ hợp | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 16  | Đa thức và ứng dụng               | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 2          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |

|    |   |   |   |          |                 |
|----|---|---|---|----------|-----------------|
| 17 | Dãy số và chuỗi số                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 18 | Phương pháp biến phân trong toán sơ cấp | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 19 | Sai phân và ứng dụng                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 20 | Lượng giác và ứng dụng                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 21 | Hàm đặc biệt và ứng dụng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 22 | Hình học tổ hợp                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn) | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết        |
| 23 | Thực tập 1                              | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp              | 3 | Học kỳ 3 | Viết báo cáo TT |
| 24 | Thực tập 2                              | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp              | 3 | Học kỳ 4 | Viết báo cáo TT |
| 25 | Đề án tốt nghiệp                        | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp              | 9 | Học kỳ 4 | Làm đề án       |

### 7. Chuyên ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng (trình độ Thạc sĩ)

| STT | Tên môn học                                     | Mục đích môn học                               | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Triết học                                       | Trang bị kiến thức chung về khoa học triết học | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Thống kê ứng dụng                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Phương pháp số cho đại số tuyến tính            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Nhập môn Khoa học dữ liệu                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Lập trình cho Khoa học dữ liệu                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Lý thuyết tối ưu                                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 7   | Cơ sở dữ liệu và Hệ thống thông tin             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 8   | Học máy và khai phá dữ liệu                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 9   | Phân tích dữ liệu hiển thị                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 10  | Phân tích dữ liệu khoa học chuyên ngành         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 11  | Thực tập đồ án 1                                | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                   | 3          | Học kỳ 3             | Viết báo cáo TT                |
| 12  | Đạo đức nghề nghiệp                             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 13  | Các quá trình ngẫu nhiên                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 14  | Giải tích số                                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 15  | Mô hình hóa thống kê với Python                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 16  | Phân tích thống kê với R                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 17  | Phân tích dữ liệu phụ thuộc thời gian và dự báo | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 18  | Lý thuyết dự báo                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 19  | Điện toán đám mây và ứng dụng                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 20  | Khai phá các tập dữ liệu lớn                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 21  | Quản lý dữ liệu lớn trong Internet vạn vật      | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 22  | Khai phá dữ liệu văn bản                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 23  | Học sâu và ứng dụng                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 24  | Robot và hệ thống tự hành                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành (tự chọn)      | 3          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 25  | Thực tập đồ án 2                                | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                   | 3          | Học kỳ 4             | Viết báo cáo TT                |

|    |                  |                              |   |          |           |
|----|------------------|------------------------------|---|----------|-----------|
| 26 | Đề án tốt nghiệp | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp | 9 | Học kỳ 4 | Làm đề án |
|----|------------------|------------------------------|---|----------|-----------|

### 8. Chuyên ngành Đại số và Lí thuyết số (trình độ Tiến sĩ)

| STT | Tên môn học              | Mục đích môn học                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--------------------------|---------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tôpô đại cương           | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 2   | Giải tích hàm            | Trang bị kiến thức cơ sở        | 3          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 3   | Đại số 1                 | Trang bị kiến thức cơ sở        | 3          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 4   | Đại số 2                 | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 5   | Đại số giao hoán         | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 6   | Lý thuyết cơ sở Groebner | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 7   | Đại số đồng điều         | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 8   | Đôi đồng điều nhóm       | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 9   | Tôpô đại số              | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 10  | Hình học đại số          | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 11  | Lý thuyết nhóm           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 12  | Lý thuyết trường         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 13  | Lý thuyết vành và môđun  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 14  | Lý thuyết phạm trù       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 15  | Tính toán ma trận        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 16  | Lý thuyết số             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 17  | Lý thuyết biểu diễn nhóm | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 18  | Galois vi phân           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 19  | Hình học số học          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 20  | Lý thuyết dàn            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 21  | Lý thuyết kỳ dị          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 22  | Bài tiểu luận tổng quan  | Trang bị kiến thức chuyên ngành |            | Theo kế hoạch p.SDH  | Bảo vệ trước hội đồng          |
| 23  | Luận án tiến sĩ          | Trang bị kiến thức chuyên ngành |            | Theo kế hoạch p.SDH  | Bảo vệ trước hội đồng          |

### 9. Chuyên ngành Toán giải tích (trình độ Tiến sĩ)

| STT | Tên môn học    | Mục đích môn học         | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------|--------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Lý thuyết tôpô | Trang bị kiến thức cơ sở | 2          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |
| 2   | Giải tích hàm  | Trang bị kiến thức cơ sở | 3          | Theo kế hoạch p.SDH  | Vấn đáp                        |

|    |   |                                 |   |                     |                       |
|----|---|---------------------------------|---|---------------------|-----------------------|
| 3  | Đại số 1                                    | Trang bị kiến thức cơ sở        | 3 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 4  | Đại số 2                                    | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 5  | Giải tích phức và ứng dụng                  | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 6  | Lý thuyết xác suất                          | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 7  | Phương trình đạo hàm riêng                  | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 8  | Giải tích số                                | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 9  | Phép tính vi phân trên không gian Banach    | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 10 | Lý thuyết các hàm đặc biệt                  | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 11 | Phương trình đạo hàm riêng phi tuyến cấp 1  | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 12 | Giải tích lồi                               | Trang bị kiến thức cơ sở        | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 13 | Không gian vectơ tôpô 1                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 14 | Lý thuyết tối ưu                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 15 | Không gian vectơ tôpô 2                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 16 | Giải tích trên thang thời gian              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 17 | Lý thuyết các bài toán cực trị              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 18 | Biến đổi tích phân                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 19 | Cơ sở giải tích điều hòa                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 20 | Lý thuyết hàm suy rộng                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 21 | Lý thuyết toán tử                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 22 | Giải tích biến phân                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 23 | Lý thuyết điều khiển toán học               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 24 | Giải tích phức trên không gian Banach       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 25 | Lý thuyết thế vị phức                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 26 | Giải tích Fourier                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 27 | Lý thuyết bài toán đặt không chính          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 28 | Thống kê toán học                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 29 | Lý thuyết điều khiển tối ưu                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 30 | Lý thuyết hệ động lực hyperbolic            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 31 | Lý thuyết động lực học ký hiệu              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 32 | Phương trình vi phân trên không gian Banach | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 33 | Bao hàm thức vi phân                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 34 | Lý thuyết sai phân và ứng dụng              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Theo kế hoạch p.SDH | Vấn đáp               |
| 35 | Bài tiểu luận tổng quan                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành |   | Theo kế hoạch p.SDH | Bảo vệ trước hội đồng |
| 36 | Luận án tiến sĩ                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành |   | Theo kế hoạch p.SDH | Bảo vệ trước hội đồng |

## IX. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

### 1. Chuyên ngành Khoa học máy tính (trình độ thạc sĩ)

| STT | Tên môn học                               | Mục đích môn học                      | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---------------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Triết học                                 | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3          | 1                    | Thi cuối kỳ                    |
| 2   | Phân tích thiết kế và đánh giá thuật toán | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | Tiểu luận                      |
| 3   | Cơ sở dữ liệu nâng cao                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | Thực hành                      |
| 4   | Mạng máy tính nâng cao                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | Tiểu luận                      |
| 5   | Công nghệ phần mềm nâng cao               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | Tiểu luận                      |
| 6   | Học máy và ứng dụng                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | Tiểu luận                      |
| 7   | Xử lý ngôn ngữ tự nhiên                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | Tiểu luận                      |
| 8   | Thị giác máy tính                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | Tiểu luận                      |
| 9   | Điện toán đám mây                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | Vấn đáp                        |
| 10  | Thực tập dự án 1                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | Tiểu luận                      |
| 11  | Trí tuệ nhân tạo nâng cao                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | Tiểu luận                      |
| 12  | Phân tích thiết kế hướng đối tượng        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | Tiểu luận                      |
| 13  | Thực tập dự án 2                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 3                    | Tiểu luận                      |
| 14  | Logic mờ và ứng dụng                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 3                    | Tiểu luận                      |
| 15  | Thực tại ảo và ứng dụng                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 3                    | Tiểu luận                      |
| 16  | Khai phá dữ liệu và ứng dụng              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 3                    | Tiểu luận                      |
| 17  | Xử lý dữ liệu lớn                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 3                    | Tiểu luận                      |
| 18  | Hệ hỗ trợ ra quyết định                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 3                    | Tiểu luận                      |
| 19  | An toàn và bảo mật thông tin              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 3                    | Tiểu luận                      |
| 20  | Kiểm định phần mềm                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 3                    | Tiểu luận                      |
| 21  | Lập trình nâng cao                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 3                    | Tiểu luận                      |
| 22  | Đề án tốt nghiệp                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 9          | 4                    | Viết báo cáo                   |

### 2. Chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm (trình độ đại học):

| STT | Tên môn học                | Mục đích môn học                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Khóa | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------------|---------------------------------|------------|----------------------|------|--------------------------------|
| 1   | Đồ án tốt nghiệp           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 8          | 1                    | 43   | Viết báo cáo                   |
| 2   | Thực tập tốt nghiệp        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | 1                    | 43   | Viết báo cáo                   |
| 3   | Công nghệ Web              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | 1                    | 44   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 4   | Đồ án công nghệ phần mềm 1 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | 1                    | 44   | Viết báo cáo                   |
| 5   | Kiến trúc hướng dịch vụ    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | 1                    | 44   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 6   | Lập trình Game             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3          | 1                    | 44   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |

|    |   |                                       |   |   |    |                      |
|----|---|---------------------------------------|---|---|----|----------------------|
| 7  | Lập trình nhúng                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 8  | Một số vấn đề hiện đại của CNPM               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 9  | Trí tuệ nhân tạo                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 10 | An toàn và bảo mật hệ thống thông tin         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 11 | Điện toán đám mây                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 12 | Đồ án công nghệ phần mềm 2                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 44 | Viết báo cáo         |
| 13 | Học máy và ứng dụng                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 14 | Khai phá dữ liệu                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 15 | Lập trình mạng                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 16 | Lập trình trí tuệ nhân tạo                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 17 | Công nghệ dotNET                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 18 | Công nghệ Java                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 19 | Công nghệ phần mềm                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 20 | Hệ điều hành                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 21 | Khởi nghiệp                                   | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 22 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 23 | Phân tích và thiết kế phần mềm                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 24 | Tiếng Anh cho CNTT                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 25 | Đảm bảo chất lượng phần mềm                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 26 | Lập trình ứng dụng Mobile                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 27 | Mẫu thiết kế phần mềm                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 28 | Phân tích dữ liệu lớn                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 29 | Phát triển phần mềm hướng đối tượng           | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 30 | Phát triển phần mềm nguồn mở                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 31 | Quản lý dự án phần mềm                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 32 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                          | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 33 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 34 | Cơ sở dữ liệu                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 35 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 36 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 37 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 38 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 39 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 40 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 41 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 42 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                 | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 43 | Lập trình hướng đối tượng                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 44 | Toán rời rạc                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 45 | Xác suất thống kê                             | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 46 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 47 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 48 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |



|    |  |                                       |   |   |    |                      |
|----|--|---------------------------------------|---|---|----|----------------------|
| 49 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 50 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 51 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)  | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 52 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)            | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 53 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 54 | Kiến trúc máy tính                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 55 | Lập trình ứng dụng Desktop                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 56 | Lập trình ứng dụng Web                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 57 | Mạng máy tính                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 58 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 59 | Thực tập nhận thức                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 1 | 2 | 46 | Viết báo cáo         |
| 60 | Đại số tuyến tính                              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 61 | Giải tích                                      | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 62 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)            | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 63 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 64 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 65 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 66 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)  | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 67 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)            | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 68 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 69 | Gới thiệu ngành và hướng nghiệp                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 70 | Kỹ năng giao tiếp                              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 71 | Thực hành máy tính (lắp ráp, cài đặt, bảo trì) | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 1 | 1 | 47 | Thực hành            |
| 72 | Tiếng Anh 1                                    | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 73 | Toán logic                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 74 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 75 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 76 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 77 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 78 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 79 | Lập trình cơ bản                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 80 | Pháp luật đại cương                            | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 81 | Tiếng Anh 2                                    | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 4 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 82 | Triết học Mác - Lênin                          | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |

### 3. Chuyên ngành Công nghệ thông tin (trình độ đại học):

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy (HK) | Khóa | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|------------------|------------|---------------------------|------|--------------------------------|
|-----|-------------|------------------|------------|---------------------------|------|--------------------------------|

|    |   |                                 |   |   |    |                      |
|----|---|---------------------------------|---|---|----|----------------------|
| 1  | Bảo trì phần mềm                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 2  | Blockchain và ứng dụng                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 3  | Cơ sở dữ liệu NoSQL                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 4  | Công nghệ ảo hóa                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 5  | Đánh giá hiệu năng mạng                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 6  | Dự báo chuỗi thời gian                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 7  | Hệ thống kinh doanh thông minh              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 8  | Hệ thống phân tán                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 9  | Học máy 2                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 10 | Học sâu và ứng dụng                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 11 | Khai phá dữ liệu                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 12 | Kiểm thử tự động                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 13 | Kiến trúc hướng dịch vụ                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 14 | Lập trình Game                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 15 | Lập trình hệ thống nhúng                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 16 | Lập trình Mobile                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 17 | Lập trình Trí tuệ nhân tạo                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 18 | Mạng không dây                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 19 | Một số vấn đề hiện đại của Mạng máy tính    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 20 | Một số vấn đề hiện đại trong CNPM           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 21 | Phân tích dữ liệu lớn                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 22 | Phân tích thiết kế mạng                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 23 | Phát triển phần mềm chuyên nghiệp           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 24 | Phát triển phần mềm hướng đối tượng         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 25 | Phát triển phần mềm nguồn mở                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 26 | Quản lý dự án phần mềm                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 27 | Quản trị hệ thống thông tin                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 28 | Quản trị mạng Windows 2                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 29 | Thị giác máy tính                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 30 | Thiết bị mạng                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 31 | Thiết kế phần mềm                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 32 | Thực hành xây dựng Hệ thống thông tin       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 33 | Thương mại điện tử                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 34 | Trực quan hóa dữ liệu                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 35 | Truyền thông đa phương tiện                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 36 | Tương tác người máy                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | 1 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 37 | Các hệ thống thông tin hiện đại             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 38 | Chuyên đề 1: Những vấn đề hiện đại của CNTT | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | 2 | 44 | Làm tiểu luận        |
| 39 | Khoá Luận tốt nghiệp                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 6 | 2 | 44 | Viết báo cáo         |
| 40 | Một số vấn đề hiện đại của Khoa học dữ liệu | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 41 | Thực hành chuyên ngành Công nghệ phần mềm   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 42 | Thực hành chuyên ngành Mạng máy tính        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |

|    |   |                                       |   |   |    |                      |
|----|---|---------------------------------------|---|---|----|----------------------|
| 43 | Thực hành chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 44 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 44 | Thực tập tốt nghiệp                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 44 | Viết báo cáo         |
| 45 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 46 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 47 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 48 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 49 | Khởi nghiệp                                   | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 50 | Nguyên lý hệ điều hành                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 51 | Nhập môn công nghệ phần mềm                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 52 | Nhập môn Trí tuệ nhân tạo                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 53 | Quản trị mạng                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 54 | Thực hành làm việc nhóm                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | 1 | 45 | Thực hành            |
| 55 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                          | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 1 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 56 | An toàn và an ninh mạng                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 57 | An toàn và bảo mật hệ thống thông tin         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 58 | Công nghệ .NET                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 59 | Công nghệ Java                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 60 | Công nghệ lập trình ứng dụng                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 61 | Công nghệ Web                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 62 | Điện toán đám mây                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 63 | Hệ quản trị CSDL nâng cao                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 64 | Học máy 1                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 65 | Khai phá dữ liệu                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 66 | Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 67 | Lập trình mạng                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 68 | Lập trình Python                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 69 | Ngôn ngữ mô hình hóa                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 70 | Phân tích và đặc tả yêu cầu phần mềm          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 71 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin      | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 72 | Quản lý mạng máy tính                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 73 | Quản trị mạng Linux                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 74 | Quản trị mạng Windows 1                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 75 | Thuật toán nâng cao                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 76 | Xử lý ảnh số                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 77 | Xử lý ngôn ngữ tự nhiên                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 45 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 78 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 79 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 80 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 81 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 82 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 83 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 84 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |

|     |  |                                       |   |   |    |                      |
|-----|--|---------------------------------------|---|---|----|----------------------|
| 85  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 86  | Giới thiệu ngành CNTT                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 1 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 87  | Kỹ thuật lập trình                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 88  | Lập trình hướng đối tượng                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 89  | Nhập môn mạng máy tính                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 90  | Toán rời rạc                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 91  | Xác suất thống kê                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 92  | Cấu trúc dữ liệu                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 93  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 94  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 95  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 96  | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 97  | Lập trình trên Desktop                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 98  | Lập trình ứng dụng Web                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 99  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                 | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 100 | Nhập môn cơ sở dữ liệu                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 101 | Thực tập nhận thức                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 1 | 2 | 46 | Viết báo cáo         |
| 102 | Tiếng Anh cho CNTT                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 103 | Đại số tuyến tính                              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 104 | Giải tích                                      | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 105 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chày 1)              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 106 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 107 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 108 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 109 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)  | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 110 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)            | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 111 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 112 | Lập trình cơ bản                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 113 | Thực hành máy tính (lắp ráp, cài đặt, bảo trì) | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 1 | 1 | 47 | Thực hành            |
| 114 | Tiếng Anh 1                                    | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 115 | Toán logic                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 116 | Triết học Mác - Lênin                          | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 117 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chày 2)              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 118 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 119 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 120 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 121 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)  | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 122 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)            | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 123 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 124 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 125 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                  | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 126 | Kỹ năng giao tiếp                              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |

|     |                     |                                       |   |   |    |                      |
|-----|---------------------|---------------------------------------|---|---|----|----------------------|
| 127 | Nhập môn Thuật toán | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 128 | Pháp luật đại cương | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 129 | Phương pháp tính    | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 130 | Tiếng Anh 2         | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 4 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |

#### 4. Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo (trình độ đại học):

| STT | Tên môn học                                   | Mục đích môn học                      | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Khóa | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|---------------------------------------|------------|----------------------|------|--------------------------------|
| 1   | Công nghệ phần mềm                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 2   | Học sâu                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 3   | Nhập môn dữ liệu lớn                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 4   | Nhập môn Xử lý ngôn ngữ tự nhiên              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 5   | Tư tưởng Hồ Chí Minh                          | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2          | 1                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 6   | Khởi nghiệp                                   | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2          | 1                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 7   | Điện toán đám mây                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 8   | Trực quan hóa dữ liệu                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 9   | Phát triển hệ thống Trí tuệ nhân tạo          | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 10  | Xử lý ảnh số                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 11  | Xử lý ngôn ngữ tự nhiên nâng cao              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 12  | Các mô hình dự báo dữ liệu chuỗi thời gian    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 13  | Thực tế ảo và ứng dụng                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | 45   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 14  | Toán rời rạc                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 15  | Nhập môn Trí tuệ nhân tạo                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 16  | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 17  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 18  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chày 3)             | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 19  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 20  | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 21  | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 22  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 23  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 24  | Kỹ năng giao tiếp                             | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 25  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 26  | Xác suất thống kê                             | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 27  | Lý thuyết tối ưu                              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2          | 1                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 28  | Lập trình ứng dụng Web                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 29  | Đạo đức Trí tuệ nhân tạo                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2          | 2                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 30  | Hệ điều hành và kiến trúc máy tính            | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4          | 2                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |
| 31  | Mạng máy tính                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3          | 2                    | 46   | Điểm QT, Thi cuối kỳ           |

|    |   |                                       |   |   |    |                      |
|----|---|---------------------------------------|---|---|----|----------------------|
| 32 | Học máy                                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 33 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 1               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 34 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 2               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 35 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 3               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 36 | Giáo dục quốc phòng - An ninh 4               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 37 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 46 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 38 | Toán logic                                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 2 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 39 | Lập trình cơ bản                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 40 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 41 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 42 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 43 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 44 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 45 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 46 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 47 | Triết học Mác - Lênin                         | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 48 | Tiếng Anh 1                                   | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 49 | Đại số tuyến tính                             | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 50 | Giải tích                                     | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 1 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 51 | Lập trình hướng đối tượng                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 3 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 52 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành       | 4 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 53 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 54 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 55 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 56 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 57 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 58 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 59 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 1 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 60 | Pháp luật đại cương                           | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 61 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                 | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 2 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 62 | Tiếng Anh 2                                   | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 4 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |
| 63 | Phương pháp tính                              | Trang bị kiến thức chung về KH cơ bản | 3 | 2 | 47 | Điểm QT, Thi cuối kỳ |

## X. KHOA KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

### 1. Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông (trình độ đại học) Khóa 43, 44

| STT | Tên môn học                                  | Mục đích môn học                | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---------------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1.  | Nhập môn ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |

|  |  |   |   |          |           |
|--|--|---|---|----------|-----------|
| 2.   | Đại số và hình học giải tích                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 3.   | Tiếng Anh 1                                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 4.   | Giải tích 1                                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 5.   | Vật lý 1   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 6.   | Hình họa và vẽ kỹ thuật                          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 trong 7 học phần sau: (1/7 TC)</b> |  |   |   |          |           |
| 7.   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)                  | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 1 | Thực hành |
| 8.   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 1 | Thực hành |
| 9.   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)                  | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 1 | Thực hành |
| 10.  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 1 | Thực hành |
| 11.  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)    | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 1 | Thực hành |
| 12.  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 1 | Thực hành |
| 13.  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 1 | Thực hành |
| 14.  | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 15.  | Tin học đại cương                                | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 16.  | Tiếng Anh 2                                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4 | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 17.  | Giải tích 2                                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 18.  | Xác suất thống kê                                | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 19.  | Vật lý 2   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 20.  | Phương pháp tính                                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 21.  | Thí nghiệm vật lý                                | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Thực hành |
| <b>Chọn 1 trong 7 học phần sau: (1/7 TC)</b> |  |   |   |          |           |
| 22.  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)                  | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 23.  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 24.  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)                  | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 25.  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 26.  | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)    | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Thực hành |

|  |   |   |   |          |           |
|--|---|---|---|----------|-----------|
| 27.  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 28.  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 29.  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | Học kỳ 2 |           |
| 30.  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 |           |
| 31.  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 |           |
| 32.  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 |           |
| 33.  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 34.  | Xác suất thống kê                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 35.  | Phương pháp tính                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 36.  | Kỹ thuật điện                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 37.  | Cấu kiện điện tử                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 38.  | Lý thuyết mạch điện tử                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 39.  | Tín hiệu và hệ thống                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 40.  | Kỹ thuật lập trình                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 trong 7 học phần sau: (1/7 TC)</b> |   |   |   |          |           |
| 41.  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 42.  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 43.  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 44.  | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 45.  | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 46.  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 47.  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 48.  | Lịch sử Đảng CSVN                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 49.  | Tiếng Anh chuyên ngành                        | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 50.  | Kỹ thuật mạch điện tử 1                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 51.  | Kỹ thuật xung - số                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 52.  | Lý thuyết thông tin                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết  |



|     |                                     |   |     |          |             |
|-----|-------------------------------------|---|-----|----------|-------------|
| 53. | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết    |
| 54. | Thực hành kỹ thuật điện             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 4 | Thực hành   |
| 55. | Thí nghiệm điện tử 1                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 4 | Thực hành   |
| 56. | Thí nghiệm lý thuyết mạch điện tử   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 4 | Thực hành   |
| 57. | Thực hành kỹ thuật lập trình        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 4 | Thực hành   |
| 58. | Tư tưởng Hồ Chí Minh                | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết    |
| 59. | Kỹ thuật mạch điện tử 2             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết    |
| 60. | Lý thuyết điều khiển tự động        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết    |
| 61. | Trường điện tử                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết    |
| 62. | Kỹ thuật vi xử lý                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết    |
| 63. | Xử lý tín hiệu số                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết    |
| 64. | Khởi nghiệp                         | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 5 | Thi vấn đáp |
| 65. | Thí nghiệm điện tử 2                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 5 | Thực hành   |
| 66. | Thực tập thiết kế điện tử cơ bản    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành   |
| 67. | Anten truyền sóng                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 6 | Thi viết    |
| 68. | Thông tin số                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 6 | Thi viết    |
| 69. | Hệ thống nhúng                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết    |
| 70. | Đo lường và cảm biến điện tử        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết    |
| 71. | Vi điều khiển và ứng dụng           | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết    |
| 72. | Đồ án thiết kế 1                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 6 | Thi vấn đáp |
| 73. | Thực hành xử lý tín hiệu số         | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 6 | Thực hành   |
| 74. | Thực hành vi xử lý và vi điều khiển | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành   |
| 75. | Thực tập thiết kế điện tử ứng dụng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành   |
| 76. | Thực tập công nhân 1                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành   |
| 77. | Thông tin vô tuyến                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết    |
| 78. | Mạng viễn thông                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết    |
| 79. | Kỹ thuật mạng máy tính              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết    |

|   |  |                                 |     |          |             |
|---|--|---------------------------------|-----|----------|-------------|
| 80.   | Thiết kế mạch tích hợp                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết    |
| 81.   | Đồ án thiết kế 2                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 7 | Thi vấn đáp |
| 82.   | Thực hành đo lường và cảm biến điện tử | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 0.5 | Học kỳ 7 | Thực hành   |
| 83.   | Thực hành thiết kế mạch tích hợp       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 0.5 | Học kỳ 7 | Thực hành   |
| 84.   | Thực hành viễn thông 1                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 7 | Thực hành   |
| 85.   | Thực tập chuyên ngành                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 7 | Thi vấn đáp |
| <b>Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông</b>   |  |                                 |     |          |             |
| 86.   | Điện tử thông tin                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết    |
| 87.   | Kỹ thuật truyền hình                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết    |
| <b>Chuyên ngành Hệ thống nhúng và IoT</b>         |  |                                 |     |          |             |
| 88.   | Cơ sở và ứng dụng IoT                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết    |
| 89.   | Truyền thông đa phương tiện            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết    |
| <b>Chuyên ngành kỹ thuật điện tử - viễn thông</b> |  |                                 |     |          |             |
| 90.   | Thông tin quang                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3   | Học kỳ 8 | Thi viết    |
| 91.   | Thông tin di động                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3   | Học kỳ 8 | Thi viết    |
| 92.   | Chuyên đề viễn thông                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết    |
| 93.   | Đồ án chuyên ngành                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 8 | Thi vấn đáp |
| 94.   | Thực hành kỹ thuật truyền hình         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 0.5 | Học kỳ 8 | Thực hành   |
| 95.   | Thực hành viễn thông 2                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành   |
| 96.   | Thực tập công nhân 2                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 8 | Thi vấn đáp |
| <i>Chọn 3 trong 10 học phần sau: (6/20 TC)</i>    |  |                                 |     |          |             |
| 97.   | Thông tin vệ tinh                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết    |
| 98.   | Kỹ thuật định vị dẫn đường             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết    |
| 99.   | Kỹ thuật siêu cao tần                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết    |
| 100.  | Tổ chức và quản lý mạng viễn thông     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết    |
| 101.  | Mạng cảm biến không dây và IoT         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết    |
| 102.  | Truyền thông đa phương tiện            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết    |

|  |                                       |                                 |     |          |   |
|--|---------------------------------------|---------------------------------|-----|----------|---|
| 103.   | Điện tử công nghiệp                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 104.   | Xử lý ảnh và âm thanh                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 105.   | Quang điện tử ứng dụng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 106.   | Chuyên đề điện tử và máy tính         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| <b>Chuyên ngành hệ thống nhúng và IoT</b>      |                                       |                                 |     |          |   |
| 107.   | Hệ điều hành nhúng                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 108.   | Thiết kế hệ thống nhúng               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 109.   | Cơ sở dữ liệu ứng dụng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 110.   | Chuyên đề IoT                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 111.   | Đồ án chuyên ngành                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 8 | Thi vấn đáp                             |
| 112.   | Thực hành truyền thông đa phương tiện | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 0.5 | Học kỳ 8 | Thực hành                               |
| 113.   | Thực hành hệ thống nhúng và IoT       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành                               |
| 114.   | Thực tập công nhân 2                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành                               |
| <i>Chọn 3 trong 10 học phần sau: (6/20 TC)</i> |                                       |                                 |     |          |   |
| 115.   | Trí tuệ nhân tạo                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 116.   | Hệ thống điện toán đám mây            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 117.   | Mạng cảm biến không dây và IoT        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 118.   | Phân tích và thiết kế hướng đối tượng | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 119.   | Kỹ thuật lập trình nâng cao           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 120.   | Lập trình máy tính song song          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 121.   | Điện tử thông tin                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 122.   | Xử lý ảnh và âm thanh                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 123.   | Quang điện tử ứng dụng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| 124.   | Chuyên đề điện tử và máy tính         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                |
| <b>Thực tập tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp</b>   |                                       |                                 |     |          |   |
| 125.   | Thực tập tốt nghiệp                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3   | Học kỳ 9 | - Cơ sở thực tập đánh giá theo quy định |

|      |                  |                                 |   |          |                         |
|------|------------------|---------------------------------|---|----------|-------------------------|
|      |                  |                                 |   |          | - Bảo vệ trước hội đồng |
| 126. | Đồ án tốt nghiệp | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 8 | Học kỳ 9 | Bảo vệ trước hội đồng   |

## 2. Ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông (trình độ đại học) Khóa 45, 46, 47

| STT  | Tên môn học                                   | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|--|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1  | Nhập môn ngành kỹ thuật điện tử - viễn thông  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 2  | Kỹ năng giao tiếp                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 3  | Tiếng Anh 1                                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4  | Đại số tuyến tính                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5  | Giải tích 1                                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6  | Vật lý 1                                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 7  | Hình họa và vẽ kỹ thuật                       | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>Chọn 1 trong 7 học phần sau: (1/7 TC)</b> |   |   |            |                      |                                |
| 8  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 9  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 10   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 11   | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 12   | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 13   | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 14   | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 15   | Pháp luật đại cương                           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 16   | Tiếng Anh 2                                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 17   | Triết học Mác Lênin                           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 18   | Giải tích 2                                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 19   | Vật lý 2                                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 20   | Thí nghiệm vật lý                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 21   | Tin học cơ sở (Kỹ thuật)                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| <b>Chọn 1 trong 7 học phần sau: (1/7 TC)</b> |   |   |            |                      |                                |
| 22   | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 23   | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 24   | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 25   | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 26   | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 27   | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 28   | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |

|  |   |   |     |          |           |
|--|---|---|-----|----------|-----------|
| 29   | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 30   | Xác suất thống kê                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 31   | Phương pháp tính                              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 32   | Kỹ thuật điện                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 33   | Cấu kiện điện tử                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 34   | Lý thuyết mạch điện tử                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 35   | Tín hiệu và hệ thống                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 36   | Kỹ thuật lập trình                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| <b>Chọn 1 trong 7 học phần sau: (1/7 TC)</b> |   |   |     |          |           |
| 37   | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 38   | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 39   | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 40   | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 41   | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 42   | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 43   | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 44   | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 45   | Tiếng Anh chuyên ngành                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 46   | Kỹ thuật mạch điện tử 1                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 47   | Kỹ thuật xung - số                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 48   | Lý thuyết thông tin                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 49   | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 50   | Thực hành kỹ thuật điện                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 4 | Thực hành |
| 51   | Thí nghiệm lý thuyết mạch điện tử             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 4 | Thực hành |
| 52   | Thực hành kỹ thuật lập trình                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 4 | Thực hành |
| 53   | Trường điện từ                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 54   | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3   | Học kỳ 4 |           |
| 55   | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 4 |           |
| 56   | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 4 |           |
| 57   | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 4 |           |
| 58   | Lịch sử Đảng CSVN                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 59   | Thí nghiệm mạch điện tử 1                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 60   | Kỹ thuật mạch điện tử 2                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 61   | Lý thuyết điều khiển tự động                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 62   | Kỹ thuật vi xử lý                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 63   | Xử lý tín hiệu số                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 64   | Thực tập thiết kế điện tử cơ bản              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 65   | Anten truyền sóng                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 66   | Thực hành xử lý tín hiệu số                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành |

|  |  |   |     |          |                  |
|--|--|---|-----|----------|------------------|
| 67   | Tư tưởng Hồ Chí Minh                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết         |
| 68   | Khởi nghiệp                            | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 6 | Thuyết trình     |
| 69   | Thí nghiệm mạch điện tử 2              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành        |
| 70   | Thông tin số                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 6 | Thi viết         |
| 71   | Hệ thống nhúng                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết         |
| 72   | Đo lường và cảm biến điện tử           | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết         |
| 73   | Vi điều khiển và ứng dụng              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết         |
| 74   | Đồ án thiết kế 1                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 6 | Thi vấn đáp      |
| 75   | Thực hành vi xử lý và vi điều khiển    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành        |
| 76   | Thực tập thiết kế điện tử ứng dụng     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành        |
| 77   | Thực tập công nhân 1                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành        |
| 78   | Thông tin vô tuyến                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết         |
| 79   | Mạng viễn thông                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết         |
| 80   | Kỹ thuật mạng máy tính                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết         |
| 81   | Thiết kế mạch tích hợp                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết         |
| 82   | Đồ án thiết kế 2                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 7 | Thi vấn đáp      |
| 83   | Thực hành đo lường và cảm biến điện tử | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 7 | Thực hành        |
| 84   | Thực hành thiết kế mạch tích hợp       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 7 | Thực hành        |
| 85   | Thực hành viễn thông 1                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 7 | Thực hành        |
| 86   | Thực tập chuyên ngành                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 7 | Báo cáo thực tập |
| <b>1. Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông</b> |  |   |     |          |                  |
| 87   | Điện tử thông tin                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết         |
| 88   | Kỹ thuật truyền hình                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết         |
| 89   | Thông tin quang                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 8 | Thi viết         |
| 90   | Thông tin di động                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 8 | Thi viết         |
| 91   | Chuyên đề viễn thông                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết         |
| 92   | Đồ án chuyên ngành                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 8 | Thi vấn đáp      |
| 93   | Thực hành kỹ thuật truyền hình         | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0.5 | Học kỳ 8 | Thực hành        |
| 94   | Thực hành viễn thông 2                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành        |
| 95   | Thực tập công nhân 2                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành        |
| <b>Chọn 3 trong 10 học phần sau: (6/20 TC)</b>     |  |   |     |          |                  |
| 96   | Thông tin vệ tinh                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết         |
| 97   | Kỹ thuật định vị dẫn đường             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết         |
| 98   | Kỹ thuật siêu cao tần                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết         |
| 99   | Tổ chức và quản lý mạng viễn thông     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết         |
| 100  | Mạng cảm biến không dây và IoT         | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết         |
| 101  | Truyền thông đa phương tiện            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết         |
| 102  | Điện tử công nghiệp                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết         |
| 103  | Xử lý ảnh và âm thanh                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết         |

|  |                                       |                                 |     |          |  |
|--|---------------------------------------|---------------------------------|-----|----------|--|
| 104  | Quang điện tử ứng dụng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 105  | Chuyên đề điện tử và máy tính         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| <b>2. Chuyên ngành Hệ thống nhúng và IoT</b>   |                                       |                                 |     |          |  |
| 106  | Cơ sở và ứng dụng IoT                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết   |
| 107  | Truyền thông đa phương tiện           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết   |
| 108  | Hệ điều hành nhúng                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 109  | Thiết kế hệ thống nhúng               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 110  | Cơ sở dữ liệu ứng dụng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 111  | Chuyên đề IoT                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 112  | Đồ án chuyên ngành                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 8 | Thi vấn đáp  |
| 113  | Thực hành truyền thông đa phương tiện | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 0.5 | Học kỳ 8 | Thực hành  |
| 114  | Thực hành hệ thống nhúng và IoT       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành  |
| 115  | Thực tập công nhân 2                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành  |
| <b>Chọn 3 trong 10 học phần sau: (6/20 TC)</b> |                                       |                                 |     |          |  |
| 116  | Trí tuệ nhân tạo                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 117  | Hệ thống điện toán đám mây            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 118  | Mạng cảm biến không dây và IoT        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 119  | Phân tích và thiết kế hướng đối tượng | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 120  | Kỹ thuật lập trình nâng cao           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 121  | Lập trình tính toán song song         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 122  | Điện tử thông tin                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 123  | Xử lý ảnh và âm thanh                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 124  | Quang điện tử ứng dụng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 125  | Chuyên đề điện tử và máy tính         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết   |
| 126  | Thực tập tốt nghiệp                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3   | Học kỳ 9 | - Cơ sở thực tập đánh giá theo quy định<br>- Bảo vệ trước hội đồng |
| 127  | Đồ án tốt nghiệp                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 8   | Học kỳ 9 | Bảo vệ trước hội đồng  |

### 3. Ngành Kỹ thuật Viễn thông, trình độ Thạc sĩ (Khóa 26)

| STT | Tên môn học                       | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-----------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1.  | Triết học                         | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Viết                           |
| 2.  | Hệ thống truyền thông số nâng cao | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3          | Học kỳ 1             | Viết                           |

|     |   |                                 |   |          |  |
|-----|---|---------------------------------|---|----------|--|
| 3.  | Mạng di động và không dây                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | Tiểu luận  |
| 4.  | Xử lý tín hiệu không gian, thời gian              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | Tiểu luận  |
| 5.  | Lý thuyết thông tin và mã hóa                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | Viết   |
| 6.  | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin vô tuyến | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Tiểu luận  |
| 7.  | Phân tích và thiết kế anten bằng phương pháp số   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Tiểu luận  |
| 8.  | Chuyên đề hệ thống truyền thông tiên tiến         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Tiểu luận  |
| 9.  | Thực tập viễn thông 1                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | - Cơ sở thực tập đánh giá theo quy định<br>- Bảo vệ trước hội đồng |
| 10. | Thực tập viễn thông 2                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 4 | - Cơ sở thực tập đánh giá theo quy định<br>- Bảo vệ trước hội đồng |
| 11. | Hệ thống thu phát thông tin                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | Viết   |
| 12. | Mạng viễn thông thế hệ mới                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Tiểu luận  |
| 13. | Mạng cảm biến không dây                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | Tiểu luận  |
| 14. | Giao thức và mạng                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Tiểu luận  |
| 15. | Hệ thống thông tin công nghiệp                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Viết   |
| 16. | Chuyên đề nghiên cứu về xử lý tín hiệu            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Viết   |
| 17. | Tối ưu trong hệ thống truyền thông                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Viết   |
| 18. | Định vị sử dụng vệ tinh                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Tiểu luận  |
| 19. | Tương thích điện từ                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Tiểu luận  |
| 20. | Mật mã và an ninh mạng viễn thông                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Viết   |
| 21. | Công nghệ và thiết kế mạch tích hợp               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Tiểu luận  |
| 22. | Anten thông minh                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Tiểu luận  |
| 23. | Quản lý dự án thông tin                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Tiểu luận  |
| 24. | Công nghệ trí tuệ nhân tạo                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Tiểu luận  |
| 25. | Chuyên đề hệ thống IoT                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Tiểu luận  |
| 26. | Mạng quang tích hợp                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Tiểu luận  |



|     |                  |                                 |   |          |                         |
|-----|------------------|---------------------------------|---|----------|-------------------------|
| 27. | Đề án tốt nghiệp | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 9 | Học kỳ 4 | - Bảo vệ trước hội đồng |
|-----|------------------|---------------------------------|---|----------|-------------------------|

#### 4. Ngành Kỹ thuật xây dựng, trình độ Đại học (trình độ đại học) Khóa 43, 44

| STT   | Tên môn học                                   | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Triết học Mác Lênin                           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Nhập môn ngành kỹ thuật xây dựng              | Trang bị kiến thức về ngành, kỹ năng mềm    | 1          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 3   | Đại số tuyến tính                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Giải tích                                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 5   | Vật lý  | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Thí nghiệm vật lý                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 0,5        | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 7   | Tiếng Anh 1                                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 8   | Hình họa và Vẽ kỹ thuật                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>Sinh viên chọn 01 trong 07 học phần Giáo dục thể chất sau:</b> |   |   |            |                      |                                |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 15  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 16  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 17  | Pháp luật đại cương                           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 18  | Tiếng Anh 2                                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 19  | Tin học cơ sở cho xây dựng                    | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 2             | Thi vấn đáp                    |
| 20  | Cơ học lý thuyết                              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 21  | Xác suất thống kê                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 22  | Phương pháp tính                              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 23  | Kỹ năng giao tiếp                             | Trang bị kiến thức về các kỹ năng           | 2          | Học kỳ 2             | Thi vấn đáp                    |
| 24  | Thực hành AutoCAD                             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 25  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 2             |                                |
| 26  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             |                                |
| 27  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             |                                |
| 28  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             |                                |
| <b>Sinh viên chọn 01 trong 07 học phần Giáo dục thể chất sau:</b> |   |   |            |                      |                                |

|   |   |   |     |          |                     |
|---|---|---|-----|----------|---------------------|
| 29  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 30  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chày 2)             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 31  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 32  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 33  | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 34  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 35  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 36  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 37  | Trắc địa                                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 38  | Địa chất công trình                           | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 39  | Thực hành trắc địa                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 40  | Thực tập địa chất công trình                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 0,5 | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 41  | Sức bền vật liệu 1                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 42  | Vẽ kỹ thuật xây dựng                          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 43  | Thực hành vẽ kỹ thuật xây dựng                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 44  | Nguyên lý kiến trúc                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 45  | Thực tập nhận thức ngành kỹ thuật xây dựng    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 3 | Đánh giá thu hoạch  |
| <b>Sinh viên chọn 01 trong 07 học phần Giáo dục thể chất sau:</b> |   |   |     |          |                     |
| 46  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 47  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chày 3)             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 48  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 49  | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành Thực hành |
| 50  | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 51  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 52  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 53  | Lịch sử Đảng CSVN                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 54  | Kỹ thuật điện                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 55  | Vật liệu xây dựng                             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 56  | Sức bền vật liệu 2                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 57  | Cơ học kết cấu 1                              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 58  | Cơ học đất                                    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 59  | Cấu tạo kiến trúc                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 60  | Đồ án kiến trúc                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 4 | Bảo vệ đồ án        |
| 61  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết            |
| 62  | Khởi nghiệp                                   | Trang bị kiến thức về các kỹ năng           | 2   | Học kỳ 5 | Thi vấn đáp         |
| 63  | Thí nghiệm cơ học đất                         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1   | Học kỳ 5 | Thực hành           |
| 64  | Kết cấu bê tông cốt thép                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 4   | Học kỳ 5 | Thi viết            |

|   |  |                                 |   |          |                    |
|---|--|---------------------------------|---|----------|--------------------|
| 65  | Đồ án kết cấu bê tông cốt thép                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Bảo vệ đồ án       |
| 66  | Thí nghiệm Vật liệu xây dựng và Sức bền vật liệu | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 5 | Thực hành          |
| 67  | Cơ học kết cấu 2                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành  | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết           |
| 68  | Ứng dụng Tin học trong xây dựng                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết           |
| 69  | Thực hành ứng dụng Tin học trong xây dựng        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 5 | Thực hành          |
| 70  | Thực tập công nhân 1                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 5 | Đánh giá thu hoạch |
| 71  | Cơ lưu chất                                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành  | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 72  | Kết cấu nhà bê tông cốt thép                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 73  | Kết cấu thép                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 74  | Nền móng   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 75  | Kỹ thuật thi công 1                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 76  | Đồ án kết cấu nhà bê tông cốt thép               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Bảo vệ đồ án       |
| 77  | Đồ án nền móng                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Đánh giá thu hoạch |
| 78  | Thực tập công nhân 2                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 79  | Tiếng Anh chuyên ngành                           | Trang bị kiến thức cơ sở ngành  | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 80  | Kết cấu nhà thép                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 81  | Kỹ thuật thi công 2                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 82  | Cấp thoát nước                                   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành  | 2 | Học kỳ 7 | Bảo vệ đồ án       |
| 83  | Đồ án kết cấu thép                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Bảo vệ đồ án       |
| 84  | Đồ án kỹ thuật thi công                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 |                    |
| <b>Các học phần tự chọn, SV chọn 4/10TC</b> |  |                                 |   |          |                    |
| 85  | Kết cấu bê tông ứng suất trước                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 86  | Công trình trên nền đất yếu                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 87  | Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 88  | Chuyên đề an toàn lao động                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 89  | Chuyên đề trang thiết bị công trình              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 90  | Thí nghiệm và kiểm định công trình               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 8 | Thi vấn đáp        |
| 91  | Nhà cao tầng bê tông cốt thép                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết           |
| 92  | Luật xây dựng và Kinh tế xây dựng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết           |
| 93  | Dự toán xây dựng                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 8 | Thi viết           |
| 94  | Thực hành dự toán xây dựng                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 8 | Thực hành          |
| 95  | Thực hành Thí nghiệm và Kiểm định công trình     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 8 | Thực hành          |
| 96  | Tổ chức thi công                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết           |
| 97  | Đồ án tổ chức thi công                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 8 | Bảo vệ đồ án       |
| <b>Các học phần tự chọn, SV chọn 4/10TC</b> |  |                                 |   |          |                    |
| 99  | Hư hỏng sửa chữa và gia cường công trình         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết           |
| 100   | Quản lý dự án xây dựng                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết           |

|  |   |                                 |   |          |                                       |
|--|---|---------------------------------|---|----------|---------------------------------------|
| 101  | Chuyên đề nền móng nhà cao tầng           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                              |
| 102  | Chuyên đề kết cấu liên hợp thép - bê tông | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                              |
| 103  | Chuyên đề thi công đặc biệt               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                              |
| <b>Thực tập tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp</b> |   |                                 |   |          |                                       |
| 104  | Thực tập tốt nghiệp                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 9 | Cơ sở thực tập đánh giá theo quy định |
| 105  | Đồ án tốt nghiệp                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 8 | Học kỳ 9 | Bảo vệ trước hội đồng                 |

### 5. Ngành Kỹ thuật xây dựng, trình độ Đại học (trình độ đại học) Khóa 45, 46, 47

| STT   | Tên môn học                                   | Mục đích môn học                            | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Kỹ năng giao tiếp                             | Trang bị kiến thức về các kỹ năng           | 2          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 2   | Nhập môn ngành kỹ thuật xây dựng              | Trang bị kiến thức về ngành, kỹ năng mềm    | 1          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 3   | Đại số tuyến tính                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Giải tích                                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4          | Học kỳ 1             | Thi vấn đáp                    |
| 5   | Vật lý  | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Thí nghiệm vật lý                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 0,5        | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 7   | Tiếng Anh 1                                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 8   | Hình họa và Vẽ kỹ thuật                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| <b>Sinh viên chọn 01 trong 07 học phần Giáo dục thể chất sau:</b> |   |   |            |                      |                                |
| 9   | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 10  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 12  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 13  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 15  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 16  | Triết học Mác Lênin                           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 17  | Pháp luật đại cương                           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 18  | Tiếng Anh 2                                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 19  | Tin học cơ sở cho xây dựng                    | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3          | Học kỳ 2             | Thi vấn đáp                    |
| 20  | Cơ học lý thuyết                              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 21  | Xác suất thống kê                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 22  | Phương pháp tính                              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 23  | Thực hành AutoCAD                             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| <b>Sinh viên chọn 01 trong 07 học phần Giáo dục thể chất sau:</b> |   |   |            |                      |                                |
| 24  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |

|   |   |   |     |          |                     |
|---|---|---|-----|----------|---------------------|
| 25  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 26  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 27  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 28  | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 29  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 30  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành           |
| 31  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 32  | Trắc địa                                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 33  | Địa chất công trình                           | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 34  | Thực hành trắc địa                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 35  | Thực tập địa chất công trình                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 0,5 | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 36  | Sức bền vật liệu 1                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 37  | Vẽ kỹ thuật xây dựng                          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 38  | Thực hành vẽ kỹ thuật xây dựng                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 39  | Nguyên lý kiến trúc                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 3 | Thi viết            |
| 40  | Thực tập nhận thức ngành kỹ thuật xây dựng    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 3 | Đánh giá thu hoạch  |
| <b>Sinh viên chọn 01 trong 07 học phần Giáo dục thể chất sau:</b> |   |   |     |          |                     |
| 41  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 42  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 43  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 44  | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành Thực hành |
| 45  | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 46  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 47  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành           |
| 48  | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 49  | Điện công trình                               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 50  | Vật liệu xây dựng                             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 51  | Sức bền vật liệu 2                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 52  | Cơ học kết cấu 1                              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 53  | Cơ học đất                                    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 54  | Cấu tạo kiến trúc                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết            |
| 55  | Đồ án kiến trúc                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 4 | Bảo vệ đồ án        |
| 56  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3   | Học kỳ 4 |                     |
| 57  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 4 |                     |
| 58  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 4 |                     |
| 59  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 4 |                     |
| 60  | Lịch sử Đảng CSVN                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết            |

|   |  |   |   |          |                    |
|---|--|---|---|----------|--------------------|
| 61  | Thí nghiệm cơ học đất                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1 | Học kỳ 5 | Thực hành          |
| 62  | Kết cấu bê tông cốt thép                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 4 | Học kỳ 5 | Thi viết           |
| 63  | Đồ án kết cấu bê tông cốt thép                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Bảo vệ đồ án       |
| 64  | Thí nghiệm Vật liệu xây dựng và Sức bền vật liệu | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 5 | Thực hành          |
| 65  | Cơ học kết cấu 2                                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết           |
| 66  | Ứng dụng Tin học trong xây dựng                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết           |
| 67  | Thực hành ứng dụng Tin học trong xây dựng        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 5 | Thực hành          |
| 68  | Thực tập công nhân 1                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 5 | Đánh giá thu hoạch |
| 69  | Cơ lưu chất                                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết           |
| 70  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 71  | Khởi nghiệp                                      | Trang bị kiến thức về các kỹ năng           | 2 | Học kỳ 6 | Thi vấn đáp        |
| 72  | Kết cấu nhà bê tông cốt thép                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 73  | Kết cấu thép                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 74  | Nền móng   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 75  | Kỹ thuật thi công 1                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 76  | Đồ án kết cấu nhà bê tông cốt thép               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Bảo vệ đồ án       |
| 77  | Đồ án nền móng                                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Đánh giá thu hoạch |
| 78  | Thực tập công nhân 2                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 6 | Thi viết           |
| 79  | Tiếng Anh chuyên ngành                           | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 80  | Kết cấu nhà thép                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 81  | Kỹ thuật thi công 2                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 82  | Cấp thoát nước                                   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 7 | Bảo vệ đồ án       |
| 83  | Đồ án kết cấu thép                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 | Bảo vệ đồ án       |
| 84  | Đồ án kỹ thuật thi công                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 |                    |
| <b>Các học phần tự chọn, SV chọn 4/10TC</b> |  |   |   |          |                    |
| 85  | Kết cấu bê tông ứng suất trước                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 86  | Công trình trên nền đất yếu                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 87  | Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 88  | Chuyên đề an toàn lao động                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 89  | Chuyên đề trang thiết bị công trình              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết           |
| 90  | Thí nghiệm và kiểm định công trình               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 8 | Thi vấn đáp        |
| 91  | Nhà cao tầng bê tông cốt thép                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết           |
| 92  | Luật xây dựng và Kinh tế xây dựng                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết           |
| 93  | Dự toán xây dựng                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 8 | Thi viết           |
| 94  | Thực hành dự toán xây dựng                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 8 | Thực hành          |
| 95  | Thực hành Thí nghiệm và Kiểm định công trình     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1 | Học kỳ 8 | Thực hành          |
| 96  | Tổ chức thi công                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết           |

|     |  |                                 |   |          |                                       |
|-----|--|---------------------------------|---|----------|---------------------------------------|
| 97  | Đồ án tổ chức thi công                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 8 | Bảo vệ đồ án                          |
| 98  | <b>Các học phần tự chọn, SV chọn 4/10TC</b>  |                                 |   |          |                                       |
| 99  | Hư hỏng sửa chữa và gia cường công trình     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                              |
| 100 | Quản lý dự án xây dựng                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                              |
| 101 | Chuyên đề nền móng nhà cao tầng              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                              |
| 102 | Chuyên đề kết cấu liên hợp thép - bê tông    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                              |
| 103 | Chuyên đề thi công đặc biệt                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết                              |
|     | <b>Thực tập tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp</b> |                                 |   |          |                                       |
| 104 | Thực tập tốt nghiệp                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 9 | Cơ sở thực tập đánh giá theo quy định |
| 105 | Đồ án tốt nghiệp                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 8 | Học kỳ 9 | Bảo vệ trước hội đồng                 |

### 6. Ngành Kỹ thuật điện (trình độ đại học) Khóa 43, 44

| STT | Tên môn học                                   | Mục đích môn học                               | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Triết học Mác Lênin                           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                 | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 3   | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 4   | Lịch sử Đảng CSVN                             | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 5   | Tư tưởng Hồ Chí Minh                          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 5             | Thi viết                       |
| 6   | Pháp luật đại cương                           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 7   | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1                 | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 3          | Học kỳ 2             |                                |
| 8   | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2                 | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 2             |                                |
| 9   | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3                 | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 2             |                                |
| 10  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4                 | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 2             |                                |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 12  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 13  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 4             | Thực hành                      |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 15  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 16  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 4             | Thực hành                      |
| 17  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 18  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 19  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 4             | Thực hành                      |
| 20  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 21  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 22  | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 4             | Thực hành                      |
| 23  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |

|    |   |   |     |          |           |
|----|---|---|-----|----------|-----------|
| 24 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 25 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 1   | Học kỳ 4 | Thực hành |
| 26 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 27 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 28 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 1   | Học kỳ 4 | Thực hành |
| 29 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 30 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 1   | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 31 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 1   | Học kỳ 4 | Thực hành |
| 32 | Tiếng Anh 1                                   | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 3   | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 33 | Tiếng Anh 2                                   | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 4   | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 34 | Kỹ năng giao tiếp                             | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 2   | Học kỳ 2 | Vấn đáp   |
| 35 | Khởi nghiệp                                   | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương        | 2   | Học kỳ 5 | Vấn đáp   |
| 36 | Tin học cơ sở (Kỹ thuật)                      | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 2 | Vấn đáp   |
| 37 | Đại số tuyến tính                             | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 38 | Giải tích 1                                   | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 39 | Xác suất thống kê                             | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 40 | Phương pháp tính                              | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 41 | Giải tích 2                                   | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 42 | Vật lý 1                                      | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 43 | Vật lý 2                                      | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 44 | Thí nghiệm Vật lý                             | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 45 | Hình họa và Vẽ kỹ thuật                       | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 46 | Toán kỹ thuật                                 | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 47 | Tiếng anh chuyên ngành                        | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết  |
| 48 | Nhập môn ngành kỹ thuật điện                  | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 1   | Học kỳ 1 | Vấn đáp   |
| 49 | Vật liệu điện                                 | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 50 | Kỹ thuật nhiệt                                | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 51 | Thủy khí ứng dụng                             | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 52 | Mạch điện tử tương tự và số                   | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 53 | Thí nghiệm Mạch điện tử tương tự và số        | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 54 | Kỹ thuật lập trình                            | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Vấn đáp   |
| 55 | Thực hành Kỹ thuật lập trình                  | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 0.5 | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 56 | Lý thuyết mạch điện 1                         | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 57 | Lý thuyết mạch điện 2                         | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 58 | Thí nghiệm Lý thuyết mạch điện                | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 1   | Học kỳ 4 | Thực hành |
| 59 | Máy điện 1                                    | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 60 | Máy điện 2                                    | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 61 | Thí nghiệm Máy điện                           | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 1   | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 62 | Lý thuyết điều khiển tự động                  | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 63 | Kỹ thuật đo lường                             | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 64 | Thí nghiệm Kỹ thuật đo lường                  | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 65 | Điện tử công suất                             | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết  |



|  |  |  |     |          |                            |
|--|--|--|-----|----------|----------------------------|
| 66   | Thí nghiệm Điện tử công suất                     | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành                  | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành                  |
| 67   | Khí cụ điện                                      | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành                  | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết                   |
| 68   | An toàn điện                                     | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành                  | 1   | Học kỳ 5 | Thi viết                   |
| <b>Chuyên ngành Kỹ thuật điện</b>                |  |  |     |          |                            |
| 69   | Truyền động điện                                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 3   | Học kỳ 6 | Thi viết                   |
| 70   | Thực hành Truyền động điện                       | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 0.5 | Học kỳ 7 | Thực hành                  |
| 71   | Trang bị điện                                    | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết                   |
| 72   | Thực hành Trang bị điện                          | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 0.5 | Học kỳ 7 | Thực hành                  |
| 73   | Lưới điện  | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 3   | Học kỳ 6 | Thi viết                   |
| 74   | Thực tập nghề điện tử                            | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành                  |
| 75   | Thực tập nghề điện                               | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành                  |
| 76   | Điều khiển logic                                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết                   |
| 77   | Thực hành Điều khiển logic                       | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành                  |
| 78   | Kỹ thuật vi điều khiển                           | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết                   |
| 79   | Thực hành Kỹ thuật vi điều khiển                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành                  |
| 80   | Mạng truyền thông công nghiệp và SCADA           | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                   |
| 81   | Thực hành Mạng truyền thông công nghiệp và SCADA | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 0.5 | Học kỳ 8 | Thực hành                  |
| 82   | Kỹ thuật chiếu sáng                              | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết                   |
| 83   | Kỹ thuật điện lạnh                               | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết                   |
| 84   | Đồ án Thiết bị điện                              | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 1   | Học kỳ 6 | Bảo vệ đồ án theo quy định |
| 85   | Đồ án Hệ thống tự động hóa công nghiệp           | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 1   | Học kỳ 8 | Bảo vệ đồ án theo quy định |
| 86   | Tích hợp điện gió, điện mặt trời                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết                   |
| 87   | Ngăn mạch trong hệ thống điện                    | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết                   |
| 88   | Kỹ thuật điện cao áp                             | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết                   |
| 89   | Thí nghiệm Kỹ thuật điện cao áp                  | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 0.5 | Học kỳ 8 | Thực hành                  |
| 90   | Phân điện trong nhà máy điện và trạm biến áp     | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết                   |
| 91   | Lưới điện thông minh                             | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                   |
| 92   | Thí nghiệm Lưới điện thông minh                  | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành                  |
| 93   | Đồ án Hệ thống điện                              | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 1   | Học kỳ 8 | Bảo vệ đồ án theo quy định |
| 94   | Bảo vệ và điều khiển hệ thống điện               | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 3   | Học kỳ 8 | Thi viết                   |
| 95   | Thiết kế điện hợp chuẩn                          | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                   |
| 96   | Thiết kế tự động thiết bị điện                   | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                   |
| 97   | Vận hành hệ thống điện                           | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                   |
| 98   | Sử dụng điện năng tiết kiệm và hiệu quả          | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                   |
| 99   | Tính toán độ tin cậy trong hệ thống điện         | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                   |
| 100  | Chuyên đề về kỹ thuật điện                       | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện                       | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                   |
| Chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin |  |  |     |          |                            |
| 101  | Lưới điện  | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3   | Học kỳ 6 | Thi viết                   |

|  |  |  |   |          |   |
|--|--|--|---|----------|---|
| 102  | Phần điện trong nhà máy điện và trạm biến áp | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                    |
| 103  | Bảo vệ và điều khiển hệ thống điện           | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 104  | Kỹ thuật điện cao áp                         | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                    |
| 105  | Hệ thống nhúng thông minh                    | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                    |
| 106  | Hệ thống và tín hiệu số                      | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                    |
| 107  | Chiếu sáng thông minh                        | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 108  | Kỹ thuật RF                                  | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 109  | Kỹ thuật truyền thông                        | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                    |
| 110  | Mạng máy tính                                | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                    |
| 111  | An ninh IT                                   | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết                                    |
| 112  | Hệ điều hành                                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết                                    |
| 113  | Lập trình hướng đối tượng                    | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 6 | Thực hành                                   |
| 114  | Khai phá dữ liệu                             | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 8 | Vấn đáp                                     |
| 115  | Máy học                                      | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 116  | Mạng truyền thông                            | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 117  | Định tuyến số                                | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 118  | Robotics và hệ thống tự hành                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 8 | Vấn đáp                                     |
| 119  | Mạng công nghiệp                             | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện – Công nghệ thông tin | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| <b>Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</b> |  |  |   |          |   |
| 120  | Thực tập chuyên ngành                        | Trang bị kiến thức thực tế   | 1 | Học kỳ 7 |   |
| 121  | Thực tập tốt nghiệp                          | Trang bị kiến thức thực tế   | 3 | Học kỳ 9 | Giảng viên phụ trách đánh giá theo quy định |
| <b>Khóa luận tốt nghiệp</b>                      |  |  |   |          |   |
| 122  | Đồ án tốt nghiệp                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành  | 8 | Học kỳ 9 | Bảo vệ trước hội                            |

## 7. Ngành Kỹ thuật điện (trình độ đại học) Khóa 45, 46, 47

| STT | Tên môn học                                   | Mục đích môn học                               | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Triết học Mác Lênin                           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 3          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 2   | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                 | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 3   | Chủ nghĩa xã hội khoa học                     | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 4   | Lịch sử Đảng CSVN                             | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 5             | Thi viết                       |
| 5   | Tư tưởng Hồ Chí Minh                          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 6             | Thi viết                       |
| 6   | Pháp luật đại cương                           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 7   | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1                 | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 3          | Học kỳ 4             |                                |
| 8   | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2                 | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 4             |                                |
| 9   | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3                 | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 4             |                                |
| 10  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4                 | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 4             |                                |
| 11  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 12  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 13  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 14  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 15  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 16  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 17  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 18  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 19  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 20  | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 21  | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 22  | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 23  | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 24  | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 25  | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 26  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 27  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 28  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 29  | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 30  | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 31  | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 1          | Học kỳ 3             | Thực hành                      |
| 32  | Tiếng Anh 1                                   | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 33  | Tiếng Anh 2                                   | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 4          | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 34  | Kỹ năng giao tiếp                             | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 1             | Vấn đáp                        |
| 35  | Khởi nghiệp                                   | Trang bị kiến thức chung về giáo dục đại cương | 2          | Học kỳ 6             | Vấn đáp                        |

|    |  |   |     |          |           |
|----|--|---|-----|----------|-----------|
| 36 | Tin học cơ sở (Kỹ thuật)               | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 2 | Vấn đáp   |
| 37 | Đại số tuyến tính                      | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 38 | Giải tích 1                            | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 39 | Xác suất thống kê                      | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 40 | Phương pháp tính                       | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 41 | Giải tích 2                            | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 42 | Vật lý 1                               | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 43 | Vật lý 2                               | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 2 | Thi viết  |
| 44 | Thí nghiệm Vật lý                      | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 1   | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 45 | Hình họa và Vẽ kỹ thuật                | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 46 | Toán kỹ thuật                          | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 47 | Tiếng anh chuyên ngành                 | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 48 | Vật liệu điện                          | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 49 | Kỹ thuật nhiệt                         | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 50 | Thủy khí ứng dụng                      | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 51 | Mạch điện tử tương tự và số            | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 52 | Thí nghiệm Mạch điện tử tương tự và số | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 53 | Kỹ thuật lập trình                     | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 3 | Vấn đáp   |
| 54 | Thực hành Kỹ thuật lập trình           | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 0.5 | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 55 | Lý thuyết mạch điện 1                  | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 56 | Lý thuyết mạch điện 2                  | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 57 | Thí nghiệm Lý thuyết mạch điện         | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 1   | Học kỳ 4 | Thực hành |
| 58 | Máy điện 1                             | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 59 | Máy điện 2                             | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 60 | Thí nghiệm Máy điện                    | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 1   | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 61 | Lý thuyết điều khiển tự động           | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 62 | Kỹ thuật đo lường                      | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 2   | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 63 | Thí nghiệm Kỹ thuật đo lường           | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 64 | Điện tử công suất                      | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 65 | Thí nghiệm Điện tử công suất           | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 66 | Khí cụ điện                            | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 67 | An toàn điện                           | Trang bị kiến thức chung về cơ sở ngành và khối ngành | 1   | Học kỳ 5 | Thi viết  |
| 68 | Truyền động điện                       | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện      | 3   | Học kỳ 6 | Thi viết  |
| 69 | Thực hành Truyền động điện             | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện      | 0.5 | Học kỳ 7 | Thực hành |
| 70 | Trang bị điện                          | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện      | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết  |
| 71 | Thực hành Trang bị điện                | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện      | 0.5 | Học kỳ 7 | Thực hành |
| 72 | Lưới điện                              | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện      | 3   | Học kỳ 6 | Thi viết  |
| 73 | Thực hành nghề điện tử                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện      | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 74 | Thực hành nghề điện                    | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện      | 0.5 | Học kỳ 5 | Thực hành |
| 75 | Điều khiển logic                       | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện      | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết  |
| 76 | Thực hành Điều khiển logic             | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện      | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành |
| 77 | Kỹ thuật vi điều khiển                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện      | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết  |

|  |  |  |     |          |   |
|--|--|--|-----|----------|---|
| 78   | Thực hành Kỹ thuật vi điều khiển                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 1   | Học kỳ 6 | Thực hành                                   |
| 79   | Mạng truyền thông công nghiệp và SCADA           | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 80   | Thực hành Mạng truyền thông công nghiệp và SCADA | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 0.5 | Học kỳ 8 | Thực hành                                   |
| 81   | Kỹ thuật chiếu sáng                              | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết                                    |
| 82   | Kỹ thuật điện lạnh                               | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 83   | Đồ án Thiết bị điện                              | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 1   | Học kỳ 6 | Bảo vệ đồ án theo quy định                  |
| 84   | Đồ án Hệ thống tự động hóa công nghiệp           | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 1   | Học kỳ 8 | Bảo vệ đồ án theo quy định                  |
| 85   | Tích hợp điện gió, điện mặt trời                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết                                    |
| 86   | Ngăn mạch trong hệ thống điện                    | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết                                    |
| 87   | Kỹ thuật điện cao áp                             | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết                                    |
| 88   | Thí nghiệm Kỹ thuật điện cao áp                  | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 0.5 | Học kỳ 8 | Thực hành                                   |
| 89   | Phân điện trong nhà máy điện và trạm biến áp     | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết                                    |
| 90   | Lưới điện thông minh                             | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 91   | Thí nghiệm Lưới điện thông minh                  | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 1   | Học kỳ 8 | Thực hành                                   |
| 92   | Đồ án Hệ thống điện                              | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 1   | Học kỳ 8 | Bảo vệ đồ án theo quy định                  |
| 93   | Bảo vệ và điều khiển hệ thống điện               | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 3   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 94   | Thiết kế điện hợp chuẩn                          | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 95   | Thiết kế tự động thiết bị điện                   | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 96   | Vận hành hệ thống điện                           | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 97   | Sử dụng điện năng tiết kiệm và hiệu quả          | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 98   | Cơ khí đường dây                                 | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 99   | Tính toán độ tin cậy trong hệ thống điện         | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| 100  | Chuyên đề về kỹ thuật điện                       | Trang bị kiến thức về chuyên ngành Kỹ thuật điện | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết                                    |
| <b>Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</b> |  |  |     |          |   |
| 101  | Thực tập nhận thức                               | Trang bị kiến thức thực tế                       | 2   | Học kỳ 3 | Giảng viên phụ trách đánh giá theo quy định |
| 102  | Thực tập chuyên ngành                            | Trang bị kiến thức thực tế                       | 2   | Học kỳ 7 |   |
| 103  | Thực tập tốt nghiệp                              | Trang bị kiến thức thực tế                       | 4   | Học kỳ 9 | Giảng viên phụ trách đánh giá theo quy định |
| <b>Khóa luận tốt nghiệp</b>                      |  |  |     |          |   |
| 104  | Đồ án tốt nghiệp                                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành                  | 8   | Học kỳ 9 | Bảo vệ trước hội đồng                       |

### 8. Ngành Kỹ thuật điện (trình độ Thạc sĩ) Khóa 26

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------|------------------|------------|----------------------|--------------------------------|
|-----|-------------|------------------|------------|----------------------|--------------------------------|

|    |  |                                 |   |          |   |
|----|--|---------------------------------|---|----------|---|
| 1  | Triết học  | Trang bị kiến thức chung        | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết                                    |
| 2  | Các phương pháp tối ưu hóa                                       | Trang bị kiến thức cơ sở        | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết                                    |
| 3  | Điều khiển thiết bị điện tử công suất                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết                                    |
| 4  | Tính toán và mô phỏng trường điện từ                             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết                                    |
| 5  | Điều khiển số  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết                                    |
| 6  | Hệ mở và mạng nơ ron   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết                                    |
| 7  | Tính toán phân tích hệ thống điện                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết                                    |
| 8  | Năng lượng tái tạo và tích trữ năng lượng                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết                                    |
| 9  | Các phương pháp dự báo trong hệ thống điện                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết                                    |
| 10 | Quản lý nhu cầu điện năng (DSM)                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết                                    |
| 11 | Bảo vệ và điều khiển hệ thống điện năng cao                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết                                    |
| 12 | Truyền tải điện xoay chiều linh hoạt (FACTS) và một chiều (HVDC) | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết                                    |
| 13 | Lưới điện thông minh   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết                                    |
| 14 | Phân tích và điều khiển ổn định hệ thống điện                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết                                    |
| 15 | Các cải tiến trong kỹ thuật điện cao áp                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết                                    |
| 16 | Tối ưu hóa vận hành hệ thống điện                                | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết                                    |
| 17 | Thị trường điện  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết                                    |
| 18 | Tính toán độ tin cậy trong hệ thống điện                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết                                    |
| 19 | Điều khiển máy điện  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết                                    |
| 20 | Chẩn đoán và giám sát tình trạng máy điện                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết                                    |
| 21 | Điều khiển hệ thống điện gió và điện mặt trời                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết                                    |
| 22 | SCADA trong hệ thống điện  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết                                    |
| 23 | Thực tập 1   | Trang bị kiến thức thực tế      | 3 | Học kỳ 4 | Giảng viên phụ trách đánh giá theo quy định |
| 24 | Thực tập 2   | Trang bị kiến thức thực tế      | 3 | Học kỳ 4 | Giảng viên phụ trách đánh giá theo quy định |
| 25 | Đề án tốt nghiệp   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 9 | Học kỳ 4 | Bảo vệ trước hội đồng                       |

### 9. Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (trình độ Đại học) Khóa 43, 44

| STT | Tên môn học         | Mục đích môn học                            | Số TC | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------|---|-------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tiếng Anh 1         | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3     | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Triết học Mác Lênin | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3     | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 3   | Đại số tuyến tính   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3     | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Giải tích 1         | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3     | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Vật lý 1            | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 1             | Thi viết                       |

|    |                                 |   |   |          |                        |
|----|---------------------------------|---|---|----------|------------------------|
| 6  | Vẽ kỹ thuật và Autocad          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 1 | Thực hành              |
| 7  | Giáo dục thể chất 1             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 1 | Thực hành              |
| 8  | Tiếng Anh 2                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4 | Học kỳ 2 | Thi viết               |
| 9  | Pháp luật đại cương             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết               |
| 10 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết               |
| 11 | Kỹ năng giao tiếp               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 | Vấn đáp                |
| 12 | Giải tích 2                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết               |
| 13 | Vật lý 2                        | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết               |
| 14 | Thí nghiệm vật lý               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Bài báo cáo thí nghiệm |
| 15 | Tin học cơ sở (Kỹ thuật)        | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 2 | Thực hành trên máy     |
| 16 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | Học kỳ 2 |                        |
| 17 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 |                        |
| 18 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 |                        |
| 19 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 2 |                        |
| 20 | Giáo dục thể chất 2             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Thực hành              |
| 21 | Chủ nghĩa xã hội khoa học       | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết               |
| 22 | Xác suất thống kê               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết               |
| 23 | Toán điều khiển                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết               |
| 24 | Lý thuyết mạch                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết               |
| 25 | Đo lường điện - điện tử         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết               |
| 26 | Máy điện                        | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết               |
| 27 | Mạch điện tử                    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết               |
| 28 | Giáo dục thể chất 3             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 3 | Lý thuyết và kỹ năng   |
| 29 | Lịch sử Đảng CSVN               | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết               |
| 30 | Thí nghiệm lý thuyết mạch       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1 | Học kỳ 4 | Bài báo cáo thí nghiệm |
| 31 | Lý thuyết điều khiển tự động    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết               |
| 32 | Tiếng anh chuyên ngành          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết               |
| 33 | Vi xử lý - Vi điều khiển        | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 4 | Vấn đáp                |
| 34 | Thiết bị điều khiển công nghiệp | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết               |
| 35 | Điện tử công suất               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết               |
| 36 | Thí nghiệm máy điện             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1 | Học kỳ 4 | Bài báo cáo thí nghiệm |
| 37 | Thực tập nghề điện tử           | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1 | Học kỳ 4 | Thực hành              |
| 38 | Tư tưởng Hồ Chí Minh            | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 39 | Khởi nghiệp                     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 5 | Vấn đáp                |
| 40 | An toàn điện                    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1 | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 41 | Thí nghiệm điện tử công suất    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1 | Học kỳ 5 | Bài báo cáo thí nghiệm |

|                                       |                                     |                                 |   |          |                        |
|---------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|---|----------|------------------------|
| 42                                    | Trang bị điện                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 43                                    | Truyền số liệu và mạng              | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 44                                    | Điều khiển thủy khí                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 45                                    | Điều khiển số                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 46                                    | Điều khiển logic và PLC             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 47                                    | Truyền động điện                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 48                                    | Thực hành truyền động điện          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Bài báo cáo thí nghiệm |
| 49                                    | Thực hành PLC                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Bài báo cáo thí nghiệm |
| 50                                    | Cơ sở dữ liệu                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết               |
| 51                                    | Hệ thống nhúng và IoT               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết               |
| 52                                    | Thực hành hệ thống nhúng và IoT     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Thực hành              |
| 53                                    | Vi mạch ứng dụng                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết               |
| 54                                    | Thực hành trang bị điện             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Thực hành              |
| 55                                    | Đồ án điều khiển                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 6 | Vấn đáp                |
| 56                                    | Điều khiển nâng cao                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết               |
| 57                                    | Robot công nghiệp                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 58                                    | Mạng công nghiệp và SCADA           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 59                                    | Hệ thống điện                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 60                                    | Đồ án kỹ thuật mạng                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 7 | Vấn đáp                |
| 61                                    | Thực tập chuyên ngành               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Bài thu hoạch          |
| 62                                    | Thiết kế mạch số                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 63                                    | Tự động hoá quá trình sản xuất      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 64                                    | Chuyên đề vận hành hệ thống điện    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Bài thu hoạch          |
| 65                                    | Lập trình ứng dụng                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 66                                    | Đồ án tự động hoá công nghiệp       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 8 | Vấn đáp                |
| 67                                    | Thực tập tốt nghiệp                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 9 | Bài thu hoạch          |
| 68                                    | Đồ án tốt nghiệp                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 8 | Học kỳ 9 | Bảo vệ                 |
| <i>Các học phần tự chọn (10/22TC)</i> |                                     |                                 |   |          |                        |
| 69                                    | Xử lý tín hiệu số                   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 70                                    | Kỹ thuật CNC                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 71                                    | Kỹ thuật điện lạnh                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 72                                    | Điều chỉnh tự động truyền động điện | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 73                                    | Cơ điện tử                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 74                                    | Năng lượng tái tạo                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 75                                    | Xử lý âm thanh hình ảnh             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 76                                    | Trí tuệ nhân tạo                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 77                                    | Điều khiển quá trình (DCS)          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 78                                    | Thiết kế chip                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 79                                    | Robot di động                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết               |



## 11. Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (trình độ Đại học) Khóa 45, 46, 47

| STT | Tên môn học                   | Mục đích môn học                            | Số TC | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|-------------------------------|---|-------|----------------------|--------------------------------|
| 1   | Tiếng Anh 1                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3     | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2   | Triết học Mác Lênin           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3     | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 3   | Đại số tuyến tính             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3     | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4   | Giải tích 1                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3     | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5   | Vật lý 1                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6   | Vẽ kỹ thuật và Autocad        | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3     | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 7   | Giáo dục thể chất 1           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1     | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 8   | Tiếng Anh 2                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 4     | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 9   | Pháp luật đại cương           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 10  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 11  | Kỹ năng giao tiếp             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 1             | Vấn đáp                        |
| 12  | Giải tích 2                   | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3     | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 13  | Vật lý 2                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 2             | Thi viết                       |
| 14  | Thí nghiệm vật lý             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1     | Học kỳ 2             | Bài báo cáo thí nghiệm         |
| 15  | Tin học cơ sở (Kỹ thuật)      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3     | Học kỳ 2             | Thực hành trên máy             |
| 16  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3     | Học kỳ 4             |                                |
| 17  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 4             |                                |
| 18  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 4             |                                |
| 19  | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 4             |                                |
| 20  | Giáo dục thể chất 2           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1     | Học kỳ 2             | Thực hành                      |
| 21  | Chủ nghĩa xã hội khoa học     | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 22  | Xác suất thống kê             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 23  | Toán điều khiển               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2     | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 24  | Lý thuyết mạch                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3     | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 25  | Đo lường điện                 | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2     | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 26  | Máy điện                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3     | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 27  | Mạch điện tử                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3     | Học kỳ 3             | Thi viết                       |
| 28  | Giáo dục thể chất 3           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1     | Học kỳ 3             | Lý thuyết và kỹ năng           |
| 29  | Lịch sử Đảng CSVN             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2     | Học kỳ 5             | Thi viết                       |
| 30  | Thí nghiệm lý thuyết mạch     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1     | Học kỳ 4             | Bài báo cáo thí nghiệm         |
| 31  | Lý thuyết điều khiển tự động  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3     | Học kỳ 4             | Thi viết                       |
| 32  | Tiếng anh chuyên ngành        | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2     | Học kỳ 4             | Thi viết                       |

|                                       |                                  |   |     |          |                        |
|---------------------------------------|----------------------------------|---|-----|----------|------------------------|
| 33                                    | Vi xử lý - Vi điều khiển         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3   | Học kỳ 5 | Vấn đáp                |
| 34                                    | Thiết bị điều khiển công nghiệp  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3   | Học kỳ 4 | Thi viết               |
| 35                                    | Điện tử công suất                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3   | Học kỳ 4 | Thi viết               |
| 36                                    | Thí nghiệm máy điện              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1   | Học kỳ 4 | Bài báo cáo thí nghiệm |
| 37                                    | Thực tập nghề điện tử            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1   | Học kỳ 4 | Thực hành              |
| 38                                    | Tư tưởng Hồ Chí Minh             | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết               |
| 39                                    | Khởi nghiệp                      | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2   | Học kỳ 6 | Vấn đáp                |
| 40                                    | An toàn điện                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 1   | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 41                                    | Thí nghiệm điện tử công suất     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 0,5 | Học kỳ 5 | Bài báo cáo thí nghiệm |
| 42                                    | Trang bị điện                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 43                                    | Truyền số liệu và mạng           | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết               |
| 44                                    | Điều khiển thủy khí              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 45                                    | Điều khiển số                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 46                                    | Điều khiển logic và PLC          | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 47                                    | Truyền động điện                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 5 | Thi viết               |
| 48                                    | Thực hành truyền động điện       | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0,5 | Học kỳ 6 | Bài báo cáo thí nghiệm |
| 49                                    | Thí nghiệm đo lường điện         | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 0,5 | Học kỳ 4 | Bài báo cáo thí nghiệm |
| 50                                    | Cơ sở dữ liệu                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 51                                    | Hệ thống nhúng và IoT            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 52                                    | Lưới điện thông minh             | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 53                                    | Vi mạch ứng dụng                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết               |
| 54                                    | Thực tập nhận thức               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 3 | Bài thu hoạch          |
| 55                                    | Đồ án điều khiển                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 6 | Vấn đáp                |
| 56                                    | Điều khiển nâng cao              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 6 | Thi viết               |
| 57                                    | Robot công nghiệp                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 58                                    | Mạng công nghiệp và SCADA        | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 7 | Thi viết               |
| 59                                    | Hệ thống điện                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 6 | Thi viết               |
| 60                                    | Đồ án kỹ thuật mạng              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 7 | Vấn đáp                |
| 61                                    | Thực tập chuyên ngành            | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Bài thu hoạch          |
| 62                                    | Cấu hình mạng điều khiển         | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 63                                    | Tự động hoá quá trình sản xuất   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 64                                    | Chuyên đề vận hành hệ thống điện | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 8 | Bài thu hoạch          |
| 65                                    | Lập trình ứng dụng               | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 8 | Thi viết               |
| 66                                    | Đồ án tự động hoá công nghiệp    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 1   | Học kỳ 8 | Vấn đáp                |
| 67                                    | Thực tập tốt nghiệp              | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3   | Học kỳ 9 | Bài thu hoạch          |
| 68                                    | Đồ án tốt nghiệp                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 8   | Học kỳ 9 | Bảo vệ                 |
| <i>Các học phần tự chọn (10/22TC)</i> |                                  |   |     |          |                        |
| 69                                    | Xử lý tín hiệu số                | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2   | Học kỳ 7 | Thi viết               |

|    |                                     |                                 |   |          |          |
|----|-------------------------------------|---------------------------------|---|----------|----------|
| 70 | Kỹ thuật CNC                        | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 71 | Kỹ thuật điện lạnh                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 72 | Điều chỉnh tự động truyền động điện | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 73 | Cơ điện tử                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 74 | Năng lượng tái tạo                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 75 | Xử lý ảnh                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 76 | Mạng nơ ron                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 77 | Điều khiển quá trình (DCS)          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 78 | Thiết kế chip                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 79 | Kỹ thuật Robot                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |

## XI. KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

### 1. Ngành Quản lý giáo dục:

#### 1.1. Ngành Quản lý giáo dục (trình độ đại học) (7140114)

| STT            | Tên môn học            | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|----------------|------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>Khóa 47</b> |                        |   |            |                      |                                |
| 1              | Triết học Mác - Lênin  | Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác- Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2              | Tin học cơ sở (Xã hội) | Học phần được cấu trúc thành 4 chương và thực hành. Cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyên đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành Khoa học xã hội. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành khoa học xã hội, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.   | 3          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 3              | Tiếng Anh 1            | Học phần được cấu trúc thành 5 bài. Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp. | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4              | Xã hội học đại cương   | Học phần được cấu trúc thành 6 chương. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như khái niệm   | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |

|    |                                      |   |   |          |               |
|----|--------------------------------------|---|---|----------|---------------|
|    |                                      | Xã hội học, đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học; một số các khái niệm cơ bản của xã hội học; khái niệm cơ cấu xã hội; các khái niệm có liên quan, các phân hệ cơ bản của cơ cấu xã hội; Xã hội học đô thị; Một số phương pháp điều tra xã hội học... Thông qua học phần này, người học có được một cách nhìn thấu đáo về các vấn đề của xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng điều tra xã hội học, hiểu được cách thức giải quyết các vấn đề xã hội.   |   |          |               |
| 5  | Lôgic học                            | Học phần được xây dựng với 6 chương. Cung cấp cho người học về hình thức và quy luật của sự tư duy khoa học bao gồm: khái niệm, phán đoán, suy luận và những quy luật của tư duy. Nghiên cứu logic sẽ giúp cho người học nắm vững những hình thức, quy tắc và quy luật chi phối sự phát triển của tư duy. Đây là cơ sở cho việc tiếp cận những khoa học khác.   | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết      |
| 6  | Cơ sở văn hóa Việt Nam               | Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam được cấu trúc thành 6 chương. Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản cần thiết cho việc hiểu một nền văn hóa, từ đó nắm được các đặc trưng cơ bản, cùng các quy luật hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ cội nguồn cho đến nay.<br>Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.             | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết      |
| 7  | Điều khiển học và lý thuyết hệ thống | Học phần được xây dựng gồm 4 chương. Điều khiển học và lý thuyết hệ thống là một học phần thuộc khối kiến thức hỗ trợ cho việc học tập và nghiên cứu Quản lý giáo dục, trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản của khoa học điều khiển và lý thuyết hệ thống, làm cơ sở cho sinh viên tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý giáo dục và trường học hiện nay  | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết      |
| 8  | Giáo dục và phát triển               | Học phần được cấu trúc thành 5 chương. Giúp sinh viên chuyên ngành quản lý giáo dục hiểu biết vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội, con người và sự tác động của các yếu tố xã hội tới giáo dục; hiểu được xu thế phát triển của xã hội hiện nay làm cơ sở định hướng cho công tác quản lý giáo dục  | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết      |
| 9  | Giáo dục thể chất 1                  | Học phần giáo dục thể chất 1, sinh viên có thể chọn một môn học, bao gồm kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật Bóng đá 1, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, Võ cổ truyền Việt Nam, Võ Taekwondo. Qua đó Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tinh hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 10 | Pháp luật đại cương                  | Học phần được cấu trúc thành 10 chương. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.   | 2 | Học kỳ 1 | Thi viết      |
| 11 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin        | Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 12 | Kỹ năng giao tiếp                    | Học phần Kỹ năng giao tiếp được cấu trúc thành 3 chương. Giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội  | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 13 | Tiếng Anh 2                          | Được cấu trúc gồm 7 bài. Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh   | 4 | Học kỳ 2 | Thi viết      |

|    |  |   |   |          |          |
|----|--|---|---|----------|----------|
|    |  | các câu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng linh hoạt và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.  |   |          |          |
| 14 | Giáo dục học đại cương                           | Giáo dục học đại cương được cấu trúc gồm 5 chương, trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về giáo dục, bao gồm những nội dung:<br>- Những vấn đề chung về khoa học giáo dục học: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, hệ thống các ngành KHGD<br>- Quá trình giáo dục tổng thể: sự phát triển nhân cách, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, các con đường giáo dục.<br>- Nền giáo dục Việt Nam: Mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục, các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường, hệ thống giáo dục quốc dân.<br>- Đặc điểm của lao động sư phạm và yêu cầu đối với nhà giáo dục   | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết |
| 15 | Thống kê trong khoa học giáo dục                 | Học phần được cấu trúc gồm 6 chương. Cung cấp cho sinh viên những khái niệm căn bản của toán thống kê, những kiến thức lý thuyết và ứng dụng trong thống kê hiện đại dùng để mô tả các dữ kiện định tính, định lượng, giải thích, suy diễn, đối chiếu các kết quả thu được trong nghiên cứu thuộc khoa học giáo dục. Nội dung gồm: Thống kê mô tả và Thống kê suy diễn. Phần thống kê mô tả giới thiệu một số khái niệm căn bản, các cách mô tả dữ kiện như bảng phân bố tần số, các loại đồ thị, các số thống kê thường dùng như Mode, median, Mean, SD, hệ số tương quan nhị biến. Phần thống kê suy diễn giới thiệu kỹ thuật chọn mẫu, phương pháp suy diễn từ các số thống kê trên mẫu và một số bài toán kiểm định giả thuyết thống kê thường dùng trong nghiên cứu khảo sát mẫu hay thực nghiệm đơn giản. | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết |
| 16 | Đại cương về khoa học quản lý                    | Học phần được cấu trúc gồm 4 chương. Giúp cho sinh viên chuyên ngành Quản lý giáo dục tiếp thu hệ thống tri thức và rèn luyện kỹ năng cơ bản về khoa học quản lý bao gồm khái niệm, bản chất, chức năng, phương pháp, thông tin, quyết định quản lý... làm cơ sở cho việc nghiên cứu QLGD và quản lý trường học, quản lý hoạt động sư phạm và các lĩnh vực chuyên ngành có liên quan.   | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết |
| 17 | Giáo dục thể chất 2                              | Học phần giáo dục thể chất 2, sinh viên có thể chọn một môn học, bao gồm kiến thức về: phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, Võ cổ truyền Việt Nam, Võ Taekwondo. Qua đó, Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chức thể lực; tăng cường tinh hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | Học kỳ 2 | Thi viết |
| 18 | Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục | Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiên cứu khoa học chung và đi sâu vào phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, giúp hình thành ở họ những kỹ năng nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.  | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết |
| 19 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                        | Học phần gồm 7 chương. Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiên bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 20 | Lý luận giáo dục                                 | Học phần được cấu trúc 7 chương. Đề cập những tri thức cơ bản và hệ thống về mục đích, nguyên tắc, nội dung và phương thức, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm tạo ra môi trường giáo dục để học sinh tổ chức các hoạt động của mình, nhằm hình thành và phát triển trí lực, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng lao động và định hướng nghề; cách thức hoạt động giáo dục chuyên sâu như tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp; cách thức tổ chức huy động, khai thác và phối hợp, các nguồn lực xã hội trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ em, đặc biệt là HS phổ thông.   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết |

|    |  |  |   |          |          |
|----|--|--|---|----------|----------|
| 21 | Lý luận dạy học                                | Học phần được xây dựng gồm 6 chương. Cung cấp cho sinh viên bản chất của hoạt động dạy học và hình dung được công việc của giáo viên và học sinh trong hoạt động dạy học, từ đó có thể vận dụng được vào công tác quản lý. Trên cơ sở đó hướng dẫn sinh viên luyện tập các kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học: thiết kế giáo án, vận dụng các phương pháp dạy học, ...  | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 22 | Khoa học quản lý giáo dục                      | Học phần khoa học quản lý giáo dục được cấu trúc 5 chương. Gồm các tri thức cơ bản về KHQLGD như:<br>- Các khái niệm và phạm trù của KHQLGD,<br>- Tổ chức giáo dục và cán bộ quản lý giáo dục,<br>- Quan điểm, quan hệ và chức năng, nguyên tắc, phương pháp QLGD  | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 23 | Cơ sở pháp lý của quản lý giáo dục             | Học phần được cấu trúc gồm 5 chương. Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về: hệ thống pháp luật và các văn bản luật của Việt Nam liên quan đến lĩnh vực giáo dục và quản lý giáo dục. Trên cơ sở đó giúp người học hình thành và rèn luyện các kỹ năng quản lý giáo dục theo pháp chế.   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 24 | Lịch sử các tư tưởng giáo dục                  | Học phần giúp người học biết được sự phát triển của các tư tưởng giáo dục trong mối quan hệ biện chứng với sự phát triển của xã hội qua các giai đoạn lịch sử, trên cơ sở đó có thể kế thừa, phát huy những thành tựu tốt đẹp, xác định cho mình những quan điểm phù hợp.<br>Học phần lịch sử các tư tưởng giáo dục bao gồm các tri thức cơ bản về:<br>- Tư tưởng giáo dục thế giới thời kỳ cổ đại, thời kỳ trung đại, thời kỳ cận và hiện đại;<br>- Tư tưởng giáo dục Việt Nam thời kỳ phong kiến và thời kỳ từ cuối thế kỷ XIX đến nay | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 25 | Giáo dục đạo đức - Thẩm mỹ                     | Học phần cung trang bị cho người học khái niệm cơ bản của đạo đức học, một số nội dung đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam; những vấn đề lý luận về thẩm mỹ (có hiểu biết về mối quan hệ thẩm mỹ, chủ thể và khách thể thẩm mỹ...), từ đó nâng cao nhận thức về đạo đức, thẩm mỹ, hình thành năng lực đánh giá hành vi đạo đức, năng lực thẩm mỹ và có hành vi phù hợp góp phần đưa cái tốt, cái đẹp vào đời sống.   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 26 | Giáo dục gia đình                              | Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về gia đình như các loại gia đình, sự hình thành và phát triển của gia đình, các chức năng của gia đình và những kiến thức, kỹ năng cơ bản về vai trò quan trọng của giáo dục gia đình, những nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục trong gia đình và sự phối hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường.  | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 27 | Giáo dục nhân cách suy thoái                   | Qua học phần này sinh viên chuyên ngành quản lý giáo dục được trang bị kiến thức về giáo dục nhân cách suy thoái, trên cơ sở đó vận dụng vào nghiên cứu công tác quản lý giáo dục tại các cơ sở giáo dục đặc biệt dành cho nhóm đối tượng có hành vi lệch chuẩn.   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 28 | Nhân cách và lao động của người cán bộ quản lý | Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về đặc điểm lao động của người cán bộ quản lý giáo dục; Một số vấn đề cần quan tâm khi đào tạo – bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục; Tổ chức khoa học lao động của người Hiệu trưởng trong nhà trường; Nhân cách của người cán bộ quản lý giáo dục, ... Thông qua học phần này sẽ giúp sinh viên chuyên ngành quản lý giáo dục vừa được nâng cao kiến thức về nghề quản lý vừa có kế hoạch tự học và rèn luyện để ra nghề có thể trở thành nhà quản lý giỏi.                                   | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 29 | Giáo dục dân số và giới tính                   | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục giới tính và những vấn đề liên quan đến nội dung giáo dục này. Bên cạnh đó, người học sẽ phải thực hành để hình thành kỹ năng cần thiết để có thể làm tốt vai trò của nhà giáo dục, nhà tư vấn... về vấn đề giới tính trong tương lai. Thông qua học phần này, người học vừa được nâng cao kiến thức vừa có thể ứng dụng các kiến thức về giáo dục giới tính trong công tác tuyên truyền, giáo dục, tư vấn cho mọi người có nhu cầu trong xã hội.                     | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 30 | Giáo dục thể chất 3                            | Học phần giáo dục thể chất 3, sinh viên có thể chọn một môn học, bao gồm kiến thức về: phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, Võ cổ truyền Việt Nam, Võ Taekwondo. Qua đó, Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tinh hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | Học kỳ 3 | Thi viết |
| 31 | Giáo dục quốc phòng-                           | Học phần được xây dựng gồm 10 bài. Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao  | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết |

|    |   |   |   |          |          |
|----|---|---|---|----------|----------|
|    | An ninh 1 (*)   | gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.   |   |          |          |
| 32 | Giáo dục quốc phòng-<br>An ninh 2 (*)                         | Học phần được xây dựng gồm 10 bài. Lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 33 | Giáo dục quốc phòng-<br>An ninh 3 (*)                         | Học phần được xây dựng gồm 8 bài. Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiên công hóa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.   | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 34 | Giáo dục quốc phòng-<br>An ninh 4 (*)                         | Học phần gồm 5 bài. Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).   | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 35 | Lịch sử Đảng Cộng sản<br>Việt Nam                             | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 36 | Quản lý cơ sở vật chất<br>trong giáo dục                      | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở vật, phương tiện dạy học và các nội dung, biện pháp quản lý cơ sở vật chất và phương tiện dạy học trong trường học. Từ đó, người học vận dụng vào công tác quản lý cơ sở vật chất để phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục ở trường học. Qua đó sinh viên sẽ biết lập kế hoạch và tìm các biện pháp quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, sinh viên sẽ thực hiện làm bài tập và hoạt động nhóm để làm quen với việc quản lý cơ sở vật chất trong giáo dục.   | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 37 | Quản lý hoạt động dạy<br>học và giáo dục trong<br>nhà trường  | Học phần giúp sinh viên hiểu biết về các hoạt động sư phạm trong nhà trường, nắm được các nội dung quản lý hoạt động sư phạm trong nhà trường, bước đầu hình thành và tích cực tiếp tục rèn luyện các kỹ năng quản lý các hoạt động sư phạm.  | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 38 | Tâm lý học quản lý  | Học phần tâm lý học quản lý gồm 5 chương. Gồm những kiến thức về các học thuyết quản lý, đặc điểm tâm lý của chủ thể quản lý (phẩm chất, năng lực, phong cách, uy tín người lãnh đạo..), đặc điểm tâm lý của đối tượng quản lý (động cơ làm việc người dưới quyền, dư luận tập thể, truyền thống tập thể, bầu không khí tâm lý trong tập thể, xung đột trong tập thể ..). Học phần cũng đề cập đến những vấn đề tâm lý trong đánh giá, tuyển chọn và sử dụng người lao động, những qui định và cách thức giao tiếp trong quản lý  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 39 | Bộ máy quản lý giáo<br>dục và chiến lược giáo<br>dục Việt Nam | Học phần giúp sinh viên ngành Quản lý giáo dục nắm rõ các tri thức cơ bản về: Hệ thống giáo dục; Bộ máy quản lý giáo dục ở Việt Nam hiện nay và Chiến lược giáo dục Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời giúp sinh viên tìm hiểu về các vấn đề trên ở 1 số nước tiêu biểu. Từ đó, sinh viên có sự so sánh, đánh giá đúng mức về sự phù hợp của giáo dục Việt Nam hiện nay và vận dụng linh hoạt trong công tác nghề nghiệp trong tương lai.  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |

|    |   |   |   |          |          |
|----|---|---|---|----------|----------|
| 40 | Thành tựu Quản lý giáo dục Việt Nam       | Học phần giới thiệu thành tựu giáo dục và quản lý giáo dục qua các giai đoạn phát triển của giáo dục Việt Nam, hướng dẫn kỹ năng phân tích các thành tựu quản lý giáo dục để rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho công tác quản lý giáo dục trong giai đoạn mới, hướng dẫn người học vận dụng vào các tình huống quản lý giáo dục cụ thể.   | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 41 | Quản lý giáo dục phổ thông                | Học phần Quản lý giáo dục trường phổ thông (QLGDPT) là một học phần chuyên ngành, đòi hỏi sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị ở các học phần đại cương và khái quát để tiếp tục nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục phổ thông, học phần bao gồm các tri thức cơ bản về:<br>- Hệ thống tổ chức, quản lý giáo dục phổ thông (theo các cấp học và các loại hình trường phổ thông).<br>- Nội dung, phương pháp quản lý của hiệu trưởng các trường phổ thông.   | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 42 | Quản lý giáo dục nghề nghiệp và đại học   | Học phần Quản lý giáo dục đại học được cấu trúc 7 chương. Bao gồm các tri thức cơ bản về:<br>- Hệ thống tổ chức, quản lý giáo dục đại học.<br>- Công tác quản lý giáo dục đại học.  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 43 | Quản lý giáo dục thường xuyên             | Quản lý giáo dục thường xuyên gồm 3 chương. Học phần định hướng cho sinh viên hệ thống tri thức, kỹ năng cơ bản về công tác quản lý giáo dục thường xuyên, làm cơ sở giúp sinh viên nghiên cứu hoặc làm công tác quản lý giáo dục.  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 44 | Quản lý giáo dục mầm non                  | Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của công tác quản lý ở các cơ sở giáo dục mầm non, các nội dung quản lý giáo dục mầm non, từ đó nghiên cứu lý luận và tích cực rèn luyện kỹ năng quản lý giáo dục mầm non.  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 45 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                      | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đời sống, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.   | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 46 | Khởi nghiệp                               | Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.  | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 47 | Kế hoạch hóa phát triển giáo dục          | Học phần Kế hoạch hoá phát triển giáo dục là học phần nghiên cứu sâu về chức năng lập kế hoạch trong hoạt động của nhà quản lý giáo dục, bao gồm các nội dung chính sau:<br>- Các khái niệm cơ bản về kế hoạch hóa phát triển giáo dục.<br>- Vai trò của kế hoạch hóa phát triển giáo dục.<br>- Các vấn đề cơ bản của xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và tổ chức thực hiện  | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 48 | Hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục | Học phần bao gồm: kiến thức đại cương về hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục; các khái niệm cơ bản và các đặc trưng cơ bản của hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục; các nội dung của hệ thống tin quản lý giáo dục và vai trò của chúng trong hoạt động quản lý giáo dục nói chung và quản lý nhà trường nói riêng.   | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 49 | Soạn thảo văn bản giáo dục                | Học phần Soạn thảo văn bản giáo dục, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về các nguyên tắc soạn thảo văn bản, quy trình soạn thảo văn bản, kỹ năng soạn thảo văn bản; trình bày và ban hành các loại văn bản trong quản lý giáo dục (các loại văn bản: quyết định, tờ trình, báo cáo, biên bản, công văn, ...) - những kỹ năng rất cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp sau này.<br>Thông qua việc soạn thảo các văn bản, rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt một cách chính xác, mạch lạc, chặt chẽ, trong sáng, nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, cũng như trong học tập, nghiên cứu. Đồng thời, góp phần rèn luyện kỹ năng nhận thức và tư duy cho sinh viên. Hình thành thói quen nói và viết tiếng Việt có | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |



|    |   |   |   |          |          |
|----|---|---|---|----------|----------|
|    |   | văn hóa, có ý thức làm việc cẩn trọng với hoạt động soạn thảo văn bản.  |   |          |          |
| 50 | Thực tập nhận thức nghề nghiệp                    | Khi tham gia học phần thực tế chuyên môn, sinh viên được trang bị các kiến thức và kỹ năng thực tiễn trong công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục. Qua đó, sinh viên được học tập, so sánh giữa kiến thức lý thuyết đã được học và công tác quản lý thực tế tại các cơ sở giáo dục. Đồng thời, thông qua đợt thực tế chuyên môn giúp sinh viên định hướng và hình thành tình cảm nghề nghiệp.  | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 51 | Đánh giá giáo dục                                 | Học phần “Đánh giá giáo dục” giúp SV tiếp thu các tri thức cơ bản về:<br>- Các khái niệm cơ bản về đánh giá giáo dục.<br>- Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, phương pháp, phương tiện đánh giá giáo dục<br>- Hình thức và việc tổ chức đánh giá giáo dục   | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 52 | Quản lý dự án giáo dục                            | Học phần Quản lý dự án giáo dục được cấu trúc thành 4 chương. Giúp người học trang bị những tri thức cơ bản và kỹ năng quản lý các dự án giáo dục nhằm giúp người học có thể tiếp cận với các hoạt động dự án trong xu hướng phát triển của xã hội hiện nay   | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 53 | Quản lý giáo dục hòa nhập                         | Nội dung môn học giúp người học tiếp cận với các quan điểm nhân văn trong xã hội hiện đại, trang bị những kiến thức cơ bản về một nền giáo dục hoà nhập và giới thiệu các kỹ năng tổ chức quản lý giáo dục hòa nhập cho các đối tượng có nhu cầu đặc biệt.  | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 54 | Marketing trong quản lý giáo dục                  | Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về nguyên lý marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn hoạt động của tổ chức giáo dục như: Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Phân tích môi trường marketing; Phân tích hành vi của người học; Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu; Phân tích các chính sách marketing - mix; Hoạch định chiến lược marketing cho tổ chức giáo dục.  | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 55 | Xã hội học giáo dục                               | Cung cấp, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về xã hội học giáo dục như khái niệm, vai trò, các đặc trưng của xã hội học giáo dục, các chính sách giáo dục đào tạo, mối quan hệ giữa thiết chế giáo dục với các thiết chế cơ bản của xã hội, vấn đề phân hóa xã hội, bình đẳng xã hội trong giáo dục, xu hướng xã hội hóa giáo dục... Qua đó, người học được nâng cao kiến thức về giáo dục giúp hỗ trợ trong công tác và các hoạt động giáo dục.   | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 56 | Quản lý tài chính trong giáo dục                  | Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về quản lý tài chính trong các đơn vị công như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, phương pháp quản lý tài chính, cơ chế quản lý tài chính, các công cụ để quản lý tài chính, quy trình quản lý tài chính, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong quản lý tài chính. Đặc biệt, học phần còn đi sâu vào việc giúp sinh viên nghiên cứu và hiểu được các phương pháp xây dựng dự toán, chế độ quản lý cấp phát các khoản chi; biết được các quy định hiện hành về quản lý quỹ tiền lương, quản lý tài sản trong các đơn vị công lĩnh vực giáo dục.<br>Học phần này sẽ giúp phát triển các kiến thức quản lý tài chính của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên. | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 57 | Quản lý hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục | Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về tổ chức và quản lý hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, làm cơ sở cho sinh viên thực hiện việc hoạch định, xây dựng kế hoạch và tổ chức, quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục   | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 58 | Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục          | Học phần phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục được cấu trúc 5 chương. Trang bị cho sinh viên sự phạm hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề chung của phát triển nguồn nhân lực, khoa học quản lý nhân sự và quản lý nhân sự trong giáo dục, làm cơ sở cho sinh viên có thái độ khoa học khi xem xét thực tiễn việc phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và đào tạo.   | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 59 | Phát triển chương trình đào tạo                   | Qua học phần sinh viên hiểu được sự cần thiết phải phát triển chương trình đào tạo, nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo. Đồng thời cập nhật được những xu hướng trong việc phát triển chương trình đào tạo hiện nay ở trong nước và thế giới. Học phần Phát triển chương trình đào tạo bao gồm các tri thức cơ bản về: Các khái niệm và phạm trù của phát triển chương trình đào tạo; Các yếu tố của phát triển chương trình đào tạo; Quan điểm và sự thay đổi chương trình đào tạo; Phân tích một số chương trình đào   | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết |

|    |   |   |   |          |          |
|----|---|---|---|----------|----------|
|    |   | tao; Xu hướng phát triển chương trình đào tạo hiện nay.   |   |          |          |
| 60 | Công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục            | Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản và kỹ năng trong việc ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin trong công tác quản lý giáo dục, trên cơ sở đó nắm bắt được xu hướng phát triển CNTT và có những biện pháp ứng dụng dụng CNTT phù hợp để nâng cao chất lượng công tác quản lý giáo dục hiện nay.   | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 61 | Rèn luyện nghiệp vụ quản lý giáo dục 1                | Học phần Rèn luyện nghiệp vụ QLGD 1 là học phần thực hành qua đó sinh viên được tổ chức các hoạt động thực hành cơ bản để vận dụng tri thức khoa học chuyên ngành đã được trang bị nhằm hình thành cho sinh viên hệ thống kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.  | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 62 | Kinh tế học giáo dục                                  | Học phần Kinh tế học giáo dục cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành khoa học kinh tế giáo dục, vai trò của giáo dục trong sự phát triển kinh tế xã hội, vấn đề tài chính và đầu tư trong giáo dục. Qua đó, học phần cũng hình thành cho sinh viên những kỹ năng vận dụng những lý luận trên để đánh giá thực trạng đầu tư và kinh doanh giáo dục hiện nay trên thế giới và Việt Nam.   | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 63 | Quản lý chất lượng trong giáo dục                     | Học phần giới thiệu, phân tích khái niệm chất lượng, quản lý chất lượng trong giáo dục và so sánh các quan niệm/cách tiếp cận về chất lượng giáo dục; nêu mục đích, quy trình và công cụ đánh giá chất lượng giáo dục. Qua đó, khái quát các mô hình đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng giáo dục, chủ yếu là giáo dục bậc cao đẳng, đại học ở một số nước/khu vực trên thế giới. Các bài tập định hướng cho sinh viên biết cách phân tích nội dung các tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá chất lượng, tìm minh chứng và mô tả thực trạng về chất lượng giáo dục theo một loại tiêu chuẩn, dựa trên một số tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục cụ thể ở một trường đại học (hoặc phổ thông). | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 64 | Kiểm tra và thanh tra trong giáo dục                  | Học phần kiểm tra và thanh tra trong giáo dục cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và rèn luyện các kỹ năng, mức độ tự chủ trong hoạt động chuyên môn bao gồm: khái niệm về kiểm tra và thanh tra giáo dục, những vấn đề cơ bản về kiểm tra và thanh tra trong giáo dục; nghiệp vụ thanh tra giáo dục; Mối quan hệ của kiểm tra, thanh tra giáo dục với các thành tố của nhà trường, quản lý giáo dục và hoạt động giáo dục.   | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 65 | Rèn luyện nghiệp vụ quản lý giáo dục 2                | Học phần Rèn luyện nghiệp vụ QLGD 2 là học phần thực hành, qua đó sinh viên được tổ chức các hoạt động thực hành nâng cao để vận dụng tri thức khoa học chuyên ngành và các kỹ năng cơ bản đã được trang bị ở các học phần trước nhằm phát triển và từng bước hoàn thiện về nghiệp vụ quản lý giáo dục.   | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 66 | Quản lý văn bản giáo dục                              | Quản lý giáo dục, trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản, cơ sở pháp lý và kỹ năng cần thiết của việc xây dựng, tổ chức, quản lý văn bản nói chung và quản lý văn bản giáo dục nói riêng, làm cơ sở cho sinh viên tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác quản lý trường học.  | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 67 | Luật giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành luật  | Học phần giúp cho người học nắm vững Luật giáo dục và các văn bản dưới luật; xác định được các yêu cầu phát triển giáo dục hiện nay nhằm đáp ứng cho yêu cầu CNH – HĐH và các điều kiện xã hội dành cho giáo dục để phát triển con người, xây dựng xã hội.  | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 68 | Nghiệp vụ quản lý hành chính trong các cơ sở giáo dục | Học phần nghiệp vụ quản lý hành chính trong các cơ sở giáo dục bao gồm các tri thức cơ bản về:<br>- Các khái niệm cơ bản về nghiệp vụ quản lý<br>- Hệ thống nghiệp vụ quản lý hành chính giáo dục<br>- Nghiệp vụ quản lý hành chính cơ bản ở các cơ sở giáo dục Việt Nam.   | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 69 | Thực tập tốt nghiệp                                   | Giúp SV nắm bắt được thực tiễn chung về kinh tế, xã hội, giáo dục tại địa phương và công tác quản lý giáo dục tại cơ sở thực tập; Hình thành ở sinh viên những kỹ năng nghề nghiệp và giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn nghề nghiệp qua những nhiệm vụ và công việc cụ thể của người làm công tác giáo dục, quản lý giáo dục và nghiên cứu khoa học giáo dục; Xây dựng và củng cố những tình cảm nghề nghiệp đúng đắn, khẳng định lý tưởng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành quản lý giáo dục một cách chắc chắn hơn.  | 5 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 70 | Khóa luận tốt nghiệp                                  | Khóa luận tốt nghiệp bao gồm những kiến thức lý luận về phần mở đầu; nội dung; kết luận - kiến nghị; tài liệu tham khảo; phụ lục của một đề tài nghiên cứu và phần thực hành nghiên cứu một đề tài thuộc lĩnh vực công tác quản lý giáo dục cụ thể.   | 6 | Học kỳ 8 | Báo cáo  |
|    | <b>Học phần thay thế:</b>                             |   |   |          |          |

|    |  |   |   |          |          |
|----|--|---|---|----------|----------|
| 71 | Quản lý sự thay đổi trong giáo dục             | Học phần giúp cho sinh viên chuyên ngành Quản lý giáo dục tiếp thu hệ thống tri thức và rèn luyện kỹ năng cơ bản về quản lý sự thay đổi trong giáo dục bao gồm khái niệm, bản chất, tiến trình, phương pháp, thông tin, quyết định quản lý sự thay đổi làm cơ sở cho việc đổi mới quản lý trường học, quản lý hoạt động sư phạm và các lĩnh vực chuyên ngành có liên quan có hiệu quả.  | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 72 | Kinh nghiệm quản lý giáo dục thế giới          | Học phần giới thiệu kinh nghiệm giáo dục và quản lý giáo dục trên thế giới, hướng dẫn kỹ năng phân tích các kinh nghiệm giáo dục và quản lý giáo dục, hướng dẫn rút ra bài học kinh nghiệm cần thiết trong công tác quản lý giáo dục trong giai đoạn mới, và định hướng vận dụng vào các tình huống cụ thể.   | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 73 | Quản lý giáo dục toàn diện nhân cách người học | Học phần giúp sinh viên cập nhật những vấn đề đổi mới trong giáo dục hiện nay: những điểm mới trong mục tiêu giáo dục, về mô hình nhân cách theo yêu cầu phát triển của xã hội, ..., trên cơ sở đó nghiên cứu về quản lý giáo dục toàn diện nhân cách người học, đặc biệt nắm bắt những thay đổi trong quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý các nguồn lực và các điều kiện đảm bảo cho sự phát triển toàn diện nhân cách người học.  | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 74 | Quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp    | Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và việc quản lý hoạt động này trong nhà trường. Đồng thời, học phần sẽ giúp sinh viên được làm quen với việc tổ chức và quản lý hoạt động này trong nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động này ở trường học.   | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 75 | Quản lý hoạt động tham vấn học đường           | Học phần Quản lý hoạt động tham vấn học đường gồm hai phần lý thuyết và kỹ năng. Phần lý thuyết giúp sinh viên nghiên cứu những vấn đề cơ bản về công tác tham vấn học đường, giúp sinh viên hình dung về hoạt động tham vấn và phòng tư vấn trong nhà trường, trên cơ sở đó cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về công việc của nhà quản lý trong nhiệm vụ quản lý công tác tham vấn học đường. Phần kỹ năng hướng dẫn sinh viên bước đầu hình thành và luyện tập các kỹ năng quản lý công tác tham vấn học đường cơ bản (lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và đánh giá) tạo điều kiện cho sinh viên có thể bước vào công việc trong thực tế đạt hiệu quả cao. | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |

## 1.2. Ngành Quản lý giáo dục (trình độ Thạc sĩ) (8140114)

| STT            | Tên môn học   | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá học viên |
|----------------|---|---|------------|----------------------|-------------------------------|
| <b>Khóa 27</b> |   |   |            |                      |                               |
| 1              | Triết học   | Học phần được cấu trúc thành 8 chương, bao gồm lý thuyết và vận dụng thực tế các vấn đề lý luận chung về triết học: bản thể luận; nhận thức luận thế giới quan, phương pháp luận triết học trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng. Qua đó, học viên cũng nhận biết các vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; triết học chính trị; ý thức xã hội; triết học về con người... từ đó ứng dụng để định hướng cho người học xây dựng phương pháp, điều chỉnh hành vi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn của bản thân. Môn học này tạo nên nền tảng, cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận và lập trường tư tưởng chính trị... để học tập những môn học sau cũng như hướng đến phục vụ cho học viên cả ở hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. | 4          | 1                    | Thi viết                      |
| 2              | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục | - Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Học phần phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục giúp cho học viên nghiên cứu sâu hơn những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, quản lý giáo dục; vai trò của giáo dục và quản lý giáo dục trong sự phát triển kinh tế xã hội. Qua đó, học phần cũng hình thành cho học viên năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục.   | 3          | 1                    | Thực hành                     |
| 3              | Khoa học quản lý giáo dục   | - Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Học phần khoa học quản lý giáo dục (KHQLGD) (nâng cao) giúp học  | 3          | 1                    | Thi viết                      |

|    |   |   |   |   |          |
|----|---|---|---|---|----------|
|    | đục (nâng cao)  | viên hệ thống lại các tri thức cơ bản về KHQLGD, có cái nhìn khái quát về ngành quản lý giáo dục, trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu sâu từng lĩnh vực. nội dung cụ thể gồm:<br>- Phân tích sâu bản chất của quản lý giáo dục.<br>- Nghiên cứu và vận dụng các quan điểm tiếp cận trong quản lý giáo dục.<br>- Vận dụng lý luận nghiên cứu các tình huống trong quản lý giáo dục.<br>- Nghiên cứu các vấn đề đổi mới trong quản lý giáo dục  |   |   |          |
| 4  | Quản lý quá trình giáo dục và đào tạo trong nhà trường      | Học phần được cấu trúc thành 3 phần. Học phần Quản lý quá trình giáo dục và đào tạo trong nhà trường giúp cho học viên nghiên cứu sâu hơn những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, quản lý giáo dục; vai trò của giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục và đào tạo trong sự phát triển kinh tế xã hội. Qua đó, học phần cũng hình thành cho học viên năng lực quản lý các quá trình giáo dục và đào tạo.  | 3 | 2 | Thi viết |
| 5  | Lãnh đạo và quản lý phát triển tổ chức, đội ngũ             | Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Học phần đề cập đến nội dung quan trọng của công tác quản lý: vấn đề cơ cấu bộ máy và con người trong tổ chức. Quản lý nhân sự là lập kế hoạch, quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, đề bạt, thuyên chuyển sắp xếp vị trí từng con người trong tổ chức để phát huy hết năng lực của họ vì mục tiêu chung của tổ chức. Nội dung cụ thể bao gồm: Một số vấn đề chung về tổ chức, nhân sự và công tác cán bộ; nội dung chủ yếu về quản lý bộ máy tổ chức và nhân sự trong nhà trường; một số biện pháp chủ yếu trong việc huy động nguồn nhân lực phát triển nhà trường  | 3 | 2 | Thi viết |
| 6  | Phân tích lợi ích - chi phí trong giáo dục                  | Học phần được cấu trúc thành 2 phần. Học phần giới thiệu cho học viên một số kiến thức về quản lý tài chính của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Đồng thời trang bị cho người học một số vấn đề về phân tích lợi ích - chi phí trong giáo dục, đặc biệt khảo cứu các nội hàm của chúng trong các cơ sở giáo dục và đào tạo. Giúp người học có được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật phân tích chi phí-lợi ích làm nền tảng cho phân tích chính sách, chương trình, dự án liên quan đến giáo dục.  | 3 | 3 | Thi viết |
| 7  | Quản lý cơ sở vật chất - thiết bị trong giáo dục (nâng cao) | Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở vật, thiết bị dạy học và các nội dung, biện pháp quản lý cơ sở vật chất và phương tiện dạy học trong trường học và cơ sở giáo dục. Từ đó, người học vận dụng vào công tác quản lý cơ sở vật chất – thiết bị để phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục ở trường học, cơ sở giáo dục. Qua đó người học sẽ biết lập kế hoạch và tìm các biện pháp quản lý cơ sở vật chất trong cơ sở giáo dục phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ thực hiện thảo luận, làm bài tập và hoạt động nhóm để làm quen với việc quản lý cơ sở vật chất - thiết bị trong giáo dục. | 3 | 3 | Thi viết |
| 8  | Lập kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường               | Học phần được cấu trúc thành 2 phần. Học phần Lập kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giúp học viên hiểu biết về kế hoạch chiến lược và hình thành kỹ năng lập kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới trong công tác quản lý giáo dục. Nội dung chính bao gồm:<br>- Các khái niệm cơ bản của kế hoạch chiến lược, ý nghĩa, vai trò của kế hoạch chiến lược.<br>- Đặc điểm của chiến lược giáo dục.<br>- Các vấn đề cơ bản trong lập kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường và tổ chức thực hiện,  | 3 | 2 | Thi viết |
| 9  | Thực tập 1  | -Học phần giúp học viên nắm bắt thực tiễn chung về tình hình phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục tại địa phương; Bồi dưỡng những kỹ năng nghề nghiệp và giúp học viên phát triển nghề nghiệp cao hơn qua những nhiệm vụ và công việc đa dạng, cụ thể của người làm công tác giáo dục, quản lý giáo dục và nghiên cứu khoa học giáo dục; Xây dựng và củng cố những tình cảm nghề nghiệp đúng đắn, khẳng định lý tưởng nghề nghiệp chuyên ngành quản lý giáo dục một cách chắc chắn hơn.<br>- Vận dụng tri thức khoa học giáo dục, khoa học quản lý giáo dục và các khoa học liên quan vào thực tiễn giáo dục và đào tạo thuộc các ngành học, bậc học, cấp học và loại hình giáo dục và đào tạo.     | 2 | 3 | Báo cáo  |
| 10 | Thực tập 2  | - Trên cơ sở nền tảng của học phần thực tập 1, học phần thực tập 2 đi sâu tìm hiểu, tiếp tục giải quyết thêm những vấn đề thực tiễn trong các nội dung quản lý cơ sở giáo dục, nhà trường. Đồng thời bồi dưỡng những kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu giúp học viên phát triển nghề nghiệp cao hơn qua những nhiệm vụ và công việc đa   | 3 | 3 | Báo cáo  |

|    |  |   |   |   |          |
|----|--|---|---|---|----------|
|    |  | dạng, cụ thể của người làm công tác giáo dục, quản lý giáo dục và nghiên cứu khoa học giáo dục để chuẩn bị cho việc làm đề án tốt nghiệp;   |   |   |          |
| 11 | Những vấn đề cơ bản của Giáo dục học hiện đại                | Học phần cấu trúc thành 3 phần. Học phần Những vấn đề cơ bản của giáo dục học hiện đại giúp cho học viên nghiên cứu sâu hơn những kiến thức cơ bản về giáo dục học, vai trò của giáo dục trong sự phát triển kinh tế xã hội. Qua đó, học phần cũng hình thành cho học viên năng lực vận dụng lý luận giáo dục học hiện đại vào thực tiễn giáo dục và đào tạo nước ta hiện nay.  | 1 | 2 | Thi viết |
| 12 | Phong cách lãnh đạo và quản lý                               | Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Học phần tập trung phân tích vai trò của phong cách lãnh đạo và quản lý của nhà quản lý, phân tích các kiểu phong cách lãnh đạo và quản lý của nhà quản lý. Hướng dẫn phương pháp rèn luyện và lựa chọn kiểu phong cách phù hợp công việc của nhà quản lý.   | 1 | 2 | Thi viết |
| 13 | Kỹ thuật xây dựng, quản lý văn bản giáo dục và đào tạo       | Học phần được cấu trúc thành 3 chương Học phần Kỹ thuật xây dựng, quản lý văn bản giáo dục và đào tạo trang bị cho học viên một số vấn đề cần yếu về văn bản, đó là:<br>- Những tri thức cơ bản về các loại văn bản giáo dục và đào tạo: nội dung, tính chất văn bản, các quy định của văn bản hành chính. Trên cơ sở đó hình thành hệ thống kỹ năng phân tích và xây dựng các loại văn bản trong giáo dục và đào tạo.<br>- Quy trình xây dựng, lưu trữ, khai thác, sử dụng và quản lý hệ thống văn bản giáo dục và đào tạo.  | 1 | 2 | Thi viết |
| 14 | Đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo                          | Học phần được cấu trúc thành 3 phần. Học phần Đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo giúp người học phân tích các cơ sở của việc đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo, cập nhật một số thành tựu, kinh nghiệm trong quản lý giáo dục và đào tạo của khu vực và thế giới. Từ đó giúp học viên nắm vững quan điểm đổi mới, yêu cầu, nội dung và các giải pháp trong việc đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay.   | 3 | 2 | Thi viết |
| 15 | Xã hội học quản lý   | Học phần được cấu trúc thành 6 chương. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về xã hội học, xã hội học quản lý; lý luận chung về quản lý xã hội; khù thể quản lý xã hội; xác lý thuyết quản lý xã hội hiện đại; các nguyên tắc, phương pháp, hình thức quản lý xã hội; quyền lực và phân quyền; lãnh đạo và quản lý; các phương pháp nghiên cứu xã hội học thực nghiệm trong quản lý giáo dục. Qua hệ thống kiến thức được trang bị, học viên sẽ có cái nhìn tổng quan về xã hội học quản lý, đồng thời có được hệ thống kỹ năng nghiên cứu cần thiết phục vụ cho công tác quản lý giáo dục.   | 2 | 2 | Thi viết |
| 16 | Quản lý quá trình định hình và phát triển văn hóa nhà trường | Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Học phần Quản lý quá trình định hình và phát triển văn hóa nhà trường giới thiệu các tri thức cơ bản về văn hóa nhà trường, vai trò của văn hóa nhà trường trong việc đào tạo con người phát triển toàn diện. Giúp người học vừa tiếp thu những tinh hoa của thế giới vừa biết trân trọng giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển tiềm năng cá nhân; phương hướng, giải pháp quản lý quá trình định hình và phát triển văn hóa nhà trường của nhà quản lý hiện nay.  | 2 | 3 | Thi viết |
| 17 | Quản lý giáo dục trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa       | Học phần được cấu trúc thành 4 chương. Học phần Quản lý giáo dục trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa tập trung nghiên cứu sự tác động của xu thế toàn cầu hóa đến lĩnh vực giáo dục đào tạo, đi sâu phân tích sự phát triển giáo dục, đào tạo và quản lý này trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa. Trên cơ sở đó, học viên có định hướng đúng, phù hợp về mục tiêu nội dung, phương pháp, mô hình quản lý giáo dục, đào tạo ở nước ta.   | 4 | 2 | Thi viết |
| 18 | Quản lý phát triển nhân lực giáo dục trong thế kỷ 21         | Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Nội dung học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về bối cảnh phát triển nhân lực thế giới thế kỷ XXI và những vấn đề đặt ra đối với giáo dục hiện nay; vấn đề thực trạng và nhu cầu nhân lực ở Việt Nam, chiến lược phát triển con người và chiến lược phát triển giáo dục ở Việt Nam thế kỷ XXI; vấn đề thực trạng, nhu cầu và định hướng phát triển nhân lực giáo dục Việt Nam thế kỷ XXI. Qua đó, giúp học viên có cái nhìn tổng quan về phát triển nhân lực nói chung, nhân lực giáo dục ở Việt Nam nói riêng trong thế kỷ XXI; đồng thời rèn luyện các kỹ năng tìm tòi nghiên cứu, vận dụng vào thực tế công tác quản lý giáo dục ở địa phương, nhà trường. | 3 | 3 | Thi viết |
| 19 | Kinh tế học giáo dục (nâng cao)                              | Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Học phần Kinh tế học giáo dục nâng cao giúp cho học viên nghiên cứu sâu hơn những kiến thức cơ bản về ngành khoa học kinh tế giáo dục, vai trò của giáo dục trong sự phát triển kinh tế xã hội, vấn đề tài chính và đầu tư trong giáo dục. Qua đó, học phần cũng hình thành cho học viên năng lực vận dụng lý luận trên để đánh giá thực trạng đầu tư và kinh doanh giáo dục hiện nay trên thế giới và nước ta hiện nay.   | 3 | 2 | Thi viết |

|    |   |   |   |   |          |
|----|---|---|---|---|----------|
| 20 | Kỹ thuật xây dựng hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục       | Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Hệ thống thông tin trong giáo dục, như hệ thống huyết mạch trong tổ chức giáo dục. Nhà quản lý giáo dục cần có khả năng xây dựng và vận hành hệ thống thông tin lưu thông tốt để đảm bảo cho các quyết định quản lý được đưa ra kịp thời, hợp lý. Nội dung môn học bao gồm: Các tri thức cơ bản về thông tin và hệ thống thông tin quản lý giáo dục; Kỹ thuật xây dựng hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục: xây dựng các kênh thông tin, qui trình vận hành, kỹ thuật chống nhiễu; Vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống thông tin giáo dục.  | 3 | 3 | Thi viết |
| 21 | Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo           | Học phần được cấu trúc thành 4 chương, Học phần Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo nhằm cung cấp cho học viên cao học những kiến thức cơ bản về đường lối, chủ trương, chính sách và chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở đó học viên có điều kiện để tiếp thu và nâng cao nhận thức kiến thức chuyên sâu về quản lý giáo dục. Học phần này trang bị những kiến thức như: Đường lối của Đảng; chính sách của nhà nước về giáo dục và đào tạo, chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, đặc biệt là chủ trương đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo hiện nay; vai trò của giáo dục và đào tạo trong phát triển kinh tế, xã hội. Đồng thời học phần còn cung cấp cho học viên một số kỹ năng cơ bản về hoạch định, phân tích chính sách trong quản lý giáo dục và đào tạo. | 3 | 2 | Thi viết |
| 22 | Kỹ thuật xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục | Học phần được cấu trúc thành 3 phần. Kỹ thuật xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục cung cấp những kiến thức và kỹ năng về việc: Tổ chức việc thu thập, tổng hợp số liệu; Phân tích và xử lý số liệu nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu trong khoa học giáo dục và quản lý giáo dục. Nội dung gồm hai phần lý thuyết và thực hành: Phần lý thuyết giới thiệu các kỹ thuật thu thập số liệu, xử lý số liệu và ứng dụng tin học trong xử lý số liệu. Phần thực hành giúp học viên rèn luyện các kỹ năng: Thiết kế công cụ thu thập số liệu; phân tích số liệu bằng toán học và Sử dụng phần mềm tin học (Excel, SPSS, Amos..).  | 2 | 3 | Thi viết |
| 23 | Thanh tra, kiểm tra, đánh giá giáo dục và đào tạo                 | Học phần được cấu trúc thành 5 chương. Thanh tra, kiểm tra và đánh giá đánh giá giáo dục và đào tạo là học phần đề cập những tri thức, kỹ năng và thái độ trong công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá giáo dục - đào tạo bao gồm: khái niệm, mục đích, nguyên tắc thanh tra, kiểm tra đánh giá giáo dục đào tạo, quy trình của công tác thanh tra giáo dục và phương pháp và kỹ thuật kiểm tra đánh giá trong giáo dục và đào tạo.   | 1 | 2 | Thi viết |
| 24 | Phát triển chương trình giáo dục (nâng cao)                       | Học phần được cấu trúc thành 3 phần. Học phần Phát triển chương trình giáo dục (nâng cao) cung cấp kiến thức về chương trình giáo dục trong ki nguyên thông tin, những ảnh hưởng của sự phát triển xã hội đến sự phát triển chương trình giáo dục. Đề cập đến các cách tiếp cận trong phát triển chương trình giáo dục với 5 bước từ phân tích nhu cầu, xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, thiết kế chương trình, thực thi chương trình và cuối cùng đánh giá chương trình. Đồng thời giới thiệu các mô hình đánh giá chương trình giáo dục và qui trình tổ chức đánh giá một chương trình giáo dục.  | 3 | 3 | Thi viết |
| 25 | Quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo                            | Học phần được cấu trúc thành 5 phần. Quản lý chất lượng giáo dục đào tạo là học phần đề cập một số tri thức và kỹ năng nâng cao về công tác quản lý nói chung và chất lượng giáo dục - đào tạo nói riêng. Học phần gồm các nội dung: Chất lượng và chất lượng giáo dục - đào tạo; Các chỉ số thực hiện và chuẩn mực chất lượng giáo dục - đào tạo; Một số hình thức đánh giá chất lượng trong giáo dục - đào tạo; Quản lý chất lượng giáo dục - đào tạo; Ứng dụng hệ thống đảm bảo chất lượng và quá trình giáo dục - đào tạo của nước ta.  | 4 | 2 | Thi viết |
| 26 | Đề án tốt nghiệp  | Đề án tốt nghiệp được cấu trúc thành 3 chương. Giúp học viên vận dụng các kiến thức đã học từ các môn học riêng rẽ vào thực hiện công việc nghiên cứu theo chủ đề cụ thể; Phân tích hướng nghiên cứu và xác định được phương pháp nghiên cứu; nghiên cứu tìm hiểu thực trạng về công tác quản lý giáo dục, thu thập, phân tích, xử lý số liệu; Lập kế hoạch triển khai công việc khoa học, phù hợp với kế hoạch học tập cá nhân, đảm bảo thời gian quy định của học phần tốt nghiệp; Trình bày được một kết quả nghiên cứu khoa học rõ ràng với số liệu phân tích chính xác, có độ tin cậy; Đánh giá và giải thích được các kết quả, xác định tồn tại và biết cách đề xuất hướng giải quyết.  | 4 | 9 | Bảo vệ   |

## 2. Ngành Tâm lý học giáo dục (trình độ đại học) (7310403)

| STT            | Tên môn học                     | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|----------------|---------------------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>Khóa 47</b> |                                 |   |            |                      |                                |
| 1              | Triết học Mác - Lênin           | Học phần được cấu trúc thành 3 chương. Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 2              | Tin học cơ sở (Xã hội)          | Học phần được cấu trúc thành 4 chương và thực hành. Cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyên đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành Khoa học xã hội. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành khoa học xã hội, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.   | 3          | Học kỳ 1             | Thực hành                      |
| 3              | Tiếng Anh 1                     | Học phần được cấu trúc thành 5 bài. Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp. | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 4              | Sinh lý học hoạt động thần kinh | Học phần sinh lý học hoạt động thần kinh gồm 7 chương. Trình bày cấu tạo tế bào thần kinh, cấu tạo hệ thần kinh và chức năng sinh lý của các cấu trúc thần kinh. Mặt khác, học phần còn cung cấp vai trò của hệ thống thần kinh trong việc điều khiển các chức năng sinh lý trong cơ thể để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể cũng như giữa cơ thể với môi trường.  | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 5              | Pháp luật đại cương             | Học phần được cấu trúc thành 10 chương. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.   | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 6              | Nhập môn Tâm lý học             | Học phần Nhập môn Tâm lý học được cấu trúc 7 chương. Giúp sinh viên trang bị kiến thức chung và khái quát nhất về khoa học tâm lý; giới thiệu các trường phái tâm lý học, các lĩnh vực tâm lý học và các phạm trù cơ bản nhất trong tâm lý học. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể đi sâu nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên ngành tiếp theo.  | 3          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |
| 7              | Cơ sở văn hóa Việt Nam          | Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam được cấu trúc 7 chương. Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản cần thiết cho việc hiểu một nền văn hóa, giúp họ nắm được các đặc trưng cơ bản cùng các quy luật hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ cội nguồn cho đến nay.  | 2          | Học kỳ 1             | Thi viết                       |

|    |                               |  |   |          |               |
|----|-------------------------------|--|---|----------|---------------|
|    |                               | <p>Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.</p>  |   |          |               |
| 8  | Giáo dục thể chất 1           | <p>Học phần giáo dục thể chất 1, sinh viên có thể chọn một môn học, bao gồm kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật Bóng đá 1, bóng chuyên, bóng rổ, cầu lông, Võ cổ truyền Việt Nam, Võ Taekwondo. Qua đó Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.</p>  | 1 | Học kỳ 1 | Thi thực hành |
| 9  | Kinh tế chính trị - Mác Lênin | <p>Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p>   | 2 | Học kỳ 2 | Thi thực hành |
| 10 | Xã hội học                    | <p>Học phần được cấu trúc với 6 chương. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như khái niệm Xã hội học, đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học; một số các khái niệm cơ bản của xã hội học; khái niệm cơ cấu xã hội; các khái niệm có liên quan, các phân hệ cơ bản của cơ cấu xã hội; Xã hội học đô thị; Một số phương pháp điều tra xã hội học... Thông qua học phần này, người học có được một cách nhìn thấu đáo về các vấn đề của xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng điều tra xã hội học, hiểu được cách thức giải quyết các vấn đề xã hội.</p>   | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 11 | Kỹ năng giao tiếp             | <p>Học phần Kỹ năng giao tiếp được cấu trúc thành 3 chương. Giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội</p>  | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 12 | Tiếng Anh 2                   | <p>Được cấu trúc gồm 7 bài. Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. và những chủ đề khó hơn như âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.</p> | 4 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 13 | Giáo dục học đại cương        | <p>Giáo dục học đại cương được cấu trúc gồm 5 chương, trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về giáo dục, bao gồm những nội dung:<br/>         - Những vấn đề chung về khoa học giáo dục học: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, hệ thống các ngành KHGD<br/>         - Quá trình giáo dục tổng thể: sự phát triển nhân cách, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, các con đường giáo dục.<br/>         - Nền giáo dục Việt Nam: Mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục, các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường, hệ thống giáo dục quốc dân.<br/>         - Đặc điểm của lao động sư phạm và yêu cầu đối với nhà giáo dục</p>   | 2 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 14 | Lịch sử Tâm lý học            | <p>Học phần cấu trúc thành 6 chương. Bao gồm những vấn đề chung của lịch sử tâm lý học (các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu lịch sử tâm lý học.); các tư tưởng, quan điểm tâm lý học từ thời cổ đại cho đến hiện đại; đóng góp và những hạn chế của các quan điểm tâm lý học; một số câu hỏi trong tâm lý học đến nay còn bỏ ngỏ; hướng phát triển tâm lý học trên thế giới trong tương lai. Ngoài ra học phần còn đề cập đến chặng đường phát triển của nền tâm lý học Việt Nam</p>  | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |
| 15 | Tâm lý học nhận thức          | <p>Học phần Tâm lý học nhận thức được cấu trúc 6 chương. Bao gồm những kiến thức chung về hoạt động nhận thức ở hai giai đoạn nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính; các hiện tượng tâm lý đi kèm theo hoạt động nhận thức.</p>  | 3 | Học kỳ 2 | Thi viết      |



|    |  |  |   |          |           |
|----|--|--|---|----------|-----------|
| 16 | Giáo dục thể chất 2                        | Học phần giáo dục thể chất 2, sinh viên có thể chọn một môn học, bao gồm kiến thức về: phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, Võ cổ truyền Việt Nam, Võ Taekwondo. Qua đó Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chức thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.   | 1 | Học kỳ 2 | Thực hành |
| 17 | Chủ nghĩa Xã hội khoa học                  | Học phần gồm 7 chương. Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.  | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 18 | Tâm lý học nhân cách                       | Học phần cấu trúc thành 5 chương. Giới thiệu các lý thuyết tâm lý học về nhân cách và vận dụng các lý thuyết đó trong thực tiễn; khái niệm chung về nhân cách, các phẩm chất tâm lý của nhân cách, những thuộc tính tâm lý của nhân cách; các phương pháp nghiên cứu và đánh giá nhân cách. Từ đó, sinh viên có cách nhìn nhận khoa học về vấn đề nhân cách, góp phần vào việc hình thành và phát triển nhân cách con người.   | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 19 | Tâm lý học phát triển 1                    | Học phần Tâm lý học phát triển 1 được cấu trúc 4 chương. Bao gồm những kiến thức lý luận về trẻ em, sự phát triển tâm lý trẻ em, các quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em; đặc điểm tâm lý trẻ em ở các giai đoạn tuổi: sơ sinh, hài nhi, ấu nhi, mẫu giáo; sự cần thiết và nội dung tâm lý cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.  | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 20 | Tâm lý học giao tiếp                       | Học phần được xây dựng gồm 7 chương. Trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp và tâm lý học giao tiếp; một số kỹ năng giao tiếp thường ngày. Từ đó, giúp sinh viên vận dụng hiệu quả, linh hoạt vào quá trình giao tiếp đa dạng nảy sinh trong cuộc sống cũng như công việc.  | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 21 | Tâm lý học dạy học                         | Học phần tâm lý học dạy học được cấu trúc đề cập đến những kiến thức tâm lý trong hoạt động dạy học bao gồm các quan điểm tâm lý trong dạy học (liên tưởng, hành vi, nhận thức, hoạt động), cách thức hình thành và thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của người học, mối quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ. Ngoài ra còn có những kiến thức về phẩm chất và năng lực cần có của người giáo viên trong quá trình dạy học   | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 22 | Phương pháp công tác Đoàn - Đội            | Học phần Phương pháp công tác Đoàn - Đội cấu trúc gồm 3 phần. Giúp sinh viên trang bị kiến thức về Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để có thể tổ chức các hoạt động Đoàn, Đội trong nhà trường.  | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 23 | Thống kê trong khoa học xã hội             | Học phần cung cấp cho sinh viên công cụ toán thống kê ứng dụng phù hợp với các nghiên cứu trong khoa học xã hội. Nội dung gồm: Thống kê mô tả và Thống kê suy diễn. Phần thống kê mô tả giới thiệu một số khái niệm căn bản, các cách mô tả dữ kiện như bảng phân bố tần số, các loại đồ thị, các số thống kê thường dùng như Mode, median, Mean, SD, hệ số tương quan nhị biến. Phần thống kê suy diễn giới thiệu kỹ thuật chọn mẫu, phương pháp suy diễn từ các số thống kê trên mẫu và một số bài toán kiểm định giả thuyết thống kê thường dùng trong nghiên cứu khảo sát mẫu hay thực nghiệm đơn giản.  | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 24 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản Tiếng Việt      | Học phần Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về các nguyên tắc soạn thảo văn bản, quy trình soạn thảo văn bản, kỹ năng soạn thảo văn bản; trình bày và ban hành các loại văn bản trong công tác văn phòng (các loại văn bản: quyết định, tờ trình, báo cáo, biên bản, công văn, ...) - những kỹ năng rất cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp sau này. Thông qua việc soạn thảo các văn bản, rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt một cách chính xác, mạch lạc, chặt chẽ, trong sáng, nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp, cũng như trong học tập, nghiên cứu. Đồng thời, góp phần rèn luyện kỹ năng nhận thức và tư duy cho sinh viên. Hình thành thói quen nói và viết tiếng Việt có văn hóa, có ý thức làm việc cẩn trọng với hoạt động soạn thảo văn bản. | 2 | Học kỳ 3 | Thi viết  |
| 25 | Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học giáo dục | Học phần cấu trúc gồm 5 chương. Gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu tâm lý học giáo dục, cách thức xây dựng đề cương nghiên cứu tâm lý học giáo dục, các bước tiến hành nghiên cứu tâm   | 3 | Học kỳ 3 | Thi viết  |

|    |   |   |   |          |           |
|----|---|---|---|----------|-----------|
|    | dục   | lý học giáo dục và cách thức trình bày và báo cáo một công trình khoa học nghiên cứu về tâm lý học giáo dục.  |   |          |           |
| 26 | Giáo dục thể chất 3                           | Học phần giáo dục thể chất 3, sinh viên có thể chọn một môn học, bao gồm kiến thức về: phương pháp tập luyện bóng chuyên, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, Võ cổ truyền Việt Nam, Võ Taekwondo. Qua đó Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tinh hũu nghị, đoàn kết trong tập thể.  | 1 | Học kỳ 3 | Thực hành |
| 27 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 28 | <i>Giáo dục quốc phòng-<br/>An ninh 1</i> (*) | Học phần được xây dựng gồm 10 bài. Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.   | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 29 | <i>Giáo dục quốc phòng-<br/>An ninh 2</i> (*) | Học phần được xây dựng gồm 10 bài. Lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 30 | <i>Giáo dục quốc phòng-<br/>An ninh 3</i> (*) | Học phần được xây dựng gồm 8 bài. Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.   | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 31 | <i>Giáo dục quốc phòng-<br/>An ninh 4</i> (*) | Học phần gồm 5 bài. Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).   | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 32 | Tâm lý học xã hội                             | Học phần Tâm lý học xã hội cấu trúc 5 chương. Giúp sinh viên trang bị những tri thức cơ bản về tâm lý học xã hội: các hiện tượng tâm lý học xã hội và quy luật hình thành chúng; những vấn đề về nhóm lớn, nhóm nhỏ, tập thể; các vấn đề về cá nhân và xã hội; các hiện tượng tâm lý đám đông quần chúng; những yếu tố tâm lý xã hội của quan hệ xã hội liên nhân cách. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng những kiến thức để giải quyết các vấn đề trong thực tế cuộc sống và công việc sau này.   | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết  |
| 33 | Thực hành Tâm lý học giáo dục 1               | Học phần Thực hành Tâm lý học 1 giúp cho người học vận dụng các kiến thức đã học về Nhập môn Tâm lý học, Tâm lý học nhận thức, Tâm lý học nhân cách và Tâm lý học phát triển 1 vào thực tế cuộc sống. Qua thực hành, giúp người học tiếp cận, nghiên cứu một số vấn đề thực tế, sử dụng những kỹ năng thực hành cơ bản của Tâm lý học, nhằm gợi mở khả năng tư duy, phát huy năng lực thực tế của người học trong thực hành nghề nghiệp. Thông qua thực hành, sinh viên hình thành được kỹ năng làm việc với con người và các cơ sở giáo dục, xây dựng các kế hoạch, chương trình, dự án - cách giải quyết vấn đề, đồng thời giáo dục, bồi dưỡng cho người học những tình cảm, ý thức trách nhiệm với nghề nghiệp và xã hội.  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết  |

|    |                                 |  |   |          |          |
|----|---------------------------------|--|---|----------|----------|
| 34 | Tâm lý trẻ khuyết tật           | Học phần Tâm lý trẻ khuyết tật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khuyết tật và người khuyết tật, tạo tiền đề để nắm vững các đặc điểm tâm lý của từng dạng trẻ khuyết tật thường gặp. Trên cơ sở đó sinh viên nắm bắt đặc điểm tâm lý của trẻ khuyết tật và hình thành những kỹ năng cần thiết khi chăm sóc trẻ trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.  | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 35 | Tâm lý học phát triển 2         | Học phần Tâm lý học phát triển 2 đề cập đến những biến đổi sinh lý và xã hội làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý các lứa tuổi nhi đồng, thiếu niên, thanh niên trung niên và người già; vai trò của hoạt động chủ đạo đối với sự phát triển tâm lý lứa tuổi, những cấu tạo tâm lý mới nảy sinh ở mỗi lứa tuổi và biện pháp giáo dục.  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 36 | Tham vấn tâm lý                 | Học phần Tâm lý học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản về Tham vấn tâm lý: bản chất của tham vấn tâm lý, tiến trình tham vấn, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn, một số lý thuyết tiếp cá nhân trong tham vấn tâm lý, các kỹ năng tham vấn cơ bản và những vấn đề về tham vấn tâm lý học đường. Đồng thời rèn luyện và vận dụng kỹ năng tham vấn vào các tình huống sắm vai và thực tiễn tại phòng tham vấn tâm lý   | 3 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 37 | Tổ chức hoạt động dạy học       | Qua nghiên cứu học phần Tổ chức hoạt động dạy học, sinh viên chuyên ngành Tâm lý học giáo dục có thể hiểu được bản chất của hoạt động dạy học và hình dung được công việc của giáo viên và học sinh trong hoạt động dạy học, từ đó có thể vận dụng được vào hoạt động nghề nghiệp. Môn học bao gồm kiến thức cơ bản và cập nhật về các quan điểm dạy học giúp sinh viên hiểu rõ các yếu tố: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Trên cơ sở đó hướng dẫn sinh viên luyện tập các kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học: thiết kế giáo án, vận dụng các phương pháp dạy học, ...  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 38 | Lệch lạc xã hội                 | Học phần trang bị kiến thức về sự sai lệch chuẩn mực xã hội và công tác giáo dục lại, các đối tượng sai lệch chuẩn mực xã hội, nguyên nhân và biện pháp giáo dục lại cho các đối tượng này. Từ đó, người học có hình thành những kỹ năng giáo dục cần thiết để làm tốt công tác giáo dục cho các thanh thiếu niên chậm tiến ngoài xã hội.  | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 39 | Giáo dục và phát triển          | Học phần giúp sinh viên hiểu biết vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội, con người và sự tác động của các yếu tố xã hội tới giáo dục; hiểu được xu thế phát triển của xã hội hiện nay làm cơ sở định hướng cho công tác quản lý giáo dục   | 2 | Học kỳ 4 | Thi viết |
| 40 | Tư tưởng Hồ Chí Minh            | Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chi ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.   | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 41 | Khởi nghiệp                     | Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên. | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 42 | Tâm bệnh học                    | Học phần bao gồm những kiến thức chung về bệnh tâm lý, trong đó có các quan điểm về nguyên nhân và phương pháp điều trị tâm bệnh, một số rối loạn và rối nhiễu tâm lý thường gặp, cách phòng vệ để bảo vệ sức khỏe tâm lý.   | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 43 | Thực hành Tâm lý học giáo dục 2 | Học phần Thực hành Tâm lý học giáo dục 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiếp xúc và tìm hiểu đặc điểm tâm lý của các nhóm khách thể khác nhau tại cơ sở thực hành. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nắm bắt được đặc điểm tâm lý của các nhóm khách thể và xây dựng hồ sơ tâm lý để đưa ra được các biện pháp tác động tâm lý đối với từng nhóm khách thể tại cơ sở thực hành.  | 3 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 44 | Tâm lý học giáo dục đạo đức     | Học phần Tâm lý học giáo dục đạo đức giúp sinh viên trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở tâm lý của việc giáo dục đạo đức; các yếu tố tác động đến đạo đức và hành vi đạo đức của con người; các con đường giáo dục đạo đức và cơ  | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |

|    |                                    |   |   |          |          |
|----|------------------------------------|---|---|----------|----------|
|    |                                    | chê tâm lý - xã hội của chúng. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề có liên quan đến đạo đức trong cuộc sống cũng như công việc sau này.  |   |          |          |
| 45 | Tâm lý học giới tính               | Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về đời sống giới tính của con người và những vấn đề giới tính trong xã hội hiện nay. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn nghề nghiệp có liên quan đến vấn đề giới tính.  | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 46 | Tổ chức hoạt động giáo dục         | Học phần đề cập những tri thức cơ bản và hệ thống về mục đích, nguyên tắc, nội dung và phương thức, hình thức tổ chức các hoạt động GD nhằm tạo ra môi trường GD để HS tổ chức các hoạt động của mình, nhằm hình thành và phát triển trí lực, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng lao động và định hướng nghề; cách thức hoạt động GD chuyên sâu như tổ chức các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp; cách thức tổ chức huy động, khai thác và phối hợp, các nguồn lực xã hội trong quá trình tổ chức hoạt động GD cho trẻ em, đặc biệt là HS phổ thông.                           | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 47 | Tâm lý học nghề nghiệp             | Học phần Tâm lý học nghề nghiệp trang bị những kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp, những đặc điểm tâm lý cá nhân trong hoạt động nghề nghiệp, các vấn đề tâm lý có ảnh hưởng đến năng suất lao động, vấn đề tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, sinh viên chuyên ngành biết cách ứng dụng yếu tố tâm lý trong hoạt động nghề nghiệp của bản thân, cũng như công tác tư vấn hướng nghiệp tại các trường phổ thông và tham mưu tuyển dụng nghề nghiệp cho các đơn vị sử dụng người lao động  | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 48 | Tâm lý học lao động                | Học phần gồm những nội dung khái quát của Tâm lý học lao động, tâm lý học của việc tổ chức quá trình lao động, của các vấn đề an toàn lao động, sự thích ứng của con người đối với công việc, sự thích ứng của con người với con người trong sản xuất   | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 49 | Tâm lý học dân tộc                 | Học phần giới thiệu các hướng tiếp cận tâm lý học dân tộc từ tâm lý học đến nhân chủng văn hoá, những khía cạnh tâm lý xã hội của tính đồng nhất xã hội, định khuôn, định kiến, xung đột dân tộc, đặc điểm tâm lý của người Việt Nam xưa và trong giai đoạn hội nhập.   | 2 | Học kỳ 5 | Thi viết |
| 50 | Giáo dục kỹ năng sống              | Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản về kỹ năng sống, bao gồm quan niệm đúng đắn về kỹ năng sống, ý nghĩa của việc trang bị kỹ năng sống và hệ thống kỹ năng sống cần thiết hiện nay. Đồng thời, học phần cũng làm rõ một số vấn đề liên quan đến giáo dục kỹ năng sống như: khái niệm, yêu cầu, nội dung, phương pháp, ... giáo dục kỹ năng cho thế hệ trẻ. Tổ chức thực hành, luyện tập một số chủ đề giáo dục kỹ năng sống cơ bản cho người học trong nhà trường nhằm giúp người học làm quen với hoạt động giáo dục kỹ năng sống và vận dụng những kiến thức vào thực tiễn giáo dục. | 3 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 51 | Giáo dục giới tính                 | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục giới tính và những vấn đề liên quan đến nội dung giáo dục này. Bên cạnh đó, người học sẽ phải thực hành để hình thành kỹ năng cần thiết để có thể làm tốt vai trò của nhà giáo dục, nhà tư vấn... về vấn đề giới tính trong tương lai. Thông qua học phần này, người học vừa được nâng cao kiến thức vừa có thể ứng dụng các kiến thức về giáo dục giới tính trong công tác tuyên truyền, giáo dục, tư vấn cho mọi người có nhu cầu trong xã hội.  | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 52 | Tâm sinh lý học                    | Học phần Tâm sinh lý học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở sinh lý của các hiện tượng tâm lý. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên hiểu và tiếp tục nghiên cứu về mối liên hệ chặt chẽ giữa tâm lý học và sinh lý học, vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn và trong nghề nghiệp tương lai.  | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 53 | Tổ chức hoạt động tư vấn học đường | Học phần giúp sinh viên nghiên cứu lý luận về hoạt động tư vấn học đường, trang bị những kiến thức cơ bản về tư vấn học đường: Mục tiêu, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung của tư vấn học đường, các yêu cầu đối người làm công tác tư vấn trong nhà trường.<br>Phân hướng dẫn thực hành giúp sinh viên bước đầu hình thành và luyện tập các kỹ năng tư vấn học đường cơ bản, hình thành kỹ năng tổ chức các hoạt tư vấn và điều hành hoạt động của phòng tư vấn trong nhà trường.  | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 54 | Thực tập nhận thức nghề nghiệp     | Thực tập nhận thức nghề nghiệp là học phần hỗ trợ sinh viên có điều kiện liên hệ các kiến thức đã học với thực tế. Thông qua học phần thực tập nhận thức nghề nghiệp, sinh viên được nghiên cứu, tìm hiểu đặc điểm tâm lý con người với nhiều đối tượng khác nhau: học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, trẻ mẫu giáo, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi, đối tượng nghiện ma túy, mại dâm; ...và các hoạt động giáo dục liên quan đến các đối tượng.   | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết |

|    |   |  |   |          |          |
|----|---|--|---|----------|----------|
| 55 | Tâm lý học quản trị kinh doanh            | Học phần Tâm lý học quản trị kinh doanh cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, các khái niệm phạm trù, các quy luật tâm lý trong quản trị kinh doanh. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có được những kỹ năng cần thiết để giải quyết có hiệu quả những nhiệm vụ trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp tương lai.   | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 56 | Tâm lý học gia đình                       | Học phần Tâm lý học gia đình bao gồm những kiến thức chung về gia đình; hôn nhân và quan hệ vợ chồng; ảnh hưởng của yếu tố tâm lý gia đình trước và sau khi đưa trẻ ra đời; nếp sống truyền thống, thói quen gia đình đối với sự hình thành nhân cách trẻ em; một số kiến thức cơ bản của tư vấn hôn nhân gia đình.  | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 57 | Tâm lý học trí tuệ                        | Học phần bao gồm những kiến thức chung của Tâm lý học trí tuệ: Một số hướng tiếp cận trí tuệ và các phương pháp nghiên cứu trí tuệ trong Tâm lý học; cấu trúc của trí tuệ; sự hình thành và phát triển trí tuệ qua các giai đoạn tuổi; các yếu tố tác động đến sự phát triển trí tuệ cá nhân; vấn đề chậm phát triển trí tuệ.  | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 58 | Tâm lý học sáng tạo                       | Học phần Tâm lý học sáng tạo trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sáng tạo và tâm lý học sáng tạo như: bản chất, cấu trúc, cơ chế và những quy luật của sự sáng tạo, hoạt động sáng tạo dưới góc nhìn tâm lý học... Các phương pháp và thủ thuật sáng tạo, phát triển tiềm năng sáng tạo, giáo dục sáng tạo cho sinh viên cũng như định hướng ứng dụng Tâm lý học sáng tạo vào trong hoạt động học tập và thực tiễn cuộc sống.   | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 59 | Tâm lý học tội phạm                       | Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản của Tâm lý học tội phạm: Các khái niệm cơ bản, phương pháp nghiên cứu; các khía cạnh tâm lý của tội phạm; tâm lý của chủ thể tham gia vào quá trình phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm.  | 2 | Học kỳ 6 | Thi viết |
| 60 | Phương pháp giảng dạy Tâm lý học giáo dục | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Phương pháp giảng dạy Tâm lý học Giáo dục, từ đó sinh viên hình thành các kỹ năng để tổ chức hoạt động dạy học: soạn giáo án, giảng dạy,...   | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 61 | Tâm lý học chẩn đoán                      | Học phần giúp sinh viên trang bị kiến thức chung về: những quan điểm cơ bản về lý luận và thực hành về chẩn đoán tâm lý người, các phương pháp và trắc nghiệm cơ bản để chẩn đoán tâm lý người. Từ đó, sinh viên vận dụng các trắc nghiệm để bước đầu chẩn đoán tâm lý.  | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 62 | Tư vấn cho học sinh có hành vi lệch chuẩn | Học phần giúp sinh viên trang bị kiến thức về các vấn đề về hành vi lệch chuẩn và kỹ năng tư vấn cho học sinh có hành vi lệch chuẩn trong nhà trường phổ thông hiện nay. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn giải quyết các vấn đề về hành vi lệch chuẩn của học sinh trong nhà trường. Đồng thời tích cực rèn luyện những phẩm chất và năng lực để có thể trở thành chuyên viên tư vấn tâm lý trong trường học.  | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 63 | Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật          | Nội dung học phần giúp người học tiếp cận với các quan điểm nhân văn trong xã hội hiện đại, trang bị những kiến thức cơ bản về một nền giáo dục hoà nhập, sự hỗ trợ và tham gia trong can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, tạo lập môi trường giáo dục hòa nhập thân thiện và hỗ trợ phát triển cho mọi trẻ em. Cùng với các nội dung lí thuyết là các bài tập thực hành và trải nghiệm với những kỹ năng cốt lõi về việc tìm hiểu trẻ khuyết tật, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, thiết kế bài học hiệu quả cho trẻ khuyết tật; cũng như có thái độ hợp tác và tin tưởng vào tiềm năng phát triển của trẻ em khuyết tật trong môi trường giáo dục hòa nhập. | 3 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 64 | Tâm lý học du lịch                        | Học giúp sinh viên trang bị kiến thức cơ bản về những vấn đề tâm lý trong hoạt động kinh doanh du lịch. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của cuộc sống thực tiễn và công việc trong tương lai.   | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 65 | Giáo dục gia đình                         | Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về gia đình như các loại gia đình, sự hình thành và phát triển của gia đình, các chức năng của gia đình và những kiến thức, kỹ năng cơ bản về vai trò quan trọng của giáo dục gia đình, những nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục trong gia đình và sự phối hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường.  | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 66 | Giáo dục nghề nghiệp                      | Học phần trang bị Cơ sở lý luận chung của hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Khái niệm, đặc điểm của giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội hiện nay, từ đó nêu ra những yêu cầu mới trong đào tạo nghề và hướng nghiệp); Giới thiệu hệ thống giáo dục đào tạo ở nước ta (mục tiêu, yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục nghề nghiệp; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hệ thống văn bằng, chứng chỉ...). Bên cạnh đó, học phần còn đề cập đến vấn đề đổi mới giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện nay. Giới thiệu hoạt động giáo dục nghề và hướng nghiệp ở phổ thông (mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp, hình                       | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |

|    |   |  |   |          |          |
|----|---|--|---|----------|----------|
|    |   | thức đánh giá...). Đi sâu hướng dẫn một số phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp làm cơ sở để người học vận dụng triển khai hoạt động này trong thực tiễn.  |   |          |          |
| 67 | Tâm lý học văn hóa                            | Học phân cung cấp những quan điểm khác nhau khi nghiên cứu về văn hoá, đặc biệt là quan điểm, cách tiếp cận của tâm lý học trong nghiên cứu văn hoá, xác định rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu tâm lý học văn hoá. Chỉ ra được mối quan hệ giữa văn hoá và sự phát triển tâm lý con người, các yếu tố giá trị, định hướng, thể giới quan, nhân sinh quan... được thể hiện trong lối sống. Hoạt động khoa học và nghệ thuật chính là sự sáng tạo các giá trị văn hoá. Bản chất của quá trình duy trì và phát triển các giá trị văn hoá thực hiện thông qua các hình thức truyền và tiếp nhận văn hoá. | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 68 | Giáo dục đạo đức                              | Học phân được cấu trúc 4 chương. Nội dung bao gồm: Những khái niệm cơ bản của đạo đức học, một số nội dung đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam   | 2 | Học kỳ 7 | Thi viết |
| 69 | Thực tập tốt nghiệp                           | Thực tập tốt nghiệp bao gồm những kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp và thực hành hoạt động nghề nghiệp tại cơ sở thực tập. Thông qua sự trải nghiệm thực tế về các hoạt động: nghiên cứu, giảng dạy, tham vấn tâm lý và một số hoạt động khác giúp sinh viên có sự hiểu biết đầy đủ hơn về nghề nghiệp tương lai.   | 5 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 70 | Khóa luận tốt nghiệp                          | Khóa luận tốt nghiệp bao gồm những kiến thức lý luận về phân mở đầu; nội dung; kết luận - kiến nghị; tài liệu tham khảo; phụ lục của một đề tài nghiên cứu và phần thực hành nghiên cứu một đề tài thuộc lĩnh vực tâm lý – giáo dục cụ thể.  | 6 | Học kỳ 8 | Thi viết |
|    | <i>Học phân thay thế khóa luận tốt nghiệp</i> |  |   | Học kỳ 8 |          |
| 71 | Tư vấn cho học sinh gặp khó khăn tâm lý       | Học phân Tư vấn cho học sinh gặp khó khăn tâm lý giúp sinh viên trang bị kiến thức về các vấn đề tư vấn cho học sinh gặp khó khăn tâm lý trong nhà trường phổ thông hiện nay. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn giải quyết các vấn đề về khó khăn tâm lý của học sinh trong nhà trường. Đồng thời tích cực rèn luyện những phẩm chất và năng lực để có thể trở thành người phục trách công tác tư vấn tâm lý trong trường học.  | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 72 | Tâm lý học quản lý                            | Học phân bao gồm những kiến thức về các học thuyết quản lý, đặc điểm tâm lý của chủ thể quản lý ( phẩm chất, năng lực, phong cách, uy tín người lãnh đạo...), đặc điểm tâm lý của đối tượng quản lý (động cơ làm việc người dưới quyền, dư luận tập thể, truyền thống tập thể, bầu không khí tâm lý trong tập thể, xung đột trong tập thể ..). Học phân cũng đề cập đến những vấn đề tâm lý trong đánh giá, tuyển chọn và sử dụng người lao động, những qui định và cách thức giao tiếp trong quản lý  | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 73 | Tâm lý học tư pháp                            | Học phân Tâm lý học tư pháp giới khái quát về: hoạt động tư pháp, đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học tư pháp, sơ lược lịch sử phát triển tâm lý học tư pháp trên thế giới và Việt Nam; các dạng hoạt động tâm lý trong công tác tư pháp, cơ sở tâm lý của hoạt động điều tra; cơ sở tâm lý của hoạt động xét xử; cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục và cải tạo phạm nhân; nhân cách tội phạm và nhóm tội phạm, cấu trúc tâm lý của hành vi phạm tội; đặc điểm lao động nghề nghiệp tư pháp, những phẩm chất tâm lý của cán bộ tư pháp.  | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 74 | Chiến lược phát triển con người               | Cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về quan điểm, chủ trương phát triển con người Việt Nam. Trên cơ sở đó có ý thức và biết cách tổ chức chương trình phát triển toàn diện con người  | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |
| 75 | Những vấn đề trong Tâm lý học hiện đại        | Học phân những vấn đề trong tâm lý học hiện đại cung cấp cho sinh viên hiểu biết về những hiện tượng tâm lý mới nảy sinh trong đời sống xã hội, những nghiên cứu cận tâm lý. Từ đó, thúc đẩy sinh viên tích cực tìm hiểu những nghiên cứu và giá trị tâm lý học mới và vận dụng trong công tác cũng như thực tiễn đời sống.  | 2 | Học kỳ 8 | Thi viết |

### 3. Ngành Đông phương học (trình độ đại học) (7310608)

#### 3.1. Chuyên ngành Nhật Bản học - Ngành Đông phương học (Khóa 47)

| TT | Tên môn học                         | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên   |
|----|-------------------------------------|---|------------|----------------------|--|
| 1  | Pháp luật đại cương                 | Học phần trình bày các vấn đề lí luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; trang bị cho người học kiến thức đại cương về các vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu nhà nước; Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu pháp luật; Cơ chế điều chỉnh pháp luật...  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)  |
| 2  | Triết học Mác -Lênin                | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận triết học Mác - Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác - Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý. Đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử.  | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)n |
| 3  | Tin học cơ sở                       | Cung cấp kiến thức cơ bản về tin học  | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)  |
| 4  | Tiếng Anh 1                         | Cung cấp kiến thức tiếng Anh căn bản  | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)  |
| 5  | Tiếng Nhật 1                        | Giúp sinh viên bước đầu làm quen với tiếng Nhật: nắm được quy tắc viết chữ Nhật, đọc tiếng Nhật; nắm những cách giao tiếp kiểu Nhật, văn hóa giao tiếp của người Nhật   | 4          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)  |
| 6  | Lịch sử văn minh thế giới           | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành, quá trình phát triển và thành tựu của những nền văn minh tiêu biểu ở phương Đông, phương Tây qua từng thời kỳ lịch sử. Trên cơ sở này, sinh viên bước đầu nhận biết các khái niệm cơ bản: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp, tiếp biến văn minh, va chạm văn minh. Từ đó giúp sinh viên nhận thức được nét đặc thù và tính phổ quát cũng như quy luật cơ bản phát triển của văn minh nhân loại.                            | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)  |
| 7  | <i>Giáo dục thể chất 1 (1/7 HP)</i> | <i>Rèn luyện thể lực</i>  | 1          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần              |
| 8  | Kinh tế chính trị Mác -Lênin        | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kinh tế-chính trị học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư;; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.   | 2          | HK2                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)  |
| 9  | Khu vực học đại cương               | Trên cơ sở cung cấp những hiểu biết cơ bản về các khái niệm: Khu vực, khu vực học, không gian địa lý, không gian văn hóa, chủ nghĩa khu vực..., học phần giúp sinh viên bước đầu hiểu biết có hệ thống về khoa học nghiên cứu quốc tế theo hệ thống khu vực; làm quen với cách tiếp cận “khu vực học” trong nghiên cứu các vấn đề thế giới. Học phần giúp sinh viên nắm vững những đặc điểm nổi bật của hai khu vực phương Đông và phương Tây như điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội, văn hóa chính trị, quan hệ quốc tế khu vực... | 3          | HK2                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)  |
| 10 | Kỹ năng giao tiếp                   | Trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện kỹ năng cơ bản cho sinh viên trong quá trình học và trong sinh hoạt thực tiễn.   | 2          | HK2                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm   |

|    |                                     |   |   |     |   |
|----|-------------------------------------|---|---|-----|---|
|    |                                     |   |   |     | quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)  |
| 11 | Tiếng Anh 2                         | Người đọc thông hiểu những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng và đọc hiểu văn bản tiếng Anh   | 4 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 12 | Tiếng Nhật 2                        | Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng học Nhật ngữ làm nền tảng để tìm hiểu văn hóa Nhật chuẩn bị năng lực giao tiếp, biên, phiên dịch...  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 13 | Lịch sử tư tưởng phương Đông        | “Lịch sử phương Đông” là học phần thuộc khối Kiến thức cơ sở ngành trong Chương trình đào tạo Đông phương học hướng ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử phương Đông (châu Á) trên hai phương diện chính, gồm: kiến thức về tiến trình lịch sử và kiến thức về các đặc trưng riêng có của phương Đông (so với phương Tây). Học phần được xây dựng theo hướng tiếp cận khu vực học nên đặc biệt nhấn mạnh đến các kiến thức lịch sử có tính đặc thù như: Các mô hình nhà nước phương Đông; lịch sử chính trị phương Đông và lịch sử kinh tế phương Đông. | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 14 | <i>Giáo dục thể chất 2 (1/7 HP)</i> | <i>Rèn luyện thể lực</i>  | 1 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |

### 3.2. Chuyên ngành Trung Quốc học - Ngành Đông phương học (Khóa 47)

| TT | Tên môn học          | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên  |
|----|----------------------|--|------------|----------------------|---|
| 1  | Pháp luật đại cương  | Học phần trình bày các vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; trang bị cho người học kiến thức đại cương về các vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu nhà nước; Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu pháp luật; Cơ chế điều chỉnh pháp luật...   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 2  | Triết học Mác -Lênin | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận triết học Mác - Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác - Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý. đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử. | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 3  | Tin học cơ sở        | Cung cấp kiến thức cơ bản về tin học   | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 4  | Tiếng Anh 1          | Cung cấp kiến thức tiếng Anh căn bản   | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |



|    |                               |   |   |     |   |
|----|-------------------------------|---|---|-----|---|
| 5  | Tiếng Trung 1                 | Học phần Tiếng Trung 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Trung, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp sinh viên phương pháp học tiếng Trung có hiệu quả. Là học phần đầu tiên đào tạo cung cấp kiến thức khối ngành và cơ sở.  | 4 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 6  | Lịch sử văn minh thế giới     | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành, quá trình phát triển và thành tựu của những nền văn minh tiêu biểu ở phương Đông, phương Tây qua từng thời kỳ lịch sử. Trên cơ sở này, sinh viên bước đầu nhận biết các khái niệm cơ bản: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp, tiếp biến văn minh, va chạm văn minh. Từ đó giúp sinh viên nhận thức được nét đặc thù và tính phổ quát cũng như quy luật cơ bản phát triển của văn minh nhân loại.  | 3 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 7  | Giáo dục thể chất 1 (1/7 HP)  | Rèn luyện thể lực   | 1 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |
| 8  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kinh tế-chính trị học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 9  | Khu vực học đại cương         | Trên cơ sở cung cấp những hiểu biết cơ bản về các khái niệm: Khu vực, khu vực học, không gian địa lý, không gian văn hóa, chủ nghĩa khu vực..., học phần giúp sinh viên bước đầu hiểu biết có hệ thống về khoa học nghiên cứu quốc tế theo hệ thống khu vực; làm quen với cách tiếp cận "khu vực học" trong nghiên cứu các vấn đề thế giới. Học phần giúp sinh viên nắm vững những đặc điểm nổi bật của hai khu vực phương Đông và phương Tây như điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội, văn hóa chính trị, quan hệ quốc tế khu vực...   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 10 | Kỹ năng giao tiếp             | Trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện kỹ năng cơ bản cho sinh viên trong quá trình học và trong sinh hoạt thực tiễn.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 11 | Tiếng Anh 2                   | Người đọc thông hiểu những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng và đọc hiểu văn bản tiếng Anh   | 4 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 12 | Tiếng Trung 2                 | Học phần Tiếng Trung 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Trung, phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp học viên phương pháp học tiếng Trung có hiệu quả. Là học phần tiếp theo của học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1.   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 13 | Lịch sử tư tưởng phương Đông  | "Lịch sử phương Đông" là học phần thuộc khối Kiến thức cơ sở ngành trong Chương trình đào tạo Đông phương học hướng ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử phương Đông (châu Á) trên hai phương diện chính, gồm: kiến thức về tiến trình lịch sử và kiến thức về các đặc trưng riêng có của phương Đông (so với phương Tây). Học phần được xây dựng theo hướng tiếp cận khu vực học nên đặc biệt nhấn mạnh đến các kiến thức lịch sử có tính đặc thù như: Các mô hình nhà nước phương Đông; lịch sử chính trị phương Đông và lịch sử kinh tế phương Đông. | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 14 | Giáo dục thể chất 2 (1/7 HP)  | Rèn luyện thể lực   | 1 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc                      |

|  |  |  |  |  |          |
|--|--|--|--|--|----------|
|  |  |  |  |  | học phần |
|--|--|--|--|--|----------|

### 3.3. Chuyên ngành Hàn Quốc học - Ngành Đông phương học (Khóa 47)

| TT | Tên môn học                  | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên  |
|----|------------------------------|--|------------|----------------------|---|
| 1  | Pháp luật đại cương          | Học phần trình bày các vấn đề lí luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; trang bị cho người học kiến thức đại cương về các vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu nhà nước; Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu pháp luật; Cơ chế điều chỉnh pháp luật...   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 2  | Triết học Mác -Lênin         | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lí luận triết học Mác - Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác - Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý. đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử.   | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 3  | Tin học cơ sở                | Cung cấp kiến thức cơ bản về tin học   | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 4  | Tiếng Anh 1                  | Cung cấp kiến thức tiếng Anh căn bản   | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 5  | Tiếng Hàn 1                  | Giúp sinh viên bước đầu làm quen với tiếng Hàn, nắm được quy tắc viết chữ Hàn, đọc tiếng Hàn; nắm được văn hóa giao tiếp của người Hàn Quốc.   | 4          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 6  | Lịch sử văn minh thế giới    | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành, quá trình phát triển và thành tựu của những nền văn minh tiêu biểu ở phương Đông, phương Tây qua từng thời kỳ lịch sử. Trên cơ sở này, sinh viên bước đầu nhận biết các khái niệm cơ bản: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp, tiếp biến văn minh, va chạm văn minh. Từ đó giúp sinh viên nhận thức được nét đặc thù và tính phổ quát cũng như quy luật cơ bản phát triển của văn minh nhân loại. | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 7  | Giáo dục thể chất 1 (1/7 HP) | Rèn luyện thể lực  | 1          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |

|    |                               |   |   |     |   |
|----|-------------------------------|---|---|-----|---|
| 8  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kinh tế-chính trị học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư ;Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 9  | Khu vực học đại cương         | Trên cơ sở cung cấp những hiểu biết cơ bản về các khái niệm: Khu vực, khu vực học, không gian địa lý, không gian văn hóa, chủ nghĩa khu vực..., học phần giúp sinh viên bước đầu hiểu biết có hệ thống về khoa học nghiên cứu quốc tế theo hệ thống khu vực; làm quen với cách tiếp cận “khu vực học” trong nghiên cứu các vấn đề thế giới. Học phần giúp sinh viên nắm vững những đặc điểm nổi bật của hai khu vực phương Đông và phương Tây như điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội, văn hóa chính trị, quan hệ quốc tế khu vực...   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 10 | Kỹ năng giao tiếp             | Trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện kỹ năng cơ bản cho sinh viên trong quá trình học và trong sinh hoạt thực tiễn.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 11 | Tiếng Anh 2                   | Người đọc thông hiểu những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng và đọc hiểu văn bản tiếng Anh   | 4 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 12 | Tiếng Hàn 2                   | Cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Hàn về các kỹ năng cơ bản trong cuộc sống, về gia đình, các sở thích của bản thân, sức khỏe và du lịch. Từ đây sẽ trang bị cho sinh viên thêm nhiều ngữ pháp và từ vựng hơn để các em có vốn từ phong phú, kỹ năng giao tiếp thuần thục hơn trong cuộc sống.   | 4 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 13 | Lịch sử tư tưởng phương Đông  | “Lịch sử phương Đông” là học phần thuộc khối Kiến thức cơ sở ngành trong Chương trình đào tạo Đông phương học hướng ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử phương Đông (châu Á) trên hai phương diện chính, gồm: kiến thức về tiến trình lịch sử và kiến thức về các đặc trưng riêng có của phương Đông (so với phương Tây). Học phần được xây dựng theo hướng tiếp cận khu vực học nên đặc biệt nhấn mạnh đến các kiến thức lịch sử có tính đặc thù như: Các mô hình nhà nước phương Đông; lịch sử chính trị phương Đông và lịch sử kinh tế phương Đông. | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 14 | Giáo dục thể chất 2 (1/7 HP)  | Rèn luyện thể lực   | 1 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |

### 3.4. Chuyên ngành Nhật Bản học - Ngành Đông phương học (Khóa 46)

| TT | Tên môn học                        | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên  |
|----|------------------------------------|---|------------|----------------------|---|
| 1  | Chủ nghĩa xã hội khoa học          | Trình bày quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN...  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 2  | Nhập môn Quan hệ quốc tế           | Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản: quan hệ quốc tế, hệ thống quan hệ quốc tế, trật tự quan hệ quốc tế, chủ thể quan hệ quốc tế, kiểu quan hệ quốc tế, chính sách ngoại giao, đường lối đối ngoại... và những kiến thức cơ bản về lý luận quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, đi sâu khảo các mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc; các trào lưu chính trị - xã hội, các tổ chức quốc tế trong thời đại ngày nay, vai trò, vị thế, xu hướng vận động của từng chủ thể trong quan hệ quốc tế. Học phần còn giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh về hệ thống quan hệ quốc tế, trật tự quan hệ quốc tế, chủ thể quan hệ quốc tế, các kiểu quan hệ quốc tế qua các thời đại.   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 3  | Di sản văn hóa và Lịch sử Việt Nam | Di sản văn hóa và Lịch sử Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay. Qua đó, học phần giúp sinh viên nhận thức được quá trình lịch sử và truyền thống yêu nước, tinh thần lao động, sáng tạo của nhân dân Việt Nam qua các thời kỳ; đồng thời học phần đưa những giải pháp để bảo tồn và phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.   | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 4  | Lịch sử phương Đông                | “Lịch sử phương Đông” là học phần thuộc khối Kiến thức cơ sở ngành trong Chương trình đào tạo Đông phương học hướng ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử phương Đông (châu Á) trên hai phương diện chính, gồm: kiến thức về tiến trình lịch sử và kiến thức về các đặc trưng riêng có của phương Đông (so với phương Tây). Học phần được xây dựng theo hướng tiếp cận khu vực học nên đặc biệt nhấn mạnh đến các kiến thức lịch sử có tính đặc thù như: Các mô hình nhà nước phương Đông; lịch sử chính trị phương Đông và lịch sử kinh tế phương Đông. Do Chương trình đào tạo còn có các học phần: Lịch sử tư tưởng phương Đông, Thể chế chính trị các nước phương Đông, Lịch sử văn minh thế giới, Lịch sử Trung Quốc, Nhật Bản... nên học phần này không đi sâu các lĩnh vực tư tưởng văn hóa, thể chế nhà nước và hạn chế tiếp cận đất nước học. | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 5  | Tiếng Nhật 3                       | Học phần giúp sinh viên nắm được ngữ pháp tiếng Nhật từ đơn giản đến phức tạp; hiểu và nắm các mẫu câu trong các văn bản, đoạn văn bằng tiếng Nhật; nắm được văn phong tiếng Nhật và qua đó có thể viết được các văn bản bằng tiếng Nhật đúng ngữ pháp.   | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 6  | Thực hành dịch – viết tiếng Nhật 1 | Học phần cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức về ngữ pháp tiếng Nhật từ đơn giản dần đến phức tạp cho sinh viên. Sinh viên bước đầu làm quen với cách sử dụng từ, ngữ pháp và thứ tự các thành tố trong câu tiếng Nhật, giúp cho sinh viên hiểu các bài viết trình độ N4 của người Nhật, qua đó thực hành khả năng dịch viết. Sinh viên bước đầu làm quen với văn phong tiếng Nhật và qua đó có thể viết được các văn bản bằng tiếng Nhật đúng ngữ pháp.  | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |

|    |                                       |   |   |     |   |
|----|---------------------------------------|---|---|-----|---|
| 7  | Giáo dục thể chất 3 (1/7 HP)          | Rèn luyện thể lực   | 1 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |
| 8  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam        | Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và các lĩnh vực cụ thể trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 9  | Quan hệ quốc tế ở Đông Bắc Á          | Học phần cung cấp cho sinh viên những nét đặc trưng về địa - chiến lược khu vực Đông Bắc Á và những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế ở khu vực này từ thời tiền thực dân đến nay. Trên cơ sở đó, học phần đi sâu khảo những mối quan hệ quốc tế cơ bản, phức tạp giữa các chủ thể ở khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên, nhất là giai đoạn từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Học phần còn giúp sinh viên đánh giá bản chất mối quan hệ giữa các chủ thể và dự báo xu hướng vận động của quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á trong thời gian tới.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 10 | Cơ sở văn hóa Việt Nam                | Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam với các thành tố cơ bản thể hiện trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội thông qua văn hóa ứng xử. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời biết vận dụng và phát huy những giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay. | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 11 | Nhân học đại cương                    | Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản liên quan đến cuộc sống con người như nguồn gốc loài người, các chủng tộc trên thế giới, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, hệ thống thân tộc, các tổ chức hiệp hội xã hội... Nhân học xem xét tất cả các vấn đề đó tác động đến cuộc sống con người trong các xã hội khác nhau như thế nào. Những nội dung sẽ được tập trung nhấn mạnh trong học phần là: Những vấn đề chung của Nhân học; Các chủng tộc trên thế giới; Các thiết chế xã hội; Các tộc người ở Việt Nam và cộng đồng dân tộc Việt Nam.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 12 | Đông Á trong thời kỳ hội nhập quốc tế | Trên cơ sở trang bị cho sinh viên khái niệm "hội nhập quốc tế" và lịch sử hội nhập quốc tế cũng như tiềm năng tham dự hội nhập quốc tế của các quốc gia Đông Á, học phần hướng dẫn sinh viên tìm hiểu và nắm vững các nội dung sau: sự phát triển thần kỳ và vai trò của Đông Á trong quá trình hội nhập quốc tế; thực trạng hội nhập khu vực và hội nhập toàn cầu của các nước Đông Á. Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành Đông phương học.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 13 | Tiếng Nhật 4                          | Học phần cung cấp cho người học lượng kiến thức cơ bản về ngữ pháp, đọc hiểu, nghe nói ở trình độ trung cấp tiếng Nhật. Kết thúc kỳ học này, sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Nhật ở mức tương đối tốt để đọc các văn bản và giao tiếp hàng ngày.  | 4 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 14 | Thực hành dịch - viết tiếng Nhật 2    | Dựa trên học phần Thực hành dịch viết 2, chương trình cung cấp thêm cho sinh viên lượng kiến thức về ngữ pháp tiếng Nhật cho sinh viên. Sinh viên thực hành nâng cao với cách sử dụng từ, ngữ pháp và thứ tự các thành tố trong câu tiếng Nhật, giúp cho sinh viên hiểu các bài viết trình độ N3 của người Nhật, qua đó thực hành khả năng dịch viết. Sinh viên bước đầu làm quen với văn phong tiếng Nhật và qua đó có thể viết được các văn bản bằng tiếng Nhật đúng ngữ pháp.  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 15 | Thực hành dịch - nói tiếng Nhật 1     | Học phần giúp cho sinh viên nắm vững các khái niệm, nắm vững cách phát âm, ngữ điệu trong tiếng Nhật. Đồng thời giúp sinh viên tạo phản xạ và tự tin khi phiên dịch nói. Góp phần giúp sinh viên hình thành được khả năng nghe hiểu và phát âm tiếng Nhật cũng như kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật mức độ giao tiếp thông thường với   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc                |

|    |                                      |  |   |     |   |
|----|--------------------------------------|--|---|-----|---|
|    |                                      | người Nhật về các lĩnh vực như: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, ngoại giao, du lịch...  |   |     | học phần (60%)  |
| 16 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 1</i> | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.                              | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần |
| 17 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 2</i> | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực địch đối với cách mạng Việt Nam..  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần |
| 18 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 3</i> | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP - AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống. | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần |
| 19 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 4</i> | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần |

### 3.5. Chuyên ngành Trung Quốc học - Ngành Đông phương học (Khóa 46)

| TT | Tên môn học                        | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên  |
|----|------------------------------------|---|------------|----------------------|---|
| 1  | Chủ nghĩa xã hội khoa học          | Trình bày quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH; Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN...  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 2  | Nhập môn Quan hệ quốc tế           | Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản: quan hệ quốc tế, hệ thống quan hệ quốc tế, trật tự quan hệ quốc tế, chủ thể quan hệ quốc tế, kiểu quan hệ quốc tế, chính sách ngoại giao, đường lối đối ngoại... và những kiến thức cơ bản về lý luận quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, đi sâu khảo các mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc; các trào lưu chính trị - xã hội, các tổ chức quốc tế trong thời đại ngày nay, vai trò, vị thế, xu hướng vận động của từng chủ thể trong quan hệ quốc tế. Học phần còn giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh về hệ thống quan hệ quốc tế, trật tự quan hệ quốc tế, chủ thể quan hệ quốc tế, các kiểu quan hệ quốc tế qua các thời đại. | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 3  | Di sản văn hóa và Lịch sử Việt Nam | Di sản văn hóa và Lịch sử Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay. Qua đó, học phần giúp sinh viên nhận thức được quá trình lịch sử và truyền thống yêu nước, tinh thần lao động, sáng tạo của nhân dân Việt Nam qua các   | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |

|    |                                |   |   |     |   |
|----|--------------------------------|---|---|-----|---|
|    |                                | thời kỳ; đồng thời học phần đưa những giải pháp để bảo tồn và phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.   |   |     |   |
| 4  | Lịch sử phương Đông            | “Lịch sử phương Đông” là học phần thuộc khối Kiến thức cơ sở ngành trong Chương trình đào tạo Đông phương học hướng ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử phương Đông (châu Á) trên hai phương diện chính, gồm: kiến thức về tiến trình lịch sử và kiến thức về các đặc trưng riêng có của phương Đông (so với phương Tây). Học phần được xây dựng theo hướng tiếp cận khu vực học nên đặc biệt nhấn mạnh đến các kiến thức lịch sử có tính đặc thù như: Các mô hình nhà nước phương Đông; lịch sử chính trị phương Đông và lịch sử kinh tế phương Đông. Do Chương trình đào tạo còn có các học phần: Lịch sử tư tưởng phương Đông, Thể chế chính trị các nước phương Đông, Lịch sử văn minh thế giới, Lịch sử Trung Quốc, Nhật Bản... nên học phần này không đi sâu các lĩnh vực tư tưởng văn hóa, thể chế nhà nước và hạn chế tiếp cận đất nước học. | 3 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 5  | Tiếng Trung 3                  | Học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3 gồm 12 của Giáo trình Hán ngữ tập 2 quyển 3 được giáo viên soạn riêng cho học phần Tiếng Trung 3, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Trung, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp học viên phương pháp học tiếng Trung có hiệu quả. Là học phần tiếp theo của học phần Tiếng Trung 2 cung cấp kiến thức khối ngành và cơ sở ngành. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho sinh viên năng lực giao tiếp ở trình độ ở trình độ đầu hsk3, bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức về văn hoá Trung Quốc và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Cụ thể như sau: Các kiến thức về từ vựng, khoảng 400 từ vựng, 150 mẫu câu đơn giản, thường dùng trong giao tiếp, các điểm ngữ pháp cơ bản.   | 3 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 6  | Đọc viết tiếng Trung 1         | Là học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc. Thông qua các bài đọc, giới thiệu cho sinh viên các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp cơ bản, để từ đó, hướng dẫn sinh viên đặt câu, viết câu, viết đoạn văn có chủ đề liên quan đến các bài đọc.  | 3 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 7  | Giáo dục thể chất 3 (1/7 HP)   | Rèn luyện thể lực   | 1 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |
| 8  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và các lĩnh vực cụ thể trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 9  | Quan hệ quốc tế ở Đông Bắc Á   | Học phần cung cấp cho sinh viên những nét đặc trưng về địa - chiến lược khu vực Đông Bắc Á và những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế ở khu vực này từ thời tiền thực dân đến nay. Trên cơ sở đó, học phần đi sâu khảo những mối quan hệ quốc tế cơ bản, phức tạp giữa các chủ thể ở khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên, nhất là giai đoạn từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Học phần còn giúp sinh viên đánh giá bản chất mối quan hệ giữa các chủ thể và dự báo xu hướng vận động của quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á trong thời gian tới.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 10 | Cơ sở văn hóa Việt Nam         | Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm:  |

|    |                                       |  |   |     |  |
|----|---------------------------------------|--|---|-----|--|
|    |                                       | chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam với các thành tố cơ bản thể hiện trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội thông qua văn hóa ứng xử. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời biết vận dụng và phát huy những giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay. |   |     | định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)                          |
| 11 | Nhân học đại cương                    | Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản liên quan đến cuộc sống con người như nguồn gốc loài người, các chủng tộc trên thế giới, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, hệ thống thân tộc, các tổ chức hiệp hội xã hội... Nhân học xem xét tất cả các vấn đề đó tác động đến cuộc sống con người trong các xã hội khác nhau như thế nào. Những nội dung sẽ được tập trung nhấn mạnh trong học phần là: Những vấn đề chung của Nhân học; Các chủng tộc trên thế giới; Các thiết chế xã hội; Các tộc người ở Việt Nam và cộng đồng dân tộc Việt Nam.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 12 | Đông Á trong thời kỳ hội nhập quốc tế | Trên cơ sở trang bị cho sinh viên khái niệm “hội nhập quốc tế” và lịch sử hội nhập quốc tế cũng như tiềm năng tham dự hội nhập quốc tế của các quốc gia Đông Á, học phần hướng dẫn sinh viên tìm hiểu và nắm vững các nội dung sau: sự phát triển thần kỳ và vai trò của Đông Á trong quá trình hội nhập quốc tế; thực trạng hội nhập khu vực và hội nhập toàn cầu của các nước Đông Á. Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành Đông phương học.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 13 | Tiếng Trung 4                         | Mục đích của học phần nhằm trang bị cho sinh viên năng lực giao tiếp ở trình độ ở trình độ đầu hsk4, bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức về văn hoá Trung Quốc và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Cụ thể như sau: Các kiến thức về từ vựng, khoảng 400 từ vựng, các điểm ngữ pháp...  | 4 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 14 | Đọc viết tiếng Trung 2                | Là học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc. Thông qua các bài đọc trang bị cho người học các kỹ năng đọc lướt, đọc mục lục, đọc đề mục, đọc kỹ nội dung và các phương thức phán đoán từ mới để vận dụng vào việc luyện tập đọc hiểu các bài khóa với chủ đề đa dạng phong phú các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp cơ bản, để từ đó, hướng dẫn sinh viên đặt câu, viết câu, viết đoạn văn có chủ đề liên quan đến các bài đọc.   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 15 | Nghe nói tiếng Trung 1                | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về nghe và nói tiếng Trung Quốc, các bài luyện tập về thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu giúp sinh viên có khả năng nhận biết và phân biệt chính xác phiên âm, qua đó có thể phát âm chuẩn xác. Thông qua bài tập mô phỏng hội thoại, sinh viên có thể thực hiện những câu giao tiếp đơn giản.  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 16 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 1</i>  | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |
| 17 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 2</i>  | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam..  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |
| 18 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 3</i>  | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các quân, binh chủng trong quân  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm:   |



|    |                               |  |   |     |   |
|----|-------------------------------|--|---|-----|---|
|    |                               | đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP - AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống. |   |     | định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần                             |
| 19 | Giáo dục quốc phòng an ninh 4 | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm:<br>định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần |

### 3.6. Chuyên ngành Hàn Quốc học - Ngành Đông phương học (Khóa 46)

| TT | Tên môn học                        | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên  |
|----|------------------------------------|---|------------|----------------------|---|
| 1  | Chủ nghĩa xã hội khoa học          | Trình bày quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH; Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN...  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm:<br>định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 2  | Nhập môn Quan hệ quốc tế           | Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản: quan hệ quốc tế, hệ thống quan hệ quốc tế, trật tự quan hệ quốc tế, chủ thể quan hệ quốc tế, kiểu quan hệ quốc tế, chính sách ngoại giao, đường lối đối ngoại... và những kiến thức cơ bản về lý luận quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, đi sâu khảo các mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc; các trào lưu chính trị - xã hội, các tổ chức quốc tế trong thời đại ngày nay, vai trò, vị thế, xu hướng vận động của từng chủ thể trong quan hệ quốc tế. Học phần còn giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh về hệ thống quan hệ quốc tế, trật tự quan hệ quốc tế, chủ thể quan hệ quốc tế, các kiểu quan hệ quốc tế qua các thời đại.   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm:<br>định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 3  | Di sản văn hóa và Lịch sử Việt Nam | Di sản văn hóa và Lịch sử Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay. Qua đó, học phần giúp sinh viên nhận thức được quá trình lịch sử và truyền thống yêu nước, tinh thần lao động, sáng tạo của nhân dân Việt Nam qua các thời kỳ; đồng thời học phần đưa những giải pháp để bảo tồn và phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.   | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm:<br>định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 4  | Lịch sử phương Đông                | "Lịch sử phương Đông" là học phần thuộc khối Kiến thức cơ sở ngành trong Chương trình đào tạo Đông phương học hướng ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử phương Đông (châu Á) trên hai phương diện chính, gồm: kiến thức về tiến trình lịch sử và kiến thức về các đặc trưng riêng có của phương Đông (so với phương Tây). Học phần được xây dựng theo hướng tiếp cận khu vực học nên đặc biệt nhấn mạnh đến các kiến thức lịch sử có tính đặc thù như: Các mô hình nhà nước phương Đông; lịch sử chính trị phương Đông và lịch sử kinh tế phương Đông. Do Chương trình đào tạo còn có các học phần: Lịch sử tư tưởng phương Đông, Thể chế chính trị các nước phương Đông, Lịch sử văn minh thế giới, Lịch sử Trung Quốc, Nhật Bản... nên học phần này không đi sâu các lĩnh vực tư tưởng văn hóa, thể chế nhà nước và hạn chế tiếp cận đất nước học. | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm:<br>định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |

|    |                                |   |   |     |   |
|----|--------------------------------|---|---|-----|---|
| 5  | Tiếng Hàn 3                    | Học phần tiếng Hàn sơ cấp 3 cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng tiếng Hàn cơ bản ở nơi công cộng và trang bị kỹ năng cho các em trong việc đối ứng tình huống và hội thoại cơ bản của tiếng Hàn tiêu chuẩn sơ cấp 2. Hoàn thành học phần này các em sẽ sử dụng thành thạo các mẫu câu và từ vựng cũng như ngữ pháp cho các học phần xử lý tình huống nơi công cộng và đối thoại với bạn bè cũng như giới thiệu cho sinh viên kiến thức tiếng Hàn về các kỹ năng hỏi đáp xung quanh nhiều chủ đề đa dạng trong cuộc sống và bổ sung thêm vốn ngữ pháp và từ vựng hơn để các em có vốn từ phong phú, kỹ năng giao tiếp thuận thực hơn trong cuộc sống.   | 4 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 6  | Tiếng Hàn 4                    | Học phần tiếng Hàn sơ cấp 4 gồm 14 bài giảng về 14 chủ đề với các nhiều từ vựng phong phú và các mẫu hội thoại xung quanh 14 chủ đề cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng tiếng Hàn ở nơi công cộng và trang bị kỹ năng cho các em trong việc đối ứng tình huống và hội thoại cơ bản của tiếng Hàn tiêu chuẩn sơ cấp. Hoàn thành học phần này các em sẽ sử dụng thành thạo các mẫu câu và từ vựng cũng như ngữ pháp cho các học phần xử lý tình huống hội thoại về các đề tài nâng cao hơn như thời trang và điện ảnh cũng như những chủ đề sự khác biệt văn hóa hay tính cách mỗi cá nhân. Học phần cũng nâng cao cho các em các kỹ năng nghe nói đọc viết và các kiến thức tiếng Hàn về các kỹ năng hỏi đáp xung quanh nhiều chủ đề đa dạng trong cuộc sống. | 4 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 7  | Giáo dục thể chất 3 (1/7 HP)   | Rèn luyện thể lực   | 1 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |
| 8  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và các lĩnh vực cụ thể trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 9  | Quan hệ quốc tế ở Đông Bắc Á   | Học phần cung cấp cho sinh viên những nét đặc trưng về địa - chiến lược khu vực Đông Bắc Á và những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế ở khu vực này từ thời tiền thực dân đến nay. Trên cơ sở đó, học phần đi sâu khảo những mối quan hệ quốc tế cơ bản, phức tạp giữa các chủ thể ở khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên, nhất là giai đoạn từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Học phần còn giúp sinh viên đánh giá bản chất mối quan hệ giữa các chủ thể và dự báo xu hướng vận động của quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á trong thời gian tới.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 10 | Cơ sở văn hóa Việt Nam         | Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam với các thành tố cơ bản thể hiện trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội thông qua văn hóa ứng xử. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời biết vận dụng và phát huy những giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 11 | Nhân học đại cương             | Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản liên quan đến cuộc sống con người như nguồn gốc loài người, các chủng tộc trên thế giới, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, hệ thống thân tộc, các tổ chức hiệp hội xã hội... Nhân học xem xét tất cả các vấn đề đó tác động đến cuộc sống con người trong các xã hội khác nhau như thế nào. Những nội dung sẽ được tập trung nhấn mạnh trong học   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần       |

|    |                                       |   |   |     |   |
|----|---------------------------------------|---|---|-----|---|
|    |                                       | phần là: Những vấn đề chung của Nhân học; Các chủng tộc trên thế giới; Các thiết chế xã hội; Các tộc người ở Việt Nam và cộng đồng dân tộc Việt Nam.  |   |     | (60%)   |
| 12 | Đông Á trong thời kỳ hội nhập quốc tế | Trên cơ sở trang bị cho sinh viên khái niệm “hội nhập quốc tế” và lịch sử hội nhập quốc tế cũng như tiềm năng tham dự hội nhập quốc tế của các quốc gia Đông Á, học phần hướng dẫn sinh viên tìm hiểu và nắm vững các nội dung sau: sự phát triển thần kỳ và vai trò của Đông Á trong quá trình hội nhập quốc tế; thực trạng hội nhập khu vực và hội nhập toàn cầu của các nước Đông Á. Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến cơ sở ngành và khối ngành Đông phương học.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 13 | Tiếng Hàn 5                           | Học phần tiếng Hàn sơ cấp 5 gồm 14 bài giảng về 14 chủ đề với các nhiều từ vựng phong phú và các mẫu hội thoại xung quanh 14 chủ đề cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng tiếng Hàn trung cấp trong đời sống và trang bị kỹ năng cho các em trong việc đối ứng tình huống và hội thoại của tiếng Hàn tiêu chuẩn trung cấp. Hoàn thành học phần này các em sẽ sử dụng thành thạo các mẫu câu và từ vựng cũng như ngữ pháp cho các học phần xử lý tình huống hội thoại về các đề tài nâng cao hơn như văn hóa lễ tết, ngày kỉ niệm và cách giao tiếp nhờ vả hay từ chối lời mời của đối phương. Học viên thành thạo tiếng Hàn hơn và giao tiếp nâng cao hơn. | 4 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 14 | Tiếng Hàn 6                           | Học phần tiếng Hàn nâng cao 6 gồm 14 bài giảng về 14 chủ đề với các nhiều từ vựng phong phú và các mẫu hội thoại xung quanh 14 chủ đề cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng tiếng Hàn cấp 3 theo tiêu chuẩn tiếng Hàn Quốc. Hoàn thành học phần này học viên có thể giao tiếp mạch lạc các vấn đề trong xã hội, trong đời sống và trang bị kỹ năng cho các em trong việc đối ứng tình huống và hội thoại của tiếng Hàn, Các em cũng sẽ sử dụng thành thạo các mẫu câu và từ vựng cũng như ngữ pháp cho các học phần xử lý tình huống hội thoại về các đề tài mà bản thân quan tâm một cách hoàn chỉnh.   | 4 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 15 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 1</i>  | Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |
| 16 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 2</i>  | Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam..   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |
| 17 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 3</i>  | Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP - AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |
| 18 | <i>Giáo dục quốc phòng an ninh 4</i>  | Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiên công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |

## 3.7. Chuyên ngành Hàn Quốc học – Ngành Đông phương học (Khóa 45)

| TT | Tên môn học                               | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên  |
|----|---|--|------------|----------------------|---|
| 1  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                      | Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 2  | Kinh tế Đông Bắc Á đương đại              | Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 3  | Địa lý và cư dân Đông Bắc Á               | Dựa trên kiến thức tổng hợp, kết hợp đi sâu nghiên cứu, giúp sinh viên nắm được những nét chính yếu và đặc trưng riêng có về địa lý (địa hình, khí hậu...) và về dân cư (tộc người, văn hóa...) của khu vực Đông Bắc Á   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 4  | Khởi nghiệp                               | Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; Đồng thời, trang bị những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 5  | Nghiệp vụ ngoại thương                    | Học phần đề cập đến các nội dung về khái niệm và các phương thức giao dịch trong hoạt động ngoại thương; các điều kiện thương mại quốc tế; các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu; kỹ thuật đàm phán, xây dựng hợp đồng và tổ chức thực hiện các thương vụ mua bán hàng hóa quốc tế.   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 6  | Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt     | Học phần sẽ cung cấp tới người học những tri thức cần thiết cho việc sử dụng tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp, nhất là hoạt động giao tiếp bằng văn bản. Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt gồm 4 nội dung cơ bản, được triển khai trong 4 chương. Chương một: 1/Giới thiệu những tri thức khái quát về văn bản tiếng Việt, trong đó có đi sâu tìm hiểu hai loại văn bản khoa học và văn bản hành chính; 2/Rèn luyện kỹ năng xây dựng đề cương, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt; 3/Kỹ năng lập luận trong văn bản tiếng Việt. Chương hai và chương ba: 1/Rèn luyện cách thức viết đoạn văn, liên kết trong đoạn văn; 2/Rèn luyện kỹ năng viết câu đúng, câu hay. Chương 4 rèn luyện kỹ năng dùng từ, viết đúng chính tả. | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 7  | Nghiệp vụ du lịch                         | Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức bổ trợ của ngành Đông phương học. Học phần Nghiệp vụ du lịch sẽ trang bị cho học viên khả năng về nghiệp vụ quản lý doanh nghiệp lữ hành – khách sạn; nghiệp vụ thiết kế và điều hành tour; nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; nghiệp vụ đánh giá chất lượng dịch vụ lữ hành và khách sạn... Học viên sẽ được học các lý thuyết cơ bản, sử dụng các tình huống cụ thể để phân tích (cho mỗi chủ đề nghiên cứu), ứng dụng thực hành thuyết minh điểm đến, thiết kế và tính giá tour; đánh giá chất lượng dịch vụ sau khi kết thúc tour, nghiệp vụ thiết kế và thực hiện nghiệp vụ bán, buôn, bar, lễ tân...  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 8  | Nghiệp vụ văn phòng và hành chính nhân sự | Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, những cách tiếp cận cơ bản, những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và thực tiễn của quản trị văn phòng và hành chính nhân sự như quản trị thời gian, quản trị thông tin và quản trị hồ sơ, hướng dẫn một số nghiệp vụ văn phòng cơ bản như hoạch định và tổ chức các cuộc họp, các chuyến đi công tác; soạn thảo văn bản; tiếp khách và gọi điện thoại; kiến thức về chính sách lao động - tiền lương; các kỹ năng về quản lý và tuyển dụng nhân sự. Học phần trang bị những kiến   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |

|    |  |  |   |     |   |
|----|--|--|---|-----|---|
|    |  | thức rất cần thiết cho các nhà quản trị văn phòng, hành chính nhân sự và cho cả các nhân viên văn phòng, đặc biệt là với các sinh viên, những người sẽ làm việc trong các văn phòng trong tương lai  |   |     |   |
| 9  | Tiếng Hàn 7                            | Học phần tiếng Hàn nâng cao 7 gồm 14 bài giảng về 14 chủ đề với các nhiều từ vựng phong phú và ngữ pháp nâng cao cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng tiếng Hàn cấp 4 theo tiêu chuẩn tiếng Hàn Quốc. Hoàn thành học phần này học viên có thể giao tiếp thuận thực các vấn đề trong xã hội, trong đời sống và trang bị kỹ năng cho các em trong việc đối ứng tình huống và hội thoại của tiếng Hàn , Các em cũng sẽ sử dụng thành thạo các mẫu câu và từ vựng cũng như ngữ pháp cho các học phần xử lý tình huống hội thoại về các đề tài được thảo luận trong cuộc sống một cách hoàn chỉnh. Ngoài ra các em còn được trang bị thêm kỹ năng khi phỏng vấn và tìm việc.                          | 4 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 10 | Tiếng Hàn 8                            | Học phần tiếng Hàn nâng cao 8 gồm 14 bài giảng về 14 chủ đề với các nhiều từ vựng phong phú và ngữ pháp nâng cao cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng tiếng Hàn cấp 5 theo tiêu chuẩn tiếng Hàn Quốc. Hoàn thành học phần này học viên có thể giao tiếp và bàn bạc cũng như trao đổi thuận thực các vấn đề trong xã hội, trong đời sống và trang bị kỹ năng cho các em trong công việc và nghiệp vụ trong công ty , Các em cũng sẽ sử dụng thành thạo các mẫu câu và từ vựng cũng như ngữ pháp cho các học phần xử lý tình huống hội thoại về các đề tài được thảo luận trong cuộc sống một cách hoàn chỉnh.   | 3 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 11 | Thực tập nhận thức nghề nghiệp         | Học phần giúp người học vận dụng kiến thức ngành, chuyên ngành và lý thuyết về các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu chuyên ngành đã tri nhận được vào thực tiễn. Đồng thời, thông qua hoạt động thực tiễn gắn liền với các việc tham quan, giao lưu, học tập thực tế, giúp sinh viên bổ sung kiến thức đã học từ lý thuyết. Qua đó, góp phần phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp sau này.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 12 | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về khoa học (khái niệm, phân loại), nghiên cứu khoa học (khái niệm, mục đích, chức năng, đặc điểm, yêu cầu, loại hình, sản phẩm, và đánh giá nghiên cứu khoa học,...) và đề tài nghiên cứu khoa học xã hội (khái niệm, quá trình hình thành và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học xã hội). Từ đó, người học được trang bị những phương pháp cơ bản, đặc thù trong nghiên cứu khoa học xã hội (thu thập thông tin, xử lý thông tin); đồng thời nhận thức và trình bày một công trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 13 | Nghiệp vụ ngoại giao                   | Hình thành ở sinh viên năng lực tiếp cận thực tiễn - nghiệp vụ đối ngoại, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc độc lập phân tích các hành vi, hiện tượng nảy sinh trong hoạt động đối ngoại của nhà nước. Qua đó biết giải quyết linh hoạt những sự kiện trong thực tiễn đối ngoại.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 14 | Lịch sử Hàn Quốc                       | Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản: Con rồng châu Á, kỳ tích sông Hán, kinh tế xanh... và những kiến thức cơ bản về lịch sử Hàn Quốc từ khi thành lập tới nay. Trên cơ sở đó, học phần đi sâu khảo sát những nội dung cơ bản: Những tác nhân dẫn đến sự chia cắt Triều Tiên; tình hình kinh tế, chính trị xã hội và chính sách đối ngoại của Hàn Quốc ... Học phần còn giúp sinh viên có cái nhìn xuyên suốt, hệ thống về lịch sử Hàn Quốc và những nét đặc thù của lịch sử Hàn Quốc đương đại.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 15 | Địa lý Hàn Quốc                        | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về địa lý Hàn Quốc (Địa lý tự nhiên, địa lý dân cư – xã hội) và mối quan hệ với các nước trong khu vực. Trong đó, tập trung vào các vấn đề tài nguyên thiên nhiên, dân cư – xã hội và vấn đề khai thác, sử dụng cùng những biến đổi môi trường ở Hàn Quốc. Qua học phần này, góp phần làm rõ đặc trưng, đặc thù và phức tạp về địa lý từ đó có mối liên hệ trong phân tích, đánh giá các nội dung liên quan đến địa – kinh tế, chính trị, văn hóa, lịch sử... của quốc gia. Hơn thế nữa, xác định được tầm quan trọng và vị trí của Hàn Quốc trong bản đồ kinh tế - chính trị thế giới và mối quan hệ với Việt Nam hiện nay trong các lĩnh vực. | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 16 | Nhập môn Hàn Quốc học                  | Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản: “Hàn Quốc học” và “Nghiên cứu Hàn  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm:  |

|    |                                |  |   |     |  |
|----|--------------------------------|--|---|-----|--|
|    |                                | Quốc”. Đồng thời còn giúp sinh viên nắm được những nét khái quát về lịch sử Hàn Quốc học và tổng quan về các xu hướng tiếp cận nghiên cứu Hàn Quốc học hiện nay, thực trạng và những vấn đề trong nghiên cứu Hàn Quốc học tại Việt Nam. Qua đó, giúp sinh viên nhận thức đầy đủ và hệ thống những vấn đề nổi bật trong nghiên cứu Hàn Quốc học với tư cách là một ngành khoa học ứng dụng.   |   |     | định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)                          |
| 17 | Biên dịch tiếng Hàn            | Học phần nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng dịch thuật từ tiếng Hàn sang tiếng Việt và ngược lại. Chủ đề của các bài dịch trong môn học bao gồm các phạm vi văn hóa, chính trị, kinh tế, lĩnh vực xã hội, môi trường - du lịch nhằm trang bị cho sinh viên một số vốn từ và kỹ năng cần thiết cho công việc dịch thuật thực tế.   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 18 | Tiếng Hàn chuyên ngành Lịch sử | Học phần được xây dựng thành một số bài giảng gắn với các chủ đề về lịch sử Hàn Quốc. Thông qua đó học phần sẽ cung cấp 1 lượng từ ngữ, kết cấu ngữ pháp, biểu hiện thường gặp trong lĩnh vực lịch sử của Hàn Quốc, giúp người học được củng cố, thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp độ cao hơn; có thể thao tác được các kỹ năng về đọc, dịch tài liệu hay đọc thuyết trình nội dung tài liệu liên quan đến lĩnh vực lịch sử. Điều này giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Hàn chuyên ngành và các kiến thức của chuyên ngành có liên quan, nâng cao hiểu biết của mình về lịch sử Hàn Quốc   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 19 | Tiếng Hàn chuyên ngành Văn hóa | Học phần được xây dựng thành một số bài giảng gắn với các chủ đề về văn hóa Hàn Quốc. Thông qua đó học phần sẽ cung cấp 1 lượng từ ngữ, kết cấu ngữ pháp, biểu hiện thường gặp trong lĩnh vực văn hóa của Hàn Quốc, giúp người học được củng cố, thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp độ cao hơn; có thể thao tác được các kỹ năng về đọc, dịch tài liệu hay đọc thuyết trình nội dung tài liệu liên quan đến lĩnh vực văn hóa. Điều này giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Hàn chuyên ngành và các kiến thức của chuyên ngành có liên quan, nâng cao hiểu biết của mình về văn hóa Hàn Quốc   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 20 | Thể chế chính trị Hàn Quốc     | Trên cơ sở tường minh khái niệm “thể chế chính trị”, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các loại hình thể chế chính trị ở Hàn Quốc trong suốt chiều dài lịch sử của nó; bao gồm: các mô hình thể chế chính trị thời cổ trung đại, mô hình thể chế chính trị thời Nhật xâm lược, mô hình thể chế chính trị đương đại. Đây là học phần chuyên ngành (tự chọn) và có quan hệ với các học phần như: Thể chế chính trị trong lịch sử các nước phương Đông, Lịch sử Hàn Quốc... nên sẽ không lặp lại các kiến thức đã học ở các học phần đó.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 21 | Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc  | Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về văn hóa doanh nghiệp, vai trò, đặc trưng, cấu trúc và các mô hình văn hóa doanh nghiệp; Quá trình hình thành và phát triển của các doanh nghiệp Hàn Quốc; Các yếu tố ảnh hưởng/tác động đến văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc (các yếu tố ảnh hưởng/tác động đến giá trị, chuẩn mực, phong cách quản lý của doanh nghiệp). Học phần còn cung cấp cho người học những đặc trưng cơ bản của văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc như: Văn hóa giao tiếp và ứng xử trong doanh nghiệp, văn hóa coi trọng phẩm chất đạo đức, xây dựng bầu không khí gia đình trong doanh nghiệp và tổ chức quản lý, phong cách quản lý trong doanh nghiệp Hàn Quốc | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10.<br>Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |

### 3.8. Chuyên ngành Nhật Bản học - Ngành Đông phương học (Khóa 45)

| TT | Tên môn học          | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên   |
|----|----------------------|--|------------|----------------------|--|
| 1  | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình |

|    |   |  |   |     |   |
|----|---|--|---|-----|---|
|    |   | góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.  |   |     | (40%) và thi kết thúc học phần (60%)  |
| 2  | Kinh tế Đông Bắc Á đương đại              | Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 3  | Địa lý và cư dân Đông Bắc Á               | Dựa trên kiến thức tổng hợp, kết hợp đi sâu nghiên cứu, giúp sinh viên nắm được những nét chính yếu và đặc trưng riêng có về địa lý (địa hình, khí hậu...) và về dân cư (tộc người, văn hóa...) của khu vực Đông Bắc Á   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 4  | Khởi nghiệp                               | Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; Đồng thời, trang bị những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên  | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 5  | Nghiệp vụ ngoại thương                    | Học phần đề cập đến các nội dung về khái niệm và các phương thức giao dịch trong hoạt động ngoại thương; các điều kiện thương mại quốc tế; các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu; kỹ thuật đàm phán, xây dựng hợp đồng và tổ chức thực hiện các thương vụ mua bán hàng hóa quốc tế.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 6  | Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt     | Học phần sẽ cung cấp tới người học những tri thức cần thiết cho việc sử dụng tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp, nhất là hoạt động giao tiếp bằng văn bản. Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt gồm 4 nội dung cơ bản, được triển khai trong 4 chương. Chương một: 1/Giới thiệu những tri thức khái quát về văn bản tiếng Việt, trong đó có đi sâu tìm hiểu hai loại văn bản khoa học và văn bản hành chính; 2/Rèn luyện kỹ năng xây dựng đề cương, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt; 3/Kỹ năng lập luận trong văn bản tiếng Việt. Chương hai và chương ba: 1/Rèn luyện cách thức viết đoạn văn, liên kết trong đoạn văn; 2/Rèn luyện kỹ năng viết câu đúng, câu hay. Chương 4 rèn luyện kỹ năng dùng từ, viết đúng chính tả.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 7  | Nghiệp vụ du lịch                         | Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức bổ trợ của ngành Đông phương học. Học phần Nghiệp vụ du lịch sẽ trang bị cho học viên khả năng về nghiệp vụ quản lý doanh nghiệp lữ hành – khách sạn; nghiệp vụ thiết kế và điều hành tour; nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; nghiệp vụ đánh giá chất lượng dịch vụ lữ hành và khách sạn... Học viên sẽ được học các lý thuyết cơ bản, sử dụng các tình huống cụ thể để phân tích (cho mỗi chủ đề nghiên cứu), ứng dụng thực hành thuyết minh điểm đến, thiết kế và tính giá tour; đánh giá chất lượng dịch vụ sau khi kết thúc tour, nghiệp vụ thiết kế và thực hiện nghiệp vụ bàn, buồng, bar, lễ tân....  | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình và thi kết thúc học phần             |
| 8  | Nghiệp vụ văn phòng và hành chính nhân sự | Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, những cách tiếp cận cơ bản, những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và thực tiễn của quản trị văn phòng và hành chính nhân sự như quản trị thời gian, quản trị thông tin và quản trị hồ sơ, hướng dẫn một số nghiệp vụ văn phòng cơ bản như hoạch định và tổ chức các cuộc họp, các chuyến đi công tác; soạn thảo văn bản; tiếp khách và gọi điện thoại; kiến thức về chính sách lao động - tiền lương; các kỹ năng về quản lý và tuyển dụng nhân sự. Học phần trang bị những kiến thức rất cần thiết cho các nhà quản trị văn phòng, hành chính nhân sự và cho cả các nhân viên văn phòng, đặc biệt là với các sinh viên, những người sẽ làm việc trong các văn phòng trong tương lai | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 9  | Tiếng Nhật 5                              | Học phần giúp sinh viên nắm sâu tiếng Nhật về ngữ pháp, nghe nói và đọc hiểu. Kết thúc học phần, sinh viên có đủ nền tảng ngôn ngữ để đi vào học tiếng Nhật nâng cao và tiếng Nhật chuyên ngành.   | 4 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 10 | Thực hành dịch - nói tiếng Nhật 2         | Trên cơ sở thực hành dịch nói 1, học phần giúp cho sinh viên trau dồi và nắm vững thêm cách  | 3 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng,  |

|    |  |  |   |     |   |
|----|--|--|---|-----|---|
|    |  | phát âm, ngữ điệu trong tiếng Nhật. Đồng thời giúp sinh viên tạo phản xạ và tự tin khi phiên dịch nói. Góp phần giúp sinh viên hình thành được khả năng nghe hiểu và phát âm tiếng Nhật cũng như kỹ năng phiên dịch tiếng Nhật mức độ giao tiếp thông thường với người Nhật về các lĩnh vực như: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, ngoại giao, du lịch...   |   |     | thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%)                                      |
| 11 | Thực tập nhận thức nghề nghiệp         | Học phần giúp người học vận dụng kiến thức ngành, chuyên ngành và lý thuyết về các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu chuyên ngành đã tri nhận được vào thực tiễn. Đồng thời, thông qua hoạt động thực tiễn gắn liền với các việc tham quan, giao lưu, học tập thực tế, giúp sinh viên bổ sung kiến thức đã học từ lý thuyết. Qua đó, góp phần phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp sau này.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 12 | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về khoa học (khái niệm, phân loại), nghiên cứu khoa học (khái niệm, mục đích, chức năng, đặc điểm, yêu cầu, loại hình, sản phẩm, và đánh giá nghiên cứu khoa học,...) và đề tài nghiên cứu khoa học xã hội (khái niệm, quá trình hình thành và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học xã hội). Từ đó, người học được trang bị những phương pháp cơ bản, đặc thù trong nghiên cứu khoa học xã hội (thu thập thông tin, xử lý thông tin); đồng thời nhận thức và trình bày một công trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội. | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 13 | Nghiệp vụ ngoại giao                   | Hình thành ở sinh viên năng lực tiếp cận thực tiễn - nghiệp vụ đối ngoại, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc độc lập phân tích các hành vi, hiện tượng nảy sinh trong hoạt động đối ngoại của nhà nước. Qua đó biết giải quyết linh hoạt những sự kiện trong thực tiễn đối ngoại.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 14 | Nhập môn Nhật Bản học                  | Người học nắm được lịch sử ra đời và phát triển của ngành khoa học nghiên cứu về Nhật Bản và có sự hiểu biết chung về nước này trên tất cả các phương diện chính yếu: Nguồn gốc tộc người, ngôn ngữ, đặc điểm địa lý, khí hậu; tiến trình lịch sử, kinh tế, xã hội, đặc điểm chính trị, tư tưởng, tôn giáo và văn học nghệ thuật...  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 15 | Lịch sử Nhật Bản                       | Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử Nhật Bản qua các thời đại và trên tất cả các phương diện (thể chế chính trị, chính sách kinh tế và tình hình kinh tế, đặc điểm xã hội, văn hóa, chính sách đối ngoại và quan hệ đối ngoại); biết sử dụng phương pháp đối sánh (với các nước khác) để khắc sâu những nét riêng có của nước này.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 16 | Địa lý Nhật Bản                        | Người học thông hiểu về địa lý nước Nhật trên cả hai phương diện: địa lý tự nhiên (vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, các nguồn tài nguyên như đất đai, khoáng sản) và địa lý xã hội (đặc trưng nền kinh tế trên các mặt: cơ cấu lãnh thổ, cơ cấu ngành, cơ cấu sản phẩm; phân bố dân cư và đặc điểm xã hội)  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 17 | Thực hành dịch -nói tiếng Nhật 3       | Thực hành dịch nói tiếng Nhật 3 là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức về ngữ pháp, rèn luyện khả năng nghe nói và phiên dịch ở trình độ trung cấp tiếng Nhật.  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 18 | Tiếng Nhật chuyên ngành du lịch        | Trên cơ sở vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp tương ứng với trình độ trung cấp và trung cấp nâng cao, người học được củng cố, thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp độ cao hơn với nhiều tình huống, chủ đề về lĩnh vực du lịch. Ngoài phần luyện đọc hiểu, người học sẽ được rèn luyện kỹ năng trong việc nắm bắt và thực hành kiến thức chuyên ngành du lịch như tra cứu tài liệu, điều tra viết luận về du lịch bằng tiếng Nhật, giao tiếp hướng dẫn du lịch với người   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |



|    |  |  |   |     |   |
|----|--|--|---|-----|---|
|    |  | Nhật...  |   |     |   |
| 19 | Tiếng Nhật chuyên ngành kinh tế - thương mại             | Học phần được xây dựng thành một số bài giảng gắn với các chủ đề kinh tế - thương mại Nhật Bản. Theo đó, trên cơ sở vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp tương ứng với trình độ trung - cao cấp, người học được củng cố, thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp độ cao hơn với nhiều tình huống, chủ đề kinh tế - thương mại. Ngoài phần luyện đọc hiểu, người học sẽ được rèn luyện kỹ năng ghi tốc kí nội dung chính khi nghe, thảo luận, kỹ năng viết báo cáo, thuyết trình hoặc phân biện về các vấn đề kinh tế - thương mại phổ biến. | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 20 | Thế chế chính trị Nhật Bản                               | Thế chế chính trị quân chủ đặc thù ở Nhật Bản chính là nhân tố chính yếu tạo nên sự cố kết và ổn định của nền chính trị và xã hội ở Nhật Bản. Sinh viên phải nắm được tính xuyên suốt và nét riêng từng giai đoạn của thế chế chính trị ở Nhật Bản trong lịch sử.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 21 | Chính sách đối ngoại của Nhật Bản và quan hệ Nhật - Việt | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của Nhật Bản trên các khía cạnh: Cơ sở hình thành chính sách; Những chính sách chủ yếu qua các thời kỳ; Tác động. Qua đó, giúp sinh viên nhận diện về diện mạo và thăng trầm của ngoại giao Nhật Bản qua các thời kỳ; Những đặc điểm chủ yếu của nền ngoại giao Nhật Bản.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |

### 3.9. Chuyên ngành Trung Quốc học - Ngành Đông phương học (Khóa 45)

| TT | Tên môn học                  | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên  |
|----|------------------------------|---|------------|----------------------|---|
| 1  | Tư tưởng Hồ Chí Minh         | Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 2  | Kinh tế Đông Bắc Á đương đại | Học phần cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 3  | Địa lý và cư dân Đông Bắc Á  | Dựa trên kiến thức tổng hợp, kết hợp đi sâu nghiên cứu, giúp sinh viên nắm được những nét chính yếu và đặc trưng riêng có về địa lý (địa hình, khí hậu...) và về dân cư (tộc người, văn hóa...) của khu vực Đông Bắc Á  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 4  | Khởi nghiệp                  | Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; Đồng thời, trang bị những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 5  | Nghiệp vụ ngoại thương       | Học phần đề cập đến các nội dung về khái niệm và các phương thức giao dịch trong hoạt động ngoại thương; các điều kiện thương mại quốc tế; các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu; kỹ thuật đàm phán, xây dựng hợp đồng và tổ chức thực hiện các thương vụ mua bán hàng hóa quốc tế.  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |

|    |   |  |   |     |   |
|----|---|--|---|-----|---|
| 6  | Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt   | Học phần sẽ cung cấp tới người học những tri thức cần thiết cho việc sử dụng tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp, nhất là hoạt động giao tiếp bằng văn bản. Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt gồm 4 nội dung cơ bản, được triển khai trong 4 chương. Chương một: 1/Giới thiệu những tri thức khái quát về văn bản tiếng Việt, trong đó có đi sâu tìm hiểu hai loại văn bản khoa học và văn bản hành chính; 2/Rèn luyện kỹ năng xây dựng đề cương, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt; 3/Kỹ năng lập luận trong văn bản tiếng Việt. Chương hai và chương ba: 1/Rèn luyện cách thức viết đoạn văn, liên kết trong đoạn văn; 2/Rèn luyện kỹ năng viết câu đúng, câu hay. Chương 4 rèn luyện kỹ năng dùng từ, viết đúng chính tả.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 7  | Nghị vụ du lịch                         | Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức bổ trợ của ngành Đông phương học. Học phần Nghiệp vụ du lịch sẽ trang bị cho học viên khả năng về nghiệp vụ quản lý doanh nghiệp lữ hành – khách sạn; nghiệp vụ thiết kế và điều hành tour; nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; nghiệp vụ đánh giá chất lượng dịch vụ lữ hành và khách sạn... Học viên sẽ được học các lý thuyết cơ bản, sử dụng các tình huống cụ thể để phân tích (cho mỗi chủ đề nghiên cứu), ứng dụng thực hành thuyết minh điểm đến, thiết kế và tính giá tour; đánh giá chất lượng dịch vụ sau khi kết thúc tour, nghiệp vụ thiết kế và thực hiện nghiệp vụ bàn, buồng, bar, lễ tân....  | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 8  | Nghị vụ văn phòng và hành chính nhân sự | Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, những cách tiếp cận cơ bản, những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và thực tiễn của quản trị văn phòng và hành chính nhân sự như quản trị thời gian, quản trị thông tin và quản trị hồ sơ, hướng dẫn một số nghiệp vụ văn phòng cơ bản như hoạch định và tổ chức các cuộc họp, các chuyên đi công tác; soạn thảo văn bản; tiếp khách và gọi điện thoại; kiến thức về chính sách lao động - tiền lương; các kỹ năng về quản lý và tuyển dụng nhân sự. Học phần trang bị những kiến thức rất cần thiết cho các nhà quản trị văn phòng, hành chính nhân sự và cho cả các nhân viên văn phòng, đặc biệt là với các sinh viên, những người sẽ làm việc trong các văn phòng trong tương lai | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 9  | Tiếng Trung 5                           | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Trung, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp học viên phương pháp học tiếng Trung có hiệu quả. Là học phần tiếp theo của học phần Tiếng Trung 4 cung cấp kiến thức khởi ngành và cơ sở ngành. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho sinh viên năng lực giao tiếp ở trình độ ở trình độ đầu HSK4, bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức về văn hoá Trung Quốc và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết).  | 4 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 10 | Nghe nói tiếng Trung 2                  | Học phần này tiếp tục củng cố, rèn luyện về ngữ âm, ngữ điệu và giới thiệu những tình huống giao tiếp đơn giản. Các bài nghe, nói dạng hội thoại đơn giản theo tình huống giao tiếp trong đời sống sinh hoạt hàng ngày giúp sinh viên có thể vận dụng để thực hành trong giao tiếp.  | 3 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 11 | Thực tập nhận thức nghề nghiệp          | Học phần giúp người học vận dụng kiến thức ngành, chuyên ngành và lý thuyết về các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu chuyên ngành đã tri nhận được vào thực tiễn. Đồng thời, thông qua hoạt động thực tiễn gắn liền với các việc tham quan, giao lưu, học tập thực tế, giúp sinh viên bổ sung kiến thức đã học từ lý thuyết. Qua đó, góp phần phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp sau này.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 12 | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội  | Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về khoa học (khái niệm, phân loại), nghiên cứu khoa học (khái niệm, mục đích, chức năng, đặc điểm, yêu cầu, loại hình, sản phẩm, và đánh giá nghiên cứu khoa học,...) và đề tài nghiên cứu khoa học xã hội (khái niệm, quá trình hình thành và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học xã hội). Từ đó, người học được trang bị những   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |

|    |                                     |   |   |     |   |
|----|-------------------------------------|---|---|-----|---|
|    |                                     | phương pháp cơ bản, đặc thù trong nghiên cứu khoa học xã hội (thu thập thông tin, xử lý thông tin); đồng thời nhận thức và trình bày một công trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội.   |   |     |   |
| 13 | Nghiệp vụ ngoại giao                | Hình thành ở sinh viên năng lực tiếp cận thực tiễn - nghiệp vụ đối ngoại, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc độc lập phân tích các hành vi, hiện tượng nảy sinh trong hoạt động đối ngoại của nhà nước. Qua đó biết giải quyết linh hoạt những sự kiện trong thực tiễn đối ngoại.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 14 | Lịch sử Trung Quốc                  | Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử Trung Quốc qua các thời đại và trên tất cả các phương diện (thể chế chính trị, chính sách kinh tế và tình hình kinh tế, đặc điểm xã hội, văn hóa, chính sách đối ngoại và quan hệ đối ngoại); biết sử dụng phương pháp đối sánh (với các nước khác) để khắc sâu những nét riêng có của nước này.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 15 | Địa lý Trung Quốc                   | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về địa lý Trung Quốc trong mối quan hệ với các nước trong khu vực. Học phần đặt trọng tâm chủ yếu vào phần địa lý dân cư - xã hội, tạo cơ sở để người học dễ dàng tiếp thu các môn học kế tiếp, đồng thời dẫn dắt người học tiếp tục tìm hiểu một số lĩnh vực có liên quan như địa- kinh tế, địa -văn hoá, địa-lịch sử ... Học phần góp phần làm rõ tính đặc trưng khu vực và tính phức tạp đan xen của địa lý dân cư và môi trường Trung Quốc, cách phân vùng và đặc điểm của từng vùng, giúp người học có hiểu biết tổng thể về địa lý Trung Quốc, bước đầu biết so sánh, biết lý giải những hiện tượng nhân văn, đồng thời biết cách đánh giá đúng đắn và khách quan, khoa học đối với chính sách dân tộc, chính sách dân số và môi trường Trung Quốc. | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 16 | Nhập môn Trung Quốc học             | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và cơ sở lý luận cơ bản của Trung quốc học, đồng thời giới thiệu về Trung Quốc học với tư cách một chuyên ngành của khu vực học, trình bày một cách có hệ thống về lịch sử nghiên cứu Trung Quốc học qua các thời kỳ phát triển, mục đích, phạm vi, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các xu hướng, các thành tựu chủ yếu và những vấn đề còn đang tranh luận trong nghiên cứu Trung quốc tại Việt nam và trên thế giới, tạo tiền đề cho người học tiếp tục đi sâu vào các lĩnh vực cụ thể của Trung Quốc học.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 17 | Kỹ năng biên dịch Trung - Việt      | Học phần nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng dịch thuật từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại, ở dạng dịch viết. Chủ đề của các bài dịch trong môn học bao gồm các phạm vi văn hóa, chính trị, kinh tế, lĩnh vực xã hội, môi trường - du lịch nhằm trang bị cho sinh viên một số vốn từ và kỹ năng cần thiết cho công việc dịch thuật thực tế.  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 18 | Tiếng Trung chuyên ngành Du lịch    | Học phần Tiếng Trung du lịch chủ yếu giới thiệu những tình huống giao tiếp du lịch thực tế, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và từ vựng tiếng Trung liên quan đến lĩnh vực du lịch như tổ chức chuyên du lịch, tham quan mua sắm ở điểm du lịch, nghiệp vụ nhà hàng khách sạn... Từ những kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình, biết cách làm việc theo nhóm, tự tìm thông tin và xử lý thông tin phục vụ cho công việc sau này.  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 19 | Tiếng Trung chuyên ngành Thương mại | Học phần trang bị cho người học kiến thức những kiến thức về lĩnh vực thương mại, bao gồm các nội dung: thiết lập quan hệ, đàm phán giá cả, phương thức thanh toán, bao bì, vận chuyển... Qua học phần này, người học được trau dồi kỹ năng giao tiếp bao gồm nghe, nói thông qua các tình huống được giới thiệu trong giáo trình, và có khả năng xử lý những tình huống thông thường trong thực tế liên quan đến thương mại.   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |

|    |  |  |   |     |   |
|----|--|--|---|-----|---|
| 20 | Các đặc khu hành chính Hồng Kông, Ma Cao | Các đặc khu hành chính là sản phẩm của chính sách thu hồi đất đai bị chia cắt bởi chế độ thực dân, đế quốc của chính phủ Trung Quốc trong thời kỳ cải cách, mở cửa. Đó cũng là nét đặc trưng về nền chính trị, hành chính, kinh tế của Trung Quốc đương đại.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |
| 21 | Thể chế chính trị Trung Quốc             | Trên cơ sở tường minh khái niệm “thể chế chính trị”, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các loại hình thể chế chính trị ở Trung Quốc trong suốt chiều dài lịch sử của nó; bao gồm: các mô hình thể chế chính trị thời cổ trung đại, mô hình thời thực dân, các mô hình đương đại (lục địa và các lãnh thổ). Đây là học phần chuyên ngành (tự chọn) và có quan hệ với các học phần như: Thể chế chính trị trong lịch sử các nước phương Đông, Lịch sử Trung Quốc... nên sẽ không lặp lại các kiến thức đã học ở các học phần đó. | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần (60%) |

### 3. 10. Chuyên ngành Nhật Bản học - Ngành Đông phương học (Khóa 44)

| TT | Tên môn học                                    | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên  |
|----|--|---|------------|----------------------|---|
| 1  | Văn hóa Nhật Bản                               | Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về văn hóa Nhật Bản trên các khía cạnh: Văn hóa tộc người, Văn hóa vật chất, Văn hóa tinh thần, Những yếu tố lịch sử ảnh hưởng đến sự phát triển văn hóa xã hội tại Nhật Bản; Đặc trưng văn hóa Nhật Bản. Qua đó sinh viên có thể tái hiện kiến thức qua các hoạt động ngoại khóa...  | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%) |
| 2  | Kỹ năng nghe nói, đọc hiểu tiếng Nhật nâng cao | Học phần cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng nhất định, trang bị phương pháp phát âm, luyện nghe, nói, đọc hiểu. Qua đó giúp sinh viên nghe, nói tốt, có thể giao tiếp hàng ngày lưu loát, đọc một số văn bản thông thường, câu chuyện ngắn...   | 4          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%) |
| 3  | Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao                   | Cung cấp lượng kiến thức về cách phát âm, ngữ điệu cũng như kỹ năng nghe hiểu tiếng Nhật cho sinh viên, giúp cho sinh viên không chỉ hiểu các bài hội thoại thông thường của người Nhật trong đời sống hàng ngày mà còn có thể lý giải được các cuộc nói chuyện với nhiều chủ đề khác nhau như văn hóa, xã hội, chính trị...  | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%) |
| 4  | Tiếng Nhật chuyên ngành 3                      | Trên cơ sở vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp tương ứng với trình độ trung cấp và trung cấp nâng cao, người học được củng cố, thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp độ cao hơn với nhiều tình huống, chủ đề về lĩnh vực kinh tế. Ngoài phần luyện đọc hiểu, người học sẽ được rèn luyện kỹ năng trong việc nắm bắt và thực hành kiến thức chuyên ngành kinh tế thương mại như tra cứu tài liệu, điều tra viết luận về kinh tế bằng tiếng Nhật, giao tiếp thương mại với người Nhật... Đồng thời, cùng với một số học phần khác trong chương trình, học phần giúp người học nâng cao hiểu biết của mình về văn hóa thương mại, văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản, qua đó giúp người học sử dụng tiếng Nhật trong hoạt động kinh tế thương mại một cách chủ động, linh hoạt. | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%) |
| 5  | Tư tưởng tôn giáo Nhật Bản                     | Học phần giúp người học đi đến nhận thức Nhật Bản là đất nước có lịch sử tư tưởng và tôn giáo khá đặc biệt. Từ thời cổ đại, bên cạnh các tín ngưỡng, tôn giáo bản địa, người Nhật rất tích cực trong việc tiếp thu và bản địa hóa các hệ tư tưởng, tôn giáo từ bên ngoài. Và kể từ đó, các tư tưởng, tôn giáo này thâm nhập sâu rộng vào đời sống chính trị, xã hội, văn hóa, hình thành nên những tông phái, tôn giáo cũng như những hệ tư tưởng đặc sắc của riêng Nhật Bản.   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%) |

|    |  |   |   |     |  |
|----|--|---|---|-----|--|
| 6  | Du lịch Nhật Bản   | Môn học hình thành một số khái niệm về du lịch cho sinh viên; biết được nguồn tài nguyên du lịch của Nhật Bản; làm rõ xu thế phát triển du lịch của thế giới hiện nay; khái quát tiềm năng du lịch của Nhật Bản; những chính sách nổi bật và tác động của nó đối với sự phát triển du lịch của Trung Quốc qua các giai đoạn; trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho sự phát triển của du lịch Việt Nam   | 3 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)            |
| 7  | Thực tập tốt nghiệp  | Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức ngành, chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp đã tri nhận được để tiến hành công việc một cách hợp lý, đảm bảo chất lượng, hiệu quả thực tiễn tại cơ sở thực tập. Đồng thời, thông qua hoạt động thực tiễn nghề nghiệp giúp sinh viên bổ sung kiến thức đã học từ lý thuyết, tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp Qua đó, góp phần phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp sau này.  | 5 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần, quá trình (điểm cơ sở thực tập, 30%) và báo cáo (70%) |
| 8  | Khóa luận tốt nghiệp                                       | Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Đông phương học. Học phần được tổ chức vào học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương, những kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên sâu về ngành và các kiến thức bổ trợ khác, sinh viên có điểm trung bình tích lũy từ 7,0 trở lên và chi áp dụng đối với sinh viên không học các học phần thay thế tốt nghiệp.   | 6 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm của Hội đồng và giảng viên hướng dẫn                              |
| 9  | Đối dịch Nhật- Việt và viết tự luận tiếng Nhật về Nhật Bản | Học phần trang bị cho học sinh những kiến thức tối thiểu về lịch sử thực hành và nghiên cứu dịch thuật, hướng dẫn cách ứng dụng những kết quả nghiên cứu lý thuyết đã học vào xử lý dịch. Cung cấp một số khái niệm và thuật ngữ tương ứng về ngôn ngữ học, ngôn ngữ học đối chiếu, lý thuyết dịch đại cương giúp học sinh viết khóa luận, luận văn tốt nghiệp hoặc nghiên cứu khoa học khi có nhu cầu. Trên cơ sở đó sinh viên có thể dịch các văn bản có nội dung ngắn, ngữ pháp đơn giản thường gặp trong sinh hoạt hàng ngày và viết tự luận bằng tiếng Nhật về Nhật Bản. | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)            |
| 10 | Thể chế chính trị trong các nước phương Đông               | Trên cơ sở cung cấp những hiểu biết cơ bản về khái niệm “thể chế chính trị” về cơ sở hình thành thể chế chính trị các nước trên thế giới của các chế độ xã hội: tiền tư bản, tư bản và xã hội chủ nghĩa, học phần hướng dẫn sinh viên đi sâu tìm hiểu các loại hình thể chế chính trị về tổ chức, đặc biệt là các hình thức nhà nước tiêu biểu của các chế độ xã hội phương Đông từ xưa đến nay. Qua đó, giúp sinh viên thấu hiểu hơn, tự hào hơn và tin yêu hơn thể chế chính trị ưu việt ở Việt Nam hiện nay.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)            |
| 11 | Đặc trưng kinh tế Nhật Bản                                 | Trên cơ sở hệ thống lại tình hình kinh tế Nhật Bản trong lịch sử, học phần đi sâu trình bày, phân tích cho sinh viên những đặc trưng về kinh tế của Nhật Bản thời cổ đại, phong kiến, cận đại và hiện đại trong sự đối sánh với các nước khác trong khu vực và thế giới; phân tích các nhân tố tác động đến sự hình thành các đặc trưng đó; mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với chính trị - xã hội Nhật Bản qua các thời kỳ.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)            |

### 3.10. Chuyên ngành Trung Quốc học - Ngành Đông phương học (Khóa 44)

| TT | Tên môn học        | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên                               |
|----|--------------------|---|------------|----------------------|--|
| 1  | Văn hóa Trung Quốc | Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về một số thành tố của văn hoá truyền thống của Trung Quốc như: Hệ thống tông pháp, gia tộc và tên họ của người Trung Quốc, tư | 3          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm |

|   |  |  |   |     |  |
|---|--|--|---|-----|--|
|   |  | tường học thuật, tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán lễ hội, ngôn ngữ và chữ viết, kiến trúc và điêu khắc truyền thống, các loại hình nghệ thuật truyền thống.   |   |     | chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)   |
| 2 | Địa lý Trung Quốc  | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về địa lý Trung Quốc trong mối quan hệ với các nước trong khu vực. Học phần đặt trọng tâm chủ yếu vào phần địa lý dân cư – xã hội, tạo cơ sở để người học dễ dàng tiếp thu các môn học kế tiếp, đồng thời dẫn dắt người học tiếp tục tìm hiểu một số lĩnh vực có liên quan như địa- kinh tế, địa -văn hoá, địa- lịch sử ...  | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)            |
| 3 | Kỹ năng thuyết trình tiếng Trung                             | Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể học được cách thuyết trình các đề tài môn học bằng tiếng Trung, sử dụng ngôn ngữ tiếng Trung để trình bày những hiểu biết của bản thân về các lĩnh vực lịch sử, địa lý, kinh tế, chính trị, văn học – nghệ thuật, về đất nước, con người Trung Quốc....  | 4 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)            |
| 4 | Tiếng Trung chuyên ngành 3                                   | Học phần Tiếng Trung du lịch chủ yếu giới thiệu những tình huống giao tiếp du lịch thực tế, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và từ vựng tiếng Trung liên quan đến lĩnh vực du lịch như tổ chức chuyến du lịch, tham quan mua sắm ở điểm du lịch, nghiệp vụ nhà hàng khách sạn... Từ những kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình, biết cách làm việc theo nhóm, tự tìm thông tin và xử lý thông tin phục vụ cho công việc sau này.         | 3 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)            |
| 5 | Chính sách ngoại giao của Trung Quốc và quan hệ Trung – Việt | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chính sách ngoại giao của Trung Quốc như: Cơ sở hình thành chính sách ngoại giao của Trung Quốc; Những chính sách chủ yếu của Trung Quốc qua các thời kỳ lịch sử. Đồng thời giúp sinh viên nắm được những nét chính của mối quan hệ ngoại giao song phương giữa Trung Quốc và Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử. Mối quan hệ hợp tác phát triển nhanh chóng và sâu rộng ở lĩnh vực ngoại giao, đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả hai quốc gia. | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)            |
| 6 | Du lịch Trung Quốc   | Học phần hình thành một số khái niệm về du lịch cho sinh viên; biết được nguồn tài nguyên du lịch của Trung Quốc; làm rõ xu thế phát triển du lịch của thế giới hiện nay; khái quát tiềm năng du lịch của Trung Quốc; những chính sách nổi bật và tác động của nó đối với sự phát triển du lịch của Trung Quốc qua các giai đoạn; trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho sự phát triển của du lịch Việt Nam   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)            |
| 7 | Thực tập tốt nghiệp  | Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức ngành, chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp đã tri nhận được để tiến hành công việc một cách hợp lý, đảm bảo chất lượng, hiệu quả thực tiễn tại cơ sở thực tập. Đồng thời, thông qua hoạt động thực tiễn nghề nghiệp giúp sinh viên bổ sung kiến thức đã học từ lý thuyết, tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp. Qua đó, góp phần phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp sau này.                      | 5 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần, quá trình (điểm cơ sở thực tập, 30%) và báo cáo (70%) |
| 8 | Khóa luận tốt nghiệp   | Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo ngành Đông phương học. Học phần được tổ chức vào học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương, những kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên sâu về ngành và các kiến thức bổ trợ khác, sinh viên có điểm trung bình tích lũy từ 7,0 trở lên và chỉ áp dụng đối với sinh viên không học các học phần thay thế tốt nghiệp.              | 6 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm của Hội đồng và giảng viên hướng dẫn                              |
| 9 | Thế chế chính trị trong các nước phương Đông                 | Trên cơ sở cung cấp những hiểu biết cơ bản về khái niệm “thế chế chính trị” về cơ sở hình thành thế chế chính trị các nước trên thế giới của các chế độ xã hội: tiền tư bản, tư bản và xã hội chủ nghĩa, học phần hướng dẫn sinh viên đi sâu tìm hiểu các loại hình thế chế chính trị về tổ chức, đặc biệt là các hình thức nhà nước tiêu biểu của các chế độ xã hội phương Đông từ xưa đến nay. Qua đó, giúp sinh viên thấu hiểu hơn, tự hào hơn và tin yêu hơn thế chế chính trị ưu việt ở           | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%)            |

|    |                                 |   |   |     |   |
|----|---------------------------------|---|---|-----|---|
|    |                                 | Việt Nam hiện nay.  |   |     |   |
| 10 | Tiếng trung Lễ Tân – Ngoại giao | Học phần gồm các bài được soạn cho môn học Tiếng Trung lễ tân ngoại giao bao gồm cung cấp kiến thức về hoạt động lễ tân ngoại giao. Học phần còn giúp người học hiểu đúng và xử lý đúng khi giao tiếp quốc tế trên bình diện ngoại giao, các nguyên tắc hoạt động ngoại giao, các cấp hàm của cơ quan hoạt động ngoại giao, quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, những vấn đề cần thiết khi đón tiếp và phục vụ đoàn khách quốc tế đến thăm cơ quan. | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%) |
| 11 | Đặc trưng kinh tế Trung Quốc    | Trên cơ sở hệ thống lại tình hình kinh tế Trung Quốc trong lịch sử, học phần đi sâu trình bày, phân tích cho sinh viên những đặc trưng về kinh tế của Trung Quốc thời cổ đại, phong kiến, cận đại và hiện đại trong sự đối sánh với các nước khác trong khu vực và thế giới; phân tích các nhân tố tác động đến sự hình thành các đặc trưng đó; mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với chính trị - xã hội Trung Quốc qua các thời kỳ             | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm chuyên cần (10%), quá trình (20%) và thi cuối kỳ (70%) |

#### 4. Ngành Văn học

| STT                 | Tên môn học         | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---------------------|---------------------|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>4.1. Khóa 47</b> |                     |  |            |                      |                                |
| 1                   | Triết học Mác Lênin | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Sinh viên hiểu biết, nhận thức được những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa Mác Lênin nói chung và triết học Mác Lênin nói riêng.</li> <li>+ CO2: Sinh viên hiểu, trình bày được những kiến thức cơ bản về thế giới quan duy vật biện chứng, về phương pháp luận biện chứng duy vật và về chủ nghĩa duy vật lịch sử.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng từ các kiến thức đã học để xây dựng thế giới quan và phương pháp luận để giải quyết được một số vấn đề trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO4: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm</li> </ul>   | 3          | HK1                  | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ    |
| 2                   | Tiếng Anh 1         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp cơ bản về: <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành.</i></li> <li>+ CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề quen thuộc như <i>địa danh, danh tiếng, sự kiện quá khứ, thiên nhiên và nghề nghiệp.</i></li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở mức độ cơ bản với những điểm ngữ pháp liên quan đến <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành.</i></li> <li>+ CO4: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản liên quan đến <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành</i> để có thể nói và viết về các chủ đề như <i>địa danh, danh tiếng, thiên nhiên, du lịch và nghề nghiệp.</i></li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> </ul> | 3          | HK1                  | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ    |

|   |                         |  |   |     |                             |
|---|-------------------------|--|---|-----|-----------------------------|
|   |                         | + CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.   |   |     |                             |
| 3 | Tin học cơ sở (xã hội)  | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng cho nhóm ngành khoa học xã hội.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu của ngành học bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.</p> <p>+ CO3: Trang bị kiến thức cho sinh viên có thể sử dụng máy tính, giao tiếp với máy tính bằng những thao tác nâng cao trên những ứng dụng của Microsoft để tổ chức lưu trữ, xử lý, hiển thị dữ liệu cho bài toán đưa ra.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Có kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin vào công việc thực tế.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và ứng dụng vào công việc thực tế.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 4 | Pháp luật đại cương     | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật, khái niệm và cơ cấu của Hệ thống pháp luật Việt Nam;</p> <p>+ CO2: Nhận biết được đối tượng và phương pháp điều chỉnh của mỗi ngành luật.</p> <p>+ CO3: Hiểu rõ bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ chế điều chỉnh pháp luật của Nhà nước.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Kỹ năng tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật và các cơ quan tổ chức trợ giúp pháp lý;</p> <p>+ CO5: Kỹ năng đọc hiểu văn bản quy phạm pháp luật, phân tích các tình huống thực tiễn, lập luận và vận dụng pháp luật vào giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO6: Có thái độ đúng đắn về địa vị làm chủ của công dân để từ đó có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân;</p> <p>+ CO7: Tôn trọng pháp luật, tuân thủ, chấp hành và sử dụng tốt pháp luật trong việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bản thân, gia đình, nhà nước và xã hội.</p> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 6 | Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm 1 | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành phát triển của văn tự Hán và các vấn đề liên quan như cấu tạo, đặc điểm văn hoá, quy tắc bút thuận...</p> <p>+ CO2: Giúp cho sinh viên hiểu được ý nghĩa, âm đọc và chữ viết của hệ thống chữ Hán cơ bản trong di sản Hán Nôm Việt Nam.</p> <p>+ CO3 giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt và phát huy những hiểu biết cơ bản về Hán văn một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, đời sống và hoạt động chuyên môn báo chí, truyền thông hiện đại..</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Có kỹ năng đọc, viết và hiểu nghĩa của những chữ Hán cơ bản</p> <p>+ CO5: Có kỹ nhận diện và phân tích, đánh giá các loại hình văn bản, thể loại văn học Hán văn Trung Quốc</p>  | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |



|     |   |   |   |     |                                       |
|-----|---|---|---|-----|---------------------------------------|
|     |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO6: Kỹ năng tư duy theo hệ thống và làm việc nhóm.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO7: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.</li> <li>+ CO8: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động linh hoạt tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</li> </ul>   |   |     |                                       |
| 5   | Văn học dân gian Việt Nam                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những đặc trưng cơ bản của văn hóa – văn học dân gian Việt Nam. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.</li> <li>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành văn hóa – văn học để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.</li> <li>+ CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</li> </ul>   | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |
| 7   | Chỉ chọn 1 trong 07 học phần <i>Giáo dục thể chất 1</i> |   |   |     |                                       |
| 7.1 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật.</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật Bóng đá, Luật thi đấu bóng đá 5 người.</li> <li>+ CO2: Hiểu và thực hiện được động tác kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, má trong bàn chân, lòng bàn chân trong bóng đá.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá</i></li> <li>+ CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản: đá bóng bằng lòng bàn chân, bằng má trong bàn chân, dẫn bóng bằng lòng bàn chân, bằng má trong bàn chân.</li> <li>+ CO4: Thực hiện được các bài tập rèn luyện tố chất thể lực chung và chuyên môn.</li> <li>+ CO5: Vận dụng được một số điều luật cơ bản trong tập luyện và thi đấu bóng đá.</li> <li>+ CO6: Tổ chức nhóm tập luyện theo yêu cầu của giảng viên.</li> <li>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện, yêu thích môn học.</li> <li>+ CO8: Chủ động tìm tòi nghiên cứu tài liệu chuyên môn, hình thành thói quen tập luyện và thi đấu ngoài giờ.</li> </ul> | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 7.2 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức: Hiểu biết các nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển Bóng chuyền ở Việt Nam và trên thế giới; đặc điểm, tác dụng, lợi ích rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất của môn bóng chuyền.</li> <li>+ CO2: Nhận biết được một số trạng thái bệnh lý thường gặp, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện.</li> <li>+ CO3: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật cơ bản đặc trưng nhất và một số điều luật cơ bản của môn bóng chuyền.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền</i></li> <li>+ CO4: Thực hiện được tư thế chuẩn bị và di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, chuyền bóng cao tay, phát bóng thấp tay và cao tay</li> <li>+ CO5: Vận dụng được một số điều luật cơ bản trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền</li> <li>CO6: Tổ</li> </ul>   | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |

|     |  |   |   |     |                                       |
|-----|--|---|---|-----|---------------------------------------|
|     |  | <p>chức làm việc nhóm để thảo luận và tập luyện môn bóng chuyền.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO7: Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và thực hiện được các nội dung của tài liệu.</p> <p>+ CO8: Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và tập luyện bóng chuyền để phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực.</p>  |   |     |                                       |
| 7.3 | Giáo dục thể chất 1<br>(Bóng rổ 1)               | <p>- <i>Kiến thức: Hiểu được cơ sở lý luận</i></p> <p>+ CO1: Nguồn gốc, quá trình phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của bóng rổ. Vệ sinh tập luyện.</p> <p>+ CO2: Một số điều luật cơ bản về sân bãi, dụng cụ của Luật bóng rổ.</p> <p>- <i>Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng rổ ở mức độ tương đối chính xác.</i></p> <p>+ CO3: Kỹ thuật di chuyển không bóng và có bóng.</p> <p>+ CO4: Kỹ thuật chuyền, bắt bóng tại chỗ hai tay trước ngực.</p> <p>+ CO5: Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao ở vị trí gần rổ.</p> <p>+ CO6: Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO7: Tích cực tập luyện, học tập và nghiên cứu tài liệu.</p> <p>+ CO8: Giáo dục phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tập thể....</p>   | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 7.4 | Giáo dục thể chất 1<br>(Cầu lông 1)              | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển môn cầu lông.</p> <p>+ CO2: Kể tên được các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</p> <p>+ CO4: Sử dụng thành thạo các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</p> <p>+ CO5: Kết hợp các bước di chuyển đơn phù hợp với từng tình huống cầu đến cụ thể.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO6: Có thái độ nghiêm túc khi tập luyện cầu lông nâng cao sức khỏe.</p>  | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 7.5 | Giáo dục thể chất 1<br>(Võ cổ truyền Việt Nam 1) | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Hiểu được khái niệm, phân loại, đặc điểm tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền Việt Nam.</p> <p>+ CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh sinh viên nhập môn.</p> <p>+ CO3: Hiểu biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ cổ truyền Việt Nam khi tập luyện và thi đấu trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</p> <p>- <i>Kỹ năng: Thực hiện được những kỹ thuật căn bản:</i></p> <p>+ CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật công tay không.</p> <p>+ CO5: Thực hiện được kỹ thuật đấu luyện tay không [Tự vệ].</p> <p>+ CO6: Trình diễn được bài quyền tay không [Hùng Kê Quyền].</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</p> <p>+ CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ cổ truyền Việt Nam và rèn luyện thể chất thường xuyên.</p> | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 7.6 | Giáo dục thể chất 1<br>(Võ Taekwondo 1)          | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển môn Võ Taekwondo.</p>  | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |

|     |                                    |   |   |     |                                       |
|-----|------------------------------------|---|---|-----|---------------------------------------|
|     |                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh sinh viên nhập môn.</li> <li>+ CO3: Hiểu và biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ Taekwondo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</i></li> <li>+ CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật phòng thủ, tấn công đòn tay, đòn chân.</li> <li>+ CO5: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.</li> <li>+ CO6: Trình diễn được bài quyền số 1.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Taekwondo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>  |   |     |                                       |
| 7.7 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo1) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển môn Võ Karatedo.</li> <li>+ CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh nhập môn.</li> <li>+ CO3: Hiểu và biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ Karatedo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</i></li> <li>+ CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật tấn pháp.</li> <li>+ CO5: Hiểu và thực hiện kỹ thuật đòn đâm, đòn đỡ, đòn đá, quyền pháp Karatedo.</li> <li>+ CO6: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Karatedo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>  | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 8   | Kinh tế chính trị Mác Lênin        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.</li> <li>+ CO2: Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc mang tính kinh viện.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Hình thành kỹ năng trình bày vấn đề, phân tích, xử lý tình huống trong công việc cụ thể.</li> <li>+ CO4: Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</li> <li>+ CO6: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.</li> </ul> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |
| 9   | Tiếng Anh 2                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp về thì hiện tại, hiện tại tiếp diễn, quá khứ, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, will, going to, some, any, many, much, a lot of, a little, a few, (not) as ... as, too, enough, zero-conditional, và first conditional.</li> <li>+ CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp về ngôn ngữ</li> </ul>   | 4 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |

|    |                   |   |   |     |                             |
|----|-------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|    |                   | <p>và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề <i>âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm.</i></p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh với những kiến thức ngữ pháp ở cấp độ tiền trung cấp về <i>thì hiện tại, hiện tại tiếp diễn, quá khứ, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, will, going to, some, any, many, much, a lot of, a little, a few, (not) as ... as, too, enough, zero-conditional, và first conditional.</i></p> <p>+ CO4: Sinh viên có thể xử lý các tình huống liên quan đến các chủ đề như <i>âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm.</i></p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.</p>   |   |     |                             |
| 10 | Kỹ năng giao tiếp | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Trang bị những kiến thức chung về giao tiếp, giúp sinh viên hiểu được khái niệm, chức năng, vai trò và các loại hình giao tiếp; hiểu được các nguyên tắc và quá trình giao tiếp.</p> <p>+ CO2: Giúp sinh viên nhận thức được đặc điểm, vai trò và những kỹ năng cơ bản trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện và bước đầu hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.</p> <p>+ CO4: Rèn luyện và bước đầu hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cơ thể và quản lý cảm xúc.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của giao tiếp và kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống; có thái độ tích cực trong học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp của bản thân.</p> <p>+ CO6: Sinh viên tự tin, chủ động, vận dụng linh hoạt, khéo léo các kỹ năng giao tiếp vào những tình huống cụ thể trong thực tiễn cuộc sống.</p> <p>+ CO7: Sinh viên có ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 11 | Dẫn luận ngôn ngữ | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học trước khi họ đi vào học tập và nghiên cứu các học phần khác của chuyên ngành Văn học – báo chí.</p> <p>+ CO2: Giúp người học có được những hiểu biết về các quy luật của ngôn ngữ và biểu hiện của các quy luật đó trong các ngôn ngữ cụ thể.</p> <p>+ CO3: Sinh viên phải nắm được các quy tắc về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong các ngôn ngữ nói chung và biết vận dụng những quy tắc chung ấy vào việc phân tích một ngôn ngữ cụ thể.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Hình thành năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa dựa trên khái niệm và quy luật của ngôn ngữ.</p> <p>+ CO5: Hình thành kỹ năng phân tích ngôn ngữ học và biết vận dụng kỹ năng phân tích ấy vào việc phân tích cấu trúc của một ngôn ngữ cụ thể.</p> <p>+ CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức lý thuyết ngôn ngữ học vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống.</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |                             |   |   |     |                             |
|----|-----------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|    |                             | <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức đại cương của học phần này.</p>   |   |     |                             |
| 12 | Cơ sở văn hóa Việt Nam      | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức về văn hoá và văn hoá Việt Nam.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO2: Trang bị những kĩ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam</p> <p>+ CO3: Rèn luyện kĩ năng kiến thức văn hoá học vào việc nghiên cứu, tìm hiểu địa lý, lịch sử đất nước Việt Nam (địa - văn hoá).</p> <p>+ CO4: Vận dụng kiến thức văn hoá học vào phân tích ngôn ngữ, vào tác phẩm báo chí và thực tiễn đời sống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.</p> <p>+ CO6: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 13 | Tiến trình văn học Việt Nam | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình vận động của văn học Việt Nam từ văn học dân gian đến văn học viết, trên cả hai phương diện nội dung và hình thức thể hiện.</p> <p>+ CO2: Giúp cho sinh viên hiểu được văn học Việt Nam là giá trị tri thức và tâm hồn của dân tộc Việt, từ đó giúp sinh viên biết phát huy và sử dụng vốn tri thức này một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, nghiên cứu và trong đời sống.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Có kỹ năng tìm hiểu những nội dung cơ bản của một nền văn học.</p> <p>+ CO4: Thông qua những bài thuyết trình, thảo luận giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phân biện.</p> <p>+ CO5: Khả năng tư duy theo hệ thống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.</p> <p>+ CO7: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p> | 3 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 14 | Văn học trung đại 1         | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lịch sử xã hội hình thành văn học viết Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII.</p> <p>+ CO2: Hiểu rõ một số phương diện chủ yếu về thân thế và sự nghiệp tác giả, nội dung và hình thức nghệ thuật của văn học viết giai đoạn này.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Giúp cho sinh viên có được những kỹ năng cảm thụ và phân tích các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.</p>  | 3 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |                                 |   |   |     |                             |
|----|---------------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|    |                                 | <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO4: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO5: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</p>   |   |     |                             |
| 15 | Giáo dục quốc phòng – an ninh 1 | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>+ CO2: Các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền QPTD, ANND; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.</p> <p>+ CO3: Các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại.</p> <p>+ CO4: Về xây dựng bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới.</p> <p>+ CO5: Một số nội dung cơ bản về lịch sử quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO6: Hình thành và phát triển năng lực tư duy, phê phán, giải quyết vấn đề.</p> <p>+ CO7: Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng.</p> <p>+ CO8: Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phân tích các vấn đề chính trị, xã hội.</p> <p>+ CO9: Có kỹ năng nêu gương, kỹ năng đối thoại, thuyết phục các vấn đề chính trị xã hội.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO10: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực.</p> <p>+ CO11: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>+ CO12: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</p> <p>+ CO13: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p> | 3 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 16 | Giáo dục quốc phòng – an ninh 2 | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Nắm được những quan điểm của Đảng về quốc phòng - an ninh trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.</p> <p>+ CO2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.</p> <p>+ CO3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm người khác; vi phạm pháp luật trên không gian mạng.</p> <p>+ CO4: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO5: Hình thành và phát triển năng lực tư duy, phê phán, giải quyết vấn đề.</p> <p>+ CO6: Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng.</p> <p>+ CO7: Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phân tích các vấn đề chính trị, xã hội.</p>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |                                    |  |   |     |                                       |
|----|------------------------------------|--|---|-----|---------------------------------------|
|    |                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO8: Có kỹ năng nêu gương, kỹ năng đối thoại, thuyết phục các vấn đề chính trị xã hội.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO9: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực.</li> <li>+ CO10: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</li> <li>+ CO11: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</li> <li>+ CO12: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</li> </ul>   |   |     |                                       |
| 18 | Giáo dục quốc phòng – an ninh<br>3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.</li> <li>+ CO2: Nắm được nội dung cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, thực hành cách đo đạc, vận dụng kiến thức vào thực địa.</li> <li>+ CO3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội.</li> <li>+ CO4: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO5: Rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.</li> <li>+ CO6: Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ và chỉ thị mục tiêu, đo cự ly, diện tích...</li> <li>+ CO7: Biết cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.</li> <li>+ CO8: Biết vận dụng nội dung ba môn quân sự phối hợp vào trong học tập và cuộc sống.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO9: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.</li> <li>+ CO10: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</li> <li>+ CO11: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</li> <li>+ CO12: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</li> </ul> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 19 | Giáo dục quốc phòng – an ninh<br>4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Biết cách ngắm bắn súng AK, hiểu được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.</li> <li>+ CO2: Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành bài ném lựu đạn số 1.</li> <li>+ CO3: Hiểu được vị trí, vai trò của cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và nhiệm vụ canh gác.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO4: Rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.</li> <li>+ CO5: Rèn luyện thuần thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiêu liên AK.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO6: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện</li> </ul>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |

|      |  |  |   |     |                                       |
|------|--|--|---|-----|---------------------------------------|
|      |  | <p>rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.</p> <p>+ CO7: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>+ CO8: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</p> <p>+ CO9: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p>   |   |     |                                       |
| 20   | Chọn 1 trong 7 học phần <i>Giáo dục thể chất 2</i> |  |   |     |                                       |
| 20.1 | Giáo dục thể chất 2<br>(Bóng đá 2)                 | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, đá bóng bằng mu chính diện, mu trong bàn chân, dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người.</p> <p>+ CO2: Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện và phòng ngừa chấn thương trong tập luyện TDĐT.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ CO3: Thực hiện chính xác các kỹ thuật cơ bản: đá bóng bằng lòng mu chính diện, bằng má trong bàn chân, dẫn bóng bằng lòng bàn chân, bằng má trong, má ngoài, mu chính diện bàn chân, tăng bóng bằng mu chính diện.</p> <p>+ CO4: Thực hiện được các bài tập rèn luyện tố chất thể lực chung và chuyên môn.</p> <p>+ CO5: Biết phối hợp và vận dụng các kỹ thuật trong tập luyện và thi đấu môn bóng đá.</p> <p>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm.</i></p> <p>+ CO6: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện, yêu thích môn học, chủ động tìm tòi nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</p> <p>+ CO7: Hình thành thói quen tập luyện và thi đấu ngoài giờ.</p> | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 20.2 | Giáo dục thể chất 2<br>(Bóng chuyền 2)             | <p>- <i>Kiến thức: Hoàn thiện cho sinh viên nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền.</i></p> <p>+ CO1: Hiểu được một số điều luật cơ bản của Luật bóng chuyền [Phần Luật thi đấu].</p> <p>+ CO2: Hiểu kiến thức phát triển thể lực, thực hiện được kỹ năng vận động, kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền.</p> <p>- <i>Kỹ năng: Thực hiện chính xác các kỹ thuật của bóng chuyền.</i></p> <p>+ CO3: Thực hiện được tư thế chuẩn bị kết hợp di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, chuyền bóng cao tay.</p> <p>+ CO4: Thực hiện được phát bóng thấp tay và cao tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.</p> <p>+ CO5: Vận dụng được một số điều luật cơ bản vào thực tiễn tập luyện và thi đấu bóng chuyền.</p> <p>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO6: Hình thành ý thức tự giác tập luyện, xây dựng tinh thần làm việc nhóm.</p> <p>+ CO7: Hình thành thói quen vận động và thường xuyên tập luyện môn Bóng chuyền để rèn luyện sức khỏe.</p>                                    | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 20.3 | Giáo dục thể chất 2<br>(Bóng rổ 2)                 | <p>- <i>Kiến thức: Hiểu được cơ sở lý luận</i></p> <p>+ CO1: Khái niệm kỹ thuật tấn công và phòng ngự trong bóng rổ.</p> <p>+ CO2: Một số điều luật cơ bản về luật thi đấu của Luật bóng rổ.</p> <p>- <i>Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng rổ ở mức độ tương đối chính xác.</i></p> <p>+ CO3: Kỹ thuật di chuyển chuyên, bắt bóng.</p> <p>+ CO4: Kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người bên thuận, tại chỗ cầm bóng qua người bên nghịch.</p>   | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |



|      |  |  |   |     |                                       |
|------|--|--|---|-----|---------------------------------------|
|      |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai nhiều vị trí.</li> <li>+ CO6: Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ 1 tay trên vai.</li> </ul> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO7: Tích cực tập luyện, học tập và nghiên cứu tài liệu.</li> <li>+ CO8: Giáo dục phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tập thể....</li> </ul>   |   |     |                                       |
| 20.4 | Giáo dục thể chất 2<br>(Cầu lông 2)              | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Hiểu được tác dụng của tập luyện cầu lông với sức khỏe.</li> <li>+ CO2: Nắm vững một số luật trong môn cầu lông.</li> </ul> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông qua nhiều đường cầu khác nhau.</li> <li>+ CO4: Các bước di chuyển đa bước trong cầu lông.</li> </ul> <p>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Có thái độ nghiêm túc khi tập luyện cầu lông nâng cao sức khỏe.</li> <li>+ CO6: Hỗ trợ được bạn bè trong quá trình tập luyện.</li> </ul>  | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 20.5 | Giáo dục thể chất 2<br>(Võ cổ truyền Việt Nam 2) | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển môn Võ cổ truyền Việt Nam.</li> <li>+ CO2: Nắm vững một số nguyên lý, kỹ thuật cơ bản trong phân môn Quyền và Đối kháng.</li> <li>+ CO3: Hiểu biết một số điều luật được vận dụng trong tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền Việt Nam trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> </ul> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật căn bản công tay không.</li> <li>+ CO5: Thực hiện thuần thực kỹ thuật đấu luyện tay không [Tự vệ].</li> <li>+ CO6: Trình diễn thuần thực bài quyền tay không [Lão Hồ Thượng Sơn].</li> <li>+ CO7: Thực hiện thuần thực kỹ thuật đối kháng.</li> </ul> <p>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO8: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn; hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ cổ truyền Việt Nam và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul> | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 20.6 | Giáo dục thể chất 2<br>(Võ Teakwondo 2)          | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Hiểu được khái niệm, phân tích được kỹ thuật môn Võ Taekwondo.</li> <li>+ CO2: Hiểu một số nguyên lý, kỹ thuật nâng cao trong môn Võ Taekwondo.</li> <li>+ CO3: Biết cách khởi động chung và chuyên môn nâng cao trong môn Võ Taekwondo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> </ul> <p>- <i>Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật nâng cao:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Thực hiện kỹ thuật phòng thủ, tấn công đòn tay, đòn chân nâng cao.</li> <li>+ CO5: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện nâng cao.</li> <li>+ CO6: Trình diễn được bài quyền số 2.</li> </ul> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Taekwondo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>  | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 20.7 | Giáo dục thể chất 2<br>(Võ Karatedo 2)           | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Hiểu được khái niệm các kỹ thuật môn Võ Karatedo.</li> <li>+ CO2: Biết cách khởi động chung và chuyên môn nâng cao trong môn Võ Karatedo khi tập</li> </ul>   | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |

|                     |                           |   |   |     |                             |
|---------------------|---------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|                     |                           | <p>luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</p> <p>- <i>Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</i></p> <p>+ CO3: Hiểu và thực hiện kỹ thuật tấn pháp, đòn đâm, đòn đỡ, đòn đá, quyền pháp Karatedo.</p> <p>+ CO4: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.</p> <p>+ CO5: Trình diễn được bài quyền Heanjodan.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO6: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</p> <p>+ CO7: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Karatedo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</p>  |   |     |                             |
| <b>4.2. Khoá 46</b> |                           |   |   |     |                             |
| 1                   | Chủ nghĩa xã hội khoa học | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học – một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đó là những tri thức về Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>+ CO2: Sinh viên nắm được nội dung cơ bản của các vấn đề chính trị - xã hội trong TKQĐ lên CNXH như xây dựng nền dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.</p> <p>+ CO4: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành; Thông qua các hình thức như thảo luận, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng phân tích, xử lý tình huống xảy ra trong công việc cụ thể;</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung;</p> <p>+ CO6: Bước đầu rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học; hình thành phương pháp nhận thức đúng, giải thích đúng các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn.</p> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 2                   | Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm 2   | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình du nhập của văn tự Hán vào Việt Nam và những ảnh hưởng văn hoá của chữ Hán đến việc hình thành chữ Nôm, ngôn ngữ văn học Nôm.</p> <p>+ CO2: Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về thể loại văn bản Hán Nôm của Việt Nam và những ảnh hưởng của nó đến hoạt động báo chí, truyền thông.</p> <p>+ CO3: Giúp cho sinh viên hiểu được ý nghĩa, âm đọc và chữ viết của hệ thống chữ Hán cơ bản trong các tác phẩm văn học Hán Nôm và tác phẩm báo chí, truyền thông hiện đại của Việt Nam.</p> <p>+ CO4 giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt và phát huy những hiểu biết cơ bản về từ ngữ Hán Việt một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, đời sống và hoạt động chuyên môn báo chí, truyền thông hiện đại..</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO5: Có kỹ năng đọc, viết và hiểu nghĩa của những chữ Hán cơ bản và sự vận dụng linh hoạt</p>   | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|   |                                       |  |   |     |                             |
|---|---------------------------------------|--|---|-----|-----------------------------|
|   |                                       | <p>của nó trong thực tiễn ngôn ngữ giao tiếp, ngôn ngữ báo chí.</p> <p>+ CO6: Có kỹ nhận diện và phân tích, đánh giá các loại hình văn bản, thể loại văn học Hán Nôm của Việt Nam</p> <p>+ CO7: Kỹ năng tư duy theo hệ thống và làm việc nhóm.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO8: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.</p> <p>+ CO9: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  |   |     |                             |
| 3 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp người học nhận diện các kiểu câu, câu đúng, câu hay, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; Cung cấp kiến thức về từ và chính tả tiếng Việt.</p> <p>+ CO2: Cung cấp kiến thức về các loại đoạn văn, liên kết trong đoạn văn.</p> <p>+ CO3: Giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng soạn thảo văn bản dạng viết.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Rèn luyện kỹ năng viết câu đúng, câu hay; sử dụng từ ngữ chuẩn xác, phù hợp với hoàn cảnh, mục đích và nội dung giao tiếp.</p> <p>+ CO5: Rèn luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn chuẩn mực phù hợp với các loại văn bản.</p> <p>+ CO6: Hình thành kỹ năng ứng dụng trong việc soạn thảo các loại văn bản tiếng Việt, đặc biệt là văn bản hành chính và văn bản khoa học.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO8: Sinh viên trau dồi thói quen sử dụng tiếng Việt sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ cũng như giữ gìn sự trong sáng của tiếng nói dân tộc; sử dụng ngôn ngữ đúng đối tượng, đúng hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp.</p> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 4 | Văn học Ấn Độ - Nhật Bản              | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Chỉ ra được những đặc trưng cơ bản của văn hoá – văn học Ấn Độ và Nhật Bản.</p> <p>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành và liên khu vực để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học Ấn Độ và Nhật Bản.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO4: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p> <p>+ CO5: Có cái nhìn khoa học và khách quan khi đánh giá vấn đề và nhìn nhận cuộc sống</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 5 | Tác phẩm và thể loại văn học          | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những vấn đề cơ bản của tác phẩm và thể loại văn học</p> <p>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành, có tầm nhìn khái quát về lý luận văn học, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể,</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|   |                                    |   |   |     |                                       |
|---|------------------------------------|---|---|-----|---------------------------------------|
|   |                                    | <p>cả hai kĩ năng này cùng bổ sung cho nhau.</p> <p>+ CO4: Có kĩ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>  |   |     |                                       |
| 6 | Văn học trung đại Việt Nam 2       | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về về cơ sở lịch sử xã hội và văn học hai chặng đường của văn học trung đại trong tiến trình vận động của văn học dân tộc.</p> <p>+ CO2: Giúp cho sinh viên hiểu được văn học trung đại Việt Nam ở hai giai đoạn chứa đựng nhiều giá trị tinh hoa của nền văn học dân tộc. Từ đó giúp sinh viên biết phát huy và sử dụng vốn tri thức này một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, nghiên cứu và trong đời sống.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ CO3: Giúp cho người học có kỹ năng cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học trung đại ở hai giai đoạn của văn học viết trung đại Việt Nam.</p> <p>+ CO4: Thông qua những bài thuyết trình, thảo luận, giảng mẫu giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế bài thuyết trình, bài giảng. Khả năng tự tổng hợp tư liệu nghiên cứu để tích lũy kiến thức phục vụ việc trình bày bài viết.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO5: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.</p> <p>+ CO6: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |
| 7 | Ngữ âm tiếng Việt                  | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học, quy tắc về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong ngôn ngữ nói chung</p> <p>+ CO2: Giúp người học hiểu biết về các quy luật của ngôn ngữ</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Hình thành năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa dựa trên khái niệm và quy luật của ngôn ngữ.</p> <p>+ CO4: Có kĩ năng phát hiện, giải quyết vấn đề liên quan đến ngôn ngữ một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |
| 8 | Chọn 1 trong 07 học phần sau       |   |   |     |                                       |
|   | Giáo dục thể chất 3<br>(Bóng đá 3) | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Hiểu biết cơ bản sự hình thành, phát triển bóng đá thế giới và ở Việt Nam và nắm được Luật bóng đá 11 người.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ CO2: Thực hiện thuần thục các động tác di chuyển trong bóng đá.</p> <p>+ CO3: Thực hiện được các kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, thực hiện tốt các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng đã học.</p> <p>+ CO4: Thực hiện được các bài tập rèn luyện tố chất thể lực chuyên môn</p> <p>+ CO5: Biết phối hợp và vận dụng các kỹ thuật trong tập luyện và thi đấu môn bóng đá.</p>  | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |

|  |  |  |     |                                       |  |
|--|--|--|-----|---------------------------------------|--|
|  |  | - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i><br>+ CO6: Có tinh thần giúp đỡ bạn học trong quá trình tập luyện và thi đấu. |     |                                       |  |
| Giáo dục thể chất 3<br>(Bóng chuyền 3)           | - <i>Kiến thức:</i><br>+ CO1: Hiểu được một số điều luật cơ bản của Luật bóng chuyền [Phân tổ chức thi đấu và trọng tài].<br>+ CO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật cơ bản: chuyền bóng cao tay, đệm bóng, phát bóng và đập bóng số 4.<br>- <i>Kỹ năng:</i><br>+ CO3: Nắm vững chiến thuật tấn công và phòng thủ trong bóng chuyền và biết ứng dụng vào thực tiễn thi đấu.<br>+ CO4: Có khả năng thực hiện nhóm để tổ chức tập luyện các nội dung liên quan đến môn học.<br>+ CO5: Tổ chức, hướng dẫn phong trào tập luyện bóng chuyền để rèn luyện sức khỏe.<br>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i><br>+ CO6: Hình thành ý thức tự giác tập luyện.<br>+ CO7: Hình thành thói quen vận động và thường xuyên tập luyện môn Bóng chuyền để rèn luyện sức khỏe. | 1  | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |  |
| Giáo dục thể chất 3<br>(Bóng rổ 3)               | - <i>Kiến thức: Hiểu được cơ sở lý luận</i><br>+ CO1: Chiến thuật tấn công trong bóng rổ.<br>+ CO2: Một số điều luật cơ bản về lỗi và phạm lỗi của Luật bóng rổ.<br>- <i>Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng rổ ở mức độ tương đối chính xác.</i><br>+ CO3: Kỹ thuật chuyền bóng 1 tay qua vai, chuyền bóng 1 tay bên mình, chuyền bóng 2 tay trên đầu.<br>+ CO4: Kỹ thuật di chuyển chuyền, bắt bóng hai tay trước ngực – ném rổ.<br>+ CO5: Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực.<br>+ CO6: Vận dụng các kỹ thuật vào trong thi đấu.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i><br>+ CO7: Tích cực tập luyện, học tập và nghiên cứu tài liệu.<br>+ CO8: Giáo dục phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tập thể.... | 1  | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |  |
| Giáo dục thể chất 3<br>(Cầu lông 3)              | - <i>Kiến thức:</i><br>+ CO1: Hiểu được chiến thuật đánh đôi, đánh đơn trong cầu lông.<br>+ CO2: Nắm vững lý thuyết các kỹ thuật nâng cao trong cầu lông.<br>- <i>Kỹ năng:</i><br>+ CO3: Thực hiện được các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông.<br>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i><br>+ CO4: Có thái độ nghiêm túc khi tập luyện cầu lông nâng cao sức khỏe.<br>+ CO5: Hỗ trợ được bạn bè trong quá trình tập luyện.  | 1  | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |  |
| Giáo dục thể chất 3<br>(Võ cổ truyền Việt Nam 3) | - <i>Kiến thức:</i><br>+ CO1: Hiểu biết được cách phòng ngừa và xử trí chấn thương để áp dụng trong tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền Việt Nam nhằm rèn luyện sức khỏe, thể chất và tinh thần.<br>- <i>Kỹ năng:</i><br>+ CO2: Thực hiện thuần thực kỹ thuật căn bản công tay không.<br>+ CO3: Thực hiện thành thạo kỹ thuật đấu luyện tay không [Tự vệ]<br>+ CO4: Trình diễn thuần thực bài quyền tay không [Lão Hồ Thượng Sơn]  | 1  | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |  |

|    |   |   |   |     |                                       |
|----|---|---|---|-----|---------------------------------------|
|    |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Thực hiện thành thạo kỹ thuật đối kháng</li> <li>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO6: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn; hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ cổ truyền Việt Nam và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>   |   |     |                                       |
|    | Giáo dục thể chất 3<br>(Võ Taekwondo 3) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được luật thi đấu môn Võ Taekwondo.</li> <li>+ CO2: Biết cách tính điểm thắng thua trong thi đấu môn Võ Taekwondo</li> <li>+ CO3: Biết cách khởi động chung và chuyên môn nâng cao trong môn Võ Taekwondo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hành thành thạo được những kỹ thuật nâng cao:</i></li> <li>+ CO4: Thực hiện thành thạo kỹ thuật phòng thủ, tấn công nâng cao</li> <li>+ CO5: Thực hiện thành thạo kỹ thuật đối luyện nâng cao.</li> <li>+ CO6: Trình diễn được bài quyền số 3.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Có thói quen vận động, luyện tập Võ Taekwondo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>   | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
|    | Giáo dục thể chất 3<br>(Võ Karatedo 3)  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được Luật thi đấu môn Võ Karatedo.</li> <li>+ CO2: Biết cách khởi động chung và chuyên môn nâng cao trong môn Võ Karatedo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</i></li> <li>+ CO3: Hiểu và thực hiện kỹ thuật đòn đỡ, đòn đá, quyền pháp Karatedo.</li> <li>+ CO4: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.</li> <li>+ CO5: Trình diễn được bài quyền Heanjodan.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Karatedo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |
| 9  | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được các khái niệm và quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam</li> <li>+ CO2: Hiểu được nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học.</li> <li>+ CO4: Từ kiến thức được trang bị, người học có khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Có khả năng thu thập tài liệu, nghiên cứu những vấn đề thuộc về lịch sử của Đảng. Từ đó hình thành ở người học niềm tin và sự trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam.</li> <li>+ CO6: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng có ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.</li> </ul> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |
| 10 | Văn học hiện đại Việt Nam 1             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> </ul>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |

|    |                               |   |   |     |                             |
|----|-------------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|    |                               | <p>+ CO1: Giúp sinh viên nắm được quá trình vận động, quy luật phát triển, những thành tựu nổi bật của ba khuynh hướng văn học đương thời.</p> <p>+ CO2: Sinh viên nắm được những tác giả tiêu biểu của giai đoạn văn học này, những sáng tác nổi tiếng, những đặc điểm thi pháp nổi bật gắn với tên tuổi của họ.</p> <p>+ CO3: Qua việc tìm hiểu văn học giai đoạn này rút ra ý nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả mà văn học hướng tới cho con người, nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu dân tộc cho sinh viên, chỉ ra được mối liên hệ mật thiết giữa văn học – báo chí.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể.</p> <p>+ CO5: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể tiêu biểu để thấy được đặc điểm, quy luật chung của cả một giai đoạn văn học dân tộc.</p> <p>+ CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức văn học của giai đoạn này để so sánh với những giai đoạn khác, thấy được sự kế thừa, phát triển liên tục của nền văn học dân tộc theo hướng hiện đại hóa trong thế kỉ XX .</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức chung của học phần này.</p> |   |     |                             |
| 11 | Văn học Trung Quốc            | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>Giúp sinh viên hiểu biết, nhận thức được:</p> <p>+ CO1: Diện mạo văn học Trung Quốc - một bộ môn quan trọng trong bộ môn văn học thế giới. Học phần giúp sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền văn học của một đất nước phương Đông tiêu biểu - một nền văn học lâu đời, phong phú đa dạng và nhiều tinh hoa ( thể loại và hình thức thể hiện, nhiều danh nhân văn hóa thế giới...).</p> <p>+ CO2: Văn học Trung Quốc trong quá trình vận động, sáng tạo và cách tân về hình thức nghệ thuật lẫn thể tài. Dựa trên hai trục tiến trình thời gian (từ cổ đại đến đương đại) và thể loại (tiêu biểu: thơ Đường, từ Tống, kịch Nguyên, Tiểu thuyết Minh Thanh...), văn học Trung Quốc dần tương thông ra thế giới.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học Trung Quốc.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO4: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p> <p>+ CO5: Có cái nhìn khoa học và khách quan khi đánh giá vấn đề và nhìn nhận cuộc sống</p>  | 3 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 12 | Từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Việt | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức về bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ, ngữ và các loại ngữ; thấy được tính đặc biệt của từ, nhất là ranh giới từ trong tiếng Việt; nắm vững các kiểu từ có trong tiếng Việt: từ đơn, từ ghép, từ láy cũng như những đơn vị tương đương với từ; phân tích được các thành phần nghĩa của từ.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về các hiện tượng chuyển nghĩa; trường nghĩa, phân loại được vốn từ tiếng Việt thành các lớp theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Nhận thức được tính đặc thù của đơn vị từ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt; nắm được</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|      |  |  |      |     |                             |
|------|--|--|------|-----|-----------------------------|
|      |  | <p>các thao tác cơ bản trong phân tích các nét nghĩa, thành tố nghĩa; định dạng được các phương thức chuyên nghĩa; nắm được tiêu chí nhận diện các lớp từ; xác định được từ Hán-Việt trong những biểu hiện đa dạng của chúng</p> <p>+ CO4: có khả năng vận dụng kiến thức, phương pháp phân tích ngữ nghĩa học vào nghiên cứu vấn đề cụ thể của tiếng Việt.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</p>  |      |     |                             |
| 13   | Văn học phương Tây   | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những đặc trưng cơ bản của văn hóa – văn học Phương Tây Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.</p> <p>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về phương Tây và thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.</p> <p>+ CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>   | 2    | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 14   | Tiến trình văn học thế giới                                | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được văn học thế giới là lịch sử tinh thần, là tâm hồn của các dân tộc. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này. Chương trình này giúp cho sinh viên nắm được toàn cảnh thu nhỏ và cách tiếp cận văn học thế giới. Kế thừa, nâng cao và hệ thống hoá lại kiến thức đã được tích lũy ở phổ thông. Bước đầu tạo tâm thế tốt cho các học phần sâu trong các năm sau.</p> <p>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành và liên khu vực để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.</p> <p>+ CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p> | 3    | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 15   | <i>Chọn 02 trong 06 học phần</i>                           |  | 4/12 | HK2 |                             |
| 15.1 | Văn học dân gian trong mối quan hệ giữa văn học và văn hoá | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những đặc trưng cơ bản của văn hóa – văn học dân gian. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.</p> <p>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về văn hóa – văn học dân gian, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p>   | 2    | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |



|      |   |  |   |     |                             |
|------|---|--|---|-----|-----------------------------|
|      |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.</li> <li>+ CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</li> </ul>  |   |     |                             |
| 15.2 | Văn học trào phúng thời trung đại Việt Nam                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản bộ phận văn học trào phúng cuối thế kỷ XIX với những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật. Làm sáng rõ đặc điểm tiếng cười của văn học trào phúng giai đoạn cuối cùng của văn học trung đại trong mối tương quan với văn học dân gian, văn học trung đại ở các giai đoạn trước.</li> <li>+ CO2: Giúp cho sinh viên hiểu được tiếng cười đã góp phần rất lớn trong cuộc đấu tranh chống lại cái bất công, phi nghĩa. Văn học về tiếng cười đã góp phần tạo nên những hình tượng chủ thể độc đáo trong văn học trung đại, đó là những nhân cách thời suy. Từ đó giúp sinh viên biết phát huy và sử dụng vốn tri thức này một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, nghiên cứu và trong đời sống.</li> <li>- <i>Kỹ năng:</i></li> <li>+ CO3: Giúp cho người học có kỹ năng cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học trung đại trào phúng ở cuối thế kỷ XIX nói riêng, văn học trào phúng trung đại nói chung.</li> <li>+ CO4: Thông qua những bài thuyết trình, thảo luận, giảng mẫu giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế bài thuyết trình, bài giảng. Khả năng tự tổng hợp tư liệu nghiên cứu để tích lũy kiến thức phục vụ việc trình bày bài viết.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.</li> </ul> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 15.3 | Một số khuynh hướng phê bình văn học đương đại Việt Nam   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức khai quá về diện mạo của phê bình văn học qua các chặng đường từ sau 1975 đến nay.</li> <li>+ CO2: Cung cấp một cách bao quát, hệ thống về một số khuynh hướng phê bình văn học nổi bật của văn học Việt Nam đương đại.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Có kỹ năng cảm thụ, phân tích, phê bình những hiện tượng hay những tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn này.</li> <li>+ CO4: Có khả năng đưa ra những nhận định khái quát ban đầu về thành tựu và hạn chế của phê bình văn học Việt Nam đương đại</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</li> <li>+ CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</li> </ul>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 15.4 | Văn học Đông Nam Á trong tiến trình hội nhập của Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Chỉ ra được những đặc trưng cơ bản của văn hoá – văn học văn học Đông Nam Á.</li> <li>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành và liên khu vực để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</li> </ul>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|            |  |  |   |     |                             |
|------------|--|--|---|-----|-----------------------------|
|            |  | <p>- <i>Kỹ năng</i><br/>+ CO3: Cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học Đông Nam Á.<br/>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/>+ CO4: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.<br/>+ CO5: Có cái nhìn khoa học và khách quan khi đánh giá vấn đề và nhìn nhận cuộc sống</p>  |   |     |                             |
| 15.5       | Ngữ dụng học   | <p>- <i>Kiến thức</i><br/>+ CO1: Nắm được những khái niệm cơ bản và một số vấn đề hữu quan như: dụng học, chiếu vật, chỉ xuất, hành vi ngôn ngữ, lập luận...<br/>+ CO2: Nắm được những kỹ năng cơ bản trong việc nhận diện và phân tích và sử dụng ngôn ngữ vào trong cuộc sống một cách hữu hiệu.<br/>- <i>Kỹ năng</i><br/>+ CO3: Nhận diện được các đối tượng nghiên cứu ứng với các khái niệm được giới thiệu trong học phần.<br/>+ CO4: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức ngữ dụng học để phân tích các phát ngôn, diễn ngôn<br/>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 15.6       | Ngôn ngữ văn hoá trong các thể loại văn học Hán Nôm Việt Nam | <p>- <i>Kiến thức</i><br/>+ CO1: Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản và một số vấn đề hữu quan như: ngôn ngữ văn hoá, ngữ liệu văn hoá, ngữ liệu bình dân, ngữ liệu bác học,...<br/>+ CO2: Sinh viên nắm vững những kỹ năng cơ bản trong việc nhận diện và phân chia hệ thống ngữ liệu văn hoá trong văn bản tác phẩm văn học Hán Nôm nhằm đảm bảo tính thẩm mỹ và hiệu quả.<br/>- <i>Kỹ năng</i><br/>+ CO3: Sinh viên có kỹ năng nhận diện được các đối tượng nghiên cứu ứng với các khái niệm được giới thiệu trong học phần.<br/>+ CO4: Sinh viên có kỹ năng thực hiện được một số thao tác trong phân tích, hệ thống hoá các ngữ liệu trong văn bản tác phẩm văn học Hán Nôm.<br/>+ CO5: Phát triển kỹ năng đánh giá, nhận định khái quát hoá về đặc trưng thẩm mỹ trong ngôn ngữ các tác phẩm văn học Hán Nôm phục vụ cho hoạt động tiếp nhận văn học.<br/>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/>+ CO6: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.<br/>+ CO7: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập; tích lũy và vận dụng tốt các kiến thức của học phần vào việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ văn hoá trong thực tiễn giao tiếp và vận dụng trong quá trình tác nghiệp báo chí, truyền thông.</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| <b>4.3</b> | <b>Khóa 45</b>   |  |   |     |                             |
| 1          | Tư tưởng Hồ Chí Minh   | <p>- <i>Kiến thức:</i><br/>+ CO1: Cung cấp những hiểu biết sự hình thành phát triển, nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị của nó đối với cách mạng Việt Nam.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|   |                             |   |   |     |                             |
|---|-----------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|   |                             | <p>+CO2: Hiểu biết về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ CO3: Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.</p> <p>+ CO4: Có khả năng phân tích, bác bỏ những quan điểm sai trái về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh bằng những luận cứ khoa học.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO5: Có niềm tin vào lãnh tụ, vào chế độ xã hội chủ nghĩa</p> <p>+ CO6: Thấy được trách nhiệm bản thân trong việc học tập, rèn luyện góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>  |   |     |                             |
| 2 | Khởi nghiệp                 | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Học phần Khởi nghiệp cung cấp những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn.</p> <p>+ CO2: Học phần Khởi nghiệp giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định được con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Trang bị cho người học kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, thuyết trình, phân tích và phân biện các vấn đề có liên quan để khởi nghiệp thành công.</p> <p>+ CO4: Người học được rèn luyện các khả năng và phương pháp thực hiện các bước trong hành trình khởi nghiệp.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO5: Người học nhận thức được vai trò quan trọng của việc khởi nghiệp, từ đó có thái độ tích cực, ý thức trách nhiệm cao, tinh thần cầu tiến khi khởi nghiệp.</p> <p>+ CO6: Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tự chủ và tác phong làm việc chuyên nghiệp.</p>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 3 | Văn học hiện đại Việt Nam 2 | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp sinh viên nắm được quá trình vận động, quy luật phát triển, những thành tựu nổi bật của ba khuynh hướng văn học từ năm 1932 đến năm 1945: văn học lãng mạn, văn học hiện thực và văn học cách mạng – những khuynh hướng văn học này có mối liên hệ mật thiết với hoạt động báo chí đương thời, tìm hiểu văn học Việt Nam từ năm 1945 – 1964 với những thành tựu, đặc điểm khái quát; làm cơ sở cho các học phần khác của chuyên ngành Văn học – báo chí.</p> <p>+ CO2: Sinh viên nắm được những tác giả tiêu biểu của giai đoạn văn học này, những sáng tác nổi tiếng, những đặc điểm thi pháp nổi bật gắn với tên tuổi của họ.</p> <p>+ CO3: Qua việc tìm hiểu văn học giai đoạn này rút ra ý nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả mà văn học hướng tới cho con người, nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu dân tộc cho sinh viên, chỉ ra được mối liên hệ mật thiết giữa văn học – báo chí.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể.</p> <p>+ CO5: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể tiêu biểu để thấy được đặc điểm, quy luật chung của cả một giai đoạn văn học dân tộc.</p> <p>+ CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức văn học của giai đoạn này để so sánh với những giai đoạn khác, thấy được sự kế thừa, phát triển liên tục của nền văn học dân tộc theo hướng hiện đại hóa trong thế kỉ XX.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|   |                                |  |   |     |                             |
|---|--------------------------------|--|---|-----|-----------------------------|
|   |                                | <p>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức chung của học phần này.</p>  |   |     |                             |
| 4 | Ngữ pháp tiếng Việt            | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về dẫn luận ngữ pháp.</p> <p>+ CO2: Giúp người học nắm vững và phân loại được các kiểu từ tiếng Việt theo tiêu chí cấu tạo và theo tiêu chí đặc điểm ngữ pháp (từ loại). Từ đó có thể vận dụng đúng đắn và sáng tạo cách sử dụng từ trong việc viết câu, viết đoạn văn.</p> <p>+ CO3: Sinh viên phải nắm được các quan hệ ngữ pháp tiếng Việt, biết cách tạo lập một cụm từ tiếng Việt, nhận diện được thành phần câu và các kiểu câu tiếng Việt theo cấu tạo.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: giúp sinh viên hình thành và rèn luyện kỹ năng sử dụng từ, câu một cách thuần thực, chính xác. Có khả năng lý giải một cách khoa học các vấn đề thuộc công tác chuyên môn sau này.</p> <p>+ CO5: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức lý thuyết ngôn ngữ học vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO7: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức đại cương của học phần này.</p> | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 5 | Nhập môn các loại hình báo chí | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Nội dung, khái niệm loại hình báo chí, cách phân chia các loại báo chí, đặc điểm cơ bản của các loại hình báo chí</p> <p>+ CO2: Kiến thức cơ bản về loại hình báo in, báo phát thanh – truyền hình, Báo mạng – điện tử và một số xu hướng phát triển cụ thể của các loại hình này.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện kỹ năng thực hành, sáng tạo ra các tác phẩm báo chí tùy theo đặc trưng của từng loại hình.</p> <p>+ CO4: Thông qua những bài thuyết trình, thảo luận giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phản biện.</p> <p>+ CO5: Khả năng tư duy theo hệ thống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào quá trình tác nghiệp trong môi trường báo chí sau này.</p> <p>+ CO7: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động linh hoạt tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 6 | Lịch sử báo chí Việt Nam       | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những vấn đề cơ bản của lịch sử báo chí Việt Nam</p> <p>+ CO2: Có tầm nhìn khái quát về các vấn đề lịch sử báo chí, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể,</p>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|   |                             |  |   |     |                             |
|---|-----------------------------|--|---|-----|-----------------------------|
|   |                             | <p>cả hai kĩ năng này cùng bổ sung cho nhau.</p> <p>+ CO4: Có kĩ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>   |   |     |                             |
| 7 | Thể loại báo chí            | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Nội dung, khái niệm thể loại báo chí, cách phân chia thể loại báo chí, đặc điểm cơ bản của các loại hình báo chí</p> <p>+ CO2: Kiến thức cơ bản về nhóm thể loại thông tấn, nhóm thể loại chính luận, nhóm thể loại chính luận nghệ thuật</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện kỹ năng thực hành, sáng tạo ra các tác phẩm báo chí tùy theo đặc trưng của từng thể loại.</p> <p>+ CO4: Thông qua những bài thuyết trình, thảo luận giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phân biện.</p> <p>+ CO5: Khả năng tư duy theo hệ thống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.</p> <p>+ CO7: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 8 | Ngôn ngữ báo chí            | <p>- <i>Về kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí; hiểu biết những thông tin hiển hiện và những thông tin ngầm ẩn.</p> <p>+ CO2: Hiểu biết đặc điểm ngôn ngữ trong các nhóm thể loại báo chí, ngôn ngữ trong các loại hình báo chí khác nhau, hiểu biết chức năng, cấu trúc của tít báo, hiểu biết những vấn đề đang đặt ra đối với ngôn ngữ báo chí (thông tin phi văn tự, nói tắt viết tắt trên báo chí, tiếng nước ngoài trên báo chí, thuật ngữ trên báo chí...)</p> <p>- <i>Về kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: rèn luyện cho sinh viên kỹ năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; biết cách đặt title, viết Sapo, đặt tiêu mục; biết chọn ngôn ngữ phù hợp với yêu cầu tác phẩm báo chí.</p> <p>+ CO4: kỹ năng làm việc độc lập và kĩ năng làm việc nhóm; rèn luyện kỹ năng thu thập và xử lý tư liệu; kỹ năng làm slides power point; kỹ năng và thói quen tự nghiên cứu; kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn đời sống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</p> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 9 | Văn học hiện đại Việt Nam 3 | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Trang bị những kiến thức khái quát về văn học Việt Nam giai đoạn từ năm 1965 đến nay.</p> <p>+ CO2: Cung cấp thành tựu một số lĩnh vực cụ thể của văn học Việt Nam trong giai đoạn này như văn xuôi, thơ, lý luận phê bình...</p>  | 3 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |  |  |   |     |                             |
|----|--|--|---|-----|-----------------------------|
|    |  | <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Có kĩ năng nghiên cứu quy luật, sự vận động hay đặc điểm văn học Việt Nam giai đoạn từ 1965 đến nay.</p> <p>+ CO4: Có kĩ năng cảm thụ, phân tích, phê bình những hiện tượng hay những tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn này.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này</p>  |   |     |                             |
| 10 | Văn học Nga  | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những đặc trưng cơ bản của văn hóa – văn học Nga. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.</p> <p>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về văn hóa – văn học Nga và thế giới, góp phần hình thành nên kĩ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện cả kĩ năng bao quát liên ngành và kĩ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kĩ năng này cùng bổ sung cho nhau.</p> <p>+ CO4: Có kĩ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 11 | Phong cách học tiếng Việt và phong cách ngôn ngữ báo chí | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về phong cách học tiếng Việt hiện đại, cụ thể là các khái niệm cơ bản trong phong cách học.</p> <p>+ CO2: Giúp người học nắm vững các đặc trưng, đặc điểm ngôn ngữ của từng phong cách chức năng tiếng Việt; các đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ nghệ thuật.</p> <p>+ CO3: Trang bị những kiến thức cơ bản về các phép tu từ trong tiếng Việt.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Hình thành và rèn luyện kĩ năng thực hành phong cách học tiếng Việt. Người học biết nhận diện và phân tích giá trị tu từ của các phương tiện và biện pháp tu từ trong các sáng tác văn chương.</p> <p>+ CO5: Sinh viên biết cách phân tích một tác phẩm văn học theo hướng phong cách học.</p> <p>+ CO6: Người học biết nhận diện và xây dựng các văn bản theo các phong cách chức năng. Qua các bài thực hành, sinh viên cần có ý thức, rồi đi đến thói quen, có kĩ năng sử dụng các hiện tượng phong cách, trau dồi năng khiếu thẩm bình văn chương; Có thói quen đi tìm những cái hay, độc đáo về mặt ngôn từ trong các sáng tác văn học.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO8: Hình thành thói quen suy nghĩ, lựa chọn từ ngữ trước khi sử dụng; Có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ cũng như giữ gìn sự trong sáng của tiếng nói dân tộc.</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 12 | Ngôn ngữ học văn bản                                     | <p>- <i>Kiến thức</i></p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |                            |  |   |     |                             |
|----|----------------------------|--|---|-----|-----------------------------|
|    |                            | <p>+ CO1: Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản và một số vấn đề hữu quan như: văn bản, đoạn văn, liên kết, mạch lạc...</p> <p>+ CO2: Sinh viên nắm vững những kỹ năng cơ bản trong việc nhận diện và tạo lập văn bản đảm bảo tính mạch lạc, liên kết.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Sinh viên có kỹ năng nhận diện được các đối tượng nghiên cứu ứng với các khái niệm được giới thiệu trong học phần.</p> <p>+ CO4: Sinh viên có kỹ năng thực hiện được một số thao tác trong phân tích, tạo lập đoạn văn, văn bản.</p> <p>+ CO5: Phát triển kỹ năng tạo lập văn bản phục vụ cho hoạt động giao tiếp của con người.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO7: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập; tích lũy và vận dụng tốt các kiến thức của học phần vào việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ trong giao tiếp.</p> |   |     |                             |
| 13 | Thực tế văn học và báo chí | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những vấn đề và kỹ năng thực tế văn học – báo chí. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.</p> <p>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.</p> <p>+ CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>  | 2 | HK2 | Báo cáo thực tế             |
| 14 | Biên tập văn bản báo chí   | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Người học nắm chắc quy trình công tác biên tập, phương pháp biên tập và các thao tác biên tập cụ thể trên các văn bản báo chí.</p> <p>+ CO2: Người học phân tích được mối quan hệ giữa biên tập viên với các bộ phận khác trong toà soạn (đặc biệt là với phóng viên, cộng tác viên).</p> <p>+ CO3: Nắm được các lỗi sai căn bản về ngôn ngữ trên báo chí hiện thời và cách khắc phục các lỗi sai đó trong bản thảo.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Sinh viên hình thành kỹ năng đọc và phân tích các tác phẩm truyền thông một cách có ý thức với tư cách của một biên tập viên (hình thành "phản xạ biên tập" khi tiếp xúc với các tác phẩm báo chí).</p> <p>+ CO5: Sinh viên được rèn luyện kỹ năng phát triển vấn đề, xây dựng thông điệp một cách có ý thức (trên cơ sở nắm bắt những yêu cầu, đòi hỏi của công tác biên tập đối với một tác phẩm báo chí).</p> <p>+ CO6: Sinh viên sử dụng được các kỹ thuật biên tập về nội dung thông tin và biên tập từ ngữ, kiến thức về cách tổ chức bài viết để biên tập các tác phẩm báo chí;</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|      |  |  |   |     |                             |
|------|--|--|---|-----|-----------------------------|
|      |  | <p>Kỹ năng phối hợp tác nghiệp với những người làm công tác biên tập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO8: Sinh viên trau dồi thói quen biên tập kỹ lưỡng bài viết trước khi chuyển bài đến bộ phận biên tập khác tại toà soạn.</p> <p>Có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ cũng như giữ gìn sự trong sáng của tiếng nói dân tộc; sử dụng ngôn ngữ đúng đối tượng, đúng hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp, đặc biệt là ngôn ngữ báo chí.</p>   |   |     |                             |
| 15   | Kỹ năng viết báo                           | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những vấn đề cơ bản của nghiệp vụ phóng viên, đặc biệt và công việc viết báo</p> <p>+ CO2: Có tầm nhìn khái quát về các thể loại báo chí, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Hình thành các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, từ thu thập và xử lý thông tin đến hoàn thiện sản phẩm báo chí</p> <p>+ CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 16   | Dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản mang tính lý luận và thực tiễn - ứng dụng dự án báo chí và các sản phẩm truyền thông đại chúng</p> <p>+ CO2: Hiểu rõ những đặc thù của dự án báo chí và sản phẩm truyền thông đại chúng.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Vận dụng những kiến thức lý luận, khoa học báo chí của môn học vào hoạt động kiến tập, thực tập, thực tế trong thời gian học để phục vụ hành nghề sau khi tốt nghiệp.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO4: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO5: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 4.4. | Khóa 44                                    |  |   |     |                             |
| 1.1. | Chọn 2/3<br>Nhập môn quan hệ công chúng    | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản có liên quan đến lĩnh vực PR; biết được vai trò của PR trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ CO2: Vận dụng được quy trình và lý thuyết nền tảng của truyền thông, PR vào xây dựng một chương trình PR từ phân tích, lập kế hoạch, triển khai cho đến đánh giá.</p> <p>+ CO3: Thiết kế được chương trình PR cho một doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh; lựa chọn, phối hợp được các công cụ PR để triển khai một chương trình PR hiệu quả cho doanh nghiệp.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |



|      |   |  |   |     |                             |
|------|---|--|---|-----|-----------------------------|
|      |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Ứng dụng được các vấn đề cơ bản của PR vào việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ cụ thể trong một tổ chức.</li> <li>+ CO5: Thiết lập được các chiến lược PR cho doanh nghiệp trong sự phối hợp với các môn học và kiến thức khác.</li> <li>+ CO6: Thực hành được các hoạt động PR trong thực tế của doanh nghiệp: tổ chức họp báo, giới thiệu sản phẩm mới, tổ chức sự kiện, tài trợ, xử lý khủng hoảng... <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> </ul> </li> <li>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</li> <li>+ CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức đại cương của học phần này.</li> </ul>  |   |     |                             |
| 1.2. | Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học truyền thông đại chúng và xã hội học về dư luận xã hội như khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và các lý thuyết nghiên cứu...</li> <li>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các hoạt động truyền thông, bản tin truyền thông và thực hiện quy trình điều tra dư luận xã hội.</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Biết phát hiện và phân tích một vấn đề truyền thông và dư luận xã hội cụ thể</li> <li>+ CO4: Có năng lực vận dụng kiến thức xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội vào hoạt động công tác xã hội chính trong Công tác xã hội.</li> </ul> </li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Hiểu và thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề Công tác xã hội</li> <li>+ CO6: Biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> </ul> </li> </ul>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 1.3. | Pháp luật về báo chí, truyền thông đại chúng        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Trang bị cho người học những kiến thức pháp luật về báo chí, truyền thông đại chúng</li> <li>+ CO2: Sinh viên hiểu, giải thích được sự khác nhau về các hình thức xử lý vi phạm trong lĩnh vực báo chí, truyền thông đại chúng</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Kỹ năng đọc hiểu văn bản quy phạm pháp luật, phân tích các tình huống thực tiễn, lập luận và vận dụng pháp luật vào giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản.</li> <li>+ CO4: Có khả năng lập luận và vận dụng pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động báo chí và truyền thông đại chúng.</li> </ul> </li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi; có thái độ khách quan và khoa học trong nghiên cứu và trao đổi những vấn đề về báo chí, truyền thông.</li> <li>+ CO6: Có ý thức tuân thủ pháp luật nội chung và trong hoạt động hành nghề báo chí, truyền thông nói riêng; tham gia tích cực trong đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật.</li> </ul> </li> </ul> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |  |  |   |     |                             |
|----|--|--|---|-----|-----------------------------|
| 2. | Kỹ năng phỏng vấn và tường thuật báo chí | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Hiểu những kiến thức cơ bản về phỏng vấn và tường thuật báo chí.</li> <li>+ CO2: Nắm vững phương pháp, quy trình, kỹ năng phỏng vấn và tường thuật báo chí.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Có kỹ năng làm phỏng vấn trên báo in, báo phát thanh, truyền hình và báo mạng; có kỹ năng làm tường thuật báo chí trực tiếp hoặc rút gọn.</li> <li>+ CO4: Vận dụng được phương pháp, quy trình, kỹ năng phỏng vấn và tường thuật báo chí vào việc thực hiện một cuộc phỏng vấn hay một bài tường thuật báo chí cụ thể. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> </ul> </li> <li>+ CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</li> <li>+ CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</li> </ul>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 3. | Kỹ năng viết cho phát thanh, truyền hình | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Phát thanh, truyền hình là những phương tiện thông tin đại chúng nhanh chóng, hướng đến tất cả mọi người, người có học thức cũng như người thất học. học phần này cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về phát thanh, truyền hình, từ đó hình thành nên những đặc thù, kỹ năng viết bài phục vụ cho công việc phát thanh, truyền hình.</li> <li>+ CO2: Sinh viên nắm được những nguyên tắc, đặc điểm của nghề phát thanh, truyền hình, những bài viết, chuyên mục cụ thể trên bản tin phát thanh, truyền hình (tin ngắn, phóng sự, phỏng vấn) và những yếu tố nội tại phục vụ cho một bản tin (âm thanh, hình ảnh, tiếng động, tit...).</li> <li>+ CO3: Qua việc tìm hiểu đặc điểm của nghề phát thanh, truyền hình, sinh viên hiểu được tầm quan trọng của phát thanh, truyền hình trong bối cảnh thời đại ngày nay, sự liên hệ giữa phát thanh, truyền hình với nhiều ngành nghề khác, chỉ ra được mối liên hệ mật thiết giữa văn học – báo chí. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng</li> </ul> </li> <li>+ CO4: Hình thành kỹ năng viết một bài phát thanh, truyền hình cụ thể.</li> <li>+ CO5: Hình thành kỹ năng xây dựng một chương trình phát thanh, truyền hình phức tạp có dung lượng lớn, các chuyên đề phát thanh, truyền hình kéo dài qua nhiều số, nhiều tập.</li> <li>+ CO6: Hình thành kỹ năng tổng hợp nhiều kiến thức văn hóa – xã hội – văn học trong một bài viết cho phát thanh, truyền hình. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> </ul> </li> <li>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</li> <li>+ CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức chung của học phần này.</li> </ul> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 4. | Dẫn chương trình truyền hình             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về người dẫn chương trình truyền hình.</li> <li>+ CO2: Hiểu rõ những đặc thù của hoạt động dẫn chương trình truyền hình.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Nắm vững một số kỹ năng cơ bản của người dẫn chương trình truyền hình.</li> </ul>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |                                  |  |   |     |                             |
|----|----------------------------------|--|---|-----|-----------------------------|
|    |                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Vận dụng các kỹ năng của người dẫn chương trình truyền hình để dẫn một số chương trình trong thực tế.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</li> <li>+ CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</li> </ul>  |   |     |                             |
| 5. | Báo chí và tổ chức sự kiện       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Kiến thức xã hội: xu hướng phát triển thị trường sự kiện ngày nay; Kiến thức cơ bản về chuyên môn: sự kiện, tổ chức sự kiện, quy trình tổ chức sự kiện...</li> <li>+ CO2: Khả năng xây dựng kế hoạch, kịch bản sự kiện, dự trù kinh phí tổ chức sự kiện...</li> <li>+ CO3: Kỹ năng mềm cần có trong công tác tổ chức sự kiện; Khả năng tổ chức một số sự kiện phổ biến có liên quan tới báo chí, phù hợp nhu cầu xã hội và doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO4: Rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, ra quyết định, kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề.</li> <li>CO5: Rèn luyện kỹ năng dự đoán và xử lý tình huống.</li> <li>CO6: Rèn luyện kỹ năng cơ bản về giao tiếp thông thường, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, thương lượng đàm phán thuyết phục.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</li> <li>+ CO8: Sinh viên trau dồi khả năng phát âm chuẩn mực tiếng Việt và tiếng Anh. Có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ và giao tiếp; Sử dụng ngôn ngữ đúng đối tượng, đúng hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp.</li> </ul> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 6. | Báo chí về văn hoá và nghệ thuật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản mang tính lý luận và thực tiễn - ứng dụng về báo chí văn hóa – nghệ thuật ở Việt Nam</li> <li>+ CO2: Hiểu rõ những đặc thù của báo chí về văn hóa – nghệ thuật ở Việt Nam</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Vận dụng những kiến thức lý luận, khoa học báo chí của môn học vào hoạt động kiến tập, thực tập, thực tế trong thời gian học để phục vụ hành nghề sau khi tốt nghiệp.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO4: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</li> <li>+ CO5: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</li> </ul>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 7. | Văn hoá truyền thông             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức về văn hoá và văn hoá truyền thông.</li> <li>- Kỹ năng</li> </ul>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|     |   |   |   |     |                             |
|-----|---|---|---|-----|-----------------------------|
|     |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO2: Trang bị những kĩ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá truyền thông và văn hoá truyền thông ở Việt Nam hiện nay</li> <li>+ CO3: Rèn luyện kĩ năng kiến thức văn hoá học và truyền thông vào việc tìm hiểu báo chí và hoạt động báo chí.</li> <li>+ CO4: Vận dụng kiến thức văn hoá và truyền thông vào việc tìm hiểu tác phẩm báo chí, quá trình tác nghiệp trong môi trường văn hoá truyền thông và thực tiễn đời sống.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.</li> <li>+ CO6: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động linh hoạt tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</li> </ul>                                |   |     |                             |
| 8.  | Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về sơ đồ và cơ cấu tổ chức của một cơ quan báo chí truyền thông.</li> <li>+ CO2: Hiểu rõ những đặc thù từng lĩnh vực hoạt động trong một cơ quan báo chí truyền thông.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Vận dụng những kiến thức lý luận, khoa học báo chí của môn học và hoạt động kiến tập, thực tập, thực tế trong thời gian học để phục vụ hành nghề sau khi tốt nghiệp.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO4: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</li> <li>+ CO5: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</li> </ul> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 9.  | Thực tập tốt nghiệp                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những vấn đề và kỹ năng thực tế văn hóa du lịch. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.</li> <li>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng, góp phần hình thành nên kĩ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Rèn luyện cả kĩ năng bao quát liên ngành và kĩ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kĩ năng này cùng bổ sung cho nhau.</li> <li>+ CO4: Có kĩ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ cho tương lai.</li> </ul>   | 2 | HK2 | Báo cáo thực tập tốt nghiệp |
| 10. | Khóa luận tốt nghiệp                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Người học nắm chắc quy trình đào tạo ngành văn học báo chí và mối liên hệ giữa các học phần, khối kiến thức.</li> <li>+ CO2: Người học phân tích được mối quan hệ khối kiến thức chuyên ngành và khối kiến thức hỗ trợ của ngành văn học báo chí.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Sinh viên hình thành kỹ năng nghiên cứu, tổng quan tư liệu và xây dựng đề cương nghiên cứu.</li> </ul>  | 2 | HK2 | Khóa luận                   |

|      |  |   |   |     |                             |
|------|--|---|---|-----|-----------------------------|
|      |  | <p>+ CO4: Sinh viên được rèn luyện kỹ năng tra cứu, diễn giải và giải quyết các vấn đề văn học báo chí.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của khoá luận tốt nghiệp đối với công việc sau khi tốt nghiệp. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO6: Sinh viên trau dồi thói quen nghiên cứu độc lập</p>  |   |     |                             |
| 11.  | Học phần thay thế<br>(Học phần bắt buộc)<br>Chuyên đề Văn học Việt Nam | <p>- Kiến thức</p> <p>+ CO1: Giúp sinh viên nắm được đặc điểm thể loại về thơ, từ đó nắm rõ cơ sở lịch sử – xã hội – tư tưởng – văn hóa, quá trình vận động, quy luật phát triển, đặc trưng, những thành tựu nổi bật của thơ Việt Nam hiện đại nói chung, thơ ca trên báo chí đương thời nói riêng. Thấy được sự khác biệt, cách tân giữa thơ Việt Nam hiện đại và thơ Việt Nam trung đại.</p> <p>+ CO2: Sinh viên nắm được sự vận động, đặc điểm thơ Việt Nam hiện đại qua 3 chặng đường: chặng đường Thơ mới trước 1945, chặng đường kháng chiến sau 1945 và chặng đường sau 1975.</p> <p>+ CO3: Sinh viên nắm được những đóng góp cơ bản, thi pháp của các nhà thơ tiêu biểu trong nền văn học Việt Nam hiện đại: Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử, Huy Cận, (giai đoạn trước 1945), Tố Hữu, Chế Lan Viên, Xuân Quỳnh, (chặng đường kháng chiến), Hoàng Cầm, Lê Đạt, Nguyễn Quang Thiều (chặng đường sau 1975)... đối với sự phát triển của lịch sử văn học dân tộc..</p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ CO4: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể.</p> <p>+ CO5: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể tiêu biểu để thấy được đặc điểm, quy luật chung của cả một giai đoạn văn học dân tộc.</p> <p>+ CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức thơ ca của giai đoạn này để so sánh với những giai đoạn khác, thấy được sự kế thừa, phát triển liên tục của nền thơ ca dân tộc theo hướng hiện đại hóa trong thế kỉ XX .</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức chung của học phần này.</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
|      | Học phần tự chọn (2/3)   |   |   |     |                             |
| 12.1 | Chuyên đề ứng dụng văn học và văn hoá                                  | <p>- Kiến thức</p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản mang tính ứng dụng văn học và văn hóa trong hoạt động truyền thông.</p> <p>+ CO2: Hiểu rõ những đặc thù của phương diện văn học – văn hóa trong một cơ quan báo chí truyền thông.</p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ CO3: Vận dụng những kiến thức lý luận, khoa học báo chí của môn học và hoạt động kiến tập, thực tập, thực tế trong thời gian học để phục vụ hành nghề sau khi tốt nghiệp.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO4: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|      |  |  |   |     |                             |
|------|--|--|---|-----|-----------------------------|
|      |  | + CO5: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.   |   |     |                             |
| 12.2 | Báo chí truyền thông và các loại hình nghệ thuật | - Kiến thức<br>+ CO1: Nắm vững những kiến thức cơ bản về truyền thông và các loại hình nghệ thuật biểu diễn.<br>+ CO2: Hiểu rõ nội dung và hình thức truyền thông các loại hình nghệ thuật trên một số thể loại báo chí.<br>- Kỹ năng<br>+ CO3: Có kỹ năng truyền thông về một số loại hình nghệ thuật biểu diễn trên các thể loại báo chí.<br>+ CO4: Vận dụng được phương pháp, quy trình, kỹ năng truyền thông vào việc truyền thông một số loại hình nghệ thuật biểu diễn cụ thể trên báo điện tử.<br>- Mức tự chủ và trách nhiệm<br>+ CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.<br>+ CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này. | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 12.3 | Chính luận và chính luận nghệ thuật              | - Kiến thức<br>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những vấn đề cơ bản của thể chính luận và chính luận nghệ thuật.<br>+ CO2: Có tầm nhìn khái quát về các thể loại báo chí, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.<br>- Kỹ năng<br>+ CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.<br>+ CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.<br>- Mức tự chủ và trách nhiệm<br>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

### 5. Ngành Việt Nam học

| STT                 | Tên môn học         | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---------------------|---------------------|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>5.1. Khóa 47</b> |                     |   |            |                      |                                |
| 1                   | Triết học Mác Lênin | - <i>Kiến thức</i><br>+ CO1: Sinh viên hiểu biết, nhận thức được những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa Mác Lênin nói chung và triết học Mác Lênin nói riêng.<br>+ CO2: Sinh viên hiểu, trình bày được những kiến thức cơ bản về thế giới quan duy vật biện chứng, về phương pháp luận biện chứng duy vật và về chủ nghĩa duy vật lịch sử.<br>- <i>Kỹ năng</i><br>+ CO3: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học | 3          | HK1                  | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ    |

|   |                        |  |   |     |                             |
|---|------------------------|--|---|-----|-----------------------------|
|   |                        | tập những môn học khoa học chuyên ngành. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng từ các kiến thức đã học để xây dựng thế giới quan và phương pháp luận để giải quyết được một số vấn đề trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br>+ CO4: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm   |   |     |                             |
| 2 | Tiếng Anh 1            | - <i>Kiến thức</i><br>+ CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp cơ bản về: <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành.</i><br>+ CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề quen thuộc như <i>địa danh, danh tiếng, sự kiện quá khứ, thiên nhiên và nghề nghiệp.</i><br>- <i>Kỹ năng</i><br>+ CO3: Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở mức độ cơ bản với những điểm ngữ pháp liên quan đến <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành.</i><br>+ CO4: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản liên quan đến <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành</i> để có thể nói và viết về các chủ đề như <i>địa danh, danh tiếng, thiên nhiên, du lịch và nghề nghiệp.</i><br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br>+ CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân. | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 3 | Tin học cơ sở (xã hội) | - <i>Kiến thức</i><br>+ CO1: Cung cấp những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng cho nhóm ngành khoa học xã hội.<br>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu của ngành học bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.<br>+ CO3: Trang bị kiến thức cho sinh viên có thể sử dụng máy tính, giao tiếp với máy tính bằng những thao tác nâng cao trên những ứng dụng của Microsoft để tổ chức lưu trữ, xử lý, hiển thị dữ liệu cho bài toán đưa ra.<br>- <i>Kỹ năng</i><br>+ CO4: Có kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin vào công việc thực tế.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br>+ CO5: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và ứng dụng vào công việc thực tế.   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 4 | Cơ sở văn hoá Việt Nam | - <i>Kiến thức</i><br>+ CO1: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức về văn hoá và văn hoá Việt Nam.<br>- <i>Kỹ năng</i><br>+ CO2: Trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam<br>+ CO3: Rèn luyện kỹ năng kiến thức văn hoá học vào việc nghiên cứu, tìm hiểu địa lý, lịch sử đất nước Việt Nam (địa - văn hoá).<br>+ CO4: Vận dụng kiến thức văn hoá học vào phân tích ngôn ngữ, vào tác phẩm báo chí và thực tiễn đời sống.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br>+ CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy   | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|     |   |  |   |     |                             |
|-----|---|--|---|-----|-----------------------------|
|     |   | kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.<br>+ CO6: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động linh hoạt tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.  |   |     |                             |
| 5   | Pháp luật đại cương                                     | - <i>Kiến thức</i><br>+ CO1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật, khái niệm và cơ cấu của Hệ thống pháp luật Việt Nam;<br>+ CO2: Nhận biết được đối tượng và phương pháp điều chỉnh của mỗi ngành luật.<br>+ CO3: Hiểu rõ bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ chế điều chỉnh pháp luật của Nhà nước.<br>- <i>Kỹ năng</i><br>+ CO4: Kỹ năng tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật và các cơ quan tổ chức trợ giúp pháp lý;<br>+ CO5: Kỹ năng đọc hiểu văn bản quy phạm pháp luật, phân tích các tình huống thực tiễn, lập luận và vận dụng pháp luật vào giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i><br>+ CO6: Có thái độ đúng đắn về địa vị làm chủ của công dân để từ đó có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân;<br>+ CO7: Tôn trọng pháp luật, tuân thủ, chấp hành và sử dụng tốt pháp luật trong việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bản thân, gia đình, nhà nước và xã hội.  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 6   | Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam                | - <i>Kiến thức:</i><br>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành phát triển của các hệ tư tưởng Nho, Phật Lão, Hồi giáo và các vấn đề liên quan đến sự biểu hiện của các hệ tư tưởng này trong lịch sử phát triển tư tưởng văn hoá Việt Nam...<br>+ CO2: Giúp cho sinh viên hiểu được đặc điểm, ý nghĩa và các biểu hiện cụ thể của từng hệ tư tưởng phương Đông và tư tưởng bản địa của Việt Nam trong bối cảnh văn hoá phương Đông, Việt Nam.<br>+ CO3: giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt và phát huy những hiểu biết cơ bản về lịch sử, văn hoá tư tưởng phương Đông và văn hoá bản địa Việt Nam một cách một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, đời sống và hoạt động chuyên môn văn hoá và du lịch ở Việt Nam hiện nay..<br>- <i>Kỹ năng</i><br>+ CO4: Có kỹ năng hiểu và giới thiệu về đặc trưng của từng hệ thống tư tưởng cụ thể trong văn hoá phương Đông và Việt Nam.<br>+ CO5: Có kỹ nhận diện và phân tích, đánh giá các biểu hiện cụ thể của tư tưởng phương Đông và Việt Nam trong hệ thống các di sản văn hoá của Việt Nam hiện nay.<br>+ CO6: Kỹ năng tư duy theo hệ thống và làm việc nhóm.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br>+ CO7: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.<br>+ CO8: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động linh hoạt tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu. | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 7   | Chỉ chọn 1 trong 07 học phần <i>Giáo dục thể chất 1</i> |  |   |     |                             |
| 7.1 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)                         | - <i>Kiến thức: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật.</i><br>+ CO1: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật Bóng đá, Luật thi đấu bóng đá 5 người.<br>+ CO2: Hiểu và thực hiện được động tác kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, má trong bàn chân, lòng bàn chân trong bóng đá.<br>- <i>Kỹ năng: Thực hành được một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá</i>  | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |



|     |  |  |   |     |                                       |
|-----|--|--|---|-----|---------------------------------------|
|     |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản: đá bóng bằng lòng bàn chân, bằng má trong bàn chân, dẫn bóng bằng lòng bàn chân, bằng má trong bàn chân.</li> <li>+ CO4: Thực hiện được các bài tập rèn luyện tố chất thể lực chung và chuyên môn.</li> <li>+ CO5: Vận dụng được một số điều luật cơ bản trong tập luyện và thi đấu bóng đá.</li> <li>+ CO6: Tổ chức nhóm tập luyện theo yêu cầu của giảng viên.</li> </ul> <p><i>- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện, yêu thích môn học.</li> <li>+ CO8: Chủ động tìm tòi nghiên cứu tài liệu chuyên môn, hình thành thói quen tập luyện và thi đấu ngoài giờ.</li> </ul>  |   |     |                                       |
| 7.2 | Giáo dục thể chất 1<br>(Bóng chuyền 1) | <p><i>- Kiến thức: Hiểu biết các nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển Bóng chuyền ở Việt Nam và trên thế giới; đặc điểm, tác dụng, lợi ích rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất của môn bóng chuyền.</li> <li>+ CO2: Nhận biết được một số trạng thái bệnh lý thường gặp, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện.</li> <li>+ CO3: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật cơ bản đặc trưng nhất và một số điều luật cơ bản của môn bóng chuyền.</li> </ul> <p><i>- Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Thực hiện được tư thế chuẩn bị và di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, chuyền bóng cao tay, phát bóng thấp tay và cao tay</li> <li>+ CO5: Vận dụng được một số điều luật cơ bản trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền</li> <li>+ CO6: Tổ chức làm việc nhóm để thảo luận và tập luyện môn bóng chuyền.</li> </ul> <p><i>- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO7: Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và thực hiện được các nội dung của tài liệu.</li> <li>+ CO8: Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và tập luyện bóng chuyền để phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực.</li> </ul> | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |
| 7.3 | Giáo dục thể chất 1<br>(Bóng rổ 1)     | <p><i>- Kiến thức: Hiểu được cơ sở lý luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Nguồn gốc, quá trình phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của bóng rổ. Vệ sinh tập luyện.</li> <li>+ CO2: Một số điều luật cơ bản về sân bãi, dụng cụ của Luật bóng rổ.</li> </ul> <p><i>- Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng rổ ở mức độ tương đối chính xác.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Kỹ thuật di chuyển không bóng và có bóng.</li> <li>+ CO4: Kỹ thuật chuyền, bắt bóng tại chỗ hai tay trước ngực.</li> <li>+ CO5: Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao ở vị trí gần rổ.</li> <li>+ CO6: Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ 1 tay trên vai.</li> </ul> <p><i>- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO7: Tích cực tập luyện, học tập và nghiên cứu tài liệu.</li> <li>+ CO8: Giáo dục phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tập thể....</li> </ul>  | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 7.4 | Giáo dục thể chất 1<br>(Cầu lông 1)    | <p><i>- Kiến thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển môn cầu lông.</li> <li>+ CO2: Kể tên được các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</li> </ul> <p><i>- Kỹ năng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</li> </ul>  | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |

|     |  |  |   |     |                                       |
|-----|--|--|---|-----|---------------------------------------|
|     |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Sử dụng thành thạo các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</li> <li>+ CO5: Kết hợp các bước di chuyển đơn phù hợp với từng tình huống cầu đến cụ thể.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO6: Có thái độ nghiêm túc khi tập luyện cầu lông nâng cao sức khỏe.</li> </ul>  |   |     |                                       |
| 7.5 | Giáo dục thể chất 1<br>(Võ cổ truyền Việt Nam 1) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được khái niệm, phân loại, đặc điểm tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền Việt Nam.</li> <li>+ CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh sinh viên nhập môn.</li> <li>+ CO3: Hiểu biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ cổ truyền Việt Nam khi tập luyện và thi đấu trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</i></li> <li>+ CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật công tay không.</li> <li>+ CO5: Thực hiện được kỹ thuật đấu luyện tay không [Tự vệ].</li> <li>+ CO6: Trình diễn được bài quyền tay không [Hùng Kê Quyền].</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ cổ truyền Việt Nam và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul> | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 7.6 | Giáo dục thể chất 1<br>(Võ Taekwondo 1)          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển môn Võ Taekwondo.</li> <li>+ CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh sinh viên nhập môn.</li> <li>+ CO3: Hiểu và biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ Taekwondo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</i></li> <li>+ CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật phòng thủ, tấn công đòn tay, đòn chân.</li> <li>+ CO5: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.</li> <li>+ CO6: Trình diễn được bài quyền số 1.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Taekwondo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>  | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 7.7 | Giáo dục thể chất 1<br>(Võ Karatedo1)            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển môn Võ Karatedo.</li> <li>+ CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh nhập môn.</li> <li>+ CO3: Hiểu và biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ Karatedo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</i></li> <li>+ CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật tấn pháp.</li> <li>+ CO5: Hiểu và thực hiện kỹ thuật đòn đâm, đòn đỡ, đòn đá, quyền pháp Karatedo.</li> <li>+ CO6: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Karatedo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>   | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 8   | Kinh tế chính trị Mác Lênin                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.</li> </ul>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |

|    |                   |  |   |     |                             |
|----|-------------------|--|---|-----|-----------------------------|
|    |                   | <p>+ CO2: Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc mang tính kinh viện.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Hình thành kỹ năng trình bày vấn đề, phân tích, xử lý tình huống trong công việc cụ thể.</p> <p>+ CO4: Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p> <p>+ CO6: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.</p>  |   |     |                             |
| 9  | Tiếng Anh 2       | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp về <i>thì hiện tại, hiện tại tiếp diễn, quá khứ, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, will, going to, some, any, many, much, a lot of, a little, a few, (not) as ... as, too, enough, zero-conditional, và first conditional.</i></p> <p>+ CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề <i>âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm.</i></p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh với những kiến thức ngữ pháp ở cấp độ tiền trung cấp về <i>thì hiện tại, hiện tại tiếp diễn, quá khứ, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, will, going to, some, any, many, much, a lot of, a little, a few, (not) as ... as, too, enough, zero-conditional, và first conditional.</i></p> <p>+ CO4: Sinh viên có thể xử lý các tình huống liên quan đến các chủ đề như <i>âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm.</i></p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.</p> | 4 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 10 | Kỹ năng giao tiếp | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Trang bị những kiến thức chung về giao tiếp, giúp sinh viên hiểu được khái niệm, chức năng, vai trò và các loại hình giao tiếp; hiểu được các nguyên tắc và quá trình giao tiếp.</p> <p>+ CO2: Giúp sinh viên nhận thức được đặc điểm, vai trò và những kỹ năng cơ bản trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện và bước đầu hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.</p> <p>+ CO4: Rèn luyện và bước đầu hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cơ thể và quản lý cảm xúc.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của giao tiếp và kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống; có thái độ tích cực trong học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp của bản thân.</p> <p>+ CO6: Sinh viên tự tin, chủ động, vận dụng linh hoạt, khéo léo các kỹ năng giao tiếp vào những tình huống cụ thể trong thực tiễn cuộc sống.</p> <p>+ CO7: Sinh viên có ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |                           |  |   |     |                             |
|----|---------------------------|--|---|-----|-----------------------------|
|    |                           | nhân và xã hội.  |   |     |                             |
| 11 | Dẫn luận ngôn ngữ         | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học trước khi họ đi vào học tập và nghiên cứu các học phần khác của chuyên ngành Văn học – báo chí.<br/> + CO2: Giúp người học có được những hiểu biết về các quy luật của ngôn ngữ và biểu hiện của các quy luật đó trong các ngôn ngữ cụ thể.<br/> + CO3: Sinh viên phải nắm được các quy tắc về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong các ngôn ngữ nói chung và biết vận dụng những quy tắc chung ấy vào việc phân tích một ngôn ngữ cụ thể.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i><br/> + CO4: Hình thành năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa dựa trên khái niệm và quy luật của ngôn ngữ.<br/> + CO5: Hình thành kỹ năng phân tích ngôn ngữ học và biết vận dụng kỹ năng phân tích ấy vào việc phân tích cấu trúc của một ngôn ngữ cụ thể.<br/> + CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức lý thuyết ngôn ngữ học vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.<br/> + CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức đại cương của học phần này.</p> | 3 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 12 | Văn học dân gian Việt Nam | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những đặc trưng cơ bản của văn hóa – văn học dân gian Việt Nam. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.<br/> + CO2: Có cái nhìn liên ngành văn hóa – văn học để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i><br/> + CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.<br/> + CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>   | 3 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 13 | Lịch sử văn minh thế giới | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được lịch sử văn minh thế giới là lịch sử các giá trị tinh thần lẫn vật chất, là tâm hồn của các dân tộc. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.<br/> + CO2: Có cái nhìn liên ngành và liên khu vực để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về lịch sử văn minh thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i><br/> + CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.<br/> + CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |                                 |   |   |     |                             |
|----|---------------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
| 14 | Hán Nôm cơ sở                   | <p>- <i>Kiến thức:</i><br/> + CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành phát triển của văn tự Hán và các vấn đề liên quan như cấu tạo, đặc điểm văn hoá, quy tắc bút thuận...<br/> + CO2: Giúp cho sinh viên hiểu được ý nghĩa, âm đọc và chữ viết của hệ thống chữ Hán cơ bản trong di sản Hán Nôm Việt Nam.<br/> + CO3 giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt và phát huy những hiểu biết cơ bản về Hán văn một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, đời sống và hoạt động chuyên môn văn hoá và du lịch ở Việt Nam hiện nay..</p> <p>- <i>Kỹ năng</i><br/> + CO4: Có kỹ năng đọc, viết và hiểu nghĩa của những chữ Hán cơ bản<br/> + CO5: Có kỹ nhận diện và phân tích, đánh giá các loại hình văn bản Hán Nôm trong hệ thống các di sản, kiến trúc cổ điển Việt Nam hiện nay.<br/> + CO6: Kỹ năng tư duy theo hệ thống và làm việc nhóm.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO7: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.<br/> + CO8: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  | 3 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 15 | Giáo dục quốc phòng – an ninh 1 | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.<br/> + CO2: Các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền QPTD, ANND; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.<br/> + CO3: Các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại.<br/> + CO4: Về xây dựng bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới.<br/> + CO5: Một số nội dung cơ bản về lịch sử quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i><br/> + CO6: Hình thành và phát triển năng lực tư duy, phê phán, giải quyết vấn đề.<br/> + CO7: Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng.<br/> + CO8: Có kỹ năng vận dụng lý luận, phương pháp và phân tích các vấn đề chính trị, xã hội.<br/> + CO9: Có kỹ năng nêu gương, kỹ năng đối thoại, thuyết phục các vấn đề chính trị xã hội.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO10: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực.<br/> + CO11: Trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.<br/> + CO12: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.<br/> + CO13: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p> | 3 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 16 | Giáo dục quốc phòng – an ninh 2 | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Nắm được những quan điểm của Đảng về quốc phòng - an ninh trong phòng chống chiến lược</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |                                    |   |   |     |                                       |
|----|------------------------------------|---|---|-----|---------------------------------------|
|    |                                    | <p>“diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.</p> <p>+ CO2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.</p> <p>+ CO3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm người khác; vi phạm pháp luật trên không gian mạng.</p> <p>+ CO4: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO5: Hình thành và phát triển năng lực tư duy, phê phán, giải quyết vấn đề.</p> <p>+ CO6: Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng.</p> <p>+ CO7: Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phân tích các vấn đề chính trị, xã hội.</p> <p>+ CO8: Có kỹ năng nêu gương, kỹ năng đối thoại, thuyết phục các vấn đề chính trị xã hội.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO9: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực.</p> <p>+ CO10: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>+ CO11: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</p> <p>+ CO12: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p>   |   |     |                                       |
| 17 | Giáo dục quốc phòng – an ninh<br>3 | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.</p> <p>+ CO2: Nắm được nội dung cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, thực hành cách đo đạc, vận dụng kiến thức vào thực địa.</p> <p>+ CO3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội.</p> <p>+ CO4: Phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO5: Rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO6: Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ và chỉ thị mục tiêu, đo cự ly, diện tích...</p> <p>+ CO7: Biết cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>+ CO8: Biết vận dụng nội dung ba môn quân sự phối hợp vào trong học tập và cuộc sống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO9: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.</p> <p>+ CO10: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>+ CO11: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</p> <p>+ CO12: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 18 | Giáo dục quốc phòng – an ninh<br>4 | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Biết cách ngắm bắn súng AK, hiểu được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công</p>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực              |

|      |  |  |   |     |                                       |              |
|------|--|--|---|-----|---------------------------------------|--------------|
|      |  | <p>và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.</p> <p>+ CO2: Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành bài ném lựu đạn số 1.</p> <p>+ CO3: Hiểu được vị trí, vai trò của cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và nhiệm vụ canh gác.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong vững chắc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO5: Rèn luyện thuần thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiêu liên AK.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong vững chắc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.</p> <p>+ CO7: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>+ CO8: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</p> <p>+ CO9: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p> |   |     |                                       | hành cuối kỳ |
| 19   | Chọn 1 trong 7 học phần <i>Giáo dục thể chất 2</i> |  |   |     |                                       |              |
| 19.1 | Giáo dục thể chất 2<br>(Bóng đá 2)                 | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, đá bóng bằng mu chính diện, mu trong bàn chân, dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người.</p> <p>+ CO2: Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện và phòng ngừa chấn thương trong tập luyện TDTT.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ CO3: Thực hiện chính xác các kỹ thuật cơ bản: đá bóng bằng lòng mu chính diện, bằng má trong bàn chân, dẫn bóng bằng lòng bàn chân, bằng má trong, má ngoài, mu chính diện bàn chân, tâng bóng bằng mu chính diện.</p> <p>+ CO4: Thực hiện được các bài tập rèn luyện tố chất thể lực chung và chuyên môn.</p> <p>+ CO5: Biết phối hợp và vận dụng các kỹ thuật trong tập luyện và thi đấu môn bóng đá.</p> <p>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm.</i></p> <p>+ CO6: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện, yêu thích môn học, chủ động tìm tòi nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</p> <p>+ CO7: Hình thành thói quen tập luyện và thi đấu ngoài giờ.</p>   | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |              |
| 19.2 | Giáo dục thể chất 2<br>(Bóng chuyền 2)             | <p>- <i>Kiến thức: Hoàn thiện cho sinh viên nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền.</i></p> <p>+ CO1: Hiểu được một số điều luật cơ bản của Luật bóng chuyền [Phần Luật thi đấu].</p> <p>+ CO2: Hiểu kiến thức phát triển thể lực, thực hiện được kỹ năng vận động, kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền.</p> <p>- <i>Kỹ năng: Thực hiện chính xác các kỹ thuật của bóng chuyền.</i></p> <p>+ CO3: Thực hiện được tư thế chuẩn bị kết hợp di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, chuyền bóng cao tay.</p> <p>+ CO4: Thực hiện được phát bóng thấp tay và cao tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.</p> <p>+ CO5: Vận dụng được một số điều luật cơ bản vào thực tiễn tập luyện và thi đấu bóng chuyền.</p> <p>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></p>  | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |              |

|      |  |  |   |     |                                       |
|------|--|--|---|-----|---------------------------------------|
|      |  | + CO6: Hình thành ý thức tự giác tập luyện, xây dựng tinh thần làm việc nhóm.<br>+ CO7: Hình thành thói quen vận động và thường xuyên tập luyện môn Bóng chuyền để rèn luyện sức khỏe.   |   |     |                                       |
| 19.3 | Giáo dục thể chất 2<br>(Bóng rổ 2)               | - <i>Kiến thức:</i> Hiểu được cơ sở lý luận<br>+ CO1: Khái niệm kỹ thuật tấn công và phòng ngự trong bóng rổ.<br>+ CO2: Một số điều luật cơ bản về luật thi đấu của Luật bóng rổ.<br>- <i>Kỹ năng:</i> Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng rổ ở mức độ tương đối chính xác.<br>+ CO3: Kỹ thuật di chuyển chuyên, bắt bóng.<br>+ CO4: Kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người bên thuận, tại chỗ cầm bóng qua người bên nghịch.<br>+ CO5: Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai nhiều vị trí.<br>+ CO6: Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ 1 tay trên vai.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i><br>+ CO7: Tích cực tập luyện, học tập và nghiên cứu tài liệu.<br>+ CO8: Giáo dục phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tập thể...  | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 19.4 | Giáo dục thể chất 2<br>(Cầu lông 2)              | - <i>Kiến thức:</i><br>+ CO1: Hiểu được tác dụng của tập luyện cầu lông với sức khỏe.<br>+ CO2: Nắm vững một số luật trong môn cầu lông.<br>- <i>Kỹ năng:</i><br>+ CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông qua nhiều đường cầu khác nhau.<br>+ CO4: Các bước di chuyển đa bước trong cầu lông.<br>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i><br>+ CO5: Có thái độ nghiêm túc khi tập luyện cầu lông nâng cao sức khỏe.<br>+ CO6: Hỗ trợ được bạn bè trong quá trình tập luyện.  | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 19.5 | Giáo dục thể chất 2<br>(Võ cổ truyền Việt Nam 2) | - <i>Kiến thức:</i><br>+ CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển môn Võ cổ truyền Việt Nam.<br>+ CO2: Nắm vững một số nguyên lý, kỹ thuật cơ bản trong phân môn Quyền và Đối kháng.<br>+ CO3: Hiểu biết một số điều luật được vận dụng trong tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền Việt Nam trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.<br>- <i>Kỹ năng:</i><br>+ CO4: Thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật căn bản công tay không.<br>+ CO5: Thực hiện thuần thực kỹ thuật đấu luyện tay không [Tự vệ].<br>+ CO6: Trình diễn thuần thực bài quyền tay không [Lão Hồ Thượng Sơn].<br>+ CO7: Thực hiện thuần thực kỹ thuật đối kháng.<br>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i><br>+ CO8: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn; hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ cổ truyền Việt Nam và rèn luyện thể chất thường xuyên. | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 19.6 | Giáo dục thể chất 2<br>(Võ Taekwondo 2)          | - <i>Kiến thức:</i><br>+ CO1: Hiểu được khái niệm, phân tích được kỹ thuật môn Võ Taekwondo.<br>+ CO2: Hiểu một số nguyên lý, kỹ thuật nâng cao trong môn Võ Taekwondo.<br>+ CO3: Biết cách khởi động chung và chuyên môn nâng cao trong môn Võ Taekwondo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.<br>- <i>Kỹ năng:</i> Thực hành được những kỹ thuật nâng cao:  | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |



|                     |  |  |   |     |                                       |
|---------------------|--|--|---|-----|---------------------------------------|
|                     |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Thực hiện kỹ thuật phòng thủ, tấn công đòn tay, đòn chân nâng cao.</li> <li>+ CO5: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện nâng cao.</li> <li>+ CO6: Trình diễn được bài quyền số 2.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Taekwondo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>   |   |     |                                       |
| 19.7                | Giáo dục thể chất 2<br>(Võ Karatedo 2) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được khái niệm các kỹ thuật môn Võ Karatedo.</li> <li>+ CO2: Biết cách khởi động chung và chuyên môn nâng cao trong môn Võ Karatedo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</i></li> <li>+ CO3: Hiểu và thực hiện kỹ thuật tấn pháp, đòn đâm, đòn đỡ, đòn đá, quyền pháp Karatedo.</li> <li>+ CO4: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.</li> <li>+ CO5: Trình diễn được bài quyền Heanjodan.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO6: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO7: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Karatedo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>   | 1 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| <b>5.2. Khoá 46</b> |  |  |   |     |                                       |
| 1                   | Chủ nghĩa xã hội khoa học              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học – một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đó là những tri thức về Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH.</li> <li>+ CO2: Sinh viên nắm được nội dung cơ bản của các vấn đề chính trị - xã hội trong TKQĐ lên CNXH như xây dựng nền dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.</li> <li>+ CO4: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành; Thông qua các hình thức như thảo luận, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng phân tích, xử lý tình huống xảy ra trong công việc cụ thể;</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung;</li> <li>+ CO6: Bước đầu rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học; hình thành phương pháp nhận thức đúng, giải thích đúng các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn.</li> </ul> | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |
| 2                   | Văn học trung đại Việt Nam             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lịch sử, xã hội, văn hóa ảnh hưởng, hình thành văn học trung đại Việt Nam.</li> <li>+ CO2: Giúp người học hiểu được những đặc điểm cơ bản về nội dung, nghệ thuật và sáng tác của những tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam thời trung đại.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Giúp cho sinh viên có được kỹ năng phát hiện và trình bày những vấn đề văn hóa trong văn</li> </ul>  | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |

|   |  |  |   |     |                             |
|---|--|--|---|-----|-----------------------------|
|   |  | <p>học trung đại Việt Nam; kỹ năng cảm thụ, phân tích các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO4: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO5: Sinh viên biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập, từ đó có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức, kỹ năng của học phần này.</p>   |   |     |                             |
| 3 | Kĩ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt    | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp người học nhận diện các kiểu câu, câu đúng, câu hay, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; Cung cấp kiến thức về từ và chính tả tiếng Việt.</p> <p>+ CO2: Cung cấp kiến thức về các loại đoạn văn, liên kết trong đoạn văn.</p> <p>+ CO3: Giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng soạn thảo văn bản dạng viết.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Rèn luyện kỹ năng viết câu đúng, câu hay; sử dụng từ ngữ chuẩn xác, phù hợp với hoàn cảnh, mục đích và nội dung giao tiếp.</p> <p>CO5: Rèn luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn chuẩn mực phù hợp với các loại văn bản.</p> <p>CO6: Hình thành kỹ năng ứng dụng trong việc soạn thảo các loại văn bản tiếng Việt, đặc biệt là văn bản hành chính và văn bản khoa học.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO8: Sinh viên trau dồi thói quen sử dụng tiếng Việt sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ cũng như giữ gìn sự trong sáng của tiếng nói dân tộc; sử dụng ngôn ngữ đúng đối tượng, đúng hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp.</p> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 4 | Nhân học đại cương                       | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, có hệ thống về các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến Nhân học, quá trình hình thành và phát triển của ngành Nhân học; mối quan hệ giữa Nhân học và các ngành khoa học khác.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về quá trình hình thành các chủng tộc trên thế giới, Đông Nam Á và Việt Nam cũng như một số vấn đề về thiết chế xã hội: thân tộc, khối cộng đồng người, các tiêu chí, các loại hình cộng đồng tộc người trong lịch sử theo quan điểm mácxít.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Giúp sinh viên phân biệt, đánh giá được sự phát triển và những đặc điểm cơ bản của các chủng tộc trên thế giới.</p> <p>+ CO4: Giúp sinh viên đánh giá khách quan về sự vận động của các loại hình cộng đồng người trong lịch sử.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Trang bị cho sinh viên khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, xử lý các nguồn từ liệu, lập kế hoạch học tập, sử dụng bản đồ, tranh ảnh, các phương tiện thông tin hỗ trợ học tập.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 5 | Phương pháp nghiên cứu văn hoá – du lịch | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những phương pháp cơ bản trong nghiên cứu văn hóa du lịch.</p> <p>+ CO2: Có cái nhìn rộng, đa chiều, nắm bắt được những vấn đề cơ bản của các phương pháp nghiên cứu văn hóa du lịch.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|     |                                      |   |       |     |                                       |
|-----|--------------------------------------|---|-------|-----|---------------------------------------|
|     |                                      | <p>- <i>Kỹ năng</i><br/> + CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát và kỹ năng thực hiện các nghiên cứu về lĩnh vực văn hóa du lịch cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.<br/> + CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>   |       |     |                                       |
| 6   | Khu vực học và nhập môn Việt Nam học | <p>- <i>Kiến thức:</i><br/> + CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận khu vực học, xây dựng cơ sở để tìm hiểu đất nước, con người và những quy luật sinh - thành và phát triển và bản sắc văn hóa của các tộc người trên thế giới.<br/> + CO2: Có cái nhìn liên ngành và liên khu vực để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.<br/> - <i>Kỹ năng:</i><br/> + CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i><br/> + CO4: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.<br/> + CO5: Có cái nhìn khoa học và khách quan khi đánh giá vấn đề và nhìn nhận cuộc sống.</p>   | 3     | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 7   | Thực tế văn hoá                      | <p>- <i>Kiến thức:</i><br/> + CO1: Sau chuyến đi thực tế, học sinh viết bài thu hoạch cảm nhận, đánh giá những giá trị đã cảm nhận được<br/> - <i>Kỹ năng</i><br/> + CO2: Thông qua hoạt động thực tế, học sinh vận dụng vào hoạt động kinh doanh lễ hành (xây dựng các chương trình du lịch), nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (viết bài thuyết trình).<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO3: Có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  | 1     | HK1 | Báo cáo thực tập                      |
| 8   | Chọn 1 trong 2 HP                    |   | 02/04 |     |                                       |
| 8.1 | Đại cương văn hoá phương Đông        | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều kiện hình thành, quá trình phát triển của phương Đông và những đặc điểm chung của văn hóa phương Đông.<br/> + CO2: Hiểu rõ một số thành tựu nổi bật về tư tưởng triết học, tôn giáo, văn học – nghệ thuật của văn hóa phương Đông ở một số quốc gia, vùng lãnh thổ tiêu biểu.<br/> - <i>Kỹ năng</i><br/> + CO3: Sinh viên có được kỹ năng tự tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề về văn hóa phương Đông.<br/> + CO4: Sinh viên có khả năng hiểu và thuyết minh được những vấn đề liên quan đến văn hóa phương Đông.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc, biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập để hiểu sâu và vận dụng tốt các lĩnh vực kiến thức của học phần này.</p> | 2     | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |

|     |                                     |   |   |     |                                       |
|-----|-------------------------------------|---|---|-----|---------------------------------------|
| 8.2 | Tiếng việt thực hành                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Giúp người học nhận diện các kiểu câu, câu đúng, câu hay, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; Cung cấp kiến thức về từ và chính tả tiếng Việt.</li> <li>+ CO2: Cung cấp kiến thức về các loại đoạn văn, liên kết trong đoạn văn.</li> <li>+ CO3: Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về văn bản tiếng Việt, đặc biệt là văn bản hành chính và văn bản khoa học.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO4: Rèn luyện kỹ năng viết câu đúng, câu hay; sử dụng từ ngữ chuẩn xác, phù hợp với hoàn cảnh, mục đích và nội dung giao tiếp.</li> <li>CO5: Rèn luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn chuẩn mực phù hợp với các loại văn bản.</li> <li>CO6: Hình thành kỹ năng soạn thảo một số loại văn bản tiếng Việt thường gặp.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</li> <li>+ CO8: Sinh viên trau dồi thói quen sử dụng tiếng Việt sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ cũng như giữ gìn sự trong sáng của tiếng nói dân tộc; Sử dụng ngôn ngữ đúng đối tượng, đúng hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp.</li> </ul> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ           |
| 9   | Chọn 1 trong 07 học phần sau        |   |   |     |                                       |
| 9.1 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ CO1: Hiểu biết cơ bản sự hình thành, phát triển bóng đá thể giới và ở Việt Nam và nắm được Luật bóng đá 11 người.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ CO2: Thực hiện thuần thục các động tác di chuyển trong bóng đá.</li> <li>+ CO3: Thực hiện được các kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, thực hiện tốt các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng đã học.</li> <li>+ CO4: Thực hiện được các bài tập rèn luyện tố chất thể lực chuyên môn</li> <li>+ CO5: Biết phối hợp và vận dụng các kỹ thuật trong tập luyện và thi đấu môn bóng đá.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>+ CO6: Có tinh thần giúp đỡ bạn học trong quá trình tập luyện và thi đấu.</li> </ul>  | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 9.2 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ CO1: Hiểu được một số điều luật cơ bản của Luật bóng chuyền [Phần tổ chức thi đấu và trọng tài].</li> <li>+ CO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật cơ bản: chuyền bóng cao tay, đệm bóng, phát bóng và đập bóng số 4.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ CO3: Nắm vững chiến thuật tấn công và phòng thủ trong bóng chuyền và biết ứng dụng vào thực tiễn thi đấu.</li> <li>+ CO4: Có khả năng thực hiện nhóm để tổ chức tập luyện các nội dung liên quan đến môn học.</li> <li>+ CO5: Tổ chức, hướng dẫn phong trào tập luyện bóng chuyền để rèn luyện sức khỏe.</li> <li>- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>+ CO6: Hình thành ý thức tự giác tập luyện.</li> <li>+ CO7: Hình thành thói quen vận động và thường xuyên tập luyện môn Bóng chuyền để rèn luyện sức khỏe.</li> </ul>   | 1 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 9.3 | Giáo dục thể chất 3                 | - Kiến thức: Hiểu được cơ sở lý luận  | 1 | HK1 | Thi viết giữa                         |

|     |  |   |   |     |  |                                       |
|-----|--|---|---|-----|--|---------------------------------------|
|     | (Bóng rổ 3)                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Chiến thuật tấn công trong bóng rổ.</li> <li>+ CO2: Một số điều luật cơ bản về lỗi và phạm lỗi của Luật bóng rổ.</li> <li>- <i>Kỹ năng:</i> Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng rổ ở mức độ tương đối chính xác.</li> <li>+ CO3: Kỹ thuật chuyền bóng 1 tay qua vai, chuyền bóng 1 tay bên mình, chuyền bóng 2 tay trên đầu.</li> <li>+ CO4: Kỹ thuật di chuyển chuyên, bắt bóng hai tay trước ngực – ném rổ.</li> <li>+ CO5: Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực.</li> <li>+ CO6: Vận dụng các kỹ thuật vào trong thi đấu.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Tích cực tập luyện, học tập và nghiên cứu tài liệu.</li> <li>+ CO8: Giáo dục phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tập thể....</li> </ul>   |   |     |  | kỳ và thực hành cuối kỳ               |
| 9.4 | Giáo dục thể chất 3<br>(Cầu lông 3)              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được chiến thuật đánh đôi, đánh đơn trong cầu lông.</li> <li>+ CO2: Nắm vững lý thuyết các kỹ thuật nâng cao trong cầu lông.</li> <li>- <i>Kỹ năng:</i></li> <li>+ CO3: Thực hiện được các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông.</li> <li>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO4: Có thái độ nghiêm túc khi tập luyện cầu lông nâng cao sức khỏe.</li> <li>+ CO5: Hỗ trợ được bạn bè trong quá trình tập luyện.</li> </ul>   | 1 | HK1 |  | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 9.5 | Giáo dục thể chất 3<br>(Võ cổ truyền Việt Nam 3) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu biết được cách phòng ngừa và xử trí chấn thương để áp dụng trong tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền Việt Nam nhằm rèn luyện sức khỏe, thể chất và tinh thần.</li> <li>- <i>Kỹ năng:</i></li> <li>+ CO2: Thực hiện thuần thực kỹ thuật căn bản công tay không.</li> <li>+ CO3: Thực hiện thành thạo kỹ thuật đấu luyện tay không [Tự vệ]</li> <li>+ CO4: Trình diễn thuần thực bài quyền tay không [Lão Hồ Thượng Sơn]</li> <li>+ CO5: Thực hiện thành thạo kỹ thuật đối kháng</li> <li>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO6: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn; hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ cổ truyền Việt Nam và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>  | 1 | HK1 |  | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 9.6 | Giáo dục thể chất 3<br>(Võ Taekwondo 3)          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được luật thi đấu môn Võ Taekwondo.</li> <li>+ CO2: Biết cách tính điểm thắng thua trong thi đấu môn Võ Taekwondo</li> <li>+ CO3: Biết cách khởi động chung và chuyên môn nâng cao trong môn Võ Taekwondo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- <i>Kỹ năng:</i> Thực hành thành thạo được những kỹ thuật nâng cao:</li> <li>+ CO4: Thực hiện thành thạo kỹ thuật phòng thủ, tấn công nâng cao</li> <li>+ CO5: Thực hiện thành thạo kỹ thuật đối luyện nâng cao.</li> <li>+ CO6: Trình diễn được bài quyền số 3.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Có thói quen vận động, luyện tập Võ Taekwondo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul> | 1 | HK1 |  | Thi viết giữa kỳ và thực hành cuối kỳ |
| 9.7 | Giáo dục thể chất 3                              | - <i>Kiến thức:</i>   | 1 | HK1 |  | Thi viết giữa                         |

|    |                                |   |   |     |  |                             |
|----|--------------------------------|---|---|-----|--|-----------------------------|
|    | (Võ Karatedo 3)                | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Hiểu được Luật thi đấu môn Võ Karatedo.</li> <li>+ CO2: Biết cách khởi động chung và chuyên môn nâng cao trong môn Võ Karatedo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- <i>Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</i></li> <li>+ CO3: Hiểu và thực hiện kỹ thuật đòn đỡ, đòn đá, quyền pháp Karatedo.</li> <li>+ CO4: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.</li> <li>+ CO5: Trình diễn được bài quyền Heanjodan.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>+ CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Karatedo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul>  |   |     |  | kỳ và thực hành cuối kỳ     |
| 10 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Hiểu được các khái niệm và quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam</li> <li>+ CO2: Hiểu được nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học.</li> <li>+ CO4: Từ kiến thức được trang bị, người học có khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Có khả năng thu thập tài liệu, nghiên cứu những vấn đề thuộc về lịch sử của Đảng. Từ đó hình thành ở người học niềm tin và sự trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam.</li> <li>+ CO6: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng có ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.</li> </ul> | 2 | HK2 |  | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 11 | Mỹ học đại cương               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về quy luật hình thành và những yếu tố cấu thành những giá trị thẩm mỹ của xã hội và nghệ thuật.</li> <li>+ CO2: Cung cấp kiến thức cơ bản về các loại hình nghệ thuật và những công trình nghệ thuật nổi tiếng trên thế giới qua các thời kỳ.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Vận dụng được các vấn đề đã học vào việc tìm hiểu cái đẹp trong thiên nhiên, xã hội và nghệ thuật.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm.</i></li> <li>+ CO4: Khách quan và khoa học trong việc tiếp cận giá trị thẩm mỹ.</li> <li>+ CO5: Có thái độ tôn trọng các giá trị văn hoá của dân tộc và nhân loại.</li> </ul>  | 2 | HK2 |  | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 12 | Ngữ pháp tiếng Việt            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về dẫn luận ngữ pháp.</li> <li>+ CO2: Giúp người học nắm vững và phân loại được các kiểu từ tiếng Việt theo tiêu chí cấu tạo và theo tiêu chí đặc điểm ngữ pháp (từ loại). Từ đó có thể vận dụng đúng đắn và sáng tạo cách sử dụng từ trong việc viết câu, viết đoạn văn.</li> <li>+ CO3: Sinh viên phải nắm được các quan hệ ngữ pháp tiếng Việt, biết cách tạo lập một cụm từ tiếng Việt, nhận diện được thành phần câu và các kiểu câu tiếng Việt theo cấu tạo.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO4: giúp sinh viên hình thành và rèn luyện kỹ năng sử dụng từ, câu một cách thuần thục, chính</li> </ul>  | 2 | HK2 |  | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |   |   |   |     |                             |
|----|---|---|---|-----|-----------------------------|
|    |   | <p>xác.Có khả năng lý giải một cách khoa học các vấn đề thuộc công tác chuyên môn sau này.</p> <p>+ CO5: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức lý thuyết ngôn ngữ học vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống.</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>+ CO6: Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm để thực hiện các nội dung yêu cầu trong bài học; Có khả năng chia sẻ các bài viết có chất lượng để học hỏi lẫn nhau.</p>   |   |     |                             |
| 13 | Tôn giáo và tín ngưỡng trong văn hoá Việt Nam | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Khái niệm liên quan đến môn học như tôn giáo, tín ngưỡng, văn hoá tín ngưỡng các tiêu chí phân loại, đặc điểm của các tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam.</p> <p>+ CO2: Cung cấp những kiến thức văn hoá học vào việc nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến lịch sử hình thành phát triển của các tôn giáo, tín ngưỡng và đặc trưng văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Học phân trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề về các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống và hướng khai thác du lịch văn hoá tâm linh gắn liền với tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam.</p> <p>+ CO4: Thông qua những bài thuyết trình, thảo luận giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phản biện.</p> <p>+ CO5: Khả năng tư duy theo hệ thống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.</p> <p>+ CO7: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 14 | Lịch sử cổ trung đại Việt Nam                 | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về các giai đoạn phát triển, đặc điểm của xã hội nguyên thủy Việt Nam; quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của các quốc gia Văn Lang - Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam; thành tựu, đặc điểm của Văn minh Văn Lang- Âu Lạc;</p> <p>+ CO2: Nắm được chính sách cai trị của các chính quyền phong kiến phương Bắc; những chuyển biến kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội Việt Nam; những thắng lợi tiêu biểu trong công cuộc đấu tranh giành quyền độc lập, tự chủ thời kỳ Bắc thuộc.</p> <p>+ CO3: Quá trình phong kiến hóa xã hội Việt Nam biểu hiện ở các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội tạo tiền đề quan trọng cho sự xác lập chế độ phong kiến Việt Nam vào thế kỉ XV.</p> <p>+ CO4: Cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm và các cuộc cải cách tiêu biểu nhằm bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ.</p> <p>+ CO5: Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Việt Nam ở thế kỷ XV; sự xác lập chế độ phong kiến Việt Nam vào cuối thế kỷ XV.</p> <p>+ CO6: Quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của các vương triều phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII.</p> <p>+ CO7: Phong trào Tây Sơn; triều đại Tây Sơn và những chính sách cải cách của Quang Trung.</p> <p>+ CO8: Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa-xã hội dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO9: Học phân trang bị cho sinh viên kỹ năng nhận biết, quan sát, đối chiếu.</p> <p>+ CO10: Trang bị và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, thuyết trình, sử</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|      |  |  |       |     |                             |
|------|--|--|-------|-----|-----------------------------|
|      |  | dụng đồ dùng trực quan, trao đổi, thảo luận.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br>+ CO11: Rèn luyện cho sinh viên ý thức tự giác, tự học tập; Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm cao trong học tập.  |       |     |                             |
| 15   | Lịch sử báo chí Việt Nam               | - <i>Kiến thức</i><br>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những vấn đề cơ bản của lịch sử báo chí Việt Nam<br>+ CO2: Có tầm nhìn khái quát về các vấn đề lịch sử báo chí, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.<br>- <i>Kỹ năng</i><br>+ CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.<br>+ CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.  | 2     | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 16   | Ngôn ngữ và văn hoá                    | - <i>Kiến thức</i><br>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về nguồn gốc và đặc điểm tiếng Việt, những kiến thức cơ bản của văn hóa Việt Nam.<br>+ CO2: Sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp.<br>+ CO3: Giúp sinh viên nắm được các quan hệ giao tiếp trong gia đình.<br>- <i>Kỹ năng</i><br>+ CO4: rèn luyện cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ chính xác, phù hợp với văn hóa nền của người Việt.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br>+ CO5: Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm để thực hiện các nội dung yêu cầu trong bài học; Có khả năng chia sẻ các bài viết có chất lượng để học hỏi lẫn nhau.   | 2     | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 18   | Phong tục – Tập quán – Lễ hội Việt Nam | - <i>Kiến thức</i><br>+ CO1: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức về văn hoá, lễ hội, phong tục tập quán của Việt Nam<br>- <i>Kỹ năng</i><br>+ CO2: Trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá, lễ hội, phong tục Việt Nam<br>+ CO3: Rèn luyện kỹ năng kiến thức văn hoá học vào việc nghiên cứu, tìm hiểu địa lý, lịch sử đất nước Việt Nam (địa - văn hoá).<br>+ CO4: Vận dụng kiến thức văn hoá học vào phân tích ngôn ngữ và thực tiễn đời sống.<br>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br>+ CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.<br>+ CO6: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu. | 2     | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 19   | Chọn 01 trong 02 học phần              |  | 02/04 | HK2 |                             |
| 19.1 | Quy hoạch và phát triển du lịch        | - <i>Kiến thức</i><br>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên hệ thống cơ sở lý luận về quy hoạch phát triển du lịch<br>+ CO2: Nắm vững những tiêu chí, nguyên tắc, mô hình quy hoạch du lịch áp dụng cho các loại hình du   | 2     | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |



|                     |                                  |   |   |     |                             |
|---------------------|----------------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|                     |                                  | <p>lịch tại Việt Nam và trên thế giới.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xây dựng và quy hoạch các dự án du lịch trên nguyên tắc phát triển bền vững</p> <p>+ CO4: Vận dụng các kỹ năng để xây dựng và quy hoạch các dự án du lịch trong thực tế.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</p>   |   |     |                             |
| 19.2                | Du lịch nông nghiệp và nông thôn | <p>- <b>Kiến thức:</b></p> <p>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các đặc điểm của các mô hình du lịch nông thôn Việt Nam và thế giới.</p> <p>+ <b>CO2: Trang bị cho sinh viên phương pháp xây dựng tuyến điểm du lịch gắn liền với môi trường văn hoá nông thôn, văn hoá nông nghiệp và thiết chế văn hoá làng xã ở nông thôn Việt Nam.</b></p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ <b>CO3: Thông qua các hoạt động học tập trên lớp, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng về xây dựng tuyến điểm du lịch và kỹ năng thuyết minh tuyến điểm</b></p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO4: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức, làm việc, nghiên cứu. Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu văn hoá nông thôn Việt Nam.</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| <b>5.3. Khoá 45</b> |                                  |   |   |     |                             |
| 1                   | Tư tưởng Hồ Chí Minh             | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp những hiểu biết sự hình thành phát triển, nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị của nó đối với cách mạng Việt Nam.</p> <p>+ CO2: Hiểu biết về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ CO3: Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.</p> <p>+ CO4: Có khả năng phân tích, bác bỏ những quan điểm sai trái về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh bằng những luận cứ khoa học.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO5: Có niềm tin vào lãnh tụ, vào chế độ xã hội chủ nghĩa</p> <p>+ CO6: Thấy được trách nhiệm bản thân trong việc học tập, rèn luyện góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 2                   | Khởi nghiệp                      | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Học phần Khởi nghiệp cung cấp những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn.</p> <p>+ CO2: Học phần Khởi nghiệp giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định được con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. - <i>Kỹ năng</i></p>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|   |                           |   |   |     |                             |
|---|---------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|   |                           | <p>+ CO3: Trang bị cho người học kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, thuyết trình, phân tích và phân biệt các vấn đề có liên quan để khởi nghiệp thành công.</p> <p>+ CO4: Người học được rèn luyện các khả năng và phương pháp thực hiện các bước trong hành trình khởi nghiệp.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO5: Người học nhận thức được vai trò quan trọng của việc khởi nghiệp, từ đó có thái độ tích cực, ý thức trách nhiệm cao, tinh thần cầu tiến khi khởi nghiệp.</p> <p>+ CO6: Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tự chủ và tác phong làm việc chuyên nghiệp.</p>  |   |     |                             |
| 3 | Văn học hiện đại Việt Nam | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp sinh viên nắm được quá trình vận động, quy luật phát triển, những thành tựu nổi bật của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay trong mối liên hệ mật thiết với các hoạt động văn hóa – du lịch Việt Nam, tìm hiểu văn học Việt Nam theo 3 giai đoạn: từ đầu thế kỉ XX đến năm 1932, từ năm 1932 – đến năm 1945, từ năm 1945 – nay với những thành tựu, đặc điểm khái quát; làm cơ sở cho các học phần khác của chuyên ngành Việt Nam học.</p> <p>+ CO2: Sinh viên nắm được những tác giả tiêu biểu của giai đoạn văn học này, những sáng tác nổi tiếng, những phong cách sáng tác nổi bật gắn với tên tuổi của họ.</p> <p>+ CO3: Qua việc tìm hiểu văn học giai đoạn này rút ra ý nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả mà văn học hướng tới cho con người, nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu dân tộc cho sinh viên, gắn liền văn học với văn hóa – du lịch của đất nước.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể.</p> <p>+ CO5: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể tiêu biểu để thấy được đặc điểm, quy luật chung của cả một giai đoạn văn học dân tộc.</p> <p>+ CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức văn học của giai đoạn này để so sánh với những giai đoạn khác, thấy được sự kế thừa, phát triển liên tục của nền văn học dân tộc theo hướng hiện đại hóa trong thế kỉ XX .</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức chung của học phần này.</p> | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 4 | Ngữ dụng học              | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Nắm được những khái niệm cơ bản và một số vấn đề hữu quan như: dụng học, chiếu vật, chỉ xuất, hành vi ngôn ngữ, lập luận...</p> <p>+ CO2: Nắm được những kỹ năng cơ bản trong việc nhận diện và phân tích và sử dụng ngôn ngữ vào trong cuộc sống một cách hữu hiệu.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Nhận diện được các đối tượng nghiên cứu ứng với các khái niệm được giới thiệu trong học phần.</p> <p>+ CO4: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức ngữ dụng học để phân tích các phát ngôn, diễn ngôn</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|   |   |   |   |     |                             |
|---|---|---|---|-----|-----------------------------|
| 5 | Địa danh văn hóa, lịch sử và du lịch Việt Nam | <p>- <i>Kiến thức:</i><br/> + CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành phát triển và nguồn gốc của các địa danh cụ thể liên quan đến lịch sử, văn hoá và du lịch Việt Nam và các vấn đề liên quan trong văn hoá, du lịch Việt Nam..<br/> + CO2: Giúp cho sinh viên hiểu được đặc điểm, ý nghĩa và các biểu hiện về hình thức, nguồn gốc ngôn ngữ cụ thể của từng hệ thống địa danh cụ thể.<br/> + CO3 giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt và phát huy những hiểu biết cơ bản về địa danh lịch sử, văn hoá và du lịch Việt Nam một cách một cách hữu hiệu trong quá trình học tập và hoạt động chuyên môn văn hoá và du lịch ở Việt Nam hiện nay..<br/> - <i>Kỹ năng</i><br/> + CO4: Có kỹ năng hiểu và giới thiệu về đặc trưng, ý nghĩa văn hoá, ngôn ngữ của từng địa danh cụ thể ở các khu vực văn hoá, địa lý Việt Nam.<br/> + CO5: Có kỹ nhận diện và phân tích, đánh giá những biểu hiện cụ thể về giá trị văn hoá, lịch sử và sự thay đổi, diễn cách của các địa danh trong hệ thống các di sản văn hoá, du lịch Việt Nam hiện nay.<br/> + CO6: Kỹ năng tư duy theo hệ thống và làm việc nhóm.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO7: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.<br/> + CO8: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 6 | Lịch sử cận hiện đại Việt Nam                 | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, có hệ thống những kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam trong các giai đoạn 1858 -1945, 1945 -1975 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước từ 1975 đến nay<br/> + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ nền độc lập dân tộc và các thành tựu lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời cho đến nay.<br/> - <i>Kỹ năng</i><br/> + CO3: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm, biết phát hiện và tự giải quyết vấn đề, phân tích đánh giá các vấn đề lịch sử, phân tích được ý nghĩa của các thắng lợi trong cách mạng tháng Tám, truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam được phát huy trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.<br/> + CO4: Hình thành nhân quan, tư duy, bản lĩnh chính trị vững vàng, từ đó có thể nhận thức đúng đắn về các vấn đề trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Giúp sinh viên đánh giá khách quan được những nguyên nhân thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong cách mạng tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vận dụng kiến thức đã học vào công việc chuyên môn giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam.<br/> + CO5: Trang bị cho sinh viên khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, xử lý các nguồn từ liệu, lập kế hoạch học tập, sử dụng bản đồ, tranh ảnh, các phương tiện thông tin hỗ trợ học tập.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO7: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.<br/> + CO8: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|   |                           |  |   |     |                             |
|---|---------------------------|--|---|-----|-----------------------------|
| 7 | Nhập môn khoa học du lịch | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về khoa học du lịch;<br/> - <i>Kỹ năng</i><br/> + CO2: Trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu, ứng dụng kiến thức về du lịch<br/> + CO3: Rèn luyện kỹ năng kiến thức phục vụ cho các hoạt động liên quan văn hóa – du lịch<br/> + CO4: Vận dụng kiến thức văn hoá – du lịch vào thực tiễn đời sống.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.<br/> + CO6: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 8 | Văn hóa Chăm              | <p>- <i>Kiến thức:</i><br/> + CO1: Khái niệm liên quan đến môn học như văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, văn tự, văn học Chăm.<br/> + CO2: Cung cấp những kiến thức văn hoá học vào việc nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến lịch sử hình thành phát triển của văn hoá Chăm và đặc trưng văn hoá Chăm trong văn hoá Việt Nam<br/> - <i>Kỹ năng</i><br/> + CO3: Học phân trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề về văn hoá Chăm và hướng khai thác du lịch văn hoá gắn liền với những di sản văn hoá Chăm ở Việt Nam.<br/> + CO4: Thông qua những bài thuyết trình, thảo luận giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phân biện.<br/> + CO5: Khả năng tư duy theo hệ thống.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO6: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.<br/> + CO7: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 9 | Thực tế du lịch           | <p>- <i>Kiến thức:</i><br/> + CO1: Cảm nhận được vẻ đẹp những địa danh văn hóa, những di tích lịch sử, các trung tâm văn hóa – du lịch, các điểm, khu du lịch, vùng du lịch, đô thị du lịch mà đoàn ghé thăm.<br/> + CO2: Bước đầu có khả năng phân tích những ưu nhược điểm về hoạt động du lịch và nghiệp vụ hướng dẫn du lịch ở một số điểm du lịch.<br/> + CO3: Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch ở một số điểm, khu du lịch.<br/> - <i>Kỹ năng</i><br/> + CO4: Kỹ năng giao tiếp trong hoạt động du lịch.<br/> + CO5: Kỹ năng xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch.<br/> + CO6: Kỹ năng hướng dẫn du lịch.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO7: Người học có thái độ học tập nghiêm túc, chủ động quan sát, cảm nhận cảnh quan văn hóa của các điểm đến, chủ động giao lưu học hỏi chuyên môn từ các hướng dẫn viên và nhân viên phục vụ tại các điểm đến; tuân thủ mọi qui định của chuyên đi và qui định của các cơ sở mà đoàn ghé thăm.</p>   | 1 | HK1 | Báo cáo thực tập            |

|    |                                       |   |   |     |                             |
|----|---------------------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|    |                                       | +CO8: Có tình yêu với những vẻ đẹp của quê hương đất nước; yêu thích hoạt động hướng dẫn du lịch, yêu nghề hướng dẫn viên du lịch.  |   |     |                             |
| 10 | Văn hoá du lịch                       | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch Việt Nam</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO2: Trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá, lễ hội, du lịch Việt Nam</p> <p>+ CO3: Rèn luyện kỹ năng kiến thức văn hoá du lịch vào việc nghiên cứu, tìm hiểu địa lý, lịch sử đất nước Việt Nam (địa - văn hoá).</p> <p>+ CO4: Vận dụng kiến thức văn hoá du lịch vào phân tích ngôn ngữ và thực tiễn đời sống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.</p> <p>+ CO6: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 11 | Tuyến điểm du lịch Việt Nam           | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về điểm du lịch, tuyến du lịch, vùng du lịch, trung tâm du lịch, các hình thức tổ chức du lịch, chức năng, ý nghĩa của du lịch, những vùng du lịch cơ bản của Việt Nam</p> <p>+ <b>CO2: Trang bị cho sinh viên phương pháp xây dựng tuyến điểm du lịch.</b></p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ <b>CO3: Thông qua các hoạt động học tập trên lớp, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng về xây dựng tuyến điểm du lịch và kỹ năng thuyết minh tuyến điểm</b></p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO4: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức, làm việc, nghiên cứu.</p> <p>+ CO5: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu văn hoá Việt Nam.</p>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 12 | Nghề truyền thống và ẩm thực Việt Nam | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Khái niệm liên quan đến môn học như nghề, làng nghề, các tiêu chí phân loại, đặc điểm nghề truyền thống, phát huy giá trị du lịch của nghề truyền thống. Khái niệm về ẩm thực, đặc trưng ẩm thực Việt Nam nói chung và ẩm thực các vùng miền nói riêng.</p> <p>+ CO2: Cung cấp những kiến thức văn hoá học vào việc nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến lịch sử hình thành phát triển các làng nghề truyền thống và đặc trưng văn hoá ẩm thực Việt Nam</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Học phần trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề về làng nghề truyền thống và đặc điểm ẩm thực Việt Nam.</p> <p>+ CO4: Thông qua những bài thuyết trình, thảo luận giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phản biện.</p> <p>+ CO5: Khả năng tư duy theo hệ thống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.</p> <p>+ CO7: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |  |  |   |     |                             |
|----|--|--|---|-----|-----------------------------|
| 13 | Nghệ vụ hướng dẫn du lịch                              | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp người học hiểu biết khái quát về hoạt động du lịch, lịch sử hình thành ngành du lịch trên thế giới và Việt Nam. Hiểu biết về động cơ du lịch, sản phẩm du lịch, loại hình du lịch.</p> <p>+ CO2: Cung cấp cho người học những kiến thức chung về hoạt động hướng dẫn du lịch, những phẩm chất cần có của hướng dẫn viên du lịch.</p> <p>+ CO3: Trang bị cho người học những kiến thức chuyên môn về nghệ vụ hướng dẫn du lịch.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Rèn luyện kỹ năng giao tiếp với khách du lịch.</p> <p>+ CO5: Rèn luyện kỹ năng thuyết minh du lịch.</p> <p>+ CO6: Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO7: Người học phải yêu thích môn học, có tinh thần tự giác trong học tập, biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO8: Người học có ý thức và trách nhiệm với việc học tập và rèn luyện của bản thân; có mong muốn tìm hiểu về hoạt động du lịch và trở thành người hướng dẫn viên du lịch sau khi học xong.</p> | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 14 | Kỹ năng thuyết trình và tổ chức hoạt náo trong du lịch | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về các kỹ năng quan trọng của người hướng dẫn viên trong du lịch</p> <p>+ CO2: Nắm vững những khái niệm, nguyên tắc, điều kiện về quy trình khi thuyết minh và tổ chức hoạt náo.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thuyết minh và tổ chức hoạt náo trong du lịch</p> <p>+ CO4: Vận dụng kỹ năng thuyết minh và tổ chức hoạt náo trong một số trường hợp cụ thể</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p> <p>+ CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 15 | Thiết kế và điều hành chương trình du lịch             | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về các khái niệm hữu quan.</p> <p>+ CO2: Hiểu rõ nội dung thiết kế và tổ chức chương trình du lịch, phương pháp định giá chương trình du lịch, quy trình điều hành một chương trình du lịch,...</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ CO3: Nắm vững quy trình và yêu cầu khi xây dựng, thiết kế chương trình du lịch; nắm được phương pháp tính giá thành, giá bán và xác định điểm hòa vốn của một chương trình du lịch.</p> <p>+ CO4: Biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động du lịch; phát triển kỹ năng tổ chức làm việc nhóm.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO5: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này. Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 16 | Di sản kiến trúc mỹ thuật Việt Nam                     | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về di sản kiến trúc mỹ thuật Việt Nam</p>   | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|                     |                            |   |   |     |                             |
|---------------------|----------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|                     |                            | <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO2: Trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu, ứng dụng kiến thức mỹ thuật kiến trúc Việt Nam vào hoạt động du lịch</p> <p>+ CO3: Rèn luyện kỹ năng kiến thức phục vụ cho các hoạt động liên quan văn hóa – du lịch</p> <p>+ CO4: Vận dụng kiến thức văn hoá – du lịch vào thực tiễn đời sống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.</p> <p>+ CO6: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động linh hoạt tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  |   |     |                             |
| <b>5.4. Khoá 44</b> |                            |   |   |     |                             |
| 1                   | Ngôn ngữ học đối chiếu     | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Nắm được những khái niệm cơ bản và một số vấn đề hữu quan như: ngôn ngữ nguồn, ngôn ngữ đích, đối chiếu ngôn ngữ ...</p> <p>+ CO2: Nắm được những kỹ năng cơ bản trong việc đối chiếu và chuyển nghĩa từ tiếng Việt sang ngoại ngữ hoặc từ ngoại ngữ sang tiếng Việt.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Nhận diện được các đối tượng nghiên cứu ứng với các khái niệm được giới thiệu trong học phần.</p> <p>+ CO4: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đối chiếu ngôn ngữ học để thực hiện các công tác đối dịch văn bản</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 2                   | Kỹ thuật soạn thảo văn bản | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp người học nhận diện các kiểu câu, câu đúng, câu hay, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; Cung cấp kiến thức về từ và chính tả tiếng Việt.</p> <p>+ CO2: Cung cấp kiến thức về các loại đoạn văn, liên kết trong đoạn văn.</p> <p>+ CO3: Giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng soạn <i>thảo văn bản dạng viết</i>.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Rèn luyện kỹ năng viết câu đúng, câu hay; sử dụng từ ngữ chuẩn xác, phù hợp với hoàn cảnh, mục đích và nội dung giao tiếp.</p> <p>CO5: Rèn luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn chuẩn mực phù hợp với các loại văn bản.</p> <p>CO6: Hình thành kỹ năng ứng dụng trong việc soạn thảo các loại văn bản tiếng Việt, đặc biệt là văn bản hành chính và văn bản khoa học.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO8: Sinh viên trau dồi thói quen sử dụng tiếng Việt sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ cũng như giữ gìn sự trong sáng của tiếng nói dân tộc; sử dụng ngôn ngữ đúng đối tượng, đúng hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp.</p> | 3 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 3                   | Đại cương văn học thế giới | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được văn học thế giới là lịch sử tinh thần, là tâm hồn của các dân</p>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|   |                          |   |   |     |                             |
|---|--------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|   |                          | <p>tộc. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này. Chương trình này giúp cho sinh viên nắm được toàn cảnh thu nhỏ và cách tiếp cận văn học thế giới. Kế thừa, nâng cao và hệ thống hoá lại kiến thức đã được tích lũy ở phổ thông. Bước đầu tạo tâm thế tốt cho các học phần sâu trong các năm sau.</p> <p>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành và liên khu vực để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.</p> <p>+ CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.</p>   |   |     |                             |
| 4 | Du lịch sinh thái        | <p><b>-Kiến thức:</b></p> <p>+CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các đặc điểm của các mô hình du lịch sinh thái ở Việt Nam và thế giới.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho sinh viên phương pháp xây dựng tuyến điểm du lịch gắn liền với loại hình du lịch sinh thái văn hoá nông thôn, văn hoá nông nghiệp và thiết chế văn hoá làng xã ở nông thôn Việt Nam.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p><b>+CO3: Thông qua các hoạt động học tập trên lớp, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng về xây dựng tuyến điểm du lịch và kỹ năng thuyết minh tuyến điểm liên quan đến du lịch sinh thái</b></p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO4: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức, làm việc, nghiên cứu. Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu văn hoá sinh thái ở Việt Nam.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 5 | Xã hội học đại cương     | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học văn hóa và xã hội học về du lịch.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các hoạt động văn hóa du lịch dưới góc độ xã hội học và thực hiện quy trình điều tra xã hội học về văn hóa du lịch trong hoạt động chuyên môn.</p> <p>- <i>Kỹ năng:</i></p> <p>+ CO3: Thực hiện được các hoạt động truyền thông về văn hóa, du lịch theo yêu cầu công việc, vị trí việc làm.</p> <p>+ CO4: Có kỹ năng phân biện, giải quyết vấn đề dưới góc độ xã hội học văn hóa và xã hội học du lịch và thích ứng trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp liên quan đến văn hóa du lịch.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</i></p> <p>+CO5: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.</p> <p><b>+ CO6:</b> Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn xã hội học văn hóa du lịch.</p> <p>+ CO7: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động nghề nghiệp văn hóa du lịch.</p> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 6 | Kinh tế du lịch Việt Nam | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên hệ thống cơ sở lý luận về kinh tế du lịch ở Việt Nam và thế giới.</p> <p>+ CO2: Nắm vững những tiêu chí, nguyên tắc kinh tế du lịch áp dụng cho các loại hình du lịch tại Việt Nam và trên thế giới.</p>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |



|     |                                       |  |   |     |                             |
|-----|---------------------------------------|--|---|-----|-----------------------------|
|     |                                       | <p>- <i>Kỹ năng</i><br/> + CO3: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xây dựng, quy hoạch và lập dự toán các dự án du lịch trên nguyên tắc phát triển bền vững<br/> + CO4: Vận dụng các kỹ năng để xây dựng và quy hoạch các dự án du lịch trong thực tế.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.<br/> + CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</p>  |   |     |                             |
| 7   | Chọn 2 trong 04 học phần sau          |  |   |     |                             |
| 7.1 | Nghịệp vụ khách sạn                   | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Giúp người học hiểu biết khái quát về hoạt động du lịch, lịch sử hình thành ngành du lịch trên thế giới và Việt Nam. Hiểu biết về động cơ du lịch, sản phẩm du lịch, loại hình du lịch.<br/> + CO2: Cung cấp cho người học những kiến thức chung về hoạt động hướng dẫn du lịch, những phẩm chất cần có của hướng dẫn viên du lịch.<br/> + CO3: Trang bị cho người học những kiến thức chuyên môn về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.<br/> - <i>Kỹ năng</i><br/> + CO4: Rèn luyện kỹ năng giao tiếp với khách du lịch.<br/> + CO5: Rèn luyện kỹ năng thuyết minh du lịch.<br/> + CO6: Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO7: Người học phải yêu thích môn học, có tinh thần tự giác trong học tập, biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.<br/> + CO8: Người học có ý thức và trách nhiệm với việc học tập và rèn luyện của bản thân; có mong muốn tìm hiểu về hoạt động du lịch và trở thành người hướng dẫn viên du lịch sau khi học xong.</p> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 7.2 | Phát triển du lịch bền vững           | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Cung cấp cho sinh viên hệ thống cơ sở lý luận về quy hoạch phát triển du lịch<br/> + CO2: Nắm vững những tiêu chí, nguyên tắc, mô hình phát triển du lịch bền vững hiện đang áp dụng ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay.<br/> - <i>Kỹ năng</i><br/> + CO3: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định các điều kiện phát triển các dự án du lịch phát triển bền vững<br/> + CO4: Vận dụng các kỹ năng để quản lý các dự án phát triển du lịch trong thực tế trên nguyên tắc bền vững.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.<br/> + CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</p>  | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 7.3 | Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | <p>- <i>Kiến thức</i><br/> + CO1: Giúp người học thực hành điều hành, hướng dẫn du lịch và giới thiệu sản phẩm du lịch, loại hình du lịch.<br/> + CO2: Giúp người học trải nghiệm thực tế hướng dẫn du lịch, xây dựng những phẩm chất đạo đức cơ bản của hướng dẫn viên du lịch.</p>   | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|     |  |  |   |     |                             |
|-----|--|--|---|-----|-----------------------------|
|     |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Phát triển các kĩ năng mềm cho người học về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO4: Rèn luyện kĩ năng giao tiếp với khách du lịch.</li> <li>+ CO5: Rèn luyện kĩ năng thuyết minh du lịch.</li> <li>+ CO6: Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO7: Người học phải yêu thích môn học, có tinh thần tự giác trong học tập, biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</li> <li>+ CO8: Người học có ý thức và trách nhiệm với việc học tập và rèn luyện của bản thân; có mong muốn tìm hiểu về hoạt động du lịch và trở thành người hướng dẫn viên du lịch sau khi học xong.</li> </ul>   |   |     |                             |
| 7.4 | Quản trị kinh doanh lữ hành và khách sạn | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức:</i></li> <li>+ CO1: Giúp cho người học hiểu rõ vai trò, nội dung của nghiệp vụ lữ hành, nghiệp vụ khách sạn và mối liên hệ giữa nghiệp vụ lữ hành – khách sạn với các bộ phận chức năng khách trong hoạt động doanh nghiệp lữ hành và khách sạn.</li> <li>+ CO2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và các công cụ cần thiết về lữ hành và khách sạn như: nghiệp vụ điều hành tour, nghiệp vụ hướng dẫn, nghiệp vụ quản lý khách sạn, nghiệp vụ đánh giá chất lượng dịch vụ, nghiệp vụ tổ chức, kinh doanh khách sạn, nghiệp vụ buồng, bàn, bar, lễ tân....</li> <li>- <i>Kỹ năng:</i></li> <li>+ CO3: Có kỹ năng trình bày, thuyết trình, phân tích và phản biện các vấn đề có liên quan đến phân tích báo cáo tài chính, quản lý thu chi của một doanh nghiệp lữ hành khách sạn. Có kỹ năng thiết kế và tính giá tour, kỹ năng điều hành tour, kỹ năng hướng dẫn du lịch; kỹ năng lễ tân, bàn, buồng, bar...</li> <li>+ CO4: Phát triển kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, xử lý thông tin và xử lý những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ trong doanh nghiệp.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của nghiệp vụ lữ hành – khách sạn trong tổ chức, từ đó có thái độ tích cực, tinh thần cầu tiến, trung thực khách quan, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm cao trong công việc.</li> <li>+ CO6: Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tự chủ trong công việc và tác phong chuyên nghiệp.</li> </ul> | 2 | HK1 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 8   | Thực tập tốt nghiệp                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những vấn đề và kỹ năng thực tế văn hóa du lịch. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.</li> <li>+ CO2: Có cái nhìn liên ngành để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng, góp phần hình thành nên kĩ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Rèn luyện cả kĩ năng bao quát liên ngành và kĩ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kĩ năng này cùng bổ sung cho nhau.</li> <li>+ CO4: Có kĩ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ cho tương lai.</li> </ul>   | 3 | HK2 | Báo cáo thực tập tốt nghiệp |
| 9   | Các dân tộc ở Việt Nam                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, có hệ thống về các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến</li> </ul>  | 2 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|    |                              |   |   |     |                             |
|----|------------------------------|---|---|-----|-----------------------------|
|    |                              | <p>dân tộc học Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển của ngành Dân tộc học ở Việt Nam; mối quan hệ giữa Dân tộc học và các ngành khoa học khác.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về quá trình hình thành các dân tộc trên thế giới, Đông Nam Á và Việt Nam cũng như một số vấn đề về thiết chế xã hội: thân tộc, khối cộng đồng người, các tiêu chí, các loại hình cộng đồng tộc người trong lịch sử theo quan điểm mácxít.</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Giúp sinh viên phân biệt, đánh giá được sự phát triển và những đặc điểm cơ bản của các dân tộc trên thế giới.</p> <p>+ CO4: Giúp sinh viên đánh giá khách quan về sự vận động của các loại hình cộng đồng người trong lịch sử.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Trang bị cho sinh viên khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, xử lý các nguồn tài liệu, lập kế hoạch học tập, sử dụng bản đồ, tranh ảnh, các phương tiện thông tin hỗ trợ học tập.</p> |   |     |                             |
| 10 | Khoá luận tốt nghiệp         | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Người học nắm chắc quy trình đào tạo ngành Việt Nam học và mối liên hệ giữa các học phần, khối kiến thức.</p> <p>+ CO2: Người học phân tích được mối quan hệ khối kiến thức chuyên ngành và khối kiến thức bổ trợ của ngành Việt Nam học</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO3: Sinh viên hình thành kỹ năng nghiên cứu, tổng quan tài liệu và xây dựng đề cương nghiên cứu.</p> <p>+ CO4: Sinh viên được rèn luyện kỹ năng tra cứu, diễn giải và giải quyết các vấn đề khoa học du lịch và văn hóa.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của khoá luận tốt nghiệp đối với công việc sau khi tốt nghiệp. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO6: Sinh viên trau dồi thói quen nghiên cứu độc lập</p>  | 7 | HK2 | Khoá luận                   |
| 11 | Khoa học du lịch             | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Giúp sinh viên tổng hợp, khái quát hoá những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về khoa học du lịch</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>+ CO2: Phát triển những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu, ứng dụng kiến thức về du lịch</p> <p>+ CO3: Rèn luyện và phát triển kỹ năng kiến thức phục vụ cho các hoạt động liên quan văn hóa – du lịch</p> <p>+ CO4: Vận dụng kiến thức văn hoá – du lịch vào thực tiễn đời sống.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.</p> <p>+ CO6: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.</p>  | 3 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |
| 12 | Ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về nguồn gốc và đặc điểm tiếng Việt, những kiến thức cơ bản của văn hóa Việt Nam.</p>  | 4 | HK2 | Thi viết giữa kỳ và cuối kỳ |

|  |  |   |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|
|  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO2: Sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp.</li> <li>+ CO3: Giúp sinh viên nắm được các quan hệ giao tiếp trong gia đình.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO4: rèn luyện cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ chính xác, phù hợp với văn hóa nền của người Việt.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO5: Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm để thực hiện các nội dung yêu cầu trong bài học; Có khả năng chia sẻ các bài viết có chất lượng để học hỏi lẫn nhau.</li> </ul> |  |  |  |
|--|--|---|--|--|--|

## 6. Ngành Công tác xã hội

| STT                         | Tên môn học         | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên   |
|-----------------------------|---------------------|---|------------|----------------------|--|
| <b>6.1. Khóa 44, 45, 46</b> |                     |   |            |                      |  |
| 1                           | Pháp luật đại cương | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật, khái niệm và cơ cấu của Hệ thống pháp luật Việt Nam;</li> <li>+ CO2: Nhận biết được đối tượng và phương pháp điều chỉnh của mỗi ngành luật.</li> <li>+ CO3: Hiểu rõ bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ chế điều chỉnh pháp luật của Nhà nước.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO4: Kỹ năng tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật và các cơ quan tổ chức trợ giúp pháp lý;</li> <li>+ CO5: Kỹ năng đọc hiểu văn bản quy phạm pháp luật, phân tích các tình huống thực tiễn, lập luận và vận dụng pháp luật vào giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO6: Có thái độ đúng đắn về địa vị làm chủ của công dân để từ đó có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân;</li> <li>+ CO7: Tôn trọng pháp luật, tuân thủ, chấp hành và sử dụng tốt pháp luật trong việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bản thân, gia đình, nhà nước và xã hội.</li> </ul> | 2          | HK 1                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 30%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 70%</li> </ul> |
| 2                           | Triết học Mác Lênin | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kiến thức</i></li> <li>+ CO1: Sinh viên hiểu biết, nhận thức được những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa Mác Lênin nói chung và triết học Mác Lênin nói riêng.</li> <li>+ CO2: Sinh viên hiểu, trình bày được những kiến thức cơ bản về thế giới quan duy vật biện chứng, về phương pháp luận biện chứng duy vật và về chủ nghĩa duy vật lịch sử.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng từ các kiến thức đã học để xây dựng thế giới quan và phương pháp luận để giải quyết được một số vấn đề trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> <li>+ CO4: có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm</li> </ul>  | 2          | HK1                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 30%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 70%</li> </ul> |

|   |                                |  |   |     |  |
|---|--------------------------------|--|---|-----|--|
| 3 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin  | <p>- Kiến thức<br/>+ CO1: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin – một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin và những kiến thức cơ bản của những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam trong bối cảnh mới.<br/>+ CO2: Phân tích được một số lý luận cơ bản của học thuyết kinh tế Mác – Lênin, một số nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Việt Nam; áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.<br/>- Kỹ năng:<br/>+ CO3: Hình thành kỹ năng trình bày vấn đề, phân tích, xử lý tình huống trong công việc cụ thể.<br/>- Mức tự chủ và trách nhiệm<br/>+ CO4: Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau<br/>+ CO5: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.</p>   | 2 | HK2 | <p>1. Quá trình học tập: 30%<br/>2. Thi kết thúc học phần: 70%</p> |
| 4 | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | <p>- Kiến thức<br/>+ CO1: Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học – một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đó là những tri thức về Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH.<br/>+ CO2: Sinh viên nắm được nội dung cơ bản của các vấn đề chính trị - xã hội trong TKQĐ lên CNXH như xây dựng nền dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.<br/>- Kỹ năng<br/>+ CO3: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.<br/>+ CO4: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành; Thông qua các hình thức như thảo luận, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng phân tích, xử lý tình huống xảy ra trong công việc cụ thể;<br/>- Mức tự chủ và trách nhiệm<br/>+ CO5: Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung;<br/>+ CO6: Bước đầu rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học; hình thành phương pháp nhận thức đúng, giải thích đúng các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn.</p> | 2 | HK3 | <p>1. Quá trình học tập: 30%<br/>2. Thi kết thúc học phần: 70%</p> |
| 5 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | <p>- Kiến thức:<br/>+ CO1: Hiểu được các khái niệm và quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam<br/>+ CO2: Hiểu được nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.<br/>- Kỹ năng<br/>+ CO3: trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học.<br/>+ CO4: Từ kiến thức được trang bị, người học có khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.<br/>- Mức tự chủ và trách nhiệm<br/>+ CO5: Có khả năng thu thập tài liệu, nghiên cứu những vấn đề thuộc về lịch sử của Đảng. Từ đó hình thành ở người học niềm tin và sự trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam.<br/>+ CO6: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng có ý thức tôn trọng</p>   | 2 | HK4 | <p>1. Quá trình học tập: 30%<br/>2. Thi kết thúc học phần: 70%</p> |

|   |                                     |  |   |     |  |
|---|-------------------------------------|--|---|-----|--|
|   |                                     | sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.   |   |     |  |
| 6 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ CO1: Cung cấp những hiểu biết sự hình thành phát triển, nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị của nó đối với cách mạng Việt Nam.</li> <li>+ CO2: Hiểu biết về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ CO3: Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.</li> <li>+ CO4: Có khả năng phân tích, bác bỏ những quan điểm sai trái về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh bằng những luận cứ khoa học.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>+ CO5: Có niềm tin vào lãnh tụ, vào chế độ xã hội chủ nghĩa</li> <li>+ CO6: Thấy được trách nhiệm bản thân trong việc học tập, rèn luyện góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</li> </ul>   | 2 | HK5 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 30%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 70%</li> </ul> |
| 7 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật.</li> <li>CO1: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật Bóng đá, Luật thi đấu bóng đá 5 người.</li> <li>CO2: Hiểu và thực hiện được động tác kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, má trong bàn chân, lòng bàn chân trong bóng đá.</li> <li>- Kỹ năng: Thực hành được một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá</li> <li>CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản: đá bóng bằng lòng bàn chân, bằng má trong bàn chân, dẫn bóng bằng lòng bàn chân, bằng má trong bàn chân.</li> <li>CO4: Thực hiện được các bài tập rèn luyện tố chất thể lực chung và chuyên môn.</li> <li>CO5: Vận dụng được một số điều luật cơ bản trong tập luyện và thi đấu bóng đá.</li> <li>CO6: Tổ chức nhóm tập luyện theo yêu cầu của giảng viên.</li> <li>- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện, yêu thích môn học.</li> <li>CO8: Chủ động tìm tòi nghiên cứu tài liệu chuyên môn, hình thành thói quen tập luyện và thi đấu ngoài giờ.</li> </ul>   | 1 | HK1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 40%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 60%</li> </ul> |
| 8 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: Hiểu biết các nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.</li> <li>CO1: Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển Bóng chuyền ở Việt Nam và trên thế giới; đặc điểm, tác dụng, lợi ích rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất của môn bóng chuyền.</li> <li>CO2: Nhận biết được một số trạng thái bệnh lý thường gặp, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện.</li> <li>CO3: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật cơ bản đặc trưng nhất và một số điều luật cơ bản của môn bóng chuyền.</li> <li>- Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền</li> <li>CO4: Thực hiện được tư thế chuẩn bị và di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, chuyền bóng cao tay, phát bóng thấp tay và cao tay</li> <li>CO5: Vận dụng được một số điều luật cơ bản trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền</li> <li>CO6: Tổ chức làm việc nhóm để thảo luận và tập luyện môn bóng chuyền.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>CO7: Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và thực hiện được các nội dung của tài liệu.</li> <li>CO8: Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và tập luyện bóng chuyền để phát triển</li> </ul> | 1 | HK2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 40%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 60%</li> </ul> |

|    |   |  |   |     |  |
|----|---|--|---|-----|--|
|    |   | một cách toàn diện về thể lực và trí lực.  |   |     |  |
| 9  | Giáo dục thể chất 1- Bóng rổ 1                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: Hiểu được cơ sở lý luận</li> <li>CO1: Nguồn gốc, quá trình phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của bóng rổ. Vệ sinh tập luyện.</li> <li>CO2: Một số điều luật cơ bản về sân bãi, dụng cụ của Luật bóng rổ.</li> <li>- Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng rổ ở mức độ tương đối chính xác.</li> <li>CO3: Kỹ thuật di chuyển không bóng và có bóng.</li> <li>CO4: Kỹ thuật chuyền, bắt bóng tại chỗ hai tay trước ngực.</li> <li>CO5: Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao ở vị trí gần rổ.</li> <li>CO6: Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ 1 tay trên vai.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>CO7: Tích cực tập luyện, học tập và nghiên cứu tài liệu.</li> <li>CO8: Giáo dục phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tập thể....</li> </ul>  |   |     | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 30%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 70%</li> </ul> |
| 10 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>CO1: Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển môn cầu lông.</li> <li>CO2: Kể tên được các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</li> <li>CO4: Sử dụng thành thạo các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</li> <li>CO5: Kết hợp các bước di chuyển đơn phù hợp với từng tình huống cầu đến cụ thể.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>CO6: Có thái độ nghiêm túc khi tập luyện cầu lông nâng cao sức khỏe.</li> </ul>   | 1 | HK3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 30%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 70%</li> </ul> |
| 11 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>CO1: Hiểu được khái niệm, phân loại, đặc điểm tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền Việt Nam.</li> <li>CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh sinh viên nhập môn.</li> <li>CO3: Hiểu biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ cổ truyền Việt Nam khi tập luyện và thi đấu trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</li> <li>CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật công tay không.</li> <li>CO5: Thực hiện được kỹ thuật đấu luyện tay không [Tự vệ].</li> <li>Trình diễn được bài quyền tay không [Hùng Kê Quyền].</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.</li> <li>CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ cổ truyền Việt Nam và rèn luyện thể chất thường xuyên.</li> </ul> | 1 | HK1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 30%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 70%</li> </ul> |
| 12 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển môn Võ Taekwondo.</li> <li>CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh sinh viên nhập môn.</li> <li>CO3: Hiểu và biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ Taekwondo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</li> <li>- Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:</li> <li>CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật phòng thủ, tấn công đòn tay, đòn chân.</li> <li>CO5: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.</li> <li>CO6: Trình diễn được bài quyền số 1.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> </ul>   | 1 | HK2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 30%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 70%</li> </ul> |

|    |   |  |   |     |  |
|----|---|--|---|-----|--|
|    |   | CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.<br>CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Taekwondo và rèn luyện thể chất thường xuyên.   |   |     |  |
| 13 | Giáo dục thể chất 1<br>(Võ Karatedo1)                                 | - Kiến thức:<br>CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển môn Võ Karatedo.<br>CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh nhập môn.<br>CO3: Hiểu và biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ Karatedo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.<br>- Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:<br>CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật tấn pháp.<br>CO5: Hiểu và thực hiện kỹ thuật đòn đâm, đòn đỡ, đòn đá, quyền pháp Karatedo.<br>CO6: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.<br>- Mức tự chủ và trách nhiệm:<br>CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.<br>CO8:Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Karatedo và rèn luyện thể chất thường xuyên.   | 1 | HK3 | 1. Quá trình học tập: 30%<br>2. Thi kết thúc học phần: 70% |
| 14 | GDQP-AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam | - Kiến thức<br>+ CO1: Sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.<br>+ CO2: Các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền QPTD, ANND; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.<br>+ CO3: Các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại.<br>+ CO4: Về xây dựng bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới.<br>+ CO5: Một số nội dung cơ bản về lịch sử quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.<br>- Kỹ năng<br>+ CO6: Hình thành và phát triển năng lực tư duy, phê phán, giải quyết vấn đề.<br>+ CO7: Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng.<br>+ CO8: Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phân tích các vấn đề chính trị, xã hội.<br>+ CO9: Có kỹ năng nêu gương, kỹ năng đối thoại, thuyết phục các vấn đề chính trị xã hội.<br>-Mức tự chủ và trách nhiệm<br>+ CO10: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực.<br>+ CO11: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.<br>+ CO12: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.<br>+ CO13: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo. | 3 | HK4 | 1. Quá trình học tập: 50%<br>2. Thi kết thúc học phần: 50% |
| 15 | GDQP-AN 2: Công tác quốc phòng, an ninh                               | - Kiến thức<br>+ CO1: Nắm được những quan điểm của Đảng về quốc phòng - an ninh trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.<br>+ CO2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.<br>+ CO3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tội   | 2 | HK4 | 1. Quá trình học tập: 50%<br>2. Thi kết thúc học phần: 50% |



|    |  |   |   |     |   |
|----|--|---|---|-----|---|
|    |  | <p>phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm người khác; vi phạm pháp luật trên không gian mạng.</p> <p>+ CO4: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</p> <p>- <b>Kỹ năng</b></p> <p>+ CO5: Hình thành và phát triển năng lực tư duy, phê phán, giải quyết vấn đề.</p> <p>+ CO6: Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng.</p> <p>+ CO7: Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phân tích các vấn đề chính trị, xã hội.</p> <p>+ CO8: Có kỹ năng nêu gương, kỹ năng đối thoại, thuyết phục các vấn đề chính trị xã hội.</p> <p>- <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>+ CO9: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực.</p> <p>+ CO10: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>+ CO11: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</p> <p>+ CO12: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p>   |   |     |   |
| 16 | GDQP-AN 3: Quân sự chung                             | <p>- <b>Kiến thức</b></p> <p>+ CO1: Hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.</p> <p>+ CO2: Nắm được nội dung cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, thực hành cách đo đạc, vận dụng kiến thức vào thực địa.</p> <p>+ CO3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội.</p> <p>+ CO4: Phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>- <b>Kỹ năng</b></p> <p>+ CO5: Rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO6: Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ và chỉ thị mục tiêu, đo cự ly, diện tích...</p> <p>+ CO7: Biết cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>+ CO8: Biết vận dụng nội dung ba môn quân sự phối hợp vào trong học tập và cuộc sống.</p> <p>- <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>+ CO9: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.</p> <p>+ CO10: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>+ CO11: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</p> <p>+ CO12: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p> | 2 | HK4 | <p>1. Quá trình học tập: 50%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 50%</p> |
| 17 | GDQP-AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật | <p>- <b>Kiến thức</b></p> <p>+ CO1: Biết cách ngắm bắn súng AK, hiểu được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.</p> <p>+ CO2: Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành bài ném lựu đạn số 1.</p> <p>+ CO3: Hiểu được vị trí, vai trò của cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và nhiệm vụ canh gác.</p>  | 2 | HK4 | <p>1. Quá trình học tập: 50%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 50%</p> |

|    |             |   |   |     |   |
|----|-------------|---|---|-----|---|
|    |             | <p><b>- Kỹ năng</b><br/> + CO4: Rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.<br/> + CO5: Rèn luyện thuần thục tư thế, động tác bản cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiêu liên AK.</p> <p><b>- Mức tự chủ và trách nhiệm</b><br/> + CO6: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.<br/> + CO7: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.<br/> + CO8: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.<br/> + CO9: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p>  |   |     |   |
| 18 | Tiếng Anh 1 | <p>- Kiến thức<br/> +CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp cơ bản về: <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành.</i><br/> +CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề quen thuộc như <i>địa danh, danh tiếng, sự kiện quá khứ, thiên nhiên</i> và <i>nghề nghiệp.</i></p> <p>- Kỹ năng<br/> +CO3: Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở mức độ cơ bản với những điểm ngữ pháp liên quan đến <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành.</i><br/> +CO4: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản liên quan đến <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành</i> để có thể nói và viết về các chủ đề như <i>địa danh, danh tiếng, thiên nhiên, du lịch</i> và <i>nghề nghiệp.</i></p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm<br/> +CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.</p>   | 3 | HK1 | <p>1. Quá trình học tập: 30%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 70%</p> |
| 19 | Tiếng Anh 2 | <p>- Kiến thức<br/> + CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp về <i>thì hiện tại, hiện tại tiếp diễn, quá khứ, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, will, going to, some, any, many, much, a lot of, a little, a few, (not) as ... as, too, enough, zero-conditional, và first conditional.</i><br/> + CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề <i>âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ</i> và <i>trải nghiệm.</i></p> <p>- Kỹ năng<br/> + CO3: Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh với những kiến thức ngữ pháp ở cấp độ tiền trung cấp về <i>thì hiện tại, hiện tại tiếp diễn, quá khứ, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, will, going to, some, any, many, much, a lot of, a little, a few, (not) as ... as, too, enough, zero-conditional, và first conditional.</i><br/> + CO4: Sinh viên có thể xử lý các tình huống liên quan đến các chủ đề như <i>âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ</i> và <i>trải nghiệm.</i></p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm<br/> + CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.</p> | 4 | HK2 | <p>1. Quá trình học tập: 30%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 70%</p> |

|    |                        |  |   |     |   |
|----|------------------------|--|---|-----|---|
| 20 | Kỹ năng giao tiếp      | <p>- Kiến thức:<br/> + CO1: Trang bị những kiến thức chung về giao tiếp, giúp sinh viên hiểu được khái niệm, chức năng, vai trò và các loại hình giao tiếp; hiểu được các nguyên tắc và quá trình giao tiếp.<br/> + CO2: Giúp sinh viên nhận thức được đặc điểm, vai trò và những kỹ năng cơ bản trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ.<br/> - Kỹ năng<br/> + CO3: Rèn luyện và bước đầu hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.<br/> + CO4: Rèn luyện và bước đầu hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cơ thể và quản lý cảm xúc.<br/> - Mức tự chủ và trách nhiệm<br/> + CO5: Sinh viên nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của giao tiếp và kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống; có thái độ tích cực trong học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp của bản thân.<br/> + CO6: Sinh viên tự tin, chủ động, vận dụng linh hoạt, khéo léo các kỹ năng giao tiếp vào những tình huống cụ thể trong thực tiễn cuộc sống.<br/> + CO7: Sinh viên có ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.</p> | 2 | HK2 | <p>1. Quá trình học tập: 50%<br/> 2. Thi kết thúc học phần: 50%</p> |
| 21 | Khởi nghiệp            | <p>- <b>Kiến thức:</b><br/> + CO1: Học phần Khởi nghiệp cung cấp những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn.<br/> + CO2: Học phần Khởi nghiệp giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định được con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp.<br/> - <b>Kỹ năng</b><br/> + CO3: Trang bị cho người học kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, thuyết trình, phân tích và phản biện các vấn đề có liên quan để khởi nghiệp thành công.<br/> + CO4: Người học được rèn luyện các khả năng và phương pháp thực hiện các bước trong hành trình khởi nghiệp.</p>  | 2 | HK5 | <p>1. Quá trình học tập: 40%<br/> 2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 22 | Tin học cơ sở (xã hội) | <p><i>Kiến thức</i><br/> + <b>CO1.</b> Cung cấp những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng cho nhóm ngành khoa học xã hội.<br/> + <b>CO2.</b> Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu của ngành học bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.<br/> + <b>CO3.</b> Trang bị kiến thức cho sinh viên có thể sử dụng máy tính, giao tiếp với máy tính bằng những thao tác nâng cao trên những ứng dụng của Microsoft để tổ chức lưu trữ, xử lý, hiển thị dữ liệu cho bài toán đưa ra.<br/> - <i>Kỹ năng</i><br/> + <b>CO4.</b> Có kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin vào công việc thực tế.<br/> - <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i><br/> + <b>CO5.</b> Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và ứng dụng vào công việc thực tế.</p>   | 3 | HK1 | <p>1. Quá trình học tập: 30%<br/> 2. Thi kết thúc học phần: 70%</p> |
| 23 | Giáo dục học đại cương | <p>- Kiến thức</p>   | 3 | HK1 | <p>1. Quá trình học</p>   |

|    |                          |  |   |     |   |
|----|--------------------------|--|---|-----|---|
|    |                          | <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên có những hiểu biết cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Về khoa học giáo dục; quá trình giáo dục tổng thể và nền giáo dục Việt Nam hiện nay;</li> <li>+ CO2: Về lao động sư phạm và yêu cầu nghề nghiệp đối với những người làm công tác giáo dục.</li> </ul> <p>- Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Có khả năng trình bày và phân tích vấn đề;</li> <li>+ CO4: Có khả năng thực hiện những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản liên quan đến công tác giáo dục.</li> </ul> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Bản thân trách nhiệm trong bồi dưỡng và thực hành chuyên môn và nghiệp vụ của người làm công tác xã hội.</li> </ul>   |   |     | <p>tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p>                  |
| 24 | Xã hội học đại cương     | <p>- Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học như khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và các lý thuyết nghiên cứu...</li> <li>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học; quy trình điều tra xã hội học.</li> </ul> <p>- Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học; quy trình điều tra xã hội học.</li> <li>+ CO3: Biết phát hiện và phân tích một vấn đề xã hội học cụ thể</li> </ul> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <b>CO4: Hình thành năng lực lập bảng khảo sát</b>, biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> </ul>  | 3 | HK2 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 25 | Tâm lý học đại cương     | <p>- Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về khái niệm, đặc điểm, quy luật nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý người, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý con người;</li> <li>+ CO2: Giúp sinh viên hiểu được các đặc điểm về hoạt động – giao tiếp, hoạt động nhận thức, các đặc điểm về sự hình thành và phát triển nhân cách con người.</li> </ul> <p>- Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Hình thành cho sinh viên kỹ năng nhận biết, đánh giá các đặc điểm tâm lý của bản thân và người khác.</li> <li>+ CO4: Hình thành cho sinh viên kỹ năng xử lý, giải quyết các vấn đề, các tình huống liên quan đến tâm lý con người trong công việc và cuộc sống;</li> </ul> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu tâm lý con người trong công việc và cuộc sống hằng ngày; khách quan, độc lập, trách nhiệm khi đánh giá con người và có ứng xử đúng đắn, phù hợp với mọi người xung quanh.</li> <li>+ CO6: Sinh viên tích cực hoàn thiện và giáo dục nhân cách của bản thân và người khác; có trách nhiệm trong giải quyết các vấn đề tâm lý và tôn trọng đặc điểm tâm lý của người khác;</li> </ul> | 2 | HK1 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 26 | Nhập môn công tác xã hội | <p>- Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Cung cấp những kiến thức khái quát về công tác xã hội (định nghĩa, đối tượng, mục đích, lịch sử hình thành CTXH ở Việt Nam và trên thế giới); Có những kiến thức về vai trò nhân viên CTXH, tiến trình giải quyết vấn đề, các phương pháp công tác xã hội, các lĩnh vực công tác xã hội</li> </ul> <p>- Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt; Có kỹ năng</li> </ul>   | 2 | HK1 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |

|    |   |   |   |     |   |
|----|---|---|---|-----|---|
|    |   | <p>đánh giá vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng tiến trình công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO3: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>   |   |     |   |
| 27 | Thống kê trong khoa học xã hội                      | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Nắm được công cụ toán thống kê thực hành để sử dụng trong các hoạt động xã hội và nghiên cứu các ngành khoa học xã hội, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các phương pháp tổ chức chọn mẫu</li> <li>- Các phương pháp mô tả và đúc kết số liệu</li> <li>- Các phương pháp phân tích, suy luận, kiểm định.</li> </ul> <p>+ CO2: Hiểu bản chất các bài toán thống kê trong nghiên cứu xã hội: mô tả, chọn mẫu, ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO3: Rèn luyện kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng công cụ toán thống kê trong các nội dung thống kê của cán bộ ngành công tác xã hội.</li> <li>- Vận dụng công cụ toán thống kê trong các nghiên cứu khoa học xã hội.</li> </ul> <p>+ CO4: Làm quen với các phần mềm tin học hỗ trợ thống kê như: Excel, SPSS,...</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO5: Rèn luyện ý thức cẩn thận có trách nhiệm khi thu thập, xử lý số liệu.</p> | 2 | HK4 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 28 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt               | <p>- Kiến thức</p> <p>+ CO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về soạn thảo văn bản trong quá trình học tập cũng như thực hành nghề nghiệp.</p> <p>+ CO2: Nắm được nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo, biên tập và ban hành các loại văn bản.</p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ CO3: Biết lắng nghe; Biết diễn thuyết trước một đám đông; Biết đọc nhanh và tổng hợp được các loại hình văn bản; Biết viết báo cáo tổng hợp.</p> <p>+ CO4: Có khả năng xác định thẩm quyền ban hành văn bản của một số cơ quan cụ thể. Trình bày đúng thể thức của các loại văn bản; có khả năng phát hiện những sai sót của những văn bản cụ thể.</p> <p>+ CO5: Có khả năng sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp. Có khả năng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhóm.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm</p> <p>+ CO6: Hiểu được vai trò và tầm quan trọng của việc nói và viết đúng tiếng Việt</p>  | 2 | HK3 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 29 | Xã hội học truyền thông đại chúng và Dự luận xã hội | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học truyền thông đại chúng và xã hội học về dự luận xã hội để có thể vận dụng kiến thức phục vụ cho công việc chuyên môn.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>+ CO3: Có khả năng nghiên cứu xã hội học truyền thông đại chúng và dự luận xã hội để tham gia đề xuất các chính sách, dự báo các vấn đề xã hội.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn..</p>  | 2 | HK5 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |

|    |                                  |   |   |     |   |
|----|----------------------------------|---|---|-----|---|
| 30 | Xã hội học tội phạm              | <p>- Kiến thức:<br/>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học tội phạm để có thể vận dụng phục vụ công việc chuyên môn.</p> <p>- Kỹ năng:<br/>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>+ CO3: Có khả năng nghiên cứu xã hội học tội phạm để tham gia đề xuất các chính sách, dự báo các vấn đề xã hội liên quan đến tội phạm.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ CO4: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>  | 2 | HK6 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 31 | Xã hội học Tôn giáo              | <p>- Kiến thức:<br/>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học tôn giáo như khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và các lý thuyết nghiên cứu...</p> <p>- Kỹ năng:<br/>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các hoạt động tôn giáo, niềm tin tôn giáo, biến đổi tôn giáo.</p> <p>+ CO3: Biết phát hiện và phân tích một vấn đề tôn giáo cụ thể</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ CO4: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá một vấn đề tôn giáo cụ thể</p>  | 2 | HK3 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 32 | Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam | <p>- Kiến thức:<br/>+ CO1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về đặc điểm và vai trò của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa.</p> <p>+ CO2: Sinh viên nắm được những kiến thức về tổ chức lãnh thổ theo ngành và theo không gian.</p> <p>- Kỹ năng:<br/>+ CO3: Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam.</p> <p>+ CO4: Có năng lực vận dụng kiến thức Địa lý kinh tế - xã hội vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ CO5: Giúp sinh viên biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Đảm bảo sức khỏe theo quy định hiện hành để học tập và làm việc.</p> <p>+ CO6: Giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến lĩnh vực Địa lý kinh tế - xã hội nói chung và Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam nói riêng.</p> | 2 | HK2 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 33 | Cơ sở văn hóa Việt Nam           | <p>- Kiến thức<br/>Giúp sinh viên trang bị hệ thống kiến thức gồm:<br/>+ CO1: Nắm vững các khái niệm cơ bản của văn hóa và văn hóa học các khái niệm hữu quan.</p> <p>+ CO2: Nắm vững các đặc trưng cơ bản, cùng các quy luật hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, tiến trình văn hóa và các thành tố văn hóa Việt Nam.</p> <p>- Kỹ năng<br/>Hình thành cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản để tìm hiểu về một nền văn hóa.</p> <p>+ CO3: Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.</p> <p>+ CO4: Biết nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc</p>   | 2 | HK2 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |

|    |  |   |   |     |   |
|----|--|---|---|-----|---|
|    |  | <p>trung truyền thống văn hóa dân tộc.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm</p> <p>+ CO5: Phân tích và rút ra bản sắc, tính cách và những giá trị tiêu biểu của văn hóa truyền thống Việt Nam. Ứng phó với những ảnh hưởng của làn sóng toàn cầu hóa.</p>   |   |     |   |
| 34 | An sinh xã hội                               | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>an sinh xã hội</b> để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Rèn luyện cho người học kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong an sinh xã hội; có năng lực vận dụng phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của một thân chủ.</p> <p>+ CO3: Giúp người học khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực an sinh xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các cá nhân yếu thế trong xã hội.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Giúp người học có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>  | 3 | HK3 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 35 | Chính sinh xã hội                            | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về chính sách xã hội, hiểu được những kiến thức trong chính sách xã hội như khuôn khổ lý thuyết của chính sách xã hội, hệ thống chính sách xã hội... để có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn công tác xã hội.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện chính sách xã hội để bảo vệ nhóm đối tượng yếu thế.</p> <p>+ CO3: Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực công tác xã hội</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động an sinh xã hội</p>  | 3 | HK6 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 36 | Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, cần thiết về các phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội để có thể vận dụng vận dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học và phương pháp nghiên cứu công tác xã hội đặc thù, thực hiện các nghiên cứu nhỏ trong công tác xã hội.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc.</p> <p>+ CO3: Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội; có năng lực vận dụng phương pháp nghiên cứu công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng; có khả năng thực hiện một cuộc nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các cá nhân, nhóm, cộng đồng có vấn đề.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> | 3 | HK3 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 37 | Lý thuyết công tác xã hội                    | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp kiến thức khái quát về lý thuyết và lý thuyết CTXH; Có kiến thức về các lý thuyết CTXH như lý: một số thuyết tâm lý, một số lý thuyết tâm lý; một số lý thuyết CTXH truyền thống; lý thuyết hệ thống môi sinh.</p> <p>- Kỹ năng:</p>   | 3 | HK3 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |

|    |   |  |   |     |   |
|----|---|--|---|-----|---|
|    |   | <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; Có năng lực vận dụng các lý thuyết công tác xã hội để giải quyết vấn đề của thân chủ</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO3: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>  |   |     |   |
| 38 | Công tác xã hội với chăm sóc sức khỏe cộng đồng | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp kiến thức cơ bản về lĩnh vực công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Giúp sinh viên biết cách vận dụng quy trình chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe ban đầu; vận dụng vai trò của nhân viên công tác xã hội trong can thiệp, trợ giúp cộng đồng có vấn đề về sức khỏe.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc vào thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Có kỹ năng đánh giá vấn đề sức khỏe cụ thể trong cộng đồng; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO3: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trước những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các vấn đề quan đến công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.</p> | 2 | HK5 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 39 | Công tác xã hội với vấn đề giới                 | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về giới và phát triển; công tác xã hội với vấn đề giới.</p> <p>+ CO2: Giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng các phương pháp và tiến trình CTXH nhằm thực hiện các hoạt động hỗ trợ đối với nạn nhân bị bạo lực gia đình.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO3: Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội với vấn đề giới; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của một thân chủ.</p> <p>+ CO4: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với vấn đề giới để tham gia xây dựng các chính sách về giới, các dự án giới và các mô hình hỗ trợ khác nhau cho nạn nhân bị bạo hành gia đình.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO5: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với vấn đề giới.</p>  | 3 | HK7 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 40 | Công tác xã hội với người nghèo                 | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về <b>nghèo đói và công tác xã hội với người nghèo để có thể vận dụng được trong</b> hoạt động công tác xã hội với người nghèo, hộ nghèo và cộng đồng nghèo.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>+ CO3: Có kỹ năng đánh giá vấn đề về nghèo đói cụ thể; có năng lực vận dụng tiến trình, kỹ năng</p>  | 2 | HK7 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |



|    |  |   |   |     |   |
|----|--|---|---|-----|---|
|    |  | <p>công tác xã hội với cá nhân để giải quyết vấn đề của người nghèo, hộ nghèo, cộng đồng nghèo.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với người nghèo</p>   |   |     |   |
| 41 | Công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn</b></p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Giúp sinh viên có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; thực hiện các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của đối tượng.</p> <p>+ CO3: Giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Giúp sinh viên hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện các hoạt động của công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.</p> | 3 | HK6 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 42 | Công tác xã hội với trẻ em                                     | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, cần thiết về trẻ em và công tác xã hội với trẻ em, tiến trình làm việc với trẻ em.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng tiến trình và kỹ năng công tác xã hội với trẻ em trong hoạt động công tác xã hội.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng tiến trình và kỹ năng công tác xã hội với trẻ em trong hoạt động công tác xã hội.</p> <p>+ CO3: Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Công tác xã hội với trẻ em.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động Công tác xã hội với trẻ em.</p>  | 2 | HK7 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 43 | Công tác xã hội với người khuyết tật                           | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về công tác xã hội với đối tượng khuyết tật để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Giúp sinh viên có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội với đối tượng khuyết tật; thực hiện các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của đối tượng.</p> <p>+ CO3: Giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với người khuyết tật để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho người khuyết tật</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Rèn luyện cho sinh viên hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện các hoạt động của công tác xã hội với người khuyết tật</p>  | 2 | HK7 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 44 | Công tác xã hội với gia đình                                   | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến công tác xã hội với gia đình; vận dụng các tiến trình, các kỹ năng và công cụ vào làm việc với gia đình có vấn đề.</p>  | 2 | HK5 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc</p>               |

|    |   |   |   |     |   |
|----|---|---|---|-----|---|
|    |   | <p>- Kỹ năng:<br/>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong CTXH với gia đình; Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng; Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với gia đình để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội cho gia đình, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho những gia đình có nhu cầu cần sự trợ giúp.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ CO3: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm về vấn đề chuyên môn liên quan đến CTXH với gia đình; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong lĩnh vực CTXH với gia đình</p>   |   |     | học phần: 60%   |
| 45 | Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn | <p>Về kiến thức:<br/>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan hành vi, hành vi lệch chuẩn; các loại hành vi lệch chuẩn, nguyên nhân và hậu quả của hành vi lệch chuẩn.<br/>+ CO2: Giúp người học hiểu được khái niệm, các định hướng tiếp cận, vai trò của nhân viên CTXH khi làm việc với người có hành vi lệch chuẩn.<br/>+ CO3: Giúp sinh viên biết cách vận dụng các phương pháp, tiến trình CTXH và thực hành cụ thể với những trường hợp, nhóm có hành vi lệch chuẩn đặc thù trong công tác xã hội.</p> <p>Về kỹ năng:<br/>+ CO4: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán những vấn đề liên quan đến hành vi lệch chuẩn và kỹ năng làm việc nhóm với người có hành vi lệch chuẩn.<br/>+ CO5: Có kỹ năng đánh giá các vấn đề công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội cá nhân, nhóm để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm.</p> <p>Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ CO6: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn về công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> | 2 | HK6 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 46 | Đạo đức nghề công tác xã hội                    | <p>- Kiến thức:<br/>+ CO1: Cung cấp kiến thức cơ bản về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghề công tác xã hội; vận dụng quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trong thực hành với các nhóm đối tượng đặc thù trong CTXH</p> <p>- Kỹ năng:<br/>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt để thực hiện có hiệu quả đạo đức nghề CTXH với các đối tượng đặc thù; Có kỹ năng đánh giá vấn đề đạo đức nghề công tác xã hội cụ thể và năng lực vận dụng đạo đức nghề công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ CO3: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm về đạo đức nghề công tác xã hội; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ phù hợp với đạo đức nghề CTXH; Có khả năng tự định</p>  | 2 | HK4 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |

|    |                                    |   |   |     |  |
|----|------------------------------------|---|---|-----|--|
|    |                                    | hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân phù hợp với đạo đức nghề CTXH.  |   |     |  |
| 47 | Công tác xã hội với người cao tuổi | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về CTXH với người cao tuổi, và trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng thực hành tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ cho người cao tuổi tại cộng đồng, tại bệnh viện và cơ sở bảo trợ.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ CO2: có các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động CTXH với người cao tuổi; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của người cao tuổi.</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ CO3: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân khi làm việc với người cao tuổi.</li> </ul>   | 2 | HK4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 40%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 60%</li> </ul> |
| 48 | Công tác xã hội với thanh niên     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về công tác xã hội với thanh niên để có thể hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên sâu</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ CO2: Giúp sinh viên có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội với thanh niên; có năng lực vận dụng phương pháp công tác xã hội với thanh niên để giải quyết vấn đề của một thân chủ.</li> <li>+ CO3: Giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực công tác xã hội với thanh niên để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình khác nhau cho thanh niên.</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ CO4: Hình thành cho sinh viên năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với thanh niên.</li> </ul> | 2 | HK4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 40%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 60%</li> </ul> |
| 49 | Dịch vụ xã hội                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về <b>dịch vụ xã hội để có thể hỗ trợ</b> cung cấp các dịch vụ xã hội cho các <b>đối tượng yếu thế</b>.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.</li> <li>+ CO3: Có kỹ năng phát hiện một dịch vụ xã hội cụ thể dành cho nhóm yếu thế; có năng lực cung cấp các dịch vụ xã hội để hỗ trợ cho các nhóm đối tượng yếu thế.</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực trong các hoạt động cung ứng các dịch vụ xã hội cho các đối tượng yếu thế.</li> </ul>   | 2 | HK4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 40%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 60%</li> </ul> |
| 50 | Quản lý ca trong công tác xã hội   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý ca trong công tác xã hội.</li> <li>+ CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc quản lý ca đối với các thân chủ.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ CO3: Biết phát hiện, phân tích một vấn đề cụ thể của thân chủ và biết vận dụng tiến trình quản lý ca trong công tác xã hội.</li> <li>+ CO4: Có năng lực vận dụng kiến thức quản lý ca trong công tác xã hội vào hoạt động công tác xã</li> </ul>  | 2 | HK5 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 40%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 60%</li> </ul> |

|    |  |  |   |     |  |
|----|--|--|---|-----|--|
|    |  | <p>hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ CO5: Biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn quản lý ca và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> <li>+ CO6: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động quản lý ca trong công tác xã hội.</li> </ul>   |   |     |  |
| 51 | Bảo hiểm xã hội                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về <b>bảo hiểm xã hội để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn.</b></li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ CO2: Giúp sinh viên có kỹ năng phát hiện, đánh giá vấn đề từ phương diện bảo hiểm xã hội để giải quyết vấn đề của thân chủ</li> <li>+ CO3: Giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ <b>CO4: Giúp sinh viên</b> biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn bảo hiểm xã hội, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> </ul>   | 2 | HK5 | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 40%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 60%</li> </ol> |
| 52 | Công tác xã hội với người dân tộc thiểu số | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ CO1: Có những kiến thức cơ bản về dân tộc, dân tộc thiểu số, công tác xã hội với các vấn đề dân tộc thiểu số đang gặp phải; Áp dụng các kiến thức cơ bản về công tác xã hội, phương pháp công tác xã hội để trợ giúp người dân tộc thiểu số giải quyết các vấn đề khó khăn, cải thiện cuộc sống.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt, trong quá trình làm việc với người dân tộc thiểu số; Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội trong lĩnh vực hỗ trợ người dân tộc thiểu số; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề mà người dân tộc thiểu số gặp phải.</li> <li>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ CO3: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực công tác xã hội với người dân tộc thiểu số, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội trong làm việc với người dân tộc thiểu số</li> </ul> | 2 | HK6 | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 40%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 60%</li> </ol> |
| 53 | Tâm lý học xã hội                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý học xã hội; các đặc điểm, quy luật hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội;</li> <li>+ CO2: Giúp sinh viên hiểu được vấn đề về xã hội hóa cá nhân; các hiện tượng tâm lý trong nhóm, các hiện tượng tâm lý đám đông và các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ liên nhân cách;</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ CO3: Hình thành cho sinh viên kỹ năng giải quyết các vấn đề tâm lý nảy sinh trong các nhóm và trong đời sống xã hội;</li> <li>+ CO4: Giúp sinh viên biết cách xây dựng, tổ chức, quản lý, phát triển hoạt động nhóm và các mối quan hệ liên nhân cách;</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> </ul>   | 2 | HK6 | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quá trình học tập: 40%</li> <li>2. Thi kết thúc học phần: 60%</li> </ol> |

|    |   |   |   |     |   |
|----|---|---|---|-----|---|
|    |   | <p>+ CO5: Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội đối với công việc và cuộc sống; có nhìn nhận đầy đủ, đúng đắn, trách nhiệm trong việc đánh giá, giải quyết các vấn đề tâm lý nảy sinh trong đời sống xã hội;</p> <p>+ CO6: Tích cực hoàn thiện bản thân để có thể hoạt động tốt trong môi trường nhóm, tập thể và trong đời sống xã hội.</p>  |   |     |   |
| 54 | Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến dự án phát triển cộng đồng; giúp người học hiểu được kiến thức liên quan đến thiết kế dự án và quản lý dự án và vị trí, vai trò của các dự án PTCĐ trong công tác xã hội.</p> <p>+ CO2: Giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng tiến trình quản lý dự án PTCĐ và ứng dụng của nó vào việc thiết kế các dự án phù hợp với thực tiễn PTCĐ hiện nay.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO3: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc</p> <p>+ CO4: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO5: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội.</p> <p>+ CO6: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội.</p> | 2 | HK7 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 55 | Chăm sóc sức khỏe tâm thần                | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên các quan điểm và liệu pháp tâm lý chữa trị tâm bệnh, các phương pháp phòng bệnh tâm thần</p> <p>+ CO2 : Giúp cho sinh viên hiểu được công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO3: Giúp cho sinh viên kỹ năng nhận dạng một số bệnh tâm thần thường gặp và sử dụng liệu pháp tâm lý để giúp đỡ bệnh nhân tâm thần</p> <p>+ CO4: Giúp cho sinh viên kỹ năng thực hiện công tác phòng bệnh tâm thần cho cộng đồng, cung cấp dịch vụ và trợ giúp xã hội cho những bệnh nhân tâm thần</p> <p>- Mức độ tự chủ và trách nhiệm.</p> <p>+ CO5: Giúp cho sinh viên xác định được trách nhiệm cá nhân trong làm việc nhóm, triển khai việc hướng dẫn và giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần</p> <p>+ CO6 : Giúp cho sinh viên biết được việc lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hoạt động công tác xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng</p>   | 2 | HK7 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 56 | Kiểm huấn trong công tác xã hội           | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến kiểm huấn, kiểm huấn trong CTXH; kiến thức về các chức năng kiểm huấn; mô hình và các loại hình kiểm huấn trong CTXH; tiến trình, bối cảnh và kỹ năng để thực hiện kiểm huấn và yếu tố con người của kiểm huấn trong CTXH</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản</p>  | 2 | HK7 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |

|    |                                 |   |   |     |   |
|----|---------------------------------|---|---|-----|---|
|    |                                 | <p>biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong hoạt động kiểm huấn CTXH; kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong kiểm huấn CTXH và có năng lực vận dụng các tiến trình, kỹ năng để thực hiện các phiên kiểm huấn có hiệu quả.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO3: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về kiểm huấn trong CTXH, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về kiểm huấn trong CTXH; Hình thành năng lực lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động kiểm huấn trong CTXH</p>  |   |     |   |
| 57 | Công tác xã hội với cá nhân     | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>phương pháp công tác xã hội với cá nhân</b> để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động công tác xã hội với cá nhân.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động công tác xã hội với cá nhân.</p> <p>+ CO3: Vận dụng thành thạo kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể của một thân chủ để từ đó vận dụng phương pháp, kỹ năng công tác xã hội với cá nhân để giải quyết vấn đề của họ; khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với cá nhân để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các cá nhân yếu thế trong xã hội.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với cá nhân.</p> | 3 | HK4 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 58 | Công tác xã hội với nhóm        | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>công tác xã hội với nhóm</b> để có thể vận dụng tiến trình trong công tác xã hội nhóm vào hoạt động công tác xã hội.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện công tác xã hội nhóm và có năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng của công tác xã hội nhóm vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.</p> <p>+ CO3: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH với nhóm để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động Công tác xã hội nhóm.</p>  | 3 | HK5 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 59 | Tổ chức và phát triển cộng đồng | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, khái niệm, các mục tiêu của phát triển cộng đồng; Có kiến thức về tiến trình phát triển cộng đồng, tổ chức và phát triển cộng đồng, dự án phát triển cộng đồng, các nhóm yếu thế trong phát triển cộng đồng và vai trò của tác viên phát triển cộng đồng .</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình làm việc với cộng đồng; Có kỹ năng đánh giá vấn đề của cộng đồng và năng lực vận dụng tiến trình tổ chức cộng đồng, dự án phát triển cộng đồng để giải quyết vấn đề cộng đồng gặp phải.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p>  | 3 | HK6 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |

|    |  |  |   |     |  |
|----|--|--|---|-----|--|
|    |  | + CO3: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về phương pháp tổ chức và phát triển cộng đồng; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.  |   |     |  |
| 60 | Thực hành công tác xã hội (I)<br>(công tác xã hội với cá nhân)       | - Kiến thức:<br>+ CO1: Kết thúc đợt thực hành công tác xã hội với cá nhân, sinh viên có thể vận dụng các lý thuyết đã học, trong đó có tiến trình và các kỹ năng công tác xã hội với cá nhân để tiếp nhận thân chủ, xác định các vấn đề khó khăn của thân chủ, cùng thân chủ lên kế hoạch trợ giúp thân chủ huy động nguồn lực, tự vươn lên trong cuộc sống.<br>- Kỹ năng:<br>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; sử dụng tốt công nghệ thông tin cơ bản.<br>+ CO3: Vận dụng thành thạo đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội với cá nhân; vận dụng thành thạo phương pháp công tác xã hội với cá nhân để giải quyết vấn đề của thân chủ.<br>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br>+ CO4: Sử dụng hiệu quả khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.<br>+ CO5: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với cá nhân. | 3 | HK4 | 1. Quá trình học tập: 40%<br>2. Thi kết thúc học phần: 60% |
| 61 | Thực hành công tác xã hội (II)<br>(công tác xã hội với nhóm)         | - Kiến thức:<br>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>công tác xã hội với nhóm</b> để có thể vận dụng tiến trình trong công tác xã hội nhóm vào hoạt động công tác xã hội.<br>- Kỹ năng:<br>+ CO2: Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện công tác xã hội nhóm và có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của công tác xã hội nhóm vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.<br>+ CO3: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH với nhóm để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội.<br>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br>+ CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động Công tác xã hội nhóm.   | 3 | HK5 | 1. Quá trình học tập: 40%<br>2. Thi kết thúc học phần: 60% |
| 62 | Thực hành công tác xã hội (III)<br>(Tổ chức và phát triển cộng đồng) | - Kiến thức:<br>+ CO1: Phát triển kiến thức nâng cao của phương pháp phát triển cộng đồng trong công tác xã hội<br>- Kỹ năng:<br>+ CO2: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học cơ bản để thực hành phát triển cộng đồng; Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể của cộng đồng; có năng lực vận dụng phương pháp phát triển cộng đồng để giải quyết vấn đề của cộng đồng; Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho cộng đồng có vấn đề khó khăn.<br>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:<br>+ CO3: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ phát triển cộng đồng; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động phát triển cộng đồng   | 3 | HK6 | 1. Quá trình học tập: 40%<br>2. Thi kết thúc học phần: 60% |

|    |  |  |   |     |   |
|----|--|--|---|-----|---|
| 63 | Hành vi con người và môi trường xã hội | <p>- Kiến thức:<br/>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hành vi con người và môi trường xã hội để có thể vận dụng giải quyết được các vấn đề về hành vi của thân chủ trong mối quan hệ với môi trường xã hội.</p> <p>- Kỹ năng:<br/>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>+ CO3: Có thể đánh giá được các vấn đề cụ thể về hành vi của thân chủ, vấn đề về môi trường xã hội tác động đến hành vi của thân chủ.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ CO4: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận về chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>   | 3 | HK2 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 64 | Tham vấn trong công tác xã hội         | <p>- Kiến thức:<br/>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>tham vấn trong công tác xã hội để có thể vận dụng tiến trình tham vấn vào hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn</b></p> <p>- Kỹ năng:<br/>+ CO2: Giúp sinh viên có kỹ năng giao tiếp tốt, kỹ năng truyền đạt vấn đề, kỹ năng phân biện, kỹ năng làm việc nhóm, dẫn dắt đối tượng trong quá trình tham vấn.</p> <p>+ CO3: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể khi tham vấn trong công tác xã hội. Có năng lực vận dụng tiến trình tham vấn để giải quyết vấn đề của thân chủ.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ <b>CO4: Giúp sinh viên có khả năng tự</b> định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>   | 3 | HK7 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 65 | Quản trị ngành công tác xã hội         | <p>- Kiến thức:<br/>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về <b>quản lý, quản trị và quản trị công tác xã hội để có thể vận dụng trong hoạt động quản trị ở cấp độ nhân viên và cấp độ tổ chức ở các cơ sở xã hội.</b></p> <p>- Kỹ năng:<br/>+ CO2: Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>+ CO3: Có kỹ năng đánh giá vấn đề quản trị cụ thể trong công tác xã hội; có năng lực vận dụng tiến trình, phương pháp quản trị để quản trị hoạt động công tác xã hội và làm việc với các đối tượng yếu thế ở các cơ sở xã hội; tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các cá nhân yếu thế trong xã hội tại cơ sở xã hội.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động quản trị tại các cơ sở xã hội.</p> | 3 | HK3 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 66 | Thực tập nhận thức nghề nghiệp         | <p>- Kiến thức:<br/>+ <b>CO1: Kết thúc đợt thực tập nhận thức nghề nghiệp, sinh viên có kiến thức cơ bản về thực tiễn các</b> hoạt động chung của cơ sở, cơ cấu tổ chức của cơ sở, các đối tượng ở cơ sở; hiểu được các chính sách an sinh xã hội và tầm quan trọng của các chính sách an sinh xã hội dành cho các đối tượng yếu thế ở cơ sở; phân biệt được hoạt động công tác xã hội với hoạt động từ thiện; phân biệt được vai trò của</p>  | 2 | HK4 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |



|    |                      |   |   |     |   |
|----|----------------------|---|---|-----|---|
|    |                      | <p>nhân viên xã hội với các chức danh nghề nghiệp khác ở cơ sở; liên hệ thực tiễn với các kiến thức lý thuyết về ngành công tác xã hội đã học.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; có khả năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.</p> <p>+ CO3: Có kỹ năng đánh giá các vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp, kỹ năng công tác xã hội để giải quyết vấn đề ở cơ sở thực tập.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong môi trường cơ sở xã hội đa dạng; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.</p> <p>+ CO5: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội</p>  |   |     |   |
| 67 | Thực tập tốt nghiệp  | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ <b>CO1:</b> Kết thúc đợt thực tập tốt nghiệp công tác xã hội, sinh viên có kiến thức thực tiễn sâu rộng về các hoạt động chung của cơ quan, cơ cấu tổ chức của cơ quan, các công việc ở cơ quan; các chính sách an sinh xã hội và tầm quan trọng của các chính sách an sinh xã hội dành cho các đối tượng yếu thế ở cơ quan; thực hiện được vai trò của nhân viên xã hội ở cơ quan; kết nối chặt chẽ giữa hoạt động thực tiễn với các kiến thức lý thuyết về ngành công tác xã hội đã học.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác; có khả năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và phần mềm tin học chuyên ngành SPSS.</p> <p>+ CO3: Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề tại cơ sở thực tập; có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế tại cơ sở thực tập.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>+ CO5: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội.</p> | 5 | HK8 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 68 | Khóa luận tốt nghiệp | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ <b>CO1:</b> Kết thúc làm khóa luận tốt nghiệp công tác xã hội, sinh viên có kiến thức sâu rộng về nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội, từ đó có thể thực hiện được các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công tác xã hội, kết nối chặt chẽ giữa kiến thức lý luận đã được học trên lớp với các vấn đề thực tiễn trong nghiên cứu.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; có khả năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và phần mềm tin học chuyên ngành SPSS.</p> <p>+ CO3: Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội; nhận diện đa chiều một đối tượng yếu thế; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề; có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô</p>   | 5 | HK8 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |

|    |  |   |   |     |   |
|----|--|---|---|-----|---|
|    |  | <p>hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>+ CO5: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội.</p>  |   |     |   |
| 69 | Bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân | <p>Về kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (hay còn gọi là bộ công cụ P.R.A) trong thực hành CTXH. Từ đó giúp người học hiểu và thực hiện được bộ công cụ PRA vào thực tiễn và trong thực hành các dự án phát triển cộng đồng trong công tác xã hội.</p> <p>Về kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Có kỹ năng đánh giá các vấn đề cụ thể của cá nhân, nhóm, cộng đồng; Có năng lực vận dụng kiến thức bộ công cụ vào thực tiễn hoạt động Công tác xã hội và trong quá trình thiết kế các dự án phát triển cộng đồng.</p> <p>+ CO3: Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực phát triển cộng đồng để tham gia xây dựng các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế.</p> <p>Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động phát triển cộng đồng.</p> | 2 | HK8 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 70 | Công tác xã hội trong bệnh viện                            | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội trong bệnh viện để có thể vận dụng trong các hoạt động công tác xã hội với người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế tại các cơ sở y tế.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng dẫn dắt và hướng dẫn người khác trong công việc.</p> <p>+ CO3: Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp, kỹ năng và quy trình công tác xã hội trong bệnh viện để giải quyết vấn đề của người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế; có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội trong bệnh viện để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội trong bệnh viện tại các cơ sở y tế.</p>                                   | 2 | HK8 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |
| 71 | Công tác xã hội trong trường học                           | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về công tác xã hội trường học để có thể hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Giúp người học có khả năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội trường học, có năng lực vận dụng phương pháp trong công tác xã hội trường học để giải quyết vấn đề của thân chủ</p>  | 2 | HK8 | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p> |

|                     |  |   |   |          |  |
|---------------------|--|---|---|----------|--|
|                     |  | <p>+ CO3: Rèn luyện cho người học có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội trường học để tham gia xây dựng chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho thân chủ.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Giúp người học có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>  |   |          |  |
| 72                  | Quản lý stress đối với nhân viên công tác xã hội           | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý stress đối với nhân viên công tác xã hội để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của chính mình và đồng nghiệp trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO2: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền đạt vấn đề, kỹ năng phản biện, kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>+ CO3: Giúp sinh viên có kỹ năng đánh giá vấn đề của nhân viên công tác xã hội cụ thể, có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để quản lý stress của cá nhân và hỗ trợ đồng nghiệp.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO4: Giúp sinh viên biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn trong việc quản lý stress của bản thân và đồng nghiệp và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>  | 2 | HK8      | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p>  |
| 73                  | Công tác xã hội với người di cư và nạn nhân buôn bán người | <p>Về kiến thức:</p> <p>+ CO1: Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến khái niệm người di cư và nạn nhân buôn bán người; các hình thức, nguyên nhân và hậu quả của việc di cư và nạn nhân bị buôn bán người hiện nay</p> <p>+ CO2: Hiểu được những nhu cầu cơ bản của người di cư và nạn nhân bị buôn bán người dựa trên các cấp độ về nhu cầu của con người. Bên cạnh đó, giúp người học hiểu được khung chính sách, luật pháp liên quan đến người di cư và nạn nhân buôn bán người hiện nay ở trên thế giới cũng như Việt Nam</p> <p>+ CO3: Giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng các phương pháp và tiến trình CTXH nhằm thực hiện các hoạt động hỗ trợ đối với người di cư và nạn nhân bị buôn bán người.</p> <p>Về kỹ năng:</p> <p>+ CO4: Có kỹ năng đánh giá các vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng. Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Công tác xã hội.</p> <p>+ CO5: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p>Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ CO6: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động Công tác xã hội với người di cư và nạn nhân buôn bán người.</p> | 2 | HK8      | <p>1. Quá trình học tập: 40%</p> <p>2. Thi kết thúc học phần: 60%</p>  |
| <b>6.2. Khoa 43</b> |  |   |   |          |  |
| 1                   | Triết học Mác-Lê Nin                                       | <p>- Kiến thức</p> <p>+ Sinh viên hiểu biết, nhận thức được những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa Mác Lênin nói chung và triết học Mác Lênin nói riêng.</p> <p>+ Sinh viên hiểu, trình bày được những kiến thức cơ bản về thế giới quan duy vật biện chứng, về phương pháp luận biện chứng duy vật và về chủ nghĩa duy vật lịch sử.</p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng từ các kiến thức đã học để xây dựng thế giới quan và phương pháp luận để giải quyết được một số vấn đề trong hoạt động</p>   | 3 | Học kì 1 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |

|   |                                |   |   |          |   |
|---|--------------------------------|---|---|----------|---|
|   |                                | <p>nhận thức và hoạt động thực tiễn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm</li> </ul>  |   |          |   |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác Lênin    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin – một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin và những kiến thức cơ bản của những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam trong bối cảnh mới.</li> <li>+ Phân tích được một số lý luận cơ bản của học thuyết kinh tế Mác – Lênin, một số nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Việt Nam; áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Hình thành kỹ năng trình bày vấn đề, phân tích, xử lý tình huống trong công việc cụ thể.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</li> <li>+ Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.</li> </ul>  | 2 | Học kì 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học – một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đó là những tri thức về Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH.</li> <li>+ Sinh viên nắm được nội dung cơ bản của các vấn đề chính trị - xã hội trong TKQĐ lên CNXH như xây dựng nền dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.</li> <li>+ Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành; Thông qua các hình thức như thảo luận, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng phân tích, xử lý tình huống xảy ra trong công việc cụ thể;</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung;</li> <li>+ Bước đầu rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học; hình thành phương pháp nhận thức đúng, giải thích đúng các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn.</li> </ul> | 2 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 4 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Hiểu được các khái niệm và quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam</li> <li>+ Hiểu được nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học.</li> <li>+ Từ kiến thức được trang bị, người học có khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> </ul>  | 2 | Học kỳ 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |

|   |                                 |  |   |          |   |
|---|---------------------------------|--|---|----------|---|
|   |                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có khả năng thu thập tài liệu, nghiên cứu những vấn đề thuộc về lịch sử của Đảng. Từ đó hình thành ở người học niềm tin và sự trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam.</li> <li>+ Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng có ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.</li> </ul>   |   |          |   |
| 5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cung cấp những hiểu biết sự hình thành phát triển, nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị của nó đối với cách mạng Việt Nam.</li> <li>+ Hiểu biết về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.</li> <li>+ Có khả năng phân tích, bác bỏ những quan điểm sai trái về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh bằng những luận cứ khoa học.</li> </ul> </li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có niềm tin vào lãnh tụ, vào chế độ xã hội chủ nghĩa</li> <li>+ Thấy được trách nhiệm bản thân trong việc học tập, rèn luyện góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</li> </ul> </li> </ul>   | 2 | Học kỳ 5 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 6 | Pháp luật đại cương             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật, khái niệm và cơ cấu của Hệ thống pháp luật Việt Nam;</li> <li>+ Nhận biết được đối tượng và phương pháp điều chỉnh của mỗi ngành luật.</li> <li>+ Hiểu rõ bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ chế điều chỉnh pháp luật của Nhà nước.</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kỹ năng tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật và các cơ quan tổ chức trợ giúp pháp lý;</li> <li>+ Kỹ năng đọc hiểu văn bản quy phạm pháp luật, phân tích các tình huống thực tiễn, lập luận và vận dụng pháp luật vào giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản.</li> </ul> </li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có thái độ đúng đắn về địa vị làm chủ của công dân để từ đó có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân;</li> <li>+ Tôn trọng pháp luật, tuân thủ, chấp hành và sử dụng tốt pháp luật trong việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bản thân, gia đình, nhà nước và xã hội.</li> </ul> </li> </ul> | 2 | Học kỳ 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 7 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật. <ul style="list-style-type: none"> <li>CO1: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật Bóng đá, Luật thi đấu bóng đá 5 người.</li> <li>CO2: Hiểu và thực hiện được động tác kỹ thuật tâng bóng bằng đùi, má trong bàn chân, lòng bàn chân trong bóng đá.</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng: Thực hành được một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá <ul style="list-style-type: none"> <li>CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản: đá bóng bằng lòng bàn chân, bằng má trong bàn chân, dẫn bóng bằng lòng bàn chân, bằng má trong bàn chân.</li> <li>CO4: Thực hiện được các bài tập rèn luyện tố chất thể lực chung và chuyên môn.</li> <li>CO5: Vận dụng được một số điều luật cơ bản trong tập luyện và thi đấu bóng đá.</li> <li>CO6: Tổ chức nhóm tập luyện theo yêu cầu của giảng viên.</li> </ul> </li> <li>- Mức độ tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> <li>CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện, yêu thích môn học.</li> </ul> </li> </ul>   | 1 | HK1      | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |

|    |  |   |   |     |   |
|----|--|---|---|-----|---|
|    |  | CO8: Chủ động tìm tòi nghiên cứu tài liệu chuyên môn, hình thành thói quen tập luyện và thi đấu ngoài giờ.  |   |     |   |
| 8  | Giáo dục thể chất 1<br>(Bóng chuyền 1)           | <p>- Kiến thức: Hiểu biết các nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền.</p> <p>CO1: Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển Bóng chuyền ở Việt Nam và trên thế giới; đặc điểm, tác dụng, lợi ích rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất của môn bóng chuyền.</p> <p>CO2: Nhận biết được một số trạng thái bệnh lý thường gặp, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện.</p> <p>CO3: Hiểu được nguyên lý kỹ thuật cơ bản đặc trưng nhất và một số điều luật cơ bản của môn bóng chuyền.</p> <p>- Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền</p> <p>CO4: Thực hiện được tư thế chuẩn bị và di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, chuyền bóng cao tay, phát bóng thấp tay và cao tay</p> <p>CO5: Vận dụng được một số điều luật cơ bản trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền</p> <p>CO6: Tổ chức làm việc nhóm để thảo luận và tập luyện môn bóng chuyền.</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>CO7: Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và thực hiện được các nội dung của tài liệu.</p> <p>CO8: Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và tập luyện bóng chuyền để phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực.</p> | 1 | HK2 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 9  | Giáo dục thể chất 1- Bóng rổ 1                   | <p>- Kiến thức: Hiểu được cơ sở lý luận</p> <p>CO1: Nguồn gốc, quá trình phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của bóng rổ. Vệ sinh tập luyện.</p> <p>CO2: Một số điều luật cơ bản về sân bãi, dụng cụ của Luật bóng rổ.</p> <p>- Kỹ năng: Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của bóng rổ ở mức độ tương đối chính xác.</p> <p>CO3: Kỹ thuật di chuyển không bóng và có bóng.</p> <p>CO4: Kỹ thuật chuyên, bắt bóng tại chỗ hai tay trước ngực.</p> <p>CO5: Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao ở vị trí gần rổ.</p> <p>CO6: Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ 1 tay trên vai.</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>CO7: Tích cực tập luyện, học tập và nghiên cứu tài liệu.</p> <p>CO8: Giáo dục phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết, tập thể....</p>  |   |     | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 10 | Giáo dục thể chất 1<br>(Cầu lông 1)              | <p>- Kiến thức:</p> <p>CO1: Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển môn cầu lông.</p> <p>CO2: Kể tên được các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>CO3: Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</p> <p>CO4: Sử dụng thành thạo các kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông.</p> <p>CO5: Kết hợp các bước di chuyển đơn phù hợp với từng tình huống cầu đến cụ thể.</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>CO6: Có thái độ nghiêm túc khi tập luyện cầu lông nâng cao sức khỏe.</p>   | 1 | HK3 |   |
| 11 | Giáo dục thể chất 1<br>(Võ cổ truyền Việt Nam 1) | <p>- Kiến thức:</p> <p>CO1: Hiểu được khái niệm, phân loại, đặc điểm tập luyện và thi đấu môn Võ cổ truyền Việt Nam.</p> <p>CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh sinh viên nhập môn.</p> <p>CO3: Hiểu biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ cổ truyền Việt Nam khi tập luyện và thi đấu trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</p>   | 1 | HK1 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |

|    |   |  |   |     |  |
|----|---|--|---|-----|--|
|    |   | <p>- Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:<br/>CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật công tay không.<br/>CO5: Thực hiện được kỹ thuật đấu luyện tay không [Tự vệ].<br/>Trình diễn được bài quyền tay không [Hùng Kê Quyền].</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm:<br/>CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.<br/>CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ cổ truyền Việt Nam và rèn luyện thể chất thường xuyên.</p>   |   |     |  |
| 12 | Giáo dục thể chất 1<br>(Võ Taekwondo 1)                               | <p>- Kiến thức:<br/>CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển môn Võ Taekwondo.<br/>CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh sinh viên nhập môn.<br/>CO3: Hiểu và biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ Taekwondo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</p> <p>- Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:<br/>CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật phòng thủ, tấn công đòn tay, đòn chân.<br/>CO5: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.<br/>CO6: Trình diễn được bài quyền số 1.</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm:<br/>CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.<br/>CO8: Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Taekwondo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</p>  | 1 | HK2 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 13 | Giáo dục thể chất 1<br>(Võ Karatedo 1)                                | <p>- Kiến thức:<br/>CO1: Hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển môn Võ Karatedo.<br/>CO2: Hiểu và thực hiện được nghi thức võ đạo của võ sinh nhập môn.<br/>CO3: Hiểu và biết cách khởi động chung và chuyên môn Võ Karatedo khi tập luyện trong giáo dục thể chất, thể thao sinh viên đại học.</p> <p>- Kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật căn bản:<br/>CO4: Hiểu và thực hiện kỹ thuật tấn pháp.<br/>CO5: Hiểu và thực hiện kỹ thuật đòn đâm, đòn đỡ, đòn đá, quyền pháp Karatedo.<br/>CO6: Thực hiện được kỹ thuật đối luyện.</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm:<br/>CO7: Có thái độ tự giác học tập, tích cực tập luyện và nghiên cứu tài liệu chuyên môn.<br/>CO8:Hình thành thói quen vận động, luyện tập Võ Karatedo và rèn luyện thể chất thường xuyên.</p>  | 1 | HK3 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 14 | GDQP-AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam | <p>- Kiến thức<br/>+ CO1: Sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.<br/>+ CO2: Các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền QPTD, ANND; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.<br/>+ CO3: Các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại.<br/>+ CO4: Về xây dựng bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới.<br/>+ CO5: Một số nội dung cơ bản về lịch sử quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.</p> <p>- Kỹ năng<br/>+ CO6: Hình thành và phát triển năng lực tư duy, phê phán, giải quyết vấn đề.</p> | 3 | HK4 | <p>1.Chuyên cần: 25%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 50%</p> |

|    |   |   |   |     |   |
|----|---|---|---|-----|---|
|    |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO7: Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng.</li> <li>+ CO8: Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phân tích các vấn đề chính trị, xã hội.</li> <li>+ CO9: Có kỹ năng nêu gương, kỹ năng đối thoại, thuyết phục các vấn đề chính trị xã hội.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO10: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực.</li> <li>+ CO11: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</li> <li>+ CO12: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</li> <li>+ CO13: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</li> </ul>  |   |     |   |
| 15 | GDQP-AN 2: Công tác quốc phòng, an ninh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Nắm được những quan điểm của Đảng về quốc phòng - an ninh trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.</li> <li>+ CO2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.</li> <li>+ CO3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm người khác; vi phạm pháp luật trên không gian mạng.</li> <li>+ CO4: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO5: Hình thành và phát triển năng lực tư duy, phê phán, giải quyết vấn đề.</li> <li>+ CO6: Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng.</li> <li>+ CO7: Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phân tích các vấn đề chính trị, xã hội.</li> <li>+ CO8: Có kỹ năng nêu gương, kỹ năng đối thoại, thuyết phục các vấn đề chính trị xã hội.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO9: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực.</li> <li>+ CO10: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</li> <li>+ CO11: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</li> <li>+ CO12: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</li> </ul> | 2 | HK4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 25%</li> <li>2.Quá trình: 25%</li> <li>3.Cuối kỳ: 50%</li> </ul> |
| 16 | GDQP-AN 3: Quân sự chung                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiến thức</b></li> <li>+ CO1: Hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.</li> <li>+ CO2: Nắm được nội dung cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, thực hành cách đo đạc, vận dụng kiến thức vào thực địa.</li> <li>+ CO3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội.</li> <li>+ CO4: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.</li> <li>- <b>Kỹ năng</b></li> <li>+ CO5: Rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.</li> </ul>  | 2 | HK4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 25%</li> <li>2.Quá trình: 25%</li> <li>3.Cuối kỳ: 50%</li> </ul> |



|    |  |   |   |          |   |
|----|--|---|---|----------|---|
|    |  | <p>+ CO6: Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ và chỉ thị mục tiêu, đo cự ly, diện tích...</p> <p>+ CO7: Biết cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>+ CO8: Biết vận dụng nội dung ba môn quân sự phối hợp vào trong học tập và cuộc sống.</p> <p><b>- Mức tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>+ CO9: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.</p> <p>+ CO10: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>+ CO11: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</p> <p>+ CO12: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p>   |   |          |   |
| 17 | GDQP-AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật | <p><b>- Kiến thức</b></p> <p>+ CO1: Biết cách ngắm bắn súng AK, hiểu được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.</p> <p>+ CO2: Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành bài ném lựu đạn số 1.</p> <p>+ CO3: Hiểu được vị trí, vai trò của cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và nhiệm vụ canh gác.</p> <p><b>- Kỹ năng</b></p> <p>+ CO4: Rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.</p> <p>+ CO5: Rèn luyện thuần thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiêu liên AK.</p> <p><b>- Mức tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>+ CO6: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.</p> <p>+ CO7: Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>+ CO8: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.</p> <p>+ CO9: Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.</p> | 2 | HK4      | 1.Chuyên cần: 25%<br>2.Quá trình: 25%<br>3.Cuối kỳ: 50% |
| 18 | Tiếng Anh 1  | <p>- Kiến thức</p> <p>+ Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp cơ bản về: <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành.</i></p> <p>+ Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề quen thuộc như <i>địa danh, danh tiếng, sự kiện quá khứ, thiên nhiên và nghề nghiệp.</i></p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở mức độ cơ bản với những điểm ngữ pháp liên quan đến <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành.</i></p> <p>+ Sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản liên quan đến <i>thì quá khứ đơn, so sánh hơn và cấp nhất của tính từ, tương lai gần, hiện tại hoàn thành</i> để có thể nói và viết về các chủ đề như <i>địa danh, danh tiếng, thiên nhiên, du lịch và nghề nghiệp.</i></p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm</p>  | 3 | Học kì 1 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |

|    |                   |  |   |          |  |
|----|-------------------|--|---|----------|--|
|    |                   | + Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.  |   |          |  |
| 19 | Tiếng Anh 2       | <p>- Kiến thức</p> <p>+ Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp về <i>thì hiện tại, hiện tại tiếp diễn, quá khứ, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, will, going to, some, any, many, much, a lot of, a little, a few, (not) as ... as, too, enough, zero-conditional, và first conditional.</i></p> <p>+ Sinh viên được trang bị những kiến thức tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề <i>âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm.</i></p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh với những kiến thức ngữ pháp ở cấp độ tiền trung cấp về <i>thì hiện tại, hiện tại tiếp diễn, quá khứ, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, will, going to, some, any, many, much, a lot of, a little, a few, (not) as ... as, too, enough, zero-conditional, và first conditional.</i></p> <p>+ Sinh viên có thể xử lý các tình huống liên quan đến các chủ đề như <i>âm nhạc và tính cách, phim ảnh, sự kiện quá khứ và trải nghiệm.</i></p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>+ Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.</p> | 4 | Học kỳ 2 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 20 | Kỹ năng giao tiếp | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Trang bị những kiến thức chung về giao tiếp, giúp sinh viên hiểu được khái niệm, chức năng, vai trò và các loại hình giao tiếp; hiểu được các nguyên tắc và quá trình giao tiếp.</p> <p>+ Giúp sinh viên nhận thức được đặc điểm, vai trò và những kỹ năng cơ bản trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ.</p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ Hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết và kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ</p> <p>+ Hình thành cho sinh viên khả năng vận dụng linh hoạt, khéo léo các kỹ năng giao tiếp vào công việc và cuộc sống;</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>+ Sinh viên nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của giao tiếp và kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống; tự tin, chủ động, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội;</p> <p>+ Sinh viên có thái độ tích cực trong học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp của bản thân;</p>   | 2 | Học kỳ 2 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 40%</p> <p>3.Cuối kỳ: 50%</p> |
| 21 | Khởi nghiệp       | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Học phần Khởi nghiệp cung cấp những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn.</p> <p>+ Học phần Khởi nghiệp giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định được con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp.</p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ Trang bị cho người học kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, thuyết trình, phân tích và phân biện các vấn đề có liên quan để khởi nghiệp thành công.</p> <p>+ Người học được rèn luyện các khả năng và phương pháp thực hiện các bước trong hành trình khởi nghiệp.</p>  | 2 | Học kỳ 5 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 30%</p> <p>3.Cuối kỳ: 60%</p> |

|    |                        |  |   |          |   |
|----|------------------------|--|---|----------|---|
|    |                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>+ Người học nhận thức được vai trò quan trọng của việc khởi nghiệp, từ đó có thái độ tích cực, ý thức trách nhiệm cao, tinh thần cầu tiến khi khởi nghiệp.</li> <li>+ Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tự chủ và tác phong làm việc chuyên nghiệp.</li> </ul>  |   |          |   |
| 22 | Tin học cơ sở (xã hội) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ Cung cấp những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng cho nhóm ngành khoa học xã hội.</li> <li>+ Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu của ngành học bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.</li> <li>+ Trang bị kiến thức cho sinh viên có thể sử dụng máy tính, giao tiếp với máy tính bằng những thao tác nâng cao trên những ứng dụng của Microsoft để tổ chức lưu trữ, xử lý, hiển thị dữ liệu cho bài toán đưa ra.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ Có kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin vào công việc thực tế.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và ứng dụng vào công việc thực tế.</li> </ul> | 3 | Học kì 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Qúa trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 23 | Giáo dục học đại cương | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ Về khoa học giáo dục; quá trình giáo dục tổng thể và nền giáo dục Việt Nam hiện nay;</li> <li>+ Về lao động sư phạm và yêu cầu nghề nghiệp đối với những người làm công tác giáo dục.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ Có khả năng trình bày và phân tích vấn đề;</li> <li>+ Có khả năng thực hiện những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản liên quan đến công tác giáo dục.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ Bản thân trách nhiệm trong bồi dưỡng và thực hành chuyên môn và nghiệp vụ của người làm công tác xã hội.</li> </ul>  | 3 | Học kỳ 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Qúa trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 24 | Xã hội học đại cương   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học như khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và các lý thuyết nghiên cứu...</li> <li>+ Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học; quy trình điều tra xã hội học.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học; quy trình điều tra xã hội học.</li> <li>+ Biết phát hiện và phân tích một vấn đề xã hội học cụ thể</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ <b>Hình thành năng lực lập bảng khảo sát</b>, biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân</li> </ul>  | 3 | Học kỳ 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Qúa trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 25 | Tâm lý học đại cương   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Trang bị cho sinh viên những kiến thức về khái niệm, đặc điểm, quy luật nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý người, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý con người;</li> <li>+ Giúp sinh viên hiểu được các đặc điểm về hoạt động – giao tiếp, hoạt động nhận thức, các đặc điểm về sự hình thành và phát triển nhân cách con người.</li> </ul>   | 2 | Học kỳ 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Qúa trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |

|    |                                       |   |   |          |   |
|----|---------------------------------------|---|---|----------|---|
|    |                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Hình thành cho sinh viên kỹ năng nhận biết, đánh giá các đặc điểm tâm lý của bản thân và người khác.</li> <li>+ Hình thành cho sinh viên kỹ năng xử lý, giải quyết các vấn đề, các tình huống liên quan đến tâm lý con người trong công việc và cuộc sống;</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>+ Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu tâm lý con người trong công việc và cuộc sống hằng ngày; khách quan, độc lập, trách nhiệm khi đánh giá con người và có ứng xử đúng đắn, phù hợp với mọi người xung quanh.</li> <li>+ Sinh viên tích cực hoàn thiện và giáo dục nhân cách của bản thân và người khác; có trách nhiệm trong giải quyết các vấn đề tâm lý và tôn trọng đặc điểm tâm lý của người khác.</li> </ul>  |   |          |   |
| 26 | Nhập môn công tác xã hội              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp những kiến thức khái quát về công tác xã hội (định nghĩa, đối tượng, mục đích, lịch sử hình thành CTXH ở Việt Nam và trên thế giới); Có những kiến thức về vai trò nhân viên CTXH, tiến trình giải quyết vấn đề, các phương pháp công tác xã hội, các lĩnh vực công tác xã hội</li> <li>- Về kỹ năng:</li> <li>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt; Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng tiến trình công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng.</li> <li>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> </ul> | 2 | Học kỳ 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Qúa trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 27 | Thống kê trong khoa học xã hội        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kiến thức:</li> <li>+ Nắm được công cụ toán thống kê thực hành để sử dụng trong các hoạt động xã hội và nghiên cứu các ngành khoa học xã hội, bao gồm: Các phương pháp tổ chức chọn mẫu; Các phương pháp mô tả và đúc kết số liệu; Các phương pháp phân tích, suy luận, kiểm định.</li> <li>+ Hiểu bản chất các bài toán thống kê trong nghiên cứu xã hội: mô tả, chọn mẫu, ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê.</li> <li>- Về kỹ năng:</li> <li>+ Vận dụng công cụ toán thống kê trong các nội dung thống kê của cán bộ ngành công tác xã hội.</li> <li>+ Vận dụng công cụ toán thống kê trong các nghiên cứu khoa học xã hội.</li> <li>+ Làm quen với các phần mềm tin học hỗ trợ thống kê như: Excel, SPSS,...</li> <li>- Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Rèn luyện ý thức cẩn thận có trách nhiệm khi thu thập, xử lý số liệu.</li> </ul>   | 2 | Học kỳ 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Qúa trình: 30%</li> <li>3.Cuối kỳ: 60%</li> </ul> |
| 28 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về soạn thảo văn bản trong quá trình học tập cũng như thực hành nghề nghiệp.</li> <li>+ Nắm được nguyên tắc, quy trình, kĩ thuật soạn thảo, biên tập và ban hành các loại văn bản.</li> <li>- Kĩ năng</li> <li>+ Biết lắng nghe; Biết diễn thuyết trước một đám đông; Biết đọc nhanh và tổng hợp được các loại hình văn bản; Biết viết báo cáo tổng hợp.</li> <li>+ Có khả năng xác định thẩm quyền ban hành văn bản của một số cơ quan cụ thể. Trình bày đúng thể</li> </ul>  | 2 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Qúa trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |

|    |   |   |   |          |   |
|----|---|---|---|----------|---|
|    |   | <p>thức của các loại văn bản; có khả năng phát hiện những sai sót của những văn bản cụ thể.</p> <p>+ Có khả năng sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp. Có khả năng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của nhóm.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm</p> <p>+ Hiểu được vai trò và tầm quan trọng của việc nói và viết đúng tiếng Việt</p>   |   |          |   |
| 29 | Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học truyền thông đại chúng và xã hội học về dư luận xã hội để có thể vận dụng kiến thức phục vụ cho công việc chuyên môn.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>+ Có khả năng nghiên cứu xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội để tham gia đề xuất các chính sách, dự báo các vấn đề xã hội.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn..</p>                | 2 | Học kỳ 5 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 30 | Xã hội học tội phạm                                 | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học tội phạm để có thể vận dụng phục vụ công việc chuyên môn.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>+ Có khả năng nghiên cứu xã hội học tội phạm để tham gia đề xuất các chính sách, dự báo các vấn đề xã hội liên qua đến tội phạm.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>- Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> | 2 | Hoc kỳ 5 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 31 | Xã hội học tôn giáo                                 | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về xã hội học tôn giáo như khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và các lý thuyết nghiên cứu...</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc phân tích các hoạt động tôn giáo, niềm tin tôn giáo, biến đổi tôn giáo.</p> <p>+ Biết phát hiện và phân tích một vấn đề tôn giáo cụ thể</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá một vấn đề tôn giáo cụ thể</p>  | 2 | Hoc kỳ 6 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 32 | Địa lý kinh tế-xã hội Việt Nam                      | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về đặc điểm và vai trò của các nguồn lực đối với sự phát triển <b>kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa.</b></p> <p>+ Sinh viên nắm được những kiến thức về tổ chức lãnh thổ theo ngành và theo không gian.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam.</p> <p>+ Có năng lực vận dụng kiến thức Địa lý kinh tế - xã hội vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.</p>  | 2 | Học kỳ 2 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |

|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
|    |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Giúp sinh viên biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Đảm bảo sức khỏe theo quy định hiện hành để học tập và làm việc.</li> <li>+ Giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến lĩnh vực Địa lí kinh tế - xã hội nói chung và Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam nói riêng.</li> </ul>  |   |          |   |
| 33 | Cơ sở văn hóa Việt Nam                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ Nắm vững các khái niệm cơ bản của văn hóa và văn hóa học các khái niệm hữu quan.</li> <li>+ Nắm vững các đặc trưng cơ bản, cùng các quy luật hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, tiến trình văn hóa và các thành tố văn hóa Việt Nam.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.</li> <li>+ Biết nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc.</li> </ul>   | 2 | Học kì 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 34 | An sinh xã hội                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>an sinh xã hội</b> để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong an sinh xã hội; có năng lực vận dụng phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của một thân chủ.</li> <li>+ Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực an sinh xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các cá nhân yếu thế trong xã hội.</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> </ul> | 3 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 35 | Chính sách xã hội                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Hiểu được kiến thức cơ bản về chính sách xã hội, hiểu được những kiến thức trong chính sách xã hội như khuôn khổ lý thuyết của chính sách xã hội, hệ thống chính sách xã hội...để có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn công tác xã hội.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện chính sách xã hội để bảo vệ nhóm đối tượng yếu thế.</li> <li>+ Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực công tác xã hội</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động an sinh xã hội</li> </ul>  | 3 | Học kì 6 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 36 | Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, cần thiết về các phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội để có thể vận dụng vận dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học và phương pháp nghiên cứu công tác xã hội đặc thù, thực hiện các nghiên cứu nhỏ trong công tác xã hội.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Có kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc.</li> <li>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội; có năng lực vận dụng phương pháp nghiên</li> </ul>  | 3 | Học kỳ 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |

|    |   |  |   |          |  |
|----|---|--|---|----------|--|
|    |   | <p>cứu công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng; có khả năng thực hiện một cuộc nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các cá nhân, nhóm, cộng đồng có vấn đề.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>  |   |          |  |
| 37 | Lý thuyết Công tác xã hội                       | <p>Về kiến thức:<br/>+ Cung cấp kiến thức khái quát về lý thuyết và lý thuyết CTXH; Có kiến thức về các lý thuyết CTXH như lý: một số thuyết tâm lý, một số lý thuyết tâm lý; một số lý thuyết CTXH truyền thống; lý thuyết hệ thống môi sinh.</p> <p>Về kỹ năng:<br/>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; Có năng lực vận dụng các lý thuyết công tác xã hội để giải quyết vấn đề của thân chủ</p> <p>Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>  | 3 | Học kì 3 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Qúa trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 38 | Công tác xã hội với chăm sóc sức khỏe cộng đồng | <p>- Về kiến thức:<br/>Cung cấp kiến thức cơ bản về lĩnh vực công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Giúp sinh viên biết cách vận dụng quy trình chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe ban đầu; vận dụng vai trò của nhân viên công tác xã hội trong can thiệp, trợ giúp cộng đồng có vấn đề về sức khỏe.</p> <p>- Về kỹ năng:<br/>Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc vào thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Có kỹ năng đánh giá vấn đề sức khỏe cụ thể trong cộng đồng; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:<br/>Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trước những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các vấn đề quan đến công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.</p> | 2 | Học kỳ 5 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Qúa trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 39 | Công tác xã hội với vấn đề giới                 | <p>- Kiến thức:<br/>+ Cung cấp các kiến thức cơ bản về giới và phát triển; công tác xã hội với vấn đề giới.<br/>+ Giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng các phương pháp và tiến trình CTXH nhằm thực hiện các hoạt động hỗ trợ đối với nạn nhân bị bạo lực gia đình.</p> <p>- Kỹ năng:<br/>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội với vấn đề giới; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của một thân chủ.<br/>+ Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với vấn đề giới để tham gia xây dựng các chính sách về giới, các dự án giới và các mô hình hỗ trợ khác nhau cho nạn nhân bị bạo hành gia đình.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p>   | 3 | Học kỳ 7 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Qúa trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |

|    |  |   |   |          |   |
|----|--|---|---|----------|---|
|    |  | + Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với vấn đề giới.   |   |          |   |
| 40 | Công tác xã hội với người nghèo                                | - Kiến thức:<br>+Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về <b>nghèo đói và công tác xã hội với người nghèo để có thể vận dụng được trong</b> hoạt động công tác xã hội với người nghèo, hộ nghèo và cộng đồng nghèo.<br>- Kỹ năng:<br>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm.<br>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề về nghèo đói cụ thể; có năng lực vận dụng tiến trình, kỹ năng công tác xã hội với cá nhân để giải quyết vấn đề của người nghèo, hộ nghèo, cộng đồng nghèo.<br>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với người nghèo  | 2 | Học kỳ 7 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 41 | Công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS | - Kiến thức:<br>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn</b><br>- Kỹ năng:<br>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS; thực hiện các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của đối tượng.<br>+ Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS.<br>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện các hoạt động của công tác xã hội với đối tượng nghiện ma túy, mại dâm, HIV/AIDS. | 3 | Học kỳ 6 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 42 | Công tác xã hội với trẻ em                                     | - Kiến thức:<br>+ Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, cần thiết về <b>trẻ em và công tác xã hội với trẻ em, tiến trình làm việc với trẻ em.</b><br>+ Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng tiến trình và kỹ năng công tác xã hội với trẻ em trong hoạt động công tác xã hội.<br>- Kỹ năng:<br>+ Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng tiến trình và kỹ năng công tác xã hội với trẻ em trong hoạt động công tác xã hội.<br>+ Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Công tác xã hội với trẻ em.<br>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br>Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động Công tác xã hội với trẻ em.   | 2 | Học kỳ 7 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 43 | Công tác xã hội với người khuyết tật                           | - Kiến thức:<br>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>công tác xã hội với đối người khuyết tật để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn.</b><br>- Kỹ năng:<br>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội với đối tượng người khuyết tật; thực hiện các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của đối tượng.   | 2 | Học kỳ 5 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |



|    |   |   |   |          |  |
|----|---|---|---|----------|--|
|    |   | <p>+ Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với người khuyết tật để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho người khuyết tật</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện các hoạt động của công tác xã hội với người khuyết tật</p>  |   |          |  |
| 44 | Công tác xã hội với gia đình                    | <p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến công tác xã hội với gia đình; vận dụng các tiến trình, các kỹ năng và công cụ vào làm việc với gia đình có vấn đề.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biệt, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong CTXH với gia đình; Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng; Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với gia đình để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội cho gia đình, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho những gia đình có nhu cầu cần sự trợ giúp.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm về vấn đề chuyên môn liên quan đến CTXH với gia đình; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong lĩnh vực CTXH với gia đình</p>   | 2 | Học kỳ 7 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 45 | Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn | <p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan hành vi, hành vi lệch chuẩn; các loại hành vi lệch chuẩn, nguyên nhân và hậu quả của hành vi lệch chuẩn.</p> <p>+ Giúp người học hiểu được khái niệm, các định hướng tiếp cận, vai trò của nhân viên CTXH khi làm việc với người có hành vi lệch chuẩn.</p> <p>+ Giúp sinh viên biết cách vận dụng các phương pháp, tiến trình CTXH và thực hành cụ thể với những trường hợp, nhóm có hành vi lệch chuẩn đặc thù trong công tác xã hội.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biệt, phê phán những vấn đề liên quan đến hành vi lệch chuẩn và kỹ năng làm việc nhóm với người có hành vi lệch chuẩn.</p> <p>+ Có kỹ năng đánh giá các vấn đề công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội cá nhân, nhóm để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn về công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> | 2 | Học kỳ 6 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 46 | Đạo đức nghề công tác xã hội                    | <p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp kiến thức cơ bản về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghề công tác xã hội; vận dụng quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trong thực hành với các nhóm đối tượng đặc thù trong CTXH</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biệt, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt để thực hiện có hiệu quả đạo đức nghề CTXH với các đối tượng đặc thù; Có kỹ năng đánh giá vấn đề đạo đức nghề công</p>   | 2 | Học kỳ 4 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |

|    |                                    |   |   |          |  |
|----|------------------------------------|---|---|----------|--|
|    |                                    | <p>tác xã hội cụ thể và năng lực vận dụng đạo đức nghề công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm về đạo đức nghề công tác xã hội; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ phù hợp với đạo đức nghề CTXH; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân phù hợp với đạo đức nghề CTXH.</p>  |   |          |  |
| 47 | Công tác xã hội với người cao tuổi | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về CTXH với người cao tuổi, và trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng thực hành tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ cho người cao tuổi tại cộng đồng, tại bệnh viện và cơ sở bảo trợ.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Có các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biệt, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động CTXH với người cao tuổi; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của người cao tuổi.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân khi làm việc với người cao tuổi.</p>                                  | 2 | Học kỳ 4 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 48 | Công tác xã hội với thanh niên     | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về <b>công tác xã hội với thanh niên để có thể hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên sâu</b></p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội với thanh niên; có năng lực vận dụng phương pháp công tác xã hội với thanh niên để giải quyết vấn đề của một thân chủ.</p> <p>+ Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức trong lĩnh vực công tác xã hội với thanh niên để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình khác nhau cho thanh niên.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với thanh niên</p> | 2 | Học kỳ 6 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 49 | Dịch vụ xã hội                     | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về <b>dịch vụ xã hội để có thể</b> hỗ trợ cung cấp các dịch vụ xã hội cho các <b>đối tượng yếu thế</b>.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biệt, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>+ Có kỹ năng phát hiện một dịch vụ xã hội cụ thể dành cho nhóm yếu thế; có năng lực cung cấp các dịch vụ xã hội để hỗ trợ cho các nhóm đối tượng yếu thế.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực trong các hoạt động cung ứng các dịch vụ xã hội cho các đối tượng yếu thế.</p>   | 2 | Học kỳ 4 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 50 | Quản lý ca trong công tác xã hội   | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý ca trong công tác xã hội.</p> <p>+ Trang bị cho sinh viên các kiến thức để có thể vận dụng vào việc quản lý ca đối với các thân chủ.</p>  | 2 | Học kỳ 5 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p>                       |

|    |  |   |   |          |   |
|----|--|---|---|----------|---|
|    |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Biết phát hiện, phân tích một vấn đề cụ thể của thân chủ và biết vận dụng tiến trình quản lý ca trong công tác xã hội.</li> <li>+ Có năng lực vận dụng kiến thức quản lý ca trong công tác xã hội vào hoạt động công tác xã hội.</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn quản lý ca và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> <li>+ Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động quản lý ca trong công tác xã hội.</li> </ul>  |   |          | 3.Cuối kỳ: 70%  |
| 51 | Bảo hiểm xã hội                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm xã hội để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Có kỹ năng phát hiện, đánh giá vấn đề từ phương diện bảo hiểm xã hội để giải quyết vấn đề của thân chủ</li> <li>+ Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn bảo hiểm xã hội, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> </ul>   | 2 | Học kỳ 5 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 52 | Công tác xã hội với người dân tộc thiểu số | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kiến thức:</li> <li>+ Có những kiến thức cơ bản về dân tộc, dân tộc thiểu số, công tác xã hội với các vấn đề dân tộc thiểu số đang gặp phải; Áp dụng các kiến thức cơ bản về công tác xã hội, phương pháp công tác xã hội để trợ giúp người dân tộc thiểu số giải quyết các vấn đề khó khăn, cải thiện cuộc sống.</li> <li>- Về kỹ năng:</li> <li>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt, trong quá trình làm việc với người dân tộc thiểu số; Có kỹ năng đánh giá vấn đề công tác xã hội trong lĩnh vực hỗ trợ người dân tộc thiểu số; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề mà người dân tộc thiểu số gặp phải.</li> <li>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực công tác xã hội với người dân tộc thiểu số, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội trong làm việc với người dân tộc thiểu số</li> </ul> | 2 | Học kỳ 6 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 53 | Tâm lý học xã hội                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ Trang bị cho sinh viên những kiến thức về khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý học xã hội; các đặc điểm, quy luật hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội;</li> <li>+ Giúp sinh viên hiểu được vấn đề về xã hội hóa cá nhân; các hiện tượng tâm lý trong nhóm, các hiện tượng tâm lý đám đông và các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ liên nhân cách;</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Hình thành cho sinh viên kỹ năng giải quyết các vấn đề tâm lý nảy sinh trong các nhóm và trong đời sống xã hội;</li> <li>+ Giúp sinh viên biết cách xây dựng, tổ chức, quản lý, phát triển hoạt động nhóm và các mối quan hệ</li> </ul>   | 2 | Học kỳ 6 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |

|    |   |  |   |          |   |
|----|---|--|---|----------|---|
|    |   | <p>liên nhân cách;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</li> <li>+ Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội đối với công việc và cuộc sống; có nhìn nhận đầy đủ, đúng đắn, trách nhiệm trong việc đánh giá, giải quyết các vấn đề tâm lý nảy sinh trong đời sống xã hội;</li> <li>+ Tích cực hoàn thiện bản thân để có thể hoạt động tốt trong môi trường nhóm, tập thể và trong đời sống xã hội.</li> </ul>   |   |          |   |
| 54 | Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến dự án phát triển cộng đồng; giúp người học hiểu được kiến thức liên quan đến thiết kế dự án và quản lý dự án và vị trí, vai trò của các dự án PTCD trong công tác xã hội.</li> <li>+ Giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng tiến trình quản lý dự án PTCD và ứng dụng của nó vào việc thiết kế các dự án phù hợp với thực tiễn PTCD hiện nay.</li> <li>- Về kỹ năng:</li> <li>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc</li> <li>+ Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế</li> <li>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội.</li> <li>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội.</li> </ul> | 2 | Học kỳ 7 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Qúa trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 55 | Chăm sóc sức khỏe tâm thần                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp cho sinh viên các quan điểm và liệu pháp tâm lý chữa trị tâm bệnh, các phương pháp phòng bệnh tâm thần</li> <li>+ Giúp cho sinh viên hiểu được công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Giúp cho sinh viên kỹ năng nhận dạng một số bệnh tâm thần thường gặp và sử dụng liệu pháp tâm lý để giúp đỡ bệnh nhân tâm thần</li> <li>+ Giúp cho sinh viên kỹ năng thực hiện công tác phòng bệnh tâm thần cho cộng đồng, cung cấp dịch vụ và trợ giúp xã hội cho những bệnh nhân tâm thần</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm.</li> <li>+ Giúp cho sinh viên xác định được trách nhiệm cá nhân trong làm việc nhóm, triển khai việc hướng dẫn và giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần</li> <li>+ Giúp cho sinh viên biết được việc lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hoạt động công tác xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng</li> </ul>  | 2 | Học kỳ 7 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Qúa trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 56 | Kiểm huẩn trong công tác xã hội           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến kiểm huẩn, kiểm huẩn trong CTXH; kiến thức về các chức năng kiểm huẩn; mô hình và các loại hình kiểm huẩn trong CTXH; tiến trình, bối cảnh và kỹ năng để thực hiện kiểm huẩn và yếu tố con người của kiểm huẩn trong CTXH</li> <li>- Về kỹ năng:</li> <li>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán;</li> </ul>  | 2 | Học kỳ 7 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Qúa trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |

|    |                                 |  |   |          |  |
|----|---------------------------------|--|---|----------|--|
|    |                                 | <p>kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong hoạt động kiểm huấn CTXH; kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong kiểm huấn CTXH và có năng lực vận dụng các tiến trình, kỹ năng để thực hiện các phiên kiểm huấn có hiệu quả.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về kiểm huấn trong CTXH, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về kiểm huấn trong CTXH; Hình thành năng lực lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động kiểm huấn trong CTXH</p>  |   |          |  |
| 57 | Công tác xã hội với cá nhân     | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>phương pháp công tác xã hội với cá nhân</b> để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động công tác xã hội với cá nhân.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động công tác xã hội với cá nhân.</p> <p>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề của một thân chủ để từ đó vận dụng phương pháp, kỹ năng công tác xã hội với cá nhân để giải quyết vấn đề của họ; có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội với cá nhân để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các cá nhân yếu thế trong xã hội.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với cá nhân.</p> | 3 | Học kì 4 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 58 | Công tác xã hội với nhóm        | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>công tác xã hội với nhóm</b> để có thể vận dụng tiến trình trong công tác xã hội nhóm vào hoạt động công tác xã hội.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện công tác xã hội nhóm và có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng của công tác xã hội nhóm vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.</p> <p>+ Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH với nhóm để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động Công tác xã hội nhóm.</p>   | 3 | Học kì 5 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 59 | Tổ chức và phát triển cộng đồng | <p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, khái niệm, các mục tiêu của phát triển cộng đồng; Có kiến thức về tiến trình phát triển cộng đồng, tổ chức và phát triển cộng đồng, dự án phát triển cộng đồng, các nhóm yếu thế trong phát triển cộng đồng và vai trò của tác viên phát triển cộng đồng .</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình làm việc với cộng đồng; Có kỹ năng đánh giá vấn đề của cộng đồng và năng lực vận dụng tiến trình tổ chức cộng đồng, dự án phát triển cộng đồng để giải quyết vấn đề cộng đồng gặp phải.</p> <p>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên</p>  | 3 | Học kì 6 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |

|    |  |   |   |          |   |
|----|--|---|---|----------|---|
|    |  | môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về phương pháp tổ chức và phát triển cộng đồng; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.  |   |          |   |
| 60 | Thực hành công tác xã hội (I)<br>(Công tác xã hội với cá nhân)       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Kết thúc đợt thực hành công tác xã hội với cá nhân, sinh viên có thể vận dụng các lý thuyết đã học, trong đó có tiến trình và các kỹ năng công tác xã hội với cá nhân để tiếp nhận thân chủ, xác định các vấn đề khó khăn của thân chủ, cùng thân chủ lên kế hoạch trợ giúp thân chủ huy động nguồn lực, tự vươn lên trong cuộc sống.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; sử dụng tốt công nghệ thông tin cơ bản.</li> <li>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội với cá nhân; có năng lực vận dụng phương pháp công tác xã hội với cá nhân để giải quyết vấn đề của thân chủ.</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</li> <li>+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội với cá nhân.</li> </ul> | 3 | Học kì 4 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 61 | Thực hành công tác xã hội (II)<br>(Công tác xã hội với nhóm)         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>công tác xã hội với nhóm</b> để có thể vận dụng tiến trình trong công tác xã hội nhóm vào hoạt động công tác xã hội.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện công tác xã hội nhóm và có năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng của công tác xã hội nhóm vào thực tiễn hoạt động công tác xã hội.</li> <li>+ Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH với nhóm để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội.</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động Công tác xã hội nhóm.</li> </ul>  | 3 | Học kì 5 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 62 | Thực hành công tác xã hội (III)<br>(Tổ chức và phát triển cộng đồng) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kiến thức:</li> <li>+ Phát triển kiến thức nâng cao của phương pháp phát triển cộng đồng trong công tác xã hội</li> <li>- Về kỹ năng:</li> <li>+ Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học cơ bản để thực hành phát triển cộng đồng; Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể của cộng đồng; có năng lực vận dụng phương pháp phát triển cộng đồng để giải quyết vấn đề của cộng đồng; Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho cộng đồng có vấn đề khó khăn.</li> <li>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ phát triển cộng đồng; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động phát triển cộng đồng</li> </ul>   | 3 | Học kì 6 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 63 | Hành vi con người và môi trường xã hội                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hành vi con người và môi trường xã hội để có thể vận dụng giải quyết được các vấn đề về hành vi của thân chủ trong mối quan hệ với môi trường xã</li> </ul>  | 3 | Học kì 2 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%                   |

|    |                                |  |   |          |   |
|----|--------------------------------|--|---|----------|---|
|    |                                | <p>hội.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm.</p> <p>+ Có thể đánh giá được các vấn đề cụ thể về hành vi của thân chủ, vấn đề về môi trường xã hội tác động đến hành vi của thân chủ.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận về chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>   |   |          | 3.Cuối kỳ: 70%  |
| 64 | Tham vấn trong công tác xã hội | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về <b>tham vấn trong công tác xã hội để có thể vận dụng tiến trình tham vấn vào hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn</b></p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng giao tiếp tốt, kỹ năng truyền đạt vấn đề, kỹ năng phân biện, kỹ năng làm việc nhóm, dẫn dắt đối tượng trong quá trình tham vấn.</p> <p>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể khi tham vấn trong công tác xã hội. Có năng lực vận dụng tiến trình tham vấn để giải quyết vấn đề của thân chủ.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ <b>Có khả năng</b> tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p>   | 3 | Học kì 7 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 65 | Quản trị ngành công tác xã hội | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về <b>quản lý, quản trị và quản trị công tác xã hội để có thể vận dụng trong hoạt động quản trị ở cấp độ nhân viên và cấp độ tổ chức ở các cơ sở xã hội.</b></p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề quản trị cụ thể trong công tác xã hội; có năng lực vận dụng tiến trình, phương pháp quản trị để quản trị hoạt động công tác xã hội và làm việc với các đối tượng yếu thế ở các cơ sở xã hội; tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội dành cho các đối tượng yếu thế ở cá nhân yếu thế trong xã hội tại các cơ sở xã hội.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động quản trị tại các cơ sở xã hội.</p> | 3 | Học kì 3 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 66 | Thực tập nhận thức nghề nghiệp | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Kết thúc đợt thực tập nhận thức nghề nghiệp, sinh viên có <b>kiến thức cơ bản về thực tiễn các hoạt động chung của cơ sở, cơ cấu tổ chức của cơ sở, các đối tượng ở cơ sở; hiểu được các chính sách an sinh xã hội và tầm quan trọng của các chính sách an sinh xã hội dành cho các đối tượng yếu thế ở cơ sở; phân biệt được hoạt động công tác xã hội với hoạt động từ thiện; phân biệt được vai trò của nhân viên xã hội với các chức danh nghề nghiệp khác ở cơ sở; liên hệ thực tiễn với các kiến thức lý thuyết về ngành công tác xã hội đã học.</b></p> <p>- Kỹ năng:</p>  | 3 | Học kì 5 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Quá trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |

|    |                      |   |   |          |  |
|----|----------------------|---|---|----------|--|
|    |                      | <p>+ Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; có khả năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.</p> <p>+ Có kỹ năng đánh giá các vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp, kỹ năng công tác xã hội để giải quyết vấn đề ở cơ sở thực tập.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong môi trường cơ sở xã hội đa dạng; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.</p> <p>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội.</p>  |   |          |  |
| 67 | Thực tập tốt nghiệp  | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Kết thúc đợt thực tập tốt nghiệp công tác xã hội, sinh viên có kiến thức thực tiễn sâu rộng về các hoạt động chung của cơ quan, cơ cấu tổ chức của cơ quan, các công việc ở cơ quan; các chính sách an sinh xã hội và tầm quan trọng của các chính sách an sinh xã hội dành cho các đối tượng yếu thế ở cơ quan; thực hiện được vai trò của nhân viên xã hội ở cơ quan; kết nối chặt chẽ giữa hoạt động thực tiễn với các kiến thức lý thuyết về ngành công tác xã hội đã học.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng đánh giá chất lượng công việc; kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác; có khả năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và phần mềm tin học chuyên ngành SPSS.</p> <p>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề tại cơ sở thực tập; có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế tại cơ sở thực tập.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội.</p> | 5 | Học kì 8 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |
| 68 | Khóa luận tốt nghiệp | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ Kết thúc làm khóa luận tốt nghiệp công tác xã hội, sinh viên có kiến thức sâu rộng về nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội, từ đó có thể thực hiện được các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công tác xã hội, kết nối chặt chẽ giữa kiến thức lý luận đã được học trên lớp với các vấn đề thực tiễn trong nghiên cứu.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phân biện, phê phán; có khả năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và phần mềm tin học chuyên ngành SPSS.</p> <p>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội; nhận diện đa chiều một đối tượng yếu thế; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề; có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế.</p> <p>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <p>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu</p>  | 7 | Học kì 8 | <p>1.Chuyên cần: 10%</p> <p>2.Quá trình: 20%</p> <p>3.Cuối kỳ: 70%</p> |



|    |  |  |   |          |   |
|----|--|--|---|----------|---|
|    |  | trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.<br>+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội.   |   |          |   |
| 69 | Bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân | - Về kiến thức:<br>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (hay còn gọi là bộ công cụ P.R.A) trong thực hành CTXH. Từ đó giúp người học hiểu và thực hiện được bộ công cụ PRA vào thực tiễn và trong thực hành các dự án phát triển cộng đồng trong công tác xã hội.<br>- Về kỹ năng:<br>+ Có kỹ năng đánh giá các vấn đề cụ thể của cá nhân, nhóm, cộng đồng; Có năng lực vận dụng kiến thức bộ công cụ vào thực tiễn hoạt động Công tác xã hội và trong quá trình thiết kế các dự án phát triển cộng đồng.<br>+ Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực phát triển cộng đồng để tham gia xây dựng các mô hình hỗ trợ khác nhau cho các đối tượng yếu thế.<br>- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:<br>+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; có thể hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động phát triển cộng đồng. | 3 | Học kì 6 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 70 | Công tác xã hội trong bệnh viện                            | - Kiến thức:<br>+ Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội trong bệnh viện để có thể vận dụng trong các hoạt động công tác xã hội với người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế tại các cơ sở y tế.<br>- Kỹ năng:<br>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp; kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng dẫn dắt và hướng dẫn người khác trong công việc.<br>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp, kỹ năng và quy trình công tác xã hội trong bệnh viện để giải quyết vấn đề của người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế; có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội trong bệnh viện để tham gia xây dựng các chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên y tế.<br>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:<br>+ Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động công tác xã hội trong bệnh viện tại các cơ sở y tế.   | 3 | Học kì 6 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |
| 71 | Công tác xã hội trong trường học                           | - Kiến thức:<br>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về<br>- Kỹ năng: công tác xã hội trường học để có thể hỗ trợ giải quyết những vấn đề của thân chủ trong hoạt động chuyên môn<br>+ Có khả năng đánh giá vấn đề cụ thể trong công tác xã hội trường học, có năng lực vận dụng phương pháp trong công tác xã hội trường học để giải quyết vấn đề của thân chủ<br>+ Có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội trường học để tham gia xây dựng chính sách an sinh xã hội, các mô hình hỗ trợ khác nhau cho thân chủ.<br>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:   | 3 | Học kì 6 | 1.Chuyên cần: 10%<br>2.Qúa trình: 20%<br>3.Cuối kỳ: 70% |

|    |  |   |   |          |   |
|----|--|---|---|----------|---|
|    |  | + Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.  |   |          |   |
| 72 | Quản lý stress đối với nhân viên công tác xã hội           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý stress đối với nhân viên công tác xã hội để có thể vận dụng hỗ trợ giải quyết những vấn đề của chính mình và đồng nghiệp trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.</li> <li>- Kỹ năng:</li> <li>+ Vận dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền đạt vấn đề, kỹ năng phản biện, kỹ năng làm việc nhóm.</li> <li>+ Có kỹ năng đánh giá vấn đề của nhân viên công tác xã hội cụ thể, có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để quản lý stress của cá nhân và hỗ trợ đồng nghiệp.</li> <li>- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn trong việc quản lý stress của bản thân và đồng nghiệp và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> </ul>   | 2 | Học kì 6 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |
| 73 | Công tác xã hội với người di cư và nạn nhân buôn bán người | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kiến thức:</li> <li>+ Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến khái niệm người di cư và nạn nhân buôn bán người; các hình thức, nguyên nhân và hậu quả của việc di cư và nạn nhân buôn bán người hiện nay</li> <li>+ Hiểu được những nhu cầu cơ bản của người di cư và nạn nhân bị buôn bán người dựa trên các cấp độ về nhu cầu của con người. Bên cạnh đó, giúp người học hiểu được khung chính sách, luật pháp liên quan đến người di cư và nạn nhân buôn bán người hiện nay ở trên thế giới cũng như Việt Nam</li> <li>+ Giúp sinh viên hiểu và biết cách vận dụng các phương pháp và tiến trình CTXH nhằm thực hiện các hoạt động hỗ trợ đối với người di cư và nạn nhân bị buôn bán người.</li> <li>- Về kỹ năng:</li> <li>+ Có kỹ năng đánh giá các vấn đề công tác xã hội cụ thể; có năng lực vận dụng các phương pháp công tác xã hội để giải quyết vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng. Có kỹ năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Công tác xã hội.</li> <li>+ Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</li> <li>Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:</li> <li>+ Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động Công tác xã hội với người di cư và nạn nhân buôn bán người.</li> </ul> | 2 | Học kì 6 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1.Chuyên cần: 10%</li> <li>2.Quá trình: 20%</li> <li>3.Cuối kỳ: 70%</li> </ul> |

### 7. Ngành Văn học Việt Nam (trình độ Thạc sĩ) (8220121)

| STT             | Tên môn học                             | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>Khóa 25A</b> |   |   |            |                      |                                |
|                 | <i>Học kỳ I</i><br><i>Phần bắt buộc</i> |   |            |                      |                                |
| 1.              | Văn học đương đại Việt Nam -            | CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về văn học Việt Nam đương đại từ sau năm 1975 đến | 2          | Học kỳ 1             | Tiểu luận                      |

|    |  |   |   |          |           |
|----|--|---|---|----------|-----------|
|    | Hiện tượng và bút pháp                             | <p>nay với những nội dung về bối cảnh lịch sử, tiến trình vận động, đặc điểm của văn học giai đoạn này.</p> <p>CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về một số hiện tượng tiêu biểu có sự tác động lớn đến văn học giai đoạn này về thể loại, khuynh hướng, lực lượng sáng tác cũng như sự đổi mới về bút pháp của văn học Việt Nam đương đại chứng tỏ có sự nỗ lực, cách tân không ngừng của các nhà văn để tiến gần hơn với sự phát triển của văn chương thế giới</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>CO3: Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng: đọc hiểu và tiếp nhận văn bản; phân tích, bình giảng tác phẩm văn học.</p> <p>CO4: Giúp sinh viên hình thành kỹ năng nghiên cứu, phê bình đánh giá các hiện tượng hay tác phẩm văn học trong nghiên cứu văn học hiện đại nói riêng cũng như các lĩnh vực thuộc chuyên ngành khoa học xã hội nhân văn nói chung</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>CO5: Giúp sinh viên có nhận thức về tầm quan trọng của văn chương trong đời sống tinh thần dân tộc, từ đó bồi dưỡng cho sinh viên tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng cũng như ý thức bảo vệ, phát triển nền văn học dân tộc, góp phần đưa nền văn học Việt Nam gần hơn với văn chương thế giới.</p> <p>CO6: Giúp sinh viên có năng lực tự chủ và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.</p>   |   |          |           |
| 2. | Nghệ thuật tượng trưng trong thơ Việt Nam hiện đại | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Nắm vững các cơ sở hình thành chủ nghĩa tượng trưng và quá trình tiếp nhận chủ nghĩa tượng trưng trong Thơ Việt Nam hiện đại.</p> <p>+ CO2: Nhận diện được những nguyên tắc mỹ học của thơ tượng trưng.</p> <p>+ CO3: Phân tích được những biểu hiện của khuynh hướng tượng trưng trong sáng tác của một số tác giả tiền chiến và hậu chiến.</p> <p>+ CO4: Nhận biết những biểu hiện trong quan niệm nghệ thuật về thế giới, quan niệm nghệ thuật về con người của các nhà thơ tượng trưng Việt Nam.</p> <p>+ CO5: Đánh giá được các kết quả nghiên cứu, trang bị những phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu mỹ học tượng trưng trong thơ Việt Nam hiện đại.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO6: Học viên xác lập các đặc trưng thẩm mỹ và thi học của thơ tượng trưng Pháp, lý giải sự tiếp biến các đặc trưng ấy ở một số nhà thơ, qua mỗi chặng đường trên hành trình thơ hiện đại Việt Nam.</p> <p>+ CO7: Khẳng định sự hiện diện của khuynh hướng tượng trưng trong nền thi ca dân tộc; đồng thời, chỉ ra những đặc điểm nổi bật của khuynh hướng ấy.</p> <p>+ CO8: Học viên mở rộng đối tượng khảo sát mỹ học tượng trưng, kéo dài từ Thơ mới cho đến hôm nay; trong đó, có những gương mặt từng bị lãng quên và những cây bút đương đại đang gây tranh cãi.</p> <p>+ CO9: Vận dụng kiến thức của học phần vào công việc của mình sau này, nhất là việc nghiên cứu và giảng dạy thơ Việt Nam hiện đại.</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ CO10: Hình thành quan điểm, lập trường về tiếp nhận và giảng dạy tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại có ảnh hưởng của khuynh hướng tượng trưng.</p> <p>+ CO11: Chịu trách nhiệm về các sản phẩm dạy học. Có kiến giải đúng về thơ tượng trưng trên thế giới nói chung, ở nước ta nói riêng.</p> | 2 | Học kỳ 1 | Thực hành |
|    | Phần tự chọn (24/28)                               |   |   |          |           |

|    |   |   |   |          |           |
|----|---|---|---|----------|-----------|
| 3. | Tiếp cận thể loại thơ ca cổ điển Việt Nam   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết thể loại văn học, những vấn đề của thi pháp thể loại hướng đến tiếp cận các tác phẩm thơ ca cổ điển Việt Nam.</li> <li>+ CO2: Hiểu rõ những đặc điểm, đặc sắc thể loại thơ ca cổ điển Việt Nam với những biểu hiện cụ thể trong sáng tác.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Giúp cho học viên có được kỹ năng nhận diện, phân loại các thể loại thơ ca cổ điển nói chung và thơ ca cổ điển Việt Nam nói riêng.</li> <li>+ CO4: Có được kỹ năng vận dụng lý thuyết thể loại vào nghiên cứu, giảng dạy những vấn đề văn học cụ thể.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO5: Học viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình, từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</li> <li>+ CO6: Học viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.</li> </ul> | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 4. | Ngôn ngữ với văn chương   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Có kiến thức căn bản về ngôn ngữ văn chương</li> <li>+ CO2: Có kiến thức chuyên sâu về các tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương</li> <li>+ CO3: Có hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ với văn chương</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO4: Có kỹ năng phân tích các tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương</li> <li>+ CO5: Có kỹ năng cảm thụ văn chương thông qua ngôn từ nghệ thuật</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO6: Có khả năng tự nghiên cứu</li> <li>+ CO7: Có khả năng vận dụng kiến thức vào việc phân tích các tác phẩm văn học cụ thể</li> </ul>   | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 5. | Dạy học đọc hiểu văn bản văn học ở trường phổ thông từ góc nhìn lý thuyết người đọc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Trang bị cho người học các kiến thức về văn bản văn học</li> <li>+ CO2: Trang bị cho người học những thao tác phân tích văn bản học ở góc độ lý thuyết tiếp nhận</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Vận dụng được lý thuyết người đọc vào việc phân tích các loại hình văn bản văn học trong chương trình Ngữ văn phổ thông.</li> <li>+ CO4: Biết sử dụng các thao tác phân tích và mô hình hóa trong một văn bản văn học cụ thể trong chương trình Ngữ văn phổ thông.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO5: Có năng lực tự chủ và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.</li> </ul>  | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 6. | Các lý thuyết nghiên cứu, phê bình văn học hiện đại                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Hệ thống hoá các tri thức cơ bản về các lý thuyết nghiên cứu, phê bình văn học hiện đại.</li> <li>+ CO2: Phân tích ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học hiện đại.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Diễn giải logic tư duy và lập luận của các học thuyết nghiên cứu, phê bình văn học hiện đại.</li> <li>+ CO4: Phân biện các lý thuyết từng thống trị trong nghiên cứu, phê bình văn học phương Tây hiện đại.</li> <li>+ CO5: Ứng dụng sáng tạo các lý thuyết nghiên cứu, phê bình văn học vào thực tiễn sống động của nghiên cứu và giảng dạy văn học ở Việt Nam.</li> </ul>   | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |

|    |   |  |   |          |           |
|----|---|--|---|----------|-----------|
|    |   | <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Hình thành năng lực làm chủ tri thức và sáng tạo trong nghiên cứu và giảng dạy văn học.</p> <p>+ CO7: Giải quyết triệt để hiện trạng đạo văn và sao chép văn mẫu, những cách tiếp cận văn học sáo mòn và nhàm chán trong học tập và nghiên cứu văn học hiện nay ở Việt Nam.</p>  |   |          |           |
| 7. | Văn học địa phương ứng dụng   | <p>- Kiến thức:</p> <p>+ CO1: Nhận diện được tác giả, tác phẩm và các sự kiện văn học của từng địa phương, nhất là các địa phương ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.</p> <p>+ CO2: Diễn giải được một số hiện tượng tiêu biểu của văn học địa phương Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, cả trong quá khứ lẫn hiện tại.</p> <p>+ CO3: Đánh giá được các kết quả nghiên cứu, đồng thời biết đề xuất đề xuất nghiên cứu về văn học địa phương Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ CO4: Giải thích được một số hiện tượng, giá trị cụ thể của văn học địa phương Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.</p> <p>+ CO5: Phân biện được một số quan điểm về văn học địa phương Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.</p> <p>+ CO6: Khám phá, làm ra được sản phẩm phục vụ quá trình dạy học cũng giới thiệu, phổ biến văn học địa phương Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO7: Hình thành quan điểm, lập trường về tiếp nhận và giảng dạy tác phẩm văn học địa phương Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.</p> <p>+ CO8: Chịu trách nhiệm về các sản phẩm dạy học, quảng bá văn học địa phương Nam Trung Bộ và Tây Nguyên do bản thân thiết kế, ứng dụng.</p>   | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 8. | Văn học Việt Nam sau 1975 với vấn đề giảng dạy văn học ở trường phổ thông | <p>CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về phê bình văn học Việt Nam từ sau năm 1975 đến nay với những nội dung về bối cảnh lịch sử, tiến trình vận động, đặc điểm của văn học giai đoạn này.</p> <p>CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về một số hiện tượng tiêu biểu có sự tác động lớn đến văn học giai đoạn này về thể loại, khuynh hướng, lực lượng sáng tác cũng như sự đổi mới về phương pháp phê bình văn học Việt Nam đương đại chứng tỏ có sự nỗ lực, cách tân không ngừng của các nhà văn đề tiến gần hơn với sự phát triển của văn chương thế giới</p> <p>- <i>Kỹ năng</i></p> <p>CO3: Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng: đọc hiểu và tiếp nhận, đánh giá văn bản; phân tích, bình giảng tác phẩm văn học.</p> <p>CO4: Giúp sinh viên hình thành kỹ năng nghiên cứu, phê bình đánh giá các hiện tượng hay tác phẩm văn học trong nghiên cứu văn học hiện đại nói riêng cũng như các lĩnh vực thuộc chuyên ngành khoa học xã hội nhân văn nói chung</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>CO5: Giúp sinh viên có nhận thức về tầm quan trọng của văn chương trong đời sống tinh thần dân tộc, từ đó bồi dưỡng cho sinh viên tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng cũng như ý thức bảo vệ, phát triển nền văn học dân tộc, góp phần đưa nền văn học Việt Nam gần hơn với văn chương thế giới.</p> <p>CO6: Giúp sinh viên có năng lực tự chủ và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.</p> | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 9. | Từ Hán Việt với việc dạy học  | <p>- <i>Kiến thức:</i></p>   | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |

|     |  |   |   |          |                  |
|-----|--|---|---|----------|------------------|
|     | Ngữ văn ở trường phổ thông   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Hiểu biết các kiến thức thức đại cương về lịch sử, văn hoá của từ, ngữ Hán Việt: các khái niệm, các nhóm từ và thành ngữ Hán Việt.</li> <li>+ CO2: Ứng dụng nhận diện hệ thống từ ngữ Hán Việt trong quá trình tạo lập văn bản và trong chương trình Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.</li> <li>+ CO3: Phân tích, đánh giá hệ thống lý thuyết và phương pháp dạy học, mở rộng vốn từ từ ngữ Hán Việt.</li> <li>- <i>Kỹ năng:</i></li> <li>+ CO4: Giải thích được các yếu tố Hán Việt trong từ và thành ngữ tiếng Việt.</li> <li>+ CO5: Tranh luận và phản biện những cách hiểu sai lạc về từ ngữ Hán Việt.</li> <li>+ CO6: Thực hành trải nghiệm và sáng tạo trong dạy học, mở rộng vốn từ từ ngữ Hán Việt.</li> <li>- <i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO7: Hình thành quan điểm khoa học về vấn đề từ ngữ Hán Việt trong tiếng Việt.</li> <li>+ CO8: Chịu trách nhiệm về dạy học đối với vấn đề từ ngữ Hán Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay.</li> </ul>  |   |          |                  |
|     | Dạy học các loại hình văn bản trong chương trình Ngữ văn phổ thông | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Trang bị cho người học các kiến thức về văn bản, các tiêu chí phân loại văn bản, các loại văn bản.</li> <li>+ CO2: Trang bị cho người học những thao tác phân tích các loại văn bản ở các góc độ: hình thức thể hiện, từ, câu, kết cấu văn bản...</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Vận dụng được lý thuyết Ngôn ngữ học văn bản, Phong cách học, Ngữ dụng học vào việc phân tích các loại hình văn bản trong chương trình Ngữ văn phổ thông.</li> <li>+ CO4: Biết sử dụng các thao tác phân tích và mô hình hóa trong một văn bản cụ thể trong chương trình Ngữ văn phổ thông.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO5: Có năng lực tự chủ và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.</li> </ul>  | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận        |
| 10. | Thực tập 1   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiến thức</b></li> <li><i>Giúp học viên trang bị hệ thống kiến thức gồm:</i></li> <li>+ CO1: Học tập kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy trong thực tiễn tại cơ sở thực tập.</li> <li>+ CO2: Nắm bắt được những xu hướng nghiên cứu, giảng dạy hiện đại, cập nhật của chương trình Ngữ văn, hoạt động báo chí truyền thông và các vấn đề văn học địa phương hiện nay.</li> <li>+ CO3: So sánh được các kiến thức được học với thực tiễn ở các cơ sở thực tập.</li> <li>+ CO4: Phân tích, đánh giá, nhận định tình hình thực tiễn với các kiến thức đã được trang bị để đưa ra hướng giải quyết.</li> <li>- <b>Kỹ năng</b></li> <li><i>Giúp học viên hình thành và rèn luyện hệ thống kỹ năng gồm:</i></li> <li>+ CO5: Rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp đã được hình thành và luyện tập trong chương trình học tập.</li> <li>+ CO6: Vận dụng các tri thức khoa học đã được trang bị để xử lý các tình huống tại cơ sở thực tập cụ thể.</li> <li>+ CO7: Vận dụng kỹ năng lập kế hoạch, làm việc nhóm, làm việc độc lập, kiểm tra, quản lý thời gian trong quá trình thực tập.</li> <li>- <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b></li> <li>+ CO8: Biết tự định hướng, thực hiện đúng các quy định đối với một giáo viên, chuyên viên, phòng</li> </ul> | 4 | Học kỳ 1 | Báo cáo thực tập |

|    |                  |   |   |          |                  |
|----|------------------|---|---|----------|------------------|
|    |                  | viên, nhà nghiên cứu văn học Việt Nam, văn học địa phương và đưa ra kết luận chuyên môn, có thể bảo vệ được quan điểm; Có thái độ đúng đắn, trách nhiệm trong quá trình thực tập.   |   |          |                  |
|    | Học kỳ II        |   |   |          |                  |
| 1. | Thực tập 2       | <p><b>- Kiến thức</b><br/> <i>Giúp học viên trang bị hệ thống kiến thức gồm:</i><br/> + CO1: Học tập kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy trong thực tiễn tại cơ sở thực tập.<br/> + CO2: Nắm bắt được những xu hướng nghiên cứu, giảng dạy hiện đại, cập nhật của chương trình Ngữ văn, hoạt động báo chí truyền thông và các vấn đề văn học địa phương hiện nay.<br/> + CO3: So sánh được các kiến thức được học với thực tiễn ở các cơ sở thực tập.<br/> + CO4: Phân tích, đánh giá, nhận định tình hình thực tiễn với các kiến thức đã được trang bị để đưa ra hướng giải quyết.</p> <p><b>- Kỹ năng</b><br/> <i>Giúp học viên hình thành và rèn luyện hệ thống kỹ năng gồm:</i><br/> + CO5: Rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp đã được hình thành và luyện tập trong chương trình học tập.<br/> + CO6: Vận dụng các tri thức khoa học đã được trang bị để xử lý các tình huống tại cơ sở thực tập cụ thể.<br/> + CO7: Vận dụng kỹ năng lập kế hoạch, làm việc nhóm, làm việc độc lập, kiểm tra, quản lý thời gian trong quá trình thực tập.</p> <p>- <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b><br/> + CO8: Biết tự định hướng, thực hiện đúng các quy định đối với một giáo viên, chuyên viên, phóng viên, nhà nghiên cứu văn học Việt Nam, văn học địa phương và đưa ra kết luận chuyên môn, có thể bảo vệ được quan điểm; Có thái độ đúng đắn, trách nhiệm trong quá trình thực tập.</p>  | 3 | Học kỳ 2 | Báo cáo thực tập |
| 2. | Đề án tốt nghiệp | <p><b>- Kiến thức</b><br/> <i>Giúp học viên trang bị hệ thống kiến thức gồm:</i><br/> + CO1: Tổng hợp các kiến thức chuyên môn đã học<br/> + CO2: Giúp học viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong công tác giảng dạy Ngữ văn, văn học địa phương ở nhà trường phổ thông, các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ báo chí, truyền thông và nghiên cứu Ngữ văn.<br/> + CO3: Áp dụng được các kiến thức liên quan vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động báo chí truyền thông liên quan đến văn học Việt Nam, văn học địa phương và trong vấn đề cụ thể được lựa chọn tìm hiểu, nghiên cứu.<br/> + CO4: Phân tích được các mô hình, cơ cấu tổ chức và các nội dung liên quan đến quá trình dạy học trong nhà trường, hoạt động văn học trong thực tiễn công việc.</p> <p><b>- Kỹ năng</b><br/> <i>Giúp học viên hình thành và rèn luyện hệ thống kỹ năng gồm:</i><br/> + CO5: Đánh giá, phát hiện, giải thích các vấn đề thực tiễn liên quan đến điều kiện, hoạt động dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông, hoạt động văn học liên quan đến báo chí, văn hoá, xã hội tại địa phương.<br/> + CO6: Vận dụng, triển khai các biện pháp phù hợp, khả thi liên quan đến vấn đề nghiên cứu<br/> + CO7: Có thể tham gia, phối hợp thực hiện các hoạt động dạy học Ngữ văn, văn học địa phương ở nhà trường phổ thông, hoạt động văn học liên quan đến báo chí, văn hoá, xã hội tại địa phương mà học viên nghiên cứu.</p> <p>- <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b><br/> + CO8: Có thái độ đúng đắn, trách nhiệm, nghiêm túc trong nghiên cứu đề án tốt nghiệp</p> | 9 | Học kỳ 2 | Đề án            |

## 8. Ngành Thạc sĩ Ngôn ngữ học (8229020)

| STT             | Tên môn học   | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----------------|---|---|------------|----------------------|--------------------------------|
| <b>Khóa 25B</b> |   |   |            |                      |                                |
|                 | Học kỳ I  |   |            |                      |                                |
| 1.              | Từ Hán Việt với việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông | <p><i>- Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Hiểu biết các kiến thức thức đại cương về lịch sử, văn hoá của từ, ngữ Hán Việt: các khái niệm, các nhóm từ và thành ngữ Hán Việt.</p> <p>+ CO2: Ứng dụng nhận diện hệ thống từ ngữ Hán Việt trong quá trình tạo lập văn bản và trong chương trình Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.</p> <p>+ CO3: Phân tích, đánh giá hệ thống lý thuyết và phương pháp dạy học, mở rộng vốn từ từ ngữ Hán Việt.</p> <p><i>- Kỹ năng:</i></p> <p>+ CO4: Giải thích được các yếu tố Hán Việt trong từ và thành ngữ tiếng Việt.</p> <p>+ CO5: Tranh luận và phân biện những cách hiểu sai lạc về từ ngữ Hán Việt.</p> <p>+ CO6: Thực hành trải nghiệm và sáng tạo trong dạy học, mở rộng vốn từ ngữ Hán Việt.</p> <p><i>- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO7: Hình thành quan điểm khoa học về vấn đề từ ngữ Hán Việt trong tiếng Việt.</p> <p>+ CO8: Chịu trách nhiệm về dạy học đối với vấn đề từ ngữ Hán Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay.</p> | 2          | Học kỳ 1             | Tiểu luận                      |
| 2.              | Ngôn ngữ với văn chương                                 | <p><i>- Kiến thức</i></p> <p>+ CO1: Có kiến thức căn bản về ngôn ngữ văn chương</p> <p>+ CO2: Có kiến thức chuyên sâu về các tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương</p> <p>+ CO3: Có hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ với văn chương</p> <p><i>- Kỹ năng</i></p> <p>+ CO4: Có kỹ năng phân tích các tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương</p> <p>+ CO5: Có kỹ năng cảm thụ văn chương thông qua ngôn từ nghệ thuật</p> <p><i>- Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Có khả năng tự nghiên cứu</p> <p>+ CO7: Có khả năng vận dụng kiến thức vào việc phân tích các tác phẩm văn học cụ thể</p>   | 2          | Học kỳ 1             | Tiểu luận                      |
| 3.              | Ngôn ngữ truyền thông                                   | <p><i>- Kiến thức:</i></p> <p>+ CO1: Trang bị cho người học những tri thức cơ bản về truyền thông và quy trình truyền thông; về các phương tiện và hình thức hoạt động của các phương tiện truyền thông đại chúng.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho người học những tri thức về chức năng, vai trò và vị trí của truyền thông đại chúng trong xã hội; những đặc thù của báo chí; các nguyên tắc hoạt động báo chí và các vấn đề quan yếu như tính hiệu quả của báo chí, xu hướng của phát triển báo chí.</p> <p><i>- Kỹ năng</i></p>  |            |                      |                                |



|    |  |   |  |  |  |
|----|--|---|--|--|--|
|    |  | <p>+ CO3: Hình thành các kỹ năng kỹ năng tư duy tổng hợp để phân tích và hiểu rõ bản chất của hoạt động truyền thông và ngôn ngữ truyền thông.</p> <p>+ CO4: Hình thành các kỹ năng ứng dụng có hiệu quả việc vấn đề lý luận đã học vào thực tiễn để nhận diện, phân tích và hiểu rõ về ngôn ngữ truyền thông ở từng loại hình cụ thể, có kỹ năng phát hiện và đánh giá về hoạt động báo chí truyền thông trong nước và thế giới.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO5: Giúp người học sử dụng ngôn ngữ trong truyền thông đạt hiệu quả, có ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình học tập và hành nghề báo chí, đồng thời có ý thức bảo vệ tiếng nói dân tộc góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; có tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng đối với di sản tiếng Việt.</p> <p>+ CO6: Giúp người học hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ truyền thông nói riêng.</p> |  |  |  |
| 4. | Thành ngữ và việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông               | <p>- Kiến thức</p> <p>Học phần cung cấp cho người học:</p> <p>+ CO1: Những hiểu biết cơ bản về thành ngữ và thành ngữ tiếng Việt trên các phương diện cấu trúc - ngữ nghĩa và ngữ dụng, đặc trưng văn hóa dân tộc phản ánh trong thành ngữ, ... vận dụng giải quyết những yêu cầu nghề nghiệp có liên quan.</p> <p>+ CO2: Kiến thức về các hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu thành ngữ, vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp.</p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ CO3: Rèn luyện cho học viên những kỹ năng cơ bản về nhận diện, phân tích thành ngữ theo các bình diện cấu trúc-ngữ nghĩa và ngữ dụng.</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>+ CO4: Góp phần phát triển ở học viên ý thức tự giác, tinh thần hợp tác trong nghiên cứu, học tập; ý thức giữ gìn, phát huy giá trị ngôn ngữ - văn hóa dân tộc.</p>  |  |  |  |
| 5. | Việt ngữ học với đời sống văn hoá, xã hội Việt Nam                 | <p>- Kiến thức</p> <p>+ CO1: Trang bị cho người học các kiến thức về mối quan hệ giữa Việt ngữ học với việc hoạch định chính sách ngôn ngữ.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho người học các kiến thức về mối quan hệ giữa Việt ngữ học với việc dạy và học tiếng Việt, với việc nghiên cứu văn hóa, văn học.</p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ CO3: Vận dụng được lý thuyết vào việc phân tích chính sách ngôn ngữ.</p> <p>+ CO4: Có kỹ năng đề xuất một số kiến nghị, giải pháp về việc nghiên cứu văn hóa, văn học và lịch sử dân tộc.</p> <p>- Mức tự chủ và trách nhiệm</p> <p>+ CO5: Có năng lực tự chủ và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; có khả năng nhận định, đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ, công việc được giao.</p>   |  |  |  |
| 6. | Dạy học các loại hình văn bản trong chương trình Ngữ văn phổ thông | <p>- Kiến thức</p> <p>+ CO1: Trang bị cho người học các kiến thức về văn bản, các tiêu chí phân loại văn bản, các loại văn bản.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho người học những thao tác phân tích các loại văn bản ở các</p>  |  |  |  |

|    |            |   |   |          |                  |
|----|------------|---|---|----------|------------------|
|    |            | <p>góc độ: hình thức thể hiện, từ, câu, kết cấu văn bản...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Vận dụng được lý thuyết Ngôn ngữ học văn bản, Phong cách học, Ngữ dụng học vào việc phân tích các loại hình văn bản trong chương trình Ngữ văn phổ thông.</li> <li>+ CO4: Biết sử dụng các thao tác phân tích và mô hình hóa trong một văn bản cụ thể trong chương trình Ngữ văn phổ thông.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO5: Có năng lực tự chủ và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.</li> </ul>  |   |          |                  |
| 7. | Thực tập 1 | <p><b>- Kiến thức</b><br/> <i>Giúp học viên trang bị hệ thống kiến thức gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Học tập kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy trong thực tiễn tại cơ sở thực tập.</li> <li>+ CO2: Nắm bắt được những xu hướng nghiên cứu, giảng dạy hiện đại, cập nhật của chương trình Ngữ văn, hoạt động báo chí truyền thông và các vấn đề ngôn ngữ học, Việt ngữ học hiện đại.</li> <li>+ CO3: So sánh được các kiến thức được học với thực tiễn ở các cơ sở thực tập.</li> <li>+ CO4: Phân tích, đánh giá, nhận định tình hình thực tiễn với các kiến thức đã được trang bị để đưa ra hướng giải quyết.</li> </ul> <p><b>- Kỹ năng</b><br/> <i>Giúp học viên hình thành và rèn luyện hệ thống kỹ năng gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp đã được hình thành và luyện tập trong chương trình học tập.</li> <li>+ CO6: Vận dụng các tri thức khoa học đã được trang bị để xử lý các tình huống tại cơ sở thực tập cụ thể.</li> <li>+ CO7: Vận dụng kỹ năng lập kế hoạch, làm việc nhóm, làm việc độc lập, kiểm tra, quản lý thời gian trong quá trình thực tập.</li> </ul> <p><b>- Mức tự chủ và trách nhiệm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO8: Biết tự định hướng, thực hiện đúng các quy định đối với một giáo viên, chuyên viên, phóng viên, nhà nghiên cứu ngôn ngữ học và đưa ra kết luận chuyên môn, có thể bảo vệ được quan điểm; Có thái độ đúng đắn, trách nhiệm trong quá trình thực tập.</li> </ul> | 4 | Học kỳ 1 | Báo cáo thực tập |
| 7. | Học kỳ II  |   |   |          |                  |
| 1. | Thực tập 2 | <p><b>- Kiến thức</b><br/> <i>Giúp học viên trang bị hệ thống kiến thức gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Học tập kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy trong thực tiễn tại cơ sở thực tập.</li> <li>+ CO2: Nắm bắt được những xu hướng nghiên cứu, giảng dạy hiện đại, cập nhật của chương trình Ngữ văn, hoạt động báo chí truyền thông và các vấn đề ngôn ngữ học, Việt ngữ học hiện đại.</li> <li>+ CO3: So sánh được các kiến thức được học với thực tiễn ở các cơ sở thực tập.</li> <li>+ CO4: Phân tích, đánh giá, nhận định tình hình thực tiễn với các kiến thức đã được trang bị để đưa ra hướng giải quyết.</li> </ul> <p><b>- Kỹ năng</b><br/> <i>Giúp học viên hình thành và rèn luyện hệ thống kỹ năng gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp đã được hình thành và luyện tập trong</li> </ul>   | 3 | Học kỳ 2 | Báo cáo thực tập |

|                 |                  |  |   |          |          |
|-----------------|------------------|--|---|----------|----------|
|                 |                  | <p>chương trình học tập.</p> <p>+ CO6: Vận dụng các tri thức khoa học đã được trang bị để xử lý các tình huống tại cơ sở thực tập cụ thể.</p> <p>+ CO7: Vận dụng kỹ năng lập kế hoạch, làm việc nhóm, làm việc độc lập, kiểm tra, quản lý thời gian trong quá trình thực tập.</p> <p>- <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>+ CO8: Biết tự định hướng, thực hiện đúng các quy định đối với một giáo viên, chuyên viên, phóng viên, nhà nghiên cứu ngôn ngữ học và đưa ra kết luận chuyên môn, có thể bảo vệ được quan điểm; Có thái độ đúng đắn, trách nhiệm trong quá trình thực tập.</p>  |   |          |          |
| 2.              | Đề án tốt nghiệp | <p>- <b>Kiến thức</b><br/> <i>Giúp học viên trang bị hệ thống kiến thức gồm:</i></p> <p>+ CO1: Tổng hợp các kiến thức chuyên môn đã học</p> <p>+ CO2: Giúp học viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong công tác giảng dạy ngôn ngữ, phương ngữ học tiếng Việt ở nhà trường phổ thông, các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ báo chí, truyền thông và nghiên cứu ngôn ngữ học, Việt ngữ học.</p> <p>+ CO3: Áp dụng được các kiến thức liên quan vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động báo chí truyền thông liên quan đến ngôn ngữ học, Việt ngữ học và trong vấn đề cụ thể được lựa chọn tìm hiểu, đánh giá nghiên cứu.</p> <p>+ CO4: Phân tích được các mô hình, cơ cấu tổ chức và các nội dung liên quan đến quá trình dạy học trong nhà trường, hoạt động ngôn ngữ trong thực tiễn công việc.</p> <p>- <b>Kỹ năng</b><br/> <i>Giúp học viên hình thành và rèn luyện hệ thống kỹ năng gồm:</i></p> <p>+ CO5: Đánh giá, phát hiện, giải thích các vấn đề thực tiễn liên quan đến điều kiện, hoạt động dạy học ngôn ngữ, Việt ngữ ở nhà trường phổ thông, hoạt động ngôn ngữ liên quan đến báo chí, văn hoá, xã hội tại địa phương.</p> <p>+ CO6: Vận dụng, triển khai các biện pháp phù hợp, khả thi liên quan đến vấn đề nghiên cứu</p> <p>+ CO7: Có thể tham gia, phối hợp thực hiện các hoạt động dạy học ngôn ngữ, Việt ngữ ở nhà trường phổ thông, hoạt động ngôn ngữ liên quan đến báo chí, văn hoá, xã hội tại địa phương mà học viên nghiên cứu.</p> <p>- <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>+ CO8: Có thái độ đúng đắn, trách nhiệm, nghiêm túc trong nghiên cứu đề án tốt nghiệp</p> | 9 | Học kỳ 2 | Đề án    |
| <b>Khóa 26B</b> |                  |  |   |          |          |
|                 | Học kỳ I         |  |   |          |          |
| 1.              | Triết học        | <p>- Kiến thức</p> <p>+ CO1: Biết được các vấn đề lý luận chung về triết học và các kiến thức về lịch sử triết học.</p> <p>+ CO2: Hiểu được các nội dung về bản thể luận, phép biện chứng, nhận thức luận, đặc biệt là trong triết học mácxít, hệ tư tưởng đóng vai trò kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng, của dân tộc Việt Nam.</p> <p>+ CO3: Phân tích được nội dung và giá trị khoa học của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội với tư cách là một trong những thành tựu nổi bật của triết học mácxít.</p> <p>+ CO4: Đánh giá được các vấn đề thuộc về triết học xã hội như: triết học chính trị, ý thức</p>   | 4 | Học kỳ 1 | Thi viết |

|    |   |   |   |          |          |
|----|---|---|---|----------|----------|
|    |   | <p>xã hội, triết học về con người.</p> <p>- <b>Kỹ năng</b></p> <p>+ CO5: Áp dụng kiến thức đã học để lựa chọn và xây dựng được hệ thống thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và hợp lý.</p> <p>+ CO6: Phân tích được các vấn đề chính trị - xã hội đương đại, vấn đề hệ tư tưởng, vấn đề con người, từ đó lựa chọn, xây dựng và áp dụng được các phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề khoa học, hợp lý, hiệu quả trong các hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.</p> <p>- <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>+ CO7: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm.</p>  |   |          |          |
| 2. | Cơ sở Ngôn ngữ học của việc dạy tiếng Việt ở trường phổ thông | <p>- <b>Kiến thức</b></p> <p>+ CO1: Kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học và Việt ngữ học liên quan đến chương trình Tiếng Việt ở trường phổ thông;</p> <p>+ CO2 : Biết phát hiện, nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy Ngôn ngữ học, Việt ngữ học và tiếng Việt cho người nước ngoài;</p> <p>+ CO3: Kiến thức về phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông trên cơ sở kiến thức về ngôn ngữ học và Việt ngữ học.</p> <p>- <b>Kỹ năng</b></p> <p>+ CO4: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề phức tạp, tư duy phân biện, sáng tạo và nghiên cứu độc lập để phát triển những giải pháp mới trong lĩnh vực được đào tạo;</p> <p>+ CO5: Có năng lực nghiên cứu ngôn ngữ học, vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp;</p> <p>- <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b></p> <p>+ CO7: Có ý thức trong việc sử dụng kiến thức để đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội; nhận thức đúng vai trò của người lao động trí óc trong xã hội và có trách nhiệm trước các vấn đề xã hội, từ những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ học, Việt ngữ học đến các vấn đề nhân sinh,</p> <p>+ CO8: Có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, có trách nhiệm với xã hội và môi trường khoa học; có năng lực đánh giá, đề xuất và giải quyết mang tính chuyên gia những vấn đề nội dung và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông.</p> | 3 |          | Thi viết |
| 3. | Từ và từ tiếng Việt   | <p>- <b>Kiến thức:</b></p> <p>+ CO1: Trang bị cho người học những tri thức về từ và từ vựng học; các bình diện của từ.</p> <p>+ CO2: Trang bị cho người học những tri thức về từ vựng tiếng Việt; những hiện tượng biến trong từ vựng tiếng Việt; sự phát triển của từ vựng tiếng Việt và vấn đề chuẩn hóa từ vựng tiếng Việt.</p> <p>- <b>Kỹ năng</b></p> <p>+ CO3: Hình thành các kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá một cách khoa học đơn vị trung tâm của hệ thống ngôn ngữ - Từ.</p> <p>+ CO4: Hình thành các kỹ năng ứng dụng có hiệu quả việc nhận diện, phân tích, đánh giá một cách khoa học đơn vị trung tâm của hệ thống ngôn ngữ - từ trong những</p>   | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết |

|      |   |  |   |          |           |
|------|---|--|---|----------|-----------|
|      |   | <p>hoạt động thực tiễn hữu quan như giảng dạy tiếng (bản ngữ và ngoại ngữ), nghiên cứu và trong hoạt động giao tiếp nói chung.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></p> <p>+ CO5: Giúp người học có ý thức sử dụng ngôn ngữ hiệu quả trong giao tiếp đồng thời có ý thức bảo vệ tiếng nói dân tộc góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; trân trọng tiếng Việt từ đó có cách ứng xử đúng đắn trong việc sử dụng tiếng Việt vừa phong phú, hiện đại vừa giữ gìn bản sắc dân tộc; có tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng đối với di sản tiếng Việt.</p> <p>+ CO6: Giúp người học hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.</p> |   |          |           |
| 4.   | Những nguyên lý âm vị học và âm vị học tiếng Việt | <p>- Kiến thức</p> <p>+ CO1: Có kiến thức căn bản về các nguyên lý âm vị học</p> <p>+ CO2: Có kiến thức chuyên sâu về hệ thống âm vị tiếng Việt</p> <p>+ CO3: Có hiểu biết về quy luật phân bố của các đơn vị ngữ âm tiếng Việt</p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ CO4: Có kỹ năng phân tích các đơn vị ngữ âm</p> <p>+ CO5: Có kỹ năng truyền đạt về hệ thống ngữ âm tiếng Việt một cách rõ ràng, chính xác</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO6: Có khả năng tự nghiên cứu</p> <p>+ CO7: Có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn dạy và học</p>  | 3 | Học kỳ 1 | Thi viết  |
| 5.   | Phương ngữ học tiếng Việt                         | <p>- Kiến thức</p> <p>Học phần cung cấp cho người học:</p> <p>+ CO1: Những kiến thức cơ bản về phương ngữ học; phương ngữ tiếng Việt trên các bình diện ngôn ngữ - văn hóa – xã hội.</p> <p>+ CO2: Kiến thức về phương pháp nghiên cứu phương ngữ để vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp.</p> <p>- Kỹ năng</p> <p>+ CO3: Phát triển ở học viên kỹ năng vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu phương ngữ học vào thực tiễn nghề nghiệp.</p> <p>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>+ CO4: Góp phần phát triển ở học viên ý thức tự giác, tinh thần hợp tác trong nghiên cứu, học tập; thái độ ứng xử đúng đắn, khách quan khoa học đối với những biểu hiện đa dạng phương ngữ trong tính thống nhất của ngôn ngữ - văn hóa dân tộc.</p>       | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 6    | Tự chọn (1/3)                                     |  |   |          |           |
| 6.1. | Lịch sử tiếng Việt                                | <p>- Kiến thức</p> <p>Học phần cung cấp cho người học:</p> <p>+ CO1: Những khái niệm và nội dung cơ bản về nguồn gốc, diễn tiến của tiếng Việt theo dòng lịch sử; vận dụng giải quyết những yêu cầu nghề nghiệp có liên quan: ngôn ngữ học, văn hóa học, dân tộc học, dạy học ngữ văn ở trường phổ thông, ...</p> <p>+ CO2: Kiến thức về các hướng tiếp cận và phương pháp của ngôn ngữ học so sánh - lịch sử để có thể phân tích, đánh giá được những ý kiến khác nhau về lịch sử tiếng Việt, vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp.</p>   | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |

|      |                       |   |   |          |           |
|------|-----------------------|---|---|----------|-----------|
|      |                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Rèn luyện cho học viên kỹ năng nhận diện và xác lập những tiêu chí nghiên cứu nguồn gốc ngôn ngữ, phân kỳ lịch sử ngôn ngữ trong nghiên cứu so sánh - lịch sử; phân tích, mô tả lịch sử một ngôn ngữ cụ thể.</li> </ul> </li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Phát triển ở học viên ý thức tự giác, tinh thần hợp tác trong học tập, nghiên cứu; biết nhìn nhận đúng đắn mối quan hệ giữa ngôn ngữ - văn hóa Việt và ngôn ngữ - văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, góp phần giữ gìn sự đoàn kết dân tộc; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế.</li> </ul> </li> </ul>  |   |          |           |
| 6.2. | Ngôn ngữ học tri nhận | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Có hiểu biết căn bản về những nguyên lý, luận thuyết và bản chất của Ngôn ngữ học Tri nhận.</li> <li>+ CO2: Có hiểu biết nền tảng về vấn đề ngữ nghĩa theo quan điểm của Ngữ nghĩa Tri nhận và về các lý thuyết Ngữ nghĩa học Tri nhận.</li> <li>+ CO3: Có hiểu biết nền tảng về vấn đề kết cấu theo quan điểm của Ngữ pháp tri nhận và về các cách tiếp cận tri nhận đến ngữ pháp.</li> <li>+ CO4: Có hiểu biết nền tảng và hệ thống về những ưu khuyết của Ngôn ngữ học Tri nhận để có thể vận dụng, ứng dụng vào giải quyết các vấn đề ngôn ngữ cụ thể.</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Nắm vững hệ thống các khái niệm và các thuật ngữ then chốt của Ngôn ngữ học Tri nhận</li> <li>+ CO6: Thành thạo các thủ pháp và phương pháp nghiên cứu của Ngôn ngữ học Tri nhận;</li> <li>+ CO7: Thành thạo xử lý các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể theo quan điểm Ngôn ngữ học Tri nhận;</li> <li>+ CO8: Thành thạo xử lý các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể theo quan điểm Ngôn ngữ học Tri nhận;</li> </ul> </li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO9: Chủ động trong việc tự nghiên cứu;</li> <li>+ CO10: Độc lập trong việc tự nghiên cứu;</li> <li>+ CO11: Có thái độ khách quan, trung thực với các vấn đề nghiên cứu</li> <li>+ CO12: Có trách nhiệm với các vấn đề nghiên cứu</li> </ul> </li> </ul> | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |
| 6.3. | Ngôn ngữ học xã hội   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kiến thức: Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học xã hội. Trên cơ sở nắm vững những kiến thức về ngôn ngữ học xã hội, người học có một cách nhìn bao quát về hoạt động ngôn ngữ, đồng thời có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể của tiếng Việt và các ngôn ngữ ở Việt Nam.</li> <li>- Về kỹ năng: Thông qua chuyên đề người học rèn luyện kỹ năng vận dụng những vấn đề lý thuyết cũng như phương pháp của ngôn ngữ học xã hội vào nghiên cứu những vấn đề chung cũng như những vấn đề cụ thể của ngôn ngữ học.</li> <li>- Kiến thức <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học xã hội.</li> <li>+ CO2: Có kiến thức bao quát về hoạt động ngôn ngữ trong đời sống xã hội.</li> <li>+ CO3: Có kiến thức về các thủ pháp phân tích ngôn ngữ học xã hội.</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng</li> </ul>   | 2 | Học kỳ 1 | Tiểu luận |

|    |   |   |   |          |           |
|----|---|---|---|----------|-----------|
|    |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Có kỹ năng vận dụng lý thuyết vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội nói chung.</li> <li>+ CO5: Có kỹ năng phân tích những vấn đề cụ thể của Việt ngữ ngữ học trong việc phản ánh đời sống xã hội.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO6: Có khả năng tự nghiên cứu</li> <li>+ CO7: Có khả năng vận dụng trong thực tiễn.</li> </ul>   |   |          |           |
|    | Học kỳ 2<br>Học phần bắt buộc   |   |   |          |           |
| 1. | Một số vấn đề ngôn ngữ học hiện đại và những ứng dụng trong nghiên cứu VHVN | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Nắm vững các kiến thức về lý thuyết thế giới ngôn bản</li> <li>+ CO2: Hiểu được phương pháp phân tích các tầng thế giới: thế giới diễn ngôn, thế giới ngôn bản, thế giới tình thái, thế giới bên dưới.</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO3: Vận dụng được lý thuyết thế giới ngôn bản vào việc phân tích các tác phẩm văn chương Việt Nam hiện đại.</li> <li>+ CO4: Biết sử dụng các thao tác phân tích và mô hình hóa các thế giới trong một tác phẩm cụ thể.</li> </ul> </li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO5: Có năng lực tự chủ và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.</li> </ul> </li> </ul>  | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |
| 2. | Một số vấn đề phong cách học tiếng Việt                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Có kiến thức về các quy tắc tạo lập và tiếp nhận các hiện tượng phong cách học trong tiếng Việt.</li> <li>+ CO2: Nắm vững các quy tắc lựa chọn và vận dụng các phương tiện ngôn ngữ nhằm tạo lập những lời nói có hiệu lực cao nhất.</li> <li>+ CO3: Có kiến thức về phân tích các phương tiện và biện pháp phong cách học trong giao tiếp nói chung, trong ngôn ngữ tác phẩm văn học nói riêng.</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Có kỹ năng tạo lập và tiếp nhận các hiện tượng phong cách học trong giao tiếp nói chung, trong giảng dạy chương trình ngữ văn ở trường phổ thông nói chung.</li> <li>+ CO5: Có kỹ năng phát hiện và phân tích các phương tiện và biện pháp tu từ trong giao tiếp nói chung, trong ngôn ngữ tác phẩm văn học ở nhà trường nói riêng.</li> <li>+ CO6: Có kỹ năng phân tích đặc điểm của các phong cách ngôn ngữ tiếng Việt.</li> </ul> </li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO7: Nhận thức đúng vai trò của người lao động trí óc và có trách nhiệm trước các vấn đề xã hội, trước hết là những vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học nói chung, phong cách học nói riêng.</li> <li>+ CO8: Có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm, với xã hội và môi trường khoa học; có ý thức độc lập, tự tin, tự duy linh hoạt trước thực tiễn giao tiếp đa dạng, sự phong phú của các hiện tượng phong cách học.</li> </ul> </li> </ul> | 2 | Học kỳ 2 | Viết      |
| 3. | Dụng học Việt ngữ   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Nắm được những khái niệm cơ bản về ngữ dụng học và một số nội dung cơ</li> </ul> </li> </ul>   | 3 | Học kỳ 2 | Viết      |

|    |                      |   |   |          |           |
|----|----------------------|---|---|----------|-----------|
|    |                      | <p>bản liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO2: Nắm được những kỹ năng cơ bản trong việc nhận diện, phân tích và sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả gắn liền với các ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Nhận diện được các đối tượng nghiên cứu, các khái niệm cơ bản được giới thiệu trong học phần.</li> <li>+ CO4: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức ngữ dụng học để phân tích các phát ngôn, diễn ngôn trong hoạt động giao tiếp.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có ý thức trau dồi và tự nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ đạt hiệu quả cao nhất.</li> </ul>  |   |          |           |
| 4. | Ngữ nghĩa học        | <p>- <i>Kiến thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Trang bị cho người học những cơ sở khoa học về tiến trình ngữ nghĩa học, các khuynh hướng ngữ nghĩa học, ngữ nghĩa học và các ngành ngôn ngữ khác và các hướng tiếp cận trong nghiên cứu ngữ nghĩa học.</li> <li>+ CO2: Trang bị cho người học những cơ sở khoa học và thực tiễn về nghĩa từ vựng, nghĩa của câu và nghĩa phát ngôn.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Hình thành các kỹ năng nhận diện, phân tích, lý giải một cách khoa học những vấn đề ngữ nghĩa học, những vấn đề liên quan đến bình diện nội dung của ngôn ngữ và của tiếng Việt.</li> <li>+ CO4: Hình thành các kỹ năng vận dụng có hiệu quả việc nhận diện, phân tích, lý giải một cách khoa học những vấn đề về ngữ nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ trong những hoạt động thực tiễn hữu quan như giảng dạy, nghiên cứu và trong hoạt động giao tiếp nói chung.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm:</i></li> <li>+ CO5: Giúp người học có ý thức bảo vệ tiếng nói dân tộc góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; trân trọng tiếng Việt từ đó có cách ứng xử đúng đắn trong việc sử dụng tiếng Việt vừa phong phú, hiện đại vừa giữ gìn bản sắc dân tộc; có tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng đối với di sản tiếng Việt.</li> <li>+ CO6: Giúp người học hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.</li> </ul> | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |
|    | Phần tự chọn (24/28) |   |   |          |           |
| 5. | Ngôn ngữ và văn hoá  | <p>- <i>Kiến thức</i></p> <p>Học phần cung cấp cho người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Những kiến thức biết cơ bản về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá (chủ yếu là tiếng Việt và văn hoá Việt), ngôn ngữ học và văn hoá học, giúp cho việc nghiên cứu ngôn ngữ, văn hoá, văn học có hiệu quả hơn.</li> <li>+ CO2: Kiến thức về phương pháp nghiên cứu liên ngành để nhận thức, lý giải mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá; vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp.</li> <li>- <i>Kỹ năng</i></li> <li>+ CO3: Phát triển ở học viên kỹ năng tổng hợp các vấn đề lý luận; phân tích thực tế về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá; vận dụng vào lĩnh vực mình quan tâm.</li> <li>- <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i></li> </ul>   | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |



|    |  |  |   |          |           |
|----|--|--|---|----------|-----------|
|    |  | + CO4: Góp phần phát triển ở học viên ý thức tự giác nghiên cứu, học tập; qua đó có ý thức hơn trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời đại mới.  |   |          |           |
| 6. | Phân tích diễn ngôn và vấn đề phân tích ngôn ngữ thơ hiện đại Việt Nam | - Kiến thức<br>+ CO1: Nắm vững các kiến thức về diễn ngôn và phân tích diễn ngôn<br>+ CO2: Hiểu được các đường hướng phân tích diễn ngôn<br>- Kỹ năng<br>+ CO3: Vận dụng được lý thuyết phân tích ngữ vào việc phân tích các diễn ngôn thơ Việt Nam hiện đại<br>+ CO4: Biết sử dụng các thao tác phân tích diễn ngôn thơ cụ thể<br>- Mức tự chủ và trách nhiệm<br>+ CO5: Có năng lực tự chủ và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.  | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |
| 7. | Ngôn ngữ học đối chiếu   | - Kiến thức<br>+ CO1: Có kiến thức chung về lĩnh vực ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu<br>+ CO2: Có kiến thức chuyên sâu về đối chiếu các ngôn ngữ<br>+ CO3: Có hiểu biết về các nguyên tắc đối chiếu ngôn ngữ<br>- Kỹ năng<br>+ CO4: Có kỹ năng thực hành đối chiếu các ngôn ngữ trên phương diện đồng đại.<br>+ CO5: Có kỹ năng so sánh - đối chiếu các ngôn ngữ thuộc đối tượng khảo sát một cách rõ ràng, chính xác<br>- Mức tự chủ và trách nhiệm<br>+ CO6: Có khả năng tự nghiên cứu<br>+ CO7: Có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn phân tích và đối chiếu các ngôn ngữ   | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |
| 8. | Tâm lý ngôn ngữ học và giáo dục ngôn ngữ                               | - Kiến thức<br>Học phần cung cấp cho người học:<br>+ CO1: Những khái niệm, kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ học tâm lí, vận dụng vào việc giáo dục ngôn ngữ.<br>+ CO2: Phương pháp giáo dục ngôn ngữ trên cơ sở kiến thức Ngôn ngữ học tâm lí.<br>- Kỹ năng<br>+ CO3: Rèn luyện cho học viên kỹ năng làm việc với chương trình, học liệu; lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học; xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường.<br>- Mức tự chủ và trách nhiệm<br>+ CO4: Phát triển ở học viên ý thức tự giác, tinh thần hợp tác trong học tập, nghiên cứu; không ngừng cập nhật kiến thức khoa học để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ nghề nghiệp. | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |
| 9. | Ngôn ngữ và công tác biên tập, xuất bản                                | - Về kiến thức: Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ báo chí để có cơ sở nghiên cứu và thực hành về công tác biên tập báo chí và xuất bản. Trong đó tập trung biên tập ngôn ngữ được sử dụng trong các thể loại báo chí.<br>- Về kỹ năng: Chuyên đề này sẽ giúp cho học viên kỹ năng biên tập cũng như dịch thuật các cứ liệu báo chí, một kỹ năng nghề nghiệp rất quan trọng của nghề báo hiện nay.   | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |

|     |   |   |   |          |           |
|-----|---|---|---|----------|-----------|
|     |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Có kiến thức cơ bản về các cấp độ ngôn ngữ.</li> <li>+ CO2: Có kiến thức bao quát về hoạt động ngôn ngữ trong các thể loại báo chí.</li> <li>+ CO3: Có kiến thức về các thủ pháp biên tập, xuất bản.</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Có kỹ năng vận dụng lý thuyết vào việc nhận diện và phân tích lỗi nói chung.</li> <li>+ CO5: Có kỹ năng phân tích những lỗi cụ thể trong các thể loại báo chí và biết cách khắc phục lỗi.</li> </ul> </li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO6: Có khả năng tự nghiên cứu.</li> <li>+ CO7: Có khả năng vận dụng trong thực tiễn của công tác biên tập, xuất bản.</li> </ul> </li> </ul>   |   |          |           |
| 10. | Ngữ pháp chức năng với việc dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiến thức</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Nắm vững lý thuyết ngữ pháp chức năng được ứng dụng vào tiếng Việt trường phổ thông;</li> <li>+ CO2 : Biết phát hiện, nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy Ngôn ngữ học, Việt ngữ học và tiếng Việt cho người nước ngoài;</li> <li>+ CO3: Ứng dụng những kiến thức của ngữ pháp chức năng để khắc phục một số nhược điểm của ngữ pháp hình thức thuần túy góp phần nâng cao năng lực học, dạy, sử dụng tiếng Việt phù hợp với xu thế chung.</li> </ul> </li> <li>- <b>Kỹ năng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề phức tạp, tư duy phân biện, sáng tạo và nghiên cứu độc lập để phát triển những giải pháp mới trong lĩnh vực được đào tạo;</li> <li>+ CO5: Có năng lực nghiên cứu ngôn ngữ học, vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp;</li> </ul> </li> <li>- <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO7: Có ý thức trong việc sử dụng kiến thức để đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội; nhận thức đúng vai trò của người lao động trí óc trong xã hội và có trách nhiệm trước các vấn đề xã hội, từ những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ học, Việt ngữ học đến các vấn đề nhân sinh,</li> <li>+ CO8: Có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, có trách nhiệm với xã hội và môi trường khoa học; có năng lực đánh giá, đề xuất và giải quyết mang tính chuyên gia những vấn đề nội dung và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông.</li> </ul> </li> </ul> | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |
| 11. | Ngôn ngữ học với việc sáng tạo và tiếp nhận văn học               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO1: Có kiến thức căn bản về các tín hiệu ngôn ngữ</li> <li>+ CO2: Có kiến thức chuyên sâu về tín hiệu thẩm mỹ</li> <li>+ CO3: Có hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ với việc sáng tạo và tiếp nhận văn học</li> </ul> </li> <li>- Kỹ năng <ul style="list-style-type: none"> <li>+ CO4: Có kỹ năng phân tích các tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn học</li> <li>+ CO5: Có kỹ năng truyền đạt về vai trò của ngôn ngữ trong quá trình sáng tạo và tiếp nhận văn học</li> </ul> </li> </ul>  | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |

|     |   |   |   |          |           |
|-----|---|---|---|----------|-----------|
|     |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO6: Có khả năng tự nghiên cứu</li> <li>+ CO7: Có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn thẩm định tác phẩm văn chương</li> </ul>  |   |          |           |
| 12. | Sự phát triển của hệ thuật ngữ tiếng Việt theo định hướng văn hoá | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Trang bị cho người học các kiến thức về thuật ngữ, sự hình thành và phát triển của hệ thuật ngữ tiếng Việt, các con đường xây dựng thuật ngữ tiếng Việt.</li> <li>+ CO2: Trang bị cho người học những kiến thức về đặc điểm cấu tạo và đặc điểm định danh của thuật ngữ: thuật ngữ khoa học tự nhiên, thuật ngữ khoa học xã hội nhân văn, thuật ngữ khoa học công nghệ, thuật ngữ khoa học kinh tế; vấn đề chuẩn hóa thuật ngữ tiếng Việt.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO3: Vận dụng được lý thuyết vào việc phân tích đặc điểm cấu tạo, đặc điểm định danh của hệ thuật ngữ tiếng Việt.</li> <li>+ CO4: Có kỹ năng đề xuất một số kiến nghị, giải pháp về việc chuẩn hóa thuật ngữ tiếng Việt.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO5: Có năng lực tự chủ và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.</li> </ul> | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |
| 13. | Văn thơ Việt Nam từ góc nhìn ngôn ngữ học                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức</li> <li>+ CO1: Có kiến thức căn bản về loại hình ngôn ngữ đơn lập.</li> <li>+ CO2: Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ thơ.</li> <li>+ CO3: Có hiểu biết về mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong ngôn ngữ thơ ca.</li> <li>- Kỹ năng</li> <li>+ CO4: Có kỹ năng phân tích các đơn vị ngữ âm tiếng Việt liên quan đến văn thơ Việt Nam.</li> <li>+ CO5: Có kỹ năng truyền đạt về ngôn ngữ thơ ca một cách giàu hình ảnh, gợi cảm xúc.</li> <li>- Mức tự chủ và trách nhiệm</li> <li>+ CO6: Có khả năng tự nghiên cứu</li> <li>+ CO7: Có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn phân tích ngôn từ thơ ca.</li> </ul>   | 2 | Học kỳ 2 | Tiểu luận |

### 9. Ngành Lịch sử Việt Nam (8229013) Khóa 25, 26

| TT | Tên môn học | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá học viên   |
|----|-------------|--|------------|----------------------|---|
| 1  | Triết học   | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận triết học Mác - Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác - Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý. Đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử. | 4          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu |

|   |   |   |   |     |  |
|---|---|---|---|-----|--|
|   |   |   |   |     | luận (60%)   |
| 2 | Những vấn đề cập nhật về lý luận sử học               | Nội dung học phần trang bị cho học viên những kiến thức cập nhật về sử liệu và kết quả nghiên cứu sử học ở Việt Nam; về triết học lịch sử và sử học trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI; về xu hướng và phương pháp nghiên cứu sử học hiện nay.<br>Qua đó, giúp học viên có cái nhìn tổng quan về những vấn đề mới của lý luận sử học cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI; đồng thời vận dụng những hiểu biết về lý luận trong công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập lịch sử.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 3 | Những vấn đề cập nhật về lịch sử thế giới             | Cập nhật những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới đã, đang đặt ra đối với giới sử học hiện nay; 1- Nhân diện PSA và luận bàn về các mô hình xã hội bóc lột tiền tư bản; 2- Các cuộc cải cách trong lịch sử thế giới: phân loại và nhận diện; 3- Cách mạng vô sản phương Đông: Lý luận và thực tiễn; 4- Vấn đề “Cận đại hóa” và lịch sử cận đại hóa ở châu Á; và 5- Hệ thống quốc tế và quá trình phát triển của hệ thống quốc tế trong lịch sử.<br>Học phần giúp định hướng và bồi dưỡng cho học viên năng lực tự phát hiện, lựa chọn vấn đề khoa học đặt ra cũng như năng lực độc lập nghiên cứu, giải quyết các vấn đề lịch sử thế giới có liên quan đến, và giúp hiểu sâu hơn về lịch sử Việt Nam.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 4 | Những vấn đề cập nhật về lịch sử Việt Nam             | Học phần củng cố cho người học các kiến thức cơ bản đã học ở đại học, đồng thời cập nhật những quan điểm và kết quả nghiên cứu mới của giới sử học trong và ngoài nước về các vấn đề lịch sử Việt Nam từ cổ trung đến cận hiện đại như: vai trò của Mai Thúc Loan; lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Nam Bộ; về phong trào Tây Sơn, về các nhân vật lịch sử thuộc các vương triều Hồ, Mạc, Nguyễn; mối quan hệ giữa lịch sử Việt Nam với lịch sử thế giới từ đầu thế kỷ XX đến nay; mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ ở Việt Nam (1945 - 1975); Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến cách nhìn nhận mới, đánh giá khách quan về Nội các Trần Trọng Kim (1945), về thể chế Quốc gia Việt Nam (1949-1954), thể chế Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975); và nhận thức mới về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ 1986 đến nay. | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 5 | Dạy học lịch sử địa phương ở trường phổ thông         | Nội dung học phần trang bị cho học viên những vấn đề nội dung cơ bản về lịch sử địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; về xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học lịch sử địa phương ở trường phổ thông; về sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong dạy học lịch sử dân tộc ở trường phổ thông. Qua đó, giúp học viên có cái nhìn tổng quan về những vấn đề mới liên quan đến dạy học lịch sử địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đồng thời vận dụng có hiệu quả trong công tác thực tiễn công tác giảng dạy và nghiên cứu lịch sử địa phương. Đây là học phần cơ sở tự chọn, có quan hệ mật thiết với học phần những vấn đề cập nhật về lý luận sử học, có vị trí quan trọng cho việc thực hiện Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, gắn với lựa chọn đề án tốt nghiệp.                                 | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 6 | Bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông                     | Trên cơ sở khái quát lịch sử việc dạy học lịch sử ở Việt Nam qua các thời kì, học phần định hướng người học đi sâu nghiên cứu đặc điểm môn học, quan điểm xây dựng chương trình; mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chương trình và sự phát triển chương trình môn Lịch sử từ cấp Tiểu học, Trung học cơ sở đến Trung học phổ thông. Qua đó, hướng học viên vận dụng kiến thức đã học vào phân tích cụ thể nội dung chương trình môn Lịch sử mới (ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT), nhất là phần lịch sử Việt Nam để ứng dụng hiệu quả vào công tác giảng dạy cho học sinh ở trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 7 | Quan hệ Việt Nam - Đông Nam Á từ lịch sử đến hiện tại | Trang bị cho học viên kiến thức về những nhân tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Đông Nam Á như địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế và nhân tố địa chính trị.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang   |

|    |   |   |   |     |  |
|----|---|---|---|-----|--|
|    |   | <p>Trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về quan hệ Việt Nam - Đông Nam Á thời tiền cận đại, đặc biệt là những thăng trầm trong quan hệ Việt Nam - Đông Nam Á thời cận - hiện đại.</p> <p>Đánh giá thành tựu và hạn chế, rút ra đặc điểm trong quan hệ Việt Nam - Đông Nam Á qua các thời kỳ lịch sử, đồng thời luận giải được nguyên nhân thành công trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam hiện nay.</p>  |   |     | điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)  |
| 8  | Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản từ lịch sử đến hiện tại               | <p>Học phần nghiên cứu chuyên sâu về quan hệ Việt Nam - Nhật Bản từ những nhân tố tác động cho đến bước phát triển của mối quan hệ này trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hóa, quốc phòng - an ninh... qua những thời kỳ lịch sử khác nhau. Trên cơ sở này, học phần đánh giá khách quan về thành tựu và hạn chế, chỉ ra những đặc điểm trong quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, đồng thời nhận định về xu hướng vận động của mối quan hệ này trong thời gian tới.</p>  | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 9  | Lịch sử chống ngoại xâm và nghệ thuật quân sự Việt Nam            | <p>Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, toàn diện về quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam từ thời dựng nước, giữ nước đến khi đất nước được hòa bình, thống nhất năm 1975. Giúp học viên hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam; vận dụng những kinh nghiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.</p>  | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 10 | Trí thức Việt Nam trong lịch sử                                   | <p>Chuyên đề nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về quan niệm của thế giới và Việt Nam về trí thức trong lịch sử và hiện tại. Cập nhật cho học viên những vấn đề cơ bản về điều kiện dẫn đến sự ra đời của trí thức Việt Nam, sự phát triển về thành phần, cơ cấu đội ngũ trí thức. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về trí thức và nhân tài</p> <p>Cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các mô hình trí thức phong kiến, những biến đổi của tầng lớp trí thức dưới tác động của hệ thống giáo dục Pháp - Việt.</p> <p>Cung cấp cho học viên những hoạt động và vai trò của trí thức trong mỗi giai đoạn lịch sử của dân tộc. Phát triển năng lực của cá nhân học viên trong nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng những kiến thức vào việc đóng góp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội</p> | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 11 | Làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại                         | <p>Chuyên đề nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các tên gọi khác nhau của làng xã, sự hình thành làng xã Việt Nam trong lịch sử. Cập nhật cho học viên những vấn đề cơ bản về điều kiện tác động đến sự thay đổi của làng xã Việt Nam ở mỗi giai đoạn phát triển.</p> <p>Cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về đặc trưng, vai trò, những giá trị tốt đẹp của làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại.</p> <p>Phát triển năng lực của cá nhân học viên trong nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng những kiến thức vào việc giữ gìn những giá trị truyền thống của làng xã Việt Nam, phát huy những thế mạnh của làng xã Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.</p>   | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 12 | Ruộng đất, nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ cận - hiện đại | <p>Trên cơ sở kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam giai đoạn cận - hiện đại được trang bị ở bậc đại học, học phần định hướng người học đi sâu nghiên cứu chính sách ruộng đất và sự vận hành của những chính sách đó trong thực tiễn, chỉ ra những biến động về quy mô, quan hệ và sở hữu ruộng đất, phương thức quản lý và sử dụng ruộng đất qua các thời kỳ lịch sử khác nhau; làm rõ những chuyển biến trong nông nghiệp Việt Nam thời cận - hiện đại. Từ đó, nhận thức khuynh hướng biến đổi về kinh tế, xã hội và văn hóa ở khu vực nông thôn Việt Nam thời kỳ cận - hiện đại dưới tác động của biến đổi sở hữu ruộng đất và chuyển biến kinh tế nông nghiệp. Trên cơ sở đó, hướng học viên vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu thực tiễn về ruộng đất, nông nghiệp, nông thôn của một</p>  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |

|    |  |   |   |     |  |
|----|--|---|---|-----|--|
|    |  | địa phương hoặc cả nước để tổng kết kinh nghiệm, xác lập cơ sở khoa học nhằm đề ra giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả ruộng đất và phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn trong bối cảnh hiện nay.   |   |     |  |
| 13 | Biên giới Việt Nam thời hiện đại                   | Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành biên giới đất liền giữa Việt Nam với các nước trong khu vực; vấn đề biên giới trên Biển Đông và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tình hình tranh chấp trên Biển Đông hiện nay.  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 14 | Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế         | Học phần đề cập đến quá trình đổi mới tư duy đối ngoại; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước từ năm 1986 đến nay. Quá trình thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, coi trọng xây dựng và phát triển quan hệ với các nước láng giềng và khu vực, đồng thời chủ động cải thiện, phát triển quan hệ với các nước lớn trên thế giới (Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Liên bang Nga...) và các tổ chức quốc tế trong quá trình hội nhập (ASEAN, APEC, WTO, Liên hiệp quốc). Học phần cũng làm rõ những thành tựu và hạn chế, thời cơ và thách thức của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế từ 1986 đến nay.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 15 | Giáo dục Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về giáo dục Việt Nam trong tiến trình lịch sử, bao gồm: bối cảnh lịch sử tác động đến giáo dục Việt Nam; hệ thống giáo dục và khoa cử, chính sách giáo dục của chính quyền qua các giai đoạn lịch sử; những thành tựu, hạn chế của nền giáo dục qua từng thời kỳ lịch sử. Thông qua đó, giúp học viên nhận thức sâu sắc hơn vai trò của nền giáo dục đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong lịch sử cũng như hiện nay, rút ra những bài học kinh nghiệm, xác định triển vọng phát triển và những khuyến nghị cho nền giáo dục Việt Nam hiện nay và tương lai.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 16 | Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong lịch sử        | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quan hệ Việt Nam- Trung Quốc trong tiến trình lịch sử, bao gồm: cơ sở hình thành và bối cảnh lịch sử tác động đến quan hệ ngoại giao 2 nước; chính sách ngoại giao của mỗi nước và quan hệ giữa 2 nước trên các lĩnh vực trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể; những đặc điểm, thành tựu, hạn chế trong quan hệ ngoại giao giữa 2 nước ở từng thời kỳ. Trên cơ sở đó, giúp học viên hiểu rõ sâu sắc hơn quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc trong lịch sử, rút ra vai trò, bài học kinh nghiệm về quan hệ ngoại giao với Trung Quốc trong lịch sử, xác định triển vọng hợp tác và những khuyến nghị trong quan hệ Việt Nam- Trung Quốc hiện nay và tương lai. | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 17 | Đô thị Việt Nam từ lịch sử đến hiện tại            | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đô thị Việt Nam trong tiến trình lịch sử, bao gồm: nhận diện về khái niệm đô thị xưa và nay, phân loại đô thị; quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của các đô thị, chính sách của chính quyền đối với việc xây dựng và phát triển đô thị qua từng giai đoạn lịch sử; vai trò, đặc điểm của đô thị, của quá trình đô thị hóa trong từng thời kỳ lịch sử. Học phần cũng cung cấp những kiến thức về những vấn đề đô thị đang đặt ra hiện nay. Thông qua đó giúp học viên nhận thức sâu sắc hơn về quá trình đô thị hóa trong tiến trình lịch sử, rút ra những bài học, nhận diện và định hướng giải quyết các vấn đề đô thị hiện nay.                | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 18 | Pháp luật Việt Nam trong lịch sử                   | Học phần Pháp luật Việt Nam trong lịch sử cung cấp cho người học những tư liệu về sự hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam từ thời nguyên thủy đến năm 1945. Giới thiệu những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật thông qua các bộ luật cụ thể thời phong kiến ở Việt Nam; đặc điểm của pháp luật Việt Nam, điểm tương đồng và khác biệt giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật của Trung Quốc trong lịch sử; nguyên tắc, điểm tích cực của pháp luật Việt Nam trong lịch sử  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu            |

|    |  |   |   |     |  |
|----|--|---|---|-----|--|
|    |  | cần phải phát huy trong thời đại ngày nay. Từ đó, góp phần đánh giá đúng vai trò của pháp luật trong mối quan hệ với nhà nước, điều chỉnh và hoàn thiện pháp luật cho phù hợp với nguyên lý phát triển.   |   |     | luận (60%)   |
| 19 | Vương quốc Chăm Pa và Phù Nam  | Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về hai quốc gia cổ ở khu vực phía Nam của Việt Nam là vương quốc cổ Chăm-pa và vương quốc cổ Phù Nam với các nội dung chủ yếu: các nền văn hóa và sự hình thành các vương quốc Chăm-pa, Phù Nam; tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội từ khi hình thành đến thế kỉ X. Thông qua đó, giúp học viên thấy được những thành tựu và mối quan hệ văn hóa của các quốc gia này với quốc gia Văn Lang-Âu Lạc ở phía Bắc, những nét giống và khác nhau của các quốc gia nói trên.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)       |
| 20 | Các khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại                              | Học phần đề cập đến sự nảy sinh, nội dung và diễn biến của các khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại gồm: khuynh hướng phong kiến, khuynh hướng tư sản và khuynh hướng vô sản. Qua đó, đưa ra nhận thức đúng vị trí, vai trò của những khuynh hướng tư tưởng này đối với lịch sử dân tộc; đồng thời lý giải được nguyên nhân thất bại của khuynh hướng phong kiến, tư sản và sự thành công của khuynh hướng vô sản trước yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)       |
| 21 | Tư sản người Việt nửa đầu thế kỷ XX  | Học phần nghiên cứu toàn diện về sự ra đời, quá trình trưởng thành, hoạt động của tư sản người Việt trong sản xuất, kinh doanh và sự hưởng ứng, tham gia của họ vào phong trào dân tộc dân chủ trong nửa đầu thế kỷ XX (đến năm 1945). Từ đó, rút ra đặc điểm, vai trò và đánh giá khách quan về tính tích cực cũng như những hạn chế của tư sản người Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)       |
| 22 | Quá trình khai hoang và xác lập chủ quyền trong lịch sử Việt Nam (thế kỷ XI -XIX)        | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình khai hoang, mở rộng lãnh thổ và xác lập chủ quyền trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX. Các triều đại phong kiến Việt Nam từ thời Lý, Trần, Lê, chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn đã đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức khai hoang, thiết lập tổ chức bộ máy quản lý hành chính cũng như có những chính sách ruộng đất phù hợp để động viên và khuyến khích người khai hoang. Quá trình khai hoang mở rộng lãnh thổ cũng là quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam trên những vùng đất mới và các quần đảo giữa Biển Đông.  | 3 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)       |
| 23 | Nhận thức lịch sử quốc gia, địa phương thời cổ - trung đại qua nghiên cứu tỉnh Bình Định | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản một số vấn đề lý luận về lịch sử địa phương, dân tộc; hoàn cảnh sinh thái, bối cảnh lịch sử và những nội dung cơ bản của lịch sử Bình Định thời cổ-trung đại. Trang bị những kiến thức chuyên sâu, cách thức tiếp cận một số vấn đề lịch sử dân tộc trong lịch sử Bình Định thời cổ- trung và một số vấn đề lịch sử địa phương tỉnh Bình Định thời cổ- trung đại. Thông qua đó giúp học viên hiểu biết sâu sắc hơn lịch sử tỉnh Bình Định thời cổ- trung, thấy rõ vai trò của lịch sử địa phương tỉnh Bình Định cũng như lịch sử địa phương nói chung đối với lịch sử dân tộc. Hiểu và vận dụng được phương pháp nghiên cứu và tiếp cận lịch sử dân tộc, khu vực, địa phương trong công tác nghiên cứu lịch sử địa phương ở Bình Định cũng như các địa phương khác thời cổ- trung đại. | 3 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)       |
| 24 | Thực tập 1   | Học phần giúp học viên vận dụng kiến thức chuyên sâu của ngành và lý thuyết về các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nói chung và phương pháp nghiên cứu Sử học nói riêng đã tri nhận được vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đồng thời, thông qua hoạt động thực tiễn gắn liền với các hoạt động cụ thể như tham quan, học tập thực tế, điền dã, phỏng vấn, điều tra... sẽ giúp học viên bổ sung kiến thức đã học từ lý thuyết. Qua đó, góp phần rèn luyện và phát triển các kĩ năng nghề nghiệp cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp sau này.   | 3 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (điểm cơ sở thực tập; 40%) và điểm báo cáo thực tập (60%) |
| 25 | Phong trào Duy tân ở Việt Nam đầu  | Chuyên đề nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về tiền đề khách quan và chủ  | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng   |

|    |   |  |   |     |  |
|----|---|--|---|-----|--|
|    | thế kỷ XX   | <p>quan dẫn đến sự xuất hiện của loại hình phong trào giải phóng dân tộc mới - phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX. Cập nhật cho học viên chủ trương cứu nước của những người lãnh đạo phong trào, sự xuất hiện cùng lúc hai xu hướng bạo động và cải cách tạo nên những dấu ấn riêng cho phong trào.</p> <p>Cung cấp cho học viên những kiến thức có hệ thống chuyên sâu về phong trào Duy tân. Trên cơ sở đó hướng dẫn học viên làm rõ đặc điểm, tính chất, vị trí, ảnh hưởng của phong trào Duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX trên cơ sở tư liệu mới và quan điểm mới.</p> <p>Nâng cao nhận thức cho học viên về phong trào Duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX trên các mặt sử liệu, nội dung, quan điểm đánh giá và phương pháp tiếp cận. Sau khi học xong học phần này học viên có thể phát triển năng lực của cá nhân trong nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng những kiến thức vào thực tế công việc.</p>                                   |   |     | điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)                    |
| 26 | Giai cấp công nhân Việt Nam thời cận - hiện đại                                     | <p>Chuyên đề nhằm trang bị cho học viên nắm rõ khái niệm về công nhân và giai cấp công nhân, phong trào công nhân. Quan điểm của Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giai cấp công nhân. Cập nhật cho học viên những điều kiện, quá trình hình thành, phát triển và sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt Nam không chỉ đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn đối với công cuộc đổi mới đất nước.</p> <p>Học phần nêu bật vai trò to lớn của Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê Nin vào phong trào công nhân, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự ra đời của Đảng.</p> <p>Học phần gợi mở cho học viên những vấn đề về đội ngũ công nhân Việt Nam hiện nay trong cái nhìn đối sánh với công nhân ở các nước trong khu vực và công nhân trên thế giới. Nâng cao nhận thức cho học viên đứng trên lập trường quan điểm của gia cấp công nhân để đánh giá, nhận xét và ứng dụng kiến thức vào thực tế công việc.</p> | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 27 | Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc  | <p>Trên cơ sở kiến thức đã học ở trình độ đại học, học phần hướng người học đến nhận thức Hồ Chí Minh là một nhân vật lịch sử lỗi lạc không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn của nhân dân tiến bộ trên thế giới trong thế kỷ XX. Sự xuất hiện của Hồ Chí Minh là một tất yếu khách quan, phù hợp với tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc và thế giới. Cuộc đời và sự nghiệp của Người gắn liền với cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân Việt Nam và nhiều nước khác. Từ đó, giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò của Hồ Chí Minh đối với lịch sử dân tộc; đồng thời biết vận dụng vào trong công tác nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.</p>  | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 28 | Mặt trận giao thông vận tải trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)       | <p>Học phần trình bày những vấn đề cơ bản, hệ thống về giao thông vận tải ở hai miền Bắc - Nam trong điều kiện chiến tranh; làm rõ giao thông vận tải trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trở thành mặt trận ác liệt, có vai trò to lớn đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.</p>  | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 29 | Các chiến khu cách mạng miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) | <p>Học phần đi sâu khảo cứu các chiến khu tiêu biểu ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 -1975) nhằm nâng cao hiểu biết cho học viên về: cơ sở hình thành, hoạt động của các chiến khu, sự sáng tạo, linh hoạt trong hoạt động tổ chức, xây dựng các chiến khu ở các vùng miền Quảng Trị - Thừa Thiên, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Trên cơ sở đó, rút ra những đặc điểm, đánh giá về vai trò của các chiến khu, so sánh đặc điểm và vai trò của các chiến khu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Từ đó giúp học viên có cơ sở nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của hậu phương, căn cứ địa, chiến khu cách mạng trong chiến tranh giải phóng dân tộc và công cuộc bảo vệ tổ quốc hiện nay.</p>   | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 30 | Chuyển biến kinh tế - xã hội Việt   | <p>Học phần nhằm nâng cao nhận thức cho học viên về quá trình đổi mới tư duy kinh tế, đổi mới</p>  | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng   |



|    |                         |   |   |     |  |
|----|-------------------------|---|---|-----|--|
|    | Nam từ năm 1986 đến nay | về đường lối, chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Làm rõ quá trình chuyển biến kinh tế của đất nước trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay như: Sự tăng trưởng kinh tế; sự chuyển biến trong cơ cấu các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ), sự phát triển của kinh tế đối ngoại. Đồng thời, làm rõ chuyển biến các vấn đề xã hội như: giáo dục - đào tạo, lao động - việc làm và an sinh xã hội... So sánh sự phát triển các ngành kinh tế, các vấn đề xã hội của Việt Nam với một số nước trong khu vực và thế giới. Qua đó, học viên được bổ sung, mở rộng thêm hiểu biết và vận dụng trong thực tế nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động nghề nghiệp. |   |     | điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)                          |
| 31 | Thực tập 2              | Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các phương pháp nhận thức, tiếp cận và nghiên cứu lịch sử Việt Nam, giúp cho học viên vận dụng những kiến thức chuyên sâu về lý thuyết cũng như thực hành về các phương pháp nghiên cứu lịch sử Việt Nam đã học trong việc nghiên cứu một vấn đề lịch sử cụ thể, đáp ứng yêu cầu của đơn vị thực tập hoặc công tác của cá nhân. Thông qua hoạt động thực tập và nghiên cứu góp phần bổ sung các kiến thức, kỹ năng, phương pháp đã học. Đồng thời rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp cũng như công tác sau này.   | 3 | HK4 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (điểm cơ sở thực tập; 40%) và điểm báo cáo thực tập (60%) |
| 32 | Đề án tốt nghiệp        | Học phần giúp học viên vận dụng kiến thức tổng hợp tri nhận được sau quá trình học tập vào giải quyết các vấn đề thực tiễn dưới dạng một đề án. Nắm vững quy trình các bước thực hiện một đề án tốt nghiệp; triển khai thành thạo các hoạt động nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học. Qua đó, rèn luyện và phát triển các kĩ năng ứng dụng kiến thức đã học và các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu chuyên ngành vào giải quyết vấn đề thực tiễn một cách khoa học; đồng thời rèn luyện kỹ năng nghiên cứu độc lập đề phát triển và thử nghiệm giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo.        | 9 | HK4 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm của Hội đồng đánh giá và giảng viên hướng dẫn                       |

#### 10. Ngành Lịch sử Việt Nam (8229013) (Khóa 27A)

| TT | Tên môn học                               | Mục đích môn học  | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá học viên  |
|----|---|---|------------|----------------------|--|
| 1  | Triết học                                 | Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận triết học Mác - Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác - Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý. Đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong chủ nghĩa duy vật lịch sử.                            | 4          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 2  | Những vấn đề cập nhật về lý luận sử học   | Nội dung học phần trang bị cho học viên những kiến thức cập nhật về sử liệu và kết quả nghiên cứu sử học ở Việt Nam; về triết học lịch sử và sử học trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI; về xu hướng và phương pháp nghiên cứu sử học hiện nay.<br>Qua đó, giúp học viên có cái nhìn tổng quan về những vấn đề mới của lý luận sử học cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI; đồng thời vận dụng những hiểu biết về lý luận trong công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập lịch sử. | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 3  | Những vấn đề cập nhật về lịch sử thế giới | Cập nhật những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới đã, đang đặt ra đối với giới sử học hiện nay:<br>1- Nhân diện PSA và luận bàn về các mô hình xã hội bóc lột tiền tư bản; 2- Các cuộc cải cách trong lịch sử thế giới: phân loại và nhận diện; 3- Cách mạng vô sản phương Đông: Lý luận và thực tiễn; 4-   | 2          | HK1                  | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá   |

|   |   |   |   |     |  |
|---|---|---|---|-----|--|
|   |   | Vấn đề “Cận đại hóa” và lịch sử cận đại hóa ở châu Á; và 5- Hệ thống quốc tế và quá trình phát triển của hệ thống quốc tế trong lịch sử.<br>Học phần giúp định hướng và bồi dưỡng cho học viên năng lực tự phát hiện, lựa chọn vấn đề khoa học đặt ra cũng như năng lực độc lập nghiên cứu, giải quyết các vấn đề lịch sử thế giới có liên quan đến, và giúp hiểu sâu hơn về lịch sử Việt Nam.  |   |     | trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)  |
| 4 | Những vấn đề cập nhật về lịch sử Việt Nam             | Học phần củng cố cho người học các kiến thức cơ bản đã học ở đại học, đồng thời cập nhật những quan điểm và kết quả nghiên cứu mới của giới sử học trong và ngoài nước về các vấn đề lịch sử Việt Nam từ cổ trung đến cận hiện đại như: vai trò của Mai Thúc Loan; lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Nam Bộ; về phong trào Tây Sơn, về các nhân vật lịch sử thuộc các vương triều Hồ, Mạc, Nguyễn; mối quan hệ giữa lịch sử Việt Nam với lịch sử thế giới từ đầu thế kỷ XX đến nay; mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ ở Việt Nam (1945 - 1975); Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập đến cách nhìn nhận mới, đánh giá khách quan về Nội các Trần Trọng Kim (1945), về thể chế Quốc gia Việt Nam (1949-1954), thể chế Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam (1954 - 1975); và nhận thức mới về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ 1986 đến nay. | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 5 | Dạy học lịch sử địa phương ở trường phổ thông         | Nội dung học phần trang bị cho học viên những vấn đề nội dung cơ bản về lịch sử địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; về xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học lịch sử địa phương ở trường phổ thông; về sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong dạy học lịch sử dân tộc ở trường phổ thông. Qua đó, giúp học viên có cái nhìn tổng quan về những vấn đề mới liên quan đến dạy học lịch sử địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đồng thời vận dụng có hiệu quả trong công tác thực tiễn công tác giảng dạy và nghiên cứu lịch sử địa phương. Đây là học phần cơ sở tự chọn, có quan hệ mật thiết với học phần những vấn đề cập nhật về lý luận sử học, có vị trí quan trọng cho việc thực hiện Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, gắn với lựa chọn đề án tốt nghiệp.                                 | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 6 | Bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông                     | Trên cơ sở khái quát lịch sử việc dạy học lịch sử ở Việt Nam qua các thời kì, học phần định hướng người học đi sâu nghiên cứu đặc điểm môn học, quan điểm xây dựng chương trình; mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chương trình và sự phát triển chương trình môn Lịch sử từ cấp Tiểu học, Trung học cơ sở đến Trung học phổ thông. Qua đó, hướng học viên vận dụng kiến thức đã học vào phân tích cụ thể nội dung chương trình môn Lịch sử mới (ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT), nhất là phần lịch sử Việt Nam để ứng dụng hiệu quả vào công tác giảng dạy cho học sinh ở trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 7 | Quan hệ Việt Nam - Đông Nam Á từ lịch sử đến hiện tại | Trang bị cho học viên kiến thức về những nhân tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Đông Nam Á như địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế và nhân tố địa chính trị.<br>Trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về quan hệ Việt Nam - Đông Nam Á thời tiền cận đại, đặc biệt là những thăng trầm trong quan hệ Việt Nam - Đông Nam Á thời cận - hiện đại.<br>Đánh giá thành tựu và hạn chế, rút ra đặc điểm trong quan hệ Việt Nam - Đông Nam Á qua các thời kỳ lịch sử, đồng thời luận giải được nguyên nhân thành công trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam hiện nay.  | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 8 | Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản từ lịch sử đến hiện tại   | Học phần nghiên cứu chuyên sâu về quan hệ Việt Nam - Nhật Bản từ những nhân tố tác động cho đến bước phát triển của mối quan hệ này trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hóa, quốc phòng - an ninh... qua những thời kỳ lịch sử khác nhau. Trên cơ sở này, học phần đánh giá khách quan về thành tựu và hạn chế, chỉ ra những đặc điểm trong quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, đồng thời nhận định về xu hướng vận động của mối quan hệ này trong thời gian tới.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu            |

|    |   |   |   |     |  |
|----|---|---|---|-----|--|
|    |   |   |   |     | luận (60%)   |
| 9  | Lịch sử chống ngoại xâm và nghệ thuật quân sự Việt Nam            | Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, toàn diện về quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam từ thời dựng nước, giữ nước đến khi đất nước được hòa bình, thống nhất năm 1975. Giúp học viên hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam; vận dụng những kinh nghiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.   | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 10 | Trí thức Việt Nam trong lịch sử                                   | Chuyên đề nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về quan niệm của thế giới và Việt Nam về trí thức trong lịch sử và hiện tại. Cập nhật cho học viên những vấn đề cơ bản về điều kiện dẫn đến sự ra đời của trí thức Việt Nam, sự phát triển về thành phần, cơ cấu đội ngũ trí thức. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về trí thức và nhân tài<br>Cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các mô hình trí thức phong kiến, những biến đổi của tầng lớp trí thức dưới tác động của hệ thống giáo dục Pháp – Việt.<br>Cung cấp cho học viên những hoạt động và vai trò của trí thức trong mỗi giai đoạn lịch sử của dân tộc. Phát triển năng lực của cá nhân học viên trong nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng những kiến thức vào việc đóng góp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội  | 2 | HK1 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 11 | Làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại                         | Chuyên đề nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các tên gọi khác nhau của làng xã, sự hình thành làng xã Việt Nam trong lịch sử. Cập nhật cho học viên những vấn đề cơ bản về điều kiện tác động đến sự thay đổi của làng xã Việt Nam ở mỗi giai đoạn phát triển.<br>Cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về đặc trưng, vai trò, những giá trị tốt đẹp của làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại.<br>Phát triển năng lực của cá nhân học viên trong nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng những kiến thức vào việc giữ gìn những giá trị truyền thống của làng xã Việt Nam, phát huy những thế mạnh của làng xã Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 12 | Ruộng đất, nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ cận - hiện đại | Trên cơ sở kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam giai đoạn cận - hiện đại được trang bị ở bậc đại học, học phân định hướng người học đi sâu nghiên cứu chính sách ruộng đất và sự vận hành của những chính sách đó trong thực tiễn, chỉ ra những biến động về quy mô, quan hệ và sở hữu ruộng đất, phương thức quản lý và sử dụng ruộng đất qua các thời kỳ lịch sử khác nhau; làm rõ những chuyển biến trong nông nghiệp Việt Nam thời cận - hiện đại. Từ đó, nhận thức khuynh hướng biến đổi về kinh tế, xã hội và văn hóa ở khu vực nông thôn Việt Nam thời kỳ cận - hiện đại dưới tác động của biến đổi sở hữu ruộng đất và chuyển biến kinh tế nông nghiệp. Trên cơ sở đó, hướng học viên vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu thực tiễn về ruộng đất, nông nghiệp, nông thôn của một địa phương hoặc cả nước để tổng kết kinh nghiệm, xác lập cơ sở khoa học nhằm đề ra giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả ruộng đất và phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn trong bối cảnh hiện nay. | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 13 | Biên giới Việt Nam thời hiện đại                                  | Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành biên giới đất liền giữa Việt Nam với các nước trong khu vực; vấn đề biên giới trên Biển Đông và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tình hình tranh chấp trên Biển Đông hiện nay.  | 3 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 14 | Việt Nam trong tiến trình hội nhập                                | Học phần đề cập đến quá trình đổi mới tư duy đối ngoại; đường lối, chính sách đối ngoại của   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng   |

|    |  |   |   |     |  |
|----|--|---|---|-----|--|
|    | quốc tế  | Đảng và Nhà nước từ năm 1986 đến nay. Quá trình thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, coi trọng xây dựng và phát triển quan hệ với các nước láng giềng và khu vực, đồng thời chủ động cải thiện, phát triển quan hệ với các nước lớn trên thế giới (Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Liên bang Nga...) và các tổ chức quốc tế trong quá trình hội nhập (ASEAN, APEC, WTO, Liên hiệp quốc). Học phân cũng làm rõ những thành tựu và hạn chế, thời cơ và thách thức của Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế từ 1986 đến nay.   |   |     | điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)                    |
| 15 | Giáo dục Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc | Học phân cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về giáo dục Việt Nam trong tiến trình lịch sử, bao gồm: bối cảnh lịch sử tác động đến giáo dục Việt Nam; hệ thống giáo dục và khoa cử, chính sách giáo dục của chính quyền qua các giai đoạn lịch sử; những thành tựu, hạn chế của nền giáo dục qua từng thời kỳ lịch sử. Thông qua đó, giúp học viên nhận thức sâu sắc hơn vai trò của nền giáo dục đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong lịch sử cũng như hiện nay, rút ra những bài học kinh nghiệm, xác định triển vọng phát triển và những khuyến nghị cho nền giáo dục Việt Nam hiện nay và tương lai.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 16 | Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong lịch sử        | Học phân cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quan hệ Việt Nam- Trung Quốc trong tiến trình lịch sử, bao gồm: cơ sở hình thành và bối cảnh lịch sử tác động đến quan hệ ngoại giao 2 nước; chính sách ngoại giao của mỗi nước và quan hệ giữa 2 nước trên các lĩnh vực trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể; những đặc điểm, thành tựu, hạn chế trong quan hệ ngoại giao giữa 2 nước ở từng thời kỳ. Trên cơ sở đó, giúp học viên hiểu rõ sâu sắc hơn quan hệ giữa Việt Nam - Trung Quốc trong lịch sử, rút ra vai trò, bài học kinh nghiệm về quan hệ ngoại giao với Trung Quốc trong lịch sử, xác định triển vọng hợp tác và những khuyến nghị trong quan hệ Việt Nam- Trung Quốc hiện nay và tương lai. | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 17 | Đô thị Việt Nam từ lịch sử đến hiện tại            | Học phân cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đô thị Việt Nam trong tiến trình lịch sử, bao gồm: nhận diện về khái niệm đô thị xưa và nay, phân loại đô thị; quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của các đô thị, chính sách của chính quyền đối với việc xây dựng và phát triển đô thị qua từng giai đoạn lịch sử; vai trò, đặc điểm của đô thị, của quá trình đô thị hóa trong từng thời kỳ lịch sử. Học phân cũng cung cấp những kiến thức về những vấn đề đô thị đang đặt ra hiện nay. Thông qua đó giúp học viên nhận thức sâu sắc hơn về quá trình đô thị hóa trong tiến trình lịch sử, rút ra những bài học, nhận diện và định hướng giải quyết các vấn đề đô thị hiện nay.                | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 18 | Pháp luật Việt Nam trong lịch sử                   | Học phân Pháp luật Việt Nam trong lịch sử cung cấp cho người học những tư liệu về sự hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam từ thời nguyên thủy đến năm 1945. Giới thiệu những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật thông qua các bộ luật cụ thể thời phong kiến ở Việt Nam; đặc điểm của pháp luật Việt Nam, điểm tương đồng và khác biệt giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật của Trung Quốc trong lịch sử; nguyên tắc, điểm tích cực của pháp luật Việt Nam trong lịch sử cần phải phát huy trong thời đại ngày nay. Từ đó, góp phần đánh giá đúng vai trò của pháp luật trong mối quan hệ với nhà nước, điều chỉnh và hoàn thiện pháp luật cho phù hợp với nguyên lý phát triển.                  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 19 | Vương quốc Chăm Pa và Phù Nam                      | Học phân cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về hai quốc gia cổ ở khu vực phía Nam của Việt Nam là vương quốc cổ Chăm-pa và vương quốc cổ Phù Nam với các nội dung chủ yếu: các nền văn hóa và sự hình thành các vương quốc Chăm-pa, Phù Nam; tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội từ khi hình thành đến thế kỉ X. Thông qua đó, giúp học viên thấy được những thành tựu và mối quan hệ văn hóa của các quốc gia này với quốc gia Văn Lang-Âu Lạc ở phía Bắc, những nét giống và khác nhau của các quốc gia nói trên.   | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 20 | Các khuynh hướng giải phóng dân                    | Học phân đề cập đến sự nảy sinh, nội dung và diễn biến của các khuynh hướng giải phóng dân  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng   |

|    |  |  |   |     |  |
|----|--|--|---|-----|--|
|    | tộc ở Việt Nam thời cận đại  | tộc ở Việt Nam thời cận đại gồm: khuynh hướng phong kiến, khuynh hướng tư sản và khuynh hướng vô sản. Qua đó, đưa ra nhận thức đúng vị trí, vai trò của những khuynh hướng tư tưởng này đối với lịch sử dân tộc; đồng thời lý giải được nguyên nhân thất bại của khuynh hướng phong kiến, tư sản và sự thành công của khuynh hướng vô sản trước yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc.  |   |     | điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)                          |
| 21 | Tư sản người Việt nửa đầu thế kỷ XX  | Học phần nghiên cứu toàn diện về sự ra đời, quá trình trưởng thành, hoạt động của tư sản người Việt trong sản xuất, kinh doanh và sự hưởng ứng, tham gia của họ vào phong trào dân tộc dân chủ trong nửa đầu thế kỷ XX (đến năm 1945). Từ đó, rút ra đặc điểm, vai trò và đánh giá khách quan về tính tích cực cũng như những hạn chế của tư sản người Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc.  | 2 | HK2 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)       |
| 22 | Quá trình khai hoang và xác lập chủ quyền trong lịch sử Việt Nam (thế kỷ XI -XIX)        | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình khai hoang, mở rộng lãnh thổ và xác lập chủ quyền trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX. Các triều đại phong kiến Việt Nam từ thời Lý, Trần, Lê, chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn đã đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức khai hoang, thiết lập tổ chức bộ máy quản lý hành chính cũng như có những chính sách ruộng đất phù hợp để động viên và khuyến khích người khai hoang. Quá trình khai hoang mở rộng lãnh thổ cũng là quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam trên những vùng đất mới và các quần đảo giữa Biển Đông.   | 3 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)       |
| 23 | Nhận thức lịch sử quốc gia, địa phương thời cổ - trung đại qua nghiên cứu tỉnh Bình Định | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản một số vấn đề lý luận về lịch sử địa phương, dân tộc; hoàn cảnh sinh thái, bối cảnh lịch sử và những nội dung cơ bản của lịch sử Bình Định thời cổ-trung đại. Trang bị những kiến thức chuyên sâu, cách thức tiếp cận một số vấn đề lịch sử dân tộc trong lịch sử Bình Định thời cổ- trung và một số vấn đề lịch sử địa phương tỉnh Bình Định thời cổ- trung đại. Thông qua đó giúp học viên hiểu biết sâu sắc hơn lịch sử tỉnh Bình Định thời cổ- trung, thấy rõ vai trò của lịch sử địa phương tỉnh Bình Định cũng như lịch sử địa phương nói chung đối với lịch sử dân tộc. Hiểu và vận dụng được phương pháp nghiên cứu và tiếp cận lịch sử dân tộc, khu vực, địa phương trong công tác nghiên cứu lịch sử địa phương ở Bình Định cũng như các địa phương khác thời cổ- trung đại.  | 3 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)       |
| 24 | Thực tập 1   | Học phần giúp học viên vận dụng kiến thức chuyên sâu của ngành và lý thuyết về các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nói chung và phương pháp nghiên cứu Sử học nói riêng đã tri nhận được vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đồng thời, thông qua hoạt động thực tiễn gắn liền với các hoạt động cụ thể như tham quan, học tập thực tế, điền dã, phỏng vấn, điều tra... sẽ giúp học viên bổ sung kiến thức đã học từ lý thuyết. Qua đó, góp phần rèn luyện và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp sau này.  | 3 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (điểm cơ sở thực tập; 40%) và điểm báo cáo thực tập (60%) |
| 25 | Phong trào Duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX  | Chuyên đề nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về tiền đề khách quan và chủ quan dẫn đến sự xuất hiện của loại hình phong trào giải phóng dân tộc mới - phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX. Cập nhật cho học viên chủ trương cứu nước của những người lãnh đạo phong trào, sự xuất hiện cùng lúc hai xu hướng bạo động và cải cách tạo nên những dấu ấn riêng cho phong trào.<br>Cung cấp cho học viên những kiến thức có hệ thống chuyên sâu về phong trào Duy tân. Trên cơ sở đó hướng dẫn học viên làm rõ đặc điểm, tính chất, vị trí, ảnh hưởng của phong trào Duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX trên cơ sở tư liệu mới và quan điểm mới.<br>Nâng cao nhận thức cho học viên về phong trào Duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX trên các mặt sử liệu, nội dung, quan điểm đánh giá và phương pháp tiếp cận. Sau khi học xong học phần này học viên có thể phát triển năng lực của cá nhân trong nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng những kiến | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%)       |

|    |   |  |   |     |  |
|----|---|--|---|-----|--|
|    |   | thức vào thực tế công việc.  |   |     |  |
| 26 | Giai cấp công nhân Việt Nam thời cận - hiện đại                                     | <p>Chuyên đề nhằm trang bị cho học viên nắm rõ khái niệm về công nhân và giai cấp công nhân, phong trào công nhân. Quan điểm của Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giai cấp công nhân. Cập nhật cho học viên những điều kiện, quá trình hình thành, phát triển và sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt Nam không chỉ đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn đối với công cuộc đổi mới đất nước.</p> <p>Học phần nêu bật vai trò to lớn của Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê Nin vào phong trào công nhân, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự ra đời của Đảng.</p> <p>Học phần gợi mở cho học viên những vấn đề về đội ngũ công nhân Việt Nam hiện nay trong cái nhìn đối sánh với công nhân ở các nước trong khu vực và công nhân trên thế giới. Nâng cao nhận thức cho học viên đứng trên lập trường quan điểm của gia cấp công nhân để đánh giá, nhận xét và ứng dụng kiến thức vào thực tế công việc.</p> | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 27 | Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc  | <p>Trên cơ sở kiến thức đã học ở trình độ đại học, học phần hướng người học đến nhận thức Hồ Chí Minh là một nhân vật lịch sử lỗi lạc không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn của nhân dân tiên bộ trên thế giới trong thế kỷ XX. Sự xuất hiện của Hồ Chí Minh là một tất yếu khách quan, phù hợp với tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc và thế giới. Cuộc đời và sự nghiệp của Người gắn liền với cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân Việt Nam và nhiều nước khác. Từ đó, giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò của Hồ Chí Minh đối với lịch sử dân tộc; đồng thời biết vận dụng vào trong công tác nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.</p>  | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 28 | Mặt trận giao thông vận tải trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)       | <p>Học phần trình bày những vấn đề cơ bản, hệ thống về giao thông vận tải ở hai miền Bắc - Nam trong điều kiện chiến tranh; làm rõ giao thông vận tải trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trở thành mặt trận ác liệt, có vai trò to lớn đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.</p>  | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 29 | Các chiến khu cách mạng miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) | <p>Học phần đi sâu khảo cứu các chiến khu tiêu biểu ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 -1975) nhằm nâng cao hiểu biết cho học viên về: cơ sở hình thành, hoạt động của các chiến khu, sự sáng tạo, linh hoạt trong hoạt động tổ chức, xây dựng các chiến khu ở các vùng miền Quảng Trị - Thừa Thiên, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Trên cơ sở đó, rút ra những đặc điểm, đánh giá về vai trò của các chiến khu, so sánh đặc điểm và vai trò của các chiến khu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Từ đó giúp học viên có cơ sở nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của hậu phương, căn cứ địa, chiến khu cách mạng trong chiến tranh giải phóng dân tộc và công cuộc bảo vệ tổ quốc hiện nay.</p>   | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 30 | Chuyển biến kinh tế - xã hội Việt Nam từ năm 1986 đến nay                           | <p>Học phần nhằm nâng cao nhận thức cho học viên về quá trình đổi mới tư duy kinh tế, đổi mới về đường lối, chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Làm rõ quá trình chuyển biến kinh tế của đất nước trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay như: Sự tăng trưởng kinh tế; sự chuyển biến trong cơ cấu các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ), sự phát triển của kinh tế đối ngoại. Đồng thời, làm rõ chuyển biến các vấn đề xã hội như: giáo dục - đào tạo, lao động - việc làm và an sinh xã hội... So sánh sự phát triển các ngành kinh tế, các vấn đề xã hội của Việt Nam với một số nước trong khu vực và thế giới. Qua đó, học viên được bổ sung, mở rộng thêm hiểu biết và vận dụng trong thực tế nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động nghề nghiệp.</p>  | 2 | HK3 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (40%) và thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận (60%) |
| 31 | Thực tập 2  | Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các phương pháp nhận thức,  | 3 | HK4 | Đánh giá bằng bảng   |

|    |                  |  |   |     |   |
|----|------------------|--|---|-----|---|
|    |                  | tiếp cận và nghiên cứu lịch sử Việt Nam, giúp cho học viên vận dụng những kiến thức chuyên sâu về lý thuyết cũng như thực hành về các phương pháp nghiên cứu lịch sử Việt Nam đã học trong việc nghiên cứu một vấn đề lịch sử cụ thể, đáp ứng yêu cầu của đơn vị thực tập hoặc công tác của cá nhân. Thông qua hoạt động thực tập và nghiên cứu góp phần bổ sung các kiến thức, kỹ năng, phương pháp đã học. Đồng thời rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết cho việc thực hiện đề án tốt nghiệp cũng như công tác sau này.  |   |     | điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm quá trình (điểm cơ sở thực tập; 40%) và điểm báo cáo thực tập (60%) |
| 32 | Đề án tốt nghiệp | Học phân giúp học viên vận dụng kiến thức tổng hợp tri nhận được sau quá trình học tập vào giải quyết các vấn đề thực tiễn dưới dạng một đề án. Nắm vững quy trình các bước thực hiện một đề án tốt nghiệp; triển khai thành thạo các hoạt động nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học. Qua đó, rèn luyện và phát triển các kỹ năng ứng dụng kiến thức đã học và các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội, nghiên cứu chuyên ngành vào giải quyết vấn đề thực tiễn một cách khoa học; đồng thời rèn luyện kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo. | 9 | HK4 | Đánh giá bằng bảng điểm: định lượng, thang điểm 10. Gồm điểm của Hội đồng đánh giá và giảng viên hướng dẫn    |

## XII. KHOA NGOẠI NGỮ

### 1. Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh

| STT | Tên môn học                      | Mục đích môn học   | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên                                   |
|-----|----------------------------------|--|------------|----------------------|--|
| 1   | Triết học Mác – Lênin            | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 3          | HK1                  | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 2   | Kinh tế chính trị Mác – Lênin    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 2          | HK2                  | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 3   | Chủ nghĩa xã hội khoa học        | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 2          | HK3                  | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 4   | Tư tưởng Hồ Chí Minh             | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 2          | HK5                  | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 5   | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam   | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 2          | HK4                  | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 6   | Pháp luật đại cương              | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 2          | HK1                  | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 7   | Giáo dục thể chất 1 ( Bóng đá 1) | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | HK1                  | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |

|    |   |  |   |     |   |
|----|---|--|---|-----|---|
| 8  | Giáo dục thể chất 2 ( Bóng đá 2)              | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 9  | Giáo dục thể chất 3 ( Bongs đá 3)             | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 10 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)           | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành))                |
| 11 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)           | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 12 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)           | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)%<br>(điểm danh) |
| 13 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)               | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành))                |
| 14 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)               | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 15 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)               | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 16 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)              | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành))                |
| 17 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)              | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 18 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 19 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 20 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 21 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 22 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 23 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 24 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 25 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |
| 27 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                 |



|    |                                     |  |   |     |   |
|----|-------------------------------------|--|---|-----|---|
| 28 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1       | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 3 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 29 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2       | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 2 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 30 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3       | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 2 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 31 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4       | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 2 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành) |
| 32 | Tiếng Trung 1                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ 2                           | 3 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 33 | Tiếng Trung 2                       | Trang bị kiến thức ngoại ngữ 2                           | 4 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 34 | Tiếng Pháp 1                        | Trang bị kiến thức ngoại ngữ 2                           | 3 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 35 | Tiếng Pháp 2                        | Trang bị kiến thức ngoại ngữ 2                           | 4 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 36 | Khởi nghiệp                         | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                             | 2 | HK5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 37 | Kỹ năng giao tiếp                   | Trang bị kỹ năng xã hội                                  | 2 | HK2 | Quá trình: 50%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi Vấn đáp)   |
| 38 | Tin học cơ sở (Xã hội)              | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản              | 3 | HK1 | Quá trình: 30%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 70% (Thi Vấn đáp)   |
| 39 | Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                           | 3 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)   |
| 40 | Luyện âm cơ bản                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                           | 2 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)   |
| 41 | Ngữ pháp cơ bản                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                           | 2 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 42 | Văn học Anh                         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                           | 2 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 43 | Văn hóa Anh                         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                           | 2 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 44 | Văn học Mỹ                          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                           | 2 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 45 | Văn hóa Mỹ                          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                           | 2 | HK5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 46 | Ngữ âm - Âm vị học                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                           | 2 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 47 | Cú pháp học                         | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                           | 2 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 48 | Ngữ nghĩa học                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành                           | 2 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |

|    |  |                                |   |     |   |
|----|--|--------------------------------|---|-----|---|
| 49 | Hình thái học                                      | Trang bị kiến thức cơ sở ngành | 2 | HK5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 50 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngôn ngữ Anh | Trang bị kiến thức cơ sở ngành | 2 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 51 | Dẫn luận ngôn ngữ                                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành | 2 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 52 | Tiếng Việt   | Trang bị kiến thức cơ sở ngành | 2 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 53 | Nói 1  | Trang bị kiến thức ngành       | 3 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)   |
| 54 | Nói 2  | Trang bị kiến thức ngành       | 3 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)   |
| 55 | Nói 3  | Trang bị kiến thức ngành       | 2 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)   |
| 56 | Nói 4  | Trang bị kiến thức ngành       | 2 | HK5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)   |
| 57 | Nói 5  | Trang bị kiến thức ngành       | 2 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)   |
| 58 | Viết 1   | Trang bị kiến thức ngành       | 3 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 59 | Viết 2   | Trang bị kiến thức ngành       | 3 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 60 | Viết 3   | Trang bị kiến thức ngành       | 2 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 61 | Viết 4   | Trang bị kiến thức ngành       | 2 | HK5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 62 | Viết 5   | Trang bị kiến thức ngành       | 2 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 63 | Nghe 1   | Trang bị kiến thức ngành       | 3 | HK2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi nghe-viết) |
| 64 | Nghe 2   | Trang bị kiến thức ngành       | 3 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi nghe-viết) |
| 65 | Nghe 3   | Trang bị kiến thức ngành       | 2 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi nghe-viết) |
| 66 | Nghe 4   | Trang bị kiến thức ngành       | 2 | HK5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi nghe-viết) |
| 67 | Nghe 5   | Trang bị kiến thức ngành       | 2 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi nghe-viết) |
| 68 | Đọc 1  | Trang bị kiến thức ngành       | 3 | HK1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |
| 69 | Đọc 2  | Trang bị kiến thức ngành       | 3 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)      |

|    |                                  |  |   |     |   |
|----|----------------------------------|--|---|-----|---|
| 70 | Đọc 3                            | Trang bị kiến thức ngành   | 2 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 71 | Đọc 4                            | Trang bị kiến thức ngành   | 2 | HK5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 72 | Đọc 5                            | Trang bị kiến thức ngành   | 2 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 73 | Tiếng Anh Du lịch 1              | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 3 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 74 | Tiếng Anh Du lịch 2              | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 3 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 75 | Tiếng Anh Du lịch 3              | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 3 | HK5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 76 | Tiếng Anh Du lịch 4              | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 3 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 77 | Biên dịch du lịch                | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 3 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 78 | Tiếng Anh Thư tín thương mại     | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 3 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 79 | Phiên dịch du lịch               | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 3 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp) |
| 80 | Lịch sử văn minh thế giới        | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 2 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 81 | Biên dịch 1                      | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 2 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 82 | Tuyển điểm du lịch Việt Nam      | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 2 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 83 | Hành vi khách du lịch            | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 2 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 84 | Tiếng Anh Khách sạn- Du lịch     | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch                 | 2 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 85 | Tiếng Anh Kinh tế - Thương mại 1 | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế                  | 3 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 86 | Tiếng Anh Kinh tế - Thương mại 2 | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế                  | 3 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 87 | Tiếng Anh Kinh tế - Thương mại 3 | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế                  | 3 | HK5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 88 | Biên dịch Kinh tế - Thương mại   | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế                  | 3 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 89 | Phiên dịch 1                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế, Biên phiên dịch | 3 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp) |
| 90 | Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị  | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế                  | 3 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |

|     |                                   |   |   |     |   |
|-----|-----------------------------------|---|---|-----|---|
| 91  | Phiên dịch Kinh tế - Thương mại 1 | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế                           | 3 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp) |
| 92  | Quản trị học                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế                           | 2 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 93  | Tiếng Anh chuyên ngành Ngân hàng  | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế                           | 2 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 94  | Phiên dịch 2                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Biên Phiên dịch                   | 3 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp) |
| 95  | Phiên dịch 3                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Biên Phiên dịch                   | 3 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp) |
| 96  | Biên dịch 2                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Biên Phiên dịch                   | 3 | HK5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 97  | Biên dịch 3                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Biên Phiên dịch                   | 3 | HK6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 98  | Lý thuyết dịch                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Biên Phiên dịch                   | 3 | HK4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 99  | Biên dịch 4                       | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Biên Phiên dịch                   | 3 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 100 | Công nghệ trong dịch thuật        | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Biên Phiên dịch                   | 2 | HK7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 101 | Tiếng Anh Báo chí                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Biên Phiên dịch                   | 2 | HK3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 102 | Thực tập thực tế                  | Thực tập nghề nghiệp  | 2 | HK8 | Bài báo cáo   |
| 103 | Khóa luận tốt nghiệp              | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề  | 6 | HK8 | Bài báo cáo   |
| 104 | Tiếng Anh Đàm phán                | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế, Du lịch, Biên phiên dịch | 2 | HK8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 105 | Tiếng Anh Tiếp thị - Quảng cáo    | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế, Du lịch                  | 2 | HK8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 106 | Kinh doanh du lịch địa phương     | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Du lịch                           | 2 | HK8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp) |
| 107 | Giao tiếp liên văn hóa            | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Du lịch                           | 2 | HK8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp) |
| 108 | Tiếng Anh thư tín thương mại      | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Du lịch                           | 2 | HK8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)    |
| 109 | Phiên dịch Kinh tế - Thương mại 2 | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Kinh tế                           | 2 | HK8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp) |
| 110 | Phiên dịch 4                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Biên Phiên dịch                   | 3 | HK8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp) |
| 111 | Phiên dịch 5                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Anh Biên Phiên dịch                   | 3 | HK8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi vấn đáp) |

## 2. Cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung

| TT | Tên học phần                        | Mục đích của học phần                                    | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy (HK) | Phương pháp đánh giá sinh viên                                   |
|----|-------------------------------------|--|------------|---------------------------|--|
| 1  | Triết học Mác – Lênin               | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 3          | 1                         | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 2  | Kinh tế chính trị Mác – Lênin       | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 2          | 2                         | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 3  | Chủ nghĩa xã hội khoa học           | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 2          | 3                         | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 4  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 2          | 5                         | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 5  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam      | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 2          | 4                         | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 6  | Pháp luật đại cương                 | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương                    | 2          | 1                         | Quá trình: 50% (điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm) |
| 7  | Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)     | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 1                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |
| 8  | Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)     | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 2                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |
| 9  | Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)     | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 3                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |
| 10 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 1                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |
| 11 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 2                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |
| 12 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 3                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |
| 13 | Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)     | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 1                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |
| 14 | Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)     | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 2                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |
| 15 | Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)     | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 3                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |
| 16 | Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)    | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 1                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |
| 17 | Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)    | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1          | 2                         | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)    |

|    |   |  |   |   |  |
|----|---|--|---|---|--|
| 18 | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)              | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 19 | Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | 1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 20 | Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | 2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 21 | Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 22 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)          | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | 1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 23 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)          | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | 2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 24 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)          | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 25 | Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)           | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | 1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 26 | Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)           | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | 2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 27 | Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)           | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 1 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 28 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1                 | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 3 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 29 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2                 | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 2 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 30 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3                 | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 2 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 31 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4                 | Trang bị kiến thức chung giáo dục thể chất và quốc phòng | 2 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi thực hành)                              |
| 32 | Tiếng Anh 1                                   | Trang bị kiến thức ngoại ngữ 2                           | 3 | 1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận) |
| 33 | Tiếng Anh 2                                   | Trang bị kiến thức ngoại ngữ 2                           | 4 | 2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                   |
| 34 | Tiếng Pháp 1                                  | Trang bị kiến thức ngoại ngữ 2                           | 3 | 1 | Chuyên cần: 10%(điểm danh)<br>Quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)     |
| 35 | Tiếng Pháp 2                                  | Trang bị kiến thức ngoại ngữ 2                           | 4 | 2 | Chuyên cần: 10%(điểm danh)<br>Quá trình: 30% (kiểm tra)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)     |

|    |                                  |   |   |   |  |
|----|----------------------------------|---|---|---|--|
| 36 | Khởi nghiệp                      | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                | 2 | 5 | Chuyên cần: 10%(điểm danh)<br>Giữa kỳ: 30% (kiểm tra)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết) |
| 37 | Kỹ năng giao tiếp                | Trang bị kỹ năng xã hội                     | 2 | 2 | Quá trình: 50%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi Vấn đáp)                          |
| 38 | Dẫn luận ngôn ngữ                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | 1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                             |
| 39 | Tin học cơ sở (Xã hội)           | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | 1 | Quá trình: 30%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 70% (Thi Vấn đáp)                          |
| 40 | Đất nước học Trung Quốc          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 41 | Cú pháp tiếng Trung Quốc         | Trang bị kiến thức ngành                    | 2 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 42 | Ngữ âm - văn tự tiếng Trung Quốc | Trang bị kiến thức ngành                    | 2 | 1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 43 | Trích giảng văn học Trung Quốc   | Trang bị kiến thức ngành                    | 2 | 5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 44 | Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1      | Trang bị kiến thức ngành                    | 3 | 1 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 45 | Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2      | Trang bị kiến thức ngành                    | 3 | 2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 46 | Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3      | Trang bị kiến thức ngành                    | 3 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 47 | Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4      | Trang bị kiến thức ngành                    | 3 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 48 | Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5      | Trang bị kiến thức ngành                    | 3 | 5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 49 | Nghe 1                           | Trang bị kiến thức ngành                    | 2 | 2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 50 | Nghe 2                           | Trang bị kiến thức ngành                    | 2 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 51 | Nghe 3                           | Trang bị kiến thức ngành                    | 2 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)                             |
| 52 | Nói 1                            | Trang bị kiến thức ngành                    | 2 | 2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)                          |
| 53 | Nói 2                            | Trang bị kiến thức ngành                    | 2 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)                          |
| 54 | Nói 3                            | Trang bị kiến thức ngành                    | 2 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)                          |

|    |  |   |   |   |   |
|----|--|---|---|---|---|
| 55 | Đọc 1  | Trang bị kiến thức ngành                                    | 2 | 2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp) |
| 56 | Đọc 2  | Trang bị kiến thức ngành                                    | 2 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp) |
| 57 | Đọc 3  | Trang bị kiến thức ngành                                    | 2 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp) |
| 58 | Viết 1   | Trang bị kiến thức ngành                                    | 2 | 2 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 59 | Viết 2   | Trang bị kiến thức ngành                                    | 2 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 60 | Viết 3   | Trang bị kiến thức ngành                                    | 2 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 61 | Nhập môn dịch thuật                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Trung Biên Phiên dịch | 2 | 5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 62 | Tiếng Trung du lịch 1                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Trung Du lịch         | 3 | 5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 63 | Tiếng Trung du lịch 2                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Trung Du lịch         | 3 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 64 | Tiếng Trung du lịch 3                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Trung Du lịch         | 3 | 7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 65 | Tiếng Trung du lịch 4                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Trung Du lịch         | 3 | 7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 66 | Tiếng Trung văn phòng                            | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                          | 2 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp) |
| 67 | Tiếng Trung thương mại                           | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                          | 2 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp) |
| 68 | Tuyển điểm du lịch Việt Nam                      | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                          | 2 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 69 | Kỹ năng hướng dẫn du khách bằng tiếng Trung Quốc | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                          | 2 | 7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 70 | Hành vi khách du lịch                            | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                          | 2 | 7 | Quá trình: 30%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 70% (Thi Viết)    |
| 71 | Lý thuyết dịch tiếng Trung Quốc                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Trung Biên Phiên dịch | 2 | 5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 72 | Biên dịch 1                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Trung Biên Phiên dịch | 3 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 73 | Biên dịch 2                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Trung Biên Phiên dịch | 3 | 7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |
| 74 | Phiên dịch 1                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Trung Biên Phiên dịch | 3 | 5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp) |



|    |   |  |   |   |  |
|----|---|--|---|---|--|
| 75 | Phiên dịch 2                              | Trang bị kiến thức chuyên ngành tiếng Trung Biên Phiên dịch  | 3 | 7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)  |
| 76 | Dịch nghe nhìn                            | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Trung Biên phiên dịch | 2 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)  |
| 77 | Dịch nghe nói                             | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Trung Biên phiên dịch | 2 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)  |
| 78 | Dịch thời sự                              | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Trung Biên phiên dịch | 2 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)  |
| 79 | Dịch văn bản pháp luật                    | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Trung Biên phiên dịch | 2 | 7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)   |
| 80 | Biên dịch báo chí                         | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Trung Biên phiên dịch | 2 | 7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)   |
| 81 | Kỹ năng xử lý văn bản tiếng Trung         | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                           | 3 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)   |
| 82 | Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Trung     | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                           | 3 | 7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)  |
| 83 | Rèn luyện kỹ năng nghe HSK sơ - trung cấp | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                                 | 3 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)   |
| 84 | Rèn luyện kỹ năng nói HSK sơ - trung cấp  | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                                 | 3 | 3 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)  |
| 85 | Rèn luyện kỹ năng đọc HSK sơ - trung cấp  | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                                 | 3 | 4 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)   |
| 86 | Rèn luyện kỹ năng viết HSK sơ - trung cấp | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                                 | 3 | 5 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)   |
| 87 | Rèn luyện kỹ năng nghe HSK cao cấp        | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                                 | 3 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)   |
| 88 | Rèn luyện kỹ năng nói HSK cao cấp         | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                                 | 3 | 6 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)  |
| 89 | Rèn luyện kỹ năng đọc HSK cao cấp         | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                                 | 3 | 7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)   |
| 90 | Rèn luyện kỹ năng viết HSK cao cấp        | Trang bị kỹ năng nghề nghiệp                                 | 3 | 7 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)   |
| 91 | Thực tập thực tế                          | Thực tập nghề nghiệp   | 2 | 8 | Quá trình: 40% (điểm danh, đánh giá qua đề cương, nhật ký, đóng vai, trình bày)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Báo cáo kết quả thực tập) |
| 92 | Khóa luận tốt nghiệp                      | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                           | 6 | 8 | Bài báo cáo  |
| 93 | Tiếng Trung tiếp thị quảng cáo            | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                           | 2 | 8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)   |

|    |                                |  |   |   |   |
|----|--------------------------------|--|---|---|---|
| 94 | Tiếng Trung khách sạn nhà hàng | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                           | 2 | 8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp) |
| 95 | Tiếng Trung lễ tân ngoại giao  | Trang bị kiến thức và kỹ năng nghề                           | 2 | 8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp) |
| 96 | Phiên dịch nâng cao            | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Trung Biên phiên dịch | 2 | 8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp) |
| 97 | Biên dịch nâng cao             | Rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành Tiếng Trung Biên phiên dịch | 2 | 8 | Quá trình: 40%(điểm danh)<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Viết)    |

### **XIII. BỘ MÔN KỸ THUẬT Ô TÔ**

#### **1. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô**

| STT | Tên môn học                            | Mục đích môn học                            | Số TC | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá SV  |
|-----|--|---|-------|----------------------|--|
| 1   | Tiếng Anh 1                            | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương       | 3     | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi trắc nghiệm và viết)       |
| 2   | Triết học Mác Lênin                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương       | 3     | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 50%;<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm trên máy tính) |
| 3   | Giải tích 1                            | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương       | 3     | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 4   | Vật lý chuyên ngành 1                  | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương       | 3     | Học kỳ 1             | Chuyên cần: 10%;<br>Điểm quá trình: 30%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)  |
| 5   | Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2     | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Vấn đáp)                   |
| 6   | Vẽ kỹ thuật                            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3     | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 7   | Giáo dục thể chất 1                    | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1     | Học kỳ 1             | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Thực hành)                 |
| 8   | Tiếng Anh 2                            | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương       | 4     | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi trắc nghiệm và viết)       |
| 9   | Pháp luật đại cương                    | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương       | 2     | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 50%;<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm trên máy tính) |
| 10  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin          | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương       | 2     | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 50%;<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm trên máy tính) |
| 11  | Giải tích 2                            | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương       | 3     | Học kỳ 2             | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |

|    |  |   |   |          |  |
|----|--|---|---|----------|--|
| 12 | Vật lý chuyên ngành 2                      | Trang bị kiến thức giáo dục đại cương       | 3 | Học kỳ 2 | Chuyên cần: 10%;<br>Điểm quá trình: 30%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)  |
| 13 | Tin học ứng dụng (Matlab)                  | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Thực hành trên máy tính)   |
| 14 | Giáo dục thể chất 2                        | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 2 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi Thực hành)                 |
| 15 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                  | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 50%;<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm trên máy tính) |
| 16 | Xác suất thống kê                          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 17 | Hóa đại cương                              | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 3 | Chuyên cần: 10%;<br>Điểm quá trình: 30%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)  |
| 18 | Đại số tuyến tính                          | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 19 | Kỹ thuật an toàn và môi trường             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 20 | Dung sai và kỹ thuật đo                    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 21 | Cơ học lý thuyết                           | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 22 | Kỹ thuật điện-điện tử cơ bản               | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 3 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 23 | Thí nghiệm vật lý                          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 3 | Điểm trung bình chung của các bài thực hành                              |
| 24 | Giáo dục thể chất 3                        | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 1 | Học kỳ 3 | Lý thuyết và kỹ năng   |
| 25 | Lịch sử Đảng CSVN                          | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 50%;<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm trên máy tính) |
| 26 | Kỹ thuật nhiệt                             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 27 | Sức bền vật liệu                           | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 28 | Vi xử lý-Vi điều khiển                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 29 | Nguyên lý động cơ đốt trong                | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |
| 30 | Thực hành thiết kế trên máy tính (AutoCAD) | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                      |

|    |                                      |   |   |          |   |
|----|--------------------------------------|---|---|----------|---|
| 31 | Toán chuyên ngành                    | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |
| 32 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 1        | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 3 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi theo kế hoạch và tình hình thực tiễn) |
| 33 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 2        | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi theo kế hoạch và tình hình thực tiễn) |
| 34 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 3        | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi theo kế hoạch và tình hình thực tiễn) |
| 35 | Giáo dục quốc phòng-An ninh 4        | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 4 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi theo kế hoạch và tình hình thực tiễn) |
| 36 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                 | Trang bị kiến thức chung về khoa học cơ bản | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 50%;<br>Thi cuối kỳ: 50% (Thi trắc nghiệm trên máy tính)            |
| 37 | Khởi nghiệp                          | Trang bị kiến thức giáo dục bổ trợ          | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |
| 38 | Thực hành cơ khí                     | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 5 | Điểm trung bình chung của các bài thực hành   |
| 39 | Kết cấu động cơ đốt trong            | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |
| 40 | Hệ thống điện - điện tử ô tô         | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |
| 41 | Lý thuyết ô tô                       | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 3 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |
| 42 | Nguyên lý - Chi tiết máy             | Trang bị kiến thức cơ sở ngành              | 4 | Học kỳ 5 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |
| 43 | Kỹ thuật chẩn đoán và bảo dưỡng ô tô | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |
| 44 | Kết cấu ô tô                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 3 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |
| 45 | Kỹ thuật thủy khí                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |
| 46 | Đồ án thiết kế truyền động cơ khí    | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Vấn đáp)                                  |
| 47 | Thực tập động cơ đốt trong           | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 4 | Học kỳ 6 | Điểm trung bình chung của các bài thực hành   |
| 48 | Hệ thống điều khiển tự động ô tô     | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |
| 49 | Công nghệ sản xuất và lắp ráp ô tô   | Trang bị kiến thức chuyên ngành             | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)                                 |

|   |   |                                 |   |          |  |
|---|---|---------------------------------|---|----------|--|
| 50  | Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô             | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)              |
| 51  | Thực hành kỹ thuật lái xe                         | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 1 | Học kỳ 7 | Điểm trung bình chung của các bài thực hành                      |
| 52  | Thực hành hệ thống điện - điện tử ô tô            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 7 | Điểm trung bình chung của các bài thực hành                      |
| 53  | Thực hành kết cấu ô tô                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 4 | Học kỳ 7 | Điểm trung bình chung của các bài thực hành                      |
| 54  | Tiếng anh chuyên ngành                            | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)              |
| 55  | Kỹ thuật ô tô điện và ô tô hybrid                 | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)              |
| 56  | Ô tô chuyên dùng                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)              |
| 57  | Đồ án t ô tô                                      | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Vấn đáp)               |
| 58  | Thực hành hệ thống điều hòa không khí trên ô tô   | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Điểm trung bình chung của các bài thực hành                      |
| 59  | Thực hành thiết kế và mô phỏng ô tô trên máy tính | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 3 | Học kỳ 8 | Điểm trung bình chung của các bài thực hành                      |
| 60  | Kiểm định ô tô                                    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết hoặc vấn đáp) |
| 61  | Thực tập tốt nghiệp                               | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 5 | Học kỳ 9 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Vấn đáp)               |
| 62  | Đồ án tốt nghiệp                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 8 | Học kỳ 9 | Bảo vệ   |
| <i>Các học phần tự chọn (10/22TC)</i>             |   |                                 |   |          |  |
| <i>Tự chọn 1 (SV chọn 1 trong 3 học phần sau)</i> |   |                                 |   |          |  |
| 63  | Kinh tế ngành                                     | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 30%;<br>Thi cuối kỳ: 70% (Thi viết)              |
| 64  | Hệ thống an toàn và tiện nghi trên ô tô           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)              |
| 65  | Logistics cơ bản                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 6 | Điểm quá trình: 30%;<br>Thi cuối kỳ: 70% (Thi viết)              |
| <i>Tự chọn 2 (SV chọn 1 trong 3 học phần sau)</i> |   |                                 |   |          |  |
| 66  | Năng lượng mới trên ô tô                          | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)              |
| 67  | Kỹ thuật thân xe                                  | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)              |
| 68  | Ô tô ô nhiễm môi trường                           | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 7 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết)              |

| Tự chọn 3 (SV chọn 1 trong 3 học phần sau) |                            |                                 |   |          |   |
|--|----------------------------|---------------------------------|---|----------|---|
| 69   | Quản lý dịch vụ ô tô       | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết) |
| 70   | Xe tự lái và xe thông minh | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết) |
| 71   | Thiết kế kiểu dáng ô tô    | Trang bị kiến thức chuyên ngành | 2 | Học kỳ 8 | Điểm quá trình: 40%;<br>Thi cuối kỳ: 60% (Thi viết) |

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng (để b/c);
- TT.CNTT&TT (để đăng Website);
- Lưu: VT, KTBĐCL.

Bình Định, ngày 28 tháng 06 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS. Đoàn Đức Tùng**